THE SENSATIONAL NEW YORK TIMES BEST SELLER!

ARTHUR HAILEY

BESTSELLING AUTHOR OF
AIRPORT and STRONG MEDICINE

THE EVENING NEWS

"A TENSE, FAST-PACED PAGE-TURNER" —*The Washington Post Book World*

Bản Tin Chiều

Arthur Hailey

Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách :
Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google : http://bit.ly/downloadsach

Table of Contents

Mục lục

Giới thiệu

Phần một - Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

Chương 9

Chương 10

Chương 11

Chương 12

Chương 13

Chương 14

Chương 15

Chương 16

Chương 17

Phần II - Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

Chương 9

Chương 10
Chương 11
Chương 12
Chương 13
Chương 14
Chương 15
Chương 16
Phần III - Chương 1
Chương 2
Chương 3
Chương 4
Chương 5
Chương 6
Chương 7
Chương 8
Chương 9
Chương 10
Chương 11
Chương 12
Chương 13
Phần IV - Chương 1
Chương 2
Chương 3
Chương 4
Chương 5
Chương 6
Chương 7
Chương 8
Chương 9
Chương 10

Chương 11
Chương 12
Chương 13
Chương 14
Chương 15
Chương 16
Chương 17
Chương 18
Chương 19
Chương 20

Phần một - Chương 1

Nguyên tác: The Evening News

Trụ sở hãng vô tuyến truyền hình CBA tại New York nhận được tin đầu tiên về vụ chiếc máy bay vận tải A300 bị đâm, đang bắt lửa và sắp hạ xuống sân bay Dallas Fort Worth (DFW) chỉ cách giờ phát đầu tiên của Bản tin chiều Toàn quốc chừng một chục phút.

Đã 6 giờ 21 (giờ miền đông). Phân xã trưởng của hãng CBA tại Dallas gọi điện cho chủ nhiệm của ban Vành móng ngựa New York: "Chúng tôi đang chờ một vụ nổ máy bay lớn tại sân bay DFW. Một chiếc máy bay nhỏ đụng phải chiếc máy bay chở đầy hành khách. Chiếc máy bay nhỏ rơi ngay, còn chiếc máy bay chở khách bị bắt lửa đang cố tìm cách hạ cánh. Hệ thống vô tuyến điện của cảnh sát và cứu thương đang rối tung cả lên".
"Lạy chúa" – một chủ nhiệm của Vành móng ngựa thốt lên: "liệu chúng ta sẽ có hình không đây?". Vành móng ngựa là một chiếc bàn ngoại cỡ hình móng ngựa dành cho mười hai người ngồi làm việc. Đây là nơi mà từ sáng sớm cho đến phút cuối cùng của buổi phát tin đêm, những tin tức quan trọng của toàn hệ thống được dự tính và chuẩn bị. Tại hãng đối địch là hãng CBS, bộ phận này được đặt tên là Bể cá, hãng ABC gọi là Vành tròn, còn hãng NBC thì chỉ gọi đơn thuần là Bàn lớn. Nhưng gọi gì thì gọi, chức năng của nó vẫn chỉ là một.
Người ta cho là nơi đây tập trung những bộ óc tuyệt vời nhất trong việc phán xét và quyết định tin tức: uỷ viên ban chủ nhiệm, phát thanh viên, các chủ nhiệm chính, đạo diễn, biên tập viên, những người viết tin, hoạ sĩ thiết kế tạo hình chính và những phụ tá. Bên cạnh họ là nửa tá máy vi tính, máy in tin, hàng loạt máy điện thoại hiện đại nhất, trông cứ hệt như một dàn hợp xướng và toàn bộ là để giúp chho những người sử dụng có thể làm hiện lên bất cứ cái gì họ cần, từ những băng chưa được cắt ráp, tới những đoạn phim đã sẵn sàng để phát, rồi cả những tin của các hãng đối thủ.
Vành móng ngựa nằm ở tầng bốn của trụ sở hãng CBS, trong một khu trung tâm rộng rãi, bên cạnh một dãy phòng làm việc, nơi nhiều lần trong ngày các cán bộ của Bản tin chiều Toàn quốc có thể lui vào làm những phần việc riêng của họ, tránh xa cái ồn ào điên cuồng thường xuyên của Vành móng ngựa.
Hôm nay cũng như mọi ngày, Chuck Insen, uỷ viên ban chủ nhiệm, chỉ đạo toàn bộ công việc của phòng tin. Đây là một con người gày gò, nóng tính, xuất thân là một nhà báo kỳ cựu và cho đến nay, ông vẫn giữ sở thích tỉnh lẻ của ông là ưu tiên cho tin tức trong nước hơn là tin tức quốc tế. Theo tiêu chuẩn của vô tuyến truyền hình, thì ở độ tuổi 52, ông đã thuộc vào loại già, mặc dù ông chưa có biểu hiện gì của sự kém năng nổ, tuy đã hơn bốn năm làm cái công việc mà thường chỉ hai năm đã làm sức lực cạn kiệt. Chuck Insen không thích dài dòng: ông không bao giờ tham gia vào những việc vớ vẩn phù phiếm. Đơn thuần là công việc vất vả đã chiếm hết thời gian của ông.
Vào cái giờ nói trên của ngày thứ tư giữa tháng chín này, công việc đang ở mức dồn dập nhất. Suốt từ sáng sớm, việc sắp xếp Bản tin chiều, chọn lựa chủ đề và những điểm cần chú trọng đã được xem xét, bàn luận, sửa đổi và quyết định. Các phóng viên và các chủ nhiệm tin trên khắp

thế giới đóng góp ý kiến, nhận chỉ thị và trả lời. Toàn bộ tin tức trong ngày được tập trung vào các bản tin của tám phóng viên, mỗi tin trung bình dài một phút rưỡi tới hai phút, cùng với hai tin có hình và bốn "tin-truyền-miệng". Tin-có-hình là phát thanh viên nói có hình kèm; còn tin truyền miệng thì phát thanh viên đọc không hình. Trung bình mỗi tin của hai loại này dài khoảng hai mươi giây.

Giờ đây, vì cái sự cố bất ngờ xảy ra ở Dallas đúng tám phút trước giờ phát, nên toàn bộ chương trình nhất thiết phải sắp xếp lại. Dù chưa biết chắc rằng sẽ còn thêm tin bổ sung hoặc thu được hình hay không, riêng việc thêm cái chuyện xảy ra ở Dallas cũng đòi hỏi phải bớt đi một mục tin đã dự định và thu ngắn lại các tin khác. Buổi phát tin sẽ bắt đầu trong khi việc sắp xếp lại vẫn tiếp tục. Đây cũng là chuyện thường gặp.
"Tất cả chuẩn bị sắp xếp chương trình mới" – Insen cao giọng ra lệnh. "Chúng ta sẽ đưa chuyện Dallas lên đầu. Crawf sẽ đọc không hình. Chúng ta có bản tin viết chưa?"
"Hãng AP vừa gửi tới. Tôi có đây rồi" Crawford Sloane, phát thanh viên, trả lời. Anh đang đọc bản tin của hãng AP (Liên đoàn Báo chí) vừa mới nhận được trước đó vài phút.
Crawford Sloane, với những đường nét sương sương quen thuộc, mái tóc xám nhạt, cằm hơi nhỏ, và cử chỉ hơi có vẻ hách dịch nhưng đáng tin cậy, hầu như tối nào cũng được chừng mười bảy triệu người chiêm ngưỡng. Anh ngồi tại Vành móng ngựa trên cái ghế đặc biệt phía bên phải của uỷ viên ban chủ nhiệm. Anh cũng là một người đưa tin kỳ cựu và đã vững vàng leo lên bậc thang danh vọng, đặc biệt là sau chuyến mạo hiểm sang làm phóng viên thường trú của hãng CBA tại Việt Nam. Hiện nay, sau một thời gian chuyên đưa tin về Nhà trắng, rồi tiếp đến ba năm giữ vị trí phát thanh viên buổi tối, anh đã trở nên nổi danh toàn quốc, và là một ngôi sao sáng trong giới thông tin báo chí.
Vài phút nữa Sloane phải sang phòng ghi. Còn lúc này anh phải rút ý từ cuộc nói chuyện qua điện thoại từ Dallas, thêm vào đó một số dữ kiện lấy từ bản tin của hãng AP để chuẩn bị một tin phát không hình. Anh sẽ tự viết tin này. Không phải phát thanh viên nào cũng viết được tin, nhưng Sloane khi nào có điều kiện đều thích viết hầu hết những gì anh nói. Nhưng phải việt thật nhanh.
Mọi người lại nghe thấy Chuck Insen cất cao giọng. Sau khi xem xét lại chương trình phát tin cũ, ông bảo một trong ba viên chủ nhiệm: "Vứt Ảrập Xaodi, cắt Nicaragua mười lăm giây…".
Trong thâm tâm, Sloane khó chịu khi nghe quyết định bỏ tin về Ảrập Xaodi. Đó là một tin quan trọng dài khoảng hai phút rưỡi, đã được phóng viên thường trú của hãng CBA tại Trung Đông gọt rũa cẩn thận về vấn đề dự kiến buôn bán dầu hoả tương lai của Xaodi. Để đến ngày mai thì tin này sẽ bị vứt vì các hãng khác đã có và sẽ phát tối nay.
Sloane không thắc mắc về quyết định để tin về Dallas lên đầu, nhưng nếu quyết định chọn, anh sẽ bỏ mẩu tin về chuyện làm ăn phi pháp của một thượng nghị sĩ Mỹ ở đồi Capitol. Nhà lập pháp này đã bí mật chuyển tám triệu đô la vào một tài khoản riêng khổng lồ để trả ơn một người bạn thân của ông ta, người đã ủng hộ ông ta trong cuộc vận động bầu cử. Chỉ nhờ một cuộc điều tra ráo riết của một phóng viên, sự việc mới được đưa ra ánh sáng.
Tuy hấp dẫn thật, song cái chuyện ở Washington này thực ra chẳng quan trọng, một nghị sĩ tham nhũng có gì là lạ đâu. Nhưng người quyết định, anh chua chát nghĩ, lại là Chuck Insen. Một lần nữa, một tin quốc tế, loại tin mà Sloane ưa thích, lại bị huỷ.
Quan hệ giữa hai người – một là uỷ viên ban chủ nhiệm và một là phát thanh viên – chưa bao

giờ tốt đẹp, nhưng gần đây lại tồi tệ thêm vì những bất đồng đại loại như vậy. Có vẻ như những quan điểm của họ ngày càng trở nên khác biệt, không chỉ về loại tin gì nên được ưu tiên mỗi đêm, mà cả việc đưa như thế nào nữa. Chẳng hạn, Sloane thích đi sâu vào một số chủ đề quan trọng, trong khi Insen lại muốn nhồi nhét càng nhiều tin càng tốt, kể cả khi phải theo lối ông ta thường nói – "đưa một số tin theo kiểu cấp tốc".
Giá phải lúc khác, Sloane sẽ lên tiếng phản đối việc bỏ tin về Xaodi, mà có khi lại giữ lại được, vì phát thanh viên cũng là uỷ viên biên tập và có quyền đưa một số tin vào – có điều lần này không còn thời gian nữa.
Sloane đạp mạnh gót giày xuống sàn, xoay chiếc ghế du về phía sau và sang bên cạnh một chút với một sự khéo léo thành thục để đến ngay trước hàng phím của máy vi tính. Hết sức tập trung, gạt bỏ mọi sự xáo động quanh mình ra khỏi tâm trí, anh bấm máy viết ra những câu mở đầu cho buổi phát tin tối nay:
"Vừa có tin từ Dallas Worth về một thảm kịch sắp xảy ra. Chúng tôi được biết cách đây ít phút đã xảy ra vụ va đụng trên không giữa hai máy bay chở k hách, trong đó có một máy bay chở đầy khách của hãng hàng không Muskegon, ở trên thành phố Gainesville bang Texas, phía bắc Dallas và theo hãng AP thì chiếc máy bay kia, nhỏ hơn, đã rơi. Hiện nay chưa có tin tức gì về số phận của nó cũng như số người bị thiệt mạng. Chiếc máy bay chở khách vẫn đang bay, nhưng đã bị bén lửa trong khi phi công cố tìm cách lao tới sân bay DFW để hạ cánh. Ở dưới đất, nhân viên cứu hoả và cứu thương đã sẵn sàng tiếp cứu".
Trong khi lướt ngón tay trên hàng phím, Sloane chợt nghĩ là rất ít, có thể nói là không ai, trong số người xem vô tuyến sẽ tắt máy trước khi bản tin tối nay kết thúc. Vì vậy, anh thêm một câu trong tin đọc không hình, lưu ý họ tiếp tục chờ thêm tin tức mới, rồi bấm nút in ra. Ở phòng máy nhắc viễn thông cũng sẽ có một bản, để khi anh xuống phòng phát thanh ở tầng dưới anh có thể đọc nó trên màn của máy nhắc.
Trong khi Sloane cầm mớ giấy trên tay vội vã đi về phía cầu thang xuống tầng ba, Insen đang hỏi một trong những chủ nhiệm chính "Mẹ kiếp, hình ảnh truyền từ DFW thế nào?".
"Chuck Insen ạ, hình có vẻ không tốt đâu" – Viên chủ nhiệm nghẹo đầu kéo ống nghe, nói chuyện với tay biên tập viên tin trong nước ở phòng tin chính. "Chiếc máy bay cháy đang đến gần sân bay nhưng đội quay của chúng ta đang ở cách đó hai mươi dặm. Họ không thể đến kịp được".
Insen cáu kỉnh chửi thề "Cứt".

* * *

Nếu người ta tặng huân chương cho người làm những công việc nguy hiểm trong lĩnh vực vô tuyến truyền hình thì Ernie LaSalle, tổng biên tập tin trong nước, hẳn phải có đầy ngực. Mặc dù anh mới có hai mươi chín tuổi, trước đây đã làm việc đặc biệt xuất sắc với tư cách là phụ trách chương trình Tin chiến sự của hãng CBA thường lui tới những vùng nguy hiểm ở Liban, Iran, Angola, đảo Falklands, Nicaragua và các điểm nóng khác ngay khi tình hình ở đó vẫn đang rất căng thẳng. Tuy hiện nay vẫn còn những nơi như vậy, nhưng LaSalle đã chuyển sang theo dõi phần tin trong nước, mà đôi khi cũng gay cấn không kém, từ một chiếc ghế đệm thoải mái trong căn phòng kính nhìn bao quát cả phòng tin.
Lasalle trông chắc nịch, tầm thước, năng nổi, râu ria tỉa gọn, ăn mặc rất cẩn thận, một số đồng

sự cho rằng anh đang phất. Với cương vị tổng biên tập tin trong nước, công việc của anh rất nặng nề, và anh là một trong hai người giữ trách nhiệm chính của phòng tin. Người thứ hai phụ trách tin quốc tế. Cả hai đều có ghế ngồi trong phòng tin mà họ sẽ dùng đến khi có tin đặc biệt khẩn cấp nào đó họ phải tham gia vào. Chuyện xảy ra ở sân bay DFW là trường hợp khẩn cấp như vậy nên Lasalle lao ngay tới ghế của anh trong phòng tin.
Phòng tin năm ở tầng dưới Vành móng ngựa. Phòng phát hình cũng ở tầng đó, vì cần có phòng tin náo nhiệt đó hỗ trợ. Một phòng điều khiển, nơi đạo diễn sắp xếp những thành phần mang tính chất kỹ thuật của mỗi chương trình phát hình lại với nhau, nằm ở tầng hầm của toà nhà trụ sở.
Từ lúc phân xã trưởng ở Dallas báo tin về chiếc máy bay bị nạn đang tới gần DFW đến giờ đã bảy phút trôi qua. Lasalle buông máy điện thoại này xuống, nhấc máy kia lên, đồng thời đưa mắt dọc màn hình máy vi tính bên cạnh anh, trên đó một tin mới của hãng AP vừa hiện lên. Anh đang tiếp tục làm hết sức để đảm bảo theo dõi được đầy đủ sự việc, đồng thời kịp thông báo những tin tức mới cho Vành móng ngựa.

Chính Lasalle đã thông báo cái tin làm mọi người ngao ngán là đội quay dù hiện nay đang phóng xe về phía sân bay DFW bất chấp tốc độ quy định trên đường, vẫn còn cách nơi đó tới hai mươi dặm. Lý do là hôm nay tại phân xã Dallas mọi người, gồn toàn bộ đội quay, chủ nhiệm chương trình và phóng viên, đang bận một công vụ mà thật rủi ro là ở cách sân bay rất xa.

Tất nhiên rồi thể nào cũng sẽ có những đoạn băng ghi hình, nhưng phải là sau khi sự kiện đã xảy ra rồi, chứ không phải đúng lúc chiếc máy bay đang hạ cánh, một cảnh hẳn là ngoạn mục và có lẽ rất kinh hoàng. Cũng không chắc là có bất kỳ hình ảnh loại nào có thể đưa kịp vào chương trình đầu của giờ phát tin toàn quốc buổi tối được truyền qua vệ tinh tới toàn bộ vùng biển phía đông và các vùng ở miền Trung Tây.
Điều an ủi duy nhất là phân xã trưởng Dallas cho biết rằng không có hãng hoặc đài truyền hình địa phương nào có đội quay ở sân bay và, cũng như đội quay của hãng CBA, họ đều đang trên đường tới đó.

Từ trong phòng làm việc của mình, Ernie Lasalle, tuy đang bận rộn với những chiếc máy điện thoại, vẫn có thể thấy những hoạt động trước giờ phát hình như thường lệ trong phòng phát hình sáng trưng khi Crawford Sloane bước vào. Khán giả theo dõi vô tuyến truyền hình trong suốt bản tin đều có cảm giác phát thanh viên đang ở ngay trong phòng tin. Nhưng thực ra có một tấm kính cách âm dày ngăn giữa hai phòng, nên tiếng ồn của phòng tin không thể lọt vào, trừ phi người ta cố tình đưa vào để gây cảm giác âm thanh.

Lúc này đã 6 giờ 28 phút, còn hai phút nữa là buổi phát tin bắt đầu.

* * *

Lúc Sloane vừa ngồi xuống ghế phát thanh, lưng quay về phòng tin và mặt quay về ống kính của ba máy quay, một nữ nhân viên hoá trang bước vào. Mười phút trước đây Sloane đã hoá trang trong một phòng riêng ngay cạnh phòng làm việc của anh, nhưng từ lúc đó đến giờ mồ hôi vã ra. Bây giờ cô gái phải lau trán cho anh, phủ phấn lên, chải tóc và phun keo giữ tóc cho anh.
Thoáng vẻ sốt ruột, Sloane thì thầm: "Cảm ơn, Nina". Rồi liếc nhìn mấy tờ giấy, kiểm tra lại phần đầu của tin không hình xem có khớp với hàng chữ to hiện trên màn hình của máy nhắc lời đặt trước mặt anh, để anh vừa có thể đọc trên máy mà vẫn như đang nhìn thẳng vào khan giả. Chỉ khi nào máy nhắc tin không hoạt động thì người ta mới thấy phát thanh viên giở tập giấy dự phòng trên bàn.
Người chỉ huy trường quay gọi to "còn một phút".

* * *

Trong phòng tin Ernie Lasalle ngồi thẳng dậy, chăm chú, căng thẳng.
Khoảng một phút trước đây, phân xã trưởng tại Dallas đang nói chuyện qua điện thoại với Lasalle phải xin lỗi để trả lời một cú điện thoại khác. Trong khi chờ đợi, Lasalle có thể nghe thấy giọng của ông phân xã trưởng nhưng không rõ ông ta nói gì. Bây giờ ông quay lại tiếp và tin của ông khiến tổng biên tập tin trong nước nở nụ cười sung sướng.
Lasalle vồ lấy máy điện đàm nội bộ màu đỏ trên bàn, nói qua hệ thống phóng thanh tới tất cả các ban thuộc hệ thống tin tức.

"Phòng tin trong nước, Lasalle đây. Tin vui mới nhận từ sân bay DFW. Partridge, Abrams, Văn Cảnh đang chờ chuyến máy bay ngay trong phòng chờ của sân bay. Abrams vừa mới báo về văn phòng ở Dallas là họ đang khẩn trương viết tin. Còn nữa: một đài phát vệ tinh lưu động đã bỏ một nhiệm vụ khác và đang trên đường tới sân bay DFW; mong là kịp thời. Đã đăng ký giờ truyền qua vệ tinh từ Dallas tới New York. Chúng tôi hy vọng có hình kịp đưa vào chương trình phát tin đầu tiên".
Cho dù anh cố làm ra vẻ thản nhiên, Lasalle thấy khó giấu vẻ hài lòng lộ ra trong giọng nói. Như thể để đáp lại, tiếng hò reo từ Vành móng ngựa cố nén vang xuống cầu thang bên dưới. Trong phòng phát, Crawford Sloane cũng quay vòng lại phía sau giơ ngón tay cái lên chia vui với Lasalle.

Một viên phụ tá đặt tờ giấy lên trước mặt tổng biên tập chương trình tin trong nước. Anh liếc mắt đọc rồi tiếp tục nói vào máy điện đàm: "Đây cũng là tin của Abrams: có 286 hành khách và mười một nhân viên phi hành đoàn trên chiếc máy bay bị nạn. Chiếc thứ hai là chiếc piper

Cheyenne của tư nhân bị nổ tung ở Gainesville, không ai sống sót. Đã tìm thấy nạn nhân ở dưới đất nhưng chưa có chi tiết về số người và mức độ nghiêm trọng. Chiếc máy bay chở khách lớn văng mất một động cơ và đang cố hạ cánh bằng động cơ còn lại. Đài hướng dẫn đường bay báo có lửa cháy phía động cơ bị mất. Hết tin".

Lasalle thầm nghĩ: mọi điều từ Dallas đưa về trong mấy phút vừa qua hoàn toàn đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ. Nhưng điều đó cũng phải thôi vì nhóm Abrams, Partridge và Văn Cảnh là một trong những nhóm xuất sắc nhất của hãng CBA. Rita Abrams trước đây là phóng viên, hiện nay làm chủ nhiệm chương trình lưu động chính, có tiếng là biết đánh giá tình hình mau lẹ và rất tháo vát trong việc chuyển tin về, kể cả trong những điều kiện khó khăn. Harry Partridge là một trong những phóng viên xuất sắc nhất trong công việc này. Anh vẫn là chuyên gia trong các tin chiến tranh và, giống như Crawford Sloane, anh cũng đã thường trú tại Việt Nam, đến nay vẫn luôn là người đáng tin cậy trong những công việc đặc biệt ở bất cứ hoàn cảnh nào. Và người quay phim Minh Văn Cảnh, gốc Việt Nam và hiện là công dân Mỹ, rất cừ vì có những hình ảnh đẹp mà đôi khi anh đã liều cả tính mạng để quay trong những hoàn cảnh vô cùng nguy hiểm. Việc cả ba người tham gia vào đưa tin vụ Dallas đảm bảo sẽ cho một kết quả như ý.

6 giờ 31 phút, chương trình đầu tiên của Bản tin tối toàn quốc đã bắt đầu. Với tay lấy một chiếc máy điều khiển bên cạnh bàn, Lasalle mở máy theo dõi tin để trước mặt và nghe tiếng Crawford Sloane đọc bản tin sốt dẻo không hình về vụ DFW. Trên màn hình, bàn tay của người viết tin đẩy mảnh giấy lên trước mặt Sloane. Rõ ràng đó là tin bổ sung của Lasalle. Liếc mắt nhìn, một cách tự nhiên, Sloane đưa ngay đoạn bổ sung vào tin anh đã chuẩn bị sẵn. Người phát thanh viên này làm việc đó cực kỳ xuất sắc.

* * *

Tại tầng trên, sau khi Lasalle thông báo, không khí của Vành móng ngựa thay đổi hẳn. Giờ đây mặc dù vẫn căng thẳng và khẩn trương, nhưng họ cảm thấy sự lạc quan hồ hởi vì biết được rằng đã nắm chắc tin về Dallas trong tay, có cả hình ảnh và tin bổ sung. Chuck Insen và những người khác lại hối hả thao tác, bàn cãi, quyết định rút bớt từng giây, cắt bớt tin và sắp xếp lại để có đủ thời gian cần thiết cho tin mới. Có lẽ tin vụ tham nhũng của ông thượng nghị sĩ cuối cùng sẽ bị bỏ. Mọi người đều cố hết sức làm việc trong tình trạng thời gian bó buộc và khẩn cấp.
Họ trao đổi với nhau rất nhanh, toàn bộ bằng ngôn ngữ báo chí.
- Tin này nghèo hinh quá.
- Cắt ngắn bản này, cô đọng nữa.
- Phòng băng hình! Chúng tôi sẽ bỏ tin "16: Tham nhũng". Nó có thể được đưa lại nếu không có hình truyền từ Dallas.
- Mười lăm giây cuối của tin này vô vị quá, toàn kể những chuyện người ta đã biết rồi.

- Nhưng bà già ở Omaha lại chưa biết.
- Thì bà ta sẽ không bao giờ biết. Bỏ đi.
- Đoạn đầu vừa xong. Bắt đầu phần quảng cáo. Mãi bốn mươi giây chán ngắt.
- Các hãng khác có tin gì về Dallas không?
- Cũng tin không hình như chúng ta.
- Tôi cần ngay một tin ngắn gọn về "vây bắt ma tuý".
- Bỏ đoạn này đi. Chẳng tác dụng gì cả.
- Điều chúng ta đang cố gắng làm ở đây là nhét mười hai cân phan vào một cái túi mười cân.

Kẻ ngoài cuộc không quen với cảnh này có thể thắc mắc. Đây có phải là những con người không? Họ là những kẻ vô tình hay sao? Họ không xúc động, không mảy may đau xót gì hết sao? Không ai trong bọn họ nghĩ gì tới gần ba trăm con người đầy kinh hoàng trên cái máy bay đang tiến gần sân bay DFW có thể chết hết hay sao? Không lẽ chuyện này không làm bọn họ bận tâm?

Nhưng một người hiểu biết sẽ trả lời: Có chứ, mọi người ở đây đều bận tâm, chắc chắn họ sẽ đau xót, có thể là ngay sau khi phát tin. Hoặc, khi họ về đến nhà thì nỗi kinh hoàng sẽ ám ảnh họ, và tuỳ theo mức độ, một số còn phát khóc nữa. Còn bây giờ thì không ai có thời gian. Đây là những người làm tin. Công việc của họ là ghi lại sự việc đang diễn ra, cho dù là xấu hoặc tốt, và phải ghi lại mau lẹ, đầy đủ và giản dị để sao cho như người xưa đã nói; "người đang chạy cũng đọc được".
Vậy nên vào lúc 6 giờ 40 phút tối, mười phút sau khi Bản tin toàn quốc được truyền đi, mối bận tâm chủ yếu của những người quanh Vành móng ngựa và trong phòng tin, phòng phát hình và phòng điều khiển là: Liệu sắp có tin kèm hình từ DFW hay chưa?

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 2

Đối với nhóm năm phóng viên tại sân bay DFW, sự kiện đã bắt đầu quãng hai tiếng đồng hồ trước đó và lên đến cao điểm vào lúc 15 giờ mười phút chiều (theo giờ miền Trung nước Mỹ).

Năm người này là Harry Partridge, Rita Abrams, Minh Văn Cảnh, Ken O'Hara, nhân viên phụ trách âm thanh trong đội quay phim của hãng CBA và Graham Broderick, một phóng viên tin nước ngoài của tờ *Thời báo New York*. Mờ sáng hôm đó, họ đáp máy bay rời El Salvador qua Mexico, rồi sau khi bị trễ và đổi chuyến bay, họ đi về DFW. Bây giờ họ đang chờ chuyến bay tiếp theo các hướng khác nhau.

Tất cả đều mệt nhoài, không chỉ vì cuộc hành trình dài dằng dặc ngày hôm nay, mà còn vì trên hai tháng trời họ sống trong cực khổ và nguy hiểm để đưa tin về những cuộc chiến tranh ác liệt ở những miền đất chẳng hay ho gì ở Mỹ latinh.

Trong khi chờ máy bay, cả năm người ngồi trong quầy rượu ở cửa ra số 2E, một trong hai mươi bốn quầy rượu đông đúc ở sân bay. Bài trí của quầy rượu trông rất rẻ tiền. Tường dán những tấm tranh to giả như vườn cây bao quanh, những băng kết bằng vải treo trên trần màu xanh nhạt được chiếu sáng bằng hệ thống đèn màu hồng giấu bên trong. Anh chàng phóng viên Thời báo nói nó làm anh nhớ lại một nhà chứa mà có lần anh đã vào ở Mandalay.

Từ bàn của họ gần cửa sổ, họ có thể thấy đường ống ra máy bay và cửa sổ 20. Đây là cửa mà Harry Partridge đang chờ để ra máy bay trong vài phút tới qua Toronto, bằng chuyến bay của hàng không Mỹ. Nhưng tối nay chuyến bay bị trễ, theo thông báo là một tiếng.

Partridge người cao gầy, mớ tóc nhạt lúc nào cũng bù xù nên trông anh có vẻ như một cậu bé con mới lớn, mặc dù anh đã ngoài bốn mươi và tóc đã điểm bạc. Lúc này anh đang ngồi thoải mái, không quan tâm đến việc máy bay trễ hoặc bất cứ việc gì khác. Trước mắt là cả ba tuần nghỉ xã hơi vô cùng cần thiết đối với anh.

Rita Abrams đang đợi chuyến bay đi tiếp Minneapolisstnpaul, rồi từ đó cô sẽ tới nghỉ tại nông trang của một người bạn ở Minnesota. Tại đó cô có một cuộc hò hẹn trước vào cuối tuần với một nhân viên cao cấp đã có vợ của hãng CBA mà cô không để lộ ra với ai. Minh Văn Cảnh và Ken O'Hara sẽ về nhà tại New York. Graham Broderick cũng vậy.

Bộ ba Partridge, Rita và Minh thường làm việc với nhau. Trong chuyến đi gần đây nhất mới có thêm Ken O'Hara, nhân viên ghi âm, cùng đi với họ. O'Hara còn trẻ, xanh xao, gầy như que củi, lúc nào cũng say sưa nghiên cứu những tạp chí về điện tử: lúc này anh cũng đang đọc một tờ loại đó.

Broderick là người ngoài hãng, mặc dù anh thường cùng cộng tác với những người của hãng và nói chung mối quan hệ của họ là tốt. Mặc dù giờ đây anh chàng phóng viên thời báo to bè, vẻ trịnh trọng và hơi khoa trương này đang có vẻ không thân thiện lắm.

Ba người trong bọn họ đã hơi quá chén, trừ Văn Cảnh chỉ uống Soda và O'Hara nhấm nháp vại bia suốt từ nãy đến giờ không chịu uống thêm gì khác.
"Này, đồ chó đẻ giàu có kia" – Broderick nói với Partridge lúc này đã rút ví ra khỏi túi – "Tôi nói là tôi sẽ trả tiền lượt này, nên tôi sẽ trả" – Anh đặt hai tờ bạc, một tờ hai mươi đô la và một tờ năm đô la lên chiếc khay mà người hầu bàn vừa mang tới ba suất đúp Scot và một cốc Soda.
"Dù các cậu chỉ cần làm nửa việc cũng kiếm được số tiền gấp đôi tớ, thì đó cũng không phải là lý do để các cậu ra tay bố thí cho cánh làm báo chúng tớ đâu".
"Ôi, lạy Chúa!" Rita nói, "Broderick, tại sao anh lại không bỏ cái kiểu nói ấy đi nhỉ?"

Rita hét rất to, thỉnh thoảng cô vẫn thế. Hai nhân viên an ninh, chuyên trách sân bay DFW bước ngang qua quầy rượu cũng phải quay đầu lại vì tò mò. Nhìn thấy họ, Rita mỉm cười và vẫy tay chào. Họ đưa mắt nhìn đám phóng viên cùng mớ máy ảnh, máy quay phim và dụng cụ mang nhãn hiệu của hãng CBA, mỉm cười đáp lại và đi tiếp.

Harry Partridge đứng nhìn từ nãy đến giờ nghĩ thầm: "Hồi này Rita đã xuống sắc rồi. Mặc dù cô có sức gợi cảm tình dục mạnh mẽ và đã thu hút được khối chàng, trên nét mặt đã thấy hiện rõ nhiều nếp nhăn, cái tính mạnh mẽ mà cô đòi hỏi chính mình và những người làm việc cùng cô thể hiện trong thái độ hống hách của cô không phải lúc nào cũng hấp dẫn. Vả lại, sự căng thẳng và những công việc nặng nề mà Harry và hai người kia đã phải chia sẻ trong suốt hai tháng qua cũng là một lý do làm cô hao mòn xuân sắc".

Rita đã 43 tuổi, và sáu năm trước đây cô vẫn còn xuất hiện trước máy quay với tư cách là phóng viên truyền hình, dù không thường xuyên như khi cô còn trẻ trung và khêu gợi hơn. Mọi người biết rằng đó là một cơ chế tồi tệ bất công, vì phóng viên là nam giới vẫn tiếp tục được xuất hiện trước ống kính máy quay hình, ngay cả khi nét mặt họ lộ rõ vẻ già nua, trong khi phóng viên nữ thì không và bị gạt ra rìa như những người tì thiếp bị phế thải. Một số phụ nữ đã cố gắng đấu tranh để chống lại cơ chế này, ví dụ như Christine Craft, một nữ phóng viên và phát thanh viên, đã đưa việc này ra toà nhưng không thành công.
Nhưng Rita đã không lao vào một cuộc đấu tranh mà cô biết là cô không bao giờ thắng, để chuyển sang làm chủ nhiệm chương trình, đứng đằng sau máy quay phim thay vì đứng đằng trước và đã thành công rực rỡ. Suốt thời gian này, cô đã quấy quả các trưởng ban cho đến khi họ phải giao cho cô những nhiệm vụ ở nước ngoài vốn hầu như chỉ để cho nam giới. Lúc đầu thì các sếp của cô đã phản đối, nhưng họ phải chịu thua và Rita được cử đi một cách đương nhiên cùng với Harry, tới những nơi mà cuộc chiến đấu nóng bỏng nhất và đời sống vất vả

nhất.

Broderick ngẫm nghĩ kỹ câu nói của Rita một hồi, rồi đáp: "Xem ra cái bọn hào nhoáng các người cũng chẳng làm được việc gì quan trọng lắm đâu, tối nào thì cái hốc truyền tin bé tí tẹo ấy chỉ có những tin chớp nhoáng về tất cả mọi chuyện xảy ra trên thế giới. Bao nhiêu lâu nhỉ. Mười chín phút tất cả phải không?
Partridge nói một cách thân ái:
"Nếu anh muốn hạ những kẻ không có gì để tự vệ như lũ chúng tôi, thì ít nhất cánh báo chí cũng nên đưa ra những số liệu chính xác hơn: tất cả là hai mươi mốt phút rưỡi".
"Trong đó có bảy phút dành cho quảng cáo thương mại, Rita nói thêm – nhưng lương của Harry cao đến mức đã làm anh ghen đến tái mặt".
"Với lối thẳng thừng cố hữu của cô, Rita đã nói toạc cái việc ghen tức ấy ra, - Partridge thầm nghĩ. Đối với đám phóng viên báo chí chênh lệch giữa lương của họ và lương của các phóng viên truyền hình luôn luôn làm cho họ rất áy náy. Trong khi Partridge lĩnh 250.000 đô la một năm, thì Broderick, một phóng viên thượng thặng đầy tài năng, có lẽ chỉ được 85.000 đô la.

Như thể dòng suy nghĩ của mình chưa hề bị ngắt quãng, anh chàng phóng viên tờ Thời báo nói tiếp: "Toàn bộ hệ thống đưa tin của các cậu làm trong một ngày cũng chỉ đủ lấp đầy một nửa trang báo của chúng tôi thôi".

"So sánh gì mà ngu xuẩn thế, - Rita đốp lại, - vì ai cũng biết là một hình ảnh đáng giá một ngàn lời nói. Chúng tôi lại có hàng trăm hình ảnh và chúng tôi đưa người xem tới nơi sự kiện diễn ra để họ có thể thấy tận mắt. Chưa có tờ báo nào trong lịch sử đã làm được như vậy".
Broderick, một tay cầm cốc whisky đúp mới vừa định đưa lên môi, xua xua tay kia gạt đi. "Số lượng không phải là quan trọng".
Minh Văn Cảnh, thường không hay tham gia vào các cuộc tranh luận hỏi lại: "Tại sao lại không?".
"Bởi vì các anh đều là bọn ngốc nghếch. Các hãng truyền hình lớn đang chết dần chết mòn. Tất cả mọi điều các anh đã làm là đưa ra tóm tắt đề mục tin chính và bây giờ các đài địa phương cũng đang tiếp tục làm như vậy, sử dụng kỹ thuật để tự lấy tin từ bên ngoài; họ đang rỉa thịt các anh như lũ kền kền rỉa một xác chết".

Partridge vẫn nhẹ nhàng:
"À, có nhiều người đã nói như vậy hàng bao năm nay rồi. Nhưng hãy nhìn chúng tôi đây này. Chúng tôi vẫn đi khắp nơi, và vẫn sung sức, bởi lẽ người ta theo dõi tin của hệ thống chúng tôi vì nó có chất lượng".
"Đúng đấy", - Rita nói, - "Còn một điều mà anh lại nhầm Brod ạ, là cho các đài truyền hình địa phương đang khấm khá. Không đâu. Nó đang tồi tệ đi thì có. Một số người bỏ hãng chúng tôi với bao hy vọng làm tin cho các đài truyền hình địa phương đều đã quay lại vì thất vọng".
Broderick hỏi: "Tại sao vậy?".

"Tại vì các nhà lãnh đạo đài truyền hình địa phương coi tin tức như là sự quá độ, là quảng cáo, là nguồn lợi tức to lớn. Họ sử dụng cái kỹ thuật tân tiến mà anh vừa mới nói để thoả mãn thị

hiếu tầm thường nhất của người xem. Và khi họ cử người trong ban thời sự của họ đưa tin về một sự kiện quan trọng ở bên ngoài, người đó cũng chỉ đúng là một thằng nhóc, không có chiều sâu, không thể cạnh tranh với tri thức và chiều dày kinh nghiệm của một phóng viên hãng chúng tôi được".
Harry Partridge ngáp dài. Anh nhận thấy câu chuyện này đã lặp đi lặp lại, chỉ một cái trò để giết thời gian chẳng hao tâm tổn sức gì, và họ diễn nhiều lần rồi.

Chợt anh nhận thấy có chuyện gì đấy đang diễn ra gần đó.
Hai nhân viên an ninh hàng không đi lại vơ vẩn trong tiệm rượu, bỗng trở nên chăm chú lắng nghe qua máy bộ đàm của họ. Partridge nghe lõm bõm bản thông báo đang được truyền đến: "Lệnh báo động số 2… đụng nhau trên không… đang đến đường băng 17 phía bên trái… tập hợp tất cả lực lượng an ninh…". Hai nhân viên an ninh vội vã rời quầy rượu.

Những người khác trong nhóm làm phim cũng đã nghe thấy. "Này!" Minh Văn Cảnh nói, "có lẽ là…".
Rita nhảy phắt dậy: "Để tôi đi xem có chuyện gì", rồi cô vội vã rời tiệm rượu.

Văn Cảnh và O'Hara nhấc máy quay phim và dụng cụ âm thanh lên, Partridge và Broderick cũng vội vã túm lấy đồ đạt của mình.
Một nhân viên an ninh vẫn đang đi gần đó. Rita đuổi kịp anh ta gần cửa cân hành lý của hãng hàng không American, đồng thời cô nhận thấy anh chàng này rất trẻ và đẹp trai, có thân hình của một cầu thủ bóng đá.

"Tôi là người của hãng CBA"… Cô đưa tấm thẻ nhà báo có tên hãng ra.
Đôi mắt của anh chàng ánh lên vẻ thán phục: "Vâng, tôi biết rồi!".
Ở vào những trường hợp khác, Rita vội nghĩ hẳn cô đã đưa anh ta vào những thú vui của một người đàn bà luống tuổi. Không may là bây giờ không có thời gian. Cô hỏi: "Có chuyện gì vậy anh?".
Người sĩ quan an ninh do dự: "Có lẽ chị nên hỏi phòng thông tin công cộng…".
Rita sốt ruột ngắt lời: "Tôi sẽ hỏi sau. Gấp lắm rồi, phải không? Nói cho tôi biết đi!".
"Hãng hàng không Muskegon đang có chuyện rắc rối. Một máy bay chở khách của họ bị va chạm trên không. Nó đang hạ cánh trong lúc đã bị bắt lửa. Chúng tôi đã được lệnh báo động số 2, có nghĩa là tất cả các nhân viên cứu trợ khẩn cấp đã được huy động tới đường băng số 17 phía bên trái". Giọng anh ta trở nên nghiêm trọng. "Tình hình có vẻ găng đây".
"Tôi muốn đưa đội quay phim của tôi tới đó. Ngay bây giờ và thật nhanh. Tôi phải đi lối nào?".
Viên sĩ quan an ninh lắc đầu: "Không có người đi kèm thì các anh các chị không thể ra đó được đâu. Các anh các chị sẽ bị giữ lại ngay".
Rita nhớ có lần người ta đã bảo với cô là sân bay DFW rất hãnh diện được hợp tác với giới báo chí. Cô chỉ vào máy bộ đàm của nhân viên an ninh: "Anh có thể gọi Phòng thông tin công cộng được không?".
"Được!".
"Vậy, xin anh hãy làm đi!".
Lời yêu cầu được thực hiện ngay, viên sĩ quan gọi và phía bên kia trả lời. Cầm tấm thẻ phóng

viên của Rita, anh ta đọc và giải thích yêu cầu của cô.
Đầu dây bên kia nói: "Bảo họ đến trạm an ninh công cộng số một để đăng ký và lấy phù hiệu báo chí.
Rita rên rỉ, đưa tay chỉ chiếc máy bộ đàm: "Để tôi nói chuyện với họ".
Viên nhân viên an ninh ấn nút đàm thoại và đưa máy cho cô.
Cô vội vã nói vào máy: "Không có thời gian nữa, các anh phải biết điều đó. Chúng tôi là phóng viên vô tuyến truyền hình. Chúng tôi có tất cả các loại giấy phép. Chúng tôi sẽ làm thủ tục giấy tờ các anh muốn sau. Nhưng xin các anh, xin các anh, hãy để cho tôi đi vào hiện trường bây giờ".
"Chờ một chút", im lặng một giây rồi vang lên giọng nói mới với một mệnh lệnh ngắn gọn: "OK, đi ngay ra cửa số 19. Bảo ai đó chỉ đường cho chị tới đường băng. Hãy tìm chiếc xe có đèn nhấp nháy. Tôi đang trên đương đến chỗ chị đấy". Rita nắm tay viên sĩ quan "Cảm ơn anh bạn nhé!".
Rồi cô vội vã trở lại chỗ Partridge và những người khác lúc này vừa bước ra khỏi tiệm rượu. Broderick đi cuối cùng. Lúc bước ra, anh chàng phóng viên tờ Thời báo New York tiếc rẻ nhìn những cốc rượu còn nguyên mà anh đã trả tiền.
Rita hối hả kể lại điều cô đã biết, rồi bảo Partridge, Minh và O'Hara: "Đây có thể là tin quan trọng đấy. Ra phi trường ngay. Đừng để mất thì giờ. Tôi đi gọi điện rồi sẽ quay trở lại tìm các bạn". Cô nhìn đồng hồ, 5 giờ 20 chiều, có nghĩa là đã 6 giờ 20 ở New York – "Nếu chúng ta làm nhanh thì có thể kịp đưa vào chương trình đầu tiên được". Nhưng trong thâm tâm cô thấy không dám chắc.
Partridge gật đầu làm ngay theo lệnh của Rita. Vào lúc khác thì quan hệ giữa một phóng viên và một chủ nhiệm chương trình không hẳn là như vậy. Chính thức thì một chủ nhiệm chương trình ở hiện trường như Rita Abrams là người chịu trách nhiệm của toàn bộ đội quay, kể cả phóng viên, và nếu có điều gì sai sót trong khi làm nhiệm vụ thì người bị khiển trách là chủ nhiệm chương trình. Nếu mọi việc tốt đẹp, tất nhiên người phóng viên xuất hiện trong tin truyền hình sẽ được ca ngợi, mặc dù người chủ nhiệm chương trình rõ ràng đã có công giúp hình thành câu chuyện và góp ý vào phần lời.
Tuy nhiên, trong trường hợp của một phóng viên "có cỡ" dày kinh nghiệm như Harry Partridge sự thể lại khác. Phóng viên có thể dành quyền điều khiển và chủ nhiệm phải chịu nhún và đôi khi phải hoàn toàn nghe theo. Nhưng khi Partridge và Rita làm việc với nhau, cả hai người chẳng để ý đến chuyện ai chỉ huy ai. Đơn thuần là họ chỉ muốn đưa về những bản tin hoàn hảo mà cả hai cùng lao vào làm.
Trong khi Rita vội vã đi về phía trạm điện thoại công cộng, Partridge, Minh và O'Hara nhanh chóng chạy về phía cửa 19, tìm lối ra sân bay phía dưới. Graham Broderick tỉnh rượu ngay trước chuyện đang xảy ra và theo sát sau họ.
Gần cổng có một bảng hiệu:
ĐƯỜNG RA MÁY BAY – KHU VỰC CẤM.
CHỈ DÙNG TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP CHUÔNG BÁO ĐỘNG SẼ REO.
Không một nhân viên nào có mặt ở đó. Không do dự, Partridge đẩy cửa bước vào, cả bọn đi theo anh. Trong khi họ vội vã xuống cầu thang bằng kim loại, tiếng chuông báo động kêu dồn dập sau lưng. Họ phớt lờ và bước ra ngoài.
Bây giờ là lúc bận rộn nhất, đường băng đặc kín máy bay đỗ và xe hàng không. Thình lình một chiếc xe thùng hiện ra, phóng rất nhanh trên nó có đèn hiệu nhấp nháy. Bánh xe rít lên khi nó

phanh lại ở cửa số 19.
Minh đứng gần nhất, mở cửa và nhảy vào bên trong. Sau anh, những người khác cũng nhảy lên theo. Người lái xe, một anh chàng da đen trẻ, mảnh khảnh trong bộ quần áo chuyên ngành màu nâu nhạt, rồ máy phóng vọt đi. Vẫn không quay lưng lại, anh ta nói: "Chào các anh! Tôi là Vernon – thuộc phòng thông tin công cộng".
Partridge nói tên mình và các bạn cùng đi. Với tay xuống chiếc ghế bên cạnh, Vernon lấy ra ba tấm phù hiệu báo chí màu xanh, đưa cho họ và nói: "Những cái này là tạm thôi, nhưng tốt hơn là cứ nên cài vào. Tôi đã vi phạm nguyên tắc nhưng cô bạn gái của các anh đã nói, chúng ta không còn thời gian".
Họ đã rời khỏi khu vực máy bay đậu, chạy ngang qua hai đường dùng cho máy bay ra đường băng và đi về phía đông trên một con đường song song với lối đi. Phía trước mặt họ, về phía tay phải là hai đường băng và dọc theo một đường băng ở phía xa, xe cứu thương đang đỗ đầy.
* * *
Rita Abrams vẫn còn ở phía trong sân bay và đang nói chuyện trong phòng điện thoại công cộng với văn phòng của hãng CBA tại Dallas. Cô được thông báo rằng ông phân xã trưởng cũng đã biết việc xảy ra ở sân bay và đã cố đưa một đội quay phim thường trú của hãng CBA tới hiện trường. Ông rất vui khi biết Rita và những người khác đã có mặt ở đó. Cô nhắc ông gọi điện về New York rồi hỏi: "tình hình truyền qua vệ tinh của chúng ta có ổn không?".
"Tốt! Một xe phát lưu động đang được điều từ Arlington tới".
Cô biết Arlington chỉ cách đây có 13 dặm. Chiếc xe này thuộc một trạm chi nhánh của hãng CBA, gọi là KDLS-TV được dùng để truyền tin thể thao từ sân vân động Arlington, nhưng bây giờ tin đó đã bị loại bỏ và chiếc ô tô được điều tới sân bay DFW.
Người lái xe và nhân viên kỹ thuật đã được lệnh làm việc với Rita, Partridge và những người khác.
Tin đó làm cô phấn chấn. Cô nhận thấy giờ đây rất có khả năng gửi tin và hình về New York kịp cho chương trình đầu tiên của Bản tin tối Toàn quốc.
* * *
Chiếc xe thùng chở ba người của hãng CBA và anh chàng phóng viên tờ Thời báo đã chạy gần đến đường băng 17L – ký hiệu này chỉ rõ phải ngoặt 170o, tức là gần như về phía nam, chữ L "Left" nghĩa là đường băng phía bên trái trong hai đường băng chạy song song. Cũng như tại tất cả những sân bay khác, bảng hiệu này được viết bằng chữ màu trắng lớn trên mặt của đường băng.
Vẫn đang phóng rất nhanh, Vernon giải thích: "Khi có phi công gặp nạn, phải chọn đường băng mà anh ta muốn ở sân bay này, thường là đường băng số 17 bên trái. Đường này rộng 200 fut và gần với đội cứu trợ nhất".
Chiếc xe đỗ lại trên đường máy bay ra, nối với đường 17L và ở đây nhìn thấy rõ máy bay tới và hạ cánh.
"Đây sẽ là vị trí chỉ huy hiện trường" – Vernon nói.
Xe cứu thương vẫn tiếp tục đến, một số đỗ chung quanh họ. Từ phía trạm cứu hoả của sân bay có bảy chiếc xe màu vàng, bốn chiếc Oshkosh M15 phun bọt khổng lồ, một chiếc xe thang và hai chiếc xe cứu trợ khẩn cấp nhỏ hơn. Hai chiếc xe phun bọt được đặt trên những bánh xe cao gần sáu fut, có hai máy nén, một phía trước và một phía sau, với những vòi phun áp suất cao, trông giống như những trạm cứu hoả di động. Chiếc xe cứu trợ khẩn cấp, tốc độ cao và cơ động

nhanh, được thiết kế để áp sát nhanh chóng vào máy bay đang bị cháy.
Nhiều nhân viên cảnh sát chui từ trong nửa tá xe cảnh sát màu xanh vạch trắng ra. Họ mở thùng xe, kéo ra những bộ quần áo cứu hoả ánh bạc, và mặc vào người. Cảnh sát hàng không được đồng thời huấn luyện làm nhân viên cứu hoả, - Vernon giải thích như vậy. Máy điện đàm của an ninh hàng không trên chiếc xe thùng phát ra hàng loạt mệnh lệnh.
Những cỗ xe cứu hoả, dưới sự chỉ huy của một viên trung uý ngồi trong chiếc xe mui kín màu vàng đang chiếm những vị trí cách quãng nhau dọc đường băng. Xe cứu thương được điều từ khắp các vùng lân cận vẫn đang đỗ về tập trung tại sân bay, nhưng cách đường băng một quãng khá xa.
Partridge là người đâu tiên nhảy ra khỏi xe và đứng ngay cạnh nó hý hoáy ghi chép. Broderick chậm hơn một chút cũng đang làm như vậy. Minh Văn Cảnh đã leo lên nóc xe, máy quay sẵn sàng trong tay, đưa mắt quan sát bầu trời về hướng bắc. Sau lưng anh là Ken O'Hara, dây nhợ lằng nhằng cùng máy ghi âm.
Hầu như ngay lúc đó, chiếc máy bay xuất hiện cách sân bay chừng năm dặm kéo theo một vệt khói đen đặc. Minh nâng máy quay lên, cầm chắc, nheo mắt nhìn qua ống kính.
Minh là một người to khoẻ, chỉ cao chừng hơn năm fut một chút, nhưng vai rộng và cánh tay dài chắc nịch. Trên khuôn mặt chữ điền ngăm đen rỗ hoa, do bị đậu mùa từ thuở nhỏ, là đôi mắt nâu mở to, nhìn thẳng về phía trước với vẻ vô cảm khiến người ta khó đoán được ý nghĩ gì nằm phía sau chúng. Những người thân cận với Minh đều nói rằng phải mất khá lâu họ mới hiểu được anh.
Dù sao mọi người cũng đều nhất trí là Minh cần cù đáng tin, trung thực, và là một trong những người quay phim giỏi nhất của hãng. Hình của anh rất hoàn chỉnh, bao giờ cũng thu hút sự chú ý của người xem và thường xuyên mang tính nghệ thuật. Đầu tiên, anh làm việc cho hãng CBA tại Việt Nam với tư cách là người phụ việc ở địa phương và anh đã học nghề này từ một nhà quay phim Mỹ khi anh phụ việc mang dụng cụ đi quay cảnh chiến đấu ở trong rừng rậm. Khi người thầy dạy nghề của anh chết vì dẫm phải mìn, Minh một mình mang xác của anh ta về chôn rồi vác máy trở lại rừng tiếp tục quay. Không một người nào ở hãng CBA đã nhớ rằng anh được lấy vào làm từ lúc nào. Người ta coi việc anh có mặt ở hãng CBA là sự đã rồi.
Năm 1975, khi Sài Gòn sắp thất thủ, Minh cùng vợ và hai con ở trong số người may mắn ít ỏi được máy bay trực thăng quân sự CH-53 đưa từ sân bay của Sứ quán Mỹ tới khu vực an toàn của hạm đội bảy ngoài biển. Kể cả lúc đó Minh cũng không ngừng việc quay phim và rất nhiều tư liệu của anh đã được sử dụng trong Bản tin tối toàn quốc.
Giờ đây anh lại sắp quay một cảnh khác về máy bay, khác hẳn nhưng cũng đầy bi thảm mà kết cục thì chưa được định đoạt. Trong ống kính máy quay, chiếc máy bay chở khách đang tới mỗi lúc một rõ dần, cùng với quầng lửa sáng rực phía bên phải và vệt khói tiếp tục tuôn ra phía sau. Đã có thể nhìn thấy lửa bốc ra từ phía động cơ đã mất, chỉ còn tr lại phần giá treo động cơ. Cả Minh lẫn những người khác đang theo dõi đều kinh ngạc không hiểu tại sao toàn bộ chiếc máy bay chưa bị ngọn lửa nuốt chửng.
Trong chiếc xe thùng, Vernon đã bật sóng liên lạc hàng không. Người ta có thể nghe thấy trạm điều khiển máy bay nói chuyện với phi công của chiếc máy bay chở khách. Một giọng điềm tĩnh của nhân viên dẫn đường bằng rada: "Các anh đang ở phía dưới đường lượn… sang trái ở chính giữa. Nào bây giờ lượn vào đường trung tâm…".
Nhưng các phi công của chiếc máy bay chở khách rõ ràng là đang khó mà giữ được độ cao và

hướng bay ổn định. Chiếc máy bay có vẻ chao đảo nghiêng về phía cánh phải bị hỏng. Có những lúc đầu máy bay xoay sang hướng khác, rồi như thể do những nỗ lực tối đa ở trong buồng lái, nó trở lại phía đường băng. Nó ngóc lên rồi chúi xuống loạng choạng, dường như liên tục mất độ cao, sau đó cố lấy lại nhưng không được. Những người trên mặt dất cũng căng thẳng trước một câu hỏi không thốt ra thành lời: "Đã đi được đến đây, liệu chiếc máy bay chở khách có xuống được không?". Thật khó trả lời được chính xác.

Từ máy truyền thanh vang lên giọng của một phi công: "Đài điều khiển! Bộ phận hạ cánh có vấn đề, máy nén thuỷ lực không làm việc". Ngừng một lúc. Rồi: "Bây giờ chúng tôi đang cố "hạ cánh tự do…".

Một chỉ huy đội cứu hoả cũng đứng cạnh họ lắng nghe. Partridge hỏi anh ta: "Thế nghĩa là thế nào?".

"Trên những chiếc máy bay chở khách lớn có một hệ thống hạ càng khẩn cấp. Khi máy nén thuỷ lực bị hỏng, các phi công mở bộ phận điều khiển máy thuỷ lực, nên bánh xe vốn rất nặng, sẽ tự rơi vào đúng vị trí. Nhưng một khi nó đã rơi thì không thể kéo lên lại được nữa, cho dù họ muốn".

Trong khi người chỉ huy cứu hoả nói vậy, người ta đã có thể thấy bánh xe của chiếc máy bay chở khách đang từ từ hạ xuống.

Một lúc sau, giọng nói điềm tĩnh của nhân viên điều khiển vang lên: "Muskegon, chúng tôi đã thấy bánh xe. Chú ý lửa đang tới gần bánh xe trước phía bên phải".

Nếu bánh trước bên phải bắt lửa, điều này rất có thể xảy ra, thì một phía của hệ thống hạ cánh sẽ tung ra khi bị va chạm đất, làm chiếc máy bay nghiêng về phía bên phải trong khi nó vẫn đang chạy ở tốc độ cao.

Minh đưa tay chỉnh ống kính và bấm máy quay. Anh cũng đã có thể thấy ngọn lửa giờ đây đã bén vào chiếc lốp. Chiếc máy bay chở khách đang lướt trên khu vực sân bay, rồi nó tiến gần vào, chỉ cách đường băng một phần tư dặm… Nó đang cố tìm cách hạ cánh, nhưng ngọn lửa bốc to dữ dội hơn, rõ ràng là đã bị bén vào nhiên liệu và hai trong số bốn bánh bên phải đang bốc cháy… Một tia lửa phụt ra khi một chiếc lốp nổ tung.

Bây giờ chiếc máy bay chở khách đang bốc cháy lao trên đường băng với tốc độ 150 dặm một giờ. Khi chiếc máy bay chạy ngang qua chỗ những xe cấp cứu đang chờ sẵn, từng chiếc một lao với tốc độ cao nhất ra đường băng sau chiếc máy bay, lốp siết trên mặt đường. Hai chiếc xe cứu hoả phun bọt màu vàng chạy trước và năm chiếc kia theo sát phía sau.

Trên đường băng, lúc bộ phận hạ cánh của máy bay chạm đất, một chiếc lốp phía bên phải lại nổ tung, rồi một chiếc nữa. Bỗng tất cả những chiếc lốp bên phải rời ra… Những chiếc bánh xe chỉ còn trơ lại vành. Đồng thời là những tiếng rít rợn người của kim loại, những tia lửa toé ra và một đám bụi mảnh xi măng bắn tung toé lên không trung… Không hiểu bằng phép màu nào đó, các phi công đã cố giữ chiếc máy bay chở khách chạy được trên đường băng… Cuối cùng nó dừng hẳn. Lúc đó, ngọn lửa bùng lên.

Vẫn tiếp tục lao theo, những chiếc xe cứu hoả tiến sát vào và lập tức phun bọt ra, những vòng xoắn khổng lồ phủ lên máy bay với một tốc độ cực nhanh trông giống như một núi bọt xà phòng.

Trên máy bay, nhiều cửa hành khách đã được mở ra, những thang trượt cấp cứu được ném xuống; cửa phía trước mở về phía bên phải, nhưng ở đó lửa vẫn đang chặn những lối ra ở giữa thân máy bay. Ở bên trái không có lửa; cửa trước và cửa giữa thân đã được mở: một số hành

khách vội vàng trượt xuống. Nhưng ở phía sau, nơi mỗi bên có hai cửa cấp cứu vẫn chưa có cửa nào mở.
Qua ba cửa đã được mở; khói từ trong máy bay cuồn cuộn tuôn ra. Một số hành khách đã ở trên mặt đất; những người ra sau ho sặc sụa, nhiều người nôn thốc nôn tháo, tất cả đều hớp lấy hớp để từng ngụm không khí.
Ngọn lửa bên ngoài đã được dập dưới một đống bọt phủ kín một phía của máy bay.
Các nhân viên cứu hoả từ chiếc xe cứu trợ khẩn cấp mặc quần áo chống nóng màu bạc và đeo bình dưỡng khí, nhanh nhẹn chạy đến lắp thang vào những chiếc cửa chưa được mở phía sau. Khi tất cả những cánh cửa đã được mở bằng tay từ phía bên ngoài, khói lại tuôn ra nhiều hơn. Các nhân viên cứu hoả vội chui vào, quyết dập tắt lửa bên trong. Những người lính cứu hoả khác vào khoang chở khách bằng cửa trước đã giúp đưa hành khách ra, một số người ngã giúi giụi vì choáng.
Số hành khách được đưa ra thưa dần. Harry Partridge ước chừng chỉ mới có gần 200 người ra khỏi máy bay và theo như anh biết thì kể cả phi hành đoàn trên máy bay có tất cả 297 người. Các nhân viên cứu hoả bắt đầu đưa một số người có vẻ bị bỏng nặng ra. Trong số đó có hai nữ nhân viên hàng không. Khói từ trong máy bay vẫn tuôn ra, dù đã ít hơn trước.
Minh Văn Cảnh tiếp tục quay những sự việc xảy ra xung quanh, chỉ tập trung vào ống kính, gạt bỏ tất cả những ý nghĩ khác, vì anh biết rằng anh là người quay phim duy nhất trên hiện trường và trong máy quay, anh đã có những hình ảnh đặc biệt và độc đáo. Có lẽ kể từ vụ tai nạn của chiếc máy bay Hindenhierg cho đến nay, chưa có vụ nổ máy bay lớn nào được quay chi tiết đến thế này, ngay khi sự việc đang xảy ra. Xe cứu thương đã được tập trung lại bên cạnh trạm chỉ huy tại chỗ. Hàng chục chiếc đã ở đó, còn các xe khác đang tới. Nhân viên cứu trợ y tế lao về phía những người bọ thương, đặt họ lên những chiếc cáng có ghi số. Chỉ trong giây phút, những nạn nhân đã trên đường tới những bệnh viện đã chuẩn bị sẵn sàng tiếp nhận họ. Khi một chiếc trực thăng đưa bác sĩ và y tá đến, trạm chỉ huy ở gần chiếc máy bay đã trở thành bệnh viện dã chiến cùng với một hệ thống cứu trợ khẩn cấp năng động.
Mọi việc được tiến hành khẩn trương cho thấy kế hoạch cấp cứu của sân bay tuyệt vời như thế nào. Partridge thoáng nghe tiếng viên chỉ huy đội cứu hoả báo rằng khoảng một trăm chín mươi hành khách đã ra khỏi máy bay và còn sống. Như vậy có nghĩa là còn hơn một trăm người chưa ra được.
Một nhân viên cứu hoả, vừa bỏ mặt nạ ra để lau mồ hôi mặt, vừa nói "Ôi lạy Chúa! Phía sau ngổn ngang xác chết. Ở đó chắc là nơi khói nhiều nhất". Đó cũng là lý do tại sao bốn chiếc cửa cấp cứu ở phía sau đã không mở ra được.
Như tất cả các tai nạn hàng không khác, người chết phải để yên tại chỗ cho đến khi một viên chức Ban an toàn giao thông quốc gia – hiện đã ở hiện trường – tới ra lệnh chuyển họ đi sau khi tiến hành thể thức nhận diện.
Phi hành đoàn từ buồng lái bước xuống máy bay, nhất định không chịu để ai giúp đỡ. Viên phi công chính, đeo phù hiệu bốn vạch, tóc đã hoa râm, nhìn những người bị thương và khi biết con số người chết đã bật khóc. Đoán rằng dù có người bị chết, các phi công vẫn sẽ được ca ngợi vì đã đưa máy bay hạ cánh, Minh quay cận cảnh khuôn mặt đau đớn của viên phi công. Đó là hình ảnh cuối cùng mà Minh quay và cũng lúc đó có tiếng gọi to: "Harry! Minh! Ken. Dừng lại đi. Mau lên! Mang tất cả những gì các anh có lại đây. Chúng ta sẽ truyền về New York bằng vệ tinh".

Đó là giọng của Rita Abrams vừa mới đến trên chiếc xe buýt của ban thông tin công cộng. Cách đó không xa, chiếc máy phát vệ tinh lưu động hiện ra. Đĩa phát trên xe, khi di chuyển được xếp lại như kiểu xếp quạt, giờ đã mở ra và hướng lên trời.
Nhận được lệnh, Minh hạ máy xuống. Hai đội quay khác cũng đã đến trên chiếc xe buýt mà Rita vừa đi, một trong hai đội là KDLS, chi nhánh của CBA, cùng với các ký giả và phóng viên nhiếp ảnh. Họ và những người khác, theo Minh biết, sẽ tiếp tục theo dõi sự việc. Nhưng chỉ có Minh có được những hình ảnh đặc biệt về tai nạn, và anh biết với niềm kiêu hãnh ngấm ngầm rằng hôm nay và những ngày tới, những hình ảnh mà anh ghi sẽ được truyền đi khắp thế giới và sẽ tồn tại như một phần của lịch sử.
* * *
Họ lại đi với Vernon trên chiếc xe của Ban thông tin công cộng tới cỗ xe phát vệ tinh. Trên đường đi, Partridge bắt đầu nhẩm những lời anh sắp nói. Rita bảo anh: "Chuẩn bị phần lời một phút bốn nhăm giây. Ngay khi anh đã sẵn sàng, cắt ngay đường âm thanh, làm ngay chương trình đứng nói cận cảnh. Trong lúc đó, tôi sẽ truyền nhanh hình ảnh về New York".
Partridge gật đầu, Rita liếc nhìn đồng hồ: đã năm giờ 43 phút, tức là sáu giờ 43 phút ở New York. Chỉ còn có 15 phút nữa trước khi bắt đầu chương trình tin tối Toàn quốc.
Partridge vẫn tiếp tục viết, miệng lẩm nhẩm sửa lại vài lỗi trong đoạn anh đã viết. Minh trao lại cuốn băng quý giá cho Rita, rồi lắp một băng mới nguyên vào máy, sẵn sàng để thu lời và quay cận cảnh Partridge.
Vernon thả họ xuống ngay bên cạnh chiếc xe phát vệ tinh. Broderick vừa xuống đã chạy ngay đến cửa ra vào để đọc qua điện thoại bài của mình về New York. Lúc chia tay nhau, anh nói: "Cảm ơn các cậu. Nếu các cậu muốn tin có chiều sâu thì ngày mai hãy mua Thời bào nhé!".
O'Hara, người say mê kỹ thuật cao, thán phục đứng ngắm chiếc xe phát vệ tinh chứa đầy dụng cụ. "Sao mà tôi thích các chú này đến thế". Ăng ten đĩa rộng 15 fut đặt trên nóc xe giờ đây đã mở hết cỡ, được nâng lên và một chiếc máy phát điện 20 kilooat đang chạy. Phía bên trong, tại phòng điều khiển nhỏ dụng cụ biên tập và truyền đã được xếp chồng lên nhau, một kỹ thuật viên trong nhóm hai người đang nối sóng của hệ thống phát trên xe với một vệ tinh Ku-band ở độ cao 22.300 dặm – tức là Sapcenet 2. Những gì họ phát đi, sẽ lên thẳng tới điểm tiếp nhận số 21 trên vệ tinh, rồi ngay lập tức được chuyển xuống New York để ở đó thu hình lại.
Trong xe, làm việc bên cạnh kỹ thuật viên, Rita thành thạo đưa những cuộn băng của Minh vào máy biên tập và xem qua trên một màn hình. Tốt lắm, cô thầm nghĩ. Tất cả đều tuyệt vời.
Thông thường vào những trường hợp khác, chủ nhiệm chương trình và biên tập viên sẽ cùng chọn các đoạn khác nhau của băng hình, rồi kết hợp với tuyến âm thanh và lời của phóng viên, ghép lại thành một tin trọn vẹn đã được biên tập. Nhưng làm như vậy phải mất tới bốn mươi lăm phút, đôi khi còn lâu hơn, mà hôm nay thì không có thời gian. Vậy nên, Rita quyết định chóng vánh chọn những hình ảnh trong các đoạn dễ gây xúc động nhất để cho kỹ thuật viên truyền thẳng đi – theo cách nói của dân vô tuyến là "nhanh và thô".
Bên ngoài xe phát vệ tinh, Partridge ngồi trên chiếc thang sắt đã hoàn chỉnh phần lời và sau khi mau chóng hội ý với Minh và nhân viên ghi âm, anh cho thu ngay vào máy.
Sau khi chứa đủ thời gian cho phát thanh viên đọc lời dẫn tựa, sẽ được viết tại New York và tiếp liền sau những sự kiện nóng hổi của câu chuyện xuất hiện, Partridge bắt đầu:
"Các phi công trong một cuộc chiến trước đây đã từng gọi cảnh này là cuộc hạ cánh với một cánh và một lời cầu nguyện. Đã có một bài hát mang tên như vậy. Nhưng chắc sẽ không có ai viết

một bài hát về ngày hôm nay…
"Chiếc may bay chở khách của hãng Hàng không Muskegon lúc đó còn cách Dallas-Fort Worth sáu mươi dặm… gần như đầy kín hành khách… từ Chicao tới.. Thì bị va chạm trên không…".
Là một phóng viên dày kinh nghiệm viết tin cho đài truyền hình, Partridge đã viết "hơi xa hình một chút". Đó là một nghệ thuật đặc biệt rất khó học và không phải ai làm việc ở đài truyền hình lúc nào cũng thành công. Kể cả những nhà viết tin chuyên nghiệp tài năng, bởi vì những lời được viết ra là để đọc kèm với hình và rất hiếm khi được đọc riêng mà hay được.
Bí quyết của thủ thuật này, như Partridge và những người như anh biết, là không mô tả hình. Người xem vô tuyến sẽ tận mắt thấy hình ảnh và không cần lời mô tả. Tuy nhiên, phần lời cũng không nên tách quá xa hình khiến cho tư tưởng người xem bị phân tán. Nói đúng ra đó là hành động giữ thăng bằng mà người viết phải linh cảm được.
Một điều khác mà những người làm tin vô tuyến nhận thức được là: cái hay của bản tin không nằm trong câu cú hoặc những đoạn văn đúng mẹo luật. Những đoạn ngắn gọn có tác dụng tốt hơn. Sự việc phải trần trụi, mạnh mẽ; lời văn phải sắc gọn. Cuối cùng, những động tác và âm điệu của người phóng viên bình luận phải đầy ý nghĩa. Anh ta phải vừa là một phóng viên xuất sắc, vừa là một diễn viên nữa. Về những điểm này Partridge là một chuyên gia, tuy nhiên hôm nay anh gặp khó khăn: anh không nhìn thấy hình, như thường lệ đối với phóng viên. Nhưng ít nhiều thì anh cũng đã biết những hình ảnh đó.
Partridge kết thúc trong tư thế đứng nói chính diện, máy ghi hình quay từ vai anh trở lên. Phía sau anh, mọi hoạt động vẫn đang tiếp tục quanh chiếc máy bay chở khách bị nạn.
"Câu chuyện này còn có thêm… nhiều chi tiết bi thảm, đó là con số người chết và bị thương. Nhưng có một điều ngay lúc này đã rõ là nguy cơ máy bay đâm nhau đang ngày càng tăng… trên đường bay, trên bầu trời đông đúc của chúng ta… Harry Partridge, hãng tin CBA, Dallas Ford Worth".

Cuốn băng có lời và người phóng viên đứng tuổi đã được đưa vào trong xe cho Rita. Vốn đã biết quá rõ và luôn tin tưởng Partridge, nên không cần phí thời gian kiểm tra, cô ra lệnh truyền thẳng về New York, mà khỏi cần xem lại. Sau đó, theo dõi và lắng nghe trong lúc kỹ thuật viên truyền đi, cô rất phục anh. Nhớ lại cuộc tranh cãi cách đây nửa tiếng trong tiệm rượu ở phòng chờ máy bay, cô thầm nghĩ: vói tài năng đa dạng của mình, Partridge đã tỏ rõ tại sao lương anh lại cao hơn nhiều so với lương của anh chàng ký giả của tờ Thời báo New York.

Bên ngoài, Partridge còn phải làm thêm một nhiệm vụ nữa của phóng viên một tin truyền thanh đọc theo những điều ghi được và tự ý bình thêm cho đài phát thanh CBA. Sau khi truyền xong chương trình truyền hình, chương trình truyền thanh cũng sẽ được truyền về New York bằng vệ tinh.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 3

Trụ sở của hãng truyền hình CBA ở New York là một ngôi nhà năm tầng xây bằng đá màu nâu đơn điệu và buồn tẻ nằm ở phía đông Thượng Manhattan, nơi trước đây là một xưởng làm đồ gỗ, bây giờ chỉ còn cái vỏ ngoài của công trình kiến trúc cũ, phần bên trong đã được một loạt các nhà thầu khoán tu sửa và trang hoàng lại nhiều lần. Chính việc sửa chữa nhiều lần này đã tạo nên ở đây một mê cung đầy những hành lang sát nhau mà vị khách nào không có người dẫn đường chắc chắn sẽ bị lạc.

Mặc dù có vẻ ngoài buồn tẻ, nơi đây lại cất giữ một gia tài quý giá với những ma thuật điện tử, mà phần lớn nằm trong vương quốc của những nhà kỹ thuật ở độ sâu cách mặt đất hai tầng mà đôi khi người ta nói tới bằng cái tên *Nghĩa địa ngầm*. Ở đây, giữa vô số những phòng ban, có một căn phòng quant rọng với cái tên chán ngắt là *Phòng Băng từ Một inch*.

Tất cả các băng hình các đội quay phim của hãng CBA từ khắp mọi nơi trên thế giới đều được đưa vào đây qua vệ tinh và đôi khi bằng đường bộ tới phòng Băng từ Một inch. Cũng từ đó, với tất cả các băng đã hoàn chỉnh được truyền tới người xem, qua phòng điều khiển phát hình và cũng qua vệ tinh.

Đặc điểm nghề nghiệp của phòng băng từ Một inch là sự dồn ép ghê gớm của công việc, sự căng thẳng thần kinh, là những quyết định tức khắc và những mệnh lệnh khẩn cấp, đặc biệt là những lúc trước và trong giờ phát của bản tin Toàn quốc.

Vào những lúc như vậy, người không hiểu điều gì đang xảy ra có thể cho rằng đây là một cảnh hỗn loạn vô tổ chức, một cơn ác mộng kỹ thuật. Ấn tượng đó sẽ càng sâu đậm hơn bởi một không gian tranh tối tranh sáng vốn rất cần cho việc theo dõi vô số các màn ảnh vô tuyến. Nhưng thực ra, công việc được tiến hành một cách nhanh chóng và thành thạo. Những sự lầm lẫn ở đây có thể dẫn đến những hậu quả vô cùng tai hại. Và điều đó ít khi xảy ra.

Có đến một nửa tá những thứ máy chuyển băng lớn và hiện đại được gắn vào những bảng điện với những người điều khiển thu phát hình ở phía trên, bao quát mọi hoạt động: những máy này sử dụng loại băng từ Một inch, loại băng có chất lượng và độ tin cậy cao nhất. Ở mỗi máy và bảng điều khiển đều có một người tinh thông kỹ thuật nhận, biên tập và phát hình một cách nhanh chóng theo chỉ thị. Những người điều khiển chính cao tuổi hơn hầu hết mọi nhân viên khác trong hãng, và họ là một nhóm người rất tự hào về lối ăn mặc xuềnh xoàng và cách cư xử

xô bồ của mình. Vì vậy, có lần một nhà bình luận đã miêu tả họ là "những phi công lái máy bay chiến đấu" của hãng truyền hình.

Ngày nào cũng vậy, khoảng một tiếng trước buổi phát Bản tin tối Toàn quốc, một chủ nhiệm chính của chương trình tin từ phòng làm việc của mình ở *Vành móng ngựa* đi xuống năm tầng gác để điều khiển phòng Băng từ Một inch và những người điều khiển máy. Và ở đó, hệt như một nhạc trưởng đại tài, anh ta vừa la hét vừa ra hiệu bằng tay, vừa quan sát những tư liệu tin tức đang được truyền đến tối hôm đó, ra lệnh biên tập thêm khi cần thiết và thông báo cho những đồng nghiệp của mình ở *Vành móng ngựa* biết cái nào họ đang mong đã được chuyển về và hình ảnh đầu tiên ra làm sao.

Dường như tất cả các tin được đưa tới phòng băng từ Một inch đều vội vã và quá muộn. Bởi vì đã trở thành lệ là các chủ nhiệm, phóng viên và biên tập viên làm việc tại hiện trường đã cố trau đi chuốt lại tin cho đến giây phút cuối cùng cho phép, nên khi băng hình truyền về thì chỉ còn có nửa tiếng nữa là đã đến buổi phát, thậm chí còn tiếp tục truyền về cả khi đang phát tin. Có những trường hợp cấp bách, khi phần đầu của tin đang hiện ra ở máy phát và đang được truyền đi, phần sau của tin mới được đưa vào máy khác biên tập. Trong những giây phút căng thẳng đó, người vận hành máy toát mồ hôi vì phải vận dụng tối đa tài năng của mình.

Biên tập viên chính thường đảm nhiệm công việc này là Will Kazazis sinh ở Brooklyn trong một gia đình gốc Hy Lạp dễ bị kích động, một truyền thống mà bản thân anh đã được thừa hưởng. Mặc dù vậy, cái đó lại có vẻ phù hợp với công việc của anh và anh chưa bao giờ mất tự chủ. Tối nay, chính Kazazis là người nhận bản tin truyền qua vệ tính từ DFW của Rita Abrams và những hình ảnh đầu tiên của Minh Văn Cảnh được truyền về "nhanh và thô", rồi lời bình của Harry Partridge kết thúc bằng cảnh anh đang đứng tại hiện trường.

Bây giờ là 6 giờ 48 phút, còn mười phút đưa tin, chương trình quảng cáo vừa bắt đầu.

Kazazis bảo người điều khiển máy vừa mới đưa chương trình vào: "ghép nhanh tất cả vào. Sử dụng tất cả đoạn của Partridge. Lồng những hình đẹp nhất vào đó. Tôi tin tưởng anh. Nào làm đi, làm đi!".

Qua người phụ tá, Kazazis báo cho *Vành móng ngựa* biết đã có tin và hình từ Dallas chuyển về. Qua điện thoại, Chuck Insen, lúc này đang ngồi trong phòng điều khiển buổi phát tin, hỏi: "Thế nào?".
Kazazis trả lời: "Tuyệt vời! Đẹp cực kỳ! Đúng là Harry và Minh!".

Biết không có thời gian để tự mình xem tin này, và rất tin Kazazis, Insen ra lệnh: "Chúng ta sẽ phát ngay sau phần quảng cáo. Anh chuẩn bị nhé".

Chỉ còn có gần một phút nữa. Người vận hành máy ghi băng, vã mồ hôi tuy ở trong căn phòng có điều hoà nhiệt độ, vẫn đang biên tập hối hả, cắt ghép phim hình, phần bình luận và âm thanh tự nhiên.

* * *

Lệnh của Insen đã được truyền tới phát thanh viên Sloan và người viết tin ngồi bên cạnh anh. Phần bổ sung đã được chuẩn bị và người viết tin chuyển tờ giấy đó cho Sloan. Anh đọc lượt qua, vội vã sửa một hai chữ, và gật đầu tỏ ý cảm ơn. Một lúc sau trên màn hình của máy nhắc lời bản tin về DFW đã được thế chỗ cho phần tin trước đó. Tại phòng phát tin khi phần quảng cáo giữa chừng đã gần kết thúc, người chỉ huy trường quay gọi: "Mười giây… năm… bốn…. Hai…".

Nhìn thấy hiệu lệnh, Sloan bắt đầu với vẻ nghiêm trọng: *"Vào đầu buổi phát tin, chúng tôi đã đưa tin về một vụ đụng máy bay trên không gần Dallas giữa một chiếc máy bay chở khách của hãng Muskegon và một chiếc máy bay tư nhân. Chiếc máy bay tư nhân nổ tung. Không ai sống sót. Chiếc máy bay chở khách bắt lửa, hỏng nặng đã hạ cánh xuống sân bay Dallas Fort Worth cách đây vài phút và số thương vong khá lớn. Phóng viên của hãng CBA Harry Partridge vừa đưa tin này từ hiện trường".*

Vài giây trước đây, công việc biên tập hối hả ở phòng Băng từ Một inch cũng vừa mới xong. Giờ đây, trên máy phát của toàn trụ sở và trên hàng triệu màn vô tuyến ở miền Đông và Trung Tây nước Mỹ, cả phía biên giới Canada, hình ảnh bi thương của chiếc máy bay chở khách bị bốc cháy đang hiện lên choán cả màn hình, và giọng của Partridge bắt đầu: *"Các phi công trong một cuộc chiến trước đây đã từng gọi cảnh này là cuộc hạ cánh với một cánh và một lời cầu nguyện…".*

Bản tin đặc biệt và hình ảnh, mục cuối cùng, đã kết thúc chương trình phát thứ nhất Bản tin tối Toàn quốc.

* * *

Ngay sau chương trình phát tin thứ nhất, là chương trình phát tin thứ hai. Lúc nào cũng như vậy, và chương trình này sẽ được phát sang miền Đông qua những đài phát chi nhánh không truyền được chương trình thứ nhất, truyền rộng rãi ở Trung Tây và hầu hết các trạm ở miền Tây sẽ thu hình chương trình phát thứ hai để truyền lại sau (vì giờ giấc các miền chênh nhau). Tin của Partridge từ DFW dĩ nhiên là sẽ để lên đầu chương trình thứ hai, và trong khi các hãng địch thủ của CBA cho đến giờ cũng chỉ có được những hình ảnh sau khi sự kiện đã xảy ra cho chương trình phát thứ hai, thì những hình ảnh ghi sự kiện đang xảy ra của hãng CBA vẫn là duy nhất trên phạm vi toàn thế giới và sẽ còn được phát lại nhiều lần trong những ngày sau.

Vẫn còn hai phút trống giữa phần cuối của chương trình phát đầu tiên và phần bắt đầu của chương trình thứ hai, nên Crawford Sloan tranh thủ gọi điện cho Chuck Insen.

"Này" – Sloan nói – "Theo tôi thì chúng ta vẫn nên đưa tít Xaodi vào".

Insen nói vẻ giễu cợt: "Tôi biết là anh có thể lắm. Liệu anh có thể thu xếp phát thêm năm phút nữa không?".

"Đừng đánh đố nhau nữa. Đó là tin quan trọng".

"Và nhạt như nước ốc. Tôi nói là không".

"Liệu tôi nói cứ đưa thì sao?".

"Chắc chắn là có chuyện. Đó là lý do vì sao chúng ta sẽ phải bàn tới ngày mai. Trong khi đó thì tôi vẫn đang chịu trách nhiệm ở đây".

"Kể cả - hoặc hẳn là – lên giọng phán xét về tin thế giới chứ gì?".

"Chúng ta ai có việc người ấy, - Insen nói, - và hết giờ rồi đấy. Mà này, anh xử trí các chuyện Dallas từ đầu đến cuối khá lắm".

Không trả lời, Sloan đặt ống nghe ở bàn phát tin xuống. Như chợt nhớ ra chuyện gì đó, anh bảo người viết tin ngồi bên cạnh: "Nhờ ai đó nối điện thoại với Harry Partridge ở Dallas. Tôi sẽ nói chuyện với anh ta vào giờ nghỉ sau. Tôi muốn chúc mừng anh ta và mấy người kia".
Chỉ huy trường quay gọi to: "Mười lăm giây".
Đúng vậy, Sloan quyết định, ngày mai sẽ phải có một cuộc tranh luận và nó sẽ ra trò đấy. Có lẽ Insen đã hết thời rồi và ông ta nên ra đi.
* * *
Sau khi kết thúc chương trình phát thứ hai và trước khi về nhà, Chuck Insen trở lại phòng làm việc của mình để thu thập chừng một chục tờ báo và tạp chí mang về đọc.
Đọc, đọc và đọc để biết được tin tức trên vô số lĩnh vực, là gánh nặng của một chủ nhiệm chương trình. Ở bất cứ đâu và bất kể giờ phút nào, Insen cảm thấy mình buộc phải vớ lấy một tờ báo, một tạp chí, một bản tin, một cuốn sách – đôi khi là những ấn phẩm vớ vẩn đủ các loại – như những người khác vớ lấy một tách cà phê, một chiếc khăn tay, một điếu thuốc. Thường thường, ông thức dậy giữa đêm và đọc, hoặc nghe tin nước ngoài trên băng sóng ngắn. Ở nhà, qua chiếc máy vi tính cá nhân, ông đã có những tin của đài phát thanh và mỗi buổi sáng, vào lúc năm giờ, ông đọc lại tất cả. Trên đường lái xe đi làm, ông nghe đài phát thanh, chuỷ yếu là đài của hãng CBS vì mạng lưới tin của đài này là tinh tế nhất, theo sự đánh giá của ông và một số người trong giới.
Insen có triết lý riêng về hàng triệu con người theo dõi Bản tin tối Toàn quốc. Ông tin chắc rằng hết thảy mọi người xem đều muốn có câu trả lời cho ba vấn đề cơ bản: Thế giới có yên ổn không? Nhà cửa gia đình của tôi có an toàn không? Hôm nay có điều gì thú vị xảy ra không? Trên tất thảy, Insen cố đảm bảo rằng tối nào tin tức cũng cung cấp những câu trả lời đó.
Ta đã phát chán và quá mệt – Insen thầm nghĩ đầy bực bội – về các thái độ cái gì ta cũng nhất, cũng thánh-thiện hơn người của thằng cha phát thanh viên về việc chọn lọc tin tức, vì thế, ngày mai hai người sẽ có một cuộc đụng độ gay gắt mà Insen sẽ nói toạc cái ý nghĩ hiện đang có trong đầu, rồi kết cục muốn ra sao thì ra.
Liệu rồi kết cục sẽ thế nào nhỉ? Trước kia, trong các cuộc tranh luận giữa phát thanh viên truyền tin và uỷ viên ban chủ nhiệm, thì bao giờ phát thanh viên cũng thắng, còn chủ nhiệm thì phải lo tìm việc ở nơi khác. Nhưng nay trong hệ thống làm tin đang có nhiều thay đổi. Giờ đây bầu không khí khác hơn, và cũng sẽ có thể đây là trường hợp đầu tiên mà người phát thanh viên phải cuốn gói còn chủ nhiệm tin ở lại.
Đinh ninh với khả năng này trong tâm trí, nên một vài ngày trước đây Insen đã có một cuộc nói chuyện mang tính chất thăm dò, rất riêng tư qua điện thoại với Harry Partridge, ông muốn biết là liệu Partridge có quan tâm đến việc từ bỏ xứ sở lạnh lẽo để đến cư trú tại New York và trở thành phát thanh viên của Bản tin tối Toàn quốc không? Khi anh ta thích, Harry có thể tỏ ra đắc dụng và sẽ hợp với công việc – như anh ta đã từng tỏ ra qua bao lần làm thay khi Sloan nghỉ phép.

Partridge đáp lại, nửa ngạc nhiên, nửa không khẳng định, nhưng ít ra là anh ta đã không từ chối. Dĩ nhiên Crawford Sloan không hề biết gì về cuộc nói chuyện này.

Theo cách này hay cách khác thì bề nào giữa anh và Sloan, Insen tin rằng họ không thể nào tiếp tục va chạm mà không sớm có một giải pháp.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 4

Crawford Sloane lái chiếc Buick Somerset rời gara tại trụ sở hãng CBA vào bảy giờ 40 phút tối. Như thường lệ, anh sử dụng xe của hãng: chiếc xe này dành cho anh theo quy định trong hợp đồng làm việc, và nếu anh muốn thì anh có một lái xe riêng, nhưng hầu như anh không hề dùng lái xe. Vài phút sau, lúc anh từ Đại lộ Ba rẽ ra phố Năm mươi chín, đi về phía đông theo đoạn đường vòng FDR, anh tiếp tục nghĩ về buổi phát hình vừa mới kết thúc.

Lúc đầu, những ý nghĩ của anh đều hướng về Insen, nhưng anh quyết định gạt tay uỷ viên ban chủ nhiệm ra khỏi tâm trí cho đến tối ngày mai. Sloane không mảy may lo ngại về khả năng của anh có thể đương đầu với Insen và tống ông ta đi – có lẽ là lên chức phó chủ tịch của hệ thống truyền hình mà, mặc dù nghe có vẻ rất kêu, thực ra lại là một sự phế truất khỏi Bản tin tối Toàn quốc. Anh không hề tính đến sự đảo ngược của tiến trình rất có thể xảy ra. Nếu ai gợi ý đó ra với anh, hẳn anh sẽ phá lên cười.

Ý nghĩ của anh hướng về Harry Partridge.
Đối với Partridge, Sloane công nhận là cái tin đưa vội vã nhưng tuyệt vời vừa rồi từ Dallas đã một lần nữa tỏ rõ nghiệp vụ xuất sắc của anh ta. Qua mạng lưới điện thoại ở sân bay DFW, Sloane đã gọi điện cho Partridge và chúc mừng anh; đồng thời nhờ anh chuyển lời tới Rita, Minh và O'Hara. Một phát thanh viên thường nên xử sự như vậy – một cử chỉ cao thượng bắt buộc – cho dù Sloane không hào hứng lắm trong việc quan tâm tới Partridge. Cái cảm giác thầm kín đó khiến cho cuộc nói chuyện, về phía Sloane, thoáng có vẻ ngượng ngập, như tất thảy mọi cuộc đối thoại khác với Partridge. Còn Partridge thì lại có vẻ thoải mái, dù nghe giọng nói anh rất mệt mỏi.

Chiếc xe vẫn lăn bánh, và trong giây phút thành thật hình tĩnh, riêng tư, Sloane tự hỏi: "Cảm giác của ta về Harry Partridge ra sao đây?" – Câu trả lời, cũng rất thành thật, là: "Anh ta làm cho ta cảm thấy bất an".
Cả câu hỏi lẫn câu trả lời đều bắt nguồn từ câu chuyện gần đây.
Hai người quen biết nhau từ hơn hai mươi năm nay, cũng dài bằng thời gian họ làm việc cho hãng CBA vì gần như cả hai vào làm cho hãng gần cùng một lúc. Ngay từ đầu, họ rất thành công trong nghề nghiệp, tuy nhiên rất đối lập về tính cách.
Sloane là một người ưa chính xác, lịch thiệp, trau chuốt trong cả cách ăn mặc lẫn phát ngôn: anh thích chứng tỏ uy quyền và ứng xử như vậy một cách tự nhiên. Giới trẻ thích gọi anh là "ngài" và luôn nhường lối cho anh đi trước. Anh có thể bị coi là lạnh lùng, hơi cách biệt với mọi

người mà anh không quen biết lắm, dù cho trong bất cứ cuộc tiếp xúc với ai đó thì trí tuệ sắc sảo của anh không bao giờ để sót điều gì, kể cả lời nói hoặc chỉ suy đoán về họ.
Ngược lại, Partridge lại rất xô bồ, bề ngoài lúc nào cũng xoàng xĩnh: anh thích mặc áo khoác da cũ và rất ít khi ăn bận cả bộ chỉnh tê. Tính cách anh thoải mái khiến cho ai gặp anh cũng thấy dễ chịu, như người bằng vai phải lứa; đôi khi anh làm người ta có cảm giác rằng anh không quan tâm đến chuyện gì cả, nhưng đó là một mẹo có tính toán Partridge đã sớm học được, ngay từ khi bước chân vào nghề làm báo, là anh sẽ biết được nhiều hơn khi làm ra vẻ không quan tâm đến quyền lực và giấu kín sự sắc sảo và trí thông minh đặc biệt của mình.
Họ cũng xuất thân từ các nguồn gốc khác nhau.
Crawford Sloane sinh ra trong một gia đình trung lưu ở Cleveland, và đã sớm được đào tạo ngành vô tuyến truyền hình ngay tại thành phố này. Harry Partridge tập nghề đưa tin vô tuyến ở Toronto, tại hãng CBC – tức là hãng Truyền hình Canada – và trước đó anh đã làm quảng cáo viên – phát thanh viên tin – phát thanh viên chương trình thời tiết cho một đài phát thanh nhỏ và những đài truyền hình ở phía tây Canada. Anh sinh tại Alberta, cách Calgary không xa, trong một xóm nhỏ tên là De Winton, nơi bố anh làm nghề nông nghiệp.
Sloane tốt nghiệp trường đại học Columbia, còn Partridge thì lại chưa học hết trung học, nhưng làm việc trong giới báo chí nên kiến thức thực tế của anh phát triển nhanh chóng.
Trong suốt một thời gian dài công việc của họ tiến hành song song: kết cục là có vẻ như họ trở thành đối thủ của nhau. Bản thân Sloane coi Partridge là một đối thủ, thậm chí còn là một đe doạ cho sự tiến bộ của anh. Anh không chắc là liệu Partridge có nghĩ về anh như vậy không?
Sự ganh đua giữa hai người tỏ ra mạnh nhất là thời gian cả hai cùng đưa tin về cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Họ được hãng cử sang đó vào cuối 1967, trên danh nghĩa là cùng một nhóm, và về một mặt nào đó thì họ có làm việc với nhau. Tuy nhiên Sloane coi cuộc chiến là một cơ hội bằng vàng để anh tiến thân; ngay lúc đó anh đã nghĩ tới nghề phát thanh viên và chương trình Bản tin tối Toàn quốc.
Sloane biết rằng điều cơ bản trên con đường tiến thân của anh là phải xuất hiện trong Bản tin tối càng thường xuyên càng tốt. Vậy nên, ngay sau khi đặt chân tới Sài Gòn, anh quyết định không đi lang thang quá xa khỏi cái "Lầu Năm góc Phương Đông" – Tổnh hành dinh của Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở Việt Nam tại sân bay Tân Sơn Nhất, cách Sài Gòn chừng năm dặm – và, khi anh phải đi lấy tin thì cũng không vắng quá lâu.
Giờ đây, sau bao năm tháng, anh vẫn còn nhớ lần hai người nói chuyện với nhau và Partridge đã lưu ý: "Crawford ạ, cậu sẽ không bao giờ hiểu được cuộc chiến tranh này bằng cách dự các cuộc nhảm nhí hoặc cứ ru rú ở Caravelle đâu" – Điểm trên là tên giới báo chí dùng để gọi các cuộc họp báo để thông báo về tình hình quân sự, tên sau là một khách sạn nổi tiếng mà giới báo chí quốc tê, các nhân viên quân sự và dân sự cao cấp của Sứ quán Mỹ thường tụ tập ăn uống, nhảy nhót.
"Nếu cậu định nói về mạo hiểm" – Sloane ngạo mạn đáp, - "thì tôi sẵn sàng lao vào các chuyện mạo hiểm như cậu ấy".
"Quên các chuyện mạo hiểm đi. Tất cả chúng ta đều lao vào chuyện mạo hiểm cả. Tôi đang nói về chuyện đưa tin có chiều sâu cơ. Tôi muốn đi sâu vào đất nước này và hiểu rõ nó. Nhiều lúc tôi muốn dứt ra khỏi đám quân sự, không chỉ lẽo đẽo bám theo trong các trận đánh, đưa tin chiến sự như họ muốn chúng ta làm. Vì thế thì quá dễ. Và khi đưa tin về các vấn đề quân sự thì tôi muốn tin đó phải là từ các mặt trận để xem bọn nhân viên Hãng thông tin Mỹ nói có thực

hay không?".
"Để làm được tất cả chyện đó, - Sloane nhấn mạnh, - thì cậu phải đi mất mấy ngày, có khi mỗi lần hàng tuần ấy chứ".
Partridge có vẻ thích thú: "Tôi thấy là cậu hiểu vấn đề nhanh đấy. Tôi dám chắc là cậu cũng hình dung được là cách tôi dự tính làm sẽ giúp cho cậu có khả năng xuất hiện trên màn hình hầu hết các buổi tối".
Sloane khó chịu vì người ta đọc được ý nghĩ của mình mọt cách dễ dàng, tuy nhiên thực tế là như vậy.
Không ai có thể nói rằng trong thời gian ở Việt Nam, Sloane không làm việc hết mình. Anh đã làm việc nhiều, lao vào mọi chuyện nguy hiểm. Có lần anh đi vào những vùng việt cộng đang hoạt động, thỉnh thoảng lao vào giữa các trận đánh, và trong những lúc gian nguy như vậy, anh không dám chắc, với nỗi sợ hãi thông thường là mình còn sống để trở về hay không.
Trong thực tế, anh vẫn sống sót trở về và hiếm khi đi lâu hơn hai mươi bốn tiếng. Và bao giờ anh trở về thì cũng có được nhiều tin cùng với những hình ảnh chiến đấu đầy ấn tượng và những câu chuyện khiến người ta quan tâm về những chàng trai trẻ Mỹ trên chiến trường, là loại mà New York muốn có.
Tiếp tục dự tính của mình một cách khôn ngoan, Sloane đã không dấn quá sâu vào những chuyên đi nguy hiểm và thường có mặt ở Sài Gòn để dự các buổi thông báo tình hình quân sự và ngoại giao mà thu lượm được nhiều tin tức đáng gái. Chỉ mãi về sau này người ta mới nhận ra là loại tin mà Sloane đưa nông cạn đến mức nào, mà đối với vô tuyến truyền hình thì những hình ảnh đầy ấn tượng phải được đưa lên hàng ưu tiên số một, cùng với những lời phân tích thận trọng. Nhưng đến khi người ta hiểu rõ điều đó thì cũng chảng ảnh hưởng gì đến Crawford Sloane nữa.
Thủ đoạn của Sloane đã thành công. Trước đó anh luôn gây được ấn tượng mạnh mẽ đối với người xem, và hồi ở Việt Nam thì ấn tượng còn mạnh mẽ hơn. Anh đã trở thành một người được các chủ nhiệm chương trình ở Vành móng ngựa New York ưu ái và thường xuyên xuất hiện trên Bản tin tối, có khi tới ba bốn lần mỗi tuần; đó là cách một phóng viên xây những bước tiếp tiếp theo, không chỉ với khán giả, mà với những người có quyền quyết định tại trụ sở của hãng CBA.
Ngược lại Harry Partridge vẫn giữ kế hoạch hoạt động của mình và làm khác hẳn. Chính anh đã lao vào những câu chuyện sâu sắc hơn, đòi hỏi phải điều tra lâu hơn và đã buộc anh cùng với một người quay phim, đi tới những vùng đất xa xôi ở Việt Nam. Anh đã tự học hỏi để có được những hiểu biết về chiến thuật, về quân Mỹ và Việt cộng. Anh nghiên cứu thế cân bằng lực lượng, nằm lại các vùng chiến sự để thu thập số liệu về các cuộc tấn công trên bộ cũng như trên không, các số liệu về thương vong và hậu cần. Một số tin của anh đưa mâu thuẫn với những tuyên bố chính thức của giới quân sự ở Sài Gòn. Một số tin khác đã khẳng định những tuyên bố đó, và chính loạt tin thứ hai này – mà giới quân sự Mỹ cho là đứng đắn – đã tách Partridge và một nhóm nhỏ khác ra khỏi phần đông các phóng viên đang đưa tin về Việt Nam.
Lúc đó ở Mỹ người ta đón nhận những phóng sự về cuộc chiến tranh Việt Nam với một thái độ đối địch. Thế hệ các phóng viên trẻ - một số đồng tình với những người phản đối chiến tranh ở Mỹ - không tin tưởng, thậm chí còn coi thường giới quân sự Mỹ, và hầu hết giới báo chí đã phản ánh nhận thức đó. Cuộc tấn công vào dịp Tết Mậu Thân là một thí dụ. Giới báo chí đã lớn tiếng cho đó là một chiến thắng vang dội của cộng sản: điều này hai thập kỷ sau những nghiên

cứu bình tĩnh hơn cho thấy là không đúng.
Hary Partridge là người lúc đó đã đưa tin rằng lực lượng quân Mỹ đã chiến đấu khá hơn là người ta nghĩ, rằng kẻ thù chiến đấu kém hơn là người ta đưa tin và đã không đạt được một số mục tiêu. Đầu tiên các chủ nhiệm chính của Vành móng ngựa đã nghi ngờ những tin đó và chần chừ không muốn đưa. Nhưng sau khi bàn bạc họ thấy những tin tức xưa nay Partridge đưa thường rất chính xác do đó hầu hết đều được phát.
Có một bài của Partridge không được phát đó là bài phản bác lại ý kiến cá nhân của ông Walter Cronkite, lúc đó là phát thanh viên rất nổi tiếng của hãng CBS.
Từ Việt Nam, Cronkite đã tuyên bố trong một "chương trình đặc biệt" sau Tết Mậu Thân của hãng CBS là "kinh nghiệm đẫm máu của Việt Nam" sẽ "chấm dứt trong bế tắc" và "bằng mọi cách chúng ta phải leo thang, kẻ thù có thể đương đầu nổi với chúng ta…".
Ông ta nói tiếp: "Nói rằng chúng ta đã đến gần thằng lợi tức là tin rằng… những người lạc quan đã sai lầm trong quá khứ". Do đó, Cronkite khuyên nước Mỹ nên "thương lượng, không phải là với tư cách của những người chiến thắng, mà với tư cách của những người đáng kính, thực hiện đúng cam kết của họ là bảo vệ dân chủ, và đã làm hết sức mình".
Vì lời lẽ mạnh mẽ này lại là của Cronkte, cộng thêm với những tin tức trung thực nên đã có tác động ghê gớm, và theo lời một nhà bình luận, nó đã "đem lại cho phong trào phản chiến sức mạnh và tính hợp pháp". Nghe nói tổng thống Lyndon Johnson đã nói nếu ông mất Walter Cronkite có nghĩa là ông mất cả đất nước.

Partridge qua cuộc phỏng vấn với một loạt người trên chiến trường, đưa ra lập luận là Cronkite không những đã sai lầm, mà vì ông ta biết mình có đầy đủ quyền lực và ảnh hưởng, nên theo lời của một người được phỏng vấn phát thanh viên này của hãng CBS "đã xử sự như một tổng thống không được bầu và mâu thuẫn với các giáo lý của chính bản thân ông ta về tính vô tư của báo chí".

Khi bài của Partridge về tới New York, người ta đã phải bàn cãi về nó mất hàng tiếng đồng hồ và phải đưa lên tới cấp cao nhất của hãng CBA trước khi có được sự nhất trí rằng tấn công vào "Walter" – người nổi danh toàn quốc – sẽ chỉ là một cuộc thí quân không hòng thắng lợi. Tuy nhiên, những bản sao không chính thức bài của Partridge đã được lưu hành trong giới làm tin vô tuyến.

Những chuyến đi của Partridge vào các vùng chiến sự ác liệt thường khiến anh phải rời Sài Gòn hàng tuần lễ, có khi còn lâu hơn. Một lần, khi anh bí mật vào sâu trong đất Campuchia, anh đã mất liên lạc tới gần một tháng trời.

Tuy vậy, lần nào anh cũng trở về với những bản tin đầy ấn tượng và sau chiến tranh người ta vẫn còn nhớ một số bài của anh vì tính sâu sắc của nó. Không một người nào, kể cả Crawford Sloane, lại tỏ ý nghi ngờ Partridge không phải là một nhà báo kiệt xuất.

Chỉ có điều số lượng bài của Partridge ít hơn, anh cũng ít xuất hiện hơn Sloane trên màn ảnh, do đó anh không được người ta chú ý như Sloane.

Một nhân tố khác ở Việt Nam đã ảnh hưởng tới tương lai của Partridge và Sloane. Đó là Jessica Castillo.
Jessica…
* * *

Crawford Sloane vừa suy nghĩ, vừa phóng xe trên con đường mà ngày nào anh cũng thường qua lại hai lần. Anh rẽ khỏi phố Năm mươi chín để sang đại lộ York. Đi một quãng anh ngoặt sang phải để vào đoạn vòng FDR về phía bắc. Một lúc sau, dọc bờ sông Đông và không còn bị những ngã tư và đèn hiệu cản trở, anh nhấn ga tăng tốc độ. Từ đây đến nhà anh ở Larchmont thuộc vùng Long Island Sound phía bắc thành phố còn phải đi mất nửa giờ nữa.

Phía sau anh, một chiếc xe Ford Tempo màu xanh cũng tăng tốc độ.
Sloane lòng thanh thản, như anh thường cảm thấy vào thời điểm này trong ngày, giờ đây dòng suy nghĩ của anh quay về với Jessica, cô gái mà khi còn ở Sài Gòn đã từng là người yêu của Partridge, nhưng sau rồi lại lấy Crawford Sloane.

* * *
Ngày đó tại Việt Nam, Jessica hai mươi sáu tuổi, nàng thanh mảnh, có mái tóc nâu buông dài, thông minh và khá đanh đá. Cô nhân viên trẻ của Phòng tông tin Mỹ (gọi là USIS hải ngoại) này không bao giờ nói những chuyện dông dài với các nhà báo.

Trụ sở của hãng nằm ở đường Lê Quý Đôn, trong "Thư viện Lincoln" rợp bóng cây trước kia là rạp hát Rex, và bảng hiệu cũ của rạp hát vẫn để nguyên trong một thời gian Phòng Thông tin Mỹ ở đó. Các chàng nhà báo đôi khi tới đó nhiều hơn là cần thiết, mang theo những câu hỏi để có cớ gặp Jessica.

Jessica. Cũng đùa với mối quan tâm của họ và nó làm cho nàng thấy vui vui. Nhưng khi Crawford Sloane lần đầu gặp nàng, anh đã biết rằng Harry Partridge đã trở thành người được nàng ưu ái nhất.

* * *
Cho đến tận bây giờ, Sloane thầm nghĩ – vẫn còn có những chuyện trong mối quan hệ trước đó giữa Partridge và Jessica mà anh hề hay biết, anh chưa bao giờ đả động đến và có lẽ sẽ không bao giờ biết rõ. Nhưng việc đóng kín cánh cửa vào quá khứ suốt hơn hai mươi năm vẫn… chưa bao giờ… sẽ không bao giờ… làm anh hết hồ nghi về những chi tiết về sự thân mật giữa hai người dạo đó.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 5

Jessica Castillo và Hary Partridge đã bị hút vàonhau theo bản năng tự nhiên ngay từ lần đầu gặp gỡ tại Việt Nam – mặc dù cuộc gặp gỡ đó lại là cuộc đụng độ giữa hai người. Partridge tới Phòng Thông tin để kiếm những tư liệu mà anh đoán chắc là có, nhưng giới quân sự Mỹ đã từ chối không cho anh biết. Đó là tài liệu về việc binh lính Mỹ ở Việt Nam sử dụng rộng rãi ma tuý.

Partridge đã thấy vô khối b

ằng chứng về nạn nghiện ma tuý qua các chuyến đi của anh ra các vùng chiến sự. Loại ma tuý mạnh được sử dụng là hêrôin và cái đó thì rất sẵn. Qua các cuộc điều tra của nhà nước do hãng CBA yêu cầu, anh biết rằng số người nghiện ma tuý từ Việt Nam đưa về các bệnh viện dành cho các cựu chiến binh ở Mỹ đã lên đến mức đáng báo động. Nó trở thành một vấn đề quốc gia, chứ không còn là vấn đề quân sự đơn thuần.

Vành móng ngựa tại New York đã bật đèn xanh cho anh tiếp tục cuộc điều tra này, nhưng các nguồn tin chính thức không chịu cung cấp tin.
Khi anh đến phòng làm việc của Jessica và đặt vấn đề đó, nàng cũng phản ứng theo lối như vậy.
"Tôi rất tiếc. Đó là điều tôi không thể nói được".

Thái độ của nàng làm anh phật ý, nên anh nói vẻ bất bình: "Có nghĩa là cô sẽ không nói bởi vì người ta đã ra lệnh cho cô che chở một ai đó, có phải là vì ngài đại sứ sẽ bị lúng túng trước sự thật không?".
Nàng lắc đầu: "Điều đó tôi cũng không trả lời được".

Partridge càng tức thêm, xoáy vào đó mà hỏi: "Vậy điều mà cô muốn cho tôi biết là cô chỉ ngồi trong căn phòng ấm cúng này và cóc cần để ý gì chuyện những người lính Mỹ ở ngoài rừng đang sợ vãi cứt ra, đang đau khổ, và rồi, để tìm lối thoát – vì họ có biết làm cái quái gì hơn nữa chứ - họ tự huỷ hoại mình bằng ma tuý và trở thành đồ bỏ đi, phải không?"

Nàng cáu kỉnh trả lời: "Tôi đâu có nói như vậy".
"Ồ, nhưng lại đúng như vậy đấy – giọng anh trở nên khinh khỉnh: "Cô nói rằng cô sẽ không nói về chuyện thối tha bẩn thỉu đó, điều đáng ra cần được đưa ra công luận, để mọi người biết về sự tồn tại của nó, để rồi phải làm một cái gì đó, để những thằng lính mới phải sang đây sẽ được cảnh cáo trước và bằng cách đó có thể cứu được họ. Cô nghĩ cô che chở cho ai đây, thưa cô? Chắc chắn là cô không che chở cho những thằng đang đánh nhau, những thằng đáng được quan tâm đâu. Cô tự gọi mình là nhân viên thông tin. Còn tôi gọi cô là nhân viên giấu tin".

Jessica đỏ mặt. Không quen bị ai nói chuyện với minh theo lối đó, đôi mắt nàng loé lên tia giận dữ. Những ngón tay của nàng đã nắm chặt cái chặn giấy bằng thuỷ tinh để ở trên bàn. Trong phút chốc Partridge ngỡ là nàng sắp ném nó vào mình và chuẩn bị tránh. Rồi bất chợt, cơn giận của nàng lắng xuống và Jessica lặng lẽ hỏi: "Vậy cụ thể là anh muốn biết cái gì?".
Partridge cũng hạ giọng xuống: "Chủ yếu là số liệu. Tôi biết có người có những số liệu đó, có biên bản và đã có những cuộc điều tra".
Nàng hất mớ tóc nâu ra phía sau bằng một cử chỉ mà sau này trở nên quen thuộc và yêu mến đối với anh. "Anh có biết Rex Taibot không?".
"Có". – Taibot là viên phó lãnh sự trẻ làm việc tại toà đại sứ Mỹ ở đường Thống Nhất, cách đó vài khu nhà.
"Theo tôi thì anh nên đề nghị anh ấy cho xem báo cáo dự án Nostradamus của MACV".
Mặc dù đang cáu kỉnh, Partridge phải mỉm cười và tự hỏi không biết bộ óc nào đã nghĩ tới việc đặt cái tên đó cho dự án.
Jessica nói tiếp: "Anh không nên để Rex biết là tôi bảo anh đến. Anh cứ để cho anh ấy nghĩ là tự anh biết…".
Anh cướp lời: "… Nhiều hơn thực sự một chút. Đó là cái mẹo vặt cũ rích của cánh nhà báo".
"Các loại mẹo vặt mà anh vừa sử dụng với tôi đấy".
"Đại loại như vậy", - anh công nhận với mọt nụ cười.
"Tôi đã biết tỏng rồi" – Jessica nói. – "Tôi cứ để anh tiếp tục giở mẹo ra thôi".
"Cô không đến nỗi vô tâm như tôi nghĩ" – anh nói, - "Liệu chúng ta có thể khai thác tiếp đề tài đó vào bữa ăn tối nay không?".
Jessica nhận lời, tự mình cũng thấy ngạc nhiên.
Sau đó, họ phát hiện ra họ rất thích ở bên cạnh nhau và bữa ăn tối đó là cuộc hò hẹn mở đầu cho bao nhiêu cuộc gặp gỡ tiếp theo. Trong suốt một thời gian dài đáng ngạc nhiên, mặc dù cần nhau như vậy mà những buổi hẹn hò không tiến xa thêm bước nào, vì với lối nói giản dị, thẳng thừng của nàng, Jessica đã bảo anh ngay từ lần đầu gặp gỡ: "Tôi muốn anh hiểu rõ ràng cho dù có chuyện gì xảy ra ở quanh đây, tôi cũng không phải là người dễ bị lừa đâu. Nếu tôi lên giường với ai, thì điều đó phải có ý nghĩa gì đặc biệt và quan trọng đối với tôi, và với cả người đó nữa, vậy đừng có bảo là tôi không nói trước nhé!". Mối quan hệ của họ cũng bị ngắt quãng vì những cuộc chia ly lâu dài, vì Partridge còn phải đi tới các vùng khác ở Việt Nam.
Nhưng không tránh được cái khoảnh khác mà cả hai không chống lại lòng ham muốn.
Họ cùng ăn tối tại khách sạn Caraven, nơi Partridge ở. Sau đó, trong vườn cây của khách sạn, một ốc đảo yên bình giữa cảnh náo loạn của đất Sài Gòn, anh đã đưa tay ra ôm lấy Jessica và nàng ngả ngay vào vòng tay anh. Khi họ hôn nhau, nàng nép sát vào anh, thúc giục, và qua lớp áo mỏng của nàng, anh cảm thấy sự hưng phấn của thể xác nàng. Bao năm sau, Partridge còn

nhớ lại khoảnh khác đó như là một trong những khoảnh khắc hiếm hoi diệu kỳ mà mọi nỗi lo toan suy nghĩ – về Việt Nam, về sự xấu xa của cuộc chiến, về nỗi bấp bênh của tương lai – dường như lùi xa đâu đó. Chỉ còn hiện tại và bản thân hai người, thế thôi.
Anh dịu dàng hỏi: "Vào phòng anh nhé?".
Không nói gì, Jessica gật đầu.
Tới căn phòng trên gác, khi chỉ còn có ánh sáng bên ngoài hắt vảo và vẫn trong vòng tay nhau, anh cởi bỏ quần áo của nàng và nàng giúp anh ở những nơi mà tay anh tỏ ra vụng về.
Lúc hai người hoà vào một, nàng bảo anh "Ôi, em yêu anh biết bao!".
Mãi sau này anh cũng không nhớ là anh có nói rằng anh yêu nàng hết lòng hay không? Nhưng anh biết rằng anh đã yêu và yêu mãi mãi.
Partridge cũng rất cảm động khi phát hiện ra là Jessica vẫn còn trinh trắng. Rồi, thời gian cứ tiếp tục trôi đi và những cuộc ái ân vẫn tiếp diễn, họ vẫn tìm thấy ở nhau niềm khoái cảm về thể xác theo những cách tình tự khác nhau.
Giá vào lúc khác hoặc nơi khác, hẳn họ đã mau chóng cưới nhau. Jessica muốn tổ chức lễ cưới và nàng cũng muốn có con. Nhưng Partridge, vì những lý do mà sau này anh vô cùng hối hận, đã trì hoãn. Ở Canada, anh đã một lần thất bại trong hôn nhân và biết rằng các cuộc hôn nhân đối với phóng viên vô tuyến truyền hình thường là dễ vỡ. Phóng viên phải xa gia đình hàng hai trăm ngày hoặc nhiều hơn, không quen với trách nhiệm gia đình và rất ít người có thể thường xuyên chống đỡ được sức cám dỗ về xác thịt bất chợt trên đường. Kết cục là vợ chồng cứ xa cách nhau dần – cả mặt tinh thần lẫn thể xác. Khi tái hợp sau những lần vắng mặt dài, họ nhìn nhau như những người xa lạ.
Thêm vào tất thảy mọi chuyện là Việt Nam. Partridge biết rằng mỗi lần anh rời Sài Gòn là mỗi lần tính mạng của anh lại bị đe doạ và cho dù tới nay sự may mắn vẫn đi kèm anh, biết đâu một sự rủi ro sẽ chấm dứt sự may mắn kéo dài đó. Vậy nên anh lập luận là nếu anh trút gánh nặng lên vai ai đó thì thật không công bằng – trong trường hợp này ai đó là Jessica – một gánh nặng với nỗi lo âu thường xuyên và biết đâu còn cả nổi lòng tan vỡ nữa.
Vào một buổi sáng sớm sau một đêm chung sống, anh đem những suy nghĩ đó của mình nói với Jessica và chắc chắn anh đã mắc sai lầm nghiêm trọng. Jessica choáng váng và đau đớn vì nàng cho đây là một cái cớ tầm thường của một gã đàn ông mà nàng đã dâng hiến cả tâm hồn lẫn thể xác. Nàng lạnh lùng bảo Partridge rằng quan hệ giữa hai người đến đây là hết.
Chỉ mãi sau này Jessica mới nhận ra mình đã hiểu lầm điều mà trong thực tế là sự tử tế và tình yêu sâu sắc. Vài giờ sau đó Partridge rời Sài Gòn đi Campuchia và vắng mặt suốt một tháng.
Crawford Sloane đã gặp Jessica nhiều lần khi nàng hay đi cùng Harry Partridge, và thỉnh thoảng gặp nàng tại Phòng Thông tin Mỹ khi anh có việc tới đó. Lần gặp nào anh cũng thấy mình bị Jessica bắt mất hồn và thầm khao khát được gần gũi với nàng hơn. Nhưng nghĩ nàng là người yêu của Partridge, và rất câu nệ trong những vấn đề như vậy, anh không bao giờ hẹn gặp, như những anh chàng khác thường làm.
Nhưng khi Sloane được chính Jessica cho biết rằng nàng và Partridge đã "chia tay", anh quyết định mời ngay nàng đi ăn tối với anh. Nàng nhận lời và họ tiếp tục gặp nhau. Hai tuần sau, thú nhận rằng anh đã thầm yêu nàng từ lâu và giờ đây sau khi đã hiểu biết nhau hơn, anh đã tôn thờ nàng, ngỏ lời cầu hôn với nàng.

Jessica sững sờ vì ngạc nhiên, hẹn thời gian để suy nghĩ.

Tâm trí nàng rối bời những cảm xúc. Tình yêu của Jessica dành cho Harry là thật sự say mê và trọn vẹn. Chưa từng có người đàn ông nào dám đá phắt nàng đi như anh; nàng không biết là sau này còn có ai dám hành động như vậy nữa không. Linh tính báo cho nàng biết rằng điều mà nàng và Harry đã chia sẻ với nhau là kỷ niệm, chỉ một lần trong suốt cuộc đời. Và nàng vẫn còn yêu anh, đó là điều chắc chắn. Đến tận bây giờ nàng vẫn khao khát nhớ anh; nếu anh trở lại và yêu cầu nàng lấy anh, chắc hẳn nàng sẽ đồng ý. Nhưng, rõ ràng Harry đã không làm như vậy. Anh đã từ chối nàng và nỗi chua xót, cơn giận dỗi của Jessica vẫn chưa nguôi đi… Một phần trong con người nàng muốn… chỉ để cho hắn ta biết! Vậy đấy!

Mặt khác, bên cạnh lại có Crawford, Jessica thích Crawford Sloane. Không, còn hơn thế nữa!... Nàng cảm thấy có một mối cảm tình mạnh mẽ đối với anh. Anh tử tế và lịch thiệp, đáng yêu, thông minh, nói chuyện hay. Và Crawford là một con người tỉnh táo. Jessica phải công nhận anh là người trầm tĩnh, điều mà Harry, một con người sôi nổi, đôi khi lại thiếu. Nhưng sống với nhau cả đời, theo cách Jessica nhìn nhận về bản thân, mỗi người phải theo cách của mình. Một người sôi nổi, người kia trầm tĩnh, cách nào quan trọng hơn? Nàng thầm mong giá nàng biết được câu trả lời.

Jessica cũng có thể đặt cho mình câu hỏi này, nhưng nàng đã không hỏi: tại sao lại phải quyết định cơ chứ? Tại sao lại không chờ? Nàng vẫn còn trẻ cơ mà.

Một cách không ý thức, trong thâm tâm nàng nghĩ tới sự hiện diện của tất cả những người đang ở Việt Nam. Cuộc chiến ác liệt bao quanh họ, nó lan toả khắp nơi như không khí họ thở vậy. Có cảm giác là thời gian bị dồn ép và trôi đi vùn vụt, như thể ngày tháng thoi đưa với một tốc độ nhanh hơn bình thường. Mỗi ngày của cuộc đời dường như chìm trong dòng thác tràn qua những cửa tháo lũ mở toang của một cái đập. Ai trong số họ biết là mình còn được sống bao nhiêu ngày nữa? Liệu ai trong họ có thể trở lại nhịp sống bình thường?
Trong mọi cuộc chiến tranh, qua kinh nghiệm của toàn nhân loại, điều đó đã từng như vậy.

Sau khi cân nhắc mọi điều, Jessica chấp nhận lời cầu hôn của Crawford Sloane.

Họ tổ chức lễ cưới ngay lập tức, tại sứ quán Mỹ, do một cha tuyên uý quân đội đứng ra làm lễ. Ông đại sứ cũng tới dự và sau đó tổ chức một buổi tiếp tân tại nhà riêng của ông.

Sloane mê mẫn trong hạnh phúc. Jessica tự nhủ rằng mình cũng hạnh phúc, rằng cô xứng đáng với tâm trạng của Crawford.

Mãi tới khi về tới Sài Gòn Partridge mới hay tin về cuộc hôn nhân ấy và chỉ tới lúc đó anh mới chợt nhận ra với một nỗi buồn không cưỡng lại được là nỗi mất mát của anh lớn đến nhường nào. Khi anh tới gặp Jessica và Sloane để chúc mừng họ, anh đã cố gắng che giấu tình cảm của mình. Nhưng điều đó anh không làm được với Jessica, người luôn biết rõ anh.

Nhưng nếu Jessica có thấu hiểu những tình cảm nào đó của Partridge đi chăng nữa, thì nàng cũng chỉ giữ trong lòng và cũng để cho chúng lui về dĩ vãng. Nàng tự bảo chính nàng đã lựa chọn và quyết định trở thành một người vợ tốt của Sloane, và trong suốt những năm sau này, nàng đã làm đúng như vậy. Cũng như bất cứ cuộc hôn nhân thông thường nào khác, thỉnh thoảng họ có cãi cọ giận hờn, nhưng sau đó lại làm lành… Giờ đây, dường như mọi người khó tin rằng chỉ không đầy năm năm nữa, Jessica và Crawford sẽ kỷ niệm lễ cưới bạc của họ.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 6

Crawford Sloane đã đi được nửa đường về nhà trên chiếc Buick Somerset. Phía sau anh là cầu Triboro, anh đã ở trên đường cao tốc Bruckner và sắp tới đường Liên bang 95, đoạn chạy qua New England thông ra Larchmont.

Chiếc Ford Tempo đi theo anh từ trụ sở hãng CBA vẫn bám sát phía sau.

Cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi Sloane không chú ý tới chiếc xe kia, cả tối nay lẫn những tối khác trong suốt mấy tuần qua từ lúc nó bắt đầu đi theo anh. Lý do là người lái chiếc xe đó – một gã trai trẻ có đôi môi mỏng và cặp mắt sắc lạnh người Colombia, với mật danh Carlos, là chuyên gia trong việc lén theo bất cứ con mồi nào.

Carlos đến Mỹ hai tháng trước đây bằng hộ chiếu giả, và đã tham gia vào cuộc theo dõi lén lút này gần suốt bốn tuần lễ, cùng với sáu người khác cũng từ Colombia đến, năm nam và một nữ. Cũng giống như Carlos, những người kia chỉ mang tên giả không kèm họ, thường là để che giấu những hồ sơ phạm tội của họ. Mãi tới khi nhiệm vụ này bắt đầu, những thành viên trong nhóm mới biết nhau, còn trước đó chỉ có Miguel, tên cầm đầu, là biết rõ lai lịch của cả bọn. Tối nay, tên này ở cách đây khá xa.

Chiếc Ford Tempo đã được sơn lại hai lần trong một thời gian sử dụng ngắn ngủi. Nó cũng giống như muôn vàn chiếc xe khác, để không tạo ra đặc điểm dễ bị chú ý.
Việc theo dõi này đã cho chúng biết một cách chính xác và chi tiết về mọi hoạt động của Crawford Sloane và gia đình anh.

Lao vun vút trên đường cao tốc, Carlos đã để ba xe khác vượt lên vào khoảng cách giữa xe hắn và Sloane, nhưng vẫn không rời mắt khỏi chiếc Buick. Bên cạnh Carlos, một tên khác ghi lại thời gian và mọi hoạt động vào một cuốn sổ. Tên này là Julio, da ngăm đen, hay lý sự, cục tính, phía bên trái mặt có một vết sẹo dài xấu xí do bị chém. Hắn là tay chuyên liên lạc của cả nhóm. Ngay trên ghế sau là máy điện thoại lưu động, một trong sáu chiếc dùng để liên lạc giữa các xe và với trụ sở lâm thời bí mật của chúng.

Carlos và Julio đều là những tay thiện xạ tàn nhẫn, điêu luyện và đều mang vũ khí theo mình.

* * *

Sau khi giảm tốc độ tránh đoạn tắc nghẽn giao thông do hàng loạt xe húc vào đít nhau trên làn đường bên trái, Sloane lại tăng tốc và lại hướng dòng suy tưởng vào Việt Nam, Jessica và bản thân mình.

Cho dù đã có được thành công to lớn ở Việt Nam và thời gian sau đó, nhưng Crawford Sloane vẫn tiếp tục giữ một thoáng lo ngại về Partridge. Đó là lý do tại sao anh cảm thấy hơi khó chịu khi Partridge ở bên cạnh. Trong những giây phút riêng tư, đôi khi anh tự hỏi: có bao giờ Jessica nghĩ tới Harry, nhớ lại những giờ phút đặc biệt, riêng tư mà chắc chắn là hai người đã từng có với nhau không?

Sloane chưa bao giờ hỏi vợ mình những câu hỏi giữa vợ chồng với nhau về mối quan hệ xa xưa của nàng và Harry. Nhiều lần anh đã có thể đặt câu hỏi đó ra, kể cả từ hồi mới lấy nhau và Jessica, với bản chất là Jessica, hẳn sẽ trả lời thẳng thắn. Nhưng đơn giản là Sloane hiểu đặt loại vấn đề ấy ra không hợp với phong cách của anh. Mà, anh cũng không hiểu là mình có thực sự muốn biết những câu trả lời hay không. Nhưng thật trớ trêu, sau bao năm tháng đã trôi qua, những vấn đề cũ đó thảng hoặc vẫn nhói lên trong anh với những câu hỏi mới. Có phải Jessica vẫn quan tâm đến Harry không? Hai người có bao giờ liên hệ với nhau? Cho đến nay, liệu Jessica có còn nuối tiếc hay không?

Còn nói về nghiệp vụ, Sloane hoàn toàn không có mặc cảm tội lỗi khi xét đoán bản thân mình, nhưng trong một góc sâu kín riêng tư của tâm hồn, anh biết rằng ở Việt Nam Partridge đã là một nhà báo cừ hơn anh, cho dù anh có tiếng tăm hơn và trên tất cả mọi chuyện là anh đã lấy người yêu của Partridge… Anh biết tất cả những gì anh nghĩ ấy đều không logic, và không cần phải thấp thỏm làm gì, nhưng nỗi khó chịu vẫn đeo đẳng trong anh.

Lúc này chiếc Ford Tempo đã vượt lên cách Sloane mấy xe. Lối rẽ về Larchmont chỉ còn cách vài dặm và giờ đây Carlos và Julio đã nắm được thói quen của Sloane là thể nào anh cũng rẽ theo đường này. Đi vượt lên phía trước con mồi là một thủ thuật bám đuôi đôi khi được dùng. Chiếc xe Ford sẽ rẽ ra lối Larchmont trước, rồi chờ cho Sloane rẽ xong mới lại bám đuôi.

Mười phút sau, khi người phát thanh viên của hãng CBA tiến vào đường phố Larchmont, thì chiếc Ford Tempo vẫn kín đáo bám theo cách một quãng xa rồi dừng lại gần nhà của Sloane ở đại lộ Park, quay ra Long Island Sound.

Tương xứng với người có thu nhập lớn như Sloane, căn nhà của anh khá rộng rãi và uy nghi. Tường quét sơn trắng, mái ngói màu xám, ngôi nhà nằm trong một khu vườn đặt nhiều bức tượng có đường cho xe chạy vòng quanh. Cổng vào trồng hai cây thông. Một cái đèn chụp bằng sắt chạm trổ cầu kỳ treo trên hai làn cửa ra vào.

Sloane dùng hệ thống điều khiển từ xa ở trong ô tô mở cửa gara, lái xe vào, và cửa tự khép lại sau lưng anh.

Chiếc Ford tiến về phía trước, và vẫn từ một khoảng cách kín đáo, tiếp tục việc theo dõi.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 7

Sloane có thể nghe thấy tiếng cười nói lúc anh đi qua dãy hành lang ngắn khép kín từ nhà để xe vào nhà chính. Tiếng cười nói ngừng lại khi anh mở cửa và bước vào lối đi rải thảm dẫn tới hầu hết các căn phòng tầng dưới. Rồi tiếng Jessica từ phòng khách hỏi vọng ra: "Anh đã về phải không, Crawford".

Anh trả lời bằng câu vẫn nói hằng ngày: "Nếu không phải thì rắc rối đấy". Nàng cười ấm áp đáp lại: "ai cũng được. Xin chào! Chờ em một phút nhé!".

Anh nghe tiếng ly cốc va nhau, tiếng đá lanh canh và biết rằng Jessica đang pha rượu martini một nghi lễ chào đón mà tối nào nàng cũng làm để giúp cho anh trút bỏ những gì đã đến với anh trong suốt cả ngày làm việc.
"Chào ba!" Nicholas, cậu con trai mười một tuổi của họ từ cầu thang chào vang lên. So với tuổi thì cậu bé khá cao và mảnh khảnh. Đôi mắt thông minh của cậu bé sáng lên khi cậu chạy tới ôm hôn bố.
Sloane hôn con, rồi lùa những ngón tay vào mớ tóc xoăn màu nâu của cậu. Sự chào đón này làm anh rất thích, và anh rất cảm ơn Jessica về điều đó. Hầu như từ khi Nicky ra đời, nàng đã làm cho nó cũng tin như nàng là tình thương cần được thể hiện bằng những phương cách rõ ràng.
Khi mới lấy nhau, Sloane cảm thấy rất khó bộc lộ tình cảm. Anh giấu cảm xúc, giữ kín một số điều không bao giờ nói, mà để người bạn đời của anh phải đoán biết. Một phần là do tính chất kín đáo cố hữu của anh, nhưng Jessica thì không có tính cách đó, nàng cố hết sức phá bỏ sự giữ gìn và nàng, rồi sau đó là Nicky, đã thành công.
Sloane nhớ lại điều nàng đã nói với anh ngay từ đầu: "Anh yêu ạ, khi đã lấy nhau rồi thì không còn hàng rào ngăn cách nữa. Có nghĩa là chúng ta đã "hoà nhập với nhau". Anh có nhớ những từ đó chứ? Vậy nên từ giờ cho đến chết, anh và em sẽ nói cho nhau biết thực sự chúng ta cảm thấy như thế nào. Và đôi khi cũng phải nói về chuyện ấy nữa".
Câu cuối cùng là về chuyện chăn gối, vì một thời gian dài khi lấy nhau Sloane vẫn cảm thấy ngạc nhiên và vụng về. Jessica kiếm rất nhiều sách về chuyện ái ân có minh hoạ rõ ràng được bán nhan nhản ở miền Đông và nàng thích áp dụng những kiểu cách mới. Lúc đầu Sloane cảm thấy hơi choáng váng và rụt rè, nhưng sau anh dần cảm thấy cũng thích chuyện đó, mặc dù bao giờ Jessica cũng phải chủ động.
(Nhiều lần anh không thể không tự hỏi: "Không biết cô ấy đã có những cuốn sách về chuyện này hồi cô ấy và Partridge vẫn còn đang yêu nhau không? Liệu họ đã từng làm những kiểu như trong sách này chưa? Nhưng Sloane chưa bao giờ đủ can đảm để hỏi, có lẽ vì anh sợ cả hai câu

trả lời có thể sẽ là: có).
Đối với những người khác, anh vẫn tiếp tục giữ thái độ dè dặt. Sloane không thể nhớ là anh đã ôm hôn bố mình lần cuối cùng vào lúc nào, cho dù một đôi lần gần đây, anh định làm như vậy, nhưng rồi lại thôi, vì anh không chắc ông già Angus – một con người tính cách cứng cỏi đến mức khô khan – sẽ phản ứng như thế nào.
"Chào anh!" Jessica hiện ra trong chiếc váy màu xanh lá cây mềm mại, màu mà anh lúc nào cũng ưa thích. Họ âu yếm ôm hôn nhau rồi cùng đi vào phòng khách. Nicky cũng vào đó một lúc như thường lệ, vì cậu đã ăn tối trước bố mẹ và sẽ phải đi ngủ sớm.
Sloane hỏi con: "Con tập đàn đến đâu rồi?".
"Tuyệt, ba ạ. Con đang tập khúc dạo đầu số hai của Gershwin".
Sloane hỏi: "Ba nhớ bài đó. Có phải Gershwin viết bài này khi ông ta còn trẻ không nhỉ?".
"Vâng, hồi ông ta hai mươi tám tuổi".
"Gần đoạn đầu, ba nhớ là nó đi theo nhịp đum-đi-đa-đum. Đi-đa-đa-đum-đi-đum-đi-đum-đi-đum". Khi anh cất tiếng hát, Nicky và Jessica phá lên cười.
"Con biết cái đoạn ba định nói rồi ba ạ, có lẽ con biết tại sao ba nhớ đoạn đó".
Nicky đi tới chiếc piano lớn đặt ở trong phòng rồi cất giọng teno trẻ trung trong sáng, tự đệm đàn theo.
Trên bầu trời cao sao sáng lấp lánh.
Ở bên bờ hồ trăng xanh chiếu sáng.
Và rời bữa tiệc của cô Dina.
Tôi đã đưa nàng Neli về nhà.
Trán Sloane nhăn lại, anh cố lọc tìm trong ký ức. "Ba đã nghe bài này rồi. Nó có phải là một bài hát ru từ thời nội chiến không con".
Mắt Nicky rạng rỡ: "Đúng đấy, ba ạ".
"À, ba hiểu rồi, có phải là con đang định nói với ba bằng một số nốt nghe tương tự như trong khúc dạo đầu số hai của Gershwin phải không?".
Nicky lắc đầu "Hoàn toàn ngược lại vì bài hát có trước. Nhưng không ai biết có phải Gershwin đã biết bài hát trước, rồi sử dụng nhạc, hay đó chỉ là một sự tình cờ".
"Và chúng ta cũng không bào giờ biết được", hài lòng trước sự hiểu biêt của Nicky, Sloane reo lên: "Ba thua con rồi".
Cả anh lẫn Jessica cũng không thể nhớ chính xác Nicky bắt đầu biểu lộ niềm say mê âm nhạc từ lúc mấy tuổi, mà chỉ nhớ là từ khi cầu còn rất bé, và giờ đây âm nhạc là niềm say mê lớn nhất của Nicky.
Nicky thích chơi piano và theo học mộ tnhajc sĩ giao hưởng già người Áo sống ở vùng New Rochelle gần đó. Cách đây mấy tuần, bằng thứ tiếng Anh lơ lớ, thầy giáo nói với Jessica: "Con của bà đã đạt được trình độ cảm thụ âm nhạc là điều ít thấy ở lứa tuổi cháu. Sau này cậu ta có thể trở thành hoặc nhạc sĩ hoặc nhạc công, hoặc nhà nghiên cứu âm nhạc, thậm chí hoặc nhà triết học. Nhưng điều quan trọng hơn là với Nicholas, âm nhạc nói bằng tiếng nói của thiên thần và của niềm vui. Đó là một phần trong tâm hồn của cậu bé. Tôi nghĩ nó sẽ là ý nghĩa của cuộc đời của cậu".
Jessica liếc mắt nhìn đồng hồ: "Nicky, muộn rồi đấy con ạ".
"Mẹ ơi, cho con ở lại đi! Ngày mai con được nghỉ mà".
"Nhưng ngày mai con cũng có rất nhiều bài tập, mẹ không đồng ý đâu".

Jessica là người giữ kỷ luật của gia đình. Sau khi ngoan ngoãn chúc bố mẹ ngủ ngon, Nicky về phòng. Một lúc sau, họ nghe thấy tiếng cậu bé đang chơi chiếc đàn điện tử xách tay trong phòng ngủ. Cậu bé thường tập bằng chiếc đàn này khi không được sử dụng chiếc đàn piano trong phòng khách.

Trong căn phòng sáng dịu Jessica đã trở lại với cốc rượu martini mà nàng đang pha nó. Vừa nhìn nàng làm, Sloane vừa nghĩ: "Mình may mắn biết bao!".

Đó là cảm giác mà anh thường nghĩ về Jessica và vẻ đẹp của nàng dù đã sau hơn 20 năm chung sống. Nàng không còn giữ mái tóc dài nữa và cũng không giấu nhưng món tóc đã ngả bạc. Cũng đã có nhiều nếp nhăn quanh đôi mắt. Nhưng vóc dáng của nàng vẫn thanh tú, xinh đẹp, còn đôi chân nàng vẫn khiến những người đàn ông phải ngoái đầu nhìn lại. Nói chung anh nghĩ nàng thực không thay đổi gì và anh vẫn cảm thấy tự hào khi đi đến bất cứ nơi đâu với Jessica đi bên cạnh mình.

Khi đưa cốc rượu cho anh, nàng hỏi: "Hôm nay có vẻ vất lắm, phải không anh?".

"Cũng khá vất. Em có xem chương trình tin không?".

"Có, tội nghiệp cho những hành khách trên chiếc máy bay đó. Thực là khủng khiếp. Họ đã biết trong suốt cả một thời gian dài, rằng họ không còn hy vọng gì nữa ngoài cách là cứ ngồi đó chờ chết".

Sloane cảm thấy hối hận khi nhận ra rằng anh đã không hề nghĩ tới điều đó. Phàm đã là nhà báo chuyện nghiệp, đôi khi vì quá bận tâm vào việc thu thập tin tức mà quên mất những con người được nói đến trong các tin đó. Anh tự hỏi: đó phải chăng là sự nhẫn tâm sau một thời gian dài chuyên làm tin tức, hay đó là một sự cách ly cần thiết, như kiểu các bác sĩ yêu cầu. Anh hy vọng đó là trường hợp thứ hai chứ không phải là trường hợp đầu.

"Nếu em đã coi tin về vụ máy bay rơi", anh nói, "thì em đã thấy Harry. Em nghĩ thế nào?".

"Anh ấy khá lắm".

Câu trả lời của Jessica có vẻ như dửng dưng. Sloane vừa nhìn nàng, chờ xem nàng có nói gì thêm nữa không, vừa tự hỏi: "Có phải trong tâm trí cô ấy, quá khứ đã chết hẳn rồi không?".

"Harry tuyệt chứ không phải là khá. Anh ta đã làm như thế này này", Sloane vừa nói, vừa bật ngón tay một cái, "không hề được báo trước, không hề có thời gian chuẩn bị". Anh tiếp tục mô tả sự may mắn của hãng CBA khi có đội quay phim ở ngay sân bay DFW. "Harry, Rita và Minh đều tuyệt vời. Bọn anh đã có được những tin mà tất cả các hãng khác không có".

"Harry và Rita lúc nào cũng làm việc cùng nhau, giữa hai người có chuyện gì không anh?".

"Không. Họ chỉ hợp nhau trong công việc thôi".

"Làm sao mà anh biết được?".

"Bởi vì Rita đang dan díu với Leslie Chippingham. Cả hai người nghĩ chẳng ai biết chuyện đó, nhưng tất nhiên ai cũng biết cả".

Jessica cười: "Lạy Chúa! Bọn các anh là một lũ người bừa bãi hết chỗ nói".

Leslie Chippingham là giám đốc Ban tin của hãng CBA. Đó là người mà Sloane định gặp vào ngày hôm sau để bàn về chuyện đẩy Chuck Insen ra khỏi vị trí uỷ viên ban chủ nhiệm.

"Em đừng vơ đũa cả nắm", anh bảo Jessica. "Anh hoàn toàn hài lòng với cái mà anh có ở nhà…".

Cốc martini bao giờ cũng làm anh thoải mái, mặc dù cả anh lẫn Jessica đều không nghiện rượu. Một cốc martini và một cốc rượu vang trong bữa ăn tối là cùng, còn suốt cả ngày, Sloane không hề uống một giọt nào cả.

"Tối nay anh cảm thấy dễ chịu", Jessica nói, "và anh còn một chuyện vui nữa đây này".

Nàng đứng dậy đi tới bàn làm việc nhỏ ở góc phòng lấy chiếc phong bì, đã được bóc ra như thường lệ vì Jessica thu xếp hầu hết công việc riêng của họ. "Đây là thư của nhà xuất bản thông báo về tiền nhuận bút".

Anh lấy mấy tờ giấy ra khỏi phong bì và đọc, mặt tươi lên trong nụ cười hài lòng. Cuốn sách có tựa đề: "Ống kính và sự thật" của Crawford Sloane đã được xuất bản cách đây mấy tháng. Đây là cuốn sách thứ ba anh viết cùng với một cộng tác viên.

Thật ra cuốn sách có vẻ bán chậm. Các nhà phê bình văn học ở New York đã thẳng tay công kích nó, lợi dụng cơ hội này để hạ nhục một người có tầm cỡ như Crawford Sloane. Nhưng ở các nơi khác như Chicago, Cleverland, San Francisco và Miami, giới phê bình lại đánh giá cao cuốn sách. Quan trọng hơn là sau mấy tuần, một vài đoạn trong cuốn sách đã thu hút được sự chú ý trong những mục điểm tin – một kiểu quảng cáo tốt nhất cho bất cứ cuốn sách nào.

Trong một chương nói về nạn khủng bố và con tin, Sloane đã nói trắng ra là "phần lớn người Mỹ cảm thấy xấu hổ khi được biết vào năm 1986-87, chính phủ mỹ đã chuộc lại tự do cho một nhóm con tin của chúng ta ở Trung Đông với cái giá là hàng ngàn người Irac chết và bị tàn tật, không chỉ những người trên chiến trường giữa Iran và Irac mà cả những thường dân".

Anh nêu rõ những tổn thất chiến tranh đó là kết quả của việc Mỹ cung cấp vũ khí cho Iran để đổi lấy việc thả các con tin. "Ba mươi đồng bạc bẩn thỉu của thời hiện đại" – đó là lời Sloane mô tả việc trả giá này, và anh trích một đoạn trong "Đồng tiền vàng" của Kipling:

"Chúng ta không bao giờ trả dù chỉ một đồng tiền vàng.
Dẫu cái giá không đáng là bao.
Vì chung cuộc của trò chơi là hỗ thẹn và áp lực.
Dân tộc nào chơi trò này chỉ thua cuộc mà thôi".

Những nhận xét khác được người ta khen là:

- Không một nhà chính trị nào có can đảm để nói ra điều này, nhưng con tin, kể cả con tin người Mỹ, nên được coi là có thể hy sinh được. Những lời thỉnh cầu của gia đình con tin nên được cảm thông, nhưng không được làm thay đổi chính sách của chính phủ.

- Cách duy nhất để đối phó với bọn khủng bố là chống khủng bố, có nghĩa là hễ có thể được là phải tìm và lặng lẽ diệt trừ chúng – đó là ngôn ngữ duy nhất chúng hiểu. Tuyệt đối không có mặc cả nhượng bộ với bọn khủng bố hoặc trả tiền chuộc, không bao giờ!

- Những kẻ khủng bố không tuân theo luật pháp thì khi bị bắt quả tang không được phép trông đợi sự che chở của luật pháp và những nguyên tắc mà chúng coi khinh. Người Anh, mà sự tuân thủ pháp luật đã ăn sâu trong máu họ, đôi lúc đã buộc phải bẻ cong luật pháp để tự bảo vệ chống lại bọn Quân đội Cộng hoà Ailen suy đồi và tàn bạo.

- Dù chúng ta làm gì đi chăng nữa thì nạn khủng bố cũng không thể hết được và những chính phủ và những tổ chức ủng hộ bọn khủng bố không thực sự muốn dàn xếp và hoà giải. Họ là những kẻ cuồng tín đang sử dụng những kẻ cuồng tín khác và những tôn giáo tệ hại như một thứ vũ khí của họ.

- Là những người sống ở Mỹ, chúng ta sẽ không tránh khỏi nạn khủng bố ở ngay trên đất của chúng ta lâu hơn nữa. Nhưng chúng ta vẫn chưa hề có sự chuẩn bị về tinh thần hoặc bất cứ cách nào khác đối với loại chiến tranh đang lan tràn và rất tàn bạo này.

Khi cuốn sách được xuất bản, một số lãnh đạo của hãng CBA đã lo ngại về những lời tuyên bố là "những con tin nên được coi là có thể hy sinh được" và "lặng lẽ diệt trừ", sợ rằng những lời đó có thể gây ra một vụ bất bình của dân chúng và chính giới đối với hãng. Khi thấy không có gì

phải lo ngại, các uỷ viên cũng mau chóng gia nhập vào dàn hợp xướng ca tụng.
Sloane rạng rỡ hẳn lên khi anh đặt tờ thông báo số tiền nhuận bút lớn sang bên cạnh.
"Anh xứng đáng với những điều người ta nói và em rất tự hào về anh", Jessica nói. "Đặc biệt là vì anh không phải loại người thích liều nhảy vào những chuyện gây tranh cãi, - Nàng ngưng một lát rồi nói "Ồ, quên mất, ba anh gọi điện đấy. Sáng mai ba sẽ tới và ở lại đây một tuần".
Sloane nhăn mặt: "Ba vừa mới đến mà".
"Ba cô đơn và ba đã già rồi. Có lẽ anh cũng sẽ cư xử như vậy một khi anh có một cô con dâu mà anh thích gặp".
Cả hai cùng cười vì biết rằng ông Angus Sloane rất quý Jessica và cô cũng vậy. Về một mặt nào đó thì họ còn hợp nhau hơn là giữa ông và con trai.
Ông Angus sống một mình ở Florida từ khi mẹ của Sloane qua đời.
"Em rất thích khi ba tới đây" Jessica nói, - "Nicky cũng vậy".
"Thôi thế cũng được. Nhưng trong khi ba ở đây thì hãy cố dùng ảnh hưởng của em để ba đừng nói quá nhiều về danh dự, lòng ái quốc và những chuyện dài dòng khác nữa".
"Em hiểu anh muốn nói gì. Em sẽ làm cái gì em làm được".
Nguyên do của chuyện này là ông già Angus Sloane không thể nào cạm chịu để cho cái danh tiếng anh hùng của Thế chiến thứ hai trôi vào dĩ vãng, vì ông lúc đó là một phi công chỉ huy cắt bom của không lực Hoa Kỳ, đã được tặng huân chương Ngôi Sao Bạc một huân chương phi công xuất sắc. Sau chiến tranh ông làm một nhân viên kế toán, tuy không phải là một nghề nghiệp đáng chý ý, nhưng khi về hưu ông được một khoản hưu trí đủ để sống độc lập. Những năm tháng trong quân ngũ vẫn cứ tiếp tục chế ngự mọi suy nghĩ của ông.
Tuy Crawford rất tôn trọng chiến công của cha mình, anh vẫn thấy chán ngắt khi ông luôn nhắc lại những chuyện ông ưa thích: "Ngày nay không còn có giá trị đạo đức và lòng chính trực nữa". Vì vậy Jessica cố lái những lời thuyết giáo của ông bố chồng sang phía khác.
Sloane và Jessica trò chuyện suốt bữa ăn tối, đó là lúc dễ chịu nhất của họ. Jessica thuê một người đến giúp việc hàng ngày nhưng nàng thường tự nấu bữa ăn tối dành cho chồng con.
Sloane trầm ngâm nói: "Trở lại câu chuyện cũ, anh hiểu ý em định nói gì, về chuyện anh không thích những chuyện tranh cãi. Anh nghĩ trong đời anh không mấy khi liều mạng lao vào cuộc. Nhưng cho đến nay anh vẫn có cảm xúc mạnh mẽ về một số điều trong cuốn sách".
"Về nạn khủng bố phải không anh?".
Anh gật đầu: "Từ khi viết ra điều đó, anh cứ nghĩ không biết cái nạn khủng bố có thể tác động vào em và anh thế nào. Vậy nên anh đã có một số biện pháp phòng ngừa đặc biệt. Cho đến nay anh cũng chưa nói với em, nhưng em nên biết".
Thấy Jessica nhìn anh với vẻ tò mò, anh nói tiếp: "Có bao giờ em nghĩ rằng một người nào đó như anh lại có thể bị bắt cóc và trở thành con tin không?".
"Khi anh ở nước ngoài, em đã nghĩ tới điều đó".
Anh lắc đầu: "Nó có thể xảy ra ở đây. Thế nào cũng sẽ có một vụ đầu tiên và anh, cũng như một số người khác trong đài truyền hình, đều làm việc trong một cái bể cá vàng. Nếu như bọn khủng bố bắt đầu hoạt động ở Mỹ, mà anh tin rằng chúng sẽ sớm bắt đầu thôi, thì những người như anh sẽ là miếng mồi hấp dẫn vì bất cứ điều gì bọn anh làm, hoặc liên quan đến bọn anh, cũng là điều mọi người rất chú ý".
"Thế còn các gia đình thì sao? Liệu họ có thể cũng là mục tiêu của chúng không?".
"Khả năng đó rất ít. Bọn khủng bố cần người có tên tuổi. Một người mà ai ai cũng biết cơ".

Jessica nói vẻ bồn chồn: “Anh nói đến các biện pháp phòng ngừa là gì vậy?”.
“Tức là những biện pháp có tác dụng sau khi anh đã bị bắt cóc – nếu chuyện đó xảy ra. Anh đã bàn tính kỹ với một luật sư quen biết, ông Sy Dreelan. Ông ta biết tất cả mọi chi tiết, và có quyền công bố tất cả mọi điều khi cần thiết”.
“Em không thích cuộc nói chuyện này lắm, anh đang làm em sợ, và nếu chuyện xấu đã xảy ra rồi thì phòng ngừa còn ăn thua gì nữa?”.
“Trước khi nó xảy ra, anh phải nhớ hãng tạo một số điều kiện để bảo đảm an toàn, và hiện nay họ đang làm, ở mức độ nào đó. Nhưng sau đó, như anh đã nói trong cuốn sách, là anh không muốn bất cứ ai phải bỏ bất cứ một kiểu tiền chuộc nào, kể cả bằng tiền túi của chúng ta. Vậy nên một điều anh đã làm là tuyên bố nghiêm túc như thế bằng văn bản hoàn toàn đúng thể thức pháp lý”.

“Có phải anh định nói với em là toàn bộ tiền nong của chúng ta sẽ bị phong toả và không hoạt động gì hết?”.
Anh lắc đầu: “Không, anh không thể làm điều đó, cho dù anh muốn chăng nữa. Hầu hết mọi thứ chúng ta có, nhà cửa, ngân quỹ, hối phiếu, vàng bạc, ngoại tệ, đều là của chung giữa anh và em, và em có thể làm bất cứ cái gì em muốn với những của cải đó, như hiện nay em đang làm. Nhưng sau khi lời tuyên bố kia của anh được công bố, và mọi người hiểu điều anh nghĩ, anh muốn tin là em sẽ không hạ mình đi theo con đường khác”.

Jessica phản đối: “Anh đã tước mật quyền quyết định của em!”.
Anh dịu dàng nói: “Không đâu, em yêu ạ. Anh chỉ tránh cho em một trách nhiệm khủng khiếp và tình huống khó xử thôi”.
“Nhưng giả sử hãng sẵn sàng trả tiền chuộc thì sao?”.
“Anh không tin họ sẽ làm gì trái với ý muốn của anh đã được ghi trong cuốn sách và được nhắc lại trong lời tuyên bố”.
“Anh nói rằng hãng đã tạo cho anh một số điều kiện để đảmbảo an toàn. Đây là lần đầu tiên em nghe nói điều đó. Chính xác là gì vậy?”.
“Tức là khi nào có những sự đe doạ qua điện thoại, thư tín theo kiểu đó, hoặc tin đồn về một vụ tấn công nào đấy có thể xảy ra – chuyện này vẫn thường xảy ra ở các hãng và đặc biệt là cho phát thanh viên – thì những thám tử tư sẽ được mời đến. Họ sẽ theo dõi xung quanh trụ sở hãng CBA, ở bất cứ nơi nào anh làm việc, sẽ làm bất cứ điều gì mà các thám tử phải làm. Đôi lần, điều đó đã xảy ra với anh rồi”.
“Anh chưa bao giờ nói cho em nghe chuyện đó cả”.
“Đúng, anh chưa bao giờ nói” – anh thừa nhận.
“Còn cái gì anh chưa nói với em nữa?” – có một cái gì đó trong giọng nói của Jessica mặc dù rõ ràng là nàng không biết là do tức giận vì chuyện giấu giếm đó hay chỉ vì lo lắng thôi.
“Anh không giấu giếm gì em chuyện ở hãng cả, ngoài một số chuyện anh đã thu xếp với Dreeland”.

“Liệu anh cho em biết những chuyện đó thì có quá nhiều không?”.
“Em cần phải biết” – Sloane lờ cái vẻ giễu cợt mà đôi khi vợ anh bật ra những lúc xúc động.
“Khi có người bị bắt cóc, bất cứ ở nơi nào trên thế giới, thì điều chắc chắn là họ sẽ được hoặc

buộc phải thu băng video. Rồi các băng này sẽ được phát, đôi khi trên vô tuyến, nhưng không ai biết chắc được là họ tự nghuyện hay bị bắt buộc, và nếu bị bắt buộc, thì tới mức độ nào. Nhưng nếu có một sự bố trí trước thì bằng những tín hiệu, người bị bắt cóc sẽ có được cơ hội tốt nhất để gửi những lời nhắn nhủ về nhà. Hiện nay ngày càng nhiều người thuộc loại người có thể bị bắt làm con tin để những lời chỉ dẫn lại cho các luật sư của họ bằng một hệ thống các mã số mật hiệu".

"Nếu chuyện này không nghiêm trọng đến thế thì nó nghe có vẻ như một cuốn tiểu thuyết trinh thám ấy" – Jessica nói "Thế anh đã dự tính loại mật hiệu gì vậy?".
"Đưa lưỡi lên liếm môi, động tác mà ai cũng có thể làm mà không bị chú ý, có nghĩa là "Tôi đang làm điều này vì bị bắt buộc. Đừng có tin bất cứ điều gì tôi nói". Gãi hoặc sờ vào tai phải có nghĩa là "Những kẻ bắt giữ tôi tổ chức rất chặt chẽ và được trang bị vũ khí rất mạnh". Gãi hoặc sờ vào tai trái có nghĩa là: "Đôi khi an ninh ở đây khá lơi lỏng. Một cuộc tấn công từ phía bên ngoài có thể thành công". Còn một số điều khác, nhưng bây giờ hãy đến thế đã. Anh không muốn những điều này làm em lo lắng".

"Mà thực sự là em rất lo" – Jessica nói và tự hỏi: "Liệu điều đó có xảy ra không? Liệu Crawford có bị bắt cóc và đưa đi xa không? Dường như đó là điều không thể tin được, nhưng hầu như ngày nào những chuyện không thể tin được đó vẫn cứ xảy ra".
"Ngoài chuyện sợ hãi ra", nàng nói với vẻ đăm chiêu, "em phải thú nhận một đôi điều làm em ngạc nhiên, vì có cái gì đó trong anh mà chắc chắn là em chưa từng biết. Nhưng em cứ tự hỏi tại sao anh không theo học khoá tự vệ mà chúng ta đã định ấy nhỉ?".

Đó là một khoá luyện tập chống khủng bố do một công ty Anh, là công ty an ninh Paladin, soạn thảo và đã được phát trên nhiều chương trình tin tức của Mỹ. Khoá học kéo dài một tuần, và một phần của nó là chuẩn bị trước cho mọi người đối phó với cái khả năng mà Sloane vừa đưa ra – làm thế nào để xử sự khi trở thành nạn nhân trong tình huống bị bắt làm con tin. Chương trình đó còn dạy cho người ta biết cách tự vệ tay không là điều mà Jessica giục chồng phải theo học sau khi Dan Rather, phát thanh viên của hãng CBS bị tấn công một cách man rợ trên đường phố New York vào năm 1986. Hai kẻ lạ mặt đã tấn công bất thình lình và Dan Rather đã phải đi nằm viện; còn những kẻ tấn công thì biệt tăm từ dạo đó tới nay.

"Vấn đề là làm sao có được thời gian để tham gia lớp học", Sloane nói. "Nhân tiện nói chuyện này, em vẫn đang theo các bài cqb đấy chứ?".
CQB (Close quarters battle) là chữ viết tắt của từ "cận chiến", một từ đặc biệt dành cho những cuộc đánh nhau tay không mà đội quân tinh nhuệ SAS của Anh đã thực hành. Một thiếu tướng về hưu người Anh hiện đang sống ở New York dạy khoá này và Jessica muốn Crawf phải theo học nhưng vì anh không thể nào thu xếp được thời gian, nên nàng đi học một mình.

"Em không đi tập thường xuyên nữa", nàng đáp lời. "Tuy vậy hàng tháng em vẫn đi một hai buổi gì đó để cho khỏi quên và thỉnh thoảng khi tướng Wadi giảng bài em vẫn đi nghe".
Sloane gật đầu "Thế thì tốt".

Đêm hôm đó, vì câu chuyện vừa qua giữa hai vợ chồng vẫn luẩn quẩn trong óc nên Jessica trằn trọc không sao ngủ được.
Bên ngoài, những kẻ ngồi trong chiếc xe Ford Tempo nhìn những ngọn đèn trong nhà tắt dần. Rồi họ báo cáo qua điện thoại lưu động và lái xe đi, chấm dứt cuộc rình mò đêm đó.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 8

Mới sáu giờ 30 phút sáng, cuộc theo dõi căn nhà của Sloane ở Larchmont đã lại tiếp tục. Sáng nay, bọn chúng dùng một chiếc Chervolet – Celebrity, và vẫn bọn người Colombia, Julio và Carlos, ngã người trên hàng ghế đầu, một lối quan sát đúng kiểu để không bị những chiếc xe qua lại chú ý. Chiếc xe đỗ ở một phố nhỏ thuận tiện phía bên trên nhà Sloane, và cuộc quan sát được tiến hành qua những chiếc gương ở hai bên và gương chiếu hậu.

Cả hai tên trong xe đều cảm thấy căng thẳng vì biết rằng ngày hôm nay sẽ là ngày hành động, cao điểm của một dự tính lâu dài và cẩn thận.

Bảy giờ 30, một sự kiện không lường trước đã xảy ra khi một chiếc taxi tiến đến nhà của Sloane. Một người đàn ông lớn tuổi tay xách valy từ trong xe bước ra. Ông vào nhà rồi ở lại trong đó. Sự hiện diện không được tính trước của người mới đến này khiến bọn chúng lúng túng và phải dùng điện thoại lưu động gọi ngay về trụ sở lâm thời của bọn chúng ở cách đó chừng hai mươi dặm.

Hệ thống liên lạc tinh vi và chiếc xe hảo hạng này đủ cho thấy rằng đây là một hoạt động mà mọi chi phí đều không thành vấn đề. Những kẻ chủ mưu đã toan tính và tổ chức cuộc theo dõi, từng bước tiến hành đều là những chuyên gia đầy thủ đoạn và có trong tay hàng đống tiền.

Chúng là thành viên của nhóm Medelin của Colombia, một liên minh các ông trùm ma tuý xấu xa, đầy tội ác và cực kỳ giàu có. Hoạt động bằng những phương thức man rợ, chúng là tác giả của vô số những cuộc ám sát tàn bạo, đẫm máu kể cả vụ ám sát ứng cử viên tổng thống Colombia là thượng nghị sĩ Luis Carlos Galan vào năm 1989. Từ năm 1981 đã có hơn 220 vị thẩm phán và nhân viên toà án bị ám sát, không kể cảnh sát, nhà báo và những người khác. Vào năm 1986, một đồng minh của nhóm Medellin cùng với phái du kích theo xu hướng XHCN mang mật danh M-19 đã nhúng tay vào một vụ giết người tập thể, khiến mười chín người chết, trong đó một nửa là thành viên của toà án tối cao Colombia.

Mặc dù nhóm Medellin có chiến tích đáng ghê sợ như vậy, chúng lại thích có quan hệ chặt chẽ với nhà thờ cơ đốc giáo La Mã. Nhiều tên trùm nhóm kiêu hãnh vì có nhà thờ riêng. Một hồng y giáo chủ đã nói về bọn Medellin một cách thiện chí và một giám mục đã khúm núm nhận tiền của bọn buôn lậu ma tuý này.

Nhóm này không chỉ tiến hành các vụ ám sát. Những vụ hối lộ và tham nhũng với quy mô lớn do bọn trùm buôn ma tuý chi phí đã lan tràn như một thứ nạn dịch hoành hành trong hệ thống chính phủ Colombia, toà án, cảnh sát và quân đội, bắt đầu từ các cấp cao nhất và luồn lách đến các cấp thấp nhất. Một sự mô tả trắng trợn về lời đề nghị hợp tiêu chuẩn của bọn buôn ma tuý với giới quan chức là *plata o Plams* – tiền bạc hoặc đạn chì.

Trong một thời gian, suốt từ 1989 và 1990 trong bầu không khí ghê sợ sau vụ ám sát Galan, các ông trùm nhóm rất khó chịu vì sự tăng cường hoạt động của các cơ quan luật pháp chống lại chúng, kể cả một vài vụ can thiệp của Mỹ. Phản ứng trả đủa của bọn chủ mưu buôn bán ma tuý được mô tả chính xác là một cuộc "Chiến tranh toàn diện" bao gồm bạo lực quy mô lớn, đánh bom và giết chóc nhiều hơn nữa, một chiến dịch mà chắc chắn là chúng vẫn tiếp tục. Nhưng có lẽ không ai tin là có thể tiêu diệt nhóm này cũng như việc buôn bán ma tuý ở khắp nơi của chúng – có thể là với các ông trùm mới và các cơ sở mới.

Ngay giờ đây, trong khi hoạt động bí mật ở Mỹ, Medellin không chỉ tiến hành các công việc của bọn chúng, mà còn làm thuê cho tổ chức khủng bố theo chủ nghĩa Mao của Peru gọi là Sendero Luminoso, có nghĩa là *Con đường sáng*. Gần đây tại Peru, Sendero Luminoso đã thâu tóm được nhiều quyền lực hơn trong khi chính phủ hợp pháp ngày càng trở nên bất lực và yếu đuối. Trước kia, lĩnh vực hoạt động của Sendero chỉ giới hạn trong dãy núi Andes, thung lũng Huallaga và các trung tâm như Ayacucho và Cuzco; giờ đây, các đội đánh bom và các đội ám sát của nó lang thang khắp thủ đô Lima.

Có hai lý do chủ yếu dẫn đến các mối liên hệ giữa Sendero Lominoso và nhóm Medellin. Lý do đầu tiền là Sendero có thói quen dùng các tên tội phạm nước ngoài để tiến hành các vụ bắt cóc thường xảy ra ở Peru, nhưng những vụ này không được giới báo chí Mỹ đưa tin rộng rãi. Thứ hai là Sendero Luminoso kiểm soát hầu như toàn bộ vùng Thượng thung lũng Huallaga, là nơi chiếm tới 60 phần trăm côca trên thế giới. Côca từ dạng lá sẽ được chuyển qua dạng bột nhão côca – trước khi tinh chế thành côcain – rồi sau đó được chuyển bằng máy bay từ các vùng xa xôi cho các nhóm buôn lậu ở Colombia.

Trong toàn bộ tiến trình này thì số tiền thu được từ ma tuý phần lớn rơi vào ngân quỹ của Sendoro; nhóm này đòi hỏi một sự cống nạp lớn của cả người trồng côca lẫn bọn buôn lậu – trong đó có đường dây của Medellin.

Giờ đây, trong chiếc Chervolet, hai tên khủng bố người Colombia xem một tập ảnh chụp nhanh mà Carlos, một nhiếp ảnh lão luyện, đã chụp tất cả những người chúng thấy ra vào nhà hai vợ chồng Sloane trong suốt bốn tuần qua. Ông già vừa tới không có mặt trong số ảnh này.
Julio, dùng mật ngữ gọi điện về.

"Một kiện hàng xanh vừa mới tới. Vận đơn số hai, kiện hàng đã ở trong kho. Chúng tôi không biết ai đặt hàng". Dịch ra là: "Một người đàn ông vừa mới tới. Đi bằng taxi. Ông ta đã vào nhà. Chúng tôi không biết ông ta là ai, không có ảnh chụp ông ta".

Giọng nói chói tai của Miguel, tên cầm đầu nhóm, hét qua điện thoại: "Số phiếu gì?".
Julio không quen với mật ngữ lắm, khẽ chửi thề khi hắn lật cuốn sổ tay để giải mã câu hỏi. Câu đó là "Người này bao nhiêu tuổi?".
Hắn ta nhìn Carlos cầu cứu: "Uni vie jo. Bao nhiêu tuổi?".
Carlos cầm cuốn sổ và đọc câu hỏi: "Bảo ông ta là số phiếu bảy mươi lăm".
Julio trả lời, phía bên kia lại hỏi cộc lốc: "Kiện hàng xanh có gì đặc biệt không?".
Bỏ cả mật hiệu, Julio đãng chí nói bằng ngôn ngữ thông thường: "Ông ta mang một chiếc va li vào. Có vẻ như ông ta dự định ở lại đó lâu".
* * *

Ở phía nam Hackensack, New Jersey, trong một căn nhà thuê dột nát, người đàn ông mang mật danh là Miguel rủa thầm sự cẩu thả của Julio. Tại sao hắn lại buộc phải làm việc với mấy thằng ngu này không biết? Trong cuốn mật mã có một câu có thể trả lời câu hỏi này, mà hắn đã báo trước tất cả bọn, đã nói đi nói lại là điện thoại vô tuyến thì bất cứ ai cũng có thể nghe thấy được. Các thiết bị dò sóng có thể nghe trộm những cuộc nói chuyện qua điện thoại lưu động bán đầy các cửa hiệu. Miguel đã nghe nói rằng có một đài phát thanh sử dụng máy dò sóng và khoe rằng họ đã làm thất bại nhiều âm mưu tội ác.

Lũ ngốc! Hắn không thể nào làm cho mấy thằng ngốc cùng hành sự với hắn hiểu được điều quan trọng là phải cảnh giác, thận trọng, luôn canh phòng, không chỉ hầu hết mọi lúc mà là tất cả mọi lúc, khi mà sự thành công của phi vụ cùng với mạng sống và tự do của bọn chúng đang bị đe doạ.
Chính Miguel lúc nào cũng nhớ là phải rất thận trọng. Vậy nên hắn không bao giờ bị bắt, cho dù hắn ở trong danh sách "cần truy nã nhất" của lực lượng cảnh sát ở cả Nam và Bắc Mỹ và ở cả một số nước châu Âu, kể cả lực lượng cảnh sát quốc tế. Ở Tây bán cầu hắn đã bị truy tìm, cũng ráo riết như chiến hữu của hắn, tên khủng bố Abu Nidal ở phía bên kia Đại Tây Dương. Về chuyện đó thì Miguel tự cho phép mình có tự hào đôi chút, mặc dù không bao giờ hắn quên rằng tự hào có thể sinh ra tự tin thái quá, và do đó cũng là một điều hắn luôn dè chừng.

Mặc dù đã tham gia vào nhiều phi vụ làm ăn, hắn vẫn còn khá trẻ, mới quãng ba mươi tám tuổi. Nhìn bề ngoài, hắn không có gì đáng để ý, vào loại dễ coi, bất cứ ai đi ngang qua mặt hắn trên đường phố có thể cho hắn là một nhân viên ngân hàng, hoặc khá lắm thì cũng chỉ là chủ một cửa hàng nhỏ. Một phần vì hắn cố hết sức làm cho mình có vẻ không quan trọng. Hắn cũng tạo ra một thói quen là rất lịch sự với người lạ, nhưng không đến mức gây ra ấn tượng lưu lại trong trí nhớ; hầu hết mọi người tình cơ gặp hắn mà không biết hắn là ai thì đều quên cuộc gặp đó. Trong quá khứ, cái vẻ bình thường này đã là một lợi thế lớn của Miguel, cũng như việc hắn không tỏ uy lực của mình ra. Quyền chỉ huy của hắn luôn luôn được giấu kín, trừ phi đối với những người mà hắn phải thực thi quyền đó, và lúc đó thì không lầm vào đâu được.
Vào những ngày đó, hắn dùng tên thật của hắn là Ulises Rodriguez.
Vì khá giả nên bố mẹ hắn đã chu cấp cho hắn ăn học tại Berkeley. Bố hắn vốn là một bác sĩ phẫu thuật não, đã hy vọng rằng đứa con trai duy nhất của mình sẽ nối nghiệp mình trong ngành y, một viễn cảnh mà Miguel không hề quan tâm ngay hồi đó. Thay vì vậy, khi gần tới những năm 1970, thằng con trai ông ta đã mường tượng những thay đổi cơ bản ở Colombia – chuyển từ một nước dân chủ giàu có với một cơ sở luật pháp trung thực thành nơi trú ngụ của một lũ trùm tội ác giàu có không thể tưởng tượng được, không có luật pháp và được cai trị bằng chế độ độc tài, sự tàn bạo và nỗi sợ hãi. Số vàng khổng lồ của nước Colombia mới này sẽ do *marifuana*, về sau là côcain, mang lại.
Tính cách của Miguel đã như vậy nên giai đoạn chuyển tiếp không làm cho hắn lúng túng. Điều hắn thèm muốn là được hành động.
Trong khi đó hắn lao vào một số hoạt động riêng tại Berkeley và hắn phát hiện ra rằng hắn hoàn toàn không có lương tâm và có thể giết người một cách mau lẹ và tàn bạo, không hề ăn năn hoặc có dư vị khó chịu gì cả.
Lần đầu tiên chuyện đó xảy ra là sau cuộc ăn nằm với một người phụ nữ trẻ mà trước đó hắn đã gặp trên đường phố Berkeley trong khi cả hai cùng xuống xe ô tô buýt. Vừa đi ra khỏi bến xe, họ vừa nói chuyện và phát hiện ra rằng cả hai đều là sinh viên. Cô ta có vẻ thích hắn và đã mời hắn tới phòng của mình ở đường Oakland nghèo khổ cuối đại lộ Bưu điện. Thời đó những cuộc hẹn hò như vậy là chuyện bình thường, trước thời mà người ta lo ngại về bệnh SIDA khá lâu.
Sau cuộc truy hoan cuồng nhiệt hắn đã ngủ thiếp đi. Khi chợt tỉnh dậy, hắn thấy cô gái đang lặng lẽ xem xét những thứ hắn đựng trong ví. Trong đó có nhiều căn cước với những cái tên giả, ngay từ lúc đó hắn đã chuẩn bị cho cái tương lai ngoài vòng pháp luật quốc tế của hắn. Cô gái đã quá chú ý vào những tấm thẻ vì tò mò, có lẽ cô ta là một loại do thám, nhưng hắn sẽ không bao giờ biết có đúng vậy không.
Điều hắn làm là nhảy bật khỏi giường, túm lấy cô ta và bóp cổ. Hắn vẫn còn nhớ cái nhìn kinh ngạc của cô ta khi cô ta giãy giụa cố tìm cách thoát thân; rồi cô ta ngước nhìn hắn với vẻ năn nỉ câm lặng, tuyệt vọng ngay trước khi trút hơi thở cuối. Hắn thấy khoái chí, như đang thực hành ở bệnh viện, khi hắn phát hiện việc giết cô gái đó không làm hắn phiền lòng chút nào.
Thay vì vậy, với một sự bình thản lạnh lùng hắn tính toán khả năng bị bắt, mà theo hắn ước định là không thể xảy ra. Khi ở trong xe, hai người không ngồi cạnh nhau, thực tế là lúc đó họ chưa biết nhau. Không chắc là có người nhìn thấy họ đi từ bến xe ra. Khi đi vào khu nhà, và trong thang máy đi lên tầng bốn, họ không gặp ai cả.
Hắn nhanh nhẹn lấy một miếng vải để lau những chỗ có thể có dấu tay của hắn. Rồi dùng khăn

tay bọc kín bàn tay phải, hắn tắt hết đèn và rời khỏi toà nhà, khoá cửa lại.
Tránh dùng thang máy, hắn đi xuống bằng lối cầu thang cứu hoả, trước khi đi ra ngoài phố, hắn đã kiểm soát xem có ai ở tầng trệt không.
Ngày hôm sau và suốt nhiều ngày sau đó, hắn theo dõi báo chí địa phương xem có tin tức gì về cô gái đã chết đó không. Nhưng phải đến gần một tuần sau thì cái xác đã gần thối rữa của cô mới được phát hiện. Rồi lại hai, ba ngày tiếp theo, không có gì mới và rõ ràng là không có dấu vết, báo chí thôi không quan tâm nữa và không ai nhắc đến chuyện đó nữa.
Các cuộc điều tra sau đó cũng không phát hiện ra hắn là người đã giết cô gái.
Những năm còn ở lại Berkeley, hắn còn giết người trong hai trường hợp nữa. Những vụ này xảy ra ở Vịnh San Francisco – những trường hợp mà hắn gọi là "Giết người theo khoái cảm", những người hoàn toàn xa lạ, tuy hắn coi cả hai trường hợp là để đáp ứng cho cái nhu cầu mài dũa kỹ thuật giết thuê đang ngày càng nhiễm sâu vào hắn. Hắn là hắn đã mài dũa rất cẩn thận, bởi vì không vụ nào hắn bị nghi ngờ hoặc thậm chí chưa bao giờ bị cảnh sát hỏi đến.
Sau khi từ Berkeley về Colombia, Miguel đôi lúc làm ăn với mạng lưới đang lớn mạnh dần của lũ trùm nha phiến điên khùng. Hắn có bằng lái máy bay và đã nhiều lần lái máy bay chở chất côca đặc từ Peru sang Colombia để tinh chế. Mối giao kết ngày càng chặt chẽ với một gia đình Ocboa không có danh tiếng nhưng đầy thế lực đã dẫn hắn đến những phi vụ to lớn hơn. Rồi đến nhóm M-19 các vụ ám sát cuồng loạn của chúng và "cuộc chiến tranh toàn thể" của nhóm khủng bố Medellin, bắt đầu từ cuối năm 1989. Miguel tham gia vào tất cả các vụ giết người số lượng lớn, nhiều vụ nhỏ, và đã từ lâu hắn không còn nhớ được là hắn đã giết bao nhiêu người nữa. Hắn không thể tránh được chuyện cả thế giới biết tên hắn, nhưng nhờ sự cẩn trọng tỉ mỉ của hắn, nên ngoài tên ra thì người ta biết rất ít về hắn.
Những mối liên hệ của Miguel – hay là của Ulises Rodriguez, với nhóm Medellin, M-19 và gần đây là với Sendero Luminoso đã mở rộng dần theo năm tháng. Tuy vậy, trong tất cả các hoạt động này hắn vẫn duy trì sự độc lập của hắn, trở thành một kẻ sống ngoài vòng pháp luật quốc tế, một kẻ khủng bố giết người thuê, mà vì năng lực của hắn, nên không lúc nào là không có việc làm.
Dĩ nhiên, chính trị được coi là một phần trong tất cả mọi hoạt động. Miguel vốn là một người theo chủ nghĩa xã hội, hắn ghét cay ghét đắng chủ nghĩa tư bản và khinh rẻ cái mà hắn cho là một nước Mỹ suy đồi và đạo đức giả. Nhưng hắn cũng hoài nghi tất cả mọi loại chính trị và đơn giản là hắn chỉ khoái mối nguy hiểm, gian truân mà mọi hoạt động của cuộc đời hắn đang theo đuổi như một kẻ cuồng loạn.
Cách sống đó đã đưa hắn tới Mỹ cách đây một tháng rưỡi, để hoạt động lén lút, chuẩn bị cho cái chuyện xảy ra ngày hôm nay, câu chuyện mà sau đó cả thế giới đều biết.
Ngay từ đầu hắn đã dự tính một con đường vòng vèo nhưng an toàn để sang Mỹ - đi từ Bogota, Colombia, qua Rio de Janerio tới Miami. Ở Rio, hắn thay hộ chiếu và giấy căn cước, và sẽ xuất hiện ở Miami với danh nghĩa của một nhà xuất bản đang trên đường đi tới hội chợ sách ở New York. Nhưng có một nguồn tin ngầm hiện làm ở Bộ Ngoại giao Mỹ báo cho nhóm Medellin biết cơ quan xuất nhập cảnh ở Miami đã yêu cầu khẩn cấp về mọi tin tức có thể có được liên quan đến Miguel, đặc biệt là về các loại căn cước mà người ta biết trước đây hắn đã sử dụng.
Thực tế là trước đây Miguel có lần đóng vai một nhà xuất bản người Brazil và mặc dù hắn tin là chuyện này chưa bị lộ, khôn ngoan hơn là cứ tránh cả Miami nữa. Vậy nên, cho dù là phải chậm lại một chút, hắn đã bay từ Rio sang London để đóng một vai mới và kiếm một tấm hộ chiếu

Anh hoàn toàn mới và hợp pháp.
Tiến trình công việc thật dễ dàng.
A, cái bọn dân chủ ngây thơ này! Chúng mới ngu ngốc và khờ dại làm sao! Lật đổ những chế độ tự do khoác lác của chúng và mở cửa cho những hệ thống tiến tới các mục tiêu mà lũ người như Miguel cũng chẳng tin tưởng mới đơn giản làm sao chứ!
Trước khi tới London, hắn đã được thông báo cặn kẽ về chuyện nên làm như thế nào.
* * *
Đầu tiên là hắn tới Toà thị chính ở vào khoảng tiếp giáp giữa Kingsway và Aldwych, nơi tất cả mọi giấy khai sinh, kết hôn và khai tử của cả nước Anh và xứ Wales được lưu giữ. Tại dây, Miguel xin làm ba bản chứng nhận khai sinh.
Những chứng nhận khai sinh này mang tên ai? Tên những người có cùng hoặc gần sát với ngày sinh của chính hắn.
Không nói chuyện với ai hoặc bị ai hỏi han gì, hắn lấy năm tờ chứng nhận khai sinh chưa điền tên, rồi bước về phía một loạt sổ lớn bày trên giá, xếp loại theo các năm sinh khác nhau. Miguel chọn những cuốn sổ ghi năm 1951. Những cuốn này chia theo thứ tự từng quý một. Hắn chọn phần tên bắt đầu bằng chữ cái M đến R từ tháng Mười đến tháng Mười hai.
Ngày sinh của hắn là 14 tháng Mười một năm đó. Lật qua vài trang, hắn thấy cái tên "Dualey Martin", sinh tại Keighly, Yorkshire, ngày 13 tháng Mười một. Cái tên này xem ra có vẻ hợp, không đặc biệt quá và cũng không quá thông thường như cái tên Smith. Tuyệt! Miguel chép mọi chi tiết vào một trong những tờ đơn in chữ đỏ.
Bây giờ hắn cần hai cái tên khác nữa. Ý định của hắn là xin ba hộ chiếu; cái thứ hai và thứ ba sẽ để dự trữ trong trường hợp cái thứ nhất bị trục trặc. Rất có khả năng là người ta vừa mới cấp hộ chiếu cho chính cái anh chàng Dualey Martin đó. Trong trường hợp này, người ta sẽ không cấp hộ chiếu mới. Hắn cố tình chọn những họ có chữ đầu cách xa chữ M của chữ Martin, nên hắn chọn một họ bắt đầu bằng chữ B, cái kia bằng chữ Y. Đó là vì tại Văn phòng Hộ chiếu, mỗi nhân viên phụ trách một số đơn xin gồm một nhóm tên theo thứ tự chữ cái khác nhau. Chọn cách xa nhau như vậy để đảm bảo rằng ba hộ chiếu của hắn là do ba người làm thủ tục, và nếu có những điểm giống nhau thì không bị để ý.
Ở tất cả mọi điểm Miguel đã cẩn thận không đụng vào tờ đơn mà hắn phải điền vào. Đó là lý do tại sao hắn đã lấy năm tờ; hai tờ bên ngoài là để bảo vệ cho những tờ bên trong khỏi có dấu tay và hắn sẽ huỷ đi sau. Từ hồi ở Berkeley, hắn đã biết rằng không có gì có thể hoàn toàn xoá vết tay, kể cả lau đi lau lại, vì đã có kỹ thuật thử dấu vân tay tối tân bằng tia ion-argon fade và chất Ninhydrin sẽ làm hiện lên hết.
Tiếp theo đó, hắn tới quầy thu tiền. Hắn đưa ba tờ đơn, vẫn tránh không sờ vào bất cứ tờ nào hắn lưu lại đấy. Một nhân viên bảo hắn là mỗi bản chứng nhận khai sinh phải nộp năm bảng lệ phí và hắn trả ngay bằng tiền mặt. Người đó bảo sau hai ngày hắn sẽ có chứng nhận khai sinh.
Trong thời gian chờ đợi, hắn thu xếp để sử dụng ba địa chỉ cư trú khác nhau.
Trong cuốn Hướng dẫn Thương mại London của Kelly, hắn ghi lại tên của nhiều hãng thư ký có những địa chỉ đường phố ít rắc rối để thư tín có thể gửi tới đó và tới đó nhận. Đến một trong những hãng thư ký này, hắn trả một khoản lệ phí là năm mươi bảng, vẫn bằng tiền mặt. Hắn đã chuẩn bị sẵn một câu chuyện – là hắn đang mở một hãng buôn nhỏ nhưng chưa thu xếp được văn phòng và thư ký. Khi nghe chuyện đó, không ai thắc mắc gì hết. Hắn lập lại câu chuyện đó với hai hãng thư ký khác và cũng không ai tò mò. Hiện giờ hắn đã có ba địa chỉ riêng biệt để dành

cho ba tờ đơn xin hộ chiếu, cả ba đều không hề để lại dấu vết gì về hắn.
Rồi hắn sử dụng máy chụp ảnh tự động để chụp ba bộ ảnh hộ chiếu, mỗi bộ có một diện mạo khác nhau. Một bộ hắn đeo râu và ria mép gọn gàng, một bộ hắn lại không mang râu và chải tóc rẽ sang hai bên, bộ thứ ba hắn đeo đôi kính đạo mạo, nặng nề.
Ngày hôm sau hắn đến toà Thị chính để lấy các bản chứng nhận khai sinh. Vẫn như hôm trước, không ai mảy may quan tâm là tại sao hắn lại muốn có những chứng nhận này.
Hắn cũng đã có mẫu đơn xin hộ chiếu ở bưu điện, và hắn lại hết sức cẩn thận không sờ vào chúng. Sau đó đeo găng tay cao su loại dùng xong vứt đi hắn điền tên vào đơn xin. Trên mục địa chỉ, hắn dùng một trong những địa chỉ mà hắn đã thu xếp trước.
Mỗi tờ đơn xin phải có hai tấm ảnh kèm. Một tấm ảnh cần phải có một lời xác nhận của "một người có chức danh nghề nghiệp" ví dụ như là bác sĩ, kỹ sư hoặc luật sư, chứng nhận tư cách người làm đơn, và người đó cũng phải xác nhận rằng ông, hoặc bà ta đã quen biết người xin này ít nhất là đã hai năm. Theo hướng dẫn trước khi tới đây, Miguel tự viết và tự ký vào lời xác nhận, chỉ thay kiểu chữ và sử dụng những tên và địa chỉ mà hắn vớ được trong danh bạ điện thoại. Hắn cũng đã mua một bộ con dấu bằng cao su để làm cho tên và địa chỉ này đáng tin cậy hơn.
Mặc dù trong tờ đơn xin hộ chiếu có nói là sẽ có kiểm chứng các chữ ký, thực tế là chẳng mấy khi có, nên rất hiếm trường hợp lời xác nhận giả bị phát hiện. Đơn giản là có quá nhiều người xin hộ chiếu và quá ít nhân viên cấp hộ chiếu.
Cuối cùng, Miguel tìm cách xử lý ba tấm ảnh "nhận diện" – những cái có lời xác nhận và sẽ không xuất hiện trên bất cứ tấm hộ chiếu nào của hắn, mà sẽ được để lại trong hồ sơ của sở cấp phát Hộ chiếu. Hắn dùng bọt biển mềm thấm loại thuốc Domestos nhạt, loại thuốc tẩy gia dụng tương tự như loại thuốc Cloror ở Bắc Mỹ, vào những tấm ảnh. Như vậy sẽ đảm bảo trong vòng hai ba tháng những tấm ảnh lưu trong hồ sơ sẽ mờ đi và biến hẳn, do đó không còn hình ảnh của Miguel, hay còn có tên là Dualey Martin và những tên khác nữa.
Miguel lại gửi ba đơn xin hộ chiếu qua đường bưu điện, mỗi đơn kèm theo một bưu phiếu mười lăm bảng lệ phí. Hắn biết rằng phải chờ ít nhất bốn tuần thì các thủ tục mới làm xong và phiếu trả lại. Đây là một sự chờ đợi chán ngắt, nhưng vì sự an toàn tính mạng, nên cũng đáng phải chờ.
Trong thời gian chờ đợi đó, hắn gửi rất nhiều thư cho chính mình qua những địa chỉ đã trả tiền. Cứ cách vài ngày hắn lại gọi điện hỏi xem là hắn có thư tín gì không và khi câu trả lời là "có" thì hắn nói rằng sẽ có người đến lấy thư. Rồi hắn sử dụng những thiếu niên không quen biết ở ngoài phố đến lấy, mỗi lần trả vài bảng và trước khi nhận hắn xem xét cẩn thận để đảm bảo rằng không ai bị theo dõi. Miguel có ý định cũng sẽ dùng cách này để lấy hộ chiếu khi người ta gửi cho hắn.
Cả ba tấm hộ chiếu đã lần lượt tới cách nhau một vài ngày trong tuần thứ năm và đều được người đến nhận không hề có gì trục trặc. Khi tấm họ chiếu thứ ba đã ở trong tay, Miguel mỉm cười tự nhủ "Tuyệt!". Hắn sẽ sử dụng tấm hộ chiếu mang tên Dualey Martin, còn hai tấm kia sẽ dành để sử dụng về sau.
Bước cuối cùng còn lại là mua một chiếc vế máy bay khứ hồi tới Mỹ - Miguel mua ngay trong ngày hôm dó.
Trước năm 1988, những ai có hộ chiếu Anh đều phải xin thị thực nhập cảnh vào Mỹ. Bây giờ thì không cần thị thực nữa, miễn là chuyến đi không quá chín mươi ngày và du khách đó phải có vé khứ hồi. Cho dù Miguel không có ý định sử dụng phần vé về và sau đó hắn sẽ huỷ đi, thì giá của nó

cũng chẳng đáng là bao so với việc mạo hiểm vượt qua được hệ thống thủ tục quan liêu. Còn đối với quy định chín mươi ngày, thì đối với hắn không có vấn đề gì. Vả lại hắn không có ý định ở lại Mỹ lâu đến như vậy; còn khi hắn rời đi thì hoặc là đi một cách bí mật hoặc với căn cước khác, tấm hộ chiếu mang tên Dualey Martin sẽ được huỷ bỏ.
Sự thay đổi thủ tục của Mỹ về thi thực làm Miguel rất mừng. Một lần nữa những cơ chế cởi mở tiện lợi đó lại giúp ích cho loại người như hắn!
Sáng hôm sau, hắn bay tới New York và, tại sân bay John F. Kenedy, hắn đã được nhập cảnh dễ dàng.
* * *
Tới New York, Miguel đến ngay cộng đồng người Colombia khá lớn ở Queens và nơi tay chân của nhóm Medellin đã thu xếp một căn nhà an toàn cho hắn.
"Tiểu Colombia" ở Jackson Heights kéo dài từ phố Sáu mươi chín đến phố Tám mươi chín. Đây là một trung tâm xì ke ma tuý náo nhiệt, và là một trong những khu vực tập trung tội ác nguy hiểm nhất New York, nơi mà bạo lực chỉ là tiếng tặc lưỡi và ám sát chỉ là chuyện vặt. Các sĩ quan cánh sát mặc đồng phục hiếm khi dám mạo hiểm lai vãng tới nơi này một mình: và kể cả đi hai người, ban đêm họ cũng không dám làm nhiệm vụ mà lại đi bộ.
Tiếng tăm của cái quận này không làm cho Miguel bận tâm chút nào, thực tế hắn còn cho rằng đó là một sự che chở trong khi hắn bắt đầu kế hoạch của hắn, thuận tiện cho việc rút tiền ra một cách bí mật, và tập hợp được cả tay chân do hắn cầm đầu. Lực lượng này gồm có bảy tên, kể cả Miguel, tất cả bọn chúng đều được chọn lọc ở Bogota.
Julio, kẻ đang làm nhiệm vụ theo dõi và Soccoro,người phụ nữ duy nhất của nhóm, đều là người Colombia và là "nhân viên nằm vùng" của nhóm Medellin. Nhiều năm trước đây chúng đã được đưa tới Mỹ, bề ngoài là dân di cư, chúng được chỉ thị duy nhất là tự củng cố và chờ đến một thời cơ nào đó được lệnh hành động cho các hoạt động liên quan đến ma tuý hoặc một số mục đích tội ác khác. Nay thời cơ đã đến.
Julio là một chuyên gia liên lạc. Còn trong thời gian chờ đợi thì Soccoro đã được đào tạo và đủ tiêu chuẩn làm y tá.
Soccoro còn là một hội viên của một tổ chức khác nữa. Qua đám bạn bè ở Peru, ả đã trở nên một người có cảm tình và là nhân viên hợp đồng của đám cách mạng Sendero Luminoso ở Mỹ. Với những người Mỹ la tinh này thì mối quan hệ đan xen giữa tội ác do động lực chính trị và động lực lợi nhuận là mối quan hệ chung mà trong lúc này với mối liên hệ kép của ả, Soccoro còn giữ một vai trò thay mặt Sendero giám sát công việc này.
Còn bốn tên kia thì ba là người Colombia, với các mật danh là Rafael, Luis và Carlos. Rafael là thợ cơ khí và vừa là một người làm công việc lặt vặt nói chung. Luis được tuyển chọn vì tài nghệ lái xe của hắn; hắn là một chuyên gia về việc chạy trốn truy lùng, nhất là từ các hiện trường tội ác. Carlos còn trẻ, sắc sảo và là người tổ chức cuộc theo dõi này trong suốt cả bốn tuần vừa qua. Cả ba đều nói tiếng Anh trôi chảy và trước đây đã nhiều lần tới Mỹ. Chuyến này chúng đến đây mà không hề biết nhau trước và đều dùng hộ chiếu và tên giả. Chúng được chỉ thị tìm gặp tên thuộc hạ của nhóm Mendellin, kẻ đã thu xếp nơi trú ngụ an toàn cho Miguel và sau đó nhận chỉ thị trực tiếp từ Miguel.
Tên cuối cùng trong bọn là người Mỹ, tên dùng trong phi vụ này là Baudelio, Miguel hoàn toàn không tin tưởng gì Baudelio, tuy rằng kiến thức và tay nghề của tên này là tối cần thiết đối với cơ hội thành công của phi vụ.

* * *

Giờ đây, tại trung tâm hoạt động tạm thời của nhóm người Colombia ở Hackensack, Miguel cảm thấy tức giận dâng trào khi nghĩ về cái thằng người Mỹ phản phúc với mật danh Baudelio ấy. Cơn giận của hắn càng tăng thêm về cái chuyện cẩu thả của Julio khi lỡ buột miệng sử dụng ngôn ngữ thường để báo cáo qua điện thoại từ bên ngoài nhà Sloane ở Larchmont về. Tay vẫn cầm điện thoại, cố dằn cơn giận, Miguel cân nhắc câu trả lời.

Lời báo cáo của thuộc hạ nói tới một người đàn ông quãng bảy mươi tuổi, đã đến nhà Sloane cách đây mấy phút, đem theo một chiếc vali vào trong nhà – theo từ ngữ cẩu thả của Julio là "có vẻ như ông ta định ở lại".

Trước khi rời Bogota, Miguel đã nhận được toàn bộ thông tin mà hắn chưa nói lại hết với những tên đang ở dưới quyền hắn. Trong hồ sơ có nói đến việc Crawford Sloane có một người cha đúng theo lời mô tả người mới tới. Miguel lập luận: được rồi, nếu ông già tới thăm con trai, ở lại một thời gian, thì cũng chỉ hơi phiền một chút nhưng không có gì đáng lo ngại. Chắc sẽ phải làm thịt ông già vào cuối ngày hôm đó, còn bây giờ thì không có vấn đề gì.

Ấn nút điện thoại, Miguel ra lệnh: "Không đụng tới kiện hàng màu xanh. Chỉ báo cáo việc làm hoá đơn mới thôi". "Hoá đơn mới" có nghĩa là "nếu tình hình thay đổi".

"Rõ". Julio đáp cộc lốc.

Đặt máy điện thoại xuống, Miguel liếc nhìn đồng hồ. Gần 7 giờ 45 phút sáng. Trong hai tiếng nữa tất cả bảy tên trong nhóm sẽ phải vào vị trí và sẵn sàng hành động. Mọi việc tiếp theo đã được dự tính cẩn thận, lường trước mọi vấn đề, thận trọng hết mức. Khi khởi sự cần có một số ứng biến, nhưng không cần nhiều.

Và không thể trì hoãn gì nữa. Bên ngoài nước Mỹ những hoạt động khác ăn khớp với kế hoạch của bọn chúng cũng đã bắt đầu.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 9

Angus Sloane thở phào khoan khái, đặt ly cà phê xuống rồi cầm chiếc khăn ăn thấm bộ ria bạc xám và lau miệng. "Ba cam đoan là – ông vui vẻ nói – cả bang New York sáng nay không nơi nào phục vụ ăn sáng ngon hơn nơi đây".
"Và cũng không có nơi nào có chất gây xơ cứng động mạch cao hơn nơi đây nữa" – con trai ông nói vọng ra từ sau tờ *Thời báo New York* che khuất mặt. "Ba không biết rằng trứng rán rất có hại cho tim của ba sao. Ba ăn mấy quả? Ba phải không?
"Ai lại đi đếm thế nhỉ?" Jessica nói "Vả lại anh cũng có đủ tiền mua trứng cơ mà, Crawf. Ba ơi, ba ăn thêm nữa nhé?".
"Thôi, cảm ơn con" – Ông già mỉm cười đôn hậu với Jessica. Ông là một người vui tính, hiền từ, vừa tròn bảy mươi ba tuổi cách đây mấy tuần.
"Ba quả trứng thì có gì là nhiều", Nicky nói. "Mới đây có lần cháu xem bộ phim về một nhà tù ở miền Nam. Ở đó có người ăn hết cả năm mươi quả trứng ấy chứ".
Crawford Sloane hạ tờ thời báo xuống và nói: "Bộ phim con đang nói là phim "Luke can trường". Paul Newman đóng vai chính và phim này được làm từ năm 1967. Nhưng ba đảm bảo với con là Newman không ăn tất cả ngần ấy quả trứng đâu. Ông ta diễn thật khéo nên đã làm cho con tin là thật thôi".
"Có lần một người thuộc nhà xuất bản Britannica tới đây", Jessica nói. "Ông ta muốn mời mình mua một bộ bách khoa toàn thư. Em mới nói với ông ta là nhà mình đã có một bộ rồi, mà lại là bách khoa toàn thư sống hẳn hoi".
"Anh làm thế nào mà không nói được", - Crawford trả miếng, "nếu những chuyện đó anh vẫn còn nhớ như in? Cho dù đó là chuyện phiếm. Người ta chẳng bao giờ biết được cái điều gì cứ ăn sâu trong óc và cái điều gì mình quên bẵng đi ngay được".

Cả gia đình đang ngồi trong phòng ăn sáng sủa vui vẻ ngay kề bếp. Angus đã đến trước đây nửa tiếng, ông thân mật ôm hôn con dâu cà cháu nội rồi mới long trọng bắt tay Crawford.

Mối bất hoà giữa hai bố con, đôi khi làm Crawford bực mình, đã bắt nguồn từ lâu. Chủ yếu là vì những ý kiến và những tiêu chuẩn giá trị khác nhau. Ông Angus không bao giờ thấy hợp được với sự dễ dãi đối với các tiêu chuẩn đạo đức cá nhân cũng như dân tộc mà hầu hết dân Mỹ chấp nhận từ năm 1960 đến nay. Ông tin tưởng mãnh liệt vào "danh dự, trách nhiệm và lá cờ"; hơn nữa, ông muốn đồng bào của ông vẫn cứ phải thể hiện lòng ái quốc không lay chuyển có từ Thế chiến hai – thời điểm đáng ghi nhớ nhất trong cuộc đời của ông, thời điểm khiến dòng hồi tưởng của ông trở nên vô tận. Đồng thời ông gay gắt phê phán nhiều điểm mà ngày nay chính

con trai ông, trong hoạt động thu thập tin tức của anh, cho là bình thường và tiến bộ.

Mặt khác, Crawford không khoan nhượng với lối suy nghĩ của ông già, mà theo cách nhìn nhận của anh là quá cổ hủ và không chịu đếm xỉa gì đến tri thức đã được mở rộng một cách tuyệt diệu trên khắp mọi lĩnh vực – nhất là khoa học và triết học – trong suốt hơn bốn thập kỷ sau thế chiến hai. Còn có một nhân tố khác nữa, đó là thái độ ngầm tự cao của Crawford (dù không bao giờ anh để lộ ra) cho rằng anh đã đạt tới đỉnh cao của sự nghiệp chuyên môn của mình, những phán quyết của anh về tình hình thế giới và cuộc đời đều đúng đắn hơn bất cứ ai.
Bây giờ, trong buổi sáng hôm nay, rõ ràng là khoảng cách giữa hai bố con vẫn chưa thu hẹp lại được.

Ông Angus đã giải thích trong bao nhiêu lần trước đây, và bây giờ ông lại đang giải thích, là suốt cả đời, ông bao giờ cũng thích tới nơi đã định vào sáng sớm. Đó là lý do tại sao hôm qua ông đã bay từ Florida tới La Guardia, nghỉ đêm tại nhà một người bạn thân trước cùng ở quân Mỹ ở ngay gần sân bay, rồi vừa mờ sáng ông đã đi xe khách và xe taxi đến Larchmont.

Trong lúc lời kể lể dài dòng quen thuộc đó đang tiếp diễn, Crawford đưa mắt nhìn lên trần nhà. Jessica vừa mỉm cười vừa gật gù như thể nàng chưa nghe những chuyện này bao giờ, vừa chẩn bị món thịt lợn hun khói và trứng cho ông, còn cả nhà ăn món xúp tấm tự nấu hợp sức khoẻ hơn.

“Về cái chuyện tim của ba và món trứng”, Angus nói, đôi khi phải mất mấy phút ông mới ngẫm ra được điều ông nghe, và trở lại chuyện đó. “Ba cho rằng nếu tim của ba đến tận bây giờ vãn còn hoạt động được, thì ba chẳng việc gì phải bận tâm đến cái chuyện xơ cứng động mạch ấy. Mà tim của ba và ba đã từng cùng vào sinh ra tử nhiều lần. Ba có thể kể cho các con nghe vài chuyện”.
Crawford Sloane hạ thấp tờ bào xuống đủ vừa tầm mắt của Jessica và ra hiệu cho nàng bằng mắt: “Đổi câu chuyện đi em, không có ông già lại tuôn ra một tràng hồi tưởng bây giờ”. Jessica khẽ nhún vai, ra ý trả lời anh: “Anh muốn thì đi mà làm lấy”.
Gấp tờ Thời báo lại, Sloane nói: “Trong số này họ đã có con số tổn thất của vụ tai nạn máy bay Dallas ngày hôm qua. Thật tệ hại. Anh cho là bọn anh sẽ phải tiếp tục đưa tin tới hết tuần sau”.
“Ba đã xem tin đó trên mục thời sự của con tối hôm qua” – Angus nói “Anh chàng Partridge đã đưa tin đó – ba thích anh ta. Hồi anh ta đưa tin tức từ nước ngoài, nhất là về quân lực của ta, anh ta làm ba cũng thấy tự hào vì mình là người Mỹ. Không phải ai cũng làm được như vậy đâu, Crawford ạ”.
“Đáng tiếc là ở đây lại có huyện oái ăm, ba ạ - Sloane nói. “Harry Partridge không phải là người Mỹ. Anh ta là người Canada. Mà ba cũng sẽ thấy anh ta phải vắng mặt ít lâu đấy. Hôm nay anh ta bắt đầu nghỉ phép dài”. Rồi anh hỏi một cách tò mò: “Thế còn ai trong đám đồng sự của con làm cho ba không cảm thấy tự hào hả ba?”.
“Gần như tất cả mọi người, hầu như tất cả đám truyền hình các anh đã phỉ báng tất cả mọi thứ, đặc biệt là chính phủ của chính mình, gây lộn với chính quyền, luôn luôn hạ nhục tổng thống. Không ai còn tự hào về bất cứ cái gì nữa. Không biết có bao giờ anh bận tâm về điều đó không?”.

Khi thấy Sloane lặng thinh, Jessica dịu dàng bảo anh: “Ba đã trả lời câu hỏi của anh. Bây giờ đến lượt anh trả lời ba đi chứ”.
“Ba ạ”, Sloane nói, “Ba và con đã đề cập đến chuyện này rồi, và con cho là ba con mình chưa bao giờ nhất trí được với nhau. Điều mà ba nói là “phỉ báng mọi chuyện” thì bọn chúng con là những phóng viên cho đó là cách đặt vấn đề hợp pháp, là quyền được biết của toàn dân. Điều đó đã trở thành một trách nhiệm của người đưa tin là phải thách thức các nhà thính trị và các vị quan liêu, phải chất vấn những điều người ta nói với bọn con – và cũng là một điều tốt. Thực tế là các chính phủ, dù là của đảng dân chủ, đảng cộng hoà, tự do xã hội, bảo thủ - tất thảy đều dối trá và lừa đảo. Một khi đã lên nắm quyền tất thảy bọn họ đều như vậy cả.
“Chắc hẳn là đám săn tin bọn con có lúc cũng hơi gay gắt và thỉnh thoảng, con công nhận, là đi quá đà. Nhưng vì những gì chúng con đã làm mà nhiều vụ gian trá đạo đức giả đã bị phanh phui, việc này trước đây những kẻ có quyền có chức bao giờ cũng thoát. Chính nhờ những phóng sự điều tra sắc sảo mà vô tuyến truyền hình đi tiên phong mà xã hội của chúng ta đã tốt đẹp hơn một chút, trong sạch hơn một chút, và những nguyên tắc của đất nước này đã tiến gần tới những ý nghĩa xác thực của nó.
“Còn đối với các vị tổng thống ấy, ba ạ, nếu một số có vẻ tầm thường, mà hầu hết dúng là như vậy, thì là vì bản thân họ đã làm người ta thấy như thế. Ồ đúng vậy, dân báo chí tụi con thỉnh thoảng đã giúp vào việc này, và đó là vì chúng con là những người hoài nghi, đôi khi đến mức cay độc, và thường không tin vào thứ xiro ru ngủ ngọt ngào mà các vị tổng thống đưa ra. Những trò bịp bợm ở các vị trí cao, tất cả các vị trí cao, đã cho chúng con vô khối lý do để xử sự theo cách của chúng con”.
“Con muốn là Tổng thống phải thuộc tất cả mọi người, chứ không phải dành cho một đảng”, Nicky nói. Cậu bé trầm ngâm nói thêm: “nếu các nhà lập quốc, để ông Washington làm vua, còn ông Franklin và ông Jefferson làm tổng thống thì có phải tốt hơn không? Thế là con cháu của ông Washington cứ nối tiếp nhau làm vua và nữ hoàng, và chúng ta sẽ có một tổng thống để mà tự hào và một tổng thống để trách cứ mọi chuyện, theo kiểu người Anh đối với thủ thướng của họ ấy”.
“Tổn thất lớn của nước Mỹ ấy mà, Nicky ạ” Crawford Sloane nói, “là con lại không ở trong Đại hội lập hiến để đưa ý kiến đó ra. Cho dù ông Washington chỉ có con nuôi, ý kiến của con hay hơn khối chuyện đã xảy ra từ dạo đó tới giờ”.
Tất cả đều cười, rồi ông Angus chợt trở nên nghiêm nghị và nói: “Cái hồi chiến tranh của ông, mà cháu gọi là chiến tranh thế giới thứ hai đấy, Nicky ạ, đưa tin khác hẳn với bây giờ. Bọn ông khi đó có cảm giác là những người viết về nó, nói về nó trên đài, đều ở phía của chúng ta. Bây giờ thì không còn như thế nữa”.
“Đó là cuộc chiến tranh khác”, Crawford nói, “và vào thời điểm khác. Cũng như là cách thu thập tin tức mới, quan niệm về tin tức cũng thay đổi. Nhiều người trong bọn con không còn tin tưởng vào chuyện “Đất nước tôi sai hay đúng” nữa.
Angus than thở: “Tôi không bao giờ nghĩ rằng tôi lại nghe chính con trai mình nói như vậy”.
Sloane nhún vai: “Thì bây giờ ba đang nghe đấy. Những người nào trong bọn chúng con theo đuổi mục tiêu là đưa tin đúng sự thật đều muốn đảm bảo đất nước của chúng ta hành động đúng và chúng con không chấp nhận các tin dối như cuội của bất cứ kẻ nào cầm đầu nước này. Cách duy nhất có thể tìm ra điều đó là phải hỏi những câu hỏi hóc búa, vặn vẹo cho ra”.
“Thế anh không tin là trong cuộc chiến tranh của ba, người ta cũng có những câu hỏi hóc búa

à?".
"Chưa đủ hóc" – Sloane nói. Anh ngừng một chút cân nhắc xem có nên đi sâu thêm không, rồi quyết định nói tiếp. "Ba có phải là một trong những người tiến hành ném bom bằng B.17 ở Schweifurt không?".
"Phải" – Ông Angus nói, rồi quay về phía Nicky. "Chỗ ấy ở sâu trong nước Đức, Nicky ạ. Hồi ấy thì đó không phải là chỗ hay ho đâu cháu ạ".
Với một thoáng tàn nhẫn Crawford nói tiếp: "Có lần ba nới với con là mục tiêu ở Schweinfurt là phá huỷ các nhà máy làm vòng bi, rằng những người phụ trách việc ném bom tin rằng họ có thể chặn đứng bộ máy chiến tranh của Đức bởi vì chúng cần phải có vòng bi".
Ông Angus chậm rãi gật đầu, biết trước điều gì sắp tới: "Người ta nói với bọn ba như vậy".
"Rồi ba cũng biết sau chiến tranh người ta phát hiện điều đó không có kết quả gì. Mặc dù đã ném bom và làm bao nhiêu chuyện khác, đã tốn sinh mạng của bao nhiêu người Mỹ, Đức vẫn không bao giờ thiếu vòng bi. Chính sách và mọi kế hoạch đều sai bét. Vâng, con không định nói là giới báo chí hồi đó đã có thể ngăn sự hoang phí kinh khủng đó lại được. Nhưng hiện nay thì người ta đặt câu hỏi, không phải là sau khi đã xong chuyện, mà là trong khi chuyện đang xảy ra, vậy nên việc chất vấn và việc quần chúng biết sẽ là một sự kiềm chế và có thể giảm bớt những tổn thất sinh mạng".
Khi nghe con trai nói nét mặt ông già thay đổi, nhăn nhúm trong hồi tưởng và đau đớn. Trước những cặp mắt đang nhìn vào ông, ông như đang chơi vơi, đang chìm vào bản thân mình, và bất chợt ông trở nên già xọm hẳn đi. Ông nói, giọng run run: "Tại Schweinfurt chúng ta đã mất năm mươi chiếc B.17. Mỗi phi hành đoàn là mười người. Thế là trong có một ngày mà năm trăm mạng sống đã mất. Và cũng trong tuần đó, vào tháng Mười năm 43, chúng ta mất thêm tám mươi tám B.17, gần chín trăm con người". Giọng ông hạ thấp xuống gần như tiếng thì thào: "Ba đã tham gia những trận oanh tạc đó. Điều tệ hại nhất là sau đó khi đêm xuống, ba thấy quanh ba bao nhiều là giường trống – của những người không bao giờ trở về nữa. Đêm đêm, ba thức dậy, nhìn quanh, ba thường tự hỏi, tại sao lại là ta? Tại sao ta lại trở về tuần đó và những tuần sau đó – trong khi bao người khác không bao giờ về nữa?".
Tác động thật là sâu sắc và cảm động, khiến Sloane thầm mong giá mình đừng nói chuyện đó, đừng cố tranh hơn thua với cha đẻ ra mình. Anh nói: "Con xin lỗi ba. Con không nhận ra là con đã chạm vào vết thương cũ của ba".
Như thể không nghe thấy, ba anh tiếp tục: "Họ đều là những người tốt. Bao nhiêu là người tốt. Bao nhiêu người bạn của ba".
Sloane lắc đầu: "Thôi đừng nói đến chuyện ấy nữa ba. Con đã nói là con xin lỗi ba mà".
"Ông ơi", Nicky nói. Cậu bé đã chăm chú nghe. "hồi chiến tranh, đang làm những chuyện đó, có khi nào ông sợ hãi không ông?".
"Ôi lạy chúa, Nicky! Sợ ư? Ông đã kinh hoàng ấy chứ! Khi hoả lực phòng không đang nổ ran, khắp xung quanh tung toé những mảnh sắt sắc như dao cạo, có thể xắt người ta ra từng miếng nhỏ… Lúc bọn lính ùa tới, với đại bác và cao xạ bắn tới tấp, thì ông đã nghĩ là chúng chỉ nhắm vào mình mà thôi… Khi những chiếc B.17 khác rơi xuống, đôi khi bốc cháy rừng rực hoặc quay đảo điên cuồng, ông biết rằng phi hành đoàn không bao giờ có thể ra thoát để nhảy dù xuống được… Tất cả đều ở trên độ cao 27.000 fut, trong bầu không khí loãng lạnh đến mức nếu cơn sợ có làm người ta toát mồ hôi ra thì mồ hôi cũng đông cứng lại, và kể cả có ôxy thì người ta cũng khó mà thở được… Tim ông thót lên trên cổ và đôi khi hình như cả ruột gan ông nữa…".

Angus ngừng lại, im lặng bao trùm trong phòng ăn; có cái gì đó khác với những dòng hồi tưởng thông thường của ông. Rồi ông nói tiếp, chỉ nói với Nicky vì cậu đang nghe từng chữ một, dường như có một nỗi giao cảm giữa hai người, ông già và cậu bé.
"Ông sẽ kể cháu nghe một chuyện, Nicky ạ, một chuyện mà trước đây ông chưa hề nói với ai, bất cứ ai trên thế giới này. Một lần ông đã quá sợ, ông đã…". Ông liếc quanh như để tìm kiếm sự thông cảm, "…ông sợ quá, ông đã vãi cả ra quần".
Nicky hỏi: "Thế rồi ông làm thế nào?".
Jessica có vẻ muốn ngừng câu chuyện lại vì nàng ngại làm phiền Angus, nhưng Crawford ra hiệu im lặng.
Giọng của ông già mạnh trở lại, rõ ràng pha chút tự hào: "Ông biết làm cái gì nữa? Ông không thích chuyện đó nhưng đã ở trên máy bay, thì cứ phải làm việc mình được giao. Ông là người cắt bom của phi đội. Lúc đó ngừo chỉ huy – vừa là phi công – nói với ông qua hệ thống điều khiển: "Mục tiêu của cậu đấy, Angus. Ném đi". Thế là ông vươn người tới ống ngắm rồi ông ngồi thẳng lại và đưa dần mục tiêu vào ống ngắm. Trong vài phút ngắn ngũi đó, Nicky ạ, thì chính người cắt bom lái máy bay đấy. Ông đã ngắm đúng mục tiêu, và bom đã rơi xuống. Đó cũng là hiệu lệnh cho toàn đội cắt bom".
Angus nói tiếp: "Để ông nói cho cháu nghe, Nicky ạ, là nếu ta sợ đến chết thì cũng chẳng có gì sai. Điều đó có thể xảy ra với bất cứ ai. Điều quan trọng là phải gắng gượng, bằng cách nào đó tự kiềm chế và làm những gì mà ta thấy nên làm".
"Cháu hiểu rồi, ông ạ". Giọng nói của Nicky có vẻ thản nhiên, và Crawford không hiểu là cậu bé hiểu đến mức độ nào. Có thể là rất nhiều, Nicky rất thông mình và nhạy cảm. Crawford cũng không hiểu trước đây, có phải bản thân anh cũng vất vả lắm mới hiểu được cha mình không?
Anh liếc nhìn đồng hồ. Đã đến giờ phải đi. Thường thòng anh đến hãng CBA vào 10 giờ 30 sáng, nhưng hôm nay anh phải đến sớm hơn bởi vì anh muốn gặp ông Giám đốc ban tin về việc làm sao chuyển Chuck Insen ra khỏi cương vị uỷ viên ban chủ nhiệm Bản tin tối Toàn quốc. Cuộc va chạm tối hôm trước vẫn còn đeo đẳng trong anh và hơn bao giờ hết, Sloane càng quyết tâm giành bằng được sự thay đổi trong tiến trình chọn tin.
Anh đứng lên xin lỗi cả nhà và đi lên gác thay quần áo.
Chọn một chiếc cravat, anh còn sẽ phải dùng nó trước ống kính tối nay, và vừa cẩn thận thắt theo kiểu Windsor, anh vừa nghĩ về cha mình, mường tượng những hình ảnh mà ông già vừa mô tả, trên bầu trời Schweinfurt và ở những nơi khác. Khi đó Angus chắc chỉ mới ngoài hai mươi tuổi – bằng nửa tuổi của Crawford hiện nay, chỉ mới là một thanh niên còn non nớt, kinh sợ vì kề cận với cái chết, rất có thể là khủng khiếp. Chắc chắn là trong suốt thời gian làm báo ở Việt Nam, Crawford chưa từng phải trải qua điều tương tự như vậy.
Bất chợt anh thấy lương tâm cắn rứt vì anh đã không hiểu điều đó sớm hơn, theo chiều sâu hơn hoặc với sự cảm thông hơn.
Crawford cho rằng vấn đề là anh bị nghề nghiệp cuốn hút trong những dòng tin nóng hổi thời sự hàng ngày nên anh có khuynh hướng coi tin tức của những thời đại cũ là thuộc về lịch sử và không thích hợp với nhịp sống tràn ngập, hối hả hiện nay. Cái cách nghĩ đó là một căn bệnh nghề nghiệp; anh thấy nó ở những người khác; nhưng những tin tức xa xưa đó không phải là không thích hợp, mà mãi mãi thích hợp với cha anh.
Anh khoác áo, ngắm nghía mình trong gương, rồi hài lòng với hình thức bên ngoài của mình, trở xuống dưới nhà.

Anh chào tạm biệt Jessica và Nicky, tiến đến cha anh và khẽ nói: “Đứng lên đi ba”.

Ông Angus có vẻ bối rối. Crawford nhắc lại: “Đứng lên ba”.
Đẩy ghế lùi về phía sau, Angus từ từ đứng dậy. Vẫn theo thói quen thường lệ, ông giữ tư thế nghiêm của một quân nhân.
Crawford tiến đến gần cha mình, vòng tay ôm chặt lấy ông rồi hôn lên hai má ông.

Ông già có vẻ ngạc nhiên và bối rối “Này, này! Thế nghĩa là thế nào?”.
Nhìn thẳng vào mắt ông, Crawford nói: “Con yêu ba, ông già của con”.
Trên đường ra cửa, trước khi đi, anh liếc mắt nhìn lại. Trên khuôn mặt ông Angus hiện lên một nụ cười thánh thiện, dịu dàng. Anh thấy Jessica rơm rớm nước mắt và Nicky cười rạng rỡ.

* * *
Hai tên theo dõi Carlos và Julio ngạc nhiên khi thấy Crawford Sloane lái xe rời nhà sớm hơn thường lệ. Chúng dùng mật ngữ báo ngay cho tên cầm đầu Miguel.

Lúc này, Miguel đã rời sào huyệt ở Hackensack và cùng đồng bọn trên chiếc xe Nissan có trang bị điện thoại lưu động, đang qua cầu George Washington, giữa New Jersey và New York.

Miguel không bối rối. Hắn ra lệnh, cũng bằng mật ngữ, là vẫn theo những kế hoạch đã định trước, nếu cần thì hành động sớm hơn cũng được. Hắn lập luận một cách tự tin: Việc bọn hắn sắp làm hoàn toàn là bất ngờ, không theo một lôgich thông thường. Rồi ngay lập tức một câu hỏi điên rồ bật lên: Tại sao nhỉ?

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 10

Cùng khoảng thời gian Crawford Sloane rời căn nhà tại Larchmont lái xe tới trụ sở hãng CBA thì Harry Partridge mới thức dậy ở Canada, ở cảng Credit, gần Toronto. Anh đã ngủ li bì; khi tỉnh dậy, anh tự hỏi không biết mình đang ở đâu? Đó là một điều xảy ra thường xuyên vì anh hay ở nhiều nơi khác nhau.

Khi đầu óc đã ổn định, anh nhận ra những đường nét quen thuộc của căn phòng ngủ ở nhà và biết rằng nếu anh ngồi nhỏm dậy – mà bây giờ thì anh chưa cảm thấy thích làm điều đó – anh có thể nhìn thấy chiều rộng mênh mang của hồ Ontario qua khuôn cửa sổ ở đầu giường.
Căn hộ này là nơi Partridge dùng làm một căn cứ, một nơi trú ẩn, công việc nay đây mai đó của anh chỉ cho phép anh trở về đây vài lần ngắn ngủi trong một năm. Và mặc dù anh để một ít đồ đạc lại đây như quần áo, sách vở, tranh ảnh và một mớ đồ kỷ niệm của mọi nơi và mọi lúc, anh không đứng tên thuê căn hộ. Theo tấm danh thiếp đặt gần nút chuông ở tầng dưới cùng thì người thuê hợp pháp là V. Williams (V là chữ viết tắt của Vivien) người thường xuyên ở đây. Hàng tháng, dù ở nơi nào trên thế giới, Partridge cũng gửi một ngân phiếu đủ để Vivien trả tiền thuê nhà và đáp lại, cô ở lại đó và giữ nó như một bến cảng của anh. Sự thu xếp này, kể cả những thuận lợi khác như thỉnh thoảng lại làm tình với nhau, thích hợp với cả hai người.
Vivien là y tá làm việc tại bệnh viện Queensway gần đó, và bây giờ anh đang nghe thấy tiếng chân cô đi lại trong bếp. Chắc hẳn cô đang pha trà, vì cô biết sáng nào anh cũng thích, và cô sẽ mang ngay lên cho anh. Trong khi đó, anh thả dòng suy nghĩ trôi trở lại sự kiện ngày hôm qua và cuộc hành trình đêm hôm trước trên chuyến bay bị chậm trễ từ Dallas tới sân bay Quốc tế Pearson của Toronto.
Chuyện xảy ra tại sân bay DFW là một sự kiện nghề nghiệp và anh đã thành công. Tuy nhiên, khi nghĩ về sự kiện ấy trong đêm qua và cả sáng nay nữa anh ý thức được cái bi kịch ở sau nó. Theo bản tin mới nhất, thì hơn bảy mươi người trên chiếc máy bay thuộc hãng hàng không Muskegon bị thiệt mạng và nhiều người khác bị thương nặng và sáu người trong chiếc máy bay nhỏ đã chết ngay sau khi hai chiếcc đụng nhau trên không. Anh biết rằng ngày hôm nay nhiều gia đình và bè bạn đang đau đớn cố gắng đương đầu với tổn thất của họ trong nước mắt. Dòng suy nghĩ gợi cho anh nhớ lại rằng đã có bao lần anh những mong mình cũng có thể khóc, có thể rơi nước mắt cùng với những người khác vì những điều anh đã chứng kiến trong cuộc đời làm nghề này của anh, có lẽ kể cả cái bi kịch ngày hôm qua. Nhưng không khóc nổi – trừ trong một trường hợp duy nhất mà mỗi khi nó trở lại trong tâm trí anh là anh lại phải cố xua đi. Anh vẫn còn nhớ lần đầu tiên khi anh tự ngạc nhiên về chính mình và về cái sự không có khả năng khóc hiển nhiên của anh.

Vào thời gian bắt đầu sự nghiệp, Harry Partridge ở Anh đúng vào lúc một tấn bi kịch xảy ra ở xứ Wales. Một làng thợ mỏ ở Aberfun bị một đống phế thải than khổng lồ trượt từ trên sườn đồi xuống và nuốt chửng ngôi trường trung học. Một trăm mười sáu học sinh chết.
Ngay sau thảm hoạ xảy ra, Partridge đã có mặt ở hiện trường, đúng vào lúc những xác chết đang được kéo ra. Những thân thể nhỏ bé đáng thương này bị bùn đặc đen ngòm thối hoắc bao kín và người ta phải dùng vòi phun để rửa sạch trước khi chở đi nhận dạng.
Những người chứng kiến cảnh đó ở quanh anh, những phóng viên, nhiếp ảnh, cảnh sát, người xem… đều nức nở khóc. Partridge cũng muốn khóc oà lên, nhưng không được. Lòng đau đớn nhưng mắt ráo hoảnh, anh hoàn tất công việc đưa tin và bỏ đi.
Từ đó trở đi, anh còn chứng kiến vô số những cảnh đáng rơi lệ khác, nhưng anh cũng không hề khóc.
Phải chăng là có cái gì không ổn, có sự lãnh cảm trong anh? Một hôm anh đã hỏi một nữ bác sĩ tâm thần bạn của anh câu đó, sau khi cả hai đã cùng uống rượu với nhau suốt buổi tối và đã ngủ với nhau.
Cô ta bảo anh: "Chẳng có gì không ổn đối với anh, hoặc có lẽ anh đã không nghĩ kỹ khi hỏi chuyện này thôi. Điều mà anh có là một bộ máy bảo vệ đã vô nhân tính hoá cảm giác của anh. Anh đang giữ tất cả lại, giấu cảm xúc sâu vào một nơi nào đó trong anh. Một ngày nào đó tất cả sẽ tràn ra, nổ tung và anh sẽ khóc. Ồ, lúc đó anh sẽ khóc ra trò đấy".
Đúng, người bạn chung giường đầy hiểu biết đêm đó của anh đã nói đúng, và đã có một ngày… Nhưng anh lại không muốn nghĩ đến ngày đó, cố xua hình ảnh đó đi đúng vào lúc Vivien đi vào phòng ngủ cùng với một khay trà buổi sáng.
Cô đã ngoài bốn mươi tuổi, nét mặt xương xương, dáng dấp mạnh mẽ, tóc đen thẳng, nay đã thoáng điểm bạc. Tuy không đẹp mà cũng không thể gọi là xinh, cô là người nhiệt tình, dễ dãi và rộng lượng. Khi Partridge quen biết cô thì cô đã goá chồng và anh đoán chừng là cuộc hôn nhân cũng không lấy gì làm tốt đẹp, dù không mấy khi cô nhắc tới chuyện đó. Cô đã có một đứa con gái sống ở Vancouver. Thỉnh thoảng cô bé mới tới đây, và không bao giờ có mặt lúc Partridge về ở.
Partridge mến Vivien nhưng không yêu cô, và anh đã quen biết cô trong một thời gian khá dài đủ để anh nhận thức là tình yêu sẽ không bao giờ tới. Anh cho là Vivien có yêu anh và sẽ yêu anh mãnh liệt hơn nếu anh khuyến khích chuyện đó. Nhưng tình cảm của anh chỉ mới tới mức đó, và cô chấp nhận mối quan hệ họ đã có.
Trong khi anh nhấm nháp trà, Vivien nhìn chăm chăm vào Partridge, cô thấy khuôn mặt vốn đã gầy của anh nay lại gầy hơn. Tuy vẫn còn đôi nét trẻ thơ lưu lại trên đó cô vẫn thấy những nếp nhăn của sự căng thẳng và mệt mỏi. Mớ tóc bờm xờm ngả xám rõ hơn và cần phải tỉa bớt.
Biết cô đang ngắm nhìn mình, Partridge hỏi: "Em thấy thế nào?".
Vivien lắc đầu với vẻ thất vọng giễu cợt "Anh tự nhìn mình mà coi! Khi em chia tay với anh thì anh béo tốt khoẻ mạnh. Hai tháng rưỡi sau, anh trở về mệt rũ, xanh lướt như ma đói".
Anh nhăn mặt. "Anh biết – Viv ạ. Cuộc sống của anh là thế. Có quá nhiều việc dồn ép, những giờ phút tồi tệ, ăn uống thất thường và rượu chè". Rồi anh mỉm cười: "Anh về đây lôi thôi thế này thì em làm gì nào?".
Cô nói, vừa thương cảm, vừa kiên quyết: "Trước hết em sẽ dọn cho anh một bữa sáng ngon lành. Anh cứ nằm yên trên giường, em sẽ mang tận nơi cho anh. Bữa trưa và bữa tối anh sẽ ăn cá và gà, rau tươi, hoa quả tươi. Ăn sáng xong, em sẽ tỉa tóc cho anh. Rồi đưa anh đi tắm hơi và

xoa bóp – em đã gọi điện đặt chỗ rồi".
Partridge lại nằm dài ra giường và giơ hai tay lên: "Tuyệt trần".
Vivien nói tiếp: "Ngày mai em chắc là anh muốn gặp lại đám bạn bè cũ ở hãng CBC – như thường lệ, đúng không? Nhưng đến tối thì em đã mua vé xem hoà nhạc dành riêng cho chương trình của Mozart ở Toronto, tại nhà hát lớn Roy Thomson. Âm nhạc sẽ rũ sạch mọi thứ cho anh. Em biết là anh thích điều đó.ngoài những chuyện đó ra, anh cứ nghỉ ngơi hoặc muốn làm gì thì làm". Cô nhún vai: "Có thể là giữa mọi chuyện đó, anh sẽ thích làm tình nữa. Đêm hôm qua anh đã cố nhưng anh quá mệt. Anh đã ngủ thiếp đi".
Partridge chợt cảm thấy mình biết ơn Vivien hơn bao giờ hết. Cô thật là một điểm tựa, một nơi nương náu. Khuya hôm qua, cuối cùng thì máy bay của anh cũng tới được sân bay Toronto, cô đã kiên nhẫn chờ và đưa anh về đây.
Anh hỏi: "Hôm nay em không phải đi làm à?".
"Em được nghỉ phép. Em đã thu xếp để nghỉ bắt đầu từ hôm nay. Một y tá khác làm thay em".
Anh bảo cô: "Viv, cả triệu người mới có một người như em".
* * *
Lúc Vivien đi ra, anh vẫn nghe thấy tiếng cô đang chuẩn bị bữa sáng, tâm trí anh trở lại với câu chuyện ngày hôm qua.
Crawford Sloane đã gọi điện tới sân bay DFW để chúc mừng anh.
Crawf có vẻ lúng túng, vẫn như mọi khi hai người nói chuyện với nhau. Đã bao lần Partridge muốn nói: "Này Crawf, nếu cậu cho là tôi ác cảm với cậu về chuyện Jessica hoặc về công việc của cậu hoặc bất cứ chuyện gì khác, thì hãy quên đi! Tôi không có ác cảm và không bao giờ có!". Nhưng anh biết rằng những lời như vậy, càng làm mối quan hệ của họ căng thẳng hơn, và có thể là Crawford cũng không tin điều đó.
Ở Việt Nam, Partridge biết rõ là Sloane chỉ bay những chuyến thật ngắn, cốt để có thể bám chốt ở Sài Gòn và xuất hiện trên màn hình của hãng CBA càng nhiều càng tốt. Nhưng Partridge không quan tâm đến điều đó. Anh có những ham thích của riêng anh. Một trong những cái đó – có thể gọi là một cơn nghiện – nghiện những hình ảnh và âm thanh của chiến tranh.
Chiến tranh… cảnh hỗn loạn đẫm máu của chiến trường… tiếng sấm rền và ánh lửa của đại bác, tiếng rít chói tai và tiếng nổ ầm ầm của những trái bom rơi… Những tràng liên thanh không ngớt trong khi ta không biết ai đang bắn ai hoặc từ đâu bắn tới… Cái cảm giác gần như khoái cảm khi bị tấn công, mặc dù sợ hãi làm cho ta run lên… Tất cả những cái đó kích thích Partridge, làm anh đê mê, máu trào trong huyết quản.
Anh phát hiện ra cái cảm giác này lần đầu tiên tại Việt Nam, nơi anh trải qua những kinh nghiệm đầu tiên về chiến tranh. Từ đó đến nay, cảm giác đó vẫn ở trong anh. Hơn một lần anh tự hào: *Hãy đối mặt với nó – mi thích nó. Rồi thừa nhận: Đúng – ta thích nó, và ta thật là đồ chó đẻ, ngu xuẩn".*
Ngu xuẩn hay không thì không biết, nhưng anh chưa bao giờ từ chối khi hãng CBA cử đi đưa tin về chiến tranh. Partridge biết đám đồng sự của anh đặt cho anh cái tên là "pằng, pằng", một cái tên có vẻ hơi coi thường đối với một phóng viên nghiện chiến tranh – đôi khi người ta còn cho thử nghiệm đó còn tồi tệ hơn là nghiện hêroin và côcain, nhưng cũng có kết cục hầu như biết trước được.
Nhưng tại trụ sở của hãng CBA, và đây mới thực sự là vấn đề quan trọng nhất – mọi người đều biết là thu thập loại tin này thì Harry Partridge là người giỏi nhất.

Do đó anh không quá quan tâm đến việc Sloane có được chiếc ghế phát thanh viên của Bản tin tối Toàn quốc. Cũng giống như mọi phóng viên thời sự khác, Partridge đã nuôi ý định vươn tới vị trí tuyệt đỉnh đó, nhưng lúc nó rơi vào tay Sloane thì Partridge vẫn đang say mê công việc của anh đến mức quên cả chuyện đó đi.

Thật kỳ lạ là mới đây có người bỗng nêu lại vấn đề chiếc ghế phát thanh viên. Hai tuần trước đây, trong cuộc nói chuyện mà Chuck Insen báo trước là "tế nhị và riêng tư", ông ta đã tâm sự với Partridge rằng có thể sắp có những thay đổi quan trọng tại Ban Bản tin tối Toàn quốc, "nếu chuyện đó xảy ra", Insen hỏi, "liệu anh có quan tâm việc từ bỏ xứ lạnh lẽo đó và đến đây làm phát thanh viên không? Anh làm việc đó quá tốt mà!".

Partridge quá ngạc nhiên nên anh không biết phải trả lời ra làm sao. Và Insen đã nói: "Cậu không phải trả lời ngay đâu. Tôi chỉ muốn cậu nghĩ về chuyện dó trong trường hợp tôi gọi lại cho cậu sau".

Rồi sau đó, qua những nguồn tin ngầm, Partridge biết rằng giữa Chuck Insen và Crawford Sloane đang có việc tranh chấp quyền lực. Nhưng cho dù là Insen thắng, mà điều này thì có vẻ khó, Partridge không chắc công việc phát thanh viên ngồi yên một chỗ là cái anh mong muốn, hoặc thậm chí có thể chịu đựng được, nhất là anh đã tự nhủ nửa đùa nửa thật, trong khi tiếng súng vẫn còn vang lên và vẫn thu hút anh ở bao nơi trên thế giới này.

Mỗi khi nghĩ về Crawford Sloane, anh không khỏi nhớ tới Jessica, cho dù nó không có gì ngoài kỷ niệm, bởi vì giờ đây giữa hai người không còn gì nữa, kể cả cuộc trò chuyện bất chợt, và họ cũng hiếm khi gặp nhau ở nơi tụ hội, có lẽ chỉ một hoặc hai lần mỗi năm. Partridge cũng không hề trách Sloane vì chuyện anh đã mất Jessica, vì anh nhận thức được nguyên nhân là do sự suy xét ngu xuẩn của mình. Lúc anh đã có thể cưới nàng, Partridge lại đã quyết định không làm như vậy, thì đơn giản là Sloane cứ việc tiến tới, tự chứng mình mình là người khôn ngoan hơn, có một giác quan về giá trị tốt hơn vào đúng khi đó.

Vivien đã trở lại phòng ngủ, mang theo bữa ăn sáng xếp thành nhiều lớp. Đúng như cô hứa rằng đây là một bữa ăn sáng ngon lành: nước cam tươi vắt, cháo nóng có đường và sữa, trứng chần nước sôi, bánh mì nướng, cà phê đen, mới rang xay, đậm nóng hổi, thêm một đĩa bánh mì nướng nữa và mật ong Anberta.

Món mật ong làm cho Partridge cảm động sâu sắc. Nó làm anh nhớ lại, đúng như Vivien dự tính, quê hương anh, nơi anh khởi đầu sự nghiệp báo chí tại một đài phát thanh địa phương. Anh nhớ đã kể cho Vivien nghe rằng anh làm việc cho một đài phát thanh gọi là đài 20/20; nó có nghĩa chương trình chính là roóc-en-rơn, cứ hai mươi phút lại bị ngắt quãng để hét toáng lên một số tin chính trích từ tin điện của AP (Liên đoàn tin tức). Một chàng trai trẻ tên là Harry Partridge phụ trách việc hét tin này. Anh mỉm cười khi nhớ lại chuyện này; có vẻ như chuyện xảy ra từ lâu lắm rồi.

Sau bữa ăn sáng, anh đi vơ vẩn quanh nhà, vẫn mặc quần áo ngủ. Anh nhận xét: "Nhà này trông tồi tàn quá. Cần phải sơn lại và mua thêm ít đồ mới".

"Em biết rồi" Vivien công nhận. "Em đã nói với chủ nhà về việc sơn lại. Nhưng họ nói toà nhà này không đáng phải bỏ tiền ra đầu từ thêm vào đó".

"Mặc xác họ! Cần quái gì phải nói với chủ nhà. Em cứ tìm một thợ sơn rồi bảo họ làm cài gì mình cần. Trước khi anh đi anh sẽ để tiền lại".

"Anh bao giờ cũng hào phóng", cô nói, "thế anh vẫn thu xếp ổn thoả việc không phải nộp thuế lợi tức à?".

Anh cười: “Tất nhiên rồi”.
“Ở bất cứ nơi nào, với bất cứ ai cũng vậy sao?”.
“Không phải trả cho bất cứ ai, đó là điều hoàn toàn hợp pháp và trung thực. Anh không đòi được nhận lại một phần thuế lợi tức, anh không cần. Tiết kiệm được khối thời gian và tiền bạc”.
“Em không bao giờ hiểu được anh làm cách nào mà thu xếp được”.
“Anh chẳng có gì phải giấu em cả, tuy bình thường ra, anh không nói về chuyện này. Những người phải nộp thuế lợi tức sẽ ghen tỵ, vì ở đời không ai muốn người khác khá hơn mình cả. Điều quan trọng nhất”, anh giảng giải, “là công dân Canada,sử dụng hộ chiếu Canada làm việc ở nước ngoài. Trong khi rất nhiều người không nhận ra rằng Mỹ là nước lớn duy nhất trên thế giới đã đánh thuế công dân của họ, cho dù họ sống ở đâu. Kể cả khi công dân Mỹ sống ở nước ngoài, họ vẫn bị chú Sam đánh thuế. Canada thì lại không làm như vậy. Người Canada sống ở nước ngoài không có trách nhiệm đóng thuế cho Canada. Cách của anh làm là hãng CBA trả lương hàng tháng của anh vào tài khoản ở New York mà anh có ở ngân hàng Chase Manhattan. Từ tài khoản này, anh chuyển tiền vào các tài khoản ở các nước khác – như Bahamas, Singapore, đảo Channel, nơi có lãi suất khá và hoàn toàn không phải nộp thuế”.
“Thế còn thuế ở các nước mà anh đến làm việc thì sao?”.
“Vì anh là một phóng viên vô tuyến truyền hình cho nên anh không bao giờ ở một nơi nào lâu đến mức phải có trách nhiệm nộp thuế. Thậm chí kể cả ở Mỹ, với điều kiện là anh ở đó không quá 120 ngày một năm, mà em có thể chắc chắn là anh không bao giờ ở lâu đến như vậy. Còn ở Canada thì anh không có nhà, kể cả cái này nữa. Cái nhà này là của em, Viv ạ. Như cả hai chúng ta đã biết”.
Partridge nói thêm: “Điều quan trọng là không lừa dối, trốn thuế không những là bất hợp pháp, nó là ngu xuẩn và không đáng phải mạo hiểm như vậy. Tránh thuế lại hoàn toàn là chuyện khác…”. Anh ngừng lại: “À quên anh có giữ cái này”.
Partridge rút ví lấy ra một mảnh giấy gấp nhỏ. “Đây là quyết định năm 1934 của chánh án Learned Hand, một trong những luật gia lớn nhất ở Mỹ. Nó đã được các cơ quan luật pháp khác áp dụng rất nhiều lần rồi”. Anh đọc to: “Bất cứ ai cũng có thể thu xếp công việc sao cho thuế của người đó càng thấp càng tốt. Người đó không bị bắt buộc phải chọn việc đóng góp nhiều tiền cho ngân khố; tăng thuế của một người nào đó lên không hề có nghĩa rằng đó là một nghĩa vụ yêu nước”.
“Em có thể hiểu tại sao người ta ghen tỵ với anh”. Vivien nói. “Những người khác ở trong hãng vô tuyến của anh có làm như vậy không?”.
“Nhiều đến mức đáng ngạc nhiên. Cái lợi thế về thuế má này là một lý do khiến cho người Canada thích làm việc cho các hãng của Mỹ ở nước ngoài”.

Cho dù anh không đả động đến nhưng còn nhiều lý do khác, kể cả việc các hãng Mỹ trả lương theo trình độ mà thực tế là cao hơn. Nhưng điều quan trọng hơn nữa là làm việc cho một hãng của Mỹ sẽ làm uy tín của người ta nổi bật hơn – vì ở trung tâm sôi động của những công việc trên thế giới.

Còn về phía họ, các hãng Mỹ rất thích những phóng viên Canada, vì những người này đã được hãng CBC và hãng CTV đào tạo cẩn thận. Họ cũng biết khán giả Mỹ rất thích âm điệu của người

Canada; và đó là một phần trong lý do tại sao đã xuất hiện trên vô tuyến truyền hình những phóng viên nổi tiếng như: Peter Jennings, Robert Macneil, Morley Safer, Ailen Pizzey, Barrie Dunsmore, Peter Kent, John Black Stone, Hilary Bowker, Harry Partridge, và những người khác.

Vẫn tiếp tục đi vớ vẩn trong phòng, Partridge thấy chiếc vé xem hoà nhạc Mozard của ngày hôm sau đã được đặt lên bàn. Anh biết là anh rất thích và một lần nữa anh cảm thấy biết ơn Vivien vì cô đã nhớ tới sở thích của anh.
Anh cũng cảm thấy rất
biết ơn đối với ba tuần lễ nghỉ ngơi, hoàn toàn rỗi rãi như là anh đã mơ ước đang chờ đón anh.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 11

Sáng thứ 5 hàng tuần Jessica thường đi mua sắm mọi thứ trong gia đình và cô định vẫn đi mua hàng như thường lệ vào ngày hôm sau. Khi Angus biết điều này, ông tình nguyện cùng đi với cô. Nicky hôm nay được nghỉ ở nhà nên cũng muốn được đi cùng ông nội.

Jesica ngần ngại hỏi: "Thế con không phải tập đàn à?"

"Có chứ mẹ. Nhưng con tập sau cũng được. Vẫn còn đủ thời gian mà."

Biết rằng Nicky rất chăm chỉ tập luyện, có khi cậu bé tập tới sáu tiếng đồng hồ trong một ngày, nên Jesica không phản đối nữa.

Cả ba người rời khỏi nhà bằng chiếc xe Volvo của Jessica vào lúc gần 11 giờ, tức là sau khi Crawford đi được chừng một tiếng 15 phút. Sáng hôm đó trời rất đẹp. Cây cối nhuốm cảnh sắc mùa thu và ánh nắng lấp lánh trên dọc đường Long Island Sound

Người giúp việc hàng ngày của hai vợ chồng lúc đó đã tới, qua cửa sổ chị đứng nhìn ba người ra đi. Chị cũng trong thấy một chiếc ô tô đỗ ở phố kế bên nổ máy và đi theo cùng một hướng với chiếc Volvo. Lúc đó chị không để ý gì đến chiếc xe ấy.

Như thường lệ, nơi đỗ đầu tiên của Jessica là siêu thị Grand Union ở đại lộ Chatsworth. Nàng đỗ chiếc Volvo vào bãi để xe rồi đi cùng Angus và Nicky vào bên trong.

Hai gã người Colombia là Carlosl và Julio vẫn lái chiếc xe Chevrolet Celerity đi theo với một khoảng cách kín đáo và vẫn theo dõi mọi hoạt động của họ. Carlos đã báo cáo thời gian họ rời khỏi căn nhà. hiện nay đang dùng điện thoại lưu động thông báo rằng :"Ba kiện hàng ở trong hòm số một."

Lần này Julio lái xe và hắn không đỗ vào bãi để xe mà theo dõi từ một dãy phố ở phía ngoài. Theo chỉ thị mà Miguel đã giao cho hắn trước đây. Carlos ra khỏi chiếc xe Chevrolet và đi bộ tới một địa điểm gần siêu thị. Mọi hôm hắn thường ăn mặc xuềnh xoàng nhưng hôm nay hắn mặc một bộ comple nâu gọn gàng và thắt cravat.

Khi Carol đã đứng vào vị trí, để tránh khỏi bị chú ý. Julio lái chiếc xe Chevrolet tới một chỗ ẩn

náu an toàn ở trung tâm Hackensack

Khi Miguel nhận được cú điện thoại đầu tiên, hắn đang ở trong chiếc xe chở khách mang nhãn hiệu Nissan, đỗ gần đường tàu hỏa New Haven của nhà ga Larchmont ở chỗ kín đáo, ẩn sau những chiếc xe chở khách khác của New York. Ngoài Miguel ra còn có Luis, Rafael và Baudelio, dù rằng không ai có thể nhìn thấy bọn chúng vì bọn chúng dùng nilon mỏng màu sẫm để dán kín bên trong cửa kính xe của cả hai bên lẫn phía sau. Luis là tay lái xe xuất sắc nhất, ngồi cạnh tay lái.

Khi chúng được thông báo cả ba người đã rời nhà, Rafael thốt lên: "Ái chà, thế có nghĩa là lão già cũng đi. Hắn sẽ cản trở công việc khốn khiếp này của chúng ta."

"Thì chúng ta cứ việc khử lão già đi thôi", Luis nói. Hắn đưa tay sờ vào chỗ phồng bên trong túi áo khoác của hắn "một viên là đủ"

Miguel cục cằn ra lệnh: "Anh chỉ được phép làm theo mệnh lệnh. Ngoài ra tuyệt đối không làm gì khác". Hắn biết rõ rằng Rafael và Luis vốn là những tên hung đồ, giống như ngọn lửa âm ỷ sẵn sàng bùng lên thành những cơn giận khủng khiếp. Rafael là một người vạm vỡ, trước đây từng là một võ sĩ chuyện nghiệp và mặt đầy những vết sẹo. Luis đã từng ở trong quân đội Colombia, có nghĩa là ở trong một trường đào tạo khắc nghiệt, tàn bạo. Tới khi nào tham chiến thì cả hai tên này đều rất có ích nhưng khi chưa cần thì phải kìm hãm chúng lại.

Miguel đã nghiền ngẫm, tính toán về sự phức tạp của nhân vật thứ ba. Kế hoạch đã được dự tính của chúng là chỉ nhằm vào vợ và con của Sloane. Họ chứ không phải là Crawfod Sloane, là mục tiêu của tụi Sendero Luminoso và Medellin. Hai người này phải bị bắt cóc và giữ làm con tin vì những nhu cầu chưa xác định.

Nhưng giờ đây vấn đề là làm thế nào với lão già này? Giết lão ta như Luis gợi ý thì rất dễ, nhưng có thể gây ra nhiều chuyện khác. Miguel phân vân mãi không quyết định được cho đến thời điểm hành động, tức là ngay sau đó.

Điều may mắn là người đàn bà và thằng bé đi cùng nhau. Sau bao tuần lễ theo dõi cẩn thận, bọn chúng biết rằng nàng luôn đi mua hàng vào sáng thứ năm. Miguel cùng biết rằng hôm nay là ngày thằng bé nghỉ học. Carlos đã giả làm một phụ huynh để gọi điện đến trường và biết được mọi thông tin về trường tiểu học Chatsworth Avenne nơi Nicholas theo học. Nhưng chúng không biết làm thế nào để tóm cả hai người cùng lúc. Giờ đây, vô tình họ đã giải quyết vấn đề này cho chúng.

Khi nhận được cú điện thoại thứ hai của Carlos nói rằng cả ba người đã đi vào bên trong siêu thị, Miguel ra hiệu cho Luis: "OK! Lái đi!".

Luis lái chiếc xe Nissan đi. Điểm đỗ sắp tới của chúng chỉ cách đó sáu khu nhà, tức là nơi đỗ xe của siêu thị.

Trên đường đi, Miguel ngoái đầu nhìn Baudelio, tên người Mỹ của nhóm Medellin, người vẫn là nguồn lo ngại của hắn.

Baudelio cũng chỉ mang một cái tên giả như người ta chọn cho những tên kia; mới hơn năm mươi tuổi, nhưng trông như ngoài 70. Người hốc hác, cằm dô ra, da tái nhợt và râu ria lởm chởm đã ngả bạc, trông hắn như một con ma biến dị. Trước đây hắn đã từng là bác sĩ, chuyên viên về gây mê hồi sức ở Boston; và là 1 kẻ nghiện rượu, kể cả khi đang làm việc, hắn vẫn say sưa. Nhưng giờ đây hắn không còn là một bác sĩ hợp pháp nữa. Mười năm trước đây, bằng của Baudelio đã bị thu hồi vĩnh viễn vì trong một cơn nửa say nửa tỉnh, hắn đã gây mê quá liều lượng cho một bệnh nhân trước khi mổ, Trước đây hắn đã từng mắc những sai sót tương tự và đồng sự của hắn đã che chở cho hắn, nhưng trong trường hợp này thì bệnh nhân chết nên không thể bao che được. Ở Mỹ, hắn không còn tương lai, không còn ràng buộc gia đình, không con cái. Vợ hắn bỏ hắn từ bao năm trước. Hắn đã đi thăm Colombia nhiều lần vì muốn kiếm được một chỗ dễ sống hơn, hắn quyết định tới đó. Ít lâu sau, hắn thất hắn có thể sử dụng vốn y học đáng kể của hắn vào mục đích đen tối, đôi khi còn là tội ác nữa, mà không hề áy náy. Hắn không có chỗ nhất định nên làm bất cứ cái gì vớ được. Trong chuyên môn hắn vẫn theo kịp những kiến thức hiện đại bằng cách đọc các báo chí y học; chính điều này là lý do tại sao hắn được nhóm Medellin chọn vào làm phi vụ này. Trước đây hắn cũng đã làm việc cho nhóm này.

Toàn bộ những thông tin này Miguel đã được biết từ trước, kèm theo lời nhắc nhở rằng trong khi thi hành phi vụ tuyệt đối không được để cho Baudelio nốc rượu vào. Loại thuốc viên Antabuse đã được sử dụng để giúp thêm lệnh cấm nà; mỗi ngày cựu bác sĩ phải uống một viên. Tác dụng của Antabuse là nếu người đó uống rượu thì sẽ bị ốm nặng ngay lập tức và điều này thì Baudelio biết rất rõ. Vì nói chung, những kẻ nghiện rượu thường bí mật nhổ viên thuốc ra khi họ muốn lừa dối, nên Miguel cẩn thận theo dõi cho đến khi hắn chắc chắn rằng viên Antabuse đã được nuốt xuống. Mặc dù Miguel phải theo lệnh, hắn cũng chẳng mấy hài lòng. Trong có một thời gian ngắn hắn đã phải chịu vô vàn trách nhiệm mà lại phải giữ vai "hộ lý cho kẻ say", là một trong những điều lẽ ra hắn không phải làm.

Cũng biết cả sự yếu đuối của Baudelio, Miguel quyết định không giao vũ khí cho tên này. Do đó tên này là người duy nhất không mang súng.

Lúc này, nhìn Baudelio với vẻ cảnh giác, Miguel hỏi:" Anh sẵn sàng chưa? Anh có hiểu mọi thứ cần phải làm không?"

Vị cựu bác sĩ gật đầu. Thoáng một chút kiêu hãnh nghề nghiệp dấy lên trong lòng hắn. Nhìn thẳng vào mặt Miguel, hắn nói:"Tôi biết chính xác cần phải làm gì. Khi bắt tay vào việc, anh có thể tin tưởng ở tôi và tập trung vào việc anh cần làm đi."

Không hoàn toàn tin tưởng lắm, Miguel quay đi. Siêu thị Grand Union đã hiện ra trước mặt.

Carlos đã nhìn thấy chiếc xe Nissan đi tới. Bãi để xe không đông lắm nên chiếc xe Nissan len

vào một chỗ trống ngay bên cạnh chiếc xe Volvo của Jessica. Khi Carlos quan sát rõ vị trí, hắn quay trở vào trong siêu thị.

*

Jessica chỉ vào chiếc xe đẩy đã kha khá hàng và bảo Angus: "Nếu ba thích mua gì thì ba cứ ném thêm vào nhé".

Nicky nói:" Ông nội thích ăn trứng cá".

"Lẽ ra mẹ phải nhớ tới chuyện đó từ trước". Jessica nói:" Mình phải mua một ít chứ nhỉ?"

Họ đi về phía gian đồ ăn và thấy ở đây bày một loại trứng cá đặc biệt. Angus xem xét giá và nói:" Đắt kinh khủng",

Jessica dịu dàng nói: "Thế ba có biết rằng con trai của ba kiếm được bao nhiêu tiền không?"

Ông già mỉm cười, ông cũng hạ giọng xuống:" À, ba đọc được ở đâu đó là khoảng gần ba triệu đôla mỗi năm".

"Gần ba triệu là đúng đấy"-Jessica cười, nàng luôn cảm thấy dễ chịu khi ở gần Angus. "Mua béng đi ba ạ" --Nàng chỉ vào một hộp trứng cá beluga nặng bảy aoxơ đặt trong một ngăn tủ có khóa, giá 199,95 đô-la. "Mình sẽ mua để làm đồ nhắm cho bữa ăn tối".

Đúng lúc đó Jessica nhìn thấy một người đàn ông còn trẻ, dáng mảnh khảnh, ăn mặc sang trọng, tiến gần đến một người phụ nữ đang mua hàng gần nàng. Có vẻ như anh ta hỏi một câu gì đó. Người phụ nữ lắc đầu. Người đàn ông trẻ tiến đến người mua hàng thứ hai. Lại một câu hỏi và một câu trả lời kèm với cái lắc đầu. Hơi tò mò, Jessica nhìn anh ta khi anh ta tiến đến gần nàng.

"Xin lỗi bà" Carlosnois. "Tôi đang tìm một người". Hắn thừa biết Jessica rồi nhưng cố tình không đến hỏi nàng ngay, mà tỏ cho nàng thấy hắn đã nói chuyện với những người khác.

Jessica nhận ra giọng nói của hắn pha âm sắc Tây Ban Nha, tuy điều đó chẳng có gì là lạ ở New York. Nàng cũng thấy hắn có cặp mắt sắc lạnh, nhưng điều đó chẳng liên quan gì đến nàng. Nàng chỉ buông một tiếng: "Ồ?".

"Tôi muốn tìm bà Crawford Sloane"

Jessica sửng sốt "Tôi là bà Crawford Sloane đây"

"Ồ thưa bà, tôi phải báo cho bà một tin buồn". Nét mặt của Carlos rất nghiêm trang; hắn đóng vai của mình khá đạt. "Chồng bà bị tai nạn. Ông nhà bị thương nặng. Xe cứu thương đã đưa ông

nhà tới bệnh viện Doetors. người ta bảo tôi tới tìm bà và đưa bà tới đó. Người giúp việc tại nhà bà bảo tôi có lẽ bà tới đây".

Jessica thở hổn hển, mặt tái mét. Nàng đặt tay lên họng theo thói quen. Nicky vừa quay lại nghe mấy tiếng cuối cùng đang đứng sững. Angus cũng sửng sốt không kém, lại là người đầu tiên hoàn hồn và bình tĩnh lại. Ông khoát tay chỉ về phía xe mua hàng:" Jessica, bỏ tất cả lại đấy. Đi đi hẵng".

"Ba bị làm sao, phải không mẹ?" Nicky hỏi

Carlos nghiêm nghị trả lời: "Tôi e là như vậy".

Jesica vòng tay ôm lấy Nicky. "Phải con ạ. Chúng ta phải đi ngay tới chỗ ba".

"Mời bà theo tôi, bà Sloane". Carlos nói. Jesica và Nicky vẫn bị choáng váng vì cái tin dữ đó, vội vã đi theo người đàn ông mặc bộ đồ màu nâu về phái cửa chính của siêu thị. Angus đi theo. Một cái gì đó khiến ông cảm thấy băn khoắn, dù ông không rõ là cái gì.

Ra ngoài chỗ đỗ xe. Carlos đi vượt lên trước mọi người. Hắn tiến về phía chiếc xe Nissan. Cả hai cửa xe phía bên cạnh xe Volvo đã mở toang. Carlos thấy xe Nissan đã rồ máy và Luis đã ngồi trên ghế tài xế. Một cái bóng thấp thoáng bên trong, Hắn là Baudelio, Rafael và Miguel ngồi khuất hẳn vào trong.

Khi đến sát chiếc Nissan, Carlos nói:" Chúng ta sẽ đi bằng xe này thưa bà. Như vậy sẽ.."

"Không, không!" Jessica vẫn căng thẳng là lo lắng đang lục tìm chìa khóa xe trong ví của mình. "Tôi sẽ đi xe của tôi. Tôi biết bệnh viện Doctors ở đâu rồi..."

Carlos đứng chắn giữa chiếc xe Volvo và Jessica. Hăn vừa nói vừa túm chặt lấy tay nàng. "Thưa bà, tốt hơn là chúng ta..."

Jessica có rút tay ra; thấy vậy, Carlos giữ nàng chặt hơn và đẩy nàng về phái trước. Nàng tức giận nói:" Bỏ tay ra! Làm gì thế này?" Lần đầu tiên Jessica bắt đầu nghĩ tới điều gì đó vượt ra ngoài cái tin dữ người ta báo cho nàng.

Đi sau nàng vài bước, Angus bây giờ mới nhận ra điều khiến ông băn khoăn: Trong siêu thị, gã đàn ông lạ này đã nói:"Ông nhà bị thương nặng. Xe cứu thương đã đưa ông ấy tới bệnh viện Doctors".

Nhưng bệnh viện Doctors không nhận cấp cứu. Vô tình Angus biết điều đó vì khoảng đầu năm ngoái ông đi thăm một người bạn cũ cũng ở trong không quân với ông nằm ở bệnh viện này nên ông biết rất rõ về nó. Bệnh viện Doctors khá lớn và nổi tiếng ở gần toà Bracie, nhà của ông thị trưởng và trên con đường Crawford thường đi làm. *Nhưng tất cả mọi trường hợp cấp cứu*

đều đưa tới bệnh viện New York, cách đó mấy khu nhà về phía nam.. Tất cả mọi người lái xe cứu thương đều biết điều này.

Vậy là gã đàn ông trẻ đó đã nói dối! Câu chuyện dựng lên trong siêu thị là chuyện giả tạo! Chuyện đang xảy ra bên ngoài này cũng không đúng. Hai gã đàn ông Angus không thích cái nhìn của bọn hắn chút nào vừa xuất hiện từ phía sau xe chở khách. Một trong hai tên trong vạm vỡ, tiến đến gần gã đầu tiên; chúng đang dùng vũ lực đẩy Jessica vào bên trong! Nicholas, đứng sau đó một chút và chưa bị đụng tới.

Angus la to:" Jessica, đừng đi! Chạy đi Nicky! Hãy!"

Câu nói chưa kết thúc. Một cú báng súng đã bổ lên đầu Angus. Một cảm giác đau ghê gớm nổ tung trong đầu, mọi thứ quanh ông quay tròn, rồi ông ngã xuống bất tỉnh. Chính Luis đã nhảy ra khỏi ghế tài xế, đi vòng quanh và tấn công ông từ phía sau. Theo đà đó, Luis túm chặt lấy Nicholas.

Jessica bắt đầu hét lên:" *Cứu với! Có ai- ai ở đây không cứu chúng tôi vớ*i!"

Tên Rafael vạm vỡ đã lao vào cùng với Carlos túm lấy Jessica, đưa ngay vào một bàn tay thô kệch lên bịt miệng nàng, đồng thời đặt tay kìa vào lưng nàng và ném nàng vào trong xe. Rồi hắn nhảy lên theo và tiếp tục giữ chặt lấy nàng vùng vẫy la hét. Mắt nàng long lên dữ dội. Rafael gắt lên với Baudelio:" *Apurate*!"

Tên cựu bác sĩ đã để túi thuốc mở sẵn trên chiếc ghế bên cạch hắn, đưa ngay một miếng gạc đã thấm sẵn chất ethyl-chloride. Hắn đập miếng gạc đó lên mũi và miệng của Jessica và giữ chặt ở đó. Mắt Jessica khép lại, cơ thể nàng trùng hẳn xuống và nàng không còn hay biết gì nữa. Baudelio thốt lên một tiếng với vẻ hài lòng, cho dù hắn biết hiệu quả của chất ethyl-chioride chỉ kéo dài được năm phút thôi,

Lúc này Nicholas cùng đang giãy giụa và la hét ầm ĩ. Carlos giữ chặt lấy cậu bé và cũng hành động y như vậy.

Baudelio, vẫn hết sức mau lẹ, Lấy một chiếc kéo cắt phăng ngay 1 tay áo của Jessica, rồi dùng xơranh cắm phập vào bên trên bắp tay nàng. Trong đó có chất midazelam, một loại thuốc gây mê mạnh khiến cho người ta có thể mê man ít nhất là một tiếng đồng hồ. Hắn cũng tiêm một mũi tương tự vào tay cậu bé.

Trong khi đó Miguel đã kéo ông Angus bất tỉnh nhân sự vào trong xe. Rafael đã rảnh tay với Jessica, nhày xuống phía dưới, rút khẩu Browning tự động ra. Bật khóa an toàn hắn bảo Miguel:" Để tôi thanh toán hắn!".

"Không, không làm tại đây!" Toàn bộ hành động bắt giữ người phụ nữ và cậu bé được làm với

một tốc độ nhanh không thể tưởng tượng được, chỉ tròn 1 phút. Miguel kinh ngạc nhận ra là không có ai chứng kiến mọi sự xảy ra. Lý do là có hai chiếc xe lớn chắn trước mặt chúng và cũng ngẫu nhiên là không có ai qua lại. Miguel, Carlos, Rafael và Luis đều mang vũ khí và có một khẩu liên thanh Beretta để sẵn trong xe để sử dụng trong trường hợp chúng phải chiến đấu để mở đường ra khỏi bãi xe. Giờ đây cuộc mở đường bằng súng không còn cần thiết nữa và cũng chẳng có ai đuổi theo bọn chúng. Nhưng nếu chúng để ông già lại --đầu ông đang chảy máu đầm đìa cả trên mặt đất- thì một cuộc báo động sẽ nổi lên. Nhanh chóng quyết định. Miguel ra lệnh: " Giúp tôi đưa hắn vào!".

Mệnh lệnh hoàn tất trong vài giây. Nhưng khi hắn bước vào xe và đống cửa bên lại, Miguel thấy rằng hắn đã lầm khi cho rằng không có ai chứng kiến. Một bà già, tóc bạc phơ chống gậy, đang ngó qua hai chiếc xe cách đó chừng hai mười Yard. Bà ta rõ ràng là hồ nghi và sửng sốt

Khi Luis cho xe tiến về phía trước, Rafael cũng nhìn thấy bà già. Bằng một động tác mau lẹ hắn vớ lấy khẩu Bertta, nâng lên và ngắm vào mục tiêu qua cửa kính sau. Miguel quát hắn "Đừng". Hắn không thương xót gì bà già, nhưng mọi cơ hội có vẻ tốt đẹp nên chúng có thể chạy trốn mà không gây nên sự náo động. Đẩy Rafael sang một bên và dùng một giọng nói vui vẻ, Miguel nói vọng ra. "Đừng có sợ, chúng tôi đang quay phim ấy mà".

Hắn thấy vẻ mặt bà già thoải mái lại và bà thoáng mỉm cười. Chúng ra khỏi nơi đỗ xe và ngay sau đó, tiến về phía Larchmont. Luis lái xe rất điệu nghệ, không bỏ phí phút nào. Trong vòng năm phút, chúng đã đi trên đường liên bang số 95, rồi tới đường xuyên New England, thẳng mãi về hướng nam và tăng tốc.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 12

Đã có thời Priscilla Rhea được coi là thông minh nhất ở Larchmont. Bà là một cô giáo đã nhồi vào đầu bao lớp trẻ trong vùng những nguyên lí cơ bản về căn bậc hai; về phương trình bậc hai, về cách làm thế nào để tìm - bà luôn luôn làm cho điều này có vẻ như là một sự tìm kiếm linh thiêng của Chúa vậy - các giá trị đại số của X và Y. Priscilla còn luôn luôn giáo dục cho họ ý niệm về trách nhiệm công dân và không bao giờ trốn tránh những nghĩa vụ rõ rệt này.

Nhưng đó là chuyện cách đây mười lăm năm, trước khi Priscilla về hưu và trước khi gánh nặng tuổi tác và bệnh tật làm cho cơ thể rồi đến đầu óc bà chậm chạp hẳn đi. Giờ đây, tóc bạc phơ, yếu ớt, bà bước đi chậm chạp, chống gậy và bà mô tả một cách chán ngán là đầu óc của bà "có tốc độ suy nghĩ của một con lừa ba chân đang leo dốc".

Thế nhưng Priscilla lúc này đang vận dụng trí não, cố hết sức suy xét.

Bà đã thấy hai người - người phụ nữ và thằng bé con - bị ném vào trong một chiếc xe giống như một chiếc xe chở khách nhỏ, rõ ràng là trái với ý muốn của họ. Chắc chắn là họ đã giẫy giụa và Priseilia cho rằng bà có nghe người phụ nữ la hét, dù bà không chắc lắm vì thính giác của bà đã suy giảm nhiều cùng với các giác quan khác. Rồi một người nữa, một ông già bất tỉnh nhân sự và bị thương nặng, bị vứt vào trong xe trước khi chiếc xe phóng đi

Nỗi lo lắng theo bản năng của bà khi nhìn thấy chuyện đó đã biến ngay lập tức vì lời thông báo họ hét vọng ra là: đó chỉ là một phần của một đoạn phim. Nghe có lý, các đoàn làm phim và vô tuyến truyền hình giờ đây thì ở đâu mà chẳng có; họ muốn quay những chuyện trong bối cảnh thực và thậm chí họ còn phỏng vấn ngay trên đường phố cho các tin vô tuyến

Nhưng rồi lúc chiếc ôtô buýt nhỏ đã đi, Prisscilla nhìn quanh để tìm đội quay cảnh vừa rồi thì bà không thấy đâu cả. Bà lập luận rằng nếu như đội quay phim đã ở đó thì nó không thể biến đi nhanh đến mức như vậy.

Tất cả những chuyện đó có vẻ thật đáng lo lắng, và Priscilla mong rằng bà đã không trông thấy thật, một phần bởi vì bà biết rằng bà có thể bị lẫn, là chuyện đôi khi vẫn xảy ra đối với bà. Bà tự nhủ tốt nhất là đi vào siêu thị Grand Union, mua mấy thứ lặt vặt và cứ lo việc của mình đã,. Đồng thời ý thức của suốt cả cuộc đời và về chuyện không bao giờ được trốn tránh trách nhiệm và có lẽ cho tới tận bây giờ bà cũng không bao giờ trốn tránh trách nhiệm vẫn đeo đẳng

trong bà. Bà chỉ mong có ai đó tỉnh táo để bà có thể hỏi xem họ khuyên nên làm thế nào và đúng lúc ấy bà thấy Erica Mclean, một trong những học sinh cũ của bà, cũng đang trên đường đi tới những vẫn dừng lại chào bà lễ phép. " Cô có khỏe không, cô Rhea?" (Không ai trong đám học sinh của cô Rhea đã từng dám gọi bà bằng tên thường).

Priseilla nói:" Cô hơi lẫn rồi, em ạ".

"Tại sao vậy, thưa cô Rhea?".

"Cô vừa mới trông thấy một chuyện, nhưng cô không hiểu là thế nào. Cô muốn biết xem em nghĩ như thế nào?". Rồi Priscilla tả lại cảnh vừa rồi, vẫn đang hiện rõ trong óc bà.

"Cô chắc chắn là không có đội quay phim nào chứ ạ?"

"Tôi không thấy. Lúc đến em có thấy không?"

"Không ạ". Trong thâm tâm, Erica Mclean lặng lẽ thở dài. Cô biết chắc rằng cô giáo Priscialla thân mến của cô đã thuộc vào loại người lẩm cẩm và Erica thật không may vì cô đã đến đúng vào lúc này và đã bị bà vớ được. Mà cô lại không thể bỏ bà già đi ngay được vì đó là người cô thực sự yêu mến, nên cô phải gác bỏ việc cô đang vội, và làm điều gì cô có thể làm để giúp bà.

"Chuyện xảy ra ở đâu ạ?" Erica hỏi

"Kia kìa" Priscilla chỉ về chỗ trống trên bãi đỗ xe ngay bên cạnh chiếc Volvo của Jessica. Họ cùng bước về phía đó. "Đây này" Priscilla nói:" Chuyện xảy ra ngay tại đây".

Erica nhìn quanh. Cô nghĩ cũng chẳng thấy gì đáng chú ý, và không có gì thiệt. Rồi lúc sắp sửa quay đi thì mắt cô bắt gặp một loạt những vũng nước nhỏ. Trêm nền đá màu đen của bãi để xe, vũng nước này như có màu nâu sẫm. Có lẽ là dầu. Phải không nhỉ? Erica tò mò cúi xuống và sờ vào vũng nước. Vài giây sau, cô kinh hoàng nhìn những ngón tay của cô. Chúng dính đầy cái thứ mà không thể nhầm được là máu còn ấm.

* * *

Ở sở cảnh sát Larchmont lúc này vẫn đang là một sáng yên tĩnh lực lượng cảnh sát địa phương này tuy nhỏ nhưng hoạt động rất hiệu quả. Trong một phòng kính, viên sĩ quan trực ban mặc đồng phục đang nhấm nháp cà phê và đọc lướt qua tờ báo địa phương Sound View News Thì có điện thoại gọi từ một trạm điện thoại công cộng ở góc đường Boston Post, cách siêu thị chừng nửa kho nhà.

Erica Mclean nói trước. Sau khi tự giới thiệu, cô nói thêm:" Ở đây còn có một phụ nữ nữa, cô Priscilla Rhea">

"Tôi cũng biết cô Rhea" sĩ quan trực ban nói.

"À, cô ấy nghĩ rằng có lẽ cô ấy đã chứng kiến một vụ phạm tội gì đó, có thể là một vụ bắt cóc. Ông nói chuyện với cô ấy thì tốt hơn."

"Có lẽ tôi còn phải làm cái gì đó hơn là nói chuyện. Tôi sẽ cử một nhân viên và xe công vụ đến và các bà sẽ kể mọi chuyện cho anh ta nghe. Hiện giờ các bà đang ở đâu?".

"Chúng tôi đang chờ ở bên ngoài cửa siêu thị".

"Xin các bà vui lòng chờ vài phút, sẽ có xe đến ngay">

Viên sĩ quan trực ban nói qua máy bộ đàm:"Trụ sở cảnh sát gọi xe 423. Tới ngay siêu thị Grand Union phỏng vấn bà Mclean và cô Rhea đang đứng chờ bên ngoài cửa. Mã số một".

Tiếng trả lời từ phía bên kia:"Bốn hai ba nói chuyện với trụ sở. Mười bốn">

Mười một phút trôi qua kể từ khi chiếc xe chở khách đưa Jessica, Nicholas và Angus rời khỏi bãi đỗ xe của siêu thị

Viên sĩ quan cảnh sát trẻ tên là Jensen lắng nghe hết sức chăm chú câu chuyện mà Priscilla Rhea kể lần thứ hai, càng tin tưởng hơn vào cái điều mà bà đã nhìn thấy. Thậm chí bà còn nhớ thêm hai chi tiết nữa, tức là màu của chiếc xe mà bà vẫn gọi là "chiếc xe buýt nhỏ" là màu nâu nhạt và rõ ràng là cửa kính của nó màu đen sẫm. Nhưng không, bà đã không chú ý đến biển kiểm soát, không rõ đó là số biển của New York hay là của bang khác.

Phản ứng đầu tiên của viên sĩ quan là sự hoài nghi, tuy anh ta cố không để lộ ra ngoài. Lực lượng cảnh sát đã quá quen với việc các công dân hoảng hốt với những chuyện hoàn toàn vô thưởng vô phạt. Những sự kiện như vậy xảy ra hàng ngày, kể cả trong một vùng nhỏ bé như là khu Larchmont này. Nhưng anh ta vẫn rất kiên trì và chăm chú lắng nghe tất cả mọi điều và ghi chép cẩn thận.

Sự quan tâm của anh chàng càng tăng khi Erica Mclean , một người rõ ràng là có trách nhiệm và tỉnh táo, kể cho anh ta về vũng nước ở bãi để xe trông giống như máu. Cả hai bước về phía đó để xem xét. Lúc này những vũng đó hầu hết đã khô, tuy vẫn đủ ấm để thấy rõ màu đỏ khi người ta sờ vào chúng. Dĩ nhiên không có gì chứng minh được đây có phải là máu người hay không. Nhưng viên cảnh sát Jensen lập luận rằng điều đó làm cho câu chuyện đáng tin hơn và cũng khẩn cấp hơn.

Vội vã quay về chỗ Priscilla, họ thấy bà đang nói chuyện với rất nhiều người khác tò mò xem chuyện gì đã xảy ra. Một người đàn ông nói:" Thưa ông cảnh sát, tôi ở trong cửa hàng và thấy cả bốn người vội vã đi ra, hai người đàn ông, một người phụ nữ và một thằng bé. Họ vội đến nỗi bà ấy đã bỏ chiếc xe mua hàng. Nó đầy ắp nhưng bà ấy vẫn bỏ ở đấy".

"Tôi cũng thấy họ", một người đàn bà nói, "bà ấy là bà Sloane, vợ ông phát thanh viên vô tuyến truyền hình. Bà ấy vẫn thường mua hàng ở đây. Lúc đi ra, trông bà ấy có vẻ lo lắng - hình như có chuyện gì đó không hay lắm thì phải".

Một phụ nữ khác nói:" Kể cũng lạ. Một người đàn ông tới gần tôi và hỏi xem có phải tôi là bà Sloane không. Hắn cũng hỏi cả mấy người kia nữa".

Giờ đây cả mấy người cùng nói một lúc. Viên sĩ quan cảnh sát cao giọng hỏi:"Có ai nhìn thấy chiếc xe mà bà đây"-anh ta hướng về phía Prisscilla-"gọi là một chiếc xe buýt nhỏ, màu nâu nhạt không?"

"Có, tôi có thấy xe đó" người đàn ông thứ nhất nói," nó tiến vào bãi để xe lúc tôi bước vào siêu thị. Đó là loại xe Nissan chở khách".

"Anh có chú ý tới biển số xe không?"

"Biển số của New Jersey, nhưng tôi chỉ thấy có vậy thôi. Ồ, còn một điều khác nữa là toàn bộ cửa kính màu sẫm, loại kính mà chỉ người ngồi trong nhìn ra ngoài được chứ người ngoài không nhìn vào được".

"Chờ một chút!" Viên cảnh sát nói với đám đông đang ngày càng tăng dần lên. "Ai có tin gì thêm không và các quý vị vừa nói chuyện với tôi xin nán lại một chút. Tôi sẽ quay lại ngay".

Anh ta nhảy vào trong chiếc xe cảnh sát màu trắng vẫn đang đỗ cạnh đường và vớ ngay lấy cái máy bộ đàm

"423 gọi trụ sở. Có lẽ đã có một vụ bắt cóc ở bãi đỗ xe gần siêu thị Grand Union. Yêu cầu giúp đỡ. Hình dáng của chiếc xe đáng khả nghi đó là một chiếc xe Nissan loại chở khách màu nâu nhạt. Biển số của New Jersey, sỗ xe không rõ. Cửa kính đen sẫm, loại một chiều. Có lẽ có ba người đã bị những người lạ mặt trên chiếc Nissan bắt cóc".

Lời thông báo bằng điện đài vừa rồi của viên sĩ quan cảnh sát sẽ được truyền tới tất cả các xe tuần tiễu của sở cảnh sát Larchmont cũng như của tất cả các xe ở thị trấn Mamaroneck ở gần đó. Viên sĩ quan trực ban ở trụ sở, qua một "đường dây nóng" sẽ báo động ngay tất cả các lực lượng cảnh sát xung quanh quận Westchester và sở cảnh sát bang New York. Vào thời điểm này, sở cảnh sát New Jersey sẽ không được thông báo.

Tại siêu thị, người ta đã nghe thấy tiếng còi rú của hai chiếc xe tuần tiễu của cảnh sát tới tiếp ứng

Hai mươi phút trôi qua từ lúc chiếc xe Nissan phóng khỏi bãi đỗ xe.

* * *

Cách đó chừng tám dặm, chiếc Nissan sắp tới đường xuyên tỉnh số 195 và tiến vào những đường phố ngoắt ngoéo ở khu Bronx

Từ Larchmont, Luis cho xe phóng nhanh về phía nam. Hắn lái vượt tốc độ cho phép chừng năm dặm, như hầu hết những người lái xe thường làm - một tốc độ có nhanh nhưng lại chưa đến mức thu hút sự chú ý của xe tuần tiễu cảnh sát bang. Đã sắp đến lối ra số 13 trên đường xuyên tỉnh. Luis cho xe chạy qua làn đường bên phải để vượt lên. Cả Luis và Miguel đều nhìn về phía sau xem có dấu hiệu bị theo dõi không. Nhưng chúng chẳng thấy gì.

Trong lúc chúng rời đường 195, Miguel thúc giục Luis "Tăng tốc độ lên! Tăng tốc độ lên!". Từ lúc chúng rời khỏi Larchmont đến giờ, Miguel vẫn phân vân không biết có phải hắn đã mắc sai lầm khi đã không để Rafael giết bà già đứng ở bãi đỗ xe không. Có thể bà ta không tin câu chuyện chúng đã nói dối là chúng đang làm phim. Có thể bà ta đã báo cảnh sát. Có thể mọi nơi đã được thông báo những nhận dạng của chúng.

Luis vẫn đang lao nhanh hết tốc độ trên con đường đá ở Bronx.

Từ lúc rời đường Larchmont tới giờ, Baudelio luôn luôn kiểm tra hai người bị bắt cóc đang nằm im lìm xem còn sống không. Hắn dự tính liều lượng Midazollam mà hắn đã dùng sẽ làm người phụ nữ và thằng bé con mê mất thêm quãng một tiếng đồng hồ nữa. Nếu không, hắn sẽ phải tăng liều lượng lên, điều mà hắn không muốn lắm vì nó có thể cản trở những công việc mang tính chất y học phức tạp hơn cần phải làm vào cuối cuộc hành trình này.

Hắn đã tiêm cầm máu và băng bó cho ông già. Giờ đây, ông già đang cựa quậy, những tiếng rên khẽ khẽ phát ra báo hiệu là ông đang dần hồi tỉnh. Lường trước chuyện rắc rối có thể xảy ra, Baudelio chuẩn bị một liều Midazolam nữa và tiêm một mũi vào ông già. Ông thôi không cựa quậy và rên rỉ nữa. Baudelio không biết số phận của ông sẽ ra sao. Chắc hẳn Miguel sẽ bắn bỏ ông già rồi vứt xác vào một nơi an toàn. Từ khi cộng tác với nhóm Medellin, Baudelio thấy chuyện này xảy ra như cơm bữa, nhưng hắn chẳng quan tâm. Quan tâm tới người khác là một thứ tình cảm mà hắn đã vứt bỏ từ lâu. Rafael lấy ra mấy cái chăn màu nân, rồi hắn và Carlos, dưới sự giám sát của Baudelio, cuộn người phụ nữ, thằng bé con và ông già vào thành ba cuộn tròn, chỉ để hở đầu của họ ra ngoài. Tuy vậy, chúng vẫn để một khoảng chân thừa ra ở phía trên đầu sẵn sàng cho việc che kín mặt họ khi ba người bị đưa ra khỏi chiếc Nissan. Carlos lấy dây buộc xung quanh để khi chuyển ra trông họ không khác gì những gói hàng

Phố Conner ở khu Bronx, nơi chúng tới là một khu phố đứng biệt lập, xám ngắt và buồn tẻ. Luis biết rõ nơi hắn phải đến; để chuẩn bị cho ngày hôm nay, chúng đã tới đây hai lần. Ở góc đường có trạm xăng Texaco, chúng sẽ phải vào một khu công nghiệp gần như là bỏ hoang. Những chiếc xe vận tải đỗ ở những khoảng cách nhau. Một số trông như thể đã ở đó từ bao giờ rồi, Quanh đó rất ít người qua lại.

Luis đưa xe vào một trạm đỗ phụ bên cạnh bức tường dài còn nguyên vẹn của một cái nhà kho bỏ hoang. Khi hắn vừa tới, một chiếc xe tải đã chờ sẵn ở phía bên kia đường chạy ngay sang và đỗ ở phía đầu của xe Nissan. Đó là một chiếcs GMC có hàng chữ sơn trắng *Bánh mì thượng hạng* trên cả hai phía thành xe.

Nếu điều tra thì người ta sẽ biết rằng không có thứ hàng nào tên là "Bánh mì thượng hạng" cả. Chiếc xe tài này là một trong số sáu chiếc xe do Miguel điều hành ngay từ khi hắn tới và hắn đã sử dụng tên một hãng cho thuê giả để ngụy trang. Chiếc xe GMC thỉnh thoảng được sử dụng vào việc theo dõi Sloane và còn có thể sử dụng vào những việc khác. Cũng như những chiếc xe khác trong đội xe nhỏ này, nó đã được sơn lại nhiều lần, những hàng chữ ở hai bên cạnh cũng thay đổi - tất cả đều do bàn tay khéo léo của Rafael. Hôm nay, người còn lại trong đám, một ả đàn bà tên là Socorro, lái chiếc xe này. Ả nhảy từ trên ghế tài xế xuống và đi vòng ra sau để mở cửa hậu xe.

Đồng thời cửa xe Nissan cũng đã được mở ra và những bó chăn tròn với cả ba khuân mặt che kín, được Rafael và Carlos nhanh chóng đưa vào chiếc xe GMC. Baudelio đã thu xếp xong dụng cụ y tế của hắn và đi theo sau.

Miguel và Luis đang bận rộn với chiếc xe Nissan. Hắn bóc những mảng nhựa ép màu tối sấm ra khỏi cửa sổ xe; trước đây, những tấm này được dùng để giấu mặt nhưng bây giờ chúng lại trở thành một vật dễ bị lộ và cần phải bỏ ngay lập tức.

Luis lấy từ gầm ghế lái xe ra hai biển số thuốc bang New York mà hắn đã giấu ở đó từ trước, Hắn bước ra ngoài, nhìn quanh để đảm bảo rằng không có ai theo dõi. Luis bỏ biển số bang New Jersey ra, thay biển số của New York vào đó. Việc đó chỉ mất mấy giây, bởi vì tất cả những chiếc xe của nhóm này đều có những móc biển số đặc biệt theo kiểu bản lề ở một phía. Phần bản lề sẽ được nhắc ra và để cái mới vào đó. Rồi tấm biển mới sẽ được khớp vào và siết chặt lại.

Ngay khi vừa đặt chân tới New York Miguel đã thu xếp qua một mối ngầm để mua cho được một loạt biển số xe của New York và New Jersey từ những chiếc xe không dùng mà vẫn phải trả lệ phí cho tới tận lúc đó.

Hệ thống biển số của New York, New Jersey và hầu hết các bang khác cho phép người ta được cấp biển số cho bất cứ xe nào cho tới khi chưa hoàn toàn rệu rã và tất cả mọi bộ phận đều đem vứt đi. Hãng đăng ký chỉ quan tâm một điều là nhận được lệ phí đăng ký và một tờ chứng thực, cũng để dễ kiếm như việc trả lệ phí vậy, là các xe không còn tồn tại ấy được bảo hiểm. Cả hãng đăng ký xe lẫn công ty bảo hiểm đều cho phép chủ xe gởi thư xin tiếp tục bảo hiểm xe cũ chừng nào tiền lệ phí và tiền bảo hiểm vẫn được đóng, mà chẳng bao giờ cần đưa xe đến trình diện cả.

Kết quả là trong các băng tội phạm, một loạt hoạt động kinh doanh tồn tại nhờ vào những biển số xe cho dù là bất hợp pháp nhưng không nằm trong "sổ đen" của cảnh sát và đó là lý do tại sao một tấm biển như vậy lại đắt gơn giá trị thực sự của nó rất nhiều.

Miguel bước ra khỏi chiếc xe Nissan với những mảnh nhựa ép và nhét tất cả vào thùng rác đã đầy ắp kề đó. Luis cũng vội vã vứt chiếc biển số New Jersey mới gỡ ra vào đó luôn.

Rồi Luis cầm lái chiếc xe GMC, trên đó có Jessica. Nicholas và Angus đang bất tỉnh và cả Miguel, Rafael, Baudelio và Sococrro. Sau khi quay một vòng theo hình chữ u, chúng hướng trở lại đường liên tỉnh vả chỉ không đầy mười phút sau chúng ra tới đường 195 trên chiếc xe mới, tiếp tục chạy về hướng nam.

Còn Carlos ngồi vào sau tay lái chiếc Nissan, cũng quay một vòng chữ u. Hắn cũng đi về phía đường 195 nhưng lại hướng về phía bắc. Khi không còn cửa kính màu sẫm nữa chiếc xe với biển số New Yorl rhay biển số New Jersey trong giống như muôn ngàn chiếc xe bình thường khác và không giống sự mô tả mà sở cảnh sát Larchmont đã thông báo.

* * *

Nhiệm vụ của Carlos là vứt bỏ chiếc Nissan và nhiệm vụ này cũng được dự tính hết sức chu đáo. Sau khi chạy được chừng 300 dặm, hắn rời đường liên tỉnh và tiếp tục đi về phía bắc mười hai dặm nữa trên những con đường phụ tới tận Whiter Pleins. Ở đó, hắn lái xe tới một nơi để xe công cộng, một kiến trúc bốn tầng nối liền với khu liên hiệp bán hàng hóa, gọi là khu Thuong mại Trung tâm thanh phố.

Đỗ xe ở tầng thứ ba, Carlos bắt đầu với sự thận trọng những hành động tiếp theo. Giữa những người mua hàng gần đó đang lấy xe ra và đưa xe vào, không hề có ai tỏ ra mảy may chú ý tới hắn hoặc tới chiếc Nissan.

Đầu tiên Carlos lau sạch toàn bộ bề mặt chiếc xe để xóa dấu vân tay. Đó là đề phòng trường hợp chiếc xe bị cơ quan pháp luật phát hiện trong tình trạng như bây giờ. Bước tiếp theo là để đảm bảo điều đó không xảy ra Carlos lấy bình bọt Styro từ một ngăn kéo trong xe. Mở ra, bình đó chứa một lượng khủng khiếp thuốc nổ bằng chất dẻo, một kíp nổ nhỏ có lẫy bật, hai đoạn dây điện bọc nhựa và một cuộn băng dính. Hắn dùng băng dính chất nổ và kíp nổ vào sau lưng dãy ghế trước, thấp xuống dưới và khuất khỏi tầm nhìn. Hắn để dây điện dẫn từ lấy kíp nổ vào tay cầm của hai cánh cửa trước. Sau khi dính dây điện vào tay cầm của hai cánh cửa trước. Sau khi dính dây điện vào tay cầm chắc chắn rồi, hắn cẩn thận đóng cửa, rồi khóa lại. Giờ đây, mở cửa nào cũng làm cho lẫy của kíp nổ bật lên.

Nhìn vào phía trong xe Carloss thầm hài lòng về cả bình chất nổ lẫn dây điện đều khuất khỏi tầm nhìn.

Miguel lập luận rằng phải nhiều ngày sau thì người ta mới chú ý tới chiếc xe và lúc đó những kẻ bắt cóc và những nạn nhân của chúng đã đi xa hẳn rồi. Nhưng khi chiếc xe được tìm thấy thì một sự ngạc nhiên mang tính chất khủng bố điển hình sẽ nói rõ là những kẻ tham gia vụ bắt cóc không phải là những người thích đùa.

Carlos đi khỏi nơi đỗ xe qua khu thương mại, rồi dùng phương tiện công cộng đi về Hackensack, nơi hắn lại nhập bọn với mấy tên kia.

* * *

Chiếc GMC tiếp tục chạy về phía nam chừng năm dặm nữa, tới tận đường cao tốc Cross Bronx rồi rẽ về hướng tây. Khoảng mười hai phút sau, nó đi qua sông Harlem và ngay sau đó qua cầu George Washington bắc trên sông Hudson.

Từ giữa cầu, chiếc xe vận tải và những kẻ ngồi trên đó đã ra khỏi bang New York và tiến vào địa phận New Jersey. Giờ đây đối với Miguel và những kẻ khác trong băng Medellin, trụ sở Hackensack chắc chắn không còn xa nữa

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 13

Bert Fisher sống và làm việc trong một căn hộ nhỏ ở Larchmont. Ông đã sáu mươi tám tuổi và goá vợ suốt mười năm nay. Những tấm danh thiếp của ông nói lên rằng ông là một nhà báo, tuy theo cách nói của giới báo chí thì ông thực tế chỉ là một cộng tác viên.

Cũng giống như những cộng tác viên khác, Bert là một đại diện địa phương của nhiều tổ chức báo chí đóng tại một trung tâm lớn hơn, họ trả cho ông một khoản tiền nhỏ, ông cung cấp tin tức hoặc viết bài và được trả nhuận bút cho những gì được sử dụng. Vì tin tức tỉnh lẻ hiếm khi được chú ý trên quy mô toàn quốc hoặc thậm chí là toàn vùng, nên có được tin gì đó đăng trên các tờ báo lớn, được phát trên đài hoặc trên vô tuyến là rất khó, điều đó giải thích tại sao không ai phất lên nhờ cái nghiệp cộng tác viên, và hầu hết, như Bert Fisher, đều phải chắt cóp mới đủ sống.

Tuy vậy, Bert vẫn thích việc ông đang làm. Trong thế chiến II, khi ông còn ở trong quân đội Mỹ đóng tại Châu Âu, ông đã làm việc cho tờ báo của quân đội, tờ "Sao và Vạch". Tờ báo đã truyền nhiệt tình báo chí vào dòng máu của ông và từ đó tới nay, ông đã vui sướng góp một phần khiêm tốn vào sự nghiệp đó. Thậm chí cho đến nay, tuy tuổi tác đã làm ông chậm chạp đi một chút, hàng ngày ông vẫn tiếp tục gọi điện tới các nguồn tin địa phương và tiếp tục thu các làn sóng truyền thanh, do đó ông đã nghe mọi cuộc nói chuyện điện đàm của cảnh sát, trạm cứu hoả, cứu thương và các ngành phục vụ công cộng khác. Ông luôn luôn mong là sẽ có một cái gì đó quan trọng đáng phải theo dõi để báo cáo cho một hãng tin quan trọng nào đó.

Do đó Bert nghe được sở cảnh sát Larchmont lệnh cho xe 423 phải đi ngay tới siêu thị Grand Union. Lệnh này chẳng có gì đặc biệt cả cho đến khi, ngay sau đó, viên sĩ quan báo cho trụ sở cảnh sát rằng đó có thể là một vụ bắt cóc. Khi nghe thấy chữ "bắt cóc", Bert ngồi phắt ngay dậy, giữ đài thu thanh ở làn sóng của sở cảnh sát Larchmont, vớ lấy một mảnh giấy để ghi chép.

Lúc lệnh truyền đã kết thúc, Bert biết rằng ông phải đi ngay tới hiện trường. Tuy nhiên, việc đầu tiên là ông cần gọi điện gấp cho đài truyền hình WCBA của thành phố New York.

* * *

Tại đài truyền hình WCBA, một viên trợ lý giám đốc tin tức nghe điện của Bert.

WCBA là một chi nhánh riêng trực thuộc hãng CBA, và là một trạm vô tuyến địa phương đầy uy tín phục vụ khu vực New York. Trụ sở đóng trong ba tầng của một khu nhà ở Manhattan, cách trụ sở chính khoảng một dặm. Dù chỉ là một đài địa phương, trạm này cũng có một số lượng khán giả khổng lồ. Cũng nhờ vào khối lượng tin tức ở ngay New York phát ra, có thể nói đài truyền hình WCBA là một thế giới thu nhỏ của một hệ thống vô tuyến.

Trong phòng tin ồn ào, hối hả, nơi ba mươi nhân viên làm việc tại những chiếc bàn kê sát nhau, viên trợ lý giám đốc lập tức kiểm tra tên của Bert Fisher trong danh sách các cộng tác viên.

“Oke”, anh ta nói, “ông có tin gì vậy?”.
Khi ông cộng tác viên nói lại nội dung điện đài của cảnh sát và ý định của ông đi tới hiện trường ở Larchmont, anh ta lắng nghe rất chăm chú rồi hỏi:
“Chỉ có thể là một vụ bắt cóc, hả?”.
“Vâng, thưa ngài”.
Cho dù Bert lớn tuổi gấp ba lần chàng trai mà ông đang nói chuyện, ông vẫn tỏ ra tôn trọng cấp bậc, cung cách xử sự của thời đại cũ.
“Được, ông Fisher ạ, ông đi ngay đi! Nếu đúng là có chuyện gì thì ông gọi điện báo ngay về đây nhé”.
“Được ạ, thưa ngài. Tôi sẽ gọi”.
Đặt máy xuống, viên trợ lý giám đốc cho rằng cuộc điện thoại vừa rồi có thể là một cuộc báo động giả. Mặt khác, có những tin kinh thiên động địa đôi khi lại nhón gót qua những cánh cửa kiểu này. Trong chốc lát, anh ta tính chuyện đưa một đội quay phim tới Larchmont rồi lại quyết định thôi. Vì nghe chuyện của tay cộng tác viên vẫn có vẻ lơ mơ quá. Hơn nữa, những đội quay đều đang có nhiệm vụ, nếu rút đi là phải bỏ một chuyện đang diễn ra nơi khác. Mà số tin hiện có cũng đã đủ để phát rồi.

Tuy nhiên, viên trợ lý vẫn đi cầu thang máy dẫn tới phòng bà giám đốc tin của trạm và kể cho bà nghe về cú điện thoại vừa nhận.
Sau khi nghe anh ta nói, bà đồng tình với quyết định trên. Nhưng ngay sau đó, một ý nghĩ thoáng hiện trong óc bà và bà nhấc máy điện thoại nối trực tiếp từ phòng của bà tới hãng CBA. Bà xin gặp Ernie Lasalle tổng biên tập tin trong nước, người vẫn thỉnh thoảng trao đổi tin tức với bà.
“Theo tôi thì có thể chẳng có chuyện gì đâu”, bà ta nói, và nhắc lại điều bà vừa mới nghe, rồi nói thêm: “nhưng đó lại là Larchmont và tôi biết Crawford Sloane sống ở đó. Đấy là một khu vực nhỏ, chuyện này có thể liên quan đến ai đó anh ấy quen biết, nên tôi cho rằng anh nên báo cho anh ấy biết”.

“Cám ơn chị”, Lasalle nói. “Nếu có gì thêm, xin chị gọi cho tôi biết”.
Sau khi gác máy, Ernie Lasalle lập tức cân nhắc tầm quan trọng của thông tin đó. Có lẽ chỉ là con số không. Nhưng biết đâu…
Theo phản xạ tự nhiên, anh nhấc máy thông báo màu đỏ lên:
“Bản tin trong nước, Lasalle đây. Chúng tôi được tin là tại Larchmont, nhắc lại là Larchmont, New York, cảnh sát địa phương đã thông báo qua máy bộ đàm là có thể có một vụ bắt cóc. Không có chi tiết gì hơn. Các đồng nghiệp của chúng ta tại hãng WCBA đang theo dõi và sẽ báo cho chúng ta”.

Như thường lệ, thông báo của tổng biên tập tin trong nước được truyền khắp trụ sở hãng CBA. Một số người không hiểu tại sao Lasalle lại thông báo một tin lơ mơ như vậy trên hệ thống loa. Những người khác, không quan tâm, lại tập trung vào những việc họ đang làm. Tại tầng trên phòng tin, các chủ nhiệm chính của Vành móng ngựa ngừng lại nghe ngóng. Một trong bọn họ chỉ về phía Crawford Sloane mà ai cũng nhìn thấy qua cửa kính ngăn phòng làm việc riêng của anh và nhận xét: “Nếu có vụ bắt cóc, thì chúng ta phải cảm ơn Chúa rằng đó là người khác ở

Larchmont chứ không phải là Crawf. Trừ phi là anh ta chia người ra làm hai, cho một nửa ngồi ở đây". Mọi người đều cười.
Crawford Sloane nghe lời thông báo của Lasalle truyền qua máy nghe trong phòng anh. Anh đã đóng cửa lại để nói chuyện riêng với chủ tịch tin hãng CBA là Leslie Chippingham. Lúc Sloane xin gặp ông, anh đề nghị là anh sẽ tới văn phòng của Chippingham, nhưng ông lại chọn gặp ở đây.

Cả hai ngừng lại cho tới khi lời thông báo kết thúc và Sloane chợt quan tâm khi nghe thấy chữ Larchmont. Vào trường hợp khác, thì anh đã đi tới phòng tin để thu lượm thêm tin tức. Nhưng vì anh không muốn ngừng cái chuyện mà nay đã bất chợt trở thành một cuộc đối đầu một mất một còn mà thật không ngờ đối với anh nó không tiến triển theo như anh mong đợi.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 14

"Tôi linh cảm thấy là anh đang có vấn đề đấy", Chủ tịch tin của hãng CBA mở đầu cuộc trao đổi. "Linh cảm của anh sai rồi", Crawford Sloane đáp. "Anh mới là người có vấn đề đấy. Cũng giải quyết được ngay thôi, nhưng anh cần có một số thay đổi về cơ cấu. Thật nhanh vào".

Leslie Chippingham thở dài. Ông đã có thâm niên ba mươi năm trong ngành vô tuyến truyền hình, bắt đầu sự nhiệp ở vào tuổi mười chín với công việc là làm liên lạc cho chương trình đứng đầu trong những ngày đó. Ngay từ lúc ấy, ông đã biết rằng một phát thanh viên phải được nâng niu nương nhẹ như một chiếc bình cổ thời nhà Minh và phải được trân trọng như một nguyên thủ quốc gia vậy. Đó cũng là thành công của Chippingham trong việc thi hành cả hai điều trên cùng với những tài năng khác đã đưa ông lên chức vụ uỷ viên ban chủ nhiệm, rồi giám đốc điều hành chính, trong khi những người khác cũng đã từng ở các chức vụ cao khác – kể cả một lô những giám đốc phụ trách chương trình tin của hãng – đều bị đầy ải vào những chỗ tù túng hoặc rơi vào số phận bị lãng quên cuả những kẻ về hưu trước tuổi.

Chippingham có khả năng giao thiệp thoải mái với mọi người, và cũng làm cho người khác cảm thấy như vậy. Đã có lần người ta nói rằng ngay cả khi ông sa thải một người nào đó, ông vẫn làm cho người đấy cảm thấy dễ chịu về chuyện đó.
"Thay đổi thế nào? Anh nói thử xem". Ông bảo Sloane.
"Tôi không thể tiếp tục làm việc với Chuck Insen. Anh ta phải ra đi. Và khi chúng ta chọn lựa một uỷ viên ban chủ nhiệm mới, tôi muốn là phải do mọi người bầu lên".
"Thôi được. Thôi được. Anh nói có vấn đề là đúng thôi". Chippingham cẩn thận chọn lựa từng từ, rồi nói thêm: "Mặc dù có lẽ đây là một vấn đề khác với điều anh đang nghĩ đấy".

Crawford Sloane nhìn cấp trên của mình. Trước mặt anh là một con người có thân hình đồ sộ, kể cả khi ông ngồi, vì Chippingham cao tới 6 fut bốn inxơ và nặng trên 215 pao. Khuôn mặt ông thô chứ không đẹp trai lắm, mắt xanh sáng và một mớ tóc rậm với những lọn tóc xoăn tít giờ đây hầu như đã ngả sang màu muối tiêu. Qua bao năm tháng, vô số phụ nữ rất khoái lùa những ngón tay của họ vào những mớ tóc xoăn của Chippingham, một thú vui đặc biệt trước khi tiến tới những thú vui khác. Phụ nữ là một trong những điểm yếu trong suốt cả cuộc đời của Chippingham, chinh phục họ là mộ thú vui mà ông không thể cưỡng lại nổi. Vào thời điểm này, vì những thú vui đó, ông đang phải đương đầu với những khủng hoảng gia đình và tài chính, điều mà Sloane không biết, mặc dù anh cùng nhiều người khác đều biết tính lăng nhăng của Chippingham.

Tuy nhiên Chippingham biết rằng ông phải gạt chuyện phiền muộn của mình sang một bên để đối phó với chuyện của Crawford Sloane. Điều đó giống như là đi trên dây, bất cứ cuộc nói chuyện với một phát thanh viên nào cũng vậy.

"Thôi, chúng ta không nên vòng vo tam quốc nữa", Sloane nói, "mà nên đi thẳng vào vấn đề".
Chippingham đồng ý: "Tôi cũng sắp nói thẳng đây. Như cả hai chúng ta đã biết, trong hãng của chúng ta có rất nhiều chuyện thay đổi…".
"Ôi, lạy Chúa, Leslie, tất nhiên là có nhiều chuyện thay đổi", Sloane sốt ruột cắt ngang. "Vì vậy tôi mới có chuyện với Insen. Chúng ta cần thay đổi bố cục chương trình tin của chúng ta – ít đưa những tin chớp nhoáng đi và cần nhiều tin quan trọng có chiều sâu hơn".
"Tôi biết anh đang nghĩ gì. Trước đây chúng ta đã bàn đến chuyện này rồi. Tôi cũng biết điều mà Chuck đang quan tâm và nhân đây tôi nói luôn, anh ta đã đến gặp tôi vào sáng sớm hôm nay để than phiền về anh".

Sloane trố mắt. Anh không ngờ tay uỷ viên ban chủ nhiệm lại tiến trước anh một bước trong cuộc tranh cãi giữa hai người; đó là điều trái với lệ thường. "Vậy anh ta nghĩ là anh có thể làm gì?" Anh hỏi.

Chippingham do dự: "Khỉ thật, có lẽ tôi cũng chẳng nên giấu anh làm gì. Anh ấy cho rằng quan điểm của hai người đã khác xa nhau, khiến cho các anh không thể hoà hợp được nữa. Chuck muốn chuyển anh đi".

Sloane ngả đầu về phía sau và cười lớn: "Còn anh ta thì ở lại sao? Thật là nực cười".
Viên giám đốc chương trình nhìn thẳng vào mắt anh và hỏi: "Thế à?".
"Tất nhiên rồi. Và anh cũng biết điều đó chứ".
"Trước kia thì tôi biết điều đó. Còn bây giờ tôi không chắc là tôi có biết hay không". Trước mặt cả hai ngươ là một vùng đất bí hiểm. Chippingham thận trọng đặt chân vào đó.

"Điều tôi đang cố làm cho anh hiểu là mọi chuyện không còn như trước nữa. Từ khi người ta mua đứt hãng ta, thì mọi điều đều khác trước. Anh cũng thừa biết rõ như tôi về vô số những suy nghĩ của những người chủ mới ở hãng này và các hãng khác về quyền lực của những phát thanh viên bản tin buổi tối. Những kẻ đầy quyền uy này đang cai quản các công ty chủ chốt đều muốn giảm bớt quyền lực đó; và họ cũng rất khó chịu vì phải trả những khoản lương lớn cho những việc mà họ cho rằng không mamg lại lợi lộc gì. Gần đây đã có dư luận về những thoả thuận ngầm, riêng tư rồi đấy".
Sloane lạnh lùng hỏi, "Những thoả thuận kiểu gì vậy?".
"Theo như tôi nghe thì mấy tay chủ thầu cỡ bự này gặp nhau tại các câu lạc bộ đặc biệt hoặc tại nhà riêng của họ. Ví dụ họ đã thoả thuận: "*Chúng tôi sẽ bảo hãng chúng tôi không thuê người của hãng anh, với điều kiện là các anh đồng ý không thuê người của hãng chúng tôi. Theo cách này thì chúng ta sẽ không phải đẩy mức lương lên và có thể hạ lương một số người có lương quá cao*".
"Đó là một sự câu kết, kìm hãm công việc. Điều đó là bất hợp pháp một cách khốn nạn!".

“Chỉ khi nào anh có chứng cớ về điều đó”, Chippingham nhấn mạnh. “Mà làm sao anh có được chứng cớ, nếu như họ thoả thuận với nhau khi uống rượu tại Câu lạc bộ Links hoặc tại khách sạn Metropolitan, không ghi chép, hoặc lưu hồ sơ?”.
Sloane lặng im và Chippingham gắng làm cho anh ta hiểu: “Theo tôi, bây giờ không nên già néo quá mà đứt dây đấy”.
Sloane đột ngột ngắt lời “Anh nói rằng Insen dự tính tìm người thay tôi. Ai vậy?”.
“Anh ta nhắc tới Harry Partridge”.
Partridge! Sloane tự nhủ rằng một lần nữa anh ta lại đã xuất hiện với tư cách một kẻ tranh tài. Anh không biết có phải chính anh chàng này đã đề ra ý định ấy không. Như đoán được ý nghĩ của anh, Chippingham nói “Rõ ràng là Chuk đã đề đạt ý này với Harry. Cậu ta rất ngạc nhiên nhưng cậu ta tỏ ý không tha thiết lắm”.
Chippingham nói thêm: “Ồ, còn một điều nữa Chuck Insen đã nói với tôi: “Nếu cần phải chọn giữa Harry và anh, anh ta sẽ không lùi bước đâu. Anh ta doạ là sẽ đưa chuyện này lên tận cấp lãnh đạo cao nhất”.
“Nghĩa là sao?”.
“Có nghĩa là anh ta sẽ nói chuyện với Margot Lloyd Mason”.
Crawford Sloane giận dữ hét to: “Đến gặp con mụ khốn kiếp ấy à? Hắn không dám làm điều đó đâu!”.
“Tôi tin là anh ta dám. Và Margot có thể là khốn kiếp thật, nhưng bà ta có quyền lực”.
Leslie Chippingham biết rất rõ về điều này.
* * *
CBA là hãng cuối cùng trong số các hãng truyền hình lớn trở thành nạn nhân của cái mà giới làm ăn trong khi nói chuyện riêng gọi là “cuộc xâm lăng của lũ vô học”. Đó là sự mô tả dành cho những tập đoàn công nghiệp hiện nay đang tiếp quản các hãng, những kẻ luôn coi trọng việc kiếm thêm lợi nhuận hơn là ý thức về quyền hạn và nhiệm vụ đối với công chúng của họ. Điều này hoàn toàn khác hẳn thời trước, khi các ông Paley của hãng CBS, ông Sarnoff của hãng NBC và ông Goldenson của hãng ABC, tuy là các nhà tư bản chí thú làm ăn, vẫn luôn là những người tôn trọng nghĩa vụ công cộng của họ.
Chín tháng trớc đây, sau khi không còn giữ nổi sự độc lập của hãng, CBA đành phải để cho Tổ hợp Công nghiệp Globanic, một tập đoàn khổng lồ có tầm cỡ quốc tế nuốt chửng. Giống hệt như công ty điện lực General của Mỹ đã thâu tóm NBC trước đó, Globanic là công ty chuyên đấu thầu các hợp đồng quân sự quan trọng. Và cũng như công ty điện lực General, thành tích của Globanic bao gồm cả sự phạm tội mang tính chất phường hội. Một lần, qua những cuộc điều tra của thẩm phán đoàn công ty này đã bị phạt và các uỷ viên cao cấp đã bị xử tù vì đã dùng thủ đoạn trong các vụ bán đấu giá và đặt giá. Vào một trường hợp khác, công ty nhận đã lừa đảo chính phủ Mỹ bằng cách làm giả mạo những số liệu tài chính về hợp đồng quốc phòng: họ bị phạt một triệu đô la – mức cao nhất theo luật, nhưng đó chỉ là một khoản rất nhỏ so với tổng giá trị của một hợp đồng. Theo lời một nhà bình luận đã viết khi Globanic mua CBA, là “Globanic có quá nhiều mối quan tâm đặc biệt để CBA không mất đi tính độc lập trong bình luận. Liệu người ta có cho rằng CBA lại dám đào sâu vào một lĩnh vực nhạy cảm là nơi công ty mẹ của nó có dính líu không?”.
Từ khi tiếp quản hãng CBA, những ngời chủ mới của hãng đã đảm bảo công khai là tính độc lập theo truyền thống của hãng CBA sẽ được tôn trọng. Mặc dù vậy, nếu nhìn vào bên trong thì người ta sẽ thấy những lời hứa đó rõ ràng là sáo rỗng.

Sự chuyển biến của hãng CBA bắt đầu từ việc Margot Lloyd Mason đến nhận chức chủ tịch và trưởng ban quản trị mới. Là một người có năng lực, thô bạo và đầy tham vọng, bà ta đã giữ chức phó chủ tịch của tổ hợp công nghiệp Globanic từ trước đó. Có tin đồn bà ta chuyển tới hãng CBA là một thử thách để xem bà ta có tỏ ra đủ cứng rắn để có thể thay vị trí của chủ tịch tổ hợp hay không.

Leslie Chippingham đụng đầu với người lãnh đạo mới của mình khi được bà ta gọi tới hai ngày sau khi bà ta nắm quyền. Thay vì một cú điện thoại gọi riêng – một cách xử sự nhã nhặn mà người tiền nhiệm của bà Lloyd – Mason thường làm với chủ tịch các phân ban – ông lại nhận được lời nhắn khẩn cấp qua người thư ký là ông phải lập tức có mặt tại "Stonehege" – tên thông tục của trụ sở ở đại lộ Ba của hãng CBA. Ông tới đó bằng một chiếc xe sang trọng với tài xế riêng.

Margot Lloyd Mason là một phụ nữ cao lớn, mái tóc màu hung luôn hất ngược về phía sau, gò má cao, nước da hơi rám nắng và đôi mắt sắc lạnh. Bà ta mặc bộ đồ do hãng Sanen may, màu nâu xám, áo sơ mi lụa màu sáng. Sau này, Chippingham mô tả bà ta là một con người "hấp dẫn nhưng đáng sợ".

Thái độ của bà ta vừa thân ái vừa lạnh lùng: "Anh có thể gọi tôi bằng tên riêng" – bà ta bảo ông chủ tịch phân ban tin tức, nhưng nghe giọng nói thì lại như là ra lệnh. Sau đó, không bỏ phí giây phút nào, bà ta đi thẳng vào việc.

"Vào một lúc nào đó ngày hôm nay, thế nào cũng sẽ có thông báo về chuyện của Theo Elliott".

Theodore Elliott là chủ tich tổ hợp Globanic.

"Sáng nay ở Washington IRS đã thông báo rồi. Họ nói rằng vua của các ông vua của chúng ta đã trả thiếu một khoản thuế vào khoảng bốn triệu đô la".

Vô tình mà Chippingham đọc được chuyện này trong tin điện của AP. Sự thể là Elliott đã đầu tư vào những khoản mà người ta phát hiện ra là khoản đầu tư giảm nghĩa vụ thuế bất hợp pháp. Người khởi xướng ra việc đầu từ trốn thuế này đã bị đưa ra truy tố, Elliott thì không, nhưng sẽ phải nộp thuế cùng với những khoản tiền phạt lớn.

"Theo đã gọi điện cho tôi", Margot nói, "và đảm bảo với tôi là ông ta hoàn toàn không biết việc đầu tư ấy là bất hợp pháp".

"Tôi cho là một số người cũng tin như vậy" – Chippingham nói, vì biết rằng có cả một đội quân những nhà luật sư, cố vấn thống kê và thuế vụ nằm dưới quyền điều khiển của một người như ông chủ tịch tổ hợp Globanic.

Margot lạnh lùng nói: "Đừng có đùa cợt về chuyện này. Tôi gọi anh đến là vì tôi không muốn bất cứ chuyện gì về Theo và thuế má xuất hiện trên màng lưới tin của chúng ta, và tôi muốn anh yêu cầu các hãng khác cũng không đả động gì đến những chuyện đó".

Chippingham quá sửng sốt và hầu như không tin vào tai mình nữa, cố giữ giọng bình tĩnh: "Margot ạ, nếu tôi gọi điện cho các hãng khác để yêu cầu chuyện này, thì không những họ sẽ bác bỏ, mà họ còn đưa cả tin là hãng CBA cố thu xếp để che giấu chuyện này. Và nói một cách thẳng thắn là nếu hãng chúng ta nhận được một yêu cầu tương tự, thì CBA cũng xử sự y như vậy".

Vừa nói, ông vừa nhận thức rằng qua cuộc trao đổi ngắn vị thủ trưởng mới của hãng đã tỏ ra không chỉ thiếu kiến thức về công việc vô tuyến truyền hình, mà còn không hiểu biết về đạo đức của người làm tin. Nhưng rồi ông tự nhủ là ai cũng biết bà ta tới đây không phải vì những thứ đó, mà vì sự nhạy bén về mặt tài chính và khả năng tạo lợi nhuận của bà ta.

"Thôi được", bà ta miễn cưỡng nói, "Cứ cho là tôi phải chấp nhận điều anh nói về các hãng khác. Nhưng tôi muốn là hãng chúng ta không đả động gì hết".

Trong thâm tâm, Chippingham cảm thấy ngao ngán, biết rằng từ nay về sau ông sẽ phải đương đầu với những khó khăn to lớn hơn nhiều. "Xin hãy tin tôi bà Margot ạ, chắc chắn là tối nay tất cả các hãng khác sẽ đưa tin về ông Elliott và chuyện thuế má của ông ta. Và nếu chúng ta không đưa tin, thì người ta còn chú ý hơn là nếu chúng ta đưa tin". Vì mọi người đang theo dõi xem chúng ta thẳng thắn và vô tư đến mức nào, nhất là sau khi Globanic tuyên bố là sự tự do của Ban tin tức của chúng ta sẽ không bị can thiệp".

Khuôn mặt rắn rỏi của bà chủ tịch hãng đanh lại, môi mím chặt, nhưng sự im lặng của bà ta cho thấy bà ta nhận thức được cái điểm mà Chippingham vừa nêu. Một lát sau, bà ta nói: "Anh sẽ phát thật ngắn thôi chứ". "Điều đó là đương nhiên. Vì tin này cũng không đáng để đưa dài". "Và tôi cũng không muốn bất kỳ thằng phóng viên khốn kiếp nào nói bóng gió ám chỉ rằng Theo biết về việc làm ăn phi pháp đó, trong khi ông ta nói rằng ông ta không biết".

"Điều duy nhất mà tôi có thể hứa với bà", Chippingham nói, "là bất kỳ cái gì chúng tôi làm cũng sẽ rất đúng mức. Chính tôi sẽ theo dõi việc này".

Margot không bình luận gì thêm mà lại cầm một mảnh giấy trên bàn lên. "Anh đến đây bằng chiếc xe limo có tài xế đưa phải không?".

Chippingham giật mình, "Vâng, đúng vậy". Chiếc xe và người lái xe là một trong những sự trưng diện thuộc về công việc của ông. Nhưng việc người ta đã theo dõi ông, rõ ràng là như vậy, là một điều mới mẻ và không bình thường.

"Sau này, anh hãy dùng xe taxi. Tôi cũng đi taxi thì anh cũng đi được thôi. Và còn một chuyện khác nữa". Bà ta nhìn xoáy vào mặt ông bằng cặp mắt sắc lạnh. "Kinh phí của Ban tin tức sẽ bị cắt giảm 20% ngay lập tức. Các anh sẽ nhận được một bản chỉ thị của tôi vào ngày mai và chữ "ngay lập tức" có nghĩa là không bàn cãi gì nữa. Tôi mong trong vòng một tuần sẽ nhận được bản báo cáo về mọi vấn đề chi tiêu".

Chippingham quá bàng hoàng để tỏ ra là một con người lịch sự đúng nghi thức khi kết thúc buổi nói chuyện.

Câu chuyện về Theo Elliott và thuế thu nhập của ông ta đã xuất hiện trong Bản tin tối Toàn quốc của hãng CBA và lời tuyên bố của ông chủ tịch Globanic về việc ông vô tội trong vụ này đã được đưa tin không bình luận gì. Theo lời của một chủ nhiệm của Vành móng ngựa nhận xét một tuần sau đó: "Nếu đó là một nhà chính trị, chắc chúng ta đã trút lên đầu hắn bao nhiêu nỗi hoài nghi, rồi lột da hắn như người ta bóc một củ hành. Thế mà trong trường hợp này, sau đó chúng ta đã chẳng đưa tin gì thêm".

Trên thực tế, người ta đã xem xét đến việc đưa tin tiếp theo; và cũng có đủ cả dữ kiện để đưa tin. Nhưng trong một cuộc bàn luận ở Vành móng ngựa với sự tham gia của ông chủ tịch phân ban tin tức, người ta đã quyết định những tin tức khác trong ngày quan trọng hơn nhiều, vậy nên không đưa tin thêm về vụ đó. Đây là một quyết định rất tế nhị; một vài người trong thâm tâm cho rằng đây là một sự bội tín.

Còn chuyện cắt giảm ngân sách thì lạ khác. Đó là một lĩnh vực mà tất cả các hãng đều có thể bị những người chủ mới tấn công và mọi người đều biết điều đó, kể cả Leslie Chippingham. Đặc biệt, phân ban tin tức đã phình ra với quá nhiều nhân viên, đến mức cần phải cắt bớt đi rồi. Việc tính toán lại chi phí của Ban tin tức hãng CBA mà người ta yêu cầu phải làm là cả một quá trình đau đớn, chủ yếu là vì hơn 200 người mất công ăn việc làm.

Sự cắt giảm này khiến những người bị mất việc và bạn hữu của họ la ó giận dữ, giới báo chí nhất loạt lên tiếng rầm rộ, các báo đăng nhiều bài về lợi ích của con người để bày tỏ sự đồng cảm với

các nạn nhân của làn sóng cắt giảm ngân sách, mặc dù ở các toà soạn báo cũng thường xuyên có những hành động cắt giảm như vậy.
Một nhóm người làm trong hãng CBA, đều là những người đã ký những hợp đồng dài hạn, gửi một bức thư phản kháng tới tờ Thời báo New York. Trong số những người ký tên vào bản đó có cả Crawford Sloane, bốn phóng viên lâu năm và nhiều chủ nhiệm. Bức thư phản kháng phàn nàn rằng trong số những người đột nhiên bị mất việc có cả những phóng viên kỳ cựu đã phục vụ cho hãng CBA gần trọn cuộc đời làm việc của họ. Nó cũng nói rõ rằng nhìn chung thì hãng CBA không gặp khó khăn về tài chính và lợi nhuận của hãng có thể tương đương với những công ty công nghiệp lớn. Bức thư được công bố và bàn cãi, trích dẫn trong toàn quốc.
Bức thư cũng như mối quân tâm của mọi người đối với nó khiến cho Margot Lloyd Mason phát khùng. Bà ta lại triệu ngay Leslie Chippingham đến.
Đặt tờ Thời báo mở rộng ra trước mặt mình, bà ta lớn tiếng chì chiết: "Cái bọn mấy thằng con hoang tự phụ ăn lương quá cao đó cũng là một phần của Ban quản lý. Lẽ ra chúng phải ủng hộ những quyết định của Ban quản lý, chứ đâu lại phá chúng ta bằng cách rêu rao trước công luận".
Ông chủ tịch phân ban tin đánh liều nói: "Tôi không cho rằng họ tự coi mình thuộc giới quản lý. Họ trước hết là những nhà báo và chẳng sung sướng gì về chuyện những đồng nghiệp của họ. Và tôi cũng phải nói với bà là tôi cũng thế, Margot ạ".
Người lãnh đạo của hãng tin trừng trừng nhìn ông với một ánh mắt sắc lạnh "Không có những chuyện của anh thì tôi cũng đã có quá nhiều chuyện phải giải quyết rồi, cho nên tôi mong anh sẽ quên những chuyện rác rưởi của anh đi. Đối với chuyện này thì anh cứ nói toạc ra cho những kẻ đã ký bức thư đó biết rằng tôi không muốn có sự phản bội nào nữa hết. Anh cũng nên báo cho họ biết cái kiểu chơi hai mặt của họ sẽ được ghi lại để xem xét vào lần ký hợp đồng tới. Điều này khiến tôi nhớ ra rằng một số khoản tiền mà chúng ta trả cho đám làm tin này là quá cao đến mức không ai tin được, đặc biệt là lương của cái thằng chó đẻ quá khích Crawford Sloane đó".
Sau đó Leslie Chippingham nói lại những điều Margot nói với lời lẽ nhẹ nhàng hơn, vì ông tự nhủ ông là người có trách nhiệm tập hợp mọi người của phân tin, một công việc hiện đang trở nên ngày càng khó khăn.
Mấy tuần sau đó, sự thể càng khó khăn thêm khi một đề nghị mới của bà Lloyd Mason được thông báo trong bản tin nội bộ của hãng CBA. Bà ta đã định gây Quỹ hành động chính trị để tài trợ cho việc vận động chính trị ở Washington với danh nghĩa của hãng CBA. Tiền dành cho quỹ này sẽ được các uỷ viên của hãng đóng góp "một cách tự nghuyện" và sẽ được rút ra từ lương của họ. Trong số những người đóng góp, có cả những viên chức lâu năm của phân ban tin. Thông báo cũng nói rõ hoạt động này phù hợp với hoạt động của công ty mẹ là Tổ hợp công nghiệp Globanic.
Vào đúng ngày bản thông báo đến tay mọi người, Chippingham đang đứng gần Vành móng ngựa thì có một chủ nhiệm hỏi ông "Leslie này, anh sẽ đấu tranh chống lại cái hành động chính trị thối tha đó vì tất cả chúng tôi chứ?". Từ xa Crawford Sloane đế vào: "Dĩ nhiên rồi. Leslie sẽ không bao giờ đồng ý với bất kỳ cái gì buộc phân ban tin yêu cầu được ưu đãi chính trị, thay vì đưa tin chính trị cả. Và điều đó ta có thể tin cậy vào anh ấy".
Ông chủ tịch phân ban tin cảm thấy khó mà biết được rằng trong giọng nói của người phát thanh viên có hàm ý mỉa mai hay không. Mặt khác, Chippingham cũng nhận thức được rằng ông đang gặp một chuyện nghiêm trọng khác bắt nguồn từ sự dốt nát của Margot – hay là do bà ta

không thèm đếm xỉa đến tính toàn vẹn của tin tức? Liệu ông có nên đến gặp bà tà và tranh luận về chuyện quỹ hành động chính trị hay không. Dù sao thì ông cũng không dám chắc sẽ thay đổi được gì vì mục tiêu chính của Margot rõ ràng là để làm vừa lòng các ông chủ Globanic và tạo thuận lợi cho sự thăng tiến của bà ta.

Cuối cùng, ông giải quyết vấn đề bằng cách tiết lộ câu chuyện cùng với một bản sao lời thông báo nội bộ của hãng CBA cho tờ Bưu điện Washington. Ông có một mối quan hệ ở đó mà trước đây ông đã sử dụng và có thể tin tưởng được rằng nguồn cung cấp tin sẽ không bị tiết lộ. Kết quả bài phóng sự của tờ Bưu điện đã được các báo khác đăng lại, chế nhạo cái ý định đưa một tổ chức tông tin tham già vào một cuộc vận động chính trị. Vài ngày sau, kế hoạch đã bị chính thức huỷ bỏ. Theo lời đồn thì đó là do đích thân Theodore Elliott, chủ tịch của công ty Globanic ra lệnh.

Một lần nữa, chủ tịch hãng CBA cho gọi Chippingham đến. Không thèm chào hoặc mào đầu gì hết, bà ta hỏi: "Kẻ nào trong phân ban tin đã đưa thông báo của tôi cho tờ Bưu điện?".

"Tôi không rõ" – ông chối.

"Thôi đi! Nếu anh không biết chắc, thì anh cũng có thể đoán chừng được chứ?".

Chippingham quyết định im lặng, mặc dù ông cảm thấy nhẹ nhỏm vì Margot không nghĩ có thể chính ông đã tiết lộ tin".

Bà ta phá vỡ sự im lặng giữa hai người. "Từ lúc tôi đến đây đến nay anh đã có thái độ hoàn toàn bất hợp tác với tôi".

"Tôi rất tiếc là bà cảm thấy điều đó bởi vì tôi không cho là như vậy. Trên thực tế, tôi đã cố tỏ ra thẳng thắn với bà".

Phớt lờ lời chối cãi đó, Margot tiếp tục nói: "Vì thái độ ngoan cố của anh mà tôi đã điều tra và đã biết được rất nhiều điều về anh. Một trong những điều đó là vào lúc này, anh rất cần phải có việc làm, bởi vì về mặt tài chính mà nói, anh mất việc thì anh chết".

"Đối với tôi, công việc lúc nào cũng quan trọng. Còn về tiền bạc thì ai mà lại không cần cơ chứ? Có lẽ cả với bà cũng vậy thôi!" Chippingham bứt rứt không hiểu chuyện gì sắp xảy ra với mình.

Thoáng một nụ cười kẻ cả, người nắm quyền của hãng nói: "Tôi không xen vào cái chuyện ly dị của anh. Cũng rắc rối đấy. Vợ anh muốn một sự dàn xếp về mặt tài chính của hai vợ chồng anh, và nếu như cô ta không có được điều mình muốn, thì cô ta sẽ đưa bằng chứng ra trước toà về chừng nửa tá các cuộc ngoại tình mà anh đã vô ý không giấu kín. Anh còn có cả những khoản nợ, kể cả một khoản tiền vay ngân hàng khá lớn. Vậy nên anh vô cùng cần tiếp tục có thu nhập nếu không anh sẽ vỡ nợ. Rồi chỉ còn nước đi ăn xin".

Ông cao giọng phản đối: "Đó là một sự lăng mạ! Đó là sự can thiệp vào đời tư của tôi".

Margot bình tĩnh nói: "Có thể, nhưng đó là sự thật". Mặc dù phản đối, nhưng ông vẫn bị choáng váng vì bà ta đã biết khá nhiều. Ông đang khốn quẫn về tài chính, một phần vì ông không bao giờ có thể quản lý tiền nong của mình và từ nhiều năm nay, ông không những chi tiêu hết khoản lương của mình, mà còn nợ như chúa chổm. Ông cũng không bao giờ có thể cưỡng lại sự cám dỗ của những người đàn bà khác, một sự yếu đuối mà Stasia, người vợ chung sống với ông suốt 20 năm nay, đã chấp nhận cho tới cách đây ba tháng. Rồi, trong cơn tức giận dồn nén từ lâu, với những bằng chứng đã thu thập được từ trước đến nay, Stasia đột nhiên đâm đơn ra toà đòi ly dị. Kể cả lúc đang phải đương đầu với chuyện đó, ông lại ngu ngốc dính vào một vụ dan díu khác. Lần này là với Rita Abrams, một chủ nhiệm của hãng CBA. Ông không muốn chuyện đó xảy ra nhưng nó lại vẫn cứ xảy ra. Bây giờ ông lại thấy thú vị và vẫn muốn tiếp tục. Nhưng ý nghĩ bị mất việc khiến ông hoảng sợ.

“Bây giờ thì hãy lắng nghe tôi nói đây” - Margot nói. – “Thay một chủ tịch Phân ban tin chẳng có gì là khó và nếu tôi cần thì tôi sẽ thay. Kể cả trước khi anh kịp hiểu ra chuyện, thì anh đã bị đá ra khỏi đây và một người khác đã thế vào chỗ anh rồi. Có vô khối ứng cử viên xin vào chỗ của anh, ở tại đây cũng như tại các hãng khác. Anh rõ chưa?”.
Chippingham nhẫn nhục nói “Vâng, rõ”.
“Tuy nhiên, nếu anh đứng về phía tôi thì anh sẽ ở lại. Nhưng chính sách của phân ban tin sẽ phải theo hướng tôi muốn. Nhớ kỹ điều đó. Và một điều nữa: khi tôi muốn một điều gì đó phải được thi hành mà anh lại không thích, thì đừng có làm tôi mất thì giờ với những điều thối tha về tính trong sạch và đạo lý của người làm tin. Nếu trước đây có lúc anh đã từng trong sạch thì anh đã chấm dứt cái trong sạch đó – khi anh đã không sử dụng những tin anh có để đưa tiếp về vụ thuế má của Theo Elliott. Margot lại thoáng mỉm cười: “Ờ đúng rồi, tôi biết chuyện đó. Thế là anh đã bị tha hoá rồi và có tha hoá vài lần nữa cũng chẳng sao. Thế thôi. Anh có thể đi được”.
Cuộc nói chuyện xảy ra hai ngày trước khi Chuck Insen và sau đó là Crawford Sloane đến gặp ông chủ tịch phân ban tin về những vấn đề cá nhân của họ liên quan đến Bản tin tối Toàn quốc. Chippingham biết sự bất đồng của họ phải mau chóng giải quyết trong nội bộ phân ban tin. Ông muốn tránh phải gặp hoặc chạm trán với Margot càng lâu càng tốt.
* * *
“Tôi nói với anh, Crawf ạ, cũng như tôi vừa mới nói với Chuck”, Chippingham nói – “rằng ngay giờ đây, các anh sẽ gây ra một sự nguy hại vô cùng lớn cho bọn làm tin chúng ta nếu như các anh đưa ra công khai chuyệt bất hoà của các anh. Ở Stonehenge, người ta chẳng ưa gì Phân ban tin nữa đâu. Còn về ý định của Chuck để Margot Lloyd Mason dính vào chuyện này, bà ta cũng chẳng đứng về phía của anh ta hay phía anh đâu. Điều có thể bà ta sẽ làm là cắt giảm thêm chi phí với lý do là nếu chúng ta có thời gian đấu đá nội bộ, thì có nghĩa là chúng ta rỗi rãi, và do đó thừa nhân lực”.
“Tôi có thể bác được chuyện đó” – Sloane nói.
“Và tôi đảm bảo là bà ta sẽ chẳng thèm nghe”. Trái với thường lệ, Chippingham trở nên cáu bẳn. Trước kia thì chức năng của chủ tịch Phân ban tin là phải bảo vệ nhân viên của mình, kể cả phát thanh viên, trước người lãnh đạo cao nhất của hãng. Nhưng cũng chỉ chừng mực thôi; lần đầu tiên, ông uyết định tỏ ra thô bạo: “Có điều chắc anh cũng đã biết là người chủ mới của chúng ta không có nhiều thời giàn dành cho anh. Vì các thứ ngu ngốc khốn kiếp anh và mấy người nữa viết cho tờ Thời báo, nên bà ta đã liệt anh vào loại cao ngạo và được trả lương quá cao đấy”.
Sloane phản đối: “Bức thư đó đã trúng đích. Tôi là người có quyền tự do ngôn luận và tôi bầy tỏ ý kiến của mình!”.
“Mẹ kiếp! Anh chẳng việc quái gì phải đề tên anh vào đấy. Về điểm này thì tôi nhất trí với Margot. Hãy vì Chúa, Crawf ạ! Anh phải tỉnh mới được! Anh không thể lĩnh của hãng ngần ấy tiền và tiếp tục là “một trong những thằng nhóc mới lớn” bạ đâu nói đấy được”.
Chippingham không hiểu tại sao ông lại phải hứng chịu tất cả mọi loại đạn của những người chủ mới. Cứ để cho những người làm việc lâu năm khác, kể cả Sloane và Insen phải gánh chịu nữa chứ! Và ông chủ tịch Phân ban tin còn có một lý do nữa khiến ông bực bội. Hôm nay là thứ năm. Ông dự định tối nay sẽ đi nghỉ cuối tuần một cuộc nghỉ ngơi dài, tràn ngập tình yêu với Rita Abrams ở Minnesota; Rita đã tới đó từ tối hôm trước. Ông nhất thiết không muốn chuyện cãi lộn xúi bẩy xảy ra trong khi ông đi vắng.

“Tôi vẫn muốn trở lại cái vấn đề mà chúng ta đã đề cập tới lúc đầu” Sloane nói: “Cần có sự thay đổi khuôn khổ bản tin của chúng ta”.
“Có thể” – Chippingham bảo anh – “chính tôi cũng có vài suy nghĩ”.
“Anh định như thế nào?”.
“Vào đầu tuần sau, tôi sẽ gặp anh cùng Chuck Insen – gặp bao nhiêu lần cũng được, cho đến khi nào chúng ta đi tới một thoả thuận. Kể cả nếu tôi phải đập hai cái đầu của các anh vào với nhau, thế nào rồi chúng ta cũng sẽ đi đến thoả hiệp”.

“Chúng ta cứ thử xem sao”, Sloane nói vẻ không tin tưởng. “Nhưng điều đó không thể nào hoàn toàn thoả mãn được”.
Chippingham nhún vai, “Anh thử nói xem có cái gì là hoàn hảo không nào?”.

Khi ông chủ tịch phân ban tin đã bỏ đi, Sloane lặng lẽ ngồi cạnh trong văn phòng để suy ngẫm về cuộc tranh luận của họ. Rồi anh chợt nhớ ra lời thông báo trên hệ thống truyền thanh về Larchmont. Tò mò xem còn có thêm tin gì nữa không, anh rời khỏi văn phòng và đi tới phòng tin.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 15

Bert Fisher, cộng tác viên báo chí ở Larchmont tiếp tục theo dõi cái tin rất có thể trở thành một câu chuyện hay bắt nguồn từ cuộc điện đàm của cảnh sát về cái "có thể là một vụ bắt cóc". Sau khi gọi điện cho hãng WCBA-TV, Bert vội vã ra khỏi nhà, hy vọng rằng chiếc xe Vlokswagen rệu rã đã 20 năm tuổi của ông có thể khởi động. Ông cố giữ cho máy nghe vô tuyến trong xe luôn luôn ở vào tần số của sở cảnh sát Larchmont. Rồi ông chạy thẳng vào trung tâm thành phố, tới siêu thị Grand Union.

Đi được một đoạn thì những lời trao đổi của Sở Cảnh sát trong máy bộ đàm khiến ông đổi hướng: "*Xe 423 gọi sở chỉ huy. Đang tiến tới căn nhà của những nạn nhân có thể đã bị lâm nạn. Địa chỉ 66 đại lộ Park. Yêu cầu cử một thanh tra tới gặp tôi ở đấy".*
"Trụ sở gọi 423. Mười bốn".

Ngừng một lát rồi nghe tiếp: "*Trụ sở gọi 426. Khẩn cấp tới 66 đại lộ Park. Gặp sĩ quan tuần tra, xe 423. Kết quả điều tra về trụ sở*".
Trong cách dùng của cảnh sát địa phương, Bert nhận ra rằng "khẩn cấp tới" có nghĩa là: "Bật đèn hiệu và rú còi". Rõ ràng là có chuyện thật rồi và Bert cũng tăng tốc độ của chiếc Volkswagen cũ kỹ đến mức tối đa. Giờ đây, vừa cho xe chạy về phía đại lộ Park, ông vừa cảm thấy phấn khởi khi nghe địa chỉ số 66. Ông không dám chắc, nhưng nếu căn nhà thuộc về người mà ông nghĩ, thì thực sự đây là một chuyện lớn.

* * *
Viên sĩ quan Jensen, người trả lời cú điện thoại gọi từ siêu thị Grand Union và đã phỏng vấn bà cụ Priscilla Rhea, giờ đây cảm thấy mình đang tham dự vào việc nghiêm trọng. Cho đến lúc này, anh đã mường tượng ra tình huống.

Trong khi phỏng vấn mọi người có mặt tại siêu thị, nhiều người làm chứng khẳng định họ đã nhận thấy người mua hàng – hai người trong số này nói chắc đó là bà Crawford Sloane đã đột ngột rời cửa hàng rõ ràng là trong cơn hoảng hốt. Bà đi cùng với cậu con trai nhỏ của bà và hai người đàn ông nữa, một người vào quãng 30 tuổi, người kia đã già. Người đàn ông 30 tuổi hình như đi vào siêu thị một mình. Đầu tiên, hắn hỏi những người mua hàng khác xem họ có phải là bà Sloane không. Rồi khi hắn gặp đúng bà Sloane, thì mấy người đó vội vã đi ngay.

Sau thời điểm này, người duy nhất khai đã thấy tất cả những người được mô tả trên đây là bà

Rhea. Cậu chuyện của bà về vụ tấn công, về những nạn nhân đã bị chở đi "Trong một chiếc xe chở khách nhỏ" ngày càng đáng tin hơn. Lại càng đáng tin hơn khi một người quen biết bà Sloane chỉ cho viên sĩ quan Jensen thấy chiếc xe Volvo chở hàng của bà vẫn còn ở khu đỗ xe của siêu thị mà không thấy bà Sloane hoặc những người cùng đi với bà đâu cả. Còn những vết thấm trên mặt đất mà rất có thể là máu, Jensen yêu cầu một trong những sĩ quan khác đang có mặt tại hiện trường giữ những vết này làm bằng chứng để xét nghiệm sau.

Một người đứng xem sống ở gần nhà bà Sloane cho Jensen địa chỉ gia đình bà. Điều này, cùng với việc chẳng còn gì để làm ở siêu thị nữa khiến Jensen gọi về sở yêu cầu một viên thanh tra tới gặp mình ở nhà 66 đại lộ Park. Ở vào những trường hợp khác và vì những câu chuyện qua máy bộ đàm của sở cảnh sát Larchmont thỉnh thoảng lắm mới xảy ra, chứ không phải như ở những lực lượng lớn khác, thì chắc anh đã nói cả tên của Sloane kèm theo địa chỉ đó. Nhưng biết rằng chuyện có dính dáng đến nhân vật nổi tiếng nhất của khu Larchmont và biết rằng người ngoài có thể nghe trộm, nên anh đã không nói tên ra.

Bây giờ Jensen đang trên đường đi tới đại lộ Park, một quãng đường đi chỉ mất vài phút.

Anh vừa cho xe vào cổng nhà số 66 thì chiếc xe cảnh sát thứ hai không có số hiệu, nhưng lại có đèn hiệu ở trên nóc và rú còi liên tục, đến ngay phía sau. Thanh tra Ed York, một người kỳ cựu trong lực lượng cảnh sát, rất quen thuộc với Jensen bước ra. York và Jensen hội ý chớp nhoáng, rồi cùng tiến đến cửa ngôi nhà. Hai cảnh sát tự giới thiệu mình với Florence, người giúp việc của gia đình Sloane, lúc này đã bước ra cửa khi nghe tiếng còi cảnh sát. Chị mời họ vào, trên mặt lộ vẻ vừa ngạc nhiên vừa hốt hoảng.

"Có khả năng, chỉ là có khả năng", thanh tra York thông báo cho chị, "là có lẽ có chuyện gì đó đã xảy ra với bà Sloane". Ông bắt đầu hỏi những câu hỏi mà lúc Florence trả lời thì sự lo lắng của chị ngày càng tăng lên.

Đúng, chị đã ở trong nhà lúc bà Sloane, Nicky và bố của ông Sloane đi mua hàng. Lúc đó là khoảng mười một giờ. Ông Sloane đi làm đúng vào lúc Florence vừa đi tới nơi, tức là khoảng chín giờ rưỡi. Không, từ lúc bà Sloane đi đến giờ, chị không nghe thấy ai gọi nhà, vả lại chị cũng không nghĩ là họ sẽ gọi. Thực tế là không có ai gọi điện cả. Không, không có gì bất thường từ lúc bà Sloane và mấy người kia lái xe đi. Trừ một chuyện… à…

Florence ngừng một chút, rồi lo lắng hơn: "Mà có chuyện gì vậy? Bà Sloane gặp chuyện gì sao?".
"Ngay bây giờ thì không có thời gian để giải thích". Viên thanh tra nới – "Chị nói "trừ một chuyện…à…" nghĩa là thế nào?".
"À, lúc bà Sloane, ông cụ và Nicky đi, tôi đứng ở kia" Florence chỉ về phía một căn phòng đầy ánh nắng ở mặt trước của ngôi nhà. "Tôi thấy họ lái xe đi".
"Rồi sao nữa?".
"Có một chiếc xe đỗ ở góc phố, đứng ở đây ông có thể nhìn thấy nó. Khi bà Sloane lái xe đi, bất chợt xe đó cũng rồ máy và đi theo hướng của bà ấy. Lúc đó tôi không nghĩ gì về nó cả".
"Chẳng có lý do gì phải nghĩ tới nó cả", Jensen nói. "Chị có thể tả chiếc xe đó không?". "Tôi nghĩ

là xe màu nâu sẫm. Loại trung bình".
"Chị có thấy biển số không?".
"Không".
"Chị có nhận ra loại xe của nước nào sản xuất không?" Florence lắc đầu "Tôi thấy xe nào cũng giống xe nào".
"Thế được rồi", - thanh tra York bảo Jensen. Rồi ông quay sang Florence: "Chị thử nghĩ kỹ xem. Cố nhớ xem xe có cái gì khác không nhé. Chúng tôi sẽ quay lại ngay".
Viên thanh tra và Jensen bước ra ngoài. Khi đó, hai xe cảnh sát nữa đã tới. Một trung sĩ cảnh sát từ trong xe bước ra, còn trong xe kia là cảnh sát trưởng Larchmont. Ông cảnh sát trưởng cũng mặc sắc phục, cao, gầy, cử chỉ thận trọng đến mức dễ lăn. Bốn người trao đổi vội vã trên đường vào nhà để xe.
Đi tới gần cuối đường, ông cảnh sát trưởng hỏi thanh tra York: "Anh có cho rằng đây là chuyện thật – tức là một vụ bắt cóc không".
"Đến nay thì mọi điều đều khẳng định theo chiều hướng đó" – York nói.
"Còn anh, Jesnsen?".
"Đúng vậy, thưa ngài. Đây là chuyện thật".
"Anh nói người ta nhìn thấy chiếc Nissan mang biển số New Jersey phải không?".
"Theo lời những người làm chứng thì đúng như vậy, thưa ngài".
Ông cảnh sát trưởng trầm ngâm: "Nếu đây là một vụ bắt cóc và nếu chúng vượt sang bang khác, thì nội vụ lại thuộc phạm vi quyền hạn của FBI. Đó là quy định trong luật Lindbergh. Ông nói thêm: "Mà việc loại này cũng chẳng làm FBI lo lắng gì đâu".
Những lời cuối cùng lộ vẽ chua chát, vì nhiều nhà giữ gìn luật pháp địa phương tin rằng FBI chỉ lao vào những vụ lớn mà họ chọn, và luôn tìm cớ để phớt lờ các vụ mà họ không muốn. Sau đó ông cảnh sát trưởng quả quyết nói: "Tôi sẽ gọi điện báo FBI bây giờ".
Ông trở lại xe của mình và vớ lấy máy bộ đàm.
Khoảng một hai phút sau, ông quay lại ra lệnh cho thanh tra York vào nhà và ở lại trong đó.
"Việc đầu tiên anh phải làm là bảo chị giúp việc để anh gọi điện trực tiếp cho ông Sloane. Báo cho ông ấy mọi điều anh biết và nói rằng chúng ta hết sức cố gắng làm mọi việc cần làm. Sau đó, trả lời tất cả các cú điện thoại gọi đến. Ghi chép lại cẩn thận mọi việc. Sẽ có người đến giúp anh".
Viên trung sĩ và Jensen được lệnh canh gác vòng ngoài. "Sắp sửa hàng đàn hàng lũ người kéo đến đây đông hơn là ruồi bay quanh nhà vệ sinh đấy. Không được để ai bước qua cổng trừ người của FBI. Nếu dân báo chí đến đây dò hỏi, cứ chỉ họ thẳng trụ sở cảnh sát".
Đúng lúc đó thì họ nghe thấy tiếng một chiếc xe ô tô ầm ầm lao đến. Tất cả quay phắt lại. Đó là chiếc Volkswagen ọc ạch, và ông cảnh sát trưởng cau có nói: "Đây là kẻ thứ nhất".
* * *
Bert Fisher không cần phải xem cái nhà nào trên đại lộ này mang số 66. Một dãy xe cảnh sát đã chỉ quá rõ.
Khi ông đỗ xe bên vỉa hè và bước ra, ông cảnh sát trưởng đã bước vào trong xe và chuẩn bi nổ máy. Bert vội vã lao tới: "Thưa ông cảnh sát trưởng, ông có tuyên bố gì không ạ?".
"Ôi, lại cái ông này!". Ông cảnh sát trưởng hạ cửa kính bên phía người lái xe xuống, ông đã nhiều lần phải tiếp chuyện cái tay phóng viên báo chí già lão này rồi. "Tuyên bố về cái gì?".
"Ồ, thôi mà, ông cảnh sát trưởng! Tôi đã nghe tất cả mọi cuộc nói chuyện qua máy bộ đàm, kể

cả chỉ thị của ông về việc gọi cho FBI". Bert nhìn quanh, và nhận ra rằng linh cảm của ông là đúng. "Đây là nhà của Crawford Sloane?".
"Đúng".
"Thế có phải là bà Sloane đã bị bắt cóc không?".
Trong khi ông cảnh sát trưởng còn ngần ngại, Bert lại năn nỉ: "Thôi đi mà! Tôi là người đầu tiên đến đây. Tại sao ông lại không giúp cho người sở tại này một chút?".
Vốn là một con người rất biết điều, viên cảnh sát trưởng nghĩ: "Ừ nhỉ! Tại sao lại không? Thậm chí ông còn thấy mến ông già Fisher này, đôi lúc cũng dai như đĩa, nhưng không đến nỗi sẽ như một số tay nhà báo khác".
"Nếu ông đã nghe thấy mọi chuyện" – ông cảnh sát trưởng nói – "thì ông cũng biết chúng tôi chưa khẳng định điều gì cả. Nhưng đúng là chúng tôi cho rằng bà Sloane có thể đã bị bắt cóc, cùng với con trai là cậu Nicholas và ông cụ thân sinh của ông Sloane nữa".
Bert vội vàng ghi lại tất cả những lời của ông cảnh sát trưởng vì biết rằng đây là câu chuyện quan trọng nhất trong đời ông, nên ông muốn thật cẩn thận: "vậy điều ông vừa cho tôi biết có nghĩa là cảnh sát Larchmont đang theo dõi vụ ba người bị bắt cóc".
Ông cảnh sát trưởng gật đầu: "Nói thế cũng được".
"Ông có đoán rằng thủ phạm là ai không?".
"Không. Ồ! Chỉ có một chuyện. Ông Sloane chưa biết tin gì và chúng tôi đang cố gắng nói chuyện với ông ấy. Vậy nên trước khi ông gửi tin đi, thì vì Chúa lòng lành, xin ông hãy để cho chúng tôi làm việc đó đã".
Dứt lời, ông cảnh sát trưởng lao xe đi, còn Bert thì đâm bổ về chiếc xe cũ kỹ của ông. Bất chấp lời cảnh cáo của ông cảnh sát trưởng, ông không muốn chờ đợi gì hết. Trong đầu ông chỉ có một ý nghĩ duy nhất là: Đâu là trạm điện thoại công cộng gần nhất?

Một lúc sau, khi Bert rẽ khỏi đại lộ Park, ông thấy một chiếc xe khác rẽ vào và nhận ra người ngồi trong xe là cộng tác viên địa phương của hãng WNBC-TV. Vậy là cuộc đua săn tin cũng đã bắt đầu. Vì thế, nếu Bert muốn là người đầu tiên thì ông phải hành động thật nhanh.

Cách đó không xa, trên đường Boston Bost, ông tìm thấy một trạm điện thoại công cộng. Lúc ông bấm nút điện thoại gọi cho hãng WCBA-TV, tay ông run lẩy bẩy.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 16

Vào lúc 11 giờ 20 sáng, trong phòng tin đang hối hả của hãng WCBA-TV sự căng thẳng đang tăng lên như thường thấy trong thời gian một giờ trước buổi phát chương trình tin tức buổi trưa của đài phát địa phương New York. Đặc biệt ngày hôm nay, ở đây có một lô tin tức, trong đó có những tin quan trọng còn đang tiến triển mà tin nào cũng đáng đưa ở vị trí đầu.

Người ta tìm thấy xác một mục sư nổi tiếng trong phòng thuê khách sạn Waldort. Ông ta đến khu vực để nhận một giải thưởng tôn giáo và rõ ràng là bị chết do dùng côcain quá liều, và ả gái điếm đã ngủ đêm với ông đang bị cảnh sát tra hỏi. Ở trung tâm Manhattan, một toà nhà bị cháy, những người bị kẹt ở các tầng trên đang được trực thằng cấp cứu. Một nhà tỷ phú phố Wall, đang bị bệnh ung thư vào giai đoạn cuối, ngồi xe đẩy đi quanh khu Bronx phân phát hàng nắm những tờ 100 đôla. Cứ cách vài phút, từ một chiếc xe bọc thép đi theo sau, người ta lại mang thêm tiền đến cho ông.

Giữa khung cảnh náo động ấy, Bert Fisher gọi điện thoại cho viên trợ lý giám đốc tin như trước đây ông vẫn làm. Ông này vừa nhấc điện thoại lên, nhận ra người gọi đã gắt: “Chúng tôi đang ngập lên tận cổ đây. Nói nhanh và ngắn gọn thôi”.

Bert nói thật ngắn gọn, và viên trợ lý giám đốc tin hỏi lại giọng nghi ngờ: “Anh có chắc không? Có chắc chắn không? Đã khẳng định chưa?”.
Bert trả lời vẻ tự hào: “Ông cảnh sát trưởng đã khẳng định điều đó. Ông ta đã nói riêng với tôi, và để chắc ăn, tôi còn bắt ông ta nhắc lại”.
Người trợ lý giám đốc tin đứng phắt lên, vừa ra hiệu cho giám đốc tin, vừa vội hét toáng lên: “Đường dây số 4, đường dây số 4”. Ông nói với một biên tập viên ngồi ở bàn bên cạnh: “Chúng ta cần một nhóm quay phim đến Larchmont ngay. Đừng hỏi tôi bằng cách nào, chúng ta phải rút từ đâu đó ra và đưa đến đấy”.

Nữ giám đốc tin đang nghe Bert Fisher trình bày. Vừa ghi lại vắn tắt những điểm mấu chốt, bà vừa hỏi Bert: “còn ai biết chuyện này nữa không?”.
“Tôi là người đầu tiên. Nhưng khi tôi về thì người của WNCB đang đến”.
“Hắn có mang theo người quay phim không?”.
“Không”. Người trợ lý giám đốc tin đi ngang qua phòng tin, thông báo: “Tôi đã gửi một nhóm quay phim đi rồi. Chúng tôi rút họ từ Bronx về”.
Giám đốc tin dùng điện thoại ra lệnh cho Bert Fisher: “Cầm máy nhé”. Sau đó nói với một

phóng viên ngồi gần đấy: “Hãy nhấc máy đường số 4. Đó là Fisher ở Larchmont. Hãy nghe và ghi lại những gì ông ấy thu thập được, đó sẽ là tin đầu của buổi phát trưa”.
Cùng lúc đo, giám đốc tin nhấc chiếc máy điện thoại nối trực tiếp với hãng chính. Ernie Lasalle, tổng biên tập tin trong nước của hãng CBA nghe máy, và bà nói với ông: “Vụ bắt cóc ở Larchmont đã được khẳng định. Nửa giờ trước đây, những kẻ lạ mặt đã dùng vũ lực bắt vợ, con trai và bố của Crawford Sloane”.
“Lạy Chúa”. Giọng của Lasalle sửng sốt và ngờ vực vang trong ống nghe – “Đã ai nói cho Crawf chưa?”.
“Tôi chắc là chưa”.
“Cảnh sát đã biết chưa?”.
“Rất nhiều và họ đã báo FBI. Fisher của chúng ta đã có được lời của cảnh sát trưởng ở Larchmont”. Nhìn vào giấy, bà đọc lời của ông cảnh sát trưởng, câu hỏi của Fisher và câu nói của ông cảnh sát trưởng “Nói thế cũng được”.

Lasalle vừa đánh máy điên cuồng vừa nói: “Đọc lại cho tôi nghe”. Giám đốc tin của hãng WCBA đọc lại và nói thêm: “Chúng tôi được biết WNBC cũng đang săn tin này, nhưng vẫn sau chúng ta một chút. Này, dù sao chúng ta sẽ phát tin này ngay trưa nay và tôi đang định đưa luôn vào chương trình bây giờ. Nhưng tôi nghĩ, vì đây là người nhà…”.
Không để bà kị p nói hết, Lasalle đã ngắt lời: “Đừng làm gì ở đó cả. Ban lãnh đạo sẽ xem xét việc này và người chúng tôi sẽ phát tin này”.

* * *
Chỉ trong vài giây, Ernie Lasalle phải lựa chọn.

Anh có nhiều cách lựa chọn. Một là cần phải có thời gian để trước hết gọi điện cho Crawford Sloane; anh ta có thể đang ở trong trụ sở mà cũng có thể không, rồi thông báo riêng và hết sức nhẹ nhàng cho anh ta cái tin khủng khiếp này. Hai là nhấc ống điện thoại màu đỏ lên và thông báo cho toàn Ban về vụ bắt cóc gia đình Sloane, sau đó chắc chắn là phải phát ngay tin này. Ba là ra lệnh cho phòng điều khiển trung tâm là CBA sẽ “phát tin” trong khoảng ba phút, tạm ngừng chương trình thường lệ để phát bản tin đặc biệt. Lasalle là một trong số ít người có được quyền làm như vậy, và theo anh đánh giá, những tin tức vừa nhận được không chỉ là tin kịp thời, mà còn được rất nhiều người quan tâm.

Anh quyết định chọn cách thứ hai. Anh chọn cách này vì biết là một đài phát thanh khác của New York, đài WNBC, đài thuộc NBC hệ thống cũng đã tới Larchmont. Chắc chắn là hãng NBC cũng sẽ nhận được tin rất nhanh qua các chi nhánh của họ, giống như CBA. Do đó không còn thời gian cho sự tế nhị nhân đạo nữa. Về việc có phát tin ngay lúc này không, thì rất nhiều người đang có mặt, trong đó có trưởng ban tin tức Leslie Chippingham sẽ cùng quyết định.
“Tôi thực sự đau buồn phải làm việc này, Crawf ạ”, Lasalle nghĩ bụng, rồi nhấc chiếc điện thoại thông báo màu đỏ lên.
“Lasalle phòng tin trong nước đây. Vụ bắt cóc ở Larchmont New York như thông báo trước đã được cánh át trưởng khẳng định lại. Ông ta đã báo FBI. Theo cảnh sát, nạn nhân là bà Crawford Sloane, cậu Nicholas Sloane và…”. Mặc dù là người rất kiên quyết và đã lâu năm trong nghề,

Lasalle vẫn nhận thấy giọng nghẹn lại. Tự trấn tĩnh, anh nói tiếp: "Và cha của Crawford. Họ bị những kẻ lạ mặt dùng vũ lực bắt và chở đi. WCBA có nguồn tin chắc chắn tại chỗ, chi tiết đã có ở đây. Chắc là NBC cũng đang tìm hiểu vụ này, nhưng chúng ta nhanh chân hơn họ một chút. Bản tin trong nước đề nghị cho phát tin ngay lập tức".

* * *

Sự sợ hãi và nỗi khiếp đãm lan nhanh trong toàn bộ Ban tin tức giống như một ngọn sóng triều. Tất cả ngừng làm việc. Mọi người nhìn nhau thầm hỏi: "Có đúng là tôi đã nghe thấy điều đó không?". Khi sự khẳng định tiếp tục vang lên, những câu hỏi không thể trả lời được bật ra môi: "Điều đó đã xảy ra như thế nào? Ai đã làm chuyện này? Có phải đó là một vụ bắt cóc tống tiền không? Những kẻ bắt cóc muốn gì? Liệu cảnh sát có bắt được chúng nhanh chóng không? Ôi, lạy chúa, Crawford sẽ ra sao?".

Trong căn phòng tầng trên phòng tin, những nhân viên cao cấp tại Vành móng ngựa cũng kinh hoàng không kém, mặc dù vậy sự bất ngờ qua đi rất nhanh. Sau đó, theo thói quen và kỷ luật, họ lao vào hành động.

Chuck Insen với trách nhiệm là một chủ nhiệm cao cấp trong trụ sở, chạy ra khỏi phòng làm việc. Bản năng của người làm tin nói với ông rằng đề nghị của Ban tin trong nước cho phát tin ngay lập tức cần được thực hiện. Trong trường hợp đó thì vị trí được chỉ định của Insen là ở phòng điều khiển phát tin dưới đó bốn tầng. Khi lao ra đến cầu thang máy, ông ấn mạnh ngón tay cái vào nút đi xuống.

Lúc đang sốt ruột chờ thang máy, trong đầu Insen tràn ngập sự thông cảm với Sloane, sự bất đồng giữa họ lúc đó hoàn toàn tan biến. Ông tự hỏi: "Crawf đang ở đâu?". Trước đó Insen có thoáng nhìn thấy Crawford từ xa và biết rằng Crawford và Leslie Chippingham đang bàn bạc trong văn phòng của Crawford vì những lý do mà Insen đã biết. Có lẽ Crawford đang ở đâu đó trong toà nhà này và chắc đã nghe thấy lời thông báo khẩn cấp. Vấn đề mấu chốt là ở đây.

Khi một tin khẩn cấp được đánh giá là quan trọng đến mức phải tạm dừng chương trình để phát một bản tin đặc biệt, thì chính người phát thanh viên của chương trình buổi tối sẽ phải xuất hiện trước ống kính. Ở hãng CBA người đó là Crawford Sloane. Nếu người phát thanh viên không có ở đó, người ta sẽ cho người đi tìm và một phóng viên khác có mặt ở đấy sẽ thế chân cho đến khi anh ta đến. Nhưng Insen nhận thấy rằng chắc chắn Sloane không thể thực được việc đưa một tin bất ngờ và đau đớn như vậy về chính gia đình mình.

Khi thang máy "đi xuống" đỗ lại, người phóng viên đưa tin kinh doanh của hãng CBA là Dôn Kettering chuẩn bị bước ra. Kettering là một đàn ông trung niên, có hàng ria mép mỏng và trông giống như một nhà kinh doanh đang phất. Kettering vừa định nói gì đó thì Insen đã đẩy anh ta trở lại thang máy và ấn nút B1 đi xuống tầng hầm thứ nhất. Cánh cửa thang máy đóng lại.

Kettring ấp úng: "Có chuyện gì…".

"Được rồi" – Insen nói – "Anh có nghe thông báo vừa rồi không?".

"Có. Tôi thật sự rất buồn. Tôi đang định nói với Crawford".

Insen cắt ngang: "Cái anh cần làm bây giờ là phát tin. Anh hãy tới phòng ghi hình và ngồi vào ghế, Crawf không thể làm được chuyện này. Anh phải thay anh ấy. Tôi sẽ nói chuyện với anh tại phòng điều khiển.

Kettering là một người nhanh hiểu và từng là phóng viên viết nhiều loại tin dày dạn kinh nghiệm trước khi trở thành chuyên gia đưa tin về giới kinh doanh. Anh đồng ý, và thậm chí còn

tỏ ra hài lòng trước việc đó. “Tôi có thể nghe tóm tắt câu chuyện được không?”.
“Chúng tôi sẽ nói cho anh tất cả những gì cho đến giờ chúng tôi biết. Anh sẽ đọc qua rất nhanh trong khoảng một phút và sau đó nói thêm vào. Nếu có gì mới, chúng tôi sẽ chuyển cho anh”.
“Được”.
Sau khi Insen ra khỏi thang máy, Kettering ấn nút đưa thang máy lên tầng phát tin.
Ở các nơi khác, các hoạt động diễn ra khẩn trương, một số việc vẫn cứ tiến hành như thường lệ. Ở phòng tin, người phụ trách phần việc vùng Đông Bắc đang tập hợp hai nhóm quay phim và phóng viên. Họ được lệnh cấp tốc đến Larchmont quay nơi xảy ra vụ bắt cóc và phỏng vấn cảnh sát và nhân chứng tại chỗ. Một máy phát lưu động sẽ theo sau họ.
Trong phòng nghiên cứu nhỏ cạnh Vành móng ngựa, một bộ phận của thư viện nghiên cứu lớn đóng ở toà nhà khác, dăm sáu người đang vội vã thu thập qua máy tính tiểu sử của Crawford Sloane và một vài dữ kiện về gia đình anh có rất ít vì Jessica Sloane luôn khăng khăng giữ kín những điều riêng tư về bản thân và Nicholas.
Tuy vậy, người ta cũng có được bức ảnh của Jessica chuyển tới bằng máy Fax: một người phụ tráchtajo hình gập người trên chiếc máy, đợi có chiếc ảnh là chuyển ngay sang dương bả. Một chiếc máy tính khác in ra những thành tích trong chiến tranh của bố Crawford, ông Angus Sloane. Cũng sẽ có ảnh của ông. Còn cho đến giờ thì chưa có ảnh của Nicholas.
Một người trợ lý phòng nghiên cứu vơ vội toàn bộ những thứ đó chạy như bay xuống trường quay, nơi Don Kettering cũng vừa tới. Ngay đằng sau họ, một người đưa tin từ ban tin trong nước đem một bản in toàn bộ báo cáo của Bert Fisher từ Larchmont do WCBA gửi đến.
Kettering ngồi xuống chiếc bàn giữa trường quay và bỏ mặc mọi thứ xung quanh, anh tập trung vào đọc. Xung quanh, các kỹ thuật viên đã đến, đèn cũng đã bật sáng. Ai đó cài chiếc máy thu âm nhỏ vào áo vét của anh. Một người quay phim thu hình Kettering trong ống kính.
Phòng quay cơ động là phòng quay nhỏ nhất trong toà nhà này, chỉ bằng một phòng khách bình thường. Nó chỉ có một máy quay và chỉ dành cho những trường hợp như thế này; nó có thể được chuẩn bị và sẵn sàng ngay lập tức.
Trong lúc đó, Chuck Insen đã ngồi vào phòng điều khiển tối om, một nữ đạo diễn lách vào ngồi ở ghế chính giữa trước một dãy màn hình, cái đã bật sáng, cái thì chưa. Người trợ lý tay mang cuốn sổ mở sẵn tới ngồi bên cạnh cô. Những người điều khiển máy và kỹ thuật viên ngồi vào chỗ, một loạt mệnh lệnh phát ra:
“Máy một chuẩn bị kiểm tra micro”.
“Bill, đây sẽ là môt thông báo truyền trực tiếp. Chúng ta sẽ bắt đầu bằng “Chúng tôi tạm ngắt chương trình”, và cuối cùng là “Chương trình lại tiếp tục”. Như vậy được chứ?”.
“Được. Hiểu rồi”.
“Chúng ta đã có bài phát chưa?”.
“Chưa. Dôn sẽ nói tay bo luôn”.
“Máy quay một – hướng vào Kettering”.
Nhiều màn hình sáng bừng lên, trong số đó có một cái nối với trường quay cơ động. Khuôn mặt của Dôn Kettering choán hết màn hình.
Trợ lý giám đốc nói chuyện với phòng điều khiển trung tâm: “Phòng tin tức đây. Chúng tôi sẽ tạm dừng chương trình đang phát để đưa tin. Hãy chuẩn bị”.
Đạo diễn nói: Dương bản đặc biệt đã sẵn sàng chưa?”.
“Đây rồi ạ”. Một giọng đáp lại.

Trên một màn hình khác, hiện lên hàng chữ to màu đỏ tươi:

Bản tin đặc biệt
CỦA HÃNG CBA

"Được rồi đấy" – đạo diễn quay lại nói với Chuck Insen – "chúng ta đã sẵn sàng như mọi khi. Chúng ta có phát hay thôi".
Viên chủ nhiệm kẹp ống nghe điện thoại trên vai, nói với bà ta: "Tôi đang lấy ý kiến đây".
Anh đang nói chuyện với trưởng ban tin tức tại phòng tin, nơi Crawford Sloane đang năn nỉ xin hoãn việc phát chương trình. Lúc ấy là 11h52 phút sáng.
* * *
Khi lời thông báo gây chấn động này phát đi từ ban tin trong nước, thì Crawford Sloane đang đứng ở đầu cầu thang tầng bốn và đang định lên phòng tin. Anh dự định nếu có thể sẽ tìm hiểu thêm thông báo trước đó về Larchmont.
Vì thông báo truyền trực tiếp, anh dừng lại lắng nghe, và không còn tin ở tai mình, anh đứng im, choáng váng. Anh choàng tỉnh khi một thư ký của Vành móng ngựa, người đã nhìn thấy anh đi ra và đuổi theo, hổn hển gọi anh "Ông Sloane! Cảnh sát Larchmont đang gọi ông. Họ muốn nói chuyện với ông".
Anh theo cô ta trở lại văn phòng và nhấc điện thoại.
"Ông Sloane. Tôi là thanh tra York. Tôi đang ở nhà ông và có vài điều không hay…".
"Tôi vừa mới nghe. Hãy nói cho tôi rõ những gì ông biết".
"Thưa ông, thật sự là rất ít. Chúng tôi biết là bà nhà, con trai và cụ thân sinh đã lái xe tới siêu thị Grand Union cách đây 50 phút. Trong cửa hàng, theo những người chứng kiến, có người đến gần họ…".
Viên thanh tra tiếp tục trình bày cụ thể những gì anh biết, kể cả việc ba người rõ ràng bị lôi vào chiếc xe hiệu Nissan. Anh nói thêm: "Chúng tôi vừa được biết là các nhân viên đặc biệt của FBI đang trên đường tới đây, và một người của FBI đang tới chỗ ông. Người ta yêu cầu tôi báo với ông rằng họ lo ngại cho sự an toàn của ông. Ông sẽ được bảo vệ, nhưng hiện tại ông không được rời khỏi toà nhà nơi ông đang àm việc".
Đầu óc Sloane quay cuồng lo lắng tột độ. Sloane hỏi "Có thể biết ai làm điều đó không?".
"Thưa ông, chưa. Mọi việc xảy ra quá đột ngột. Chúng tôi hoàn toàn mù tịt".
"Có nhiều người biết về chuyện này, về những điều đã xảy ra không?".
"Theo như tôi biết thì không nhiều". Viên thanh tra nói thêm: "Chúng ta càng giữ như vậy lâu bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu".
"Tại sao?".
"Ông Sloane ạ, đối với một vụ bắt cóc, càng thông báo rộng càng có hại. Chúng ta có thể sẽ nhận được tin tức từ những kẻ bắt cóc – chắc chúng sẽ liên lạc với ông trước tiên. Sau đó chúng tôi, hoặc hơn nữa, có thể là FBI sẽ muốn nói chuyện với chúng, một sự bắt đầu để thương lượng. Chúng tôi không muốn tất cả mọi người biết điều đó. Họ sẽ không biết bởi vì…".
Sloane cắt ngang: "Ông thanh tra. Tôi sẽ nói thêm với ông sau. Lúc này tôi đang có một việc phải làm ngay".

Rất hiểu công việc ở Vành móng ngựa và biết điều đó có nghĩa là gì, Sloane muốn ngăn chặn một hành động vội vàng. Lao ra khỏi văn phòng, anh gọi ầm lên: "Leslie Chippingham ở đâu?".
Một viên chủ nhiệm lâu năm trả lời: "Ở trong phòng tin". Sau đó, rất nhẹ nhàng, ông ta nói: "Crawford, chúng tôi đều rất buồn song hình như chúng ta sắp phát tin thì phải".
Sloane gần như không nghe thấy gì cả. Anh lao ra cầu thang và chạy nhanh xuống tầng dưới. Trước mắt anh là ông giám đốc tin đang họp khẩn cấp với vài người khác quanh bản tin trong nước. Chippingham đang hỏi: "Liệu chúng ta có thể tin người cộng tác viên ở Larchmont đến mức nào?".
Ernie Lasalle trả lời: "WCBA nói đó là ông già bé nhỏ đã cộng tác với họ hàng bao năm nay – thẳng thắn và có thể tin cậy được".
"Và tôi cho rằng chúng ta nên phát ngay những gì chúng ta có".
Sloane lao vào giữa bọn họ: "Không, không, không. Lasalle, đừng làm việc đó. Chúng ta cần thêm thời gian. Cảnh sát vừa nói với tôi họ có thể sẽ nhận được tin tức từ phía bọn bắt cóc. Công luận có thể sẽ gây nguy hiểm cho gia đình tôi".
Lasalle nói: "Crawf, chúng tôi hiêu anh đang phải chịu đựng đến mức nào. Nhưng đó là môt sự kiện lớn và những hãng khác cũng sẽ biết việc đó. Họ sẽ không giữ kín đâu. WNBC…".
Sloane lắc đầu nói: "Tôi vẫn nói là không". Anh quay sang đối mặt trực tiếp với giám đốc tin. "Les, tôi xin anh… Hãy hoãn lại".
Mọi người bối rối im lặng, biết rằng trong những hoàn cảnh khác, Sloane sẽ là người đầu tiên đòi phát tin. Nhưng không ai nở đang tâm nói "Crawf, suy nghĩ của anh không được mạch lạc lắm".
Chippingham liếc nhìn đồng hồ treo trong phòng tin: 11 giờ 54.
Lasalle nhấc điện thoại nghe Insen gọi. Anh thông báo: "Chuck nói mọi người đã sẵn sàng. Anh ta muốn biết chúng ta có phát hay không?".
Chippingham nói: "Nói với anh ta là tôi đang quyết định" ông suy nghĩ: Liệu có nên đợi đến trưa không?". Trên các màn hình trước mặt, ông có thể theo dõi toàn bộ các chương trình. Hãng CBA đang phát một vở hài kịch rất nổi tiếng. Sau khi vở kịch kết thúc, tiếp theo sẽ là mục quảng cáo. Phát xen vào bây giờ sẽ là một sự ngắt quãng tai hại về tài chính. "Liệu sau khoảng sáu phút nữa thì có hơn không?".

Đúng vào lúc đó, cùng một lúc các máy tính ở phòng tin đều phát tín hiệu "kip". Trên các màn hình hiện lên chữ B – Tín hiệu có tin điện khẩn cấp. Ai đó đọc trên màn hình và nói to "Hãng AP đã có tin về vụ bắt cóc gia đình Sloane".

Trên bản tin trong nước, chuông điện thoại vang lên, Lasalle nhấc lên nghe, và sau đó nói nhỏ: "Cảm ơn anh đã thông báo cho chúng tôi". Gác máy lên, ông thông báo lại cho giám đốc tin: "nbc vừa gọi. Họ gọi điện cho chúng ta vì lịch sự và bảo rằng họ đã có tin về vụ đó, họ sẽ phát tin ngay đầu giờ sau".
Lúc đó chỉ còn 15 giây nữa là đầy 11 giờ 55 phút.
Chippingham quyết định: "chúng ta phát ngay bây giờ". Quay sang Lasalle, ông nói: "Báo Chuck phát xen vào chương trình".

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 17

Vào lúc 11 giờ 20 sáng, trong phòng tin đang hối hả của hãng WCBA-TV sự căng thẳng đang tăng lên như thường thấy trong thời gian một giờ trước buổi phát chương trình tin tức buổi trưa của đài phát địa phương New York. Đặc biệt ngày hôm nay, ở đây có một lô tin tức, trong đó có những tin quan trọng còn đang tiến triển mà tin nào cũng đáng đưa ở vị trí đầu.

Người ta tìm thấy xác một mục sư nổi tiếng trong phòng thuê khách sạn Waldort. Ông ta đến khu vực để nhận một giải thưởng tôn giáo và rõ ràng là bị chết do dùng côcain quá liều, và ả gái điếm đã ngủ đêm với ông đang bị cảnh sát tra hỏi. Ở trung tâm Manhattan, một toà nhà bị cháy, những người bị kẹt ở các tầng trên đang được trực thằng cấp cứu. Một nhà tỷ phú phố Wall, đang bị bệnh ung thư vào giai đoạn cuối, ngồi xe đẩy đi quanh khu Bronx phân phát hàng nắm những tờ 100 đôla. Cứ cách vài phút, từ một chiếc xe bọc thép đi theo sau, người ta lại mang thêm tiền đến cho ông.

Giữa khung cảnh náo động ấy, Bert Fisher gọi điện thoại cho viên trợ lý giám đốc tin như trước đây ông vẫn làm. Ông này vừa nhấc điện thoại lên, nhận ra người gọi đã gắt: “Chúng tôi đang ngập lên tận cổ đây. Nói nhanh và ngắn gọn thôi”.

Bert nói thật ngắn gọn, và viên trợ lý giám đốc tin hỏi lại giọng nghi ngờ: “Anh có chắc không? Có chắc chắn không? Đã khẳng định chưa?”.
Bert trả lời vẻ tự hào: “Ông cảnh sát trưởng đã khẳng định điều đó. Ông ta đã nói riêng với tôi, và để chắc ăn, tôi còn bắt ông ta nhắc lại”.
Người trợ lý giám đốc tin đứng phắt lên, vừa ra hiệu cho giám đốc tin, vừa vội hét toáng lên: “Đường dây số 4, đường dây số 4”. Ông nói với một biên tập viên ngồi ở bàn bên cạnh: “Chúng ta cần một nhóm quay phim đến Larchmont ngay. Đừng hỏi tôi bằng cách nào, chúng ta phải rút từ đâu đó ra và đưa đến đấy”.

Nữ giám đốc tin đang nghe Bert Fisher trình bày. Vừa ghi lại vắn tắt những điểm mấu chốt, bà vừa hỏi Bert: “còn ai biết chuyện này nữa không?”.
“Tôi là người đầu tiên. Nhưng khi tôi về thì người của WNCB đang đến”.
“Hắn có mang theo người quay phim không?”.
“Không”. Người trợ lý giám đốc tin đi ngang qua phòng tin, thông báo: “Tôi đã gửi một nhóm quay phim đi rồi. Chúng tôi rút họ từ Bronx về”.
Giám đốc tin dùng điện thoại ra lệnh cho Bert Fisher: “Cầm máy nhé”. Sau đó nói với một

phóng viên ngồi gần đấy: “Hãy nhấc máy đường số 4. Đó là Fisher ở Larchmont. Hãy nghe và ghi lại những gì ông ấy thu thập được, đó sẽ là tin đầu của buổi phát trưa”.
Cùng lúc đo, giám đốc tin nhấc chiếc máy điện thoại nối trực tiếp với hãng chính. Ernie Lasalle, tổng biên tập tin trong nước của hãng CBA nghe máy, và bà nói với ông: “Vụ bắt cóc ở Larchmont đã được khẳng định. Nửa giờ trước đây, những kẻ lạ mặt đã dùng vũ lực bắt vợ, con trai và bố của Crawford Sloane”.
“Lạy Chúa”. Giọng của Lasalle sửng sốt và ngờ vực vang trong ống nghe – “Đã ai nói cho Crawf chưa?”.
“Tôi chắc là chưa”.
“Cảnh sát đã biết chưa?”.
“Rất nhiều và họ đã báo FBI. Fisher của chúng ta đã có được lời của cảnh sát trưởng ở Larchmont”. Nhìn vào giấy, bà đọc lời của ông cảnh sát trưởng, câu hỏi của Fisher và câu nói của ông cảnh sát trưởng “Nói thế cũng được”.

Lasalle vừa đánh máy điên cuồng vừa nói: “Đọc lại cho tôi nghe”. Giám đốc tin của hãng WCBA đọc lại và nói thêm: “Chúng tôi được biết WNBC cũng đang săn tin này, nhưng vẫn sau chúng ta một chút. Này, dù sao chúng ta sẽ phát tin này ngay trưa nay và tôi đang định đưa luôn vào chương trình bây giờ. Nhưng tôi nghĩ, vì đây là người nhà…”.
Không để bà kị p nói hết, Lasalle đã ngắt lời: “Đừng làm gì ở đó cả. Ban lãnh đạo sẽ xem xét việc này và người chúng tôi sẽ phát tin này”.

* * *

Chỉ trong vài giây, Ernie Lasalle phải lựa chọn.

Anh có nhiều cách lựa chọn. Một là cần phải có thời gian để trước hết gọi điện cho Crawford Sloane; anh ta có thể đang ở trong trụ sở mà cũng có thể không, rồi thông báo riêng và hết sức nhẹ nhàng cho anh ta cái tin khủng khiếp này. Hai là nhấc ống điện thoại màu đỏ lên và thông báo cho toàn Ban về vụ bắt cóc gia đình Sloane, sau đó chắc chắn là phải phát ngay tin này. Ba là ra lệnh cho phòng điều khiển trung tâm là CBA sẽ “phát tin” trong khoảng ba phút, tạm ngừng chương trình thường lệ để phát bản tin đặc biệt. Lasalle là một trong số ít người có được quyền làm như vậy, và theo anh đánh giá, những tin tức vừa nhận được không chỉ là tin kịp thời, mà còn được rất nhiều người quan tâm.

Anh quyết định chọn cách thứ hai. Anh chọn cách này vì biết là một đài phát thanh khác của New York, đài WNBC, đài thuộc NBC hệ thống cũng đã tới Larchmont. Chắc chắn là hãng NBC cũng sẽ nhận được tin rất nhanh qua các chi nhánh của họ, giống như CBA. Do đó không còn thời gian cho sự tế nhị nhân đạo nữa. Về việc có phát tin ngay lúc này không, thì rất nhiều người đang có mặt, trong đó có trưởng ban tin tức Leslie Chippingham sẽ cùng quyết định.

“Tôi thực sự đau buồn phải làm việc này, Crawf ạ”, Lasalle nghĩ bụng, rồi nhấc chiếc điện thoại thông báo màu đỏ lên.

“Lasalle phòng tin trong nước đây. Vụ bắt cóc ở Larchmont New York như thông báo trước đã được cánh át trưởng khẳng định lại. Ông ta đã báo FBI. Theo cảnh sát, nạn nhân là bà Crawford Sloane, cậu Nicholas Sloane và…”. Mặc dù là người rất kiên quyết và đã lâu năm trong nghề, Lasalle vẫn nhận thấy giọng nghẹn lại. Tự trấn tĩnh, anh nói tiếp: “Và cha của Crawford. Họ bị những kẻ lạ mặt dùng vũ lực bắt và chở đi. WCBA có nguồn tin chắc chắn tại chỗ, chi tiết đã có ở đây. Chắc là NBC cũng đang tìm hiểu vụ này, nhưng chúng ta nhanh chân hơn họ một chút. Bản tin trong nước đề nghị cho phát tin ngay lập tức”.

* * *

Sự sợ hãi và nỗi khiếp đãm lan nhanh trong toàn bộ Ban tin tức giống như một ngọn sóng triều. Tất cả ngừng làm việc. Mọi người nhìn nhau thầm hỏi: “Có đúng là tôi đã nghe thấy điều đó không?”. Khi sự khẳng định tiếp tục vang lên, những câu hỏi không thể trả lời được bật ra môi: “Điều đó đã xảy ra như thế nào? Ai đã làm chuyện này? Có phải đó là một vụ bắt cóc tống tiền không? Những kẻ bắt cóc muốn gì? Liệu cảnh sát có bắt được chúng nhanh chóng không? Ôi, lạy chúa, Crawford sẽ ra sao?”.
Trong căn phòng tầng trên phòng tin, những nhân viên cao cấp tại Vành móng ngựa cũng kinh hoàng không kém, mặc dù vậy sự bất ngờ qua đi rất nhanh. Sau đó, theo thói quen và kỷ luật, họ lao vào hành động.
Chuck Insen với trách nhiệm là một chủ nhiệm cao cấp trong trụ sở, chạy ra khỏi phòng làm việc. Bản năng của người làm tin nói với ông rằng đề nghị của Ban tin trong nước cho phát tin ngay lập tức cần được thực hiện. Trong trường hợp đó thì vị trí được chỉ định của Insen là ở phòng điều khiển phát tin dưới đó bốn tầng. Khi lao ra đến cầu thang máy, ông ấn mạnh ngón tay cái vào nút đi xuống.
Lúc đang sốt ruột chờ thang máy, trong đầu Insen tràn ngập sự thông cảm với Sloane, sự bất đồng giữa họ lúc đó hoàn toàn tan biến. Ông tự hỏi: “Crawf đang ở đâu?”. Trước đó Insen có thoáng nhìn thấy Crawford từ xa và biết rằng Crawford và Leslie Chippingham đang bàn bạc trong văn phòng của Crawford vì những lý do mà Insen đã biết. Có lẽ Crawford đang ở đâu đó trong toà nhà này và chắc đã nghe thấy lời thông báo khẩn cấp. Vấn đề mấu chốt là ở đây.
Khi một tin khẩn cấp được đánh giá là quan trọng đến mức phải tạm dừng chương trình để phát một bản tin đặc biệt, thì chính người phát thanh viên của chương trình buổi tối sẽ phải xuất hiện trước ống kính. Ở hãng CBA người đó là Crawford Sloane. Nếu người phát thanh viên không có ở đó, người ta sẽ cho người đi tìm và một phóng viên khác có mặt ở đấy sẽ thế chân cho đến khi anh ta đến. Nhưng Insen nhận thấy rằng chắc chắn Sloane không thể thực được việc đưa một tin bất ngờ và đau đớn như vậy về chính gia đình mình.
Khi thang máy “đi xuống” đỗ lại, người phóng viên đưa tin kinh doanh của hãng CBA là Dôn Kettering chuẩn bị bước ra. Kettering là một đàn ông trung niên, có hàng ria mép mỏng và trông giống như một nhà kinh doanh đang phất. Kettering vừa định nói gì đó thì Insen đã đẩy anh ta trở lại thang máy và ấn nút B1 đi xuống tầng hầm thứ nhất. Cánh cửa thang máy đóng lại.
Kettring ấp úng: “Có chuyện gì…”.
“Được rồi” – Insen nói – “Anh có nghe thông báo vừa rồi không?”.
“Có. Tôi thật sự rất buồn. Tôi đang định nói với Crawford”.

Insen cắt ngang: “Cái anh cần làm bây giờ là phát tin. Anh hãy tới phòng ghi hình và ngồi vào ghế, Crawf không thể làm được chuyện này. Anh phải thay anh ấy. Tôi sẽ nói chuyện với anh tại phòng điều khiển.
Kettering là một người nhanh hiểu và từng là phóng viên viết nhiều loại tin dày dạn kinh nghiệm trước khi trở thành chuyên gia đưa tin về giới kinh doanh. Anh đồng ý, và thậm chí còn tỏ ra hài lòng trước việc đó. “Tôi có thể nghe tóm tắt câu chuyện được không?”.
“Chúng tôi sẽ nói cho anh tất cả những gì cho đến giờ chúng tôi biết. Anh sẽ đọc qua rất nhanh trong khoảng một phút và sau đó nói thêm vào. Nếu có gì mới, chúng tôi sẽ chuyển cho anh”.
“Được”.
Sau khi Insen ra khỏi thang máy, Kettering ấn nút đưa thang máy lên tầng phát tin.
Ở các nơi khác, các hoạt động diễn ra khẩn trương, một số việc vẫn cứ tiến hành như thường lệ. Ở phòng tin, người phụ trách phần việc vùng Đông Bắc đang tập hợp hai nhóm quay phim và phóng viên. Họ được lệnh cấp tốc đến Larchmont quay nơi xảy ra vụ bắt cóc và phỏng vấn cảnh sát và nhân chứng tại chỗ. Một máy phát lưu động sẽ theo sau họ.
Trong phòng nghiên cứu nhỏ cạnh Vành móng ngựa, một bộ phận của thư viện nghiên cứu lớn đóng ở toà nhà khác, dăm sáu người đang vội vã thu thập qua máy tính tiểu sử của Crawford Sloane và một vài dữ kiện về gia đình anh có rất ít vì Jessica Sloane luôn khăng khăng giữ kín những điều riêng tư về bản thân và Nicholas.
Tuy vậy, người ta cũng có được bức ảnh của Jessica chuyển tới bằng máy Fax: một người phụ tráchtajo hình gập người trên chiếc máy, đợi có chiếc ảnh là chuyển ngay sang dương bả. Một chiếc máy tính khác in ra những thành tích trong chiến tranh của bố Crawford, ông Angus Sloane. Cũng sẽ có ảnh của ông. Còn cho đến giờ thì chưa có ảnh của Nicholas.
Một người trợ lý phòng nghiên cứu vơ vội toàn bộ những thứ đó chạy như bay xuống trường quay, nơi Don Kettering cũng vừa tới. Ngay đằng sau họ, một người đưa tin từ ban tin trong nước đem một bản in toàn bộ báo cáo của Bert Fisher từ Larchmont do WCBA gửi đến.
Kettering ngồi xuống chiếc bàn giữa trường quay và bỏ mặc mọi thứ xung quanh, anh tập trung vào đọc. Xung quanh, các kỹ thuật viên đã đến, đèn cũng đã bật sáng. Ai đó cài chiếc máy thu âm nhỏ vào áo vét của anh. Một người quay phim thu hình Kettering trong ống kính.
Phòng quay cơ động là phòng quay nhỏ nhất trong toà nhà này, chỉ bằng một phòng khách bình thường. Nó chỉ có một máy quay và chỉ dành cho những trường hợp như thế này; nó có thể được chuẩn bị và sẵn sàng ngay lập tức.
Trong lúc đó, Chuck Insen đã ngồi vào phòng điều khiển tối om, một nữ đạo diễn lách vào ngồi ở ghế chính giữa trước một dãy màn hình, cái đã bật sáng, cái thì chưa. Người trợ lý tay mang cuốn sổ mở sẵn tới ngồi bên cạnh cô. Những người điều khiển máy và kỹ thuật viên ngồi vào chỗ, một loạt mệnh lệnh phát ra:
“Máy một chuẩn bị kiểm tra micro”.
“Bill, đây sẽ là môt thông báo truyền trực tiếp. Chúng ta sẽ bắt đầu bằng “Chúng tôi tạm ngắt chương trình”, và cuối cùng là “Chương trình lại tiếp tục”. Như vậy được chứ?”.
“Được. Hiểu rồi”.
“Chúng ta đã có bài phát chưa?”.
“Chưa. Dôn sẽ nói tay bo luôn”.
“Máy quay một – hướng vào Kettering”.
Nhiều màn hình sáng bừng lên, trong số đó có một cái nối với trường quay cơ động. Khuôn

mặt của Dôn Kettering choán hết màn hình.
Trợ lý giám đốc nói chuyện với phòng điều khiển trung tâm: "Phòng tin tức đây. Chúng tôi sẽ tạm dừng chương trình đang phát để đưa tin. Hãy chuẩn bị".
Đạo diễn nói: Dương bản đặc biệt đã sẵn sàng chưa?".
"Đây rồi ạ". Một giọng đáp lại.
Trên một màn hình khác, hiện lên hàng chữ to màu đỏ tươi:

Bản tin đặc biệt
CỦA HÃNG CBA

"Được rồi đấy" – đạo diễn quay lại nói với Chuck Insen – "chúng ta đã sẵn sàng như mọi khi. Chúng ta có phát hay thôi".
Viên chủ nhiệm kẹp ống nghe điện thoại trên vai, nói với bà ta: "Tôi đang lấy ý kiến đây".
Anh đang nói chuyện với trưởng ban tin tức tại phòng tin, nơi Crawford Sloane đang năn nỉ xin hoãn việc phát chương trình. Lúc ấy là 11h52 phút sáng.
* * *
Khi lời thông báo gây chấn động này phát đi từ ban tin trong nước, thì Crawford Sloane đang đứng ở đầu cầu thang tầng bốn và đang định lên phòng tin. Anh dự định nếu có thể sẽ tìm hiểu thêm thông báo trước đó về Larchmont.
Vì thông báo truyền trực tiếp, anh dừng lại lắng nghe, và không còn tin ở tai mình, anh đứng im, choáng váng. Anh choàng tỉnh khi một thư ký của Vành móng ngựa, người đã nhìn thấy anh đi ra và đuổi theo, hổn hển gọi anh "Ông Sloane! Cảnh sát Larchmont đang gọi ông. Họ muốn nói chuyện với ông".
Anh theo cô ta trở lại văn phòng và nhấc điện thoại.
"Ông Sloane. Tôi là thanh tra York. Tôi đang ở nhà ông và có vài điều không hay…".
"Tôi vừa mới nghe. Hãy nói cho tôi rõ những gì ông biết".
"Thưa ông, thật sự là rất ít. Chúng tôi biết là bà nhà, con trai và cụ thân sinh đã lái xe tới siêu thị Grand Union cách đây 50 phút. Trong cửa hàng, theo những người chứng kiến, có người đến gần họ…".
Viên thanh tra tiếp tục trình bày cụ thể những gì anh biết, kể cả việc ba người rõ ràng bị lôi vào chiếc xe hiệu Nissan. Anh nói thêm: "Chúng tôi vừa được biết là các nhân viên đặc biệt của FBI đang trên đường tới đây, và một người của FBI đang tới chỗ ông. Người ta yêu cầu tôi báo với ông rằng họ lo ngại cho sự an toàn của ông. Ông sẽ được bảo vệ, nhưng hiện tại ông không được rời khỏi toà nhà nơi ông đang àm việc".
Đầu óc Sloane quay cuồng lo lắng tột độ. Sloane hỏi "Có thể biết ai làm điều đó không?".
"Thưa ông, chưa. Mọi việc xảy ra quá đột ngột. Chúng tôi hoàn toàn mù tịt".
"Có nhiều người biết về chuyện này, về những điều đã xảy ra không?".
"Theo như tôi biết thì không nhiều". Viên thanh tra nói thêm: "Chúng ta càng giữ như vậy lâu bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu".
"Tại sao?".
"Ông Sloane ạ, đối với một vụ bắt cóc, càng thông báo rộng càng có hại. Chúng ta có thể sẽ

nhận được tin tức từ những kẻ bắt cóc – chắc chúng sẽ liên lạc với ông trước tiên. Sau đó chúng tôi, hoặc hơn nữa, có thể là FBI sẽ muốn nói chuyện với chúng, một sự bắt đầu để thương lượng. Chúng tôi không muốn tất cả mọi người biết điều đó. Họ sẽ không biết bởi vì…".
Sloane cắt ngang: "Ông thanh tra. Tôi sẽ nói thêm với ông sau. Lúc này tôi đang có một việc phải làm ngay".
Rất hiểu công việc ở Vành móng ngựa và biết điều đó có nghĩa là gì, Sloane muốn ngăn chặn một hành động vội vàng. Lao ra khỏi văn phòng, anh gọi ầm lên: "Leslie Chippingham ở đâu?".
Một viên chủ nhiệm lâu năm trả lời: "Ở trong phòng tin". Sau đó, rất nhẹ nhàng, ông ta nói: "Crawford, chúng tôi đều rất buồn song hình như chúng ta sắp phát tin thì phải".
Sloane gần như không nghe thấy gì cả. Anh lao ra cầu thang và chạy nhanh xuống tầng dưới. Trước mắt anh là ông giám đốc tin đang họp khẩn cấp với vài người khác quanh bản tin trong nước. Chippingham đang hỏi: "Liệu chúng ta có thể tin người cộng tác viên ở Larchmont đến mức nào?".
Ernie Lasalle trả lời: "WCBA nói đó là ông già bé nhỏ đã cộng tác với họ hàng bao năm nay – thẳng thắn và có thể tin cậy được".
"Và tôi cho rằng chúng ta nên phát ngay những gì chúng ta có".
Sloane lao vào giữa bọn họ: "Không, không, không. Lasalle, đừng làm việc đó. Chúng ta cần thêm thời gian. Cảnh sát vừa nói với tôi họ có thể sẽ nhận được tin tức từ phía bọn bắt cóc. Công luận có thể sẽ gây nguy hiểm cho gia đình tôi".
Lasalle nói: "Crawf, chúng tôi hiêu anh đang phải chịu đựng đến mức nào. Nhưng đó là môt sự kiện lớn và những hãng khác cũng sẽ biết việc đó. Họ sẽ không giữ kín đâu. WNBC…".
Sloane lắc đầu nói: "Tôi vẫn nói là không". Anh quay sang đối mặt trực tiếp với giám đốc tin. "Les, tôi xin anh… Hãy hoãn lại".
Mọi người bối rối im lặng, biết rằng trong những hoàn cảnh khác, Sloane sẽ là người đầu tiên đòi phát tin. Nhưng không ai nở đang tâm nói "Crawf, suy nghĩ của anh không được mạch lạc lắm".
Chippingham liếc nhìn đồng hồ treo trong phòng tin: 11 giờ 54.
Lasalle nhấc điện thoại nghe Insen gọi. Anh thông báo: "Chuck nói mọi người đã sẵn sàng. Anh ta muốn biết chúng ta có phát hay không?".
Chippingham nói: "Nói với anh ta là tôi đang quyết định" ông suy nghĩ: Liệu có nên đợi đến trưa không?". Trên các màn hình trước mặt, ông có thể theo dõi toàn bộ các chương trình. Hãng CBA đang phát một vở hài kịch rất nổi tiếng. Sau khi vở kịch kết thúc, tiếp theo sẽ là mục quảng cáo. Phát xen vào bây giờ sẽ là một sự ngắt quãng tai hại về tài chính. "Liệu sau khoảng sáu phút nữa thì có hơn không?".
Đúng vào lúc đó, cùng một lúc các máy tính ở phòng tin đều phát tín hiệu "kip". Trên các màn hình hiện lên chữ B – Tín hiệu có tin điện khẩn cấp. Ai đó đọc trên màn hình và nói to "Hãng AP đã có tin về vụ bắt cóc gia đình Sloane".

Trên bản tin trong nước, chuông điện thoại vang lên, Lasalle nhấc lên nghe, và sau đó nói nhỏ: "Cảm ơn anh đã thông báo cho chúng tôi". Gác máy lên, ông thông báo lại cho giám đốc tin: "nbc vừa gọi. Họ gọi điện cho chúng ta vì lịch sự và bảo rằng họ đã có tin về vụ đó, họ sẽ phát tin ngay đầu giờ sau".

Lúc đó chỉ còn 15 giây nữa là đầy 11 giờ 55 phút.
Chippingham quyết định: “chúng ta phát ngay bây giờ”. Quay sang Lasalle, ông nói: “Báo Chuck phát xen vào chương trình”.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Phần II - Chương 1

Bản tin đặc biệt của hãng CBA thông báo về vụ bắt cóc gia đình Sloane đã gây ra những phản ứng tức thời và lan rộng. Hãng tin NBC, bị cái cung cách thông tin lịch sự và nhã nhặn của hãng CBA giành mất vị trí có thể dẫn đầu của mình, đã đưa một bản tin tiếp theo đó trong vòng chưa đầy một phút – trước kế hoạch cũ đã định là sẽ ngắt câu chuyện vào buổi trưa.

Các hãng CBS, ABC và CNN, được báo trước qua những tin điện của hãng AP và Reuter cũng đều phát tin trong vòng có vài phút. Các trạm phát hình trên cả nước không có liên hệ với hệ thống truyền hình quốc gia, nhưng lại có những chi nhánh riêng của họ cũng đã đưa tin ngay lập tức.

Hãng truyền hình Canada cũng đưa tin vụ bắt cóc gia đình Sloane lên đầu chương trình đầu tiên của buổi phát thanh trưa.

Các đài phát thanh với tính chất tức thời của mình còn tỏ ra nhanh hơn các hãng truyền hình trong việc đưa tin này.

Từ bờ đại dương này sang bờ đại dương khác, các báo buổi chiều vội thay ngay những dòng tít lớn trang đầu. Các tờ báo lớn nước ngoài cũng ra lệnh cho phóng viên thường trú ở New York viết những bài báo do chính họ săn tin.

Các hãng ảnh thời sự lao vào một cuộc săn tìm điên cuồng những bức ảnh của Jessica, Nicholas và Angus Sloane. Những bức ảnh của Crawford Sloane thì không thiếu gì.

Tổng đài chính của hãng CBA dồn dập những cú điện thoại gọi cho Crawford Sloane. Khi những người gọi điện được trả lời một cách lịch sự rằng ông Sloane không có ở đây, hầu hết đều gửi lại những lời thăm hỏi chia buồn.
Giới báo chí và phóng viên các phương tiện truyền thông khác biết rằng tốt hơn cả là sử dụng đường dây trực tiếp với hãng CBA. Kết quả là một số máy bị bận liên tục, khiến cho việc liên lạc với bên ngoài trở nên khó khăn. Những phóng viên may mắn gọi được, muốn phỏng vấn Sloane thì người ta khuyên rằng anh đang quá đau buồn tới mức không thể nói chuyện với bất cứ ai và rằng, dù thế nào đi nữa, cũng không có tin gì mới hơn những điều đã được công bố.

Chỉ có một người thực sự nói chuyện được với Sloane qua điện thoại là Tổng thống nước Mỹ. “Crawford thân mến, tôi vừa được thông báo về cái tin khủng khiếp này”, - Tổng thống nói.

“Tôi biết rằng giờ đây trong đầu anh có rất nhiều ý nghĩ muốn nói, nhưng tôi muốn anh biết rằng cả tôi lẫn Bacbara đều đang nghĩ về anh và về gia đình anh và mong đợi sớm có tin tức tốt lành. Cũng như anh, chúng tôi muốn nỗi phiền muộn này sớm chấm dứt”.
“Xin cảm ơn Tổng thống”, Sloane đáp: “Điều này thật có ý nghĩa đối với tôi”.
“Tôi đã ra lệnh cho Bộ Tư pháp”, - Tổng thống nói tiếp: “rằng FBI phải đặt việc tìm kiếm gia đình anh lên trên hết, và bất kỳ các nguồn nào khác của chính phủ nếu cần đến đều sẽ được sử dụng”.
Sloane nhắc lại lời cảm ơn của mình.

Nội dung cuộc nói chuyện điện thoại của tổng thống đã được người phát ngôn của Nhà Trắng công bố ngay lập tức, bổ sung thêm vào dòng thác thông tin ngày càng phong phú đang chiếm lĩnh chương trình thời sự buổi tối của tất cả các hệ thống thông tin.
Các đội quay vô tuyến truyền hình của các đài ở New York và các mạng lưới khác đã đến Larchmont ngay sau khi bản tin đầu tiên được công bố và đã phỏng vấn “hầu như tất cả những sinh vật nào biết thở” mà họ gặp - như cách nói của một nhà quan sát – kể cả những người chỉ có chút xíu liên quan đến vụ án. Bà giáo về hưu Friscilla Rhea tươi trẻ lại trước mọi sự chú ý, đã tỏ ra là một người trả lời phỏng vấn giỏi nhất, còn ông cảnh sát trưởng Larchmont là người thứ hai.
Một tình tiết mới nữa nổi lên khi có vài người sống gần gia đình Sloane cho biết thêm rằng: rõ ràng là ngôi nhà của Sloane đã bị theo dõi từ nhiều tuần nay, có lẽ phải đến một tháng. Người ta đã bắt gặp một loạt những chiếc xe khác nhau và nhiều lần còn có cả những chiếc xe tải nữa đến đấy. Những chiếc xe đó thường đỗ gần ngôi nhà rất lâu và những người trong xe thường rất kín đáo. Người ta cũng đã mô tả hình dáng một số chiếc xe mặc dù những thông tin chi tiết còn rất sơ sài. Tất cả các nhân chứng đều nhất trí ở một điểm là đôi khi có những chiếc xe mang biển số của New York và những lần khác của New Jersey. Mặc dù vậy, không một ai nhớ được số xe.
Một trong những chiếc xe do một người hàng xóm miêu tả lại có những điểm giống như chiếc xe mà Florence, người giúp việc của gia đình Sloane đã trông thấy – cũng chính là chiếc xe đã bám theo chiếc Volvo của Jessica Sloane khi Jessica, Nicky và ông Angus rời khỏi nhà để đi mua hàng.
Các phóng viên truyền hình và báo chí đặt ra một câu hỏi: tại sao không có ai thông báo cho cảnh sát về sự theo dõi rõ rành rành đó?
Các câu trả lời trong mọi trường hợp đều như nhau. Người ta cho rằng gia đình ông Crawford Sloane danh tiếng đang được hưởng sự bảo vệ về an ninh thì tại sao những người hàng xóm phải can thiệp vào chuyện đó.
Giờ đây khi đã quá muộn, những thông tin về những chiếc xe đó đang được cảnh sát quan tâm thu thập.
Báo chí nước ngoài cũng thể hiện sự quan tâm sâu sắc tới vụ bắt cóc. Tuy rằng khuôn mặt và giọng nói của Sloane không quen thuộc đối với người nước ngoài bằng đối với người dân Bắc Mỹ, việc xảy ra với một nhân vật nổi tiếng của một hãng truyền hình lớn dường như chứa đựng những hậu quả mang tính quốc tế.
Tâm trí của Sloane bị rối loạn bởi những tình cảm khác nhau. Trong nhiều giờ sau đó, anh sống trong nỗi bàng hoàng kinh ngạc, mong ước rằng bất chợt tất cả câu chuyện vừa qua chỉ một sự

hiểu lầm, một sự nhầm lẫn sẵn sàng được giải thích. Nhưng rồi thời gian cứ trôi đi, và cùng với chiếc xe Volvo của Jessica đứng bất động trong khu đỗ xe của siêu thị Larchmont, mong ước đó càng trở nên xa vời.
Điều khiến Sloane cảm thấy đau buồn hơn cả là hồi ức về cuộc nói chuyện tối hôm trước với Jessica. Chính anh là người đã nêu ra khả năng bị bắt cóc, và đây không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên thử thách anh. Từ những kinh nghiệm lâu năm của mình, anh biết rằng cuộc đời thực và những bản tin thực đều đầy rẫy những sự trùng hợp, đôi khi đến mức không thể tin được. Nhưng khi anh xem xét điều đó vào lúc này, thì chính thái độ ích kỷ và tự cho ta đây là quan trọng của anh khiến anh có cảm tưởng rằng chỉ có anh mới có thể là nạn nhân của vụ bắt cóc. Thậm chí Jessica đã hỏi anh: "Thế còn các gia đình thì sao? Họ có thể là mục tiêu không?". Nhưng anh đã bác lại ý kiến ấy, không tin rằng điều đó có thể xảy ra cũng như Jessica và Nicky cần được bảo vệ. Giờ đây tự trách mình về thái độ thờ ơ và xao lãng, cái cảm giác mình có lỗi lại tràn ngập trong anh.
Lẽ dĩ nhiên anh cũng hết sức băn khoăn về cha anh, mặc dù việc ông Angus mắc vào sự việc ngày hôm nay rõ ràng là ngẫu nhiên. Ông tình cờ đến chơi và thật không may, đã bị sa vào lưới của bọn bắt cóc.
Ngày hôm đó, Sloane luôn bồn chồn bực dọc. Anh muốn có một hànhh động nào đó, bất cứ một hành động gì, dù anh hiểu rằng anh khó có thể làm được gì. Anh nôn nóng muốn đi về Larchmont ngay, rồi lại thấy rằng có về cũng chẳng được việc gì và nếu có những tin tức sốt dẻo thì anh có thể bị lỡ không biết. Một lý do nữa khiến anh ở lại là việc có ba nhân viên FBI đến gây ra những hoạt động nhộn nhịp tập trung quanh Sloane.
Otis Havelock, nhân viên đặc nhiệm, người nhiều tuổi hơn cả trong bộ ba, ngay lập tức tỏ ra mình đang là người "thi hành công vụ". Ông ta nhất định giành lấy việc điều khiển văn phòng của Sloane, và ở đó, sau khi đã tự giới thiệu với Sloane, ông yêu cầu các nhân viên dưới quyền đưa viên chỉ huy lực lương an ninh của hãng đến gặp. Sau đó ông gọi điện thoại yêu cầu Sở cảnh sát New York giúp đỡ.
Havelock là một người đàn ông tầm thước, hoạt bát, đầu hói và có một đôi mắt xanh sâu thẳm luôn nhìn xoáy vào người đang nói chuyện với mình. Thái độ nghi ngờ thường xuyên của ông như muốn bảo: "Tôi đã thấy và nghe tất cả những chuyện này từ trước rồi". Sau này, Sloane và những người khác mới hiểu rằng chính điều khẳng định không nói thành lời ấy lại là sự thật. Là một nhân viên FBI kỳ cựu đã 20 năm trong nghề Otis Havelock, đã dành phần lớn cuộc đời của mình vào việc điều tra những tội ác bỉ ổi nhất của nhân loại.
Viên chỉ huy lực lượng an ninh của hãng CBA, một thám tử thuộc sở cảnh sát New York đã về hưu với mái tóc hoa râm vội vã đến ngay. Havelock bảo ông ta:
"Tôi muốn toàn bộ tầng nhà này phải được giám sát ngay lập tức. Những kẻ đã bắt cóc gia đình ông Sloane cũng có thể âm mưu bắt cóc nốt cả ông ta nữa. Ông hãy cử hai người trong đội khác tới. Họ phải đi kiểm tra, kiểm tra thật cẩn thận, căn cước của tất cả những người ra vào tầng nhà này. Sau đó, ông hãy bắt tay vào kiểm tra thật kỹ lưỡng những người đã ở trong tầng này, ông rõ chưa?".
Viên chỉ huy cao tuổi hơn phản đối:
"Rõ quá đi chứ. Tất cả chúng tôi đều lo cho ông Sloane. Nhưng số người mà tôi có trong tay chỉ có hạn thôi, mà những điều ông đòi hỏi thì quá sức. Cần có những trách nhiệm an ninh khác mà tôi không thể lơ là được".

“Anh đã tỏ ra lơ là với trách nhiệm của mình rồi đấy thôi” Havelock ngắt lời. Rồi ông đưa ra một tâm căn cước ép nhựa cứng. “Ông hãy xem đây này. Tôi đã dùng nó để ra vào ngôi nhà nay. Tôi chỉ cần giơ nó ra cho người gác ở dưới nhà nhìn thấy, thế là anh ta phẩy tay ra hiệu cho tôi vào”.
Viên chỉ huy nhìn chằm chằm vào tấm thẻ trên đó có bức ảnh của một người đàn ông mặc quân phục.
“Ảnh ai đây?”.
“Ông hãy thử hỏi ông Sloane đây xem”. Havelock đưa tấm thẻ cho Sloane. Khi Sloane nhìn vào tấm ảnh, đù đang hết sức lo lắng, anh cũng phải bật cười: “Đại tá Qaddafi”.
“Tôi đã đặt làm riêng tấm thẻ này” – Havelock nói - “thỉnh thoảng tôi dùng nó để chứng minh cho những công ty kiểu như hãng ta đây biết rằng an ninh của họ lỏng lẻo đến mức nào. Giờ thì ông hãy thi hành điều tôi nói. Kiểm tra tầng nhà này và ra lệnh cho các nhân viên của ông kiểm tra kỹ căn cước, kể cả ảnh nữa”.
Khi ông ta bước ra khỏi phòng, Havelock nói với Sloane.
“Lý do tại sao an ninh ở hầu hết các công ty lớn đều kém hiệu quả là vì nó không phải là bộ phận có thể sinh thu nhập, vì thế bắt buộc người ta phải cắt giảm nó tới mức tối đa. Nếu anh có được an ninh thích đáng ở đây, thì phải bao gồm cả việc bảo vệ anh và gia đình anh ở nhà nữa”.
Sloane nói giọng đầy phiền muộn: “Giá như ông đến gợi ý từ trước thì đâu đến nỗi”.
Trước đó vài phút, Havelock gọi điện cho Sở Cảnh sát New York, ông đã nói chuyện với viên trưởng ban điều tra, giải thích cho ông ta rằng vụ bắt cóc đã xảy ra và yêu cầu cảnh sát bảo vệ cho Crawford Sloane. Giờ đây từ ngoài đường vọng vào âm thanh của những tiếng còi báo động ngày một gần và rõ hơn, rồi dừng hẳn. Vài phút sau, một viên trung uý cảnh sát mặc quân phục và một trung sĩ bước vào.
Sau khi giới thiệu Havelock nói với viên trung uý: “Tôi đề nghị anh cho hai xe ô tô có máy đàm thoại đỗ bên ngoài để tỏ cho mọi người biết sự hiện diện của cảnh sát, đồng thời cử một người gác ở một cửa vào và thêm một người trong hành lang chính. Bảo họ rằng họ được phép chặn lại hỏi bất cứ ai có vẻ khả nghi”.
Viên trung uý đáp:
“Tuân lệnh”. Quay sang phía Crawford Sloane, anh ta nói với vẻ kính trọng: “Chúng tôi sẽ bảo vệ ông thật chu đáo. Bất cứ lúc nào tôi có ở nhà, cả tôi và vợ tôi đều theo dõi chương trình tin của ông. Chúng tôi rất thích cách bình luận của ông”.
Sloane khẽ gật đầu: “Cảm ơn”.
Hai cảnh sát đưa mắt nhìn quanh có vẻ muốn nán lại, nhưng Havelock chợt nghĩ ra một ý tưởng khác: “Các anh có thể kiểm tra vòng ngoài bằng cách cử ai đó lên nóc nhà. Hãy quan sát ngôi nhà từ trên cao. Phải bảo đảm mọi lối ra vào đều được theo dõi”.
Sau khi bảo đảm rằng mọi sự có thể đều sẽ được thực hiện, hai cảnh sát rời khỏi phòng.
“Tôi cho rằng ông sẽ còn phải nhìn thấy tôi suốt ngày đấy, ông Sloane ạ!” Viên cảnh sát đặc nhiệm nói khi chỉ còn lại hai người trong phòng. “Tôi được lệnh phải luôn theo sát ông. Chắc ông cũng đã nghe tôi nói rằng chúng tôi cho là ông cũng có thể bị bắt cóc”.
“Đôi lúc tôi cũng cho rằng có thể bị” Sloane nói, và anh thổ lộ cái cảm giác có lỗi đang hình thành trong anh: “Tôi chưa từng bao giờ nghĩ được rằng gia đình tôi lại có thể gặp nguy hiểm”.
“Điều đó chỉ là do ông đang suy nghĩ một cách lý trí mà thôi. Nhưng những tên tội phạm ranh ma thì thật không ai có thể lường trước dược”.

Sloane hỏi với vẻ mặt căng thẳng: “Ông cho rằng chúng ta có thể sẽ phải đương đầu với hạng người đó chăng”.
Vẻ mặt của ông nhân viên FBI không hề thay đổi. Ông rất ít khi phí thời gian vào việc chọn những từ ngữ nghe êm tai: “chúng tôi vẫn chưa biết được bọn chúng là loại người như thế nào. Nhưng tôi đã nghiệm thấy rằng không đánh giá thấp kẻ thù chỉ luôn có lợi mà thôi. Còn nếu sau đó sự việc cho thấy rằng tôi đã đánh giá hắn quá cao thì càng có lợi cho tôi”. Havelock nói tiếp: “Sẽ có thêm một số người của chúng tôi tới đây và tới nhà của ông với các thiết bị điện tử. Chúng tôi cần giám sát những cú điện thoại gọi cho ông, vì vậy trong thời gian ở trong ngôi nhà này, ông nên trả lời tất cả các cú điện thoại theo đường dây thông thường” ông chỉ tay về phía bàn làm việc của Sloane “nếu bọn bắt cóc gọi điện đến, ông phải làm đúng như sau – cố kéo dài cuộc nói chuyện càng lâu càng tốt, vì giờ đây chúng ta có thể lần theo dấu vết đường dây nhanh hơn trước, và bọn tội phạm cũng biết điều đó”.
“Ông có nhận thấy rằng điện thoại của chúng tôi ở nhà có số không ghi trong danh bạ không?”.
“Tất nhiên là có, nhưng tôi cho rằng bọn bắt cóc cũng biết số điện thoại đó. Khá nhiều người biết số đó” Havelock lôi ra một quyển sổ. “ông Sloane bây giờ tôi cần một số câu trả lời”.
“Ông cứ hỏi”.
“Ông hay ai đó trong gia đình có nhận được lời đe doạ nào mà ông còn nhớ không? Xin ông hãy cân chắc thật cẩn thận”.
“Chưa từng có lời đe doạ nào”.
“Liệu có thể có những tin nào mà ông đã đưa có thể gây nên sự phản đối cực lực của một người hay một tổ chức nào đó không?”.
Sloane giơ tay lên: “Ít nhất là mỗi ngày một lần”.
Tay nhân viên FBI gật đầu: “Tôi cũng đoán vậy, cho nên hai đồng nghiệp của tôi sẽ xem xét các chương trình của ông, soát lại các chương trình từ cách đây hai năm, để xem sự việc có sáng tỏ thêm chút nào không? Thế còn thư phản đối thì sao? Hẳn là ông có nhận được chứ?”.
“Tôi không bao giờ xem thư. Những người làm việc ở bộ phận tin tức không được phép tiếp xúc với thư từ. Đó là quyết định của ban giám đốc”.
Đôi lông mày của Havelock hơi rướn lên khi Sloane tiếp tục nói.
“Mọi điều mà chúng tôi đưa lên truyền hình khiến chúng tôi có một số lượng khổng lồ thư từ. Nếu đọc hết tất cả sẽ mất rất nhiều thời gian. Rồi chắc là chúng tôi sẽ muốn trả lời và càng mất thời gian nữa. Còn một điều mà ban giám đốc chắc chắn rằng chúng tôi nên giữ tầm bao quát và tính khách quan nếu chúng tôi tránh được những phản ứng cá nhân đối với các tin tức”, Sloane nhún vai. “Một số người có thể không đồng tình , sự thực là như vậy”.
“Vậy còn các bức thư thì sao?”.
“Nó sẽ được một ban gọi là “Hộp thư khán giả” xử lý. Tất cả các thư đều được trả lời và những gì quan trọng được chuyển tới ông chủ nhiệm Ban tin tức”.
“Tôi đoán là tất cả các thư gửi đến đều được lưu giữ”.
“Tôi tin như vậy”.
Havelock ghi nhanh vào sổ: “Chúng tôi cũng sẽ cử người đến làm việc đó”.
Trong khi hai người ngừng nói chuyện, Chuck Insen gõ cửa phòng và bước vào.
“Cho phép tôi…” ông giám đốc ban tin nói tiếp khi hai người cùng gật đầu. “Crawf, chắc anh cũng biết rằng tất cả chúng tôi đều cố làm mọi điều có thể cho anh, Jessica va Nicky…”.
“Vâng, tôi biết” – Sloane đáp.

“Chúng tôi cảm thấy anh không nên thực hiện chương trình tối nay. Một mặt, đối với anh, đó là một điều nặng nề. Mặt khác, ngay cả nếu anh chỉ thực hiện phần còn lại, theo cách như công việc hàng ngày trước nay thì có vẻ như là toàn bộ hãng đều rất thờ ơ, mà điều đó dĩ nhiên là không đúng sự thật”.
Sloane đồng ý và nói thêm một cách thận trọng: “Tôi cho rằng anh nói đúng”.
“Điều khiến chúng tôi băn khoăn là liệu anh cảm thấy thế nào nếu có cuộc phỏng vấn trực tiếp”.
“Anh cho là tôi nên trả lời phỏng vấn à?”.
“Giờ đây khi câu chuyện đã “loang ra”, Insen nói, “tôi cho rằng càng thu hút được sự chú ý bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Rất có thể là trong đám khán giả thế nào cũng có người có thêm những tin tức mới nào đấy”.
“Vậy thì tôi nhận lời”.
Insen gật đầu và nói tiếp: “Chắc anh cũng biết rằng các hãng khác và giới báo chí đều muốn phỏng vấn anh. Anh cảm thấy liệu một cuộc họp báo vào chiều nay có được không?”.
Sloane phác một cử chỉ bất lực, rồi chấp nhận: “Thôi được”.
Insen hỏi: “Khi xong công việc ở đây, có thể đến chỗ tôi và Leslie ở văn phòng của tôi được không? Chúng tôi muốn tham khảo ý kiến của anh về một số kế hoạch”.
Havelock bỗng xen vào: “Tôi muốn ông Sloane ở trong phòng của ông ấy bên máy điện thoại càng lâu càng tốt”.
“Dù sao thì tôi cũng vẫn luôn ở bên máy”, Sloane cam đoan với ông.
* * *
Leslie Chippingham đã gọi điện cho Rita Abrams ở bang Minnesota để báo cho cô tin buồn là ngày nghỉ cuối tuần mà dôi tình nhân đã dự tính sẽ phải hoãn lại. Ông giải thích rằng vào thời điểm công việc dang dở dang này, ông không có cách nào rời khỏi New York được.
Mặc dù rất thất vọng nhưng Rita hiểu. Những người làm việc trtrong các hãng tin truyền hình đã quen với những sự kiện bất ngờ chen ngang vào cuộc sống của họ, kể cả vào những chuyện riêng tư nhất.
Cô hỏi tiếp: “Anh có cần em trong chuyện này không?”.
Anh trả lời: “Nếu bọn anh cần, em sẽ được biết ngay”.
* * *
Rõ ràng là tay nhân viên đặc nhiệm Havelock đã bám chặt Crawford Sloane, định theo anh vào phòng họp báo của Insen. Nhưng Insen đã ngăn ông ta lại.
“Chúng tôi sẽ thảo luận một số công việc riêng của hãng. Ông Sloane sẽ trở lại với ông sau khi chúng tôi đã thảo luận xong. Trong thời gian đó, nếu có chuyện gì đột xuất xin ông cứ tự do vào phòng”.
Havelock nói: “Nếu các ông không phiền lòng, tôi xin vào ngay bây giờ xem ông Sloane sẽ ở vào một nơi như thế nào”. Ông quả quyết bước vào bên trong, nhìn quanh rồi quay ra. “Chỉ để khỏi áy náy thôi”, ông nói với Insen. “Không có lối ra vào nào khác nữa”.
“Lẽ ra tôi phải nói với ông là không có”, Insen nói.
Havelock mỉm cười mềm mỏng: “Có những cái tôi thích tự mình kiểm tra hơn”. Ông bước ra khỏi phòng và tìm thấy cho minh một chiếc ghế ở bên ngoài.
Lúc Havelock bước vào xem xét, Leslie Chippingham đã ngồi trong phòng. Giờ đây, khi Sloane và Insen bước vào, ông nói “Chuck, anh hãy nói điều đó cho Crawf đi”.

“Sự thật là” Insen nói và nhìn thẳng vào Sloane “chúng tôi không tin tưởng lắm vào các nhân viên của chính phủ cũng như khả năng giải quyết tình thế này của họ. Cả tôi và Leslie đều không muốn làm anh nản lòng, nhưng cả anh và tôi, chúng ta đều nhớ vụ FBI tìm Patricia Hearst mất bao lâu chứ? Mất hơn một năm rưỡi. Và còn những chuyện khác nữa”. Insen nhoài người về phía tập báo chí trên bàn và lấy ra một cuốn sách mà Sloane nhận ra ngay là cuốn sách của anh: “Ống kính và sự thật”. Insen mở cuốn sách ra ở một trang có đánh dấu. “Chính anh đã từng viết, Crawf ạ: Chúng ta, những người sống trên nước Mỹ không thể thờ ơ với tình trạng khủng bố diễn ra sau lưng chúng ta lâu hơn nữa. Nhưng chúng ta lại không được chuẩn bị cả về mặt tinh thần cũng như những mặt khác nữa để đối phó với sự lan tràn của cái kiểu chiến tranh tàn bạo này”. – Insen gấp cuốn sách lại. “Tôi và Leslie hoàn toàn đồng ý với anh về điểm đó”.
Một phút im lặng trôi qua. Được nghe lại lời nói của chính mình, Sloane sững sờ và choáng váng. Trong những suy nghĩ riêng tư của anh đã bắt đầu nảy sinh câu hỏi. Liệu có thể có động cơ khủng bố nào liên quan đến anh năm sau vụ bắt cóc Jessica và Nicky và cha anh hay không? Hay là thậm chí đề cập đến chuyện đó thôi cũng đã là chuyện ngược đời? Nhưng tưởng chừng như đã không phải thế, bởi vì ý nghĩ của bất kỳ người bình luận viên từng trải nào khác rõ ràng cũng sẽ đi theo hướng ấy”.
Một lúc lâu sau anh mới cất tiếng hỏi: “Liệu các anh có cho rằng bọn khủng bố…”.
Insen đáp: “Đó cũng là một khả năng, phải không?”.
“Đúng thế” – Sloane chậm chạp gật đầu đồng ý, “Tôi cũng bắt đầu nghĩ đến điều đó”.
“Nên nhớ rằng” Chippingham chêm vào “cho đến giờ phút này chúng ta chưa biết chút gì về bọn người đã bắt cóc gia đình anh, cũng như chúng muốn gì. Cũng có thể đó chỉ là một vụ bắt cóc thông thường để vòi tiền chuộc, và nói có Chúa chứng giàm, thế cũng quá lắm rồi. Nhưng vì địa vị và nghề nghiệp của anh chúng ta cũng nên xem xét tới những khả năng khác xa hơn”.
Insen tiếp tục câu chuyện họ đã nói trước đó: “Bây giờ nói về FBI. Chúng tôi không muốn làm anh lo lắng, nhưng nếu Jessica và những người thân của anh bị đưa ra khỏi đất nước này thì cái mà chính phủ cần đến lại là CIA cơ. Mà, trong suốt những năm kiều dân Mỹ đã bị giam giữ ở Libăng, CIA với tất cả sức mạnh và tiềm lực của nó, với các vệ tinh do thám, sự khôn khéo đột nhập đã không thể phát hiện ra nơi một bọn khủng bố vô học, khố rách áo ôm giam giữ họ. Mà đó chỉ là ở một đất nước tí hon chỉ lớn hơn bang Delaware có một chút. Vậy thì ai có thể biết được là cơ quan CIA già nua sẽ làm được cái quái gì tốt hơn ở những nơi khác trên thé giới”.
Chính ông chủ nhiệm Ban tin lại là người đưa ra kết luận cuối cùng: “Vậy điều mà chúng tôi muốn nói với anh, Crawf ạ”, Chippingham nói, “là chúng tôi không tin các cơ quan điều tra của chính phủ. Nơi chúng tôi thực sự tin tưởng là chính chúng tôi, một tổ chức thu thập tin đầy kinh nghiệm đã quen với những phóng sự điều tra, có những cơ hội thuận lợi trên mức trung bình trong việc phát hiện ra nơi giam giữ những người trong gia đình anh”.
Lần đầu tiên trong ngày hôm đó, Sloane cảm thấy phấn chấn lên đôi chút. Chippingham nói tiếp: “Vì vậy, chúng tôi đã quyết định thành lập một ban điều tra đặc trách của hãng CBA. Trước hết chúng tôi sẽ cố gắng trên phạm vi toàn quốc, còn sau đó, nếu cần thiết, trên toàn thế giới. Chúng ta sẽ sử dụng tất cả mọi nguồn cùng với kỹ thuật chúng ta có. Còn về nhân lực chúng ta sẽ đưa vào đó những người ưu tú nhất mà chúng ta có kể từ giờ phút này”.

Sloane cảm thấy trong lòng mình trào dang một lòng biết ơn xen lẫn cảm giác nhẹ nhõm. Anh

lắp bắp: “Leslie… Chuck…”.
Chippingham ra hiệu ngắt lời anh: “Đừng nói thế. Không cần phải nói điều đó. Dĩ nhiên, công việc này là vì anh, nhưng đó cũng là công việc của chúng tôi”.
Insen ngả người về phía trước: “Còn một việc nữa chúng tôi cần hỏi anh trong lúc này Crawf ạ. Ban đặc nhiệm cần một phóng viên hay biên tập viên dày dạn kinh nghiệm, một người có thể đảm đương được nhiệm vụ, người đã từng thực hiện xuất sắc các phóng sự điều tra và là người mà anh tin tưởng, đứng đắn. Anh có muốn đề cử ai không?”.
Crawford Sloane lưỡng lự trong một tích tắc, cân nhắc giữa cảm giác riêng tư của mình với nỗi nguy hiểm, rồi anh nói với giọng quả quyết: “Tôi muốn nhờ Harry Partridge”.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 2

Những kẻ bắt cóc, giống như nhưng con cáo quay về nơi ẩn trốn, giờ đây đã lộ mặt ra trong xào huyệt tạm thời của bọn chúng, một ngôi nhà thuê ở phía nam Hackensack bang New Jersey.

Đó là một dãy kiến trúc cũ kỹ và đổ nát, gồm một toà nhà chính và ba toà nhà phụ đã nhiều năm nay không có ai sử dụng cho tới khi Miguel sau khi nghiên cứu những khu đất xen lẫn nhau và những quảng cáo bất động sản, đã ký hợp đồng thuê thời hạn một năm, thanh toán trước đầy đủ. Một năm là thời hạn ngắn nhất mà các hãng cho thuê đặt ra. Còn Miguel vì không tiết lộ rằng ngôi nhà đó sẽ chỉ được sử dụng trong khoảng hơn một tháng một chút, đã đồng ý với thời hạn đó mà không hỏi han gì thêm.

Kiểu nhà và vị trí của nó – một vùng ngoại ô đổ nát và thưa thớt – quả là lý tưởng về nhiều phương diện. Ngôi nhà khá rộng có thể chưa được cả bảy tên trong cái băng người Colombia này, và tình trạng không được tu sửa của nó không có gì ảnh hưởng cả. Những toà nhà phụ cho phép giấu tới sáu chiếc xe khuất tầm mắt. Quanh đó không có ngôi nhà nào khác có người ở, và sự cách biệt của nó càng được bảo đảm hơn do những hàng cây cao và các bụi cây nhỏ bao quanh. Một thuận lợi nữa là nó nằm cách sân bay Teterboro chưa đầy một dặm. Sân bay Teterboro chủ yếu chỉ dùng cho các máy bay riêng, đã được tính tới kỹ càng trong kế hoạch của bọn bắt cóc.

Trước khi bắt tay vào thực hiện âm mưu này Miguel đã biết rằng sau khi các nạn nhân bị bắt giữ, khắp nơi cảnh sát sẽ chặn hỏi điều tra cẩn mật. Vì thế, hắn quyết định rằng bất kỳ một chuyến đi xa nào cũng sẽ không an toàn. Cần phải có một nơi trú ẩn tạm thời ngay sát vùng Larchmont.

Khu trại Hackensack nằm cách nơi xảy ra vụ bắt cóc khoảng 25 dặm. Việc bọn chúng đã trở về đó một cách dễ dàng và chưa thấy ai đến đây điều tra, chứng tỏ rằng kế hạch của Miguel cho đến giờ phút này đã rất thành công.

Ba người bị bắt giữ - Jessica, Nicholas và ông Angus Sloane đang ở trong ngôi nhà chính. Vẫn trong trạng thái mê man bất tỉnh. Họ được đưa lên một căn phòng rộng rãi trên tầng hai. Khác với những căn phòng khác trong căn nhà đổ nát mốc meo này, căn phòng đó đã được quét dọn sạch sẽ và sơn lại màu trắng. Những cửa phụ có khoá điện tử và có những chiếc đèn huỳnh quang trên trần. Nền nhà được trải một lớp vải sơn mới màu xanh nhạt – chả là ông cựu bác sĩ

Baudelio đã chỉ định và giám sát những công việc do Rafael một gã thợ máy kéo khéo tay của cả nhóm thực hiện.

Hai chiếc giường của bệnh viện có hàng chấn song hai bên đặt ở giữa phòng. Jessica được đặt nằm trong một cái, còn trong cái kia là Nicholas. Tay chân họ bị trói chặt bằng dây da, một biện pháp phòng ngừa nếu họ tỉnh lại, mặc dù chưa hết thời gian dự tính.

Dù rằng khoa gây mê rất ít khi tỏ ra là một khoa học chính xác, Baudelio vẫn tin tưởng rằng "Các bệnh nhân" – như hắn vẫn thường nghĩ về họ - sẽ ở trong trạng thái mê man khoảng nửa giờ nữa và có thể lâu hơn.

Đặt cạnh hai chiếc giường cũi là một chiếc giường sắt có đệm đã được mang vội đến cho ông Angus. Sự có mặt của ông không được tính đến trước. Cũng là một phần của tình huống đột ngột, chân tay ông bị trói bởi những sợi dây thừng thay cho dây da. Ngay cả đến lúc này, trong khi đưa mắt quan sát căn phòng, Miguel cũng không biết rõ sẽ làm gì với ông già nữa. Liệu có nên giết lão và đem chôn ở phía ngoài khi trời tôi? Hay là cứ tính thêm cả lão vào kế hoạch ban đầu? Hắn cần phải mau chóng quyết định việc này.

Baudelio đang lúi húi quanh ba người nằm thẳng cẳng để xác định vị trí của các tĩnh mạch và tiêm những túi đựng chất lỏng vào đó. Trên một chiếc bàn con phủ vải bông xanh, hắn đã bày ra những dụng cụ, những hộp thuốc và mấy cái khay. Mặc dù chỉ cần có ống thông tĩnh mạch để tiêm vào tĩnh mạch dưới da, nhưng Baudelio có một thói quen hình thành từ lâu là chuẩn bị sẵn các dụng cụ khác để sử dụng nếu gặp tình huống nguy cấp. Giúp việc cho hắn lúc này là Socorro một phụ nữ đã có quan hệ chặt chẽ với cả tập đoàn Medellin lẫn Sendero Luminoso. Trong nhiều năm ẩn náu ở nước Mỹ, ả đã được cấp bằng y tá.
Với mái tóc đen nhánh búi thành một búi sau đầu, Socorro có một thân hình mảnh khảnh, mềm mại với nước da màu ô liu và những đường nét lẽ ra sẽ rất đẹp nếu như ả không có cái vẻ cau có thường trực trên khuôn mặt. Mặc dù ả sẵn sàng làm bất cứ việc gì người khác yêu cầu mà không mong đợi một châm chước nào về sự khác giới, Socorro rất ít nói và không bao giờ để lộ ra những gì đang diễn ra trong đầu mình. Ả cũng thường phản đối thẳng thừng những đề nghị lăng nhăng của mấy gã đàn ông.

Vì những lý do đó Miguel đã liệt ả vào "hạng người bí hiểm". Mặc dù hắn đã được biết về tư cách hai mặt của ả và thực tế, vì Sendero Luminoso đã đảm bảo cho sự tham gia của Socorro trong nhóm bắt cóc của chúng, nên hắn không có lý do gì để nghi ngờ ả. Đôi khi hắn cũng tự hỏi liệu việc Socorro sống quá lâu ở nước Mỹ có làm giảm đi lòng trung thành kiểu Colombia và Peru của ả không.
Đó là câu hỏi mà chính Socorro cũng thấy khó trả lời.

Một mặt, ả đã từng là một người cách mạng, thoạt đầu là để tìm ra lối thoát cho lòng nhiệt tình của ả đối với lực lượng du kích M-19 của Colombia, và mới đây – vì lợi nhuận của nhóm Medellin và Sendero Luminoso. Chính kiến của ả đối với chính phủ Colombia và Peru là ả muốn giết hết tầng lớp thống trị xấu xa, nên ả sẵn sàng được tham gia vào việc giết chóc. Đồng

thời người ta cũng đã nhồi vào đầu ả rằng thiết chế chính quyền của Mỹ cũng tàn bạo như quỷ dữ. Mặc dù vậy, sau ba năm sống ở Mỹ và nhận được sự thân thiện hiếu khách, ả thấy rằng thật khó tiếp tục khinh bỉ và coi nước Mỹ cùng những người dân của nó là kẻ thù.

Ngay giờ đây ả đang cố hết sức mình để tỏ ra căm ghét ba người bị bắt này – lũ tư sản giàu có đốn mạt - ả tự nhủ - nhưng không có hiệu quả… hoàn toàn không hiệu quả… tuy lòng thương hại ở một người cách mạng là một tình cảm đáng khinh.

Nhưng một khi ả thoát khỏi cái đất nước lắm chuyện này, điều này sẽ chóng diễn ra thôi, Socorro tin chắc rằng ả có thể làm việc tốt hơn, tỏ ra mạnh mẽ hơn, triệt để hơn với lòng căm thù của mình.

Ngồi trên một chiếc ghế xích đu ở tận đầu bên kia của căn phòng, Miguel nói với Baudelio "Thử nói cho tôi xem anh đang làm gì vậy?" Giọng hắn có vẻ ra lệnh.
"Tôi phải chuẩn bị gấp vì loại thuốc mê tôi đã dùng sẽ nhanh chóng mất tác dụng. Khi đó, tôi sẽ tiêm propofol, một loại thuốc gây mê tĩnh mạch, loại thuốc này có công hiệu lâu hơn loại trước và thích hợp hơn đối với việc sắp tới".

Trong khi cử động và nói, Baudelio dường như chuyển từ cái vẻ hốc hác thường ngày như một con ma sang dáng của một ông thầy thuốc và một nhà thực hành gây mê vốn là công việc trước đây của hắn. Cũng như thể sự khuấy động của nhân cách bấy lâu nay bị vứt bỏ, đã chợt trỗi dậy trong người hắn ngay khi vụ bắt cóc xảy ra. Nhưng hắn không bộc lộ một dấu hiệu nào, lúc đó cũng như bây giờ, chứng tỏ tài năng của hắn đang trở thành một tội ác đê tiện cũng như cái việc hắn đang nhúng tay vào là đáng khinh.
Hắn nói tiếp: "Profopal là một loại thuốc công hiệu, liều lượng thích hợp cho mỗi người là khác nhau, và nếu tiêm quá nhiều vào máu thì có thể dẫn đến cái chết. Vì vậy lúc đầu, cần phải tiêm một liều thử nghiệm và phải giám sát chặt chẽ".
"Anh có đảm bảo sẽ trông nom được việc này không?" Miguel hỏi.
"Nếu anh nghi ngờ", Baudelio nói với vẻ mỉa mai, "anh có thể thoải mái chọn người khác".
Thấy Miguel không trả miếng được, viên cựu bác sĩ nói tiếp: "Vì những người này sẽ bất tỉnh khi chúng ta chuyển họ đi, chúng ta phải biết chắc rằng họ sẽ không nôn mửa ra và không hít lại vào phổi. Vì vậy trong lúc chúng ta chờ đợi họ sẽ phải bắt buộc chịu đói một thời gian. Tuy vậy, cũng không đến nỗi mất nước, tôi sẽ tiêm chất lỏng vào tĩnh mạch của họ. Và sau hai ngày, là thời gian anh định ra cho tôi, chúng ta có thể nhốt họ vào những cái để trong kia". – Baudelio hất đầu chỉ về phía bức tường sau lưng hắn.
Dựng sát tường là hai chiếc quan tài để mở, vững chãi và có lót vải. Trong đó có một chiếc nhỏ hơn chiếc kia. Hai cái nắp đậy có bản lề và được trang trí đẹp đẽ đã bị tháo ra dựng cạnh đó.
Nó khiến cho Baudelio nhớ ra một vấn đề. Chỉ tay vào Angus Sloane hắn nói: "Có cần làm cho cả lão già này nữa không?".
"Nếu có cả lão ra, liệu anh có đủ thuốc không?".
"Tất nhiên là có. Mọi thứ đều được dự trữ trong trường hợp có gì đó trục trặc. Nhưng chúng ta cần một cái nữa…". Hắn đưa mắt nhìn những chiếc quan tài bên tường.
Miguel nói với giọng bực bội: "Anh khỏi cần phải nhắc tôi điều đó".

Tuy vậy, hắn vẫn còn chưa hết băn khoăn. Yêu cầu lúc đầu của Medellin và Sendero Luminoso chỉ nói đến việc bắt cóc người phụ nữ và thằng bé rồi sau đó đưa họ sang Peru càng nhanh càng tốt. Những chiếc quan tại chỉ để nguỵ trang phương tiện vận chuyển. Một câu chuyện bịa đặt đã được dựng lên để đề phòng khám xét của hải quan Mỹ. Một khi đã ở Peru rồi, những người tù nhân sẽ trở thành những con tin có giá – những khoản tiền góp vốn thoả thuận để đáp ứng những đòi hỏi kỳ quặc của Sendero Luminoso, bản chất của chúng thế là đã bộc lộ. Nhưng liệu việc bất ngờ có thêm cả ông bố Crawford Sloane có được coi là một món thêm vào hay lại là một sự mạo hiểm và một gánh nặng không cần thiết vào lúc này?
Nếu có cách nào hỏi được cấp trên thì ắt hẳn Miguel đã hỏi rồi. Nhưng lúc đó kênh liên lạc an toàn duy nhất không nối liền với hắn, mà gọi điện theo một trong những máy điện đàm lưu động thì câu chuyện sẽ có thể bị ghi lại. Miguel đã nhấn mạnh với tất cả mọi người trong nhóm Hackensack là chỉ dùng điệu thoại để liên lạc giữa các xe với nhau hay với trung tâm thôi. Dứt khoát không có một cú điện thoại nào được gọi tới những nơi khác. Một số ít những lần gọi ra ngoài thật cần thiết chỉ được dùng điện thoại công cộng.
Vì thế chỉ có một mình hắn quyết định mà thôi. Hắn cũng phải tự cân nhắc rằng thêm một chiếc quan tài nữa có nghĩa là chuốc thêm mạo hiểm. Liệu có đáng làm thế không?
Miguel tự nghĩ rằng như thế cũng đáng. Qua kinh nghiệm bản thân, hắn biết một điều chắc chắn là sau khi Sendero Luminoso thông báo món tiền chuộc, một trong số những người bi bắt sẽ bị giết và cái xác đó sẽ được quẳng ra một nơi nào đó mà người ta có thể tìm thấy – tất cả chỉ để chứng tỏ rằng những kẻ bắt cóc không đùa cợt chút nào. Việc có thêm cả lão Angus Sloane có nghĩa là sẽ có thừa một người để làm việc đó: để người đàn bà hay thằng bé bị hành hình sau nếu cần phải là lần thứ hai. Vậy theo cách đó thì thêm một người bị bắt cóc chỉ có lợi.
Hắn bảo Baudelio: "Được, cho cả lão già ấy đi".
Baudelio gật đầu. Mặc dù bề ngoài tỏ ra vững vàng Baudelio vẫn cảm thấy căng thẳng khi ở gần Miguel hôm nay. Đêm trước hắn đã phủ nhận một điều mà giờ đây hắn mới nhận ra là một sai lầm ghê gớm, một kẻ hở cho an toàn của cả bọn. Trong lúc ngồi một mình với nỗi cô đơn và sự chán ngán đến tột cùng hắn đã dùng một trong những máy điện thoại lưu động gọi sang Peru. Hắn đã trò chuyện với một người đàn bà, một người bạn cùng sống trong cảnh nhếch nhác và là người bạn duy nhất vẫn thường uống rượu với hắn và lúc đó hắn nhớ đến da diết.
Chính vì vẫn còn lo lắng về cú điện thoại đó nên hắn phản xạ rất chậm chạp và bỗng nhiên, một tình huống bất ngờ xảy ra.
* * *
Trong lúc giằng co ở phía ngoài siêu thị Larchmont, Jessica chỉ cảm nhận được một đến hai phút đầu tiên là sửng sốt, rồi tiếp theo đó là nỗi kinh hoàng trước sự tàn bạo của sự việc đang diễn ra. Ngay cả khi tiếng hét của nàng đã bi một miếng gạt che kín mồm chặn lại, nàng vẫn tiếp tục chống cự một cách dữ dội và tuyệt vọng, biết rằng cả Nicky cũng đang bị bọn người thú vật lạ mặt bắt sau đó, khi liều thuốc mê mạnh đã hoà vào trong máu, nàng rơi vào trạng thái mê man, bất tỉnh sâu thẳm.
Nhưng giờ đây, không ý thức được bao lâu đã trôi qua, nàng đã tỉnh lại và dần nhớ lại mọi chuyện. Nàng nghe thấy, lúc đầu thì mơ màng nhưng sau đó rõ dần, những âm thanh xung quanh mình. Nàng thử cựa quậy, thử nói, nhưng rồi nàng thấy rằng mình không tài nào làm nổi. Nàng bèn cố mở mắt ra, nhưng hai mắt vẫn nhắm chặt. Jessica cảm thấy như thể nàng đang nằm dưới đáy một cái giếng tràn ngập bóng tối, cố làm một cái gì đó, cái gì cũng được,

nhưng chẳng thể làm được một điều gì.
Rồi, vài phút trôi qua, những giọng nói nghe đã rõ hơn, cái hồi ức kinh khủng về những gì xảy ra ở Larchmont lại nhói lên.
Cuối cùng Jessica cũng mở được mắt ra. Baudelio, Socorro và Miguel đều đang nhìn đi nới khác nên không nhận thấy điều đó.
Biết rằng những cảm giác đã trở lại với thể xác, nhưng Jessica không hiểu tại sao cả chân tay nàng đều không cử dộng được, dù chỉ nhúc nhắc. Rồi nàng nhìn thấy cánh tay ở gần mình, tay trái, bị trói bởi dây da và nhận ra rằng nàng đang nằm trong một cái gì đó giống như một chiếc giường bệnh viện và giăng cả cánh tay kia, cũng như hai chân nàng cũng bị trói như vậy.
Jessica khẽ quay đầu sang bên cạnh và bỗng cứng người lại vì kinh hoàng trước cảnh tượng mà nàng thấy.
Nicky đang nằm trên một chiếc giường khác, cũng bị trói như nàng. Cạnh nó là ông Angus cũng bị trói chặt bằng dây thừng. Và kia nữa – Ôi! Không – lạy chúa! – hai chiếc quan tài mở nắp, một chiếc nhỏ hơn, rõ ràng là để dành cho nàng và Nicky.
Đột nhiên nàng bắt đầu la hét và cựa quậy dữ dội. Và trong nỗi hoảng sợ điên cuồng, nàng đã rút được cánh tay trái ra.
Khi nghe tiếng la hét, cả ba tên cùng nhảy bổ về phía nàng. Lúc đó Baudelio lẽ ra phải có phản ứng mau lẹ, lại sững sờ đến mức đờ đẫn. Đến lúc đó, Jessica đã kịp nhìn thấy tất cả bọn chúng.
Trong lúc tiếp tục vùng vẫy dữ dội, nàng vươn tay trái ra, cố gắng một cách tuyệt vọng tìm một cái gì đó khả dĩ dùng làm vũ khí để bảo vệ cho Nicky và cho chính bản thân mình. Chiếc bàn để dụng cụ nằm ngay cạnh nàng. Những ngón tay nàng mò mẫm một cách điên cuồng và cuối cùng, nàng vớ được cái gì đó giống như một con dao xén ở nhà bếp. Đó là con dao mổ.
Lúc đó, Baudelio đã kịp hoàn hồn lại và lao về phía nàng. Nhìn thấy cánh tay đã tuột khỏi dây trói của Jessica, hắn cố gắng trói cánh tay ấy lại với sự giúp đỡ của Socorro. Nhưng Jessica đã nhanh hơn hắn. Trong cơn tuyệt vọng, nàng vung cái vật bằng kim loại lên chém loạn xạ, rạch vào mặt Baudelio rồi vào tay Socorro. Lúc đầu một đường mảnh màu đỏ xuất hiện. Sau đó, máu phun vọt ra. Baudelio nén đau đớn và cố trói lại cái cánh tay đang khua dữ đội. Miguel vội vàng lao tới, đánh tới tấp vào người Jessica rồi quay sang giúp Baudelio. Trong lúc đó máu từ vết thương của Baudelio nhỏ xuống người Jessica và xuống giường. Cuối cùng, bọn chúng cũng trói được tay nàng lại. Miguel lấy lại được con dao mổ. Và cho dù Jessica vẫn cố vùng vẫy, nhưng thật là vô vọng. Thật bại và bất lực, nàng oà lên khóc.
Tiếp đó lại đến một việc rắc rối nữa. Liều thuốc mê của Nicky cũng đang hết hiệu lực. Nghe thấy tiếng kêu và biết rằng mẹ đang ở bên mình, Nicky nhanh chóng tỉnh lại. Cậu bé cũng bắt đầu la hét, nhưng dù vùng vẫy rất mạnh, cậu cũng không thể thoát được những sợi dây trói.
Còn ông Angus bị tiêm thuốc mê sau hai người thì vẫn nằm bất động.
Lúc này, trong phòng trở nên ầm ỉ, rối loạn nhưng cả Baudelio và Socorro đều biết rằng phải lo vết thương của chúng trước tiên. Socorro dán một mảnh băng dính lên cánh tay bị rạch của ả rồi quay sang giúp Baudelio. Ả đặt một miếng gạc lên mặt Baudelio, nhưng chỉ lát sau nó đã ướt đẫm máu.
Đã bình tĩnh lại Baudelio khẽ gật đầu cảm ơn. Chỉ tay vào dụng cụ đã được bày biện, hắn lẩm bẩm: “Giúp tôi một tay”.
Socorro siết chặt lại sợi dây bên trên khuỷu tay trái của Jessica. Rồi Baudelio cắm một mũi tiêm vào tĩnh mạch dưới da và tiêm liều thuốc mê mà hắn đã chuẩn bị trước đó, Jessica nhìn

hắn, la hét, ra sức chống lại công dụng của liều thuốc cho tới khi hai mắt nàng díp lại và một lần nữa nàng lại mê man bất tỉnh. Baudelio và Socorro, quay sang Nicky và lại làm đúng như vậy. Cậu bé cũng ngừng bặt những tiếng kêu đau đớn và rũ xuống. Giây phút tỉnh táo ngắn ngủi của cậu đã chấm dứt.
Rồi để tránh việc ông già cũng tỉnh lại và gây nên những chuyện rắc rối, bọn chúng tiêm thêm một liều thuốc như thế cho ông.

Không tham gia vào công việc của hai người Miguel bỗng nổi cơn giận dữ. Hắn sỉ vả Baudelio "Đồ khốn kiếp, vô tích sự" – Hắn chửi rủa, mắt toé lên dữ tợn: "Đồ khốn! Anh có thể làm hỏng hết mọi việc. Anh có biết là anh đã gây nên chuyện gì không?".
"Tôi biết" – mặc dù đã có miếng gạc, mấu vẫn tiếp tục chảy ròng ròng trên mặt hắn. "Tôi đã định liều nhầm. Tôi xin hứa sẽ không để xả ra việc như thế này nữa".

Không thèm đáp, Miguel oai vệ bỏ ra ngoài, mặt đỏ bừng vì giận dữ.
Khi Miguel đã bỏ đi, Baudelio dùng một chiếc gương bỏ túi để xem xét vết thương bết máu của hắn. Ngay lập tức hắn nhận thức ra hai điều. Thứ nhất là hắn sẽ phải mang một vết sẹo dài suốt trên mắt trong quãng đời còn lại. Và điều thứ hai, quan trọng hơn, là vết thương đang há miệng cần được khép lại và khâu ngay lập tức. Trong tình cảnh của hắn lúc này, hắn không thể đến một bệnh viện hay nhờ một bác sĩ nào khác. Baudelio biết rằng hắn không còn cách lựa chọn nào khác hơn là tự khâu lấy, dù việc đó có khó khăn và gây đau đớn đến mức nào đi nữa. Socorro sẽ giúp hắn trong chừng mực có thể.

Cảm thấy mình đang dần dần đuối sức, Baudelio ngồi xuống trước gương và bảo Socorro mang túi thuốc thông dụng của hắn đến. Hắn chọn ra từ trong túi vài chiếc kim khâu, chỉ lụa và một loại thuốc tê tại chỗ là lidocaine.

Hắn giảng giải cho Socorro nghe công việc mà hắn và ả sẽ làm. Như mọi khi, ả không nói gì thêm ngoài mấy từ "được" hay "biết rồi". Rồi không nói gì thêm nữa, Baudelio bắt đầu tiêm lidocaine vào bên cạnh vết rách.

Công việc kéo dài gần hai tiếng đồng hồ, và mặc dù đã có thuốc tê trên vùng da đó, vết thương vẫn làm hắn run liên tục làm cho những mủi khâu không đều. Thêm vào đó là sự lúng túng vì bị ngược hình khi làm việc trước gương. Socorro đưa cho hắn những thứ hắn cần và một đôi lần, khi hắn gần như ngã gục, ả đã giúp hắn. Cuối cùng hắn cũng cố khâu xong vết thương, và mặc dù những mũi khâu vụng về sẽ làm cho vêt sẹo còn thảm hại hơn lúc ban đầu hắn tưởng, vết rạch trên má hắn cũng đã liền lại và hắn biết rằng vết thương rồi sẽ lành.

Sau cùng, ý thức rằng phần khó khăn nhất của công việc đã thoả thuận với Medellin và Sendero vẫn còn ở phía trước, và hắn cần nghỉ nghơi Baudelio tiêm cho mình 200 mg seconal và lăn ra ngủ.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 3

Vào khoảng 11 giờ 50 phút sáng, trong căn hộ ở Port Credit, Harry Partridge bật chiếc ti vi trong phòng khách để đón xem chương trình của trạm truyền hình Buffalo, một chi nhánh của hãng CBA New York. Làn sóng của các trạm truyền hình Buffalo chỉ phải đi có 60 dặm qua hồ Ontario mà không hề có một chướng ngại vật nào nên ở vùng Toronto này thu được rất rõ.

Vivien đã đi ra ngoài phố và đến tận xế chiều cô mới về nhà.

Partridge hy vọng rằng qua vô tuyến, anh sẽ biết thêm những tin mới nhất về vụ tai nạn của hãng hàng không Muskegon ở Dallas-Fort-Wort vào 11 giờ 55 phút, chương trình bỗng bị ngắt đột ngột bằng bản tin đặc biệt của hãng CBA.

Partridge cũng sửng sốt và kinh hoàng như mọi người khác. Liệu có đúng như vậy chăng, anh tự hỏi, hay chỉ là một sự lẫn lộn bất thường? Nhưng kinh nghiệm cho anh biết rằng hãng CBA không bao giờ đưa tin mà lại không bảo đảm tính xác thực của nó.

Trong khi quan sát vẻ mặt của Don Kettering trên màn ảnh và nghe phần tin tiếp theo, anh cảm thấy rằng, mạnh hơn tất thẩy, chính là mối quan tâm của cá nhân anh đối với Jessica. Và lẫn lộn với những tình cảm đó là tình bạn và sự cảm thông đối với Crawford Sloane. Đồng thời, Partridge hiểu rằng kỳ nghỉ của anh vừa mới bắt đầu sẽ chấm dứt sớm. Vậy nên không có gì đáng ngạc nhiên khi 45 phút sau, anh nhận được điện thoại yêu cầu anh trở về trụ sở của hãng CBA tại New York. Điều làm anh thực sự ngạc nhiên là chính Crawford Sloane gọi cho anh. Partridge nhận thấy rất rõ qua giọng nói là Sloane hầu như mất tự chủ. Sau vài lời mở đầu, Sloane nói: "Tôi vô cùng cần cậu, Harry ạ, Leslie và Chuck đang thành lập một đơn vị đặc biết, đơn vị này sẽ làm hai nhiệm vụ: đưa tin hàng ngày và điều tra riêng. Họ hỏi tôi muốn cử ai chịu trách nhiệm về vấn đề này. Tôi đã nói với họ tôi chỉ chọn một người duy nhất – đó là cậu".
Trong suốt những năm tháng mà anh và Sloane quen biết nhau, chưa bao giờ Partridge nhận ra rằng họ lại thân thiết với nhau như lúc này. Anh đáp:
"Được rồi, Crawf ạ. Tôi sẽ bay ngay chuyến tối".
"Cám ơn cậu, Harry. Vậy có người nào cậu cần cộng tác với không?".
"Có chứ. Tìm cho tôi Rita Abrams – bất kể cô ấy ở đâu, ở Minnesota hay đâu đó – và đưa cô ấy về. Cả Minh Văn Cảnh cũng như vậy".
"Nếu khi cậu đến nơi mà họ vẫn chưa về, cậu sẽ gặp họ ngay sau đó thôi. Còn ai nữa không?".
Partridge suy nghĩ rất nhanh rồi nói:

“Tôi cần Toddy Cooper ở London”.
“Cooper” – giọng Sloane ngỡ ngàng, nhưng rồi anh nhớ ra ngay: “Anh ta là người điều tra của chúng ta phải không?”.
“Đúng vậy”.
Toddy Cooper là một thanh niên người Anh, 29 tuổi, sản phẩm của cái mà người Anh gọi một cách trưởng giả là “của trường đại học gạch đỏ”, một người Cockney vui tính lẽ ra đã phát thành công bài Tôi và người yêu của tôi. Theo Partridge anh ta cũng gần như là một thiên tài trong việc biến công việc nghiên cứu thông thường thành cuộc điều tra của một thám tử và tiến hành nó với sự suy luận sắc sảo.
Trong thời gian làm việc ở châu Âu, Partridge đã phát hiện ra Cooper, lúc bấy giờ đang giữ một chân thủ thư nhỏ ở hãng phát thanh và truyền hình BBC của Anh. Partridge đã có ấn tượng tốt ngay vì cái cách nghiên cứu đầy sáng tạo mà Cooper đã làm cho anh. Sau đó, anh đã tìm cách đưa Cooper vào làm việc cho văn phòng của hãng CBA ở London với tiền lương và viễn cảnh tốt đẹp hơn.
“Được, cậu sẽ có cả cậu ta nữa”. Sloane trả lời. “Cậu ta sẽ bay từ Anh sang ngay chuyến bay của chiếc Concordes tới đây”.
“Nếu cậu thấy có thể được”, Partridge nói, “tôi muốn hỏi cậu vài điều, để tôi còn có cái mà nghĩ trên đường về”.
“Cậu cứ hỏi”.
Tiếp theo đó là những câu hỏi gần giống như những câu tay nhân viên FBI Havelock đã hỏi. Có lời đe doạ nào không?... Có sự phản đối đặc biệt nào không? Có chuyện gì bất thường không? Có nhận định gì không? Dù xa xôi nhất, như thể là ai đó?... Liệu có tin tức gì đã biết mà chưa được công bố không?
Việc hỏi han là cần thiết, nhưng tất cả các câu trả lời đều là không.
“Thế cậu đã nghĩ ra được điều gì chưa? – Partridge vẫn hỏi gặng: “Một sự việc nhỏ nhặt nào đấy mà có lẽ lúc đó cậu đã bỏ qua hay hầu như không nhận thấy nhưng lại có thể có liên quan tới những điều đã xảy ra?”.
“Câu trả lời lúc này vẫn là không”, Sloane nói, “nhưng tôi sẽ suy nghĩ về việc đó”.
Sau khi họ bỏ máy, Partridge quay sang chuẩn bị cho chuyến đi. Trước khi Sloane gọi điện tới, anh đã bắt đầu sắp xếp chiếc vali mà anh vừa mới dỡ ra một giờ trước đó. Anh gọi điện cho hãng hàng không Canada, đăng ký chuyến bay 2 giờ 45 phút từ sân bay quốc tế Pearson của Toronto. Nó sẽ hạ cánh xuống sân bay La Guardia ở New York lúc bốn giờ chiều. Sau đó, anh gọi một chiếc taxi đến đón mình sau 20 phút.
Khi đã sắp xếp xong xuôi, Partridge viết nguệch ngoạc mấy lời tạm biệt cho Vivien. Anh biết rằng cô sẽ thất vọng trước sự ra đi đột ngột của anh. Ngay chính anh cũng vậy. Cùng với lá thư anh còn để lại một tấm ngân phiếu rất hào phóng dùng cho việc trang hoàng lại căn hộ họ đã bàn bạc với nhau.
Trong lúc tìm một chỗ để lá thư và tờ ngân phiếu, một hồi chuông dưới nhà vang lên. Chiếc taxi anh gọi đã tới.
Vật cuối cùng anh nhìn thấy trước khi ra đi là những chiếc vé của buổi hoà nhạc Mozart ngày hôm sau nằm trên tủ. Anh buồn rầu nghĩ rằng tất cả những cái đó – cũng như những chiếc vé và những lời mời mà anh đành bỏ trước kia – chẳng biểu hiện một cái gì khác hơn là cuộc sống bất định của một phóng viên vô tuyến truyền hình.

Chuyến bay liền chặng không nghỉ của hãng hàng không Canada trên một chiếc Boeing 727 với toàn bộ chỗ ngồi đồng hạng ba. Vì máy bay ít khách nên Partridge có được thêm ba ghế nữa cho mình. Anh đã hứa với Sloane là trên đường tới New York sẽ để tâm suy đến vụ bắt cóc và vạch ra phương hướng mà anh và nhóm điều tra của hãng CBA sẽ tiến hành. Nhưng những thông tin mà anh có được lại quá ít ỏi, nên anh cần có thêm thông tin. Vì vậy, một lúc sau anh bỏ ý định vạch phương hướng, và nhấm nháp cốc rượu mạnh anh để cho dòng suy nghĩ của mình tự do bay bổng.

Anh suy ngẫm, ở một mức độ rất riêng tư, về Jessica và về bản thânh anh.

Kể từ ngày ở Việt Nam về, anh đã trở nên quen với ý nghĩ rằng Jessica chỉ thuộc về anh trong dĩ vãng, rằng nàng là người anh đã từng yêu nhưng không còn phù hợp với anh nữa và trong một chừng mực nào đó, ở quá xa tầm tay anh. Partridge nhận ra ở một mức độ nhất định, rằng suy nghĩ của anh là suy nghĩ của một kẻ tự bó mình lại để chống lại cảm giác thương hại cho bản thân mình, cái cảm giác mà anh ghét cay ghét đắng.

Nhưng giờ đây, vì Jessica đang gặp nguy hiểm, anh đành phải thú nhận với mịnh rằng anh vẫn luôn nghĩ đến nàng. Hãy nhìn thẳng vào vấn đế: anh vẫn còn đang yêu nàng. Và không phải là một bóng hình trong tâm tưởng, mà là một người bằng xương bằng thịt đang sống, có thật.

Vì thế, cho dù vai trò của anh trong việc tìm kiếm là gì đi chăng nữa – mà chính Crawf đã yêu cầu anh giữ vai trò chủ yếu – Harry Partridge biết rằng tình yêu của anh với Jessica sẽ thúc đẩy anh và khiến anh vững vàng hơn, ngay cả khi anh vẫn giấu kín tình yêu ấy, để nó âm ỉ cháy trong anh.

Rồi, cùng với cái mà anh nhận ra là một thoáng mỉa mai, anh tự hỏi mình: “Có phải ta không chung thuỷ không?”.

Không chung thuỷ với ai? – Dĩ nhiên là với Gemma, người đã mất. Ôi Gemma thân yêu! Sáng sớm hôm nay khi anh nhớ ra một ngoại lệ cho cái khả năng không còn có thể khóc của anh, anh đã để cho những hồi ức về cô len vào trong tâm trí. Nhưng anh đã vội xua đuổi chúng đi như những thứ mà anh không thể chịu đựng nổi. Nhưng giờ đây, những ý nghĩ về Gemma lại đang dồn dập trở về. “Nàng sẽ mãi mãi trở về” – anh nghĩ.

* * *

Vài năm sau chuyến công vụ của Partridge ở Việt Nam và sau một vài lần bị phân công tới những nơi khó khăn khác nữa, hãng CBA cử anh làm phóng viên thường trú ở Rome. Anh đã ở đó gần năm năm.

Trong nghề làm truyền hình, việc được phân công tới Rome được coi là một cơ hội béo bở. Mức sống ở đó cao, giá cả vừa phải so với các thành phố lớn khác, và cho dù mọi sự dồn ép và căng thẳng không tránh khỏi về công việc từ New York đổ tới, nhịp điệu cuốc sống ở đây vẫn thoải mái và dễ dàng.

Cùng với việc đưa các bản tin địa phương và một đôi lần lang thang đi chơi xa, Partridge đưa tin chủ yếu về Toà thánh Vatican. Nhiều lần anh cũng đã đi trên chiếc máy bay của Toà thánh tháp tùng Giáo hoàng John Paul II trong những chuyến đi nước ngoài của Ngài.

Cũng chính trong một chuyến đi của Toà thánh như thế, anh đã gặp Gemma.

* * *

Partridge vẫn thường cảm thấy buồn cười khi những người ngoài cuộc cho rằng một chuyến đi trên máy bay của Toà thánh là một dịp thực tập các nghi lễ và sự chừng mực.

Sự thực thì hoàn toàn không phải thế. Cụ thể hơn là trong khoang của các nhà báo ở phía cuối

máy bay, sự thật lại hoàn toàn ngược lại. Bao giờ cũng có rất nhều tiệc tùng và ăn uống – rượu uống không hạn chế, không mất tiền và trong những chuyến bay dài thâu đêm, những chuyện tình ái không phải là không có.
Partridge đã từng được nghe một anh bạn phóng viên kể về một chuyến bay của toà thánh, nghĩa là có đủ thứ suốt trên con đường từ địa ngục tới thiên đàng – như trong địa ngục của Dante. Bất cứ trong chuyến đi nào cũng vậy, ở phía đầu máy bay là môt khoang lớn rộng rãi dành cho Giáo hoàng. Bên trong có một cái giường và hai ghế trường kỷ lớn đầy đủ tiện nghi, cũng có khi là ba cái. Khoang tiếp theo dành cho những nhân viên cấp cao trong đoàn tuỳ tùng của Giáo hoàng. Ngoại trưởng của Ngài, vài vị Hồng y giáo chủ, bác sĩ riêng của giáo hoàng, thư ký và người hầu phòng. Rồi, sau một bức tường ngăn nữa là đến khoang của các linh mục và các tu sĩ cấp thấp hơn.
Ở giữa các khoang phía trước của máy bay, và cũng tuỳ từng loại máy bay, thường có một khoảng trống, nơi để tất cả những quà tặng mà Giáo hoàng nhận được trong chuyến đi của mình. Tất nhiên phải rất nhiều thứ và rất đắt tiền.
Cuối cùng là khoang dành cho các phóng viên. Loại ghế ở đây là dành cho khách du lịch, nhưng với sự phục vụ hạng nhất, rất nhiều tiếp viên hàng không, còn thức ăn và rượu thì tuyệt hảo. Các phóng viên cũng được nhận những món quà rất lớn, thường thường là của các hãng hàng không có liên quan, nhất là hãng Alitalia của Italia. Các hãng hàng không rất nhanh nhạy trong việc quảng cáo thường nhận ra ngay một dịp như vậy là một cơ hội quảng cáo tốt.
Còn về phía các phóng viên, họ là một nhóm trung bình xét về mặt nghề nghiệp, một hỗn hợp quốc tế các phóng viên báo chí, truyền hình và đài phát thanh của tất cả các nước trên thế giới: các phóng viên truyền hình còn đi cùng đội quay của họ, tất cả đều có những mối quan tâm thông thường, một sự hoài nghi thông thường và đôi khi còn thiên về những hành vi thiếu tôn kính. Trong khi không một hãng truyền hình nào dám thừa nhận điều đó một các công khai, họ vẫn thích các phóng viên làm tin về vấn đề tôn giáo, chẳng hạn như về một chuyến đi của Toà thánh, là những người không bị ràng buộc sâu sắc với một tín ngưỡng nào cả. Họ sợ rằng, một tín đồ tôn giáo sẽ đưa về những bản tin chán ngắt. Người ta thích một chủ nghĩa hoài nghi lành mạnh hơn.
Harry Partridge là người đáp ứng được yêu cầu đó.
Khoảng bảy năm sau những chuyến đi của anh với Toà thánh, Partridge rất ngưỡng mộ một bài viết năm 1987 của Judd Rose phóng viên của hãng ABC, về chuyến đi của Giáo hoàng John Palu II tới Los Angeles, Rose đã thành công trong việc đặt một đường phân định khó thấy giữa một tin tức hóc búa và sự hoài nghi triết học vào bài bình luận của anh ta.
** * **
Partridge phải thừa nhận là Rose đã nói hoàn toàn đúng về những cơ hội ngắn ngủi có thể phỏng vấn Giáo hoàng trên chuyến bay của Toà thánh. Thực ra nếu không có một cuộc trao đổi hỏi và đáp ngắn ngủi đó thì câu chuyện giữa anh và Gemma có lẽ đã không bao giờ có...
Đó là một trong những chuyến đi dài ngày của Giáo hoàng tới gần 12 nước ở Trung Mỹ và Caribe, trên chiếc máy bay Alitalia DC-10. Họ đã bay suốt cả đêm hôm đó, và sáng hôm sau, khoảng hai giờ trước khi hạ cánh, Giáo hoàng đột ngột xuất hiện trong khoang báo chí ở phía cuối. Người ăn mặc giản dị - một chiếc áo thầy tu trắng, mũ chụp trên đầu và chân đi một đôi dép lê màu nâu – một bộ trang phục thường lệ, khi không phải mặc lễ phục trong các buổi Ngài làm lễ. Giáo hoàng dừng lại gần Harry Partridge với vẻ mặt trầm ngâm. Trong khoang báo chí, ánh

đèn của máy quay phim đã bật sáng, nhiều phóng viên đã bật máy thu.
Partridge đứng dậy và với hy vọng gây không khí thuận lợi cho một cuộc nói chuyện truyền hình, anh lễ phép hỏi: "Thưa Đức giáo hoàng, Ngài ngủ ngon chứ ạ?".
Giáo hoàng mỉm vười và trả lời: "Rất ít".
Kinh ngạc, Partridge hỏi tiếp: "Rất ít ư, thưa ngài! Vài giờ thôi ạ?".
Không có tiếng trả lời, chỉ có một cái lắc đầu hè nhẹ. Dù Giáo hoàng John Paul là một nhà ngôn ngữ học hoàn hảo biết nhiều thứ tiếng, đôi khi ngài vẫn nói tiếng Anh không chuẩn.
Partridge hoàn toàn có thể nói bằng tiếng Italia trôi chảy, nhưng anh lại muốn có được những lời nói của Giáo hoàng bằng thứ tiếng của những khán giả hãng CBA.
Anh quyết định thử hỏi một vài câu có giá trị tin tức hơn. Nhiều tuần nay, người ta đã thảo luận về khả năng một chuyến đi của Toà thánh tới nước Nga.
"Thưa ngài, Ngài có muốn tới thăm nước Nga không ạ?".
Lần này là một lời đáp rõ ràng: "Có". Rồi giáo hoàng nói thêm: "Người Ba Lan và người Nga, đều là những người Slavs. Nhưng họ cũng là những thần dân của ta…".
Không kịp để cho ai nói thêm điều gì, Giáo hoàng quay lưng lại và bước trở về phòng riêng của mình ở đầu máy bay.
Trong đám phóng viên nổi lên những rì rầm bằng nhiều thứ tiếng về câu hỏi và câu trả lời. Các nhân viên phục vụ của hãng Alitalia đang chuẩn bị bữa ăn sáng cũng ngừng tay và lắng nghe chăm chú. Một người nhà báo hỏi: "Các anh có nghe Ngài nói gì không – nô lệ!".
Partridge đưa mắt nhìn ngườiquay phim và người phụ trách âm thanh. Cả hai đều gật đầu. Anh chàng kỹ thuật viên âm thanh nói: "Chúng tôi cũng nghe thấy như vậy".

Một người khác đang bật lại băng ghi âm. Từ "Slaves" nghe rất rõ.
Một phóng viên của một hãng tin Anh nới với vẻ nghi ngờ: "Đức ngài muốn nói "Slavs". Chính Ngài cũng là người Slaves. Đó là điều chính xác".
"Từ "nô lệ" (Slaves) làm cho câu chuyện trở nên đáng lưu ý hơn", - một giọng khác chen vào.

Quả thực như vậy, Partridge cũng biết điều đó. Việc đưa tin thông thường cách diễn đạt từ "Slaves" sẽ gây nên một sự tranh luận trên toàn thế giới, thậm chí có thể tạo ra những tình huống thời sự quốc tế rắc rối, với những lời buộc tội và lời qua tiếng lại giữa Cremli, Varsava và Vatican. Giáo hoàng sẽ cảm thấy lúng túng, mà điều này sẽ làm hỏng chuyến đi thắng lợi của Ngài.

Partridge là một phóng viên lớn tuổi, dày dạn kinh nghiệm trong nghề và được các bạn đồng nghiệp kính trọng. Một số người coi anh như người hướng dẫn. Anh suy nghĩ rất nhanh. Đây là một câu chuyện nóng hổi, một điều ít khi xảy ra trong một chuyến đi của Toà thánh. Có thể không bao giờ có một chuyện thứ hai như thế. Khuynh hướng của anh, một người hoài nghi, là tận dụng nó. Mà tuy vậy sự hoài nghi cũng không trùm lấp sự lịch thiệp thông thường: và một đôi lần trong công việc, đạo đức nghề làm báo thực sự có tác dụng.

Sau khi đã quyết định, Partridge nói ra để mọi người cùng nghe: "Ngài muốn nói Slavs. Rõ ràng là như vậy. Nhưng tôi sẽ không dùng đến nó".
Không tranh cãi gì thêm nữa, không ai tỏ ra tán thành hay đồng ý, nhưng sau đó, rõ ràng cũng

không ai đưa câu chuyện này lên mặt báo.
Khi các phóng viên và kỹ thuật viên trở về chỗ ngồi, các nhân viên hãng Alitalia lại tiếp tục làm việc. Khi chiếc khay đựng bữa ăn sáng của Partridge được mang đến, trên đó có một thứ rất lạ, không dành cho những người khác – một lọ hoa nhỏ bằng thuỷ tinh cắm duy nhất một bông hồng. Partridge nhìn cô chiêu đãi viên trẻ đang mỉm cười trong bộ đồng phục may hai màu xanh lá cây và đen, người đã mang chiếc khay tới. Trước đó, anh đã để ý tới cô mấy lần và nghe các nhân viên khác gọi cô là Gemma. Nhưng lúc này, anh bỗng cảm thấy nghẹn thở vì cô ở quá gần anh, và trong giây lát lưỡi anh ríu lại.

Mãi cho đến sau này, đặc biệt là những lúc mà anh cảm thấy cô đơn ghê gớm, anh vẫn thường nhớ tới Gemma trong cái giây phút kỳ diệu đó – 23 tuổi, xinh đẹp, với mái tóc đen, dài lộng lẫy, đôi mắt nâu lấp lánh, vui tươi trước cuộc đời như bông hoa giữa buổi sớm mai thơm ngát, trong bầu không khí trong lành của mùa xuân trên sườn đồi xanh tươi dưới ánh nắng mặt trời rực rỡ.

Với vẻ bối rối bất thường, anh chỉ tay vào bông hồng. Sau này anh mới biết rằng cô đã lấy nó trong phòng của Giáo hoàng. Lúc đó anh hỏi: "Tại sao lại dành cho tôi?".
Cô mỉm cười với anh, và với chất giọng nhẹ nhàng của người Italia, cô nói: "Em mang nó đến vì anh là một người tốt bụng và ngọt ngào. Em thích anh".
Ngay cả anh cũng cảm thấy câu trả lời của anh có vẻ không đầy đủ và tầm thường: "Tôi cũng thích cô".

Nhưng dù nó tầm thường hay không đi chăng nữa, trong giây phút ngắn ngủi đó, tình yêu mãnh liệt và lâu dài của anh với Gemma đã bắt đầu.

Partridge đưa dòng suy nghĩ của mình về với thực tại một lúc trước khi chuyến bay của hãng hàng không Canada hạ cánh xuống New York. Anh là người đầu tiên ra khỏi máy bay và sải bước vội vã qua lối cửa ra La Guardia. Chỉ có hành lý xách tay, anh có thể rời sân bay nhanh chóng và gọi taxi về trụ sở hãng CBA.

Anh vào thẳng phòng của Chuck Insen nhưng thấy phòng bỏ không. Một nhân viên cấp cao ở Vành móng ngựa gọi anh: "Xin chào! Harry, Chuck đang dự cuộc họp báo dành cho Crawf. Mọi cái đang được ghi lại. Anh có thể theo dõi được đấy. À, nhân tiện nếu chưa ai nói gì với anh, tối nay Crawf sẽ không đưa tin. Anh sẽ phải thực hiện chương trình đó".

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 4

Tối hôm đó, trong nơi ẩn náu của nhóm Medellin tại Hackensack, Miguel vặn máy thu thanh nghe một đài phát thanh toàn tin tức. Cùng với vài tên khác, hắn còn theo dõi tin truyền hình qua chiếc vô tuyến xách tay, liên tục chọn các chương trình thời sự đang đưa tin về vụ bắt cóc thân nhân Sloane.

Cho dù có sự quan tâm sâu sắc, rõ ràng là cho đến nay người ta hầu như chưa biết điều gì về lai lịch và động cơ của bọn bắt cóc. Ngay cả các nhà thi hành luật pháp cũng chẳng biết gì về con đường bọn chúng tẩu thoát hoặc bất kỳ địa danh cụ thể mà lũ bắt cóc và nạn nhân của họ đang trú ngụ. Một số tin cho rằng họ có thể ở cách New York khá xa. Những tin khác lại đưa ra chứng cớ là một số xe ô tô khả nghi đã bị giữ lại ở các trạm kiểm soát trên đường ở mãi tận các bang Ohio, Virginia và biên giới Canada. Kết quả là cảnh sát đã bắt giữ nhiều tội phạm nhưng không tên nào dính dáng đến vụ bắt cóc những người trong gia đình Sloane.

Những mô tả về chiếc xe Nissan chở khách mà mọi người tin rằng lũ bắt cóc đã sử dụng vẫn còn tiếp tục lan truyền. Điều đó có nghĩa là chiếc xe do Carlos bỏ lại tại White Pleins chưa bị phát hiện. Carlos đã trở về Hackensack an toàn cách đây mấy tiếng.

Miguel và đồng bọn có cảm giác khoan khoái, mặc dù bọn chúng biết rằng lực lượng cảnh sát trên khắp khu vực Bắc Mỹ đang truy lùng chúng và sự an toàn của chúng chỉ là tạm thời. Đề phòng những mối nguy hiểm còn đang đe doạ, Miguel đã bố trí canh phòng nghiêm ngặt. Ngay giờ đây Luis và Julio đang đi tuần bên ngoài cùng với những khẩu súng tiểu liên Beretta, luôn ẩn trong bóng tối của khu nhà chính và các khu phụ.

Miguel biết rằng nếu người ta phát hiện ra nơi ẩn náu của chúng và nếu cảnh sát dùng vũ lực xông vào, thì rất ít cơ hội cho bất cứ ai trong lũ chúng thoát được. Trong trường hợp đó, thì những mệnh lệnh chủ yếu phải được tuân thủ không một nạn nhân bị bắt cóc nào còn sống mà trở về cả. Điều thay đổi duy nhất đối với lệnh đó là ba nạn nhân chứ không phải là hai.

Trong số những bản tin truyền hình trên mọi hệ thống mà hắn đang xem, Miguel quan tâm nhất tới bản tin tối của hãng CBA. Hắn thấy khoái chí vì Crawford Sloane không còn giữ vị trí phát thanh viên thường lệ nữa – thay thế vị trí này là một gã tên là Partridge mà Miguel mơ hồ nhớ là đã gặp ở đâu đó. Tuy nhiên Sloane đã trả lời phỏng vấn truyền hình và xuất hiện trên một cuộc họp báo vừa mới được tở chức.

* * *

Đông đảo phóng viên báo chí, truyền hình và phát thanh đã dự cuộc họp báo này, cùng với đội quay phim và ghi âm. Cuộc họp báo được tổ chức tại một toà nhà khác của hãng CBA, cách trụ sở phát tin một khu nhà. Trong một phòng bá âm, người ta vội vã đưa ghế xếp vào, mọi ghế đều chật kín, nhiều người phải đứng.

Không có sự giới thiệu theo nghi thức và Crawford Sloane bắt đầu bằng một lời phát biểu ngắn gọn. Anh bày tỏ nỗi kinh ngạc và niềm lo lắng, rồi kêu gọi giới báo chí và công chúng xem có tin gì có thể giúp anh tìm ra nơi vợ, con trai và cha anh đang bị giữ cùng những kẻ giữ họ. Anh thông báo rằng trung tâm điện thoại của hãng CBA với đường dây Wats đã được thiết lập để nhận thông tin. Trung tâm này có những kỹ thuật viên và một giám sát viên điều khiển.
Một giọng nói phản đối: "Thế nào cũng chỉ có những tin vớ vẩn thôi!".
Sloane trả lời: "Chúng tôi phải sử dụng mọi cơ may. Tất cả chúng tôi cần là một tin xác thực. Nhất định một ai đó, ở đâu đó có tin này".
Trong lúc phát biểu, Sloane phải dừng lại hai lần để kiềm chế sự xúc động trong giọng nói của mình. Lần nào anh cũng nhận được một sự im lặng thông cảm. Ngày hôm sau, một bài báo trên tờ Thời báo Los Angeles đã mô tả anh là "có khí phách và gây ấn tượng trong tình huống bi đát này".
Sloane tuyên bố sẵn sàng trả lời phỏng vấn.
Thoạt đầu sự hỏi han biểu lộ nỗi cảm thông. Nhưng rồi, một số phóng viên báo chí giáng những câu hỏi hóc búa hơn:
Một nữ ký giả của hãng AP hỏi: "Ông có cho rằng có thể gia đình ông đã bị bọn khủng bố ngoại quốc bắt giữ như một số người đã đồn đại không?".
Sloane lắc đầu: "Nghĩ tới điều đó bây giờ là quá sớm".
AP phản bác: "Ông lẩn tránh câu hỏi. Tôi hỏi là ông có cho rằng có khả năng đó hay không?".
Sloane nhượng bộ: "Tôi giả thiết là có thể".
Một ai đó ở đài truyền hình địa phương hỏi một câu rất nhạt "Ông cảm thấy thế nào về vụ này?".
Ai đó rên lên và Sloane muốn đáp lại: "Cảm thấy cái quái gì cơ chứ?". Nhưng anh lại trả lời: "Dĩ nhiên tôi mong rằng đây không phải là sự thật".
Một phóng viên tóc đã bạc, trước đây làm cho hãng CBA, giờ đang làm cho hãng CNN, giơ cao cuốn sách do Sloane viết lên: "Anh có còn tiếp tục tin điều anh đã viết trong cuốn này, là "những con tin có thể bị hy sinh", và anh vẫn phản đối việc trả tiền chuộc – dù là "trực tiếp hay gián tiếp" hay không?".
Sloane đã dự đoán trước câu hỏi này nên trả lời: "Tôi không tin rằng bất cứ người nào đang lâm vào tình trạng của tôi lúc này lại có thể khách quan về điều đó".
Phóng viên CNN nài nỉ:
"Thôi mà, Crawf nếu anh đang đứng ở vị trí của tôi, anh không để cho ai thoát câu trả lời này. Tôi đặt lại câu hỏi theo cách khác: Anh có ân hận là đã viết những lời đó không?".
"Vào lúc này, - Sloane nói – tôi chỉ mong rằng người ta không trích dẫn những lời đó để làm hại bản thân tôi".
Một giọng khác vang lên: "Giờ đây không có ai sử dụng những lời đó để làm hại ông. Tuy nhiên, đấy vẫn chưa phải là câu trả lời".
Một nữ ký giả thuộc chương trình tạp chí truyền hình ABC cất giọng lanh lảnh: "Tôi chắc chắn là ông ý thức được rằng lời ông tuyên bố về chuyện những con tin Mỹ có thể hy sinh được đã gây nên một sự thất vọng to lớn đến nhường nào đối với các gia đình có thân nhân đang bị giam giữ ở Trung Đông. Lúc này ông có thể thông cảm hơn với những gia đình đó không?".
"Trước đây tôi vẫn luôn luôn thông cảm với họ", Sloane nói, "nhưng lúc này chắc là tôi hiểu rõ hơn nỗi lo âu của họ".

“Có nghĩa điều ông đã viết là sai lầm”.
“Không, - anh trầm giọng nói, - tôi không nói như vậy”.
“Vậy nếu vấn đề tiền chuộc được đặt ra, ông sẽ cương quyết bác bỏ”.
Anh giơ hai tay lên vô vọng: “Bà đang yêu cầu tôi tuyên bố về một điều chưa xảy ra. Tôi sẽ không làm chuyện ấy”.
Tuy chẳng thích thú gì với cuộc họp báo, trong thâm tâm Sloane nhận thức rằng trước đây trong bao nhiêu cuộc họp báo bản thân anh cũng đã từng đưa ra bao câu hỏi hắc búa kiểu đó.
Phóng viên News Dan đưa ra một câu hỏi kỳ cục: “Người ta không biết gì lắm về cậu con trai Nicholas của ông, thưa ông Sloane?”.
“Đó là vì chúng tôi muốn có một cuộc sống gia đình riêng tư. Thực tế là vợ tôi muốn vậy”.
“Bây giờ thì không còn là việc riêng tư nữa”, phóng viên này nói toạc ra. “điều tôi được biết là Nicholas là một nhạc công tài năng và có thể sẽ trở thành nghệ sĩ piano một ngày nào đó. Có đúng vậy không?”.
Sloane biết rằng trong những trường hợp khác Jessica sẽ phản đối các câu hỏi kiểu đó. Dù sao thì lúc này anh cũng không có cách nào tránh né. “Đúng là con trai chúng tôi rất yêu âm nhạc, từ khi cháu còn nhỏ, và các giáo viên đều nói rằng cháu rất tiến bộ so với độ tuổi của cháu. Còn việc cháu có trở thành nghệ sĩ piano hay không thì chỉ có thời gian mới trả lời được”.
Một lúc sau, khi các câu hỏi có vẻ đã tạm lắng xuống, Leslie Chippingham bước lên và tuyên bố kết thúc cuộc họp báo.
Ngay lập tức Sloane bị một số người vây lấy để bắt tay và chúc gặp may mắn. Rồi, anh tìm cách lẩn thật nhanh ra ngoài.
* * *
Sau khi xem xong mọi tin tức cần thiết, Miguel tắt vô tuyến và nghiền ngẫm tỉ mỉ những điều hắn biết.
Thứ nhất là cả nhóm Medellin lẫn băng Sendero Luminoso đều không hề bị nghi ngờ là đã dính vào vụ bắt cóc. Về mặt này, thế là đỡ lo. Điều thứ hai, cũng tốt không kém, là việc không có bất cứ sự nhận dạng nào về bản thân hắn cũng như sáu tên đồng bọn của hắn. Nếu nhà cầm quyền đã có được lời mô tả nào đó, thì chắc hẳn bây giờ họ đã phải loan báo khắp nơi.
Với lập luận đó, Miguel cho rằng những bước sắp tới sẽ bớt nguy hiểm hơn.
Hắn cần thêm tiền, và để có tiền tối nay, hắn phải gọi điện để thu xếp một cuộc gặp tại trụ sở Liên hợp quốc hoặc ở gần đó vào ngày mai.
Trước đây, việc đưa đủ tiền vào hoạt động ở Mỹ là một vấn đề. Sendero Luminoso, tổ chức tài trợ cho phi vụ này, để rất nhiều tiền ở Peru. Điều khó khắn là làm sao phá vỡ được luật lệ kiểm soát đổi tiền của Peru và đưa được đô la vào New York, đồng thời giữ được thật bí mật mọi hoạt động của đồng tiền từ nguồn của nó, chặng đường đi và nơi đổi.
Điều này đã được thực hiện hết sức khôn khéo, nhờ sự giúp đỡ của một đồng minh của Sendero hiện đang giữ một chức vụ cao trong ngành ngân hàng ở Lima, Peru cùng với kẻ đồng mưu với hắn ở New York là một nhà ngoại giao Peru, trợ lý cao cấp của đại sứ Peru tại Liên hợp quốc.
Tổng số ngân quỹ cho phi vụ này đã được chuyển vào theo dự tính của Sendero và Medellin là 850.000 đô la. Số tiền này bao gồm trả tiền công, tiền đi lại ăn ở, thuê một trụ sở bí mật, mua sáu chiếc xe, cung cấp thuốc men, quan tài, trả tiền thuê bọn ở khu tiểu Colombia thuộc quận Queens, cất giấu nguồn cung cấp và vũ khí, khoản tiền hoa hồng về việc chuyển tiền ở Peru và

New York, cộng thêm thiền đút lót cho một nữ nhân viên ngân hàng Mỹ. Có thể còn bao gồm cả giá vận chuyển những người bị bắt từ Mỹ sang Peru bằng máy bay tư.
Hầu hết những khoản chi phí ở New York Miguel đều rút tiền mặt qua nguồn Liên hợp quốc. Cách thực hiện là vị phụ trách ngân hàng Lima đã lén chuyển khoản ngân quỹ do Sendero Luminoso giao cho ông ta thanh đô la Mỹ, mỗi lần 50.000 đô la. Rồi ông ta chuyển cho một ngân hàng ở New York tại quảng trường Dag Hamarskjold cạnh trụ sở Liên hợp quốc, nơi mà tiền được đưa vào một tài khoản phụ đặc biệt của phái đoàn Peru tại Liên hợp quốc. Chỉ có Jose Antonnio Salaverry, trợ lý tin cẩn của ngài đại sứ Peru tại Liên hợp quốc, biết sự tồn tại của tài khoản này và có quyền ký séc lĩnh tiền. Một người nữa là Helga Efferen, nữ trợ lý quản trị ngân hàng, đích thân phụ trách tài khoản đặc biệt này.
Jose Antonnio Salaverry là một người bí mật ủng hộ Sendero, tuy anh ta không tham gia vào việc gì ngoài việc chuyển ngân quỹ. Helga thường xuyên ngủ với anh chàng gián điệp hai mang Salaverry và cả hai sống xa hoa vượt quá khả năng của họ, tiệc tùng thường xuyên và theo kịp lối vung tiền như rác của đám ngoại giao Liên hợp quốc. Vậy nên họ rất nhiệt tình với khoản tiền kiếm thêm được bằng cách lén lút chuyển ngân quỹ.
Bất kỳ khi nào Miguel cần tiền, hắn lại gọi điện cho Salaverry và báo số lượng. Sau đó hắn thu xếp cuộc gặp vào một hoặc hai ngày sau đó, thường là tại trụ sở Liên hợp quốc, đôi khi ở nơi khác. Lúc đó Salaverry sẽ đem theo một cặp ngoại giao đựng đầy tiền. Miguel sẽ xách chiếc cặp đó đi.
Chỉ có một điều làm Miguel phiền lòng. Có một lần Salaverry buột miệng nói rằng trong khi anh ta không biết rõ mục đích chi tiêu tiền hoặc nơi ẩn náu của Miguel và đồng bọn của hắn trong nhóm Medellin, anh ta có một ý niệm khá rõ về mục tiêu của bọn chúng. Điều này khiến Miguel đoán rằng có thể có sự rò rỉ an ninh ở Peru. Hắn không thể làm gì được với chuyện này, nhưng hắn thấy lo ngại về các cuộc tiếp xúc với Jose Antonnio Salaverry.
Miguel liếc mắt nhìn chiếc điện thoại lưu động đặt bên cạnh. Hắn thoáng có ý định dùng ngay máy này, nhưng hắn biết là không nên và phải đi ra ngoài. Trong một tiệm cà phê cách đó chừng tám khu nhà có một trạm điện thoại công cộng mà trước đây hắn thường dùng. Hắn xem giờ: bảy giờ 10 phút tối. May ra thì Salaverry giờ này đang ở trong khu nhà ở trung tâm Manhattan của anh ta.
Miguel choàng áo khoác và bước đi vội vã, luôn đưa mắt nhìn quanh xem có dấu vết của một hoạt động gì đó khác lạ ở trong lhu vự này chăng. Không hề có.
Trong khi bước đi hắn lại nhớ tới cuộc họp báo đã được truyền hình về vụ của Crawford Sloane. Miguel rất chú ý đến việc người ta đã đề cập đến một cuốn sách do Sloane viết, trong đó có lời tuyên bố là không bao giờ trả tiền chuộc và rằng "con tin có thể hy sinh được". Miguel không hề biết tới cuốn sách này và hắn đoán rằng là Medellin và Sendero Luminoso cũng không hề biết. Dù sao thì hắn cũng cho rằng dù có biết trước những điều viết trong sách đi nữa, việc bắt cóc gia đình Sloane cũng không ảnh hưởng, vì điều người ta viết ra để in với điều người ta cảm thấy và hành động trong đời thường khác xa nhau. Nhưng dù sao thì bây giờ mọi thứ đều không thể làm lại.
Một tin thú vị khác do cuộc họp báo đưa ra là thằng nhóc con của hai vợ chồng Sloane có thể sẽ là một nhà piano tương lai. Chưa có ý định rõ ràng là hắn sẽ sử dụng điều này vào việc gì, Miguel cứ để những mẩu quặng thông tin này yên đó đã.
Khi Miguel bước vào hiệu cà phê, hắn chỉ thấy vài người trong đó. Hắn tiến tới điện thoại đặt ở

phía sau quán, và quay những con số hắn đã nhớ rất kỹ. Sau ba hồi chuông Salaverry trả lời "Alo", hắn mới nói bằng giọng Tây Ban Nha nặng trịch, Miguel lấy móng tay gõ ba tiếng vào miệng ống nghe, một dấu hiệu của riêng hắn. Rồi hắn nói tiếp thì thầm: "Tối mai. Năm mươi hòm". Một "hòm" có nghĩa là một nghìn đô la.
Hắn nghe thấy một tiếng thở hổn hển thốt ra ở đầu dây bên kia. Giọng đáp đầy vẻ sợ hãi: "Tối nay sao anh lại gọi đến đây? Anh đang ở đâu vậy? Liệu đường dây có bị theo dõi không?".
Miguel đáp vẻ khinh bỉ: "Anh cho rằng tôi là một thằng ngu chắc?". Đồng thời hắn nhận ra rằng Salaverry gắn hắn vào những sự kiện của ngày hôm nay; do đó gặp gỡ hắn sẽ rất nguy hiểm. Nhưng không có cách nào khác. Hắn cần tiền mặt để mua bao nhiêu thứ, còn có cả việc mua thêm một chiếc áo quan cho Angus Sloane. Miguel cũng biết rằng còn khá nhiều tiền trong tài khoản tại New York và hắn muốn lấy thêm một khoản cho bản thân trước khi rời đất nước này. Hắn biết chắc rằng có những động lực mạnh hơn cả khoản tiền hoa hồng đơn thuần đã khiến cho Jose Antonnio Salaverry nhúng những ngón tay bẩn thỉu vào cuộc.
"Mai thì không thể gặp nhau được" Salaverry nói. "Quá sớm và quá ít thời gian để rút tiền. Anh không nên…".
"Này! Đừng làm tôi mất thời gian", Miguel nắm chặt lấy ống nghe, cố kìm cơn giận và vẫn nhỏ giọng để cho những người ngồi trong quán cà phê không nghe được. "Tôi đang ra lệnh cho anh đấy. Lấy năm mươi "hòm" thật sớm. Tôi sẽ đến chỗ anh theo cách thường lệ, khoảng gần trưa mai. Nếu anh không làm được, thì anh biết rằng những người bạn chung của chúng ta sẽ tức giận tới mức nào, và tầm tay họ khá dài đấy!".
"Thôi! Thôi! Có gì phải để họ quan tâm đến đâu cơ chứ!". Giọng của Salaverry có sự thay đổi vội vã, vẻ dàn hoà. Không nên coi nhẹ sự đe doạ trả thù của nhóm Medellin khát máu. "Tôi sẽ cố hết sức".
Miguel dằn giọng: "Cố hơn một chút nữa đi. Tôi sẽ gặp anh ngày mai". Hắn treo máy lên và bước ra khỏi quán cà phê.
Bên trong nơi ẩn náu ở khu Hackensack, ba người bị bắt giữ vẫn mê man bất tỉnh trong sự cảnh giới nghiêm ngặt của Soccoro. Suốt đêm qua ả đã tiêm thêm những liều lượng propofol như Baudelio đã ra lệnh. Ả theo dõi những dấu hiệu của sự sống và ghi chép lại. Mờ sáng hôm sau, Baudelio tỉnh dậy sau liều thuốc ngủ của chính hắn xem xét nhật ký bệnh án của Soccoro gật đầu vẻ đồng tình rồi thay phiên gác cho ả.
Sau một giấc ngủ chập chờn, sáng sớm hôm sau Miguel lại xem tin tức truyền hình. Việc bắt cóc thân nhân của Sloane vẫn là tin đặc biệt, cho dù không có thông báo gì mới.
Rồi Miguel thông báo cho Luis rằng vào lúc mười một giờ cả hai sẽ lái chiếc xe tang tới khu Manhattan.
Chiếc xe tang là chiếc thứ sáu của cả bọn, một chiếc Cadillac vẫn còn tốt do chúng mua lại. Cho tới nay chúng chỉ dùng tới nó có hai lần. Còn bình thường thì chiếc xe tang này được giấu kín trong căn nhà ở Hackensack, và những tên kia gọi nó là thiên thần đen. Bên trong sàn xe luôn luôn có một chiếc quan tài bằng gỗ hồng sắc đẹp đẽ, đặt trên những con lăn bằng cao su để đảm bảo rằng việc vận chuyển quan tài sẽ nhẹ nhàng. Hai bên thành xe và trần xe bọc nhung xanh sẫm.
Đầu tiên Miguel đã dự tính sẽ chỉ sử dụng chiếc xe tang vào chuyến vận chuyển cuối cùng trước khi bay đi Peru, nhưng rõ ràng giờ đây nó là phương tiện an toàn nhất. Lấy cái xe kia và chiếc xe vận tải GMC, đã xuất đầu lộ diện quá nhiều, đặc biệt là trong việc theo dõi tại

Larchmont – biết đâu người ta đã báo nhận dạng chúng cho cảnh sát biết rồi.
* * *
Thời tiết chuyển mưa nặng hạt, gió thổi mạnh từng cơn, bầu trời nặng nề xám xịt.
Luis cầm lái, cả hai đi một đường vòng xuất phát từ Hackensack nhiều lần thay đổi hướng và hai lần dừng lại để xem có bị theo dõi không. Luis phải lái rất cẩn thận vì đường trơn như đổ mỡ và khó nhìn thấy phía trước qua cái gạt nước đưa qua đưa lại đơn điệu. Đi xuối xuống phía nam theo phía New Jersey của sông Hudson tới tận Weehawken chúng tiến vào đường ngầm Lincoln và xuất hiện ở Manhattan vào lúc 11 giờ 45 sáng.
Cả Miguel lẫn Luis đều mặc đồ đen và thắt cravat, thích hợp với sự có mặt của chúng trong chiếc xe tang.
Sau khi rời đường hầm, chúng hướng về phía đông theo đường số Bốn mươi. Cơn mưa nặng hạt khiến dòng xe phải nối đuôi nhau đi hết sức chậm chạp. Miguel đưa mắt ngắm những người bộ hành di chuyển chen chúc khổ sở trên vỉa hè.
Cái ý tưởng dùng xe tang để đi qua thành phố New York khiến hắn thấy vui vui. Một mặt, chiếc xe biểu lộ quá rõ là loại xe gì, mặt khác nó luôn được người ta nể. Đến một ngã tư đường, một cảnh sát mặc đồng phục – "một chú nâu" theo tiếng lóng của dân New York – còn dừng các xe khác lại để ra hiệu cho chúng đi qua.
Miguel cũng nhận thấy rằng nhiều người vừa liếc mắt thấy xe tang đã vội nhìn lảng đi. Trước đây hắn cũng đã quan sát điều này và tự hỏi: phải chăng chiếc xe là một sự gợi nhớ tới cái chết, một sự lãng quên vĩ đại, khiến họ nao lòng chăng? Hắn không bao giờ sợ cái chết của bản thân hắn, dù hắn không có ý định để cho kẻ khác dễ dàng thúc đẩy chuyện đó mau tới.
Nhưng dù sao thì cũng mặc kệ mọi sự. Cái đáng nói ở dây là không có ai trong đám đông quanh chúng quan tâm đến cái xe tang đặc biệt này, gần họ tới mức họ có thể đụng tay vào, lại chứa hai tên tội phạm đang bị truy nã trên toàn quốc, thủ phạm của một tội ác đang là sự kiện nóng hổi nhất của toàn dân. Ý nghĩ đó làm Miguel ngạc nhiên. Nó cũng làm cho hắn vững tâm thêm.
Chúng rẽ sang phía bắc đi về phía đại lộ số Ba, và cách phố Bốn mươi tư một quãng. Luis đỗ xe vào một hẻm phố và cho Miguel xuống. Bẻ cao cổ áo để tránh làn mưa, Miguel đi bộ thêm hai khu nhà nữa để tới trụ sở Liên hợp quốc. Mặc dù những ý nghĩ về chiếc xe tang đã làm hắn yên lòng, hắn vẫn rất thận trọng. Luis đã được lệnh tiếp tục đi và sẽ trở lại điểm này sau một tiếng nữa. Nếu Miguel chưa ra, thì cứ cách nửa giờ Luis lại quay trở lại.
Tới góc phố Bốn mươi tư, Miguel mua một chiếc ô của người bán rong, nhưng hắn thấy ô cũng chẳng chống nổi những cơn gió. Vài phút sau hắn bước qua đại lộ số Một tới toà nhà mặt tiền màu trắng – Trụ sở Đại hội đồng Liên hợp quốc. Vì trời mưa, nên nhiều cột cờ đứng trơ trụi buồn bã, không có lá cờ ở trên. Qua một hàng rào sắt và cổng ra vào của các đại biểu, hắn bước lên các bậc đá dẫn tới một gian sảnh lớn dùng để tiếp khách. Miguel bước vào tay không nên dễ dàng đi qua phòng kiểm tra, còn những người khác vì có túi xách và các gói đồ nên phải mở ra để xem xét.
Tại gian phòng lớn tầng trên, nhiều người khách đang ngồi đợi kín cả mấy dãy ghế dài, khuôn mặt và trang phục của họ cũng khác biệt nhau như chính Liên hợp quốc vậy. Một người phụ nữ Bolivia đội mũ quả dưa ngồi với vẻ khắc khổ. Bên cạnh bà ta là một đứa bé con da đen đang chơi với một chú cún nhồi bông. Một ông già đội khăn trùm kiểu Apganistan, da sạm nắng ngồi gần đó. Hai người Israel râu rậm đang tranh cãi với nhau trước một lô giấy tờ trải rộng ở giữa họ. Lẫn lộn trong đám đông là những du khách da trắng người Mỹ và người Anh.

Lờ phắt đám đông đang ngồi đợi, Miguel bước thẳng tới một tấm biển có dòng chữ "Hướng dẫn du lịch" đặt ở cuối phòng. Jose Antonnio Salaverry đang đứng đợi hắn ở phía sau đó, tay cầm chiếc cặp ngoại giao.
Y hệt như một con chồn, Miguel nghĩ vậy khi hắn nhìn vào khuôn mặt hẹp, nhọn hoắt, mái tóc chải hất về phía sau và bộ râu lưa thưa của Salaverry. Nhà ngoại giao Peru này thường vẫn tỏ ra ta đây rất quan trọng, hôm nay có vẻ không thoải mái.
Họ khẽ gật đầu chào nhau, rồi Salaverry dẫn hắn tới một bản thông báo. Dùng quyền của một đại biểu, Salaverry đăng ký cho Miguel và bằng một cái tên giả, Miguel đã nhận một thẻ vào cửa dùng cho khách hàng.
Khi cả hai bước xuống một con đường có hàng cột, cả khu vườn hiện ra qua những tấm kính và phía xa sau đó là sông East.
Thang máy đưa họ lên tầng trên, rồi họ bước vào căn phòng kiểu Indonesia, chỉ các nhà ngoại giao và khách của họ được sử dụng. Đó là một căn phòng to lớn sang trọng nơi các nguyên thủ quốc gia dùng để giải trí, trong đó có những kiệt tác như bức trướng đền thờ Hồi giáo Kaabe, lối vào Mecca một tấm thảm màu đen lốn đốm vàng bạc do nước Arabe Saudis tặng. Một tấm thảm trải sàn nhà màu xanh sẫm đặt dưới những chiếc ghế trường kỷ và ghế tựa bọc da, đồ đạc được sắp đặt khéo léo để cho vài cuộc gặp gỡ có thể diễn ra cùng một lúc mà không ảnh hưởng gì tới nhau. Miguel và Salaverry kiếm được chỗ ngồi trong một khu kín đáo riêng biệt.
Khi họ đã đối mặt với nhau, đôi môi mỏng dính của Salaverry mím chặt lại với vẻ không hài lòng: "Tôi đã bảo anh rằng đến đây rất nguy hiểm! Mạo hiểm chưa đủ hay sao mà anh còn muốn gây thêm chuyện nữa đấy?". Miguel bình thản nói: "Tại sao đến đây lại nguy hiểm cơ chứ?". Hắn cần tìm hiểu xem thằng hèn nhát này biết được những chuyện gì.
"Anh ngu lắm! Anh biết tại sao quá đi rồi chứ. Vô tuyến báo chí đều đăng những chuyện các anh đã làm, những người các anh đã bắt giữ. Mật vụ, cảnh sát đang tìm đủ mọi cách để truy nã các anh". Salaverry nuốt nước bọt vẻ đầy lo lắng: "Khi nào thì các anh đi – tất cả các anh ra khỏi đất nước này?.
"Cứ cho rằng mọi điều anh nói là thật đi, tại sao anh lại muốn biết cơ chứ? Biết hay không thì có ảnh hưởng gì đến anh?".
"Bởi vì Helga phát điên lên vì lo sợ. Tôi cũng vậy".
Thế là cái thằng ngốc mau mồm mau miệng này đã kể mọi điều hắn biết với cái con đĩ làm ở ngân hàng của hắn đấy. Điều đó có nghĩa là kẽ hở chính của sự bất an đã tiềm tàng cần phải được xoá sạch ngay. Dù Salaverry không hề biết, sự thú nhận ngu ngốc của hắn đã đóng một cái dấu định mệnh cho người tình của hắn và cho bản thân hắn.
"Trước khi tôi trả lời", Miguel nói, "hãy đưa cho tôi tiền đi hẵng".
Salaverry mở khoá số của chiếc cặp ngoại giao, lấy ra một chiếc ví da đầy căng có băng dính chặt và đưa cho Miguel.
Miguel mởi ví xem xét tiền bên trong rồi lại dán băng lại.
Salaverry mỉa mai hỏi: "Anh không đếm à?".
Miguel nhún vai: "Anh không dám lừa tôi đâu". Hắn cân nhắc rồi nói với vẻ hết sức vô tình: "Anh muốn biết là khi nào tôi và những người khác rời khỏi đây chớ gì?".
"Đúng vậy".
"Tối nay anh và cô ta ở đâu?".
"Ở trong khu nhà của tôi. Chúng tôi quá lo lắng nên chẳng muốn đi đâu hết".

Miguel đã tới khu nhà này và hắn nhớ địa chỉ. Hắn bảo Salaverry: "Cứ ở yên đó. Tôi không thể gọi điện vì những lý do mà anh đã biết. Vậy nên sẽ có một người đưa tin tới chỗ anh tối nay cùng với mọi tin tức mà anh muốn biết. Hắn ta sẽ sử dụng cái tên là Plato. Khi anh nghe thấy cái tên đó thì cứ yên tâm để cho hắn vào nhà".
Salaverry nóng nảy gật đầu. Hắn có vẻ đỡ căng thẳng.
Miguel nói thêm: "Tôi đang làm chuyện này để đền công anh đã mau chóng thu xếp tiền cho tôi". Hắn đụng nhẹ tay vào chiếc ví tiền.
"Cảm ơn anh. Anh hiểu rằng tôi không muốn làm một điều gì vô lý…".
"Tôi hiểu. Nhưng tối nay phải ở nhà đấy".
"Ồ! Thế nào tôi cũng ở nhà".
* * *
Từ trụ sở Liên hợp quốc, Miguel đi ngang qua đại lộ số Một về phía khách sạn Quảng trường Liên hợp quốc. Qua khỏi cửa chính, hắn đi thẳng tới trạm điện thoại công cộng gần quầy báo chí. Hắn bấm một số điện thoại gọi tới quận Queens. Khi nghe thấy giọng trả lời, hắn biết là hắn đã liên lạc được với một căn nhà riêng kiên cố như một pháo đài ở khu tiểu Colombia thuộc đồi Jackson. Miguel nói ngắn gọn, tránh không sử dụng tên, mà chỉ cho phía bên kia biết số của trạm điện thoại công cộng nơi hắn đang gọi rồi treo máy lên.
Hắn kiên nhẫn đứng đợi bên cạnh máy điện thoại, đôi lúc, khi có những người khác đến gần, hắn vờ như đang sử dụng máy. Sau bảy phút thì chuông reo. Một giọng nói khẳng định rằng phía bên kia cũng đang sử dụng một máy công cộng khác. Cuộc nói chuyện sẽ không bị theo dõi hay bị nghe trộm.
Miguel nói những yêu cầu của hắn bằng một giọng rất nhỏ. Phía bên kia khẳng định là mọi điều sẽ được thoả mãn. Một bản hợp đồng đã được thoả thuận, với giá đã được nhất trí là sáu nghìn đô la. Miguel nói địa chỉ nhà ở của Salaverry và giải thích là cái tên "Plato" phải được dùng. Hắn nhấn mạnh: "Phải làm ngay tối nay và phải tỏ ra rằng đây là một vụ giết người rồi tự sát".
Phía bên kia hứa là sẽ thực thi chính xác chỉ thị của hắn.

* * *
Miguel tới điểm hẹn tại Đại lộ số Ba sớm hơn một chút, tức là chưa đến một tiếng đồng hồ kể từ khi hắn bỏ đi. Một lúc sau Luis đưa chiếc xe tang tới.
Chui vào xe thoát khỏi cơn mưa lạnh, Miguel bảo Luis: "Bây giờ chúng ta tới nơi lo việc ma chay – chỗ cũ ấy mà. Anh còn nhớ không?".
Luis gật đầu và rẽ ngay sang phía đông về phía cầu Queensloro.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 5

Vào những lúc phát xong tin tức, thì một cơ quan thông tin giống hệt như một ông khổng lồ câm lặng.

Nó đã huy động gần một trăm phần trăm công suất và một số lượng quan trọng những nhân tài của nó và giờ đây theo cách nói nghiệp vụ là "thời gian lắng" – có nghĩa là không hoạt động.

Điều đó cắt nghĩa tại sao, khi một sự kiện về tin tức khi xảy ra, đã có ngay những bàn tay đầy kinh nghiệm để có thể, như một cách nói nghiệp vụ khác, "nắm ngay lấy và nổi lửa lên".

Vào sáng thứ sáu, một ngày sau vụ gia đình Sloane bị bắt cóc, tiến trình nổi lửa đã bắt đầu khi một ban đặc nhiệm do Harry Partridge đứng đầu, Rita Abrams làm chủ nhiệm chính, đã bắt đầu họp trong trụ sở hãng CBA.

* * *

Rita từ Minnesota tới New York từ đêm hôm qua, có mặt tại phòng của ban đặc nhiệm tám giờ sáng. Harry Partridge sau một đêm nghỉ ngơi tại căn phòng đặc biệt sang trọng do hãng thuê cho anh tại khách sạn Inter-Continental tới ngay sau đó.

Không bỏ phí thời gian, anh hỏi: "Có thêm tin gì mới không?".
"Chẳng có quái gì về vụ bắt cóc cả:, Rita trả lời. "Nhưng có cả một đám đông ở trước nhà Crawf".
"Loại người nào vậy?".

Hai người đứng ở trong phòng họp của ban và Rita đang dựa lưng vào chiếc ghế xoay. Dù mới có được một sự nghỉ ngơi ngắn ngủi, cô đã có vẻ tươi mát trở lại; sức sống thường lệ và sự hăng say lại được phục hồi. Lại vẫn có cái cách nói trắng trợn xoi mói mà những đồng sự của cô thường ưa thích.

"Giờ thì ai mà chẳng muốn được chạm tay vào vạt áo của một phát thanh viên. Hiện nay họ đã biết địa chỉ của anh ấy, những người hâm mộ Crawf đang đổ xô đến Larchmont. Có đến hàng trăm, thậm chí hàng nghìn người. Cảnh sát đang phải đối phó vất vả với đám này và họ đang dựng hàng rào chắn đường".
"Chúng ta đã có đội quay phim ở đó chưa?".

“Tất nhiên là rồi. Họ cắm trại ở ngoài trời suốt đêm. Tôi đã bảo họ phải ở đó cho đến khi Crawf đi làm. Lúc đó, tôi sẽ cho đội khác đến thay họ”.
Partridge gật đầu tán thành.
“Có vẻ bọn bắt cóc và các hoạt động của chúng đã chuyển đi khỏi Larchmont”, Rita nói: “Nhưng tôi nghĩ rằng chúng ta nên ở quanh đây một hai ngày trong trường hợp có chuyện gì mới xảy ra. Tức là, nếu anh không có ý kiến gì khác”.
“Hiện giờ thì chưa” anh đáp, rồi nói thêm: “chị biết đấy, chúng ta chẳng có chứng cứ gì mà chỉ trông đơi vào tài năng mà thôi”.
“Tôi cũng mới được biết chuyện đó đêm qua. Vì thế tôi đã cử ba người bắt tay vào làm. Norman Jaeger, Iris Everly và Karl Owens. Họ sẽ đến đây ngay thôi”.
“Chị chọn cũng khá đấy”, Partridge biết cả ba người này rất rõ. Họ ở trong số những người có năng lực tốt nhất của hãng CBA.
“À mà tôi đã phân các phòng làm việc rồi đấy. Anh có muốn xem phòng của anh không?”.
Rita đi qua năm căn phòng kế tiếp nhau sẽ hợp thành cơ sở làm việc của ban đặc nhiệm. Các phòng ban trong hệ thống tin tức lúc nào cũng ở trong tình trạng thay đổi cùng với các kế hoạch tạm thời được lập ra lại bị huỷ bỏ, vì vậy một khi cần đến người ta luôn tìm được số phòng họ muốn.

Partridge sẽ có một phòng làm việc riêng, và Rita cũng vậy. Hai phòng khác, đã kê chặt những chiếc bàn để dành cho các biên tập viên phụ tá, các đội quay phim và các nhân viên văn phòng, một vài người trong số này đã chuyển sang làm việcở đó. Partridge và Rita chào họ trước khi quay trở lại căn phòng thứ năm và cũng là rộng nhất, phòng họp, để tiếp tục bàn bạc.

“Tôi muốn có một cuộc họp với những người sẽ làm việc với chúng ta càng sớm càng tốt”.
Partridge nói: “Chúng ta có thể định rõ trách nhiệm của mỗi người, rồi bắt đầu làm việc ngày tại chỗ cho bản tin tối nay”.
Rita liếc nhìn vào đồng hồ đeo tay của cô: đã tám giờ 45 phút sáng. “Tôi sẽ triệu tập họ vào lúc 10 giờ”, cô nói, “còn ngay bây giờ, tôi muốn biết thêm về những việc đang xảy ra ở Larchmont”.
“Trong suốt thời gian tôi sống ở đây”, viên trung sĩ cảnh sát ở Larchmont nói, “tôi chưa bao giờ thấy một sự việc như thế này”.
Anh ta đang nói chuyện với nhân viên đặc nhiệm của phòng FBI Havelock, ông vừa mới ra khỏi căn nhà của Sloane vài phút trước đây để quan sát đám đông bên ngoài. Đám người mỗi lúc một đông thêm từ lúc rạng đông và giờ đây đang đứng chật kín cả lối đi ở trước nhà. Ở một đôi chỗ, họ còn tràn cả xuống lòng đường, nơi các nhân viên cảnh sát đang cố gắng ổn định trật tự cho các xe ô tô đi qua, dù chẳng có hiệu quả gì mấy. Otis Havelock đã ở trong căn nhà suốt cả đêm hôm trước, khi Sloane chuẩn bị đi làm ông thấy anh có thể sẽ bị đám đông vây kín trên đường đi ra.
Tụ tập ở cổng phía trước là những người quay phim và các phóng viên khác. Khi Havelock xuất hiện, họ đổ xô về phía ông với những câu hỏi ồn ào.
“Ông đã biết tin gì về bọn bắt cóc chưa?”.
“Ông Sloane thế nào rồi?”.
“Chúng tôi có thể nói chuyện với Crawford được không?”.

“Ông là ai?”.
Để đáp lại, Havelock chỉ lắc đầu và xua xua tay chán nản.
Phía bên ngoài các phóng viên, đám đông tỏ ra trật tự hơn, mặc dù sự xuất hiện của Havelock đã làm nổi lên những lời trao đổi ồn ào.
Havelock phàn nàn với viên trung sĩ cảnh sát: “Các nhân viên của anh không thể dẹp gọn đường phố được sao”.
“Chúng tôi đang cố gắng. Ông cảnh sát trưởng đã ra lệnh đặt hàng rào chặn. Chúng tôi sẽ ngăn xe cộ và khách bộ hành lại, trừ những người sống ở trong phố, rồi chúng tôi sẽ cố gắng đưa những người kia ra ngoài. Phải mất ít nhất một tiếng đồng hồ. Cảnh sát trưởng không muốn có một ai gây chuyện rắc rối, nhất là với một đám người quay phim ở quanh đây”.
“Anh có biết những người này ở đâu đến không?”.
“Tôi đã hỏi một vài người”, viên trung sĩ nói. “Phần lớn họ ở ngoài Larchmont và lái xe đến đây. Tôi đoán là họ đã biết tin qua đài truyền hình và muốn được nhìn thấy ông Sloane. Các phố xung quanh đều đầy xe ô tô của họ”.
Trời bắt đầu đổ mưa, nhưng dường như điều đó không làm giảm lòng hăng hái của những người đến xem. Thay vào đó, họ còn giương ô lên hay rúc đầu vào trong áo khoác.
Havelock trở vào trong nhà. Ông nói với Sloane lúc này trông mệt mỏi và hốc hác: “Chúng ta sẽ rời khỏi đây trên hai chiếc xe của FBI không có cờ hiệu. Tôi muốn anh đi chiếc thứ hai. Hãy nép mình ở sau xe và chúng ta sẽ đi khỏi đây thật nhanh”.
“Không còn cách nào khác sao?”. Sloane nói. “Ở ngoài kia còn có cả những nhà báo. Tôi cũng là một nhà báo và tôi không thể đi qua mặt họ như thể tôi là tổng thống vậy”.
“Ở ngoài kia cũng có thể có người đã bắt cóc vợ ông và gia đình ông”. Giọng nói của Havelock trở nên sắc lạnh. Ai biết được bọn chúng sẽ làm trò gì, kể cả việc bắn vào ông. Đừng ngốc nghếch thế, ông Sloane ạ. Và nên nhớ rằng tôi chịu trách nhiệm về sự an toàn của ông”.
Cuối cùng, họ thoả thuận mời các đội quay phim và các phóng viên vào phòng khác trong nhà dự một cuộc họp báo bất thường mà Sloane sẽ chủ trì. Khi các phóng viên bước vào, họ nhìn quanh căn nhà sang trọng với vẻ tò mò, một số người còn không giấu được sự ghen tỵ. Những câu hỏi và câu trả lời cũng gần như lập lại những lời nói ngày hôm trước, và thông tin duy nhất mới là chưa có lời nào của bọn bắt cóc suốt đêm hôm đó.
“Tôi không thể nói gì thêm nữa!”. Cuối cùng Sloane nói. “Đơn giản là chẳng có chuyện gì hết. Tôi cũng mong là có điều gì xảy ra”.
Cuộc trao đổi kết thúc, các phóng viên, một số thấy bức bội vì chẳng có tin gì mới, lại kéo nhau rời khỏi phòng.
“Nào, ông Sloane, - Havelock nói – Tôi muốn chúng ta rời khỏi đây theo như tôi đã nói – ông ngồi ở phía sau xe, cúi thấp người xuống và không để mọi người nhìn thấy”.
Sloane miễn cưỡng đồng ý. Nhưng khi họ thực hiện kế hoạch ấy, một việc không may đã bất ngời xảy ra.
Crawford Sloane ngồi vào chiếc xe của FBI nhanh đến mức chỉ có một số ít người trong đám đông bên ngoài nhìn thấy. Tuy thế, số người ấy đã kịp nói cho những người khác và tin đó được truyền đi nhanh như điện: Sloane ngồi trong cái xe thứ hai. Havelock và một nhân viên FBI khác ngồi ở ghế sau cũng trong xe, còn Sloane ngồi cúi gập người ở giữa họ. Một nhân viên FBI thứ ba ngồi sau tay lái. Hai nhân viên FBI khác nữa ngồi trong chiếc xe đầu và cả hai cũng lăn bánh ngay lập tức.

Lúc này, đám đông biết Sloane đã ra đi, một số người ở phía sau chen lên trước đẩy những người đứng trên vỉa hè tràn xuống lòng đường. Vào lúc đó, nhiều sự kiện đã xảy ra chỉ trong chốc lát.
Chiếc xe đi đầu xuất hiện trên con đường dành cho xe ô tô trong nhà Sloane có một cảnh sát dẹp đường. Nó lao đi với tốc độ lớn, chiếc xe thứ hai bám sát phía sau. Rồi bỗng nhiên, vì những người đứng xem đối diện với đường ô tô bị đẩy ra tận lòng đường, con đường lúc đầu không có người trở nên tắc nghẽn. Người lái xe sửng sốt vì nhìn thấy một dòng người đứng ngay trước mặt, anh ta vội vã phanh lại.
Vào những tình huống khác, chiếc xe hẳn đã dừng lại ngay lập tức. Nhưng lúc ấy, mặt đường ướt và trơn vì cơn mưa trước đó, và chiếc xe trượt sang bên lề đường. Tiếp theo tiếng bánh xe rít trên mặt đường là một chuỗi những tiếng la hét của những người bị ngã, chiếc xe đã đâm thẳng vào hàng người đứng xem phía trước.
Những người ngồi trong chiếc xe thứ hai – trừ Sloane không nhìn thấy gì đều há hốc miệng vì kinh hoàng và quay người chờ một cú tương tự như thế. Nhưng vì mọi người đều vội vã đổ xô về phía lề đường đối điện, đám đông giãn ra; và Havelock, nét mặt đanh lại đầy vẻ tàn nhẫn, ra lệnh cho người lái xe: "Không dừng lại! Đi tiếp đi!". Sau này, Havelock sẽ bào chữa cho hành động nhẫn tâm của ông bằng cách giải thích: "Mọi việc xảy ra quá nhanh, tôi không biết rõ chuyện gì đã xảy ra mà chỉ đoán rằng đó có thể là một vụ phục kích".
Crawford Sloane biết rằng có một điều gì đó bất thường đã xảy ra, vội nhỏm dậy nhìn ra ngoài. Đúng lúc đó, một máy quay phim chực sẵn trên một chiếc ô tô đã thu được cận cảnh khuôn mặt của Sloane rồi, tiếp tục quay cảnh chiếc xe lao đi khỏi nơi xảy ra tai nạn. Sau này, những người xem lại băng vdeo trên truyền hình không thể nào biết được rằng Sloane đã cầu xin cho xe quay lại, nhưng Havelock vẫn khăng khăng: "Ở đó đã có cảnh sát rồi. Họ sẽ làm tất cả những gì cần thiết".
Cảnh sát Larchmont đã ổn định được trật tự và nhiều xe cứu thương đang lao đến hiện trường. Khi người ta xem xét số thương vong thì có tám người bị thương – sáu người chỉ bị xây sát nhẹ còn hai người bị thương nặng. Trong hai người bị thương nặng thì một người bị gãy tay và dập xương sườn, còn chân của một cô gái bị cán nát đến mức cần phải cắt cụt.
Trong một hoàn cảnh khác, vụ tai nạn này, mặc dù khá nặng nề, cũng sẽ không gây nên sự chú ý rộng rãi trong dân chúng. Nhưng vì nó lại liên quan đến vụ bắt cóc gia đình Sloane, nên mọi người đều để ý tới nó, và đã xuất hiện một số lời chỉ trích ám chỉ tới Sloane.
* * *
Điều tra viên tại trụ sở của hãng CBA ở London, Toddy Cooper đã bay về New York bằng chuyến bay của hãng Concorde sáng hôm đó như đã hứa. Anh tới thẳng văn phòng của ban đặc nhiệm lúc gần 10 giờ sáng và vào gặp Harry Partridge trước tiên rồi đến Rita. Cả ba người đến phòng họp, nơi các thành viên của ban đang tụ tập.
Trên đường đi đến phòng họp, Cooper gặp Crawford Sloane cũng vừa đến nơi trước đó vài phút, lòng vẫn còn bàng hoàng vì sự việc xảy ra ở Larchmont vừa rồi.
Cooper là một một thanh niên thanh mảnh, dong dỏng cao, lúc nào cũng tỏ ra nhiệt tình và tự tin. Mái tóc màu nâu của anh rủ xuống, để dài hơn mốt tóc hiện nay, bao quanh khuôn mặt xanh xao lấm tấm những mụn trứng cá của tuổi trẻ. Điều đó làm cho anh trông trẻ hơn cái tuổi 25 của mình. Mặc dù anh sinh ra và lớn lên ở London, nhưng anh đã đến nước Mỹ khá nhiều lần và đã quen thuộc với New York.

Anh nói với Crawford Sloane: “Tôi rất lấy làm tiếc khi nghe chuyện về gia đình anh, Sloane ạ, nhưng mà hãy tươi lên! Giờ tôi đã ở đây rồi. Tôi sẽ tóm cổ bọn chó chết đó ngay thôi. Tôi là người rất nghề trong những chuyện như thế này”.
Sloane nhướn lông mày liếc nhìn Partridge vẻ nghi ngờ, như muốn hỏi: “Anh có chắc rằng chúng ta cần tới cái gã dẻo mỏ này không?”.
Partridge nói giọng khô khan: “Khiêm tốn không phải là tính cách của Teddy. Cứ để cậu ấy làm mọi việc xem sao”. Câu nói đó dường như chẳng làm Cooper phật lòng chút nào.
Quay sang Partridge, Cooper nói: “Anh Harry này, việc trước tiên là phải kiểm tra lại mọi tin tức. Rồi tôi sẽ hình dung ra vụ việc. Tôi muốn hỏi chuyện mấy bà già đã chứng kiến sự việc xảy ra. Có nghĩa là tất cả mọi người. Không còn gì phải bàn cãi nữa. Nếu tôi bắt tay vào làm việc này, tôi sẽ làm cho ra trò”.
“Cậu cứ làm theo cách của cậu”, Partridge nhớ lại những lần anh được chứng kiến Cooper làm việc. “Cậu sẽ chịu trách nhiệm điều tra ở đây, với hai người phụ giúp”.
Hai nhân viên điều tra phụ tá, một chàng trai và một cô gái được mượn từ một chương trình khác của hãng, đã có mặt ở phòng họp. Partridge giới thiệu họ với Cooper, trước lúc cuộc họp bắt đầu.
Cooper bắt tay họ và nói: “Làm việc với tôi sẽ là một dịp rất tốt cho các bạn. Vậy nhưng đừng lo – tôi rất thoải mái cứ gọi tôi là “Ngài” và cứ sáng ra thì việc đầu tiên là phải chào hỏi kính cẩn trước hết”.
Hai người tỏ vẻ khoái câu nói đùa của Cooper và cả ba bắt đầu thảo luận về tấm bảng “Trình tự các sự kiện” đã được đặt trong phòng họp và choán hết chiều dài của bức tường. Một thủ tục theo quy định trong báo cáo của lực lượng đặc nhiệm là ghi lại tất cả những chi tiết về vụ bắt cóc gia đình Sloane theo trình tự chính xác. Trên một bức tường khác là một tấm bảng lớn thứ hai có ghi dòng chữ “Linh tinh”. Trên bảng này sẽ ghi lại những sáng kiến đột xuất, có thể chỉ là những suy đoán hay những lời đồn đại mà sự liên kết giữa chúng bị bỏ qua hay không được biết đến. Đôi khi mục linh tinh này quá dài, người ta phải chuyển sáng một bảng khác – tất cả đều vì lợi ích của cuộc điều tra.
Những chiếc bảng đó nhằm tới mục đích: một là để cho mọi người trong nội bộ lực lượng đặc nhiệm được biết tất cả những thông tin đã có và những việc mới xảy ra, hai là tạo ra một tầm nhìn bao quát để xem xét lại tiến trình sự việc và dành cho những ý kiến hay bất chợt có thể và thường như vậy đã gợi lên những ý tưởng mới.
* * *
Đúng 10 giờ, Rita Abrams lên tiếng cắt ngang những tiếng nói chuyện rì rầm: “Nào, tất cả các bạn! Bây giờ chúng ta sẽ bắt tay vào việc”.
Rita ngồi ở ghế đầu một chiếc bàn dài, cạnh cô là Harry Partridge. Leslie Chippingham bước vào phòng và cũng ngồi xuống chiếc bàn đó. Khi ánh mắt của ông bắt gặp ánh mắt của Rita, họ mỉm cười với nhau một cách kín đáo.
Crawford ngồi ở tận cuối phòng. Anh không có ý định tham gia vào cuộc thảo luận trong lúc này và giao phó mọi việc cho Partridge: “Lúc này tôi thấy mình bất lực, như một cái đầu rỗng vậy”. Cùng ngồi ở chiếc bàn đó còn có ba chủ nhiệm mà Rita mới chọn, Norman Jaeger, người nhiều tuổi hơn cả, là một nhân viên kỳ cựu của hãng CBA, đã làm việc trong tất cả các giai đoạn của nghề báo chí. Nói năng nhẹ nhàng, giàu sức sáng tạo, và rất uyên bác, ông là chủ nhiệm của một chương trình tạp chí được đánh giá cao của hãng: “Phía sau những đề mục”. Việc được

giao tạm thời bất ngờ của ông ngày hôm nay cho người ta thấy những tài năng đặc biệt của ban đặc nhiệm.
Ngồi cạnh Jaeger là Iris Everly, môt cô gái đang ở tuổi 20 và là một ngôi sao sáng trong công tác biên tập tin tức. Nhỏ bé, xinh xắn, tốt nghiệp Trường báo chí Colombia, cô có một bộ óc sắc sảo làm việc với tốc dộ nhanh như chớp. Khi phải lao vào theo dõi một tin nào đó, sự bền bỉ và khéo léo của cô có thể sánh với bất kỳ một ai.
Karl Owens, biên tập viên thứ ba, là một người tận tuy với công việc, kiên nhẫn không mệt mỏi; đôi khi sự tham gia của anh vào việc điều tra với các phóng viên lại đạt được kết quả sau khi những người khác đã bỏ cuộc. Ở vào độ tuổi giữa Jaeger và iris Everly, và cũng không có đầu óc sáng tạo bằng hai người đó, Owens được chọn vì sự vững vàng và kiến thức sâu rộng của anh trong nghề nghiệp.
Ở những chỗ còn lại của chiếc bàn đó và ngay sau Toddy Cooper và hai nhân viên phụ tá, là một thư ký văn phòng mượn của phòng biên tập Bản tin tối Toàn quốc, Minh Văn Cảnh, người quay phim lão luyện và một nữ thư ký, được chỉ định làm quản lý của cả nhóm.
“Tất cả chúng ta đều rõ tại sao chúng ta lại ngồi ở đây”, Rita mở đầu cuộc họp với giọng nghiêm khắc. “Điều mà bây giờ chúng ta cần thảo luận là tiến hành công việc như thế nào. Trước hết, tôi muốn nói về vấn đề tổ chức. Sau đó Harry sẽ trực tiếp hướng dẫn chúng ta tiến hành công việc”.
Rita ngừng lời và đưa mắt nhìn dọc theo chiếc bàn tới chỗ Crawford Sloane ngồi. “Crawford ạ, chúng tôi không có ý định đọc diễn văn ở đây. Tôi không nghĩ rằng có ai trong chúng ta lại không thấy động lòng và anh đã quá đau buồn khi phải mang gánh nặng mà không cần chúng tôi làm nặng thêm nữa. Nhưng tôi muốn nói với anh, một cách chân thành và thay mặt cho mọi người ở đây, vì anh, gia đình anh và vì bản thân chúng tôi nữa, chúng tôi sẽ có gắng đến mức cao nhất”.
Các nhân viên khác của ban đặc nhiệm ồn ào tỏ ý tán thành.
Sloane gật đầu đến hai lần rồi anh cố gắng nói thành lời: “Cám ơn các bạn”, giọng anh tắc nghẹn.
“Từ giờ trở đi”, Rita nói, “chúng ta sẽ tiến hành công việc trên hai cấp độ - điều tra dài hạn và các tin tức hàng ngày. Norman”, cô nói tiếp với người chủ nhiệm cao tuổi, “anh sẽ chịu trách nhiệm về việc điều tra dài hạn”. “Được”.
“Còn Iris, cô sẽ đảm nhận phần tin hàng ngày, bắt đầu ngay với bản tin tối nay mà lát nữa đây chúng ta sẽ thảo luận”.
Iris Everly đáp với vẻ quả quyết: “Rõ, và tin đầu tiên tôi muốn đưa là cảnh lộn xộn sáng nay ở ngoài nhà Sloane”.
Sloane co rúm người lại vì đau đớn khi nghe nói đến chuyện đó và đưa mắt nhìn Iris nửa như cầu xin, dù cô không hề để ý.
“Cô sẽ nhận được ngay thôi”, Rita bảo Iris. “Băng hình đang trên đường về”.
Quay sang phía chủ nhiệm thứ hai là Owens, rita nói: “Còn Karl, anh sẽ tham gia vào cả hai việc khi cần thiết”. Cô nói thêm: “Tôi sẽ luôn ở bên cả ba người”.
Rita chuyến sang nói với Cooper: “Teddy, tôi biết là anh muốn tới Larchmont”.
Cooper ngẩng lên cười toét miệng: “Đúng vậy, thưa madam. Để tìm kiếm và tiến hành công việc như thám tử Sherlock Holmes”. Anh quay mặt lại nói với mọi người: “Việc này thì tôi làm đặc biệt khá”.

“Teddy”, lần đầu tiên Partridge lên tiếng, “tất cả mọi người ở đây đều đặc biệt khá cả. Chính vì vậy mà họ ngồi đây”.
Không chút nao núng, Cooper tươi cười nói: “Và tôi cần phải tỏ ra tự nhiên như ở nhà mình”.
“Sau khi kết thúc cuộc họp”, Rita nói với Teddy, “mình sẽ tới Larchmont, chỉ đạo hai đội quay phim mới. Teddy, cậu sẽ đi với mình, và sẽ gặp Best Fisher, cộng tác viên của chúng ta ở đó. Tôi đã sắp xếp rồi. Fisher là người đầu tiên đưa tin về câu chuyện ngày hôm qua. Ông ấy sẽ lái xe đưa cậu đi quanh đó và giới thiệu cậu với bất cứ ai cậu cần gặp”.
Iris Everly nói với người quay phim: “Anh phải ở lại nói chuyện với tôi trước khi đến Larchmont đấy”.
Minh Văn Cảnh gật đầu, khuôn mặt vuông với nước da ngăm đen của anh vẫn điềm tĩnh như thường lệ.
“Giờ thì chúng ta sẽ xem xét đến những việc cụ thể”. Rita nói. “Harry, đến lượt anh đấy”.
“Mục tiêu trước mắt của chúng ta, theo tôi”, Partridge nói, “là phải tìm hiểu thêm về bọn bắt cóc. Chúng là ai? Từ đâu tới? Chúng định nhằm mục đích gì? Dĩ nhiên, không bao lâu nữa chúng cũng sẽ phải tự báo cho chúng ta biết thôi. Tuy vậy, chúng ta cũng sẽ không ngồi chờ. Về mặt này, tôi chưa thể nói với các bạn chúng ta sẽ tìm ra câu trả lời ở đâu, nhưng chúng ta sẽ để tâm đến tất cả những sự việc đã xảy ra cho tới nay, cộng với những tin mới đang được thu thập. Hôm nay, tôi muốn mọi người ở đây nghiên cứu tất cả những dữ kiện chúng ta có trong tay và ghi nhớ các chi tiết. Những tấm bảng này sẽ giúp chúng ta làm việc đó”. Anh chỉ tay lên hai tấm bảng “Trình tự các sự kiện” và “Linh tinh”, rồi nói thêm: “Đây đều là những tin mới nhất cho đến sáng nay”.
“Sau khi mọi người đã nắm được sự việc, tôi muốn chúng ta nghiên cứu một cách độc lập hoặc là tập thể và thu lượm mọi chi tiết, lưu tâm suy tính từng việc mới. Nếu chúng ta làm được như vậy, dựa vào những kinh nghiệm trước đây, thế nào cũng phát hiện ra điều gì đó”. Quanh bàn, cả nhóm đều chăm chú lắng nghe Partridge.
“Còn một điều tôi cần phải nói với các bạn cho chắc chắn. Bọn bắt cóc nhất định đã để lại dấu vết ở một nơi nào đó. Mọi người đều để lại dấu vết của mình, cho dù họ có cố che dấu cẩn thận đến mấy đi nữa. Vấn đề là phải xác định được dấu vết”. Anh gật đầu với Jaeger: “Công việc của anh là phải tập trung vào việc đó, Norman”.
“Hiểu rồi”, Jaeger đáp.
“Bây giờ đến phần tin hàng ngày, Iris, về những cảnh phim cho bản tin tối nay của chúng ta, tôi biết cô đang suy nghĩ về chuyện đó. Cô thấy cốt chuyện thế nào? Cô đã có dàn ý chưa?”.
Iris nhanh nhảu đáp: “Nếu không có những tin tức gây ấn tượng mạnh mới, như việc bọn bắt cóc nhắn tin, thì chúng ta có thể đưa cảnh hỗn loạn sáng nay bên ngoài nhà của Crawf. Rồi, vì hôm nay đã trọn một ngày từ khi chuyện xảy , nên phải có đoạn nhắc lại chuyện ngày hôm qua. Tôi đã xem băng tối qua: đó là một tin hỗn tạp. Tối nay chúng ta cần làm tốt hơn. Tôi muốn phỏng vấn lại những người đã chứng kiến ở Larchmont”. Cô xem sổ - “nhất là bà cụ Priscillar Rhea, người đáng ghi hình nhất. Bà ấy và mọi người có thể nhớ lại một điều gì mới”.
“Thế còn những phản ứng thì sao?”. Jaeger hỏi – “ví dụ như ở Washington ấy”.
Partridge trả lời: “Một chút xíu thôi, lời Tổng thống nới thôi. Có thể thêm một số phỏng vấn với dân thường nếu chúng ta có thời gian”.
“Nhưng không có gì từ Quốc hội à?”.
“Có lẽ mai”, Partridge nói. “Hoặc không bao giờ. Mọi người trong Quốc hội chỉ muốn hành

động". Anh ra hiệu cho Iris nói tiếp.
"Tóm lại", cô nói, "chúng ta sẽ đưa vài lời bình luận vào đoạn cuối, - một cuộc phỏng vấn với một nhà cầm quyền về bắt cóc".
Partridge hỏi: "Cô đã dự định ai chưa?".
"Chưa".
Karl Owens lên tiếng: "Tôi biết một tay. Ông Ralph Salermo, trước đây là cảnh sát ở New York, hiện đang sống ở Naples, Florida. Ông ta thường giảng bài về tội phạm cho các lực lượng cảnh sát ở khắp mọi nơi và đã viết nhiều sách. Biết rất nhiều về các vụ bắt cóc. Tôi đã thấy ông ta trên vô tuyến. Ông ta được lắm".
"Chúng ta hãy mời ông ta", Iris nói, đưa mắt nhìn Partridge lúc này đang gật đầu biểu lộ đồng tình.
Leslie Chippingham xen vào: "Karl ạ, chúng ta có chi nhánh ở Naples. Nhờ họ giúp thử xem, còn không thì mời Salermo tới Miami".
"Cách nào cũng được", Iris nói thêm, "đặt đường truyền vệ tinh để cho Harry phỏng vấn".
"Để tôi làm ngay", Owens nói và ghi vào sổ tay.
Sau khoảng mười lăm phút bàn bạc, Rita gõ tay lên mặt bàn: "Thế là đủ". Cô thông báo: "Chớp nhoáng vậy thôi. Bắt tay vào việc đi".
* * *
Giữa lúc công việc đang tiến hành nghiêm túc, có một sự rắc rối bên lề.
Vì mục đích điều tra, Harry Partridge đã quyết định phỏng vấn Crawford Sloane. Partridge tin tưởng rằng Sloane, cũng giống như nhiều người lâm vào một tình huống gây cấn, biết được nhiều điều hơn anh tưởng, và nếu khai thác khéo léo, kiên trì thì có thể đưa ra những sự kiệm mới. Sloane cũng đồng ý cách làm này.
Sau cuộc thảo luận trong phòng họp, lúc Partridge nhắc Sloane về thoả thuận đó, thì có một giọng nói vang lên: "Nếu các anh không phản đối, thì tôi cũng muốn ngồi nghe. Tôi cũng có thể biết thêm được điều gì đó".
Kinh ngạc, họ quay phắt lại. Trước mặt họ là viên đặc vụ Otis Havelock, vừa mới bước vào khi cuộc thảo luận vừa tan.
"A", Partridge nói, "vì ông đã hỏi, nên tôi nói rằng tôi phản đối".
Rita Abrams hỏi Havelock: "Ông có phải là người FBI không?".
Ông ta thân ái trả lời: "Bà nói cứ như tôi có phải là "Hoa hậu nước Mỹ" không ấy. Các đồng nghiệp của tôi có thể không nghĩ như vậy".
"Điều tôi thực sự muốn nói là ông hoàn toàn không nên có mặt ở đây. Khu vực này là miễn có người ngoài trừ những người đang làm việc ở đây" – Rita nói.
Havelock có vẻ ngạc nhiên "Một phần công việc của tôi là bảo vệ ông Sloane. Còn các bạn thì đang điều tra vụ bắt cóc, đúng không?".
"Đúng".
"Thế là chúng ta có cùng một mục đích, là tìm ra nơi gia đình của ông Sloane đang bị giữ. Vậy nếu các bạn phát hiện ra điều gì, vị dụ như những việc này" – ông ta chỉ lên bảng "Tiến trình sự kiện" – "thì FBI cũng cần biết".
Những người trong phòng, kể cả Leslie Chippingham, đều nín lặng không biết nói sao.
"Trong trường hợp này thì chúng ta phải xử sự có đi có lại", Rita nói. "Liệu tôi có thể cử một phóng viên đến ngay sở mật vụ New York để xem xét tất cả mọi tin tức mà các ông có được

không?”.
Havelock lắc đầu “Tôi sợ rằng điều đó không thể làm được. Một số tài liệu thuộc loại cơ mật”.
“Chính vậy đó”.
“Các bạn xem này, Havelock nhận thấy sự chú ý của mọi người quanh phòng, nên ông ta cố kìm giữ. “Tôi không chắc là các bạn có hiểu rõ là chúng ta đang phải đối phó với một tội ác hay không. Bất cứ ai biết được điều gì cũng phải có trách nhiệm trình báo trực tiếp cho FBI. Không làm như vậy sẽ phải gánh chịu trách nhiệm hình sự”.
Rita vốn ít khi giữ kiên nhẫn được lâu, phản ứng ngay: “Nhờ ơn Chúa, chúng tôi không phải là trẻ con! Chúng tôi vẫn thường điều tra mọi chuyện và rất biết nên làm gì”.
Partridge nói thêm “ông Havelock ạ, tôi thấy rằng tôi nên nói cho ông biết là tôi đã cùng làm việc với FBI trong các cuộc điều tra, và người của các ông thường rất giỏi moi tin tức của người khác nhưng không bao giờ muốn cho ai biết cái gì hết”.
Havelock đập lại: “FBI không có trách nhiệm phải cho ai biết cái gì hết”. Sự mềm mỏng ban đầu đã biến mất. “Chúng tôi là một cơ quan thuộc chính phủ được sự ủng hộ của Tổng thống và Quốc hội. Điều các người làm hiện nay có vẻ như các người đang tự cho mình là những người cạnh tranh với chúng tôi. Này, tôi khuyên các người là nếu kẻ nào ngăn trở việc điều tra hợp pháp bằng giấu thông tin, thì kẻ đó phải chịu trách nhiệm nghiêm trọng đấy”.
Chippingham cho rằng đã đến lúc ông phải can thiệp.
“Ông Havelock ạ”, viên chủ nhiệm bản tin nói, “tôi đảm bảo với ông rằng chúng tôi không phải là những người vi phạm luật pháp. Tuy nhiên, chúng tôi được tự do tiến hành mọi cuộc điều tra chúng tôi muốn và đôi khi chúng tôi còn thành công hơn các ông trong chuyện này, hơn cái mà các ông gọi là “điều tra hợp pháp đấy”. Chippingham nói tiếp: “Điều thực sự quan trọng ở đây là cái được gọi là “đặc quyền của báo chí”. Điều đó có nghĩa là các phóng viên chúng tôi có thể điều tra, rồi bảo vệ nguồn tin của họ trừ phi một toà án ra lệnh làm trái lại. Vậy thì ông biết đấy, tự do của chúng tôi sẽ bị vị phạm nếu chúng tôi cho phép ông thâu tóm toàn bộ mọi thứ chúng tôi có. Do đó, tôi phải nói cho ông biết rằng, trong khi chúng tôi vui lòng để ông có mặt ở đây, thì sự kiểm soát của ông cũng có hạn và có một đường ranh giới mà ông không thể bước qua – chính là nơi đây”. – Ông chỉ vào cửa ra vào phòng họp.
“Thế này thì, thưa ông”, Havelock nói, - “tôi không chắc là tôi sẽ chấp nhận mọi điều, và các ông không lấy làm phiền lòng nếu tôi báo cáo toàn bộ sự việc về Văn phòng chứ?”.
“Chẳng có gì mà phải phiền lòng cả. Người ta sẽ nói rằng chúng tôi đang hành động trong phạm vị quyền hạn của chúng tôi”.
Điều mà Chippingham không đề cập đến là chuyện hãng CBA, cũng giống như bất cứ tổ chức báo chí nào khác, có quyền tự quyết định về việc tiết lộ tin gì và vào lúc nào, cho dù điều đó làm cho FBI tức lên tận cổ. Ông biết rằng mọi người trong Ban tin tức đều biết như vậy. Còn đối với những việc có thể xảy đến sau đó, hãng sẽ đối phó sau.
Sau khi Havelock bỏ đi ra ngoài gọi điện, Chippingham bảo Rita: “Gọi ông quản lý nhà lên đây. Bảo ông ta lấy chìa khoá và khoá tất cả các phòng lại”.
* * *
Khi chỉ còn có hai người trong phòng làm việc của Partridge, anh và Sloane bắt đầu cuộc phỏng vấn ghi âm. Partridge tìm hiểu bối cảnh gia đình hiện nay, nhắc lại các câu đã hỏi nhưng tỉ mỉ hơn, mà không có gì mới nổi lên cả. Sau một hồi, Partridge hỏi, “Crawf ạ, có điều gì trong tâm trí cậu, kể cả trong linh cảm mà lẽ ra cậu đã phải tìm hiểu, một điều gì đó mà mơ hồ có quan hệ

tới chuyện đã xảy ra không? Có một mảy may gì đó mà cậu phân vân rồi quên đi không?".
"Hôm qua cậu đã hỏi mình điều đó" Sloane trả lời, vẻ suy nghĩ. Thái độ của anh đối với Partridge đã thay đổi rõ rệt sau hai mươi bốn giờ qua. Về mặt nào đó thì họ có vẻ thân mật với nhau hơn. Mặt khác, Sloane ít thấy lo ngại về Partridge hơn, kể cả nhớ lại những gì anh đã ấp ủ trong tâm trí trước đây. Điều kỳ lạ là Sloane lại gần như coi Harry Partridge là nguồn trông cậy lớn nhất để có thể đem Jessica, Nicky và cha anh trở về.
"Mình biết là mình đã hỏi cậu", Partridge nói, "và cậu hứa là sẽ nghĩ kỹ mà".
"À, đêm qua tôi đã nghĩ lại và có thể là đã có một điều gì đó cho dù tôi không chắc chắn lắm", Sloane ấp úng nói. Anh không bao giờ thấy dễ chịu với các ý nghĩ mơ hồ, không định hình được.
Partridge giục "Cứ nói tiếp đi".
"Mình cho rằng trước khi chuyện này xảy ra, mình đã có một cảm giác là bị theo dõi. Dĩ nhiên có thể mình cho là như vậy sau khi phát hiện ra căn nhà đã bị theo dõi…".
"Quên chuyện ấy đi. Vậy là cậu cho rằng cậu đã bị theo dõi. Ở đâu và bao giờ?".
"Rắc rối là ở đấy. Nó mơ hồ đến nỗi mình không xác định nổi…".
"Nói cho mình rõ hơn đi".
"Mình có cảm giác là đôi khi mình đã bị theo dõi trong lúc lái xe về nhà. Mình có linh cảm, cũng rất mơ hồ, là có ai đó đang quan sát mình ở đây, ngay trong hãng CBA này – một người nào đó không phải ở đây".
"Cậu có cảm giác đó đã lâu chưa?".
"Có lẽ một tháng", Sloane giơ hai tay lên trời. "Đơn giản là mình cũng không chắc hay là mình tưởng tượng ra".
Sau đó, Partridge đánh máy một bản tóm tắt cuộc phỏng vấn với Sloane và đính vào mục "Linh tinh" trong phòng họp. Rồi trở lại phòng làm việc, anh bắt đầu một thủ tục mà các nhà báo gọi là "điều hành máy điện thoại".
Trước mắt anh là cuốn "sổ xanh" của riêng anh – một danh sách những người anh quen biết trên toàn thế giới, trước đây đã có ích cho anh và lại có thể giúp anh. Kể cả những người anh đã giúp dỡ bằng cách cung cấp tin tức khi họ cần. Nghề báo chí đầy những chuyện vay và nợ. Vào những lúc như lúc này, bên nợ được cần đến. Kể cả những người cảm thấy khoái chí khi được hãng truyền tìm đến mình.
Đêm hôm trước, khi lần giở lại cuốn "sổ xanh", Partridge đã lập một danh sách những người anh sẽ gọi hôm nay. Danh sách này bao gồm những mối quan hệ với Bộ Tư pháp, Nhà Trắng, Bộ Ngoại giao, CIA, cục Nhập cảnh, Hạ nghị viện, vài sứ quán nước ngoài, Sở cảnh sát New York, Cục cảnh sát vũ trang của Hoàng gia Canada ở Ottawa, Cục cảnh sát Pháp lý Mexico, một tác giả của những cuốn sách vụ án đời thực, và một luật sư chuyên cãi cho khách hàng phạm tội có tổ chức.
Những câu chuyện liên tục qua điện thoại đều có vẻ như là tình cờ và thường bắt đầu bằng "chào anh, Harry Partridge đang nói đây. Lâu rồi chúng ta không gặp nhau. Tôi muốn gọi điện xem hồi này anh sống ra sao". Cách của anh là tiếp tục hỏi han về vợ hoặc chồng họ, người tình của họ, con cái họ - Partridge ghi lại cả những cái tên này nữa – rồi lái về chuyện hiện tại "Tôi đang tìm cái vụ bắt cóc gia đình Sloane đây. Không hiểu bạn có nghe xì xào gì hoặc bạn có ý kiến gì về chuyện này không?".
Đôi khi những câu hỏi cụ thể hơn: "*Ông có nghe tin là kẻ nào nhúng tay vào vụ này không? Ông có cho rằng có khả năng là bọn khủng bố nhúng tay vào không? Nếu có thì từ phía nào? Có tin*

đồn gì không, kể cả tin tào lao nhất? Anh có thể hỏi han và nếu nghe được chuyện gì thì gọi điện lại cho tôi được không?".

Đại loại như vậy, nói chung là rất nhảm và cần phải kiên hẫn. Đôi khi cũng có kết quả, có hứa hẹn, còn bình thường thì vô thưởng vô phạt. Theo nhận định của Partridge thì các cuộc nói chuyện qua điện thoại ngày hôm nay chẳng đem lại điều gì đặc biệt, kể cả cuộc nói chuyện thú vị nhất với viên luật sư chuyên về các vụ trọng án có tổ chức.

Một năm trước đây Partridge đã cứu nguy cho ông ta – hoặc ông luật sư cho là như vậy. Sự việc là con gái ông, trong một cuộc du ngoạn do nhà trường tổ chức tới thăm Venedewla, đã tham gia vào một cuộc trác táng ma tuý lộn xộn đến mức mà toàn nước Mỹ biết. Tám sinh viên dính vào vụ đó; hai sinh viên đã chết. Qua chi nhánh ở Caracas, hãng CBA đã ghi được những hình ảnh đặc biệt tại chỗ, rõ mặt từng người tham gia một, trong số đó có con ông luật sư, khi họ bị cảnh sát bắt giữ. Khi đó Partridge đang ở Argentina nên anh đã bay ngay về phía bắc để đưa tin này.

Từ New York, không hiểu sao ông bố biết được chuyện hãng có hình ảnh này, và đã lần theo dấu vết của Partridge bằng điện thoại. Ông ta van nài Partridge đừng sử dụng tên hoặc hình ảnh con gái ông, với lý do cô là người trẻ nhất bọn, trước đây chưa bao giờ có tiền sự, và một sự phơi bày như vậy trên toàn quốc sẽ làm tan nát cả cuộc đời cô.

Partridge xem lại những hình ảnh ghi được: anh đã biết về chuyện cô gái đó và quyết định không để cô ta xuất hiện trong câu chuyện. Tuy vậy, để phòng xa, anh chỉ hứa là sẽ làm hết sức mình.

Đến khi thấy CBA đã không đưa những gì liên quan trực tiếp tới con gái mình, ông luật sư liền gửi cho Partridge tấm ngân phiếu một nghìn đô la. Partridge gửi trả tấm ngâng phiếu lại cho ông ta, kèm theo một bức thư đầy lễ độ, từ đó hai người không liên hệ với nhau nữa.

Hôm nay, sau khi nghe lời mở đầu vẻ vô tình của Partridge, ông luật sư đáp thẳng thừng: "Tôi nợ anh. Bây giờ anh muốn một điều gì đó. Nói cho tôi biết chuyện gì vậy?".

Partridge giải thích.

"Tôi chưa nghe thấy điều gì ngoài điều vô tuyến đã đưa" – viên luật sư nói, - "nhưng tôi có thể đoán chắc là không có khách hàng nào của tôi dính vào vụ này. Đó không phải là lĩnh vực làm ăn của họ. Tuy vậy, đôi khi họ cũng nghe được những điều mà người khác không biết. Vào ngày tới đây tôi sẽ làm một cuộc dò la bí mật vòng quanh đây. Nếu tôi tìm ra điều gì đó, tôi sẽ gọi anh".

Partridge có cảm giác là ông ta có thể tìm ra.

Một tiếng đồng hồ sau, khi đã gọi cho nửa số người có tên trong danh sách của anh, Partridge tạm nghỉ và đi vào phòng họp để làm một tách cà phê. Quay trở về phòng, anh làm mọi việc mà các phóng viên truyền hình khác vẫn làm thường ngày, là đọc lướt qua tờ *New York Thời báo* và tờ *Bưu điện Washington*. Khách tới thăm các trung tâm Truyền hình luôn kinh ngạc vì thấy bao nhiêu là báo hàng ngày nằm rải rác khắp nơi – thực tế là cho dù hãng vô tuyến có thành công đến mấy, thì mọi người vẫn coi không có cái gì thực sự là thông tin cho đến khi nó được đưa lên hai tờ báo này.

Giọng nói mạnh mẽ của Chuck Insen cắt đứt việc đọc báo của Partridge.

"Harry, tôi đưa anh xem bản sắp xếp đội hình tối nay đây", ông uỷ viên ban chủ nhiệm vừa nói vừa bước vào phòng. "Tức là chúng ta sẽ phát thành từng phần. Anh sẽ phát một nửa".

"Nửa cuối hay nửa đầu?".

Insen cười nhẹ “Ai mà biết được? Dù sao thì từ tối nay trở đi anh phải đưa tất cả mọi điều liên quan tới vụ bắt cóc gia đình Sloane mà, trừ phi là Tổng thống bị bắn trước khi phát tin, còn tin này vẫn là tin đầu. Crawf sẽ phát phần tin còn lại của như thường lệ, vì không thì cả lũ chúng ta chẳng còn ra cái quái gì khi để cái bọn ác ôn khốn kiếp nào đó gây ra chuyện này lại ảnh hưởng đến công việc của hãng”.
“Tôi thì thế nào cũng được”, Partridge nói. “Chắc Crawf cũng vậy”.
“Nói thẳng ra thì đây là ý của Crawf. Cũng như bất cứ ông vua nào khác, anh ấy cảm thấy bất an khi rời khỏi ngai vàng quá lâu. Ngoài ra việc anh ấy không xuất hiện cũng chẳng có lợi gì. Ờ, còn một việc nữa – là cuối buổi phát tin, Crawf sẽ nói một vài lời để cảm ơn những người đã gửi thư an ủi, quan tâm đến gia đình anh ấy”.
Dù đang căng thẳng, Partridge vẫn thấy vui vui. Anh hỏi: “Hai người giờ lại có vẻ hợp ý nhau nhỉ?”.
Insen gật đầu “Chúng tôi đã ngầm thoả thuận một cuộc đình chiến không tuyên bố cho tới khi vụ này kết thúc”.
“Sau này thì sao?”.
“Để xem hẵng”.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 6

Gần một tháng trước đây, ngay khi Miguel vừa mới vào nước Mỹ một cách bất hợp pháp, hắn đã dự định mua quan tài để chuyên chở hai nạn nhân bị bắt cóc về Peru. Kế hoạch đã được triển khai chu đáo trước khi hắn thực sự vào …. Miguel cho rằng việc mua bán sẽ mau chóng và êm đẹp. Nhưng té ra không đơn giản như vậy.

Hắn đi tới một cửa hàng đồ tang ở Brooklyn, dự tính sẽ mở rộng hoạt động của hắn ra một chút chứ không chỉ hạn chế ở khu Tiểu Colombia thuộc quận Queens lúc này là trung tâm hoạt động của hắn. Nơi hắn chọn là một cửa hàng gần công viên Prospect, một khu nhà thanh nhã màu trắng có biển đề "Field" và một khu để xe rộng rãi.

Miguel bước qua cánh cổng gỗ sến nặng nề dẫn tới phòng chờ có trải thảm màu nâu ánh vàng, với những chậu cây cảnh cao và những bức tranh phong cảnh thanh bình. Một người đàn ông độ tuổi trung niên, mặc áo vét đen với một bông hoa cẩm thướng màu trắng và quần kẻ sọc đen xám xen lẫn, áo sơ mi trắng, cravat đen, lịch thiệp chào đón hắn.
"Chào ông" - Con người ăn mặc tề chỉnh này nói. – "Tôi là Field. Tôi có thể phục vụ ngài điều gì đây ạ?".
Miguel đã nghĩ trước điều hắn sẽ nói: "Tôi có hai bố mẹ già muốn sắp đặt trước, phòng lúc… các cụ ra đi".
Khẽ cúi đầu, Field bày tỏ sự nhất trí và thông cảm: "Tôi hiểu, thưa ông nhiều người già cả, trong buổi xế chiều, đều muốn có sự thoải mái và được bảo đảm về hậu sự của họ".
"Đúng vậy – Giờ đây, bố mẹ tôi muốn…".
"Xin lỗi ông. Xin mời ông quá bộ vào văn phòng của tôi".
"Được ạ".

Field đi trước dẫn đường. Có lẽ là có chủ ý nên họ đã đi qua nhiều phòng khách có trường kỷ và ghế bành, một phòng có những dãy ghế chuẩn bị cho tang lễ. Trong mỗi phòng đều có một cái xác, đã được trang điểm son phấn cẩn thận trong một quan tài để mở, đầu tựa trên chiếc gối có xếp nếp cầu kỳ. Miguel thấy có vài người khách nhưng một số phòng thì vắng tanh.

Văn phòng ở cuối ãy hành lang, nằm ở chỗ khuất. Trên các bức tường có các văn bằng đóng khung kính, trông giống như văn phòng của một bác sĩ, trừ cái văn bằng về nghiệp vụ "Trang điểm" cho xác chết (cái này có trang trí bằng các dãi ruy-băng hồng sẫm) và một văn bằng khác về ướp xác. Field ra hiệu cho Miguel ngồi xuống ghế.

“Xin ông cho biết tên ạ”.
“Tôi tên là Novack” – Miguel nói dối.
“Thế này ạ, thưa ông Novack, đầu tiên là chúng ta phải bàn tới những sự thu xếp chung đã. Ông hoặc các cụ nhà đã chọn được một địa điểm nghĩa trang nào và đã đăng ký chưa ạ?”.
“À, chưa”.
“Vậy thì đó là vấn đề cần xem xét đầu tiên của chúng ta. Chúng tôi cần phải đăng ký chuyện đó cho ông ngay lập tức vì hiện nay càng ngày càng khó kiếm được một chỗ, nhất là một chỗ tử tế. Dĩ nhiên là trừ việc gia đình tính đến chuyện hoả táng”.
Miguel cố nén sốt ruột, lắc đầu: “Không. Nhưng điều tôi thực sự muốn bàn đều là…”.
“rồi đến vấn đề tôn giáo của các cụ nhà nữa. Đòi hỏi loại lễ gì? Và còn có những quyết định khác cần làm. Có lẽ ông nên xem cái này”.
Field đưa ra một cái gì đó giống như một bản thực đơn tỉ mỉ của tiệm ăn. Đó là môt bản danh sách dài dòng gồm những mục riêng biệt và giá tiền như: “Tắm, tẩy uế, sửa sang và trang điểm cho người chết: 250 đô la. “Chăm sóc đặc biệt cho các trường hợp mổ khám tử thi: 125 đô la. “Phục vụ lễ toàn thể các nghi thức khác nhau – 100 đô la”. “Một dịch vụ trọn gói theo truyền thóng” là 5.900 đô la, bao gồm, ngoài mọi thứ khác, còn có một thập ác đáng gía 30 đôla đặt ở trong tay người quá cố. Một cỗ quan tài sẽ được tính riêng, giá lên tới 20.600 đôla.
“Tôi tới để bàn chuyện quan tài”. – Miguel nói.
“Được ạ” Field đứng dậy. “Xin ông đi theo tôi”.

Lần này ông ta dẫn hắn xuống cầu thang tầng hầm. Họ đi vào một căn phòng bày hàng trải thảm đỏ và Field đi ngay tới chỗ quan tài trị giá 20.600 đôla. “Đây là loại tốt nhất của chúng tôi. Bằng loại thép tốt, độ dày tiêu chuẩn 18, có ba lớp bạc, kính, đồng và lại lót đồng – nó sẽ tồn tại mãi mãi, không bao giờ hỏng”. Bên ngoài quan tài có những hình hoạ trang trí tỉ mỉ, bên trong lót nhung màu xanh nhạt.
“Có lẽ tôi muốn loại đơn giản hơn một chút”, Miguel bảo ông ta.
Họ tìm đến chỗ hai cỗ quan tài, to nhỏ khác nhau giá 2.300 đôla và 1.500 đôla.
“Mẹ tôi người bé nhỏ mà”, Miguel giải thích. Vào quãng một đứa trẻ mười một tuổi, hắn thầm nghĩ.

Miguel tò mò nhìn những hòm gỗ thô sơ, đơn giản. Khi hắn hỏi, Field giải thích: “Đó là để dành cho những tín đồ Do Thái với yêu cầu đơn giản. Các hòm quan này có hai lỗ ở đáy, theo thuyết của họ là “của đất trả về cho đất”. Ông không phải là người Do Thái chứ ạ?”. Khi Miguel lắc đầu, Field thổ lộ: “Nói thẳng ra, đây không phải các kiểu chôn cất mà tôi sẽ chọn cho những người thân yêu của tôi”.
Họ đi trở lại văn phòng. Field nói “Bây giờ tôi cho là ta nên bàn những vấn đề cụ thể khác. Đầu tiến là nơi chôn cất”.
“Không cần thiết”. Miguel nói. “Điều tôi muốn làm là trả tiền quan tài và đem về”.
Field có vẻ sửng sốt “Thế thì không được”.
“Sao lại không?”.
“Đơn giản là không làm theo cách đó được”.
“Có lẽ tôi đã giải thích cho ông rõ” Miguel bắt đầu thấy điều này không đơn giản như hắn nghĩ. “điều mà bố mẹ tôi muốn là giờ đây họ có sẵn quan tài đưa về nhà, đặt ở chỗ mà ngày nào họ

cũng có thể nhìn thấy. Điều đó khiến cho họ có thể quen, như người ta thường nói, với nơi an nghĩ tương lai của họ".
Field tỏ ra cương quyết: "Chúng tôi không thể làm như vậy được. Điều chúng tôi có thể thu xếp ở đây, nếu tôi có thể nói gọn lại, là "dịch vụ trọn gói". Có thể mời các cụ nhà tới xem áo quan họ sẽ an nghỉ sau này. Nhưng sau đó chúng tôi cương quyết sẽ giữ tới khi cần sử dụng".
"Ông không thể…".
"Không, thưa ông. Tuyệt đối không".
Miguel cảm thấy ông ta đã hết quan tâm đến việc bán hàng, và thậm chí đã tỏ ra nghi ngờ.
"Thôi được. Để tôi xem sao rồi sẽ quay lại".
Field tiễn Miguel ra. Miguel không hề có ý định quay lại. Như thế này, hắn biết rằng hắn ta để lại ấn tượng quá mạnh rồi.
Ngày hôm sau hắn thử hỏi hai cửa hiệu nữa ở khu vực xa hơn và rút ngắn các cuộc hỏi han lại. Nhưng câu trả lời vẫn như vậy. Không ai muốn bán quan tài riêng ngoài "dịch vụ trọn gói".
Đến giờ thì Miguel cho là việc chuyển hoạt động ra khỏi trung tâm hành sự của hắn là sai lầm, nên hắn trở lại quận Queens và những nơi quen biết của hắn ở Tiểu khu Colombia. Sau đó vài ngày hắn được đưa đến một cửa hàng bán áo quan nhỏ bé, buồn tẻ ở Astoria, không xa đồi Jackson lắm. Ở đó hắn gặp Alberto Godoy.
Nếu đem so sánh thì cửa hàng của Godoy với của hàng của Field cách nhau một trời, một vực – nó nhằm phục vụ loại khách hàng mèng. Cửa hàng cũng xộc xệch y như ông chủ của nó.
Godoy béo phì, đầu hói, tay ám khói thuốc vàng khè và những ngấn mỡ chảy xệ lộ rõ là một tay nghiện rượu nặng. Cái áo khoác đen và chiếc quần kẻ sọc xám đầy những vết thức ăn. Giọng nói của ông ta gắt gỏng và thỉnh thoảng lại bị ngắt quảng vì những cơn ho của người nghiện thuốc. Trong lúc Miguel lại cái văn phòng bé xíu, bừa bộn. Godoy hút ba điếu thuốc liền, điếu nọ tiếp theo điếu kia.
"Tên tôi là Novack. Tôi đến hỏi một vài điều", - Miguel nói.
Godoy gật đầu: "Vâng, tôi biết".
"Tôi có hai ông bà già".
"Ồ, cả hai à?".
Miguel kiên nhẫn nhắc lại câu chuyện, còn Godoy lắng nghe với vẻ chán ngán pha lẫn hoài nghi. Cuối cùng câu hỏi duy nhất của ông ta là "Ông trả bằng gì?".
"Tiền mặt".
Godoy thoáng vẻ thân thiện hơn. "Đi lối này".
Lại một khu nhà hầm bày những cỗ áo quan mẫu, chỉ có là ở đây trải thảm màu nâu đã cũ rách, và các mẫu hàng cũng ít hơn ở cửa hàng của Field. Miguel mau chóng chọn hai cái vừa ý, môt cỗ thông thường, một cái nhỏ hơn.
Godoy tuyên bố: "Cỡ thông thường, ba nghìn đô, cỡ trẻ con, hai mươi lăm tờ một trăm".
Dù chữ "trẻ con" được đề cập đến trái ngược với câu chuyện của hắn bịa ra và gần với sự thật một cách nguy hiểm, Miguel vẫn lờ phắt. Kể cả khi biết thừa là cái giá 5.500 đôla ít nhất cũng đắt gấp đôi giá thường, hắn cũng không bàn cãi. Hắn mang theo tiền mặt và trả toàn tờ một trăm đola. Godoy đòi thêm 454 đôla để trả thuế doanh thu cho thành phố New York. Miguel cũng đưa cho dù hắn không tin là mấy ông thu thuế lại có thể nhìn thấy khoản này.
Miguel đưa chiếc xe GMC mới mua quay lưng vào phía bục chuyển hàng và hai chiếc áo quan được chuyến lên bằng bánh xe đẩy dưới sự giám sát cẩn thận của Godoy. Rồi Miguel đưa gửi

tại một căn nhà an toàn để sau đó chuyển về Hackensack.
Giờ đây, gần một tháng sau, hắn lại trở lại cửa hàng của Alberto Godoy để mua một chiếc áo quan nữa.

* * *

Miguel thấy khó chịu khi phải quay lại vì như vậy khá nguy hiểm. Hắn nhớ lại việc Godoy bỗ bả đề cập đến chuyện chiếc quan tài thứ hai dành cho đứa trẻ. Vậy liệu có cơ là Godoy đã liên hệ vụ bắt cóc một phụ nữ và một đứa trẻ ngày hôm qua với vụ mua quan tài trước đó chăng? Không chắc đã như vậy, nhưng một lý do khiến Miguel còn sống sót cho đến giờ với tư cách là một kẻ khủng bố chính là vì hắn biết cân nhắc mọi khả năng. Tuy nhiên, một khi đã quyết định chuyển kẻ bị bắt thư ba tới Peru, vào thời điểm này không còn sự lựa chọn nào khác ngoài Godoy được. Phải dấn thân vào nguy hiểm thôi.
Gần một tiếng sau khi rời trụ sở Liên hợp quốc, Miguel ra lệnh cho Luis đỗ xe tang của chúng ở cách cửa hàng bán đồ tang của Godoy một đoạn phố. Miguel lại phải dùng đến ô vì trời vẫn đổ mưa.
Trong cửa hàng một nữ nhân viên gọi điện cho Godoy, rồi chỉ đường cho Miguel tới văn phòng của ông chủ.
Từ sau đám khói thuốc dày đặc người đàn ông béo phì nhìn Miguel một cách mệt mỏi. “Lại là ông. Các bạn ông đã không báo cho tôi biết ông tới”.
“Không ai biết cả”.
“Ông muốn gì đây?”. Cho dù động cơ làm ăn của Godoy là gì đi chăng nữa, thì việc bặp ngay vào chuyện kiểu này có nghĩa là hắn đã dè chừng trước.
“Người ta yêu cầu tôi giúp đỡ một người bạn già. Ông ta đã nhìn thấy mấy áo quan tôi mua cho bố mẹ tôi. Ông ta thấy ý định đó hay hay và nhờ xem tôi có thể…”.
“Ôi dào, thôi đi!” Có một chiếc ống nhổ kiểu cổ để bên cạnh bàn của Godoy. Ông ta bỏ điếu thuốc ra và nhổ toẹt vào đó. “Nghe đây, thưa ông, đừng có phí thời gian vào cái mà cả hai chúng ta đều biết rằng đó là chuyện ba láp. Tôi xin hỏi thẳng là ông muốn cái gì?”.
“Một cái áo quan. Tôi sẽ trả như trước”.
Godoy liếc nhìn bằng đôi mắt láu cá của ông ta. “Tôi làm ăn ở đây. Đúng là đôi khi tôi làm ơn cho các bạn ông, họ cũng đáp lại tôi như vậy. Nhưng điều tôi muốn ông cho biết là có phải tôi đã tự dấn thân vào một vụ bê bối không?”.
“Không có gì bê bối cả. Không bê bối nếu ông hợp tác”. Miguel để lộ vẻ doạ dẫm qua giọng nói của hắn và nó đã có tác dụng.
“Thôi được, tôi bán cho ông” Godoy nói, giọng đã dịu xuống. “Nhưng so với lần trước giờ giá cả đã lên rồi. Một cái áo quan người lớn, hết bốn ngàn đô”.
Không nói không rằng, Miguel mở chiếc ví Jose Antonnio Salaverry vừa mới đưa cho hắn, và đếm những tờ môt trăm đô. Lúc hắn đưa bốn mươi tờ cho Godoy, tay này nói: “Thêm hai trăm rưỡi tiền thuế của New York nữa”.
Gấp chiếc ví có băng dính lại, Miguel bảo Godoy: “Cả ông lẫn New York cũng chẳng là cái đ… gì. Tôi có xe sẵn ngoài kia rồi. Để cái áo quan lên bục chuyển đi”.
Lên bục chuyển hàng, Godoy khá ngạc nhiên khi thấy chiếc xe tang xuất hiện. Ông ta nhớ rằng hai chiếc áo quan trước đã được chuyển đi bằng xe vận tải. Vẫn phân vân về vị khách này rất

đáng ngờ, ông ta nhớ số xe và ký hiệu biển số của New York và khi trở lại văn phòng, ông ta ghi lại, tuy thực sự không biết để làm gì. Ông ta nhét mẩu giấy vào ngăn kéo và quên bẵng đi.

* * *

Mặc dù ông ta đoán chắc là mình đã dính vào một chuyện gì đó mà đừng biết rõ về nó thì yên thân hơn, Godoy vẫn mỉm cười sung sướng khi cất bốn nghìn đôla vào két văn phòng. Vẫn còn một ít tiền mà vị khách vừa rồi trả hồi tháng trước, mà Godoy không những chẳng có ý định nộp thuế doanh nghiệp cho thành phố New York về bất cứ khoản nào mà ông ta cũng chẳng khai nó vào đâu hết. Làm trò xiếc buôn bán để cho ba chiếc quan tài biến khỏi sổ sách của ông ta thì quá dễ. Ý nghĩ đó làm cho ông ta khoái đến nỗi ông ta quyết định làm điều ông thường làm – tới một quán rượu gần đó để uống một chầu.
Đông đảo bạn bè của Godoy đang ở trong quán reo hò chào đón ông ta. Một thời gian sau, chuếnh choáng vì ba cốc whisky Jack Daniel, ông ta kể cho cả bọn nghe là có một thằng cha căng chú kiết nào đó đã mua hai chiếc quan tài và đem về nhà bố mẹ mình – theo lời thằng đó nói – để sẵn sàng cho khi ông bà già ngỏm củ tỏi, rồi lại trở lại mua cái thứ ba, tất cả cứ như thể mua bàn ghế, xoong chảo vậy.

Trong lúc cả đám cười rộ lên, Godoy hứng chí thổ lộ là ông ta cứa cho cái thằng lưu manh ngu xuẩn đó giá gấp ba lần giá áo quan bình thường. Lúc đó, một trong những người bạn của ông ta nâng cốc chúc mừng, đồng thời gợi ý rằng Godoy – giờ đây mọi nỗi lo âu đã hoàn toàn tan biến – phải mời cả bọn một chầu nữa.

Giữa đám khách của quán đó có một người gốc Colombia, bây giờ đã là công dân Mỹ, hiện đang viết cho một mục của tờ tuần báo vô danh tiểu tốt xuất bản bằng tiếng Tây Ban Nha tại Queens. Lật trái mặt một chiếc phong bì, anh ta vớ lấy một mẩu bút chì và ghi lấy cốt truyện của Godoy, bằng tiếng Tây Ban Nha. Anh ta nghĩ rằng đây có thể là một mẩu tin nhỏ hay hay cho mục tin tuần sau.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 7

Tại hãng CBA đây là một ngày sôi động, nhất là đối với đội đặc nhiệm về vụ bắt cóc gia đình Sloane.

Mục tin chi tiết về vụ bắt cóc cho chương trình Bản tin tối Toàn quốc tiếp tục là tâm điểm của mọi hoạt động, cho dù mọi sự kiện khác, một số khá quan trọng, đang xảy ra ở những nơi khác trên thế giới.

Vụ bắt cóc đã chiếm tới năm phút rưỡi – một quãng thời gian phi thường tại một nơi mà từng mẩu tin mười lăm giây một đã đủ làm người ta tranh cãi gay gắt.

Với Harry Partridge xuất hiện ở phần mở đầu của bản tin, buổi phát tin tối bắt đầu.
"Sau ba mươi sáu giờ khắc khoải chờ đợi vẫn không có tin gì mới về gia đinh của Crawford Sloane phát thanh viên của hãng CBA; vợ, con trai và cha anh đã bị bắt cóc hồi sáng hôm qua tại Larchmont, New York. Hiện giờ bà Jessica Sloane, cậu bé Nicholas mười một tuổi và ông Angus Sloane ở đâu vẫn không ai biết".
Khi mỗi tên được nhắc tới, một bức ảnh xuất hiện phía trên vai của Partridge.

Một đoạn chuyển hình cực nhanh qua khuôn mặt lo âu của Sloane choán hết cả màn hình.
Giọng nói đau xót của anh khẩn khoản: "Các người là ai, các người ở đâu, hãy vì Chúa xin cho chúng tôi biết! Hãy để cho chúng tôi nghe thấy các người!".

Giọng của Partridge kèm theo đoạn quay một cảnh bên ngoài của trụ sở FBI, khu nhà 7, Edgar Hoover ở Washington: "Trong lúc FBI, giờ đây đang chịu trách nhiệm điều tra, không chịu bình luận…".
Cảnh chuyển qua văn phòng báo chí của FBI và một phát ngôn viên nói: "Vào lúc này tuyên bố gì cũng là không có lợi".
Lại giọng Partridge: "… nói riêng với nhau, các quan chức FBI thú nhận là không có tiến bộ gì…".
"Từ hôm qua, bao nỗi quan tâm và giận dữ từ các cấp cao nhất đã đổ dần xuống…".

Tiếp đó là cảnh phòng báo chí của Nhà Trắng, và giọng của Tổng thống: "Cái ác đến như vậy không có chỗ trú ngụ ở nước Mỹ. Bọn tội phạm sẽ bị truy lùng và trừng phạt…".
Partridge: "… và ở các nơi bình thường hơn…".

Từ Pittsburgh một công nhân ở ngành thép, da đen, đội mũ cứng, khuôn mặt ánh lên vì ánh sáng của lò nung: "Tôi thấy xấu hổ vì một chuyện như vậy đã có thể xảy ra ở đất nước tôi". Trong một nhà bếp sáng sủa, một bà nội trợ da trắng nói: "Tôi không thể hiểu tại sao không có ai nhìn thấy trước điều đã xảy ra và đề phòng trước. Trái tim tôi đau xót và Crawford, chỉ tay về phía máy vô tuyến, bà ta nói: "trong căn nhà này, anh ấy giống như người trong nhà vậy".

Ngồi trong lớp học ở California, một cô bé lại châu Á trẻ trung giọng dịu dàng: "Em rất lo lắng cho Nicholas Sloane. Chúng bắt bạn ấy thì thật là vô lý".

* * *

Suốt cả ngày, các đội quay phim của hãng CBA và các trạm chi nhánh trong cả nước đi thu thập các phản ứng của công chúng. Hãng đã xem xét năm mươi cảnh và chọn ba cảnh sau.

* * *

Cảnh chuyển qua nhà của Sloane ở Larchmont sáng hôm đó trong cơn mưa – một cảnh dài về đám đông đứng chờ ngoài đường phố, rồi, tới sát hơn, lướt qua các khuôn mặt. Kèm theo hình ảnh đó, giọng Partridge vang lên: "Một phần về mối quan tâm cao độ của công chúng nên hôm nay đến một bi kịch mới đã xảy ra".

Tiếp tục là những hình ảnh xen lẫn với âm thanh tự nhiên: hai chiếc xe của FBI không mang biển hiệu xuất hiện đột ngột…, những người đứng xem nhào tới đường chiếc xe thứ nhất đang đi… chiếc xe thứ nhất phanh gấp, tiếng bánh xe rít kèm theo những tiếng thét của người bị thương… những người khác chạy tránh chiếc xe thứ hai, lúc này vẫn tiếp tục lái đi… cận cảnh khuôn mặt kinh hoàng của Crawford Sloane… chiếc xe thứ hai vẫn tiếp tục lao đi.

Trong lúc biên tập, một số ý kiến phản đối việc đưa cảnh mặt của Sloane và chiếc xe lao vút đi. Bản thân Sloane cũng phàn nàn là: "Nó làm cho người ta có ấn tượng sai".

Nhưng Iris Everly, người phụ trách dựng cảnh, đã làm việc suốt ngày với một trong những biên tập viên băng hình giỏi nhất của hãng CBA là Bol Watson, đã đấu tranh để giữ cả cảnh đó và đã thắng: "Cho dù là Crawford thích hay không, thì đây là tin tức và chúng ta phải thật khách quan. Mà cũng từ suốt cả ngày hôm qua đến hôm nay chúng ta chờ có được cảnh hoạt động gì đó cơ mà" Rita và Partridge ủng hộ Iris.

* * *

Tiếp đó là một đoạn ghép nối từ ngày hôm trước. Bắt đầu là cảnh Priscilla Rhea, người giáo

viên về hưu già nua yếu ớt, đang mô tả lại cảnh Jessica, Nicky và Angus Sloane bị lôi đi ở ngoài siêu thị Larchmont.

Minh Văn Cảnh đã sử dụng Camera đầy sáng tạo, để máy tiến dần vào cận mặt Rhea. Hiện rõ trên màn hình là những nét hằn sâu của tuổi tác; từng nếp nhăn đều nổi rõ ên, nhưng chúng cũng cho thấy cả trí thông minh và tính kiên quyết của bà. Minh đã hỏi bà những câu hỏi lịch duyệt, một thủ tục thỉnh toảng vẫn được sử dụng. Khi không có phóng viên nào ở đó, những người quay phim đầy kinh nghiệm phỏng vấn những người mà họ đang quay. Sau đó các câu hỏi sẽ được máy ghi âm xoá đi, nhưng câu trả lời vẫn được sử dụng.

* * *

Sau khi mô tả lại cuộc vật lôn ở bãi để xe và cảnh chiếc xe Nissan bỏ đi, bà Rhea bình luận về bọn bắt cóc, giọng bà cao lên: "Chúng là những con người dã man, cục súc, thô lỗ".
Tiếp theo đó là lời của viên cảnh sát trưởng Larchmont khẳng định rằng cuộc điều tra không có tiến triển gì và bọn bắt cóc vẫn biệt vô âm tín.
Tiếp theo đoạn cắt ghép trên là cuộc phỏng vấn một nhà tội phạm học, Ralph Salermo.

* * *

Salermo ngồi trong một phòng quay tại Miami, còn Harry Partridge thì ở New York, cuộc phỏng vấn đã được ghi lại qua vệ tinh vào cuối giờ chiều hôm đó. Rõ ràng lời khuyên của Karl Owens là có ích, và Salermo, một nhân vật có uy tín nghề nghiệp, đã tỏ ra rất hùng hồn và thông thạo tin tức. Ông ta gây cho Rita Abrams ấn tượng tốt đến nỗi cô đã thu xếp để ông ta có những cuộc phỏng vấn đặc biệt cho hãng CBA trong suốt thời gian tiến hành công việc này. Mỗi lần xuất hiện trên màn hình, ông sẽ được trả 1000 đôla, mà dự tính là sẽ có bốn lần như vậy.

Cho dù các hãng truyền hình đều tuyên bố là không trả tiền cho các cuộc phỏng vấn tin – một lời tuyên bố không phải lúc nào cũng thật – thì một khoản tiền cố vấn lại là chuyện khác và lại được chấp nhận.
Ralph Salermo tuyên bố:
"Hiệu quả của tiến tình điều tra bất kỳ một cuộc bắt cóc nào đều phụ thuộc vào tin tức nghe được từ bọn bắt cóc. Cho đến khi chuyện đó xảy ra thì thông thường mọi chuyện đều bế tắc".

Trả lời một câu hỏi của Partridge, ông nói tiếp: "FBI đã đạt được tỉ lệ cao trong việc khám phá các vụ bắt cóc; họ đã giải quyết 92 phần trăm các vụ. Nhưng nếu các bạn xem xét cẩn thận về ai là người bị bắt và bị bắt như thế nào, các bạn sẽ thấy rằng hầu hết các giải pháp đều phụ thuộc trước tiên vào chuyện có được lời nhắn nhủ của bọn bắt cóc, rồi đặt bẫy chúng trong lúc điều đình boặc trả tiền chuộc".

Partridge ngắt lời: “Vậy có vẻ như sẽ không có gì đáng kể xảy ra cho tới khi chúng ta nhận được tin từ bọn bắt cóc”.
“Chính xác là như vậy”.

Lời tuyên bố kết thúc phần tin đặc biệt là của chủ tịch hãng CBA, Margot Lloyd-Mason.

* * *

Ý định để cả Margot vào chương trình này là của Leslie Chippingham. Ngay sau khi tin về vụ bắt cóc được truyền tới hãng vào ngày hôm qua, ông đã gọi điện báo cáo cho bà ta và sáng nay lại báo cáo tiếp. Phản ứng của bà ta, nói chung, là thiện cảm và sau cuộc nói chuyện thứ nhất của họ, bà ta đã gọi điện cho Crawford Sloane, bày tỏ lòng mong muốn là gia đình anh sẽ mau chóng được đoàn tụ. Còn khi nói chuyện với chủ nhiệm ban tin tức, dù sao, bà ta cũng đã báo trước hai điều:
“Một phần lý do của sự việc vừa xảy ra là vì hãng đã lầm lẫn để cho người phát thanh trở thành người vĩ đại hơn đời thường, vậy nên công chúng nghĩ về họ như một cái gì đó cực kỳ đặc biệt, gần như là thần thánh vậy”. Bà ta đã không nói rõ thêm hãng nên làm thé nào để kiểm soát được những quan niệm của công chúng, cho dù hãng muốn, còn về phía mình, Chippingham thấy không nên bàn cãi một chân lý hiển nhiên.
Điều khoản khác liên quan đến ban đặc nhiệm chống bắt cóc.
“Tôi không muốn bất cứ ai, và chủ yếu tôi muốn nói bản thân anh”, Margot nói quả quyết, “tiêu tiền một cách thiếu suy nghĩ. Ông có thể làm bất cứ điều gì cần thiết trong phạm vi ngân quỹ hiện có dành cho việc đưa tin”.
Chippingham nói dễ dãi: “Tôi không dám chắc điều này”.
“Vậy thì tôi sẽ nói với anh một nguyên tắc nhất định. Không một hoạt động nào vượt quá ngân quỹ được thực hiện nếu không có sự đồng ý trước của tôi. Rõ chưa?”.
Chippingham tự hỏi là trong mạch máu của người đàn bà này là máu hay là nước đá?

Cao giọng, ông trả lời: “Vâng, Margot ạ, rõ rồi, nhưng tôi mong bà lưu tâm rằng điểm đánh giá Bản tin tối ngày hôm qua đã tăng cao và tôi cho rằng nó sẽ tiếp tục như vậy trong khi vụ này vẫn còn chưa xong”.
Bà ta mát mẻ trả lời: “Cái trò được lắm người xem trên màn hình là vậy. Những chuyện bất hạnh hoá ra lại đem lại lợi nhuận”.

Việc lôi cuốn cả bà chủ tịch hãng vào chương trình tối nay có vẻ hợp lý, Chippingham mong rằng nó có thể làm cho thái độ của bà ta rộng rãi hơn đối với những khoản chi phí đặc biệt mà theo ông là cần thiết.
Trên màn hình, Margot nói với vẻ quyền thế, sử dụng những lời được người khác soạn sẵn nhưng đã được bà ta sửa lại đôi chút:
“Tôi xin nhân danh tất cả mọi người trong hãng này và cả công ty chính của chúng tôi là Hiệp hội Công nghiệp Globanic tuyên bố rằng toàn bộ các nguồn tài chính của chúng tôi đều được

sử dụng vào việc tìm kiếm thân nhân đang mất tích của gia đình ông Sloane. Chúng tôi coi việc xảy ra cũng như là việc của gia đình chúng tôi vậy".
"Chúng tôi rất đau xót trước chuyện này. Chúng tôi tha thiết mong các cơ quan thừa hành pháp luật tiếp tục mọi nỗ lực mạnh mẽ nhất để đưa bọn tội phạm ra ánh sáng. Chúng tôi mong được thấy người bạn và người đồng sự của chúng tôi là Crawford Sloane được đoàn tụ với, con trai và cha mình trong thời gian ngắn nhất".

* * *

Trong bản nháp đầu tiên Hiệp hội Công nghiệp Globanic đã không được nhắc tới. Khi Margot đề nghị đưa nó vào lúc xem lại bản nháp trong phòng làm việc riêng của Chippingham, ông khuyên: "Giá tôi thì tôi sẽ không để những chữ đó vào. Công chúng coi hãng CBA như là một tổ chức độc lập, một phần của nước Mỹ. Đưa tên của Globanic vào chỉ làm cho hình ảnh đó mờ đi, mà chẳng có lợi cho ai cả".

Margot bẻ lại: "Điều ông muốn là giả vờ cho rằng CBA là một loại hạt ngọc trên vương miện, là độc lập. Thực tế chẳng hề như vậy. Ở trụ sở của Globanic, người ta có xu hướng cho rằng CBA là một cái mụn trên mông họ. Cho nên những chữ đó phải để lại. Cái mà ông có thể bỏ đi, về Sloane, là những từ "người bạn và người đồng sự của chúng tôi". Bắt cóc với chẳng bắt cóc, tôi có thể tắc nghẹn vì chúng đấy".
Chippingham khô khan gợi ý: "Thế chúng ta mặc cả với nhau nhỉ? Tôi hứa sẽ nêu chữ Globanic nếu chỉ cần trong một buổi phát tin, bà sẽ là bạn của Crawford".
Một lần duy nhất, Margot phá lên cười: "Mẹ kiếp, được".

* * *

Ngày làm việc đầu tiên điên cuồng của cả nhóm đặc nhiệm, không mang lại kết quả gì chẳng làm Harry Partridge ngạc nhiên. Trước đây anh đã tham gia vào những vụ tương tự và biết rằng bất cứ thành viên của một đội ngũ mới nào cũng phải mất một ngày mới cùng định hướng được. Cũng chính vì vậy mà dứt khoát không nên làm các kế hoạch triển khai bị chậm trễ hơn nữa.

"Chúng ta nên có một bữa ăn tối để làm việc", anh bảo Rita chiều hôm đó.
Thế là cô thu xếp cho sáu người chủ chốt trong đội đặc nhiệm, tức là Partridge, Rita, Jaeger, Iris, Owens, Cooper gặp nhau để cùng đi ăn món ăn Trung Quốc ngay sau bản tin tối. Rita chọn quán Shun Lee West ở phía tây đường Sáu mươi lăm, gần Trung tâm Lincoln, một cửa hàng mà đám dân vô tuyến rất thích. Khi đặt chỗ, cô bảo ông chủ quán Andy Yeung: "Đừng quan tâm lắm tới thực đơn của chúng tôi. Ông cứ đặt cho một bữa ăn ngon lành và cho chúng tôi bàn ở chỗ khuất một chút, để chúng tôi còn bàn công chuyện".

* * *

Trong thời gain phát quảng cáo thương mại tiếp sau năm phút tường thuật về vụ bắt cóc đưa vào đầu Bản tin tối, Partridge bước ra khỏi ghế phát thanh viên và Crawford ngồi vào. Vừa ngồi xuống, Sloane nắm lấy cánh tay của Partridge và thì thầm "Cảm ơn Harry, vì tất cả mọi chuyện".
"Một số người của chúng ta sẽ làm việc cả đêm nay", Partridge trấn an anh, "cố tìm ra những ý gì đó mới".

"Tôi biết. Tôi rất cảm ơn". Như thường lệ, Sloane nhìn lướt qua bản lời một phụ tá đã đặt trước mặt anh; và khi Partridge nhìn anh, Partridge sửng sốt trước diện mạo của bạn mình. Kể cả trang điểm cũng không giấu được sức tàn phá của một ngày rưỡi vừa qua. Gò má của Sloane nhô cao, mắt trũng xuống, đỏ ngầu; có lẽ, Partridge nghĩ, anh ấy đã khóc thầm.
"Cậu có khoẻ không?". Anh thì thầm. "Chắc chắn là cậu muốn làm việc này chứ?".
Sloane gật đầu: "Những thằng mất dạy đó không làm tôi tê liệt được đâu".
Quản lý trường quay gọi to: "Mười lăm giây".

Partridge bước ra khỏi tầm ống kính, lặng lẽ tời phòng ghi hình. Ra đến ngoài, anh theo dõi một máy phát cho tới khi anh thấy hài lòng là Sloane sẽ thực hiện trôi chảy phần cuối bản tin. Rồi anh gọi xe đi tới quán Shun Lee West.
Bàn ăn đặt ở phía sau quán trong một góc khá yên tĩnh. Gần cuối món khai vị, một món xúp dưa gang bốc hơi ngon lành, Partridge nói chuyện với Cooper. Chàng trai người Anh trẻ trung này đã ở Larchmont gần như suốt cả ngày hôm nay, nói chuyện với bất cứ người nào biết về vụ bắt cóc, kể cả sở cảnh sát địa phương. Mãi xế chiều anh ta mới trở về trụ sở của ban đặc nhiệm.

"Teddy, nhưng tôi xin lắng nghe mọi ấn tượng của anh cho tới giờ phút này đã và anh có ý kiến gì về chuyện từ đây chúng ta sẽ đi đâu không?".
Cooper đẩy đĩa xúp đã hết sạch sang một bên và lau miệng. Anh ta mở một cuốn vở đã nhàu nát và trả lời "Được, ấn tượng trước đã".
Những trang sổ trước mặt anh ta đầy kín những chữ ghi chép.
"Đầu tiên đây là một công việc của những kẻ chuyên nghiệp. Cái bọn thực hành chuyện này rất kín kẽ. Chúng dự tính chuyện này chính xác như một thời gian biểu ngành đường sắt và chắc chắn là không để lại bằng chứng gì. Thứ hai là chúng có thế lực hậu thuẫn rất mạnh về tài chính".

Norman Jaeger hỏi: "Làm sao mà anh biết được?".
"Cứ mong mãi mới thấy anh hỏi". Cooper nhăn răng cười lúc anh đưa mắt nhìn khắp cả bàn. "Vì một điểm là mọi điều tỏ rõ là lũ bắt cóc đã dán chặt mắt vào ngôi nhà một thời gian dài trước khi ra tay hành động. Các anh đã nghe hàng xóm bây giờ mới nói rằng họ đã thấy có những chiếc xe đỗ bên ngoài gia đình Sloane khi thì một chiếc xe, khi thì hai xe to, và cho rằng những

người trong xe đang bảo vệ ông Sloane chứ không phải là đang rình mò ông ta chứ? Đấy, từ hôm qua năm người đã nói chuyện đó. Hôm nay tôi nói chuyện với bốn người. Họ đều nói rằng họ thấy những chiếc xe đó đến rồi lại đi trong quãng ba tuần nay, có khi cả tháng nay. Thế là chúng ta phải xem xét đến ông Sloane, giờ thì ông ấy đã tin rằng mình bị theo dõi".
Cooper liếc mắt nhìn Partridge "Harry ạ, tôi đã đọc những điều anh ghi trên bảng thông tin và tôi tin rằng ông Sloane đã nói đúng: ông ta đã bị theo dõi – Tôi có một lý thuyết về chuyện này".

Trong khi họ đang nói chuyện, những món ăn mới được dọn ra – tôm xốt hạt tiêu, tôm hùm rán, đậu xào, cơm rang. Nghỉ một lúc để thưởng thức món ăn nóng xong, Rita giục: "Lý thuyết đó thế nào hả Teddy?".
"Ôi, ông Sloane là một ngôi sao lớn của ngành truyền hình; ông ta đã quen là một nhân vật đại chúng, được chiêm ngưỡng ở bất cứ nơi nào ông ta đi, và điều đó đã trở thành một cách sống. Vậy để có một sự cân bằng đối trọng ở ông ta đã hình thành một cảm giác tiềm thức về sự vô hình của mình, và khó chịu về chuyện người ta ngoái đầu lại nhìn và chỉ trỏ. Đó là lý do ông ta có thể đã linh cảm thấy, là đã bị theo dõi, mà tôi cho đúng là ông ta đã bị theo dõi, bởi vì nó hợp với chuyện cả nhà bị theo dõi".
"Kể cả nếu như điều đó đúng đi", Karl Owens hỏi "thì chúng ta có thể tiến thêm được tới đâu?".
Partridge nói: "Nó giúp chúng ta thiết lập được một hình ảnh về những kẻ bắt cóc. Nói tiếp đi, Teddy".
"Ô kê, thế là lũ bắt cóc đã chi phí tốn kém cho một quãng thời gian làm công việc rình mò của chúng. Việc sử dụng tất cả các chiếc xe đó cũng rất tốn kém, một chiếc xe chở hàng mà có thể là hai chiếc, rồi chiếc xe Nissan ngày hôm qua nữa – cả một đội xe thường trực. Và còn có một số điểm đặc biệt về những chiếc xe này nữa".

Cooper giở một trang sổ: "Mấy ông "cá" Larchmont đã cho tôi xem những bản báo cáo về xe cộ này. Rút ra được một số điều thú vị".
"Nào, khi một ai đó thấy một chiếc ô tô, họ có thể không nhớ nhiều lắm về nó, nhưng một điều hầu hết ai cũng cho là màu sơn. Mà, những người nói rằng đã nhìn thấy những chiếc xe này đã mô tả tám màu khác nhau. Vậy nên tôi tự hỏi: "Lũ này có thật là có tới tám chiếc xe khác nhau hay không?".
"Chúng có thể có" Iris Everly nói, "nếu toàn bộ là xe đi thuê".
Cooper bắc đầu "Không đâu các bạn ạ, bọn này ranh ma lắm. Chúng biết rằng thuê ô tô có nghĩa là xuất đầu lộ diện: nào bằng lái xe, nào thẻ tín dụng. Mà xe thuê thì có những biển số dễ tìm ra tung tích".
"Vậy là anh có giả thiết khác" Jrris ngắt lời. "Đúng không?".
"Đưng. Tôi nghĩ là bọn chúng có tới ba xe và sơn phun lại, cứ cho là mỗi tuần một lần đi, mong rằng sẽ giảm được sự chú ý. Chỉ có một điều là trong khi sơn lại xe thì mấy thằng khốn kiếp đã mắc một lỗi rất ngu xuẩn".

Thức ăn được đem thêm lên – hai đĩa vịt Bắc Kinh đầy ngộn. Mấy người kia vớ lấy ăn ngấu nghiến trong khi Cooper vẫn tiếp tục nói.
"Chúng ta hãy lui về trước đó một chút. Một trong những người hàng xóm làm ở hãng bảo

hiểm xe ô tô, ông ta biết mọi nhãn hiệu và kiểu xe".
Jaeger cắt ngang: "Tất cả mọi điều đó đều rất thú vị ông bạn người Anh của tôi ơi, nhưng nếu anh muốn ăn miếng thịt vịt tuyệt vời này thì anh phải chén ngay đi trước khi mấy thằng Mẽo ăn tham này kịp ngốn hết".
"Vịt quốc tế!" Cooper hồ hởi tham gia vào món ăn rồi tiếp tục:
"Dù sao thì ông già làm hãng bảo hiểm này đã chú ý tới nhãn hiệu và kiểu xe và ông ta nói rằng ông ta đã thấy ba cái, chứ không hơn, một cái Ford Tempo, một cái Celebrity và một cái Plymouth Reliant, đều là kiểu năm nay và nhớ một số màu sắc".
Partridge hỏi: "Thế làm sao anh lại biết được chuyện sơn lại?".
"Chiều nay", Cooper nói, "ông bạn Best Fisher của anh đã giúp tôi gọi điện tới mấy người mua bán xe. Điều được phát hiện là một số màu mà mọi người nói là đã thấy đều không đúng với kiểu mẫu. Ví dụ, ông già làm bảo hiểm nói rằng ông ta đã thấy một chiếc Ford Tempo màu vàng, nhưng người ta không sản xuất xe màu đó. Trường hợp cái Plymouth Reliant cũng vậy. Một số người mô tả nó màu xanh lá cây, nhưng chẳng có chiếc xe nào trong ba cái này đã được sơn màu xanh là cây khi bán ra".

Owens trầm ngâm nói: "Có lẽ anh đã đi đúng hướng. Dĩ nhiên có thể một trong ba xe bị tai nạn và phải sơn lại, nhưng không thể cả ba cái đều như thế được".
"Còn một điểm khác nữa về chuyện này", Jaeger thêm vào "là các hiệu sửa chữa sơn lại xe, đều sơn đúng màu nhà sản xuất đã sơn. Trừ khi chủ xe yêu cầu màu lạ".
"Tôi đồng ý với ý kiến của các bạn", Cooper ói, "và nó có nghĩa là bọn người chúng ta đang tìm đã tự sơn lấy xe, không thèm biết đến màu sắc hiện thời của xe đang lưu hành".

Partridge nói vẻ nghi ngờ: "Chúng ta đã suy đoán quá xa đấy".
Rita hỏi lại: "Nhưng lại không đúng à? Thế anh không nhớ Teddy vừa nói, là bọn chúng có hẳn một đội xe – ít ra là ba ô tô, một xe tải và có thể là hai, một xe khách hiệu Nissan dùng vào vụ bắt cóc. Dù sao thì ta cũng đã biết tới năm chiếc. Như vậy nơi chúng để xe chắc phải là khá rộng. Vậy thì hẳn phải đủ rộng để có thể sơn xe nữa".
"Một trụ sở hoạt động chớ gì" Jaeger nói. Anh ta quay sang phía Teddy, giờ đây anh ta bắt đầu thấy nể Teddy thay vì sự hoài nghi sáng nay. "Có phải anh định nói tới điều đó chăng?".
"Vâng ạ,", Cooper rạng rỡ đáp "Đúng vậy".
Bữa ăn đến món tôm sốt có gừng và hành. Họ trầm ngâm suy nghĩ, tập trung vào điểm vừa mới nghe được.
Rita nói vẻ đăm chiêu "Một trụ sở ẩn náu và hoạt động cho cả bọn và xe cộ. Theo lời kể của bà cụ già thì chúng có bốn hoặc năm người lúc tiến hành bắt cóc. Hẳn còn có người ở hậu đài nữa. Liệu như vậy đã ghép mọi chuyện lại với nhau được chưa nhỉ?".
Còn các con tin nữa. Jaeger nói thêm.
"Chúng ta cứ cho là như vậy", Partridge nói vào "Vậy thì câu hỏi sắp tới là chúng ở đâu?".
"Dĩ nhiên chúng ta không biết" Cooper nói, "nhưng một người suy nghĩ tích cực có thể đoán ra nơi chúng ẩn náu có thể cách Larchmont bao xa".

Vẻ hài hước, Iris hỏi: "Suy nghĩ tích cực như anh đã làm vừa rồi à?".
Cooper đáp, không bối rối: "Tôi có suy nghĩ theo cách một kẻ bắt cóc có thể dự tính. Vậy nên

tôi tự đặt câu hỏi: Sau khi vồ được mồi rồi, thì tôi sẽ làm gì tiếp theo?".
"Thử coi đây là một câu trả lời nhé" Rita nói. "Trốn khỏi bị truy nã, vậy có nghĩa là chạy như điên và ẩn náu cho nhanh".
Cooper đập hai tay vào nhau "Đúng quá rồi! Và có nơi nào ẩn náu tốt hơn là cái trụ sở thường xuyên đó?".
Owens hỏi: "Liệu tôi hiểu có đúng không đây? Anh đang gợi ý là trụ sở không cách xa đây lắm phải không?".
"Đấy là cách tôi nhìn nhận nó", Cooper nói, "Thứ nhất là nó cần phải ngoài Larchmont; ở bất cứ đâu trong vùng đều là quá mạo hiểm. Nhưng, thứ hai, nó cũng không nên ở quá xa. Bọn bắt cóc biết rằng trong một khoảng thời gian ngắn nhất, có thể tính từng phút, sẽ có báo động và cảnh sát túa ra khắp mọi chỗ. Vậy nên chúng phải tính xem chúng có bao nhiêu thời gian".
Rita hỏi: "Theo ý anh phải mất bao lâu".
"Theo tôi cũng phải nửa tiếng. Thậm chí không lâu đến thế, nhưng dù sao chúng cũng phải đi một khoảng khá xa".
Owens chậm rãi nói "Chuyển quãng thời gian đó sang thành dặm đường… tôi tính là hai mươi lăm dặm".

"Đúng với điều tôi đoán", Cooper rút ra một tấm bản đồ New York gấp trong túi và trải rộng ra. Trên bản đồ, lấy Larchmont làm tâm điểm, anh ta vẻ một vòng bút chì. Anh trỏ vào trong vòng tròn: "Bán kính hai mươi lăm dặm. Tôi cho là trụ sở của chúng nằm đâu đó trong này".

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 8

Vào lúc tám giờ 40 phút tối thứ sáu, khi nhóm phóng viên CBA vẫn còn đang ăn tối ở quán Shun Lee West, có tiếng chuông vang lên ở căn hộ Manhattan của nhà ngoại giao người Peru, Jose Antonnio Salaverry, báo hiệu có khách.

Căn hộ nằm ở phố Bốn mươi tám gần đại lộ Công viên, là một phần trong khu nhà hai mươi tầng. Cho dù có người gác ở cửa chính, khách khứa thường dùng hệ thống điện thoại bên ngoài để báo tin việc họ đã đến, rồi chính người chủ căn hộ trực tiếp mời họ vào.
Salaverry đã bực bội từ lúc anh ta gặp Miguel sáng nay tại trụ sở Liên hợp quốc và rất lo lắng khi nghe nói rằng nhóm Medellin Sendero Luminoso đã ra khỏi đất nước một cách an toàn. Anh ta cho rằng việc ra đi của bọn chúng sẽ kết thúc mối liên quan của chính bản thân anh ta với cái việc đáng sợ đã ám ảnh tâm trí anh ta suốt từ hôm qua tới nay.

Anh ta và cô bồ làm ở ngân hàng là Helga Efferen đã ngồi uống vôtka trước lò sưởi suốt hơn một tiếng đồng hồ, cả hai đều không cảm thấy có nhu cầu cần phải đi vào bếp để nấu nướng một chút gì đó hoặc gọi điện thoại đặt người đưa thức ăn tới. Tuy rằng rượu mạnh đã làm cho thể xác họ thư giãn ra một chút, nhưng nó vẫn không làm họ bớt lo lắng.

Họ là một đôi so le – Salaverry thì nhỏ bé và xương xẩu; Helga thì nói "đồ sộ" là lời mô tả tốt nhất. Cô to xương, da thịt phốp pháp, bộ ngực núng nính và một mái tóc hung tự nhiên. Tuy nhiên thiên nhiên đã không tiếp tục làm đẹp cho cô, khuôn mặt thô ráp và tính chanh chua của cô làm cho đàn ông khó chịu, tuy Salaverry thì lại không. Từ cuộc gặp gỡ đầu tiên ở ngân hàng anh ta đã bị Helga thu hút, có lẽ vì anh ta thấy bản thân mình "đồng điệu" với cô và cũng cảm thấy khả năng xác thịt mạnh mẽ nhưng kín đáo của cô.

Nếu như vậy, anh ta đã đúng trong cả hai điều suy nghĩ. Họ cũng chia sẻ một quan điểm, là chỉ căn cứ vào chủ nghĩa thực dụng. Tính ích kỷ và hà tiện. Về phần nhục dục, trong các cuộc làm tình thường xuyên của họ, một nàng Helga luôn sôi sục trở thành một con thú điên cuồng đáp lại lòng ham muốn của Jose Antonio. Cô quấn chặt và gần như nuốt chửng anh ta. Anh ta thích điều đó, Helga cũng hay thả sức kêu toáng lên, đôi khi còn hét lên trong cơn kích thích cao độ. Điều đó làm cho anh ta cảm thấy mình hùng mạnh về tất cả mọi mặt – hơn là trên thực tế.

Buổi tối hôm đó đã xảy ra một ngoại lệ hiếm hoi. Họ đã bắt đầu làm tình với nhau, hy vọng xoá đi, dù chỉ là tạm thời, mối lo quá lớn của họ. Nhưng họ không thể xoá được và sau một lúc cả

hai đều nhận ra là họ đã không hứng thú lắm với cuộc ái ân nên dừng lại.

Dù sao thì tâm trí họ vẫn bị ám ảnh bởi việc gia đình Sloane bị bắt cóc.
Cả hai đều biết rằng họ nắm được một lượng thông tin quan trọng về tội ác gây náo động hiện đang nóng hổi trong giới báo chí và nạn nhân cũng như thủ phạm đều đang bị mọi cơ quan luật pháp của cả nước truy tìm. Tồi tệ hơn nữa là họ đã tiếp tay cho vụ bắt cóc này.
Tuy nhiên, không phải Jose Antonio và Helga lo lắng cho những nạn nhân vụ bắt cóc. Họ lo cho chính bản thân họ. Salaverry biết rằng nếu sự tham gia của hắn bại lộ, thì luật miễn trừ ngoại giao không thể cứu hắn thoát khỏi hậu quả chẳng dễ chịu gì, kể cả việc trục xuất ra khỏi Liên hợp quốc và nước Mỹ, sự nghiệp tiêu huỷ và chắc hẳn khi về Peru còn bị bọn Sendero Luminoso trả thù nữa. Helga không có sự bảo vệ nào về mặt ngoại giao, sẽ bị bỏ tù vì đã không khai báo tội phạm và có lẽ vì đã nhận hối lộ để bí mật chuyển ngân quỹ vào ngân hàng cô đang làm việc.

Helga đang mải mê với những ý nghĩ này thì tiếng chuông vang lên. Người tình của cô nhảy bật dậy, chạy vội tới máy điện đàm mắc trên tường nối liền với cổng chính. Bấm một cái nút, hắn hỏi: "Ai đó?".
Một giọng nói khó nghe thông báo: "Plato đây".
Nhẹ nhõm hẳn, Salaverry bảo Helga: "Hắn đấy". Rồi nói vào ống nghe "Xin mời lên". Hắn bấm một cái nút để mở khoá cổng vào ở tầng dưới.

* * *

Dưới đó mười bảy tầng, người đàn ông vừa mới nói chuyện với Salaverry bước vào trong toà nhà qua một cái cửa kính nặng nề. Hắn người tầm thước, mặt mỏng dinh da ngăm ngăm, đôi mắt sâu hoảm, ủ ê và mớ tóc đen bóng loáng. Hắn mặc chiếc áo khoác cũ không cài khuy trước, phủ ngoài một bộ quần áo nâu không có gì đặc biệt. Lúc bước vào hắn vẫn đi đôi găng tay mỏng và mặc dù ở trong nhà rất ấm hắn vẫn không bỏ găng ra.

Một người gác cửa nhìn thấy người này đến nên đã sử dụng điện đàm ra hiệu cho hắn bước vào một chiếc thang máy. Ba người khác cũng đã đứng chờ ở tầng trệt cùng bước vào thang máy. Người đàn ông trong chiếc áo khoác cũ không thèm để ý gì tới họ. Sau khi bấm nút lên tầng thứ mười tám, hắn đứng bất động, nhìn thẳng về phía trước. Lúc thang máy lên tới tầng của hắn thì mấy người kia đã ra rồi.

Hắn đi theo một mũi tên chỉ tới căn hộ hắn phải tìm, cẩn thận ghi nhớ rằng trên tầng này còn có ba căn hộ nữa và có một cầu thang cứu hoả ở phía tay phải. Hắn không cần phải sử dụng lời chỉ dẫn, nhưng ghi nhớ đường trốn thoát là một thói quen. Tại cửa ra vào hắn bấm nút và nghe tiếng chuông reo khẽ ở bên trong. Hầu như cửa được mở ra ngay lập tức.

Người đàn ông hỏi: "Ông Salaverry phải không ạ?". Giọng nói của hắn rất dịu, pha lẫn âm sắc Latinh.
"Vâng, vâng. Mời vào. Để tôi treo áo khoác cho ông nhé".

“Thôi. Tôi không ở lại lâu”. Người khách lướt nhìn quanh. Thấy Helga, hắn hỏi: “Người phụ nữ này là nhân viên ngân hàng à?”.
Nghe có vẻ hơi xấc xược, nhưng Salaverry vẫn trả lời: “Vâng, đó là cô Efferen. Còn ông tên là gì ạ?”.
“Cứ gọi là Plato là đủ”. Hất hàm về phía trước lò sưởi, hắn nói: “Chúng ta ra kia nhé?”.
“Được ạ”, Salaverry nhận thấy rằng hắn vẫn mang găng tay. Anh ta cho rằng có lẽ tay này quá cẩn thận hoặc có thể tay hắn có tật nguyền gì đó.
Lúc này, họ đã đứng trước lò sưởi. Sau khi gật đầu rất khẽ về phía Helga, người đàn ông hỏi: “Có còn ai ở đây nữa không?”.
Salaverry lắc đầu “Chỉ có chúng tôi thôi. Ông có thể nói thoải mái”.
“Tôi có một bức thư”, người đàn ông nói, đưa tay vào túi áo khoác. Khi rút tay ra, trong tay hắn đã cầm một khẩu Browning chín milimet, nòng có giảm thanh.

Lượng rượu mạnh vừa mới uống khiến Salaverry không còn phản ứng nhanh được, mà dù có phản ứng bình thường đi chăng nữa thì xem ra cũng không thể thay đổi được điều sẽ xảy ra sau đó. Trong khi anh chàng người Peru cứng đờ người sửng sốt, trước khi kịp cử động, người đàn ông nhằm thẳng trán Salaverry bóp cò. Trong giây lát ngắn ngủi cuối cùng ở cõi đời, miệng của nạn nhân vẫn còn mở to vì ngạc nhiên và không tin điều đã xảy ra.

Nơi viên đạn chui vào chỉ có một vết thương nhỏ xíu, một vòng tròn đỏ gọn gàng có vết bột cháy vòng quanh. Nhưng vết thương ở chỗ viên đạn chui ra ở phía sau đầu thì rộng hoác và nhầy nhụa vì mảnh xương, óc và máu phun ra. Trong khoảnh khắc trước khi cái thây kịp đổ xuống, gã đàn ông trong chiếc áo khoác vẫn còn kịp thấy vết bột cháy, một cài thành quả mà hắn đã dự tính. Rồi hắn quay sang phía người đàn bà.
Helga cũng đứng đờ đẫn vì sửng sốt. Tuy nhiên giờ đây sự kinh ngạc đã chuyển thành nỗi khiếp sợ. Cô bắt đầu thét lên và định chạy đi.
Nhưng đã quá muộn. Gã đàn ông, một xạ thủ điệu nghệ, đã để một viên đạn xuyên qua tim cô. Helga ngã xuống chết, máu tuôn lên tấm thảm dưới chân.

Gã đàn ông, là kẻ Miguel đã gọi từ Tiểu Colombia đến để thuê giết người, ngừng lại và nghe ngóng cẩn thận. Bộ phận giảm thanh trên khẩu Browning khiến cho cả hai phát súng không hề có tiếng vang, nhưng hắn không chủ quan, nên vẫn dè chừng sự can thiệp bất chợt từ bên ngoài. Nếu hàng xóm có động tĩnh hoặc dấu hiệu gì khả nghi, hắn phải chuồn ngay. Nhưng vẫn im lặng, nên hắn tiếp tục, mau lẹ và thành thạo, làm những điều hắn đã được chỉ thị phải làm. Đầu tiên hắn tháo ống giảm thanh ra và cho vào túi. Hắn tạm để khẩu súng lục xuống bên cạnh xác Salaverry. Rồi, từ túi bên kia áo, hắn rút ra một bình phun sơn. Bước qua phía bên kia tường, hắn phun chữ CORNUDO.

Quay lại phía xác Salaverry, hắn để cho một số giọt sơn đen nhỏ lên bàn tay phải của người chết, rồi ấn những ngón tay đã cứng đờ vào xung quanh bình, vậy là dấu vân tay của Salaverry đã ở trên bình sơn. Kẻ sát nhân để bình sơn lên một chiếc bàn gần đó, rồi cầm khẩu súng lên và đặt vào tay người chết, cũng lại ấn những ngón tay vào đó khiến cho dấu tay của Salaverry cũng in trên khẩu súng. Hắn để khẩu súng vào bàn tay sao có vẻ như Salaverry đã tự bắn vào

mình rồi ngã xuống sàn.

Hắn không đụng gì tới xác người đàn bà.
Sau đó, hắn lấy một tờ giầy để sẵn trong túi, có những dòng chữ đã được đánh máy như sau:

"*Vậy có lẽ anh không tin tôi khi tôi nói cho anh biết rằng cô ta là một con điếm cuồng dâm, không xứng đáng với anh. Anh cho rằng cô ta yêu anh mà tất thảy những gì cô ta dành cho anh chỉ là sự khinh rẻ. Anh tin tưởng cô ta, anh đã giao cả chìa khoá nhà cho cô ta. Điều cô ta đã làm là đem những người đàn ông khác tới đó để làm những chuyện dâm ô đồi bại. Đây là những tấm ảnh chứng minh điều đó. Cô ta đã mang người đàn ông này về và cho phép người bạn làm nghề nhiếp ảnh của hắn ta chụp ảnh. Tính cuồng dâm của cô ta còn tới mức độ cô ta thu thập những bức ảnh này cho mình. Chắc chắn việc cô ta sử dụng nhà của anh vào một việc tệ hại như vậy là một sự lăng nhục quá mức đối với một con người mạnh mẽ như anh*".
Người bạn cũ và (thực sự) của anh

Từ phòng khách, tên sát nhân bước vào nơi rõ ràng là phòng ngủ của Salaverry. Hắn vo viên tờ giấy đánh máy và ném vào sọt rác. Khi cảnh sát tới khám xét căn nhà, chắc chắn là người ta sẽ tìm ra tờ giấy. Khả năng quá rõ là nó sẽ được coi là một bức thư nặc danh, tác giả chỉ có mình Salaverry biết khi anh ta còn sống.

Cuối cùng là một chiếc phong bì, mà cũng đã nằm trong túi kẻ sát nhân, chứa một số mảnh của những tấm ảnh đen trắng, mảnh nào cũng đã cháy dỡ. Bước vào phòng tắm cạnh phòng ngủ, hắn đổ những thứ chứa trong phong bì vào bồn vệ sinh, để cho các mảnh nổi bồng bềnh.

Những mảnh giấy ảnh này rất nhỏ nên khó mà nhận diện được. Tất nhiên, một giả thiết hợp lý sẽ là Salaverry sau khi nhận được bức thư tố cáo, đã đốt những bức ảnh kèm theo thư và giật nước cho tro trôi đi, dù cho một số mảnh chưa cháy hết còn lưu lại. Rồi, vì biết mình đã bị Helga yêu dấu phản bội, nên trong một cơn ghen điên cuồng anh ta đã nổ súng giết chết cô ta.

Rồi Salaverry sẽ phun một chữ duy nhất lên bức tường, một lời nhắn gửi lâm ly mô tả tâm trạng của anh ta (Nếu những người cảnh sát điều tra không biết tiếng Tây Ban Nha, một người nào đó sẽ dịch từ này sang tiếng Anh nghĩa là "Bị cắm sừng…)

Thậm chí còn có một cái gì đó có vẻ nghệ thuật trong tiếng kêu ly biệt được viết một cách thô thiển đó. Có lẽ đây không phải là cách một ngươi gốc Anglo-Saxon hoặc một người sinh ra ở nước Mỹ xử sự, mà nó lại nói lên cái tính cách điên cuồng nhẹ dạ của người tình nhân Mỹ La tinh.

Và giả thiết cuối cùng: Trong cơn tuyệt vọng, không muốn đối diện với hậu quả hành động của mình, Salaverry đã tự sát, vết thuốc súng trên trán là điển hình cho các vết thương tự bắn.

Như các nhà dự tính đầy kinh nghiệm đối với các vụ này biết rõ, ở thành phố New York, nơi các vụ giết người xảy ra thường xuyên và lực lượng thanh tra cảnh sát đã có quá nhiều việc làm

rồi, thì rất ít thời gian và nỗ lực sẽ được dùng vào việc điều tra một vụ án mà tình huống và cách giải quyết đã hiện rõ rành rành.

Tên sát nhân nhìn quanh phòng khách, kiểm tra lần cuối, rồi lặng lẽ bỏ đi. Cho tới khi hắn vô sự bước ra khỏi khu nhà tất cả mọi hành động chỉ mất gần mười lăm phút. Đi được vài khu nhà, hắn lột găng tay ra ném vào một thùng rác ven đường.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 9

Norman Jaeger hỏi: "Anh có cho rằng Teddy Cooper sẽ tìm ra cái gì đó không?".
"Tôi chẳng lấy gì làm ngạc nhiên, vì trước đến nay anh ta luôn thành công". Partridge đáp.

Lúc này là đã sau 10 giờ 30 và họ đang đi về phía nam trên đường Broadway, gần công viên Trung tâm. Cuộc gặp ăn tối đã kết thúc trước đó mười lăm phút, ngay sau khi đưa ra ý kiến là trụ sở của bọn bắt cóc nằm trong bán kính hai mươi lăm dặm tính từ Larchmont.
Mọi người tin chắc rằng những kẻ bắt cóc và nạn nhân của họ hiện đang ở trong sào huyệt của bọn cướp, bọn chúng sẽ nằm im cho tới khi những cuộc điều tra ban đầu lắng xuống và những vụ kiểm soát giao thông giảm đi hoặc bỏ hẳn – cả hai chuyện này sẽ sớm xảy ra. Rồi cả băng và những nạn nhân sẽ chuyển tời một nơi xa hơn, có lẽ là ở trong nước Mỹ, mà có thể ở ngoài nước Mỹ.

Lập luận của Cooper đã được mọi người xem xét một cách nghiêm túc. Theo lời của Rita Abrams thì điều này cho tới giờ cũng hợp lý như mọi điều khác.

Nhưng Karl Owens nói "Các bạn đang bàn về một khu vực khổng lồ, dân cư đông đúc, và không có cách nào tìm kiếm có hiệu quả được, kể cả huy động quân đội". Ông ta nói thêm, nhằm châm chọc Cooper "Trừ phi anh có một ý kiến sáng suốt khác bất ngờ vọt ra".
"Ngay bây giờ thì không" Cooper đáp. "Tôi cần làm một giấc đã. Rồi có thể là tôi sẽ có như anh đã có nhã ý nói với tôi – một cái gì đó "sáng suốt" vào buổi sáng".

Họ chấm dứt cuộc tranh luận tại đó, và dù hôm sau là thứ bảy, Partridge vẫn triệu tập một cuộc họp ban đặc nhiệm khác vào lúc 10 giờ sáng. Còn tối nay, hầu hết mọi người trong nhóm tản về các ngả bằng taxi, còn Partridge và Jaeger muốn thưởng thức không khí ban đêm nên đã quyết định đi bộ về khách sạn.

"Anh kiếm được cái cậu Cooper ở đâu vậy?" Jaeger hỏi.
Partridge kể cho anh ta nghe việc phát hiện ra Teddy ở hãng BBC, có thiện cảm với cách làm việc của anh ta và sau đó tìm cho anh ta một công việc khá hơn ở hãng CBA.
"Một trong những việc đầu tiên anh ấy làm cho chúng tôi ở London," Partridge kể tiếp, "là vào năm 1984, lúc Hồng Hải đang bị gài mìn. Rất nhiều tàu bè bị nổ tung và bị đắm ở khắp nơi, nhưng không ai biết kẻ khốn kiếp nào đã dặt mìn. Nhớ không?".

“Nhớ quá đi chứ”, Jaeger nói. “Iran và Libya là những kẻ bị nghi vấn đầu tiên, nhưng không ai biết gì hơn. Rõ ràng là có một con tàu đang làm cái công việc bất nhân đó, nhưng không ai biết con tàu nào và nó thuộc về ai”.

Partridge gật đầu, “Thế là Teddy bắt đầu điều tra và đã dành thời gian hết ngày này qua ngày khác tại khu Lloyd ở London, kiên nhẫn đọc biên bản hoạt động của các loại tàu bè. Anh ta tin chắc rằng bất cứ loại tàu gì dùng để đặt mìn cũng phải đi qua kênh đào Suez. Vậy là anh ta lập danh sách tất cả các loại tàu đã đi qua Suez từ khi các vụ nổ mìn bắt đầu – và có cơ man nào là tàu. Rồi Teddy theo dõi hoạt động liên tục của mỗi một con tàu có tên trong danh sách đó: nó đi từ cảng nào tới cảng nào, so sánh những hoạt động này với những ngày có vụ nổ mìn ở các khu vực riêng biệt. Cuối cùng – tôi nói có nghĩa là sau một cuộc tìm kiếm lâu, rất lâu – anh ấy tìm ra tên một con tàu, Ghat. Nó đã có mặt ở tất cả những nơi những con tàu khác va phải mìn, và lần nào nó cũng tới trước một hoặc hai ngày. Gặp những trường hợp bế tắc như vậy mà Teddy vẫn phát hiện ra”.

Partridge nói tiếp “Như hiện nay ta đã biết, con tàu đó thuộc về Libya và khi tên của nó được tìm ra thì chẳng bao lâu người ta có đủ chứng cứ là Qaddaphi đứng đằng sau tất cả những vụ đó”.
Jaeger trầm ngâm một lát, rồi nói: “Cooper hãy còn là một cậu bé con. Họ đều còn quá trẻ. Việc này đã trở thành công việc của trẻ con. Họ có năng lực và trí thông minh. Anh có những ngày tháng giống như tôi khi anh bắt đầu có cảm giác mình già không?”.
Partridge nhăn mặt “Chỉ gần đây, thì rất hay thế”.

Họ đã đi tới vòng cung Colombia, phía bên trái là bóng tối khủng khiếp của Công viên Trung tâm, nơi rất sit dân New York dám mạo hiểm bước chân vào lúc đêm khuya. Ngay trước mặt họ là phố Năm mươi chín phía Tây, bên trên nó là ánh sáng rực rỡ của khu trung Manhattan, Partridge và Jaeger thận trọng đi ngang qua một chỗ quần tụ những cột đèn cao áp và những dòng xe cộ cuồn cuộn quanh họ.
“Anh và tôi đã thấy bao nhiêu thay đổi trong công việc” Jaeger nói “tôi đoán rằng may ra chúng ta còn làm việc được ít lâu nữa”.
Partridge hỏi: “Vậy anh nghĩ điều gì sắp xảy đến?”.

Jaeger đắn đo trước khi trả lời: “Đầu tiên tôi sẽ nói điều tôi thấy không xảy ra, là các hãng tin sẽ không biến mất hoặc thay đổi gì nhiều lắm, cho dù có một số tiên đoán tàn bạo. Có lẽ hãng CNN sẽ chuyển lên hàng đầu – hãng này có được mạng lưới mạnh cho nên điều cần thiết là chất lượng. Nhưng điều quan trọng là ở ngoài có một sự đòi hỏi tin tức, sự đòi hỏi lớn hơn bao giờ hết trong lịch sử và so với bất cứ nước nào”.
“Vô tuyến truyền hình đã gây ra sự đòi hỏi đó”.
“Quá đúng! Hơn nữa, cho dù vẫn có những nhược điểm tin tức của vô tuyến truyền hình, khiến cho người ta cảm thấy đói tin và muốn biết nhiều hơn nữa. Đó là tại sao mà báo chí vẫn tồn tại mội ngày một mạnh mẽ hơn như vậy”.
“Tôi không chắc là họ có biết ơn chúng ta không”. Partridge nói.
“Có thể họ không hàm ơn chúng ta, nhưng họ chú ý tới chúng ta. Don Hewitt của hãng CBS nói

rằng tờ New York Thời báo có số lượng nhân viên dành toàn bộ thời gian cho hãng vô tuyến gấp bốn lần số phóng viên của họ đưa tin ở Liên hợp quốc. Và rất nhiều chuyện họ viết là về chúng ta, về tin truyền hình, về nhân viên của ta, về những việc chúng ta làm".
"Thử nhìn ngược lại xem", Jaeger nói tiếp. "Đã khi nào có một chuyện gì về tờ thời báo được đưa lên truyền hình chưa? Cũng tương tự như vậy với tất cả các báo in còn lại. Thế là anh sẽ tự hỏi, người ta cho loại phương tiện thông tin gì là quan trọng nhất".
Partridge cười: "Màu sắc đối với tôi là quan trọng".
"Màu sắc!" Jaeger vớ ngay lấy từ đó "Đó lại là một khía cạnh khác mà truyền hình đã làm thay đổi. Báo chí bây giờ ngày càng giống như màn hình hơn – bắt đầu từ tờ USA Ngày nay. Anh và tôi, Harry ạ, sẽ thấy trang nhất của tờ Thời báo New York in bằng bốn màu. Công chúng sẽ đòi hỏi điều đó và tờ Thời báo xám xịt cũ kỹ sẽ phải chú ý đến các bài viết của báo chí điện tử".
"Tối nay sao anh chỉ có toàn những điều thô thiển" Partridge nói. "Anh còn thấy trước điều gì nữa?".
"Tôi đang thấy các tờ tuần báo biến mất dần. Chúng là những con khủng long. Khi tờ Time và tờ Newsweek đến tay người đặt, phần nhiều các sự việc được đưa tin đã xảy ra một tuần hoặc mười ngày trước đó, mà ngày nay có ai muốn đọc những tin đã ôi nữa? Vô tình tôi đã nghe được những nhà quảng cáo đặt vấn đề tương tự".
Họ đã đi tới đường Parker-Meridien nằm ở phố Nam mươi bảy phía Tây, nơi Jaeger ở. Partridge thích khách sạn Inter-Continental nằm ở phía Bốn mươi tám phía Đông, nơi mà anh cho là ấm cúng hơn.
"Chúng ta là những con chiến mã già rồi, Harry ạ" Jaeger nói, "Mai nhé. Họ bắt tay tạm biệt nhau.

* * *

Nửa giờ sau, nằm trong giường với rất nhiều báo chí mua trên đường vè khách sạn, Partridge bắt đầu đọc. Nhưng một lúc sau những dòng chữ mờ dần đi, và anh đẩy những tờ báo sang một bên. Anh sẽ đọc lướt qua vào sáng mai cùng với những tờ mới xuất bản sẽ được đem đến vào lúc ăn sáng.

Nhưng giấc ngủ vẫn không đến với anh một cách dễ dàng. Quá nhiều chuyện đã xảy ra trong ba mươi sáu giờ trước đây. Đầu óc anh tràn ngập như một ống kính vạn hoa đầy những sự kiện, ý nghĩ, trách nhiệm, tất cả đan chéo vào những ý nghĩ về Jessica, quá khứ, hiện tại… kỷ niệm trỗi dậy…

Jessica giờ đang ở đâu? Liệu Teddy nói rằng chỉ trong vòng hai mươi lăm dặm có đúng chăng? Liệu có một cơ hội gì đó khiến anh có thể thành công trong việc chỉ huy một đội quân kiếm tìm và giải phóng người tình cũ của mình?

Thôi không nghĩ vơ vẩn nữa! Để dành những ý nghĩ về Jessica và những người khác đến mai. Anh cố xua đuổi mọi ý nghĩ và nghỉ ngơi, hoặc ít nhất là cũng nghĩ về một điều gì khác.

Nhưng một điều gì khác lại là Gemma… mối tình lớn khác trong đời anh.
Ngày hôm qua, trong cuộc hành trình từ Toronto, anh đã làm sống lại chuyến bay của Toà thánh đầy kỷ niệm:

Chiếc DC-10 Alitalia của hãng… khoang báo chí và cuộc gặp Giáo hoàng… quyết định của Partridge không dùng chữ "nô lệ" mà Giáo hoàng thốt ra đã được Gemma thưởng cho một bông hồng… bắt đầu của niềm say mê lẫn nhau của họ…

Không còn tránh được dòng suy tưởng về Gemma, vì anh đã tránh quá lâu, anh bắt đầu nhớ lại từ chỗ anh dừng lại ngày hôm trước…

Chuyến du hành của Toà thánh, qua vùng Trung Mỹ và vịnh Caribe khá dài và vất vả. Đó là một trong những chuyến đi mang nhiều ý định của Giáo hoàng. Hành trình qua tám nước và những chuyến bay dài, có khi bay cả ban đêm.

Ngay sau cuộc trò chuyện đầu tiên, Partridge rất muốn hiểu Gemma rõ hơn, nhưng nhiệm vụ đưa tin về hãng chỉ dành cho anh rất ít thời gian gặp gỡ cô mỗi khi máy bay dừng. Tuy nhiên họ đã biết về nhau nhiều hơn và đôi khi máy bay đang bay và Gemma không còn bận rộn lắm, cô đã xuống ngồi cạnh anh. Không bao lâu họ đã bắt đầu cầm tay nhau và một lần, trước khi chia tay cô đã nghiêng người về phía anh và họ đã hôn nhau.

Khi điều đó xảy ra, lòng ham muốn vốn đã mạnh mẽ của anh giành cho cô cũng tăng lên.
Họ tìm mọi cách để nói chuyện với nhau và anh dần dần biết về gia đình cô.

Gemma ra đời tại vùng Tuscany, là con út trong ba cô con gái, sống trong một thành phố vùng núi đông người lui tới tên là Vallombrosa, cách Florence không xa lắm. Đó không phải là nơi thời thượng giành cho những người giàu có lui tới, Harry ạ, nhưng rất đẹp.
Cô kể cho anh nghe rằng Vallobrosa là một bến cảng giành cho giới trung lưu tới đó nghĩ hè.
Cách đó một dặm là Il Paradisino nơi trước đây John Milton dã sống và theo lời truyền tụng thì tại đây ông đã tìm ra cảm hứng cho trường ca Thiên đường đã mất.
Bố của Gemma là một nghệ nhân tài năng, ông kiếm được khá nhiều tiền nhờ việc phục chế tranh cổ và bích hoạ; ông thường xuyên làm việc tại Florence. Mẹ cô là một giáo viên dạy nhạc. Nghệ thuật và âm nhạc là một sự kết hợp của cuộc sống gia đình cô tiếp tục là một phần của cuộc đời cô.

Cô bắt đầu làm việc ở hãng Alitalia ba năm trước đây, "Em muốn xem thế giới. Em không có cách nào khác để đạt được điều đó".
Partridge hỏi: "Theo cách này, em có xem được nhiều không?".
"Một vài nơi. Không nhiều như em muốn và em bắt đầu mệt vì cái nghề hầu phòng trên trời này rồi".
Anh cười: "Em hơn hẳn một chiêu đãi viên hàng không nhiều lắm. Nhưng em hẳn đã gặp nhiều người". Tim anh nhói lên nỗi ghen tuông, anh nói thêm: "Nhiều chàng lắm phải không?".

Gemma nhún vai: "Hầu hết bọn họ em đều không muốn gặp lại bên ngoài máy bay".
"Nhưng còn những người khác?".
Cô mỉm cười, cái nụ cười rạng rỡ, rất riêng của cô. "Em chưa từng thích ai như anh".
Điều đó được nói ra một cách đơn giản và Partridge, một người hoài nghi chuyên nghiệp, không hiểu là có phải mình đã ngây thơ và ngu ngốc khi tin cô chăng. Rồi anh nghĩ "Tại sao mình lại không tin khi mình cũng cảm thấy đúng hệt như vậy, khi không có người nào khác từ khi mất Jessica đến nay lại gây cho mình một tình cảm như Gemma?".

Anh linh cảm rằng cả hai đều thấy cuộc hành trình đang trôi qua quá nhanh. Còn quá ít thời gian. Vào cuối cuộc hành trình có thể họ sẽ chia tay nhau, không bao giờ còn nhìn thấy nhau nữa.
Có lẽ vì linh cảm thấy thời gian đang trôi đi mất, nên vào một đêm đáng ghi nhớ khi các ánh đèn trong cabin đã tắt và hầu hết mọi người đã ngủ, Gemma cuộn tròn bên cạnh anh và, dưới một tấm chăn, họ ân ái với nhau. Trong khuôn khổ của một khoang ba chỗ ngồi của khách du lịch, đáng lẽ họ phải cảm thấy rất bất tiện nhưng lại không hề cảm thấy như vậy, và anh luôn luôn nhớ đến đêm hôm đó giữa bao kỷ niệm đẹp của đời anh.

Ngay sau cuộc tình tứ của họ - trong cơn bốc đồng, và nhớ lại chuyện anh đã mất Jessica vì do dự - anh thì thầm: "Gemma, em sẽ lấy anh chứ?".

Cô cũng thì thầm "Ồ, anh yêu của em, dĩ nhiên là em sẽ".
Nơi đỗ tiếp theo đó là ở Panama. Vẫn hạ giọng, Partridge nêu ra các câu hỏi và dự tính trong khi Gemma cười dịu dàng, tinh nghịch, đồng ý với tất cả mọi thứ.
Rạng sáng họ hạ cánh xuống sân bay Torumen của Panama. Giáo hoàng bước ra và, đúng như một diễn viên lão luyện mà trước kia Người đã có thời làm, nhẹ nhàng hôn lên mặt đất lúc vô số ống kính quay phim đang chiếu vào mình. Sau đó, các nghi lễ đúng quy chuẩn bắt đầu.

Trước khi máy bay hạ cánh, Partridge đã nói chuyện với chủ nhiệm hiện trường và đội quay phim của anh nhờ họ quay mọi hoạt động của Giáo hoàng trong vài giờ anh vắng mặt. Anh sẽ trở lại để soạn lời và cùng biên tập cho bản tường thuật Bản tin chiều Toàn quốc thường lệ. Giờ của Panama chỉ chậm hơn ở New York có một tiếng đồng hồ, nên vẫn còn đủ thời gian.

Tuy rất tò mò, các đồng sự của anh ở hãng CBA không hỏi han gì hết, dù Partridge biết rằng quan hệ ngày càng chặt chẽ giữa anh và Gemma không phải là không ai biết.
Anh cũng gặp cả phóng viên của tờ Thời báo New York cùng đi trên chuyến bay, tình cờ lại là Graham Broderick, để hỏi xem anh chàng này có thể cho anh xem mọi điều kiện tờ ghie chếp được ngay hôm đó không. Nhướn đôi lông mày lên vẻ trêu ghẹo, Broderick đồng ý liền. Các nhà báo thường có mối quan hệ làm ăn như vậy, vì sẽ có lúc bản thân họ cần được giúp đỡ.

Trong khi những người khác ra khỏi máy bay, Partridge lui lại. Anh không biết Gemma giải thích như thế nào với người phụ trách của cô nhưng cô đã theo anh rời khỏi chiếc DC-10. Gemma vẫn mặc bộ đồng phục của hãng hàng Alitalia, bắt đầu giải thích cho anh rằng cô không có cách nào để thay bộ đồ khác cả, nhưng anh đã ngắt lời cô và nói: "Em có như thế nào thì anh yêu em như

thế".
Cô quay lại nhìn thẳng vào mắt anh, vẻ rất nghiêm túc: "Thật chứ Harry?".
Anh chậm rãi gất đầu "Thật".
Họ nhìn vào mắt nhau và cả hai có vẻ hài lòng với điều họ đã thấy.
Ở toà nhà sân bay, Partridge rời khỏi Gemma trong phút chốc. Anh đi đến một phòng hướng dẫn du lịch, vội vã hỏi han gì đó với một chàng trai trẻ mặt đầy trứng cá đứng đằng sau quầy. Chàng trai trẻ cười rất điệu, bảo với anh rằng anh cùng với phu nhân phải đi tới lasbo-vedas, cạnh tường thành cổ ở Quảng trường nước Pháp. Ở đó anh có thể tìm thấy toà thị chính.
Chừng 20 phút sau đó bên trong bức tường cổ và đứng trước mặt công chứng viên trong một văn phòng trang hoàng lộng lẫy mà trước kia là một khám tù, Harry Partridge và Gemma Baccelli trở nên vợ chồng. Trong năm phút làm lễ ông công chứng viên mặc chiếc áo quay-abera bằng vải, ký giấy chứng nhận hôn thú trị giá 25 đôla và Partridge trả cho hai viên thư ký đã làm người chứng kiến mỗi người 20 đôla.
Cô dâu và chú rễ được thông báo rằng những thể thức phụ về việc đăng ký hôn thú của họ là không bắt buộc và trên thực tế là không cần thiết cho đến khi nào họ trở lại để ly hôn.
"Chúng tôi sẽ đăng ký", Partridge nói, "và chúng tôi sẽ không bao giờ trở lại".
Cuối cùng với vẻ không lấy gì làm tin tưởng lắm ông công chứng viên chúc họ một cuộc hôn nhân hạnh phúc mãi mãi. Họ có cảm giác rằng ông ta đã nói câu ấy nhiều lần trước đây.
Ngay cả lúc đó và sau này nữa, Partridge tự hỏi tại sao Gemma đã không ngần ngại khi chấp nhận một nghi lễ thông thường trái với tôn giáo của cô. Cô sinh ra trong gia đình theo Thiên chúa giáo và khi còn nhỏ theo lời cô kể với anh, cô đã theo học ở trường dòng. Nhưng một lần anh hỏi chuyện đó, cô chỉ nhún vai và nói: "Chúa sẽ hiểu". Anh giả thiết rằng đó là tính chất bất cần mà đa số người Italia mang trong mình về tôn giáo. Có lần anh còn nghe một người nào đó nói rằng người Italia luôn luôn cho rằng Chúa cũng là người Italia nốt.

Tất nhiên là toàn thể du khách trên chuyến bay của Toà thánh đều biết tin về cuộc hôn lễ này. Trong khoang báo chí, sau khi cất cánh khỏi Panama, một bữa tiệc mừng đã được tổ chức, mọi người say sưa với rượu sâm banh, rượu mạnh và món trứng cá. Tranh thủ những khoảng thời gian cho phé, những người phụ trách và phi hành đoàn cũng tham gia, họ bảo Gemma là cô được nghỉ suốt ngày hôm đó. Cả viên phi công của chiếc Alitalia cũng rời chiếc máy bay trong khoảnh khắc để tới chúc mừng hai vợ chồng trẻ. Giữa cuộc chè chén say sưa và những lời chúc tụng tốt đẹp, Partridge cảm thấy một số người rất hoài nghi cuộc hôn nhân có thể tồn tại lâu dài, nhưng một số người có mặt ở đó lại tỏ vẻ ghen tị.

Cũng đáng chú ý, nhưng không có gì đáng ngạc nhiên là không có ai đại diện cho giới giáo chức tới dự tiệc, và trong suốt thời gian còn lại của chuyến đi Partridge thấy rõ sự lạnh lùng và không tán thành của ho. Việc giáo hoàng có biết chuyện đã xảy ra hay không thì không ai trong số các nhà báo biết được, cho dù họ đã điều tra.
Tuy nhiên trong chuyến bay đó giáo hoàng không tới khoang báo chí lần nào nữa.

Trong căn phòng khách sạn ở New York… từ từ, buồn bã, … hinh ảnh của Gemma nhạt nhoà dần. Hiện tại đã thế chỗ của quá khứ. Cuối cùng quá mỏi mệt, Harry Partridge ngủ thiếp đi.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 10

Tại căn cứ Hackensack của bọn bắt cóc vào lúc bảy giờ 30 sáng thứ bảy, Miguel nhận được một lời nhắn qua điện thoại. Hắn đặt chiếc máy điện thoại vào căn phòng nhỏ ở tầng dưới của toà nhà chính mà hắn đã dành làm văn phòng và phòng ngủ cho mình.

Trong số sáu máy điện thoại lưu động mà cả bọn đã sử dụng có một chiếc được đánh dấu để nhận những cú điện thoại đặc biệt, số máy đó chỉ có những người gọi điện được biết. Miguel luôn giữ chiếc máy đó bên mình.

Người gọi điện thoại, theo như quy định, dùng một máy điện thoại công cộng để cảnh sát không thể lần theo dấu vết dù là từ nơi gọi hay từ nơi nhận điện.

Miguel đã được báo trước và hắn đã đợi cú điện thoại này suốt một tiếng đồng hồ qua. Hắn nhấc ống nghe lên ngay từ tiếng chuông đầu tiền và trả lời "Si?".
Liền đó người gọi điện thử thách hắn bằng mật hiệu đã quy định trước.
"Tiempo?" Và Miguel đáp "Ralampago".
Còn có một cách trả lời khác. Nếu câu trả lời của Miguel cho câu hỏi "Thời tiết thế nào?" Là "sấm" chứ không phải "Chớp", thì nó sẽ có nghĩa là, vì bất cứ lý do gì, nhóm của hắn cần phải hoãn lại 24 giờ nữa. Còn "Relampago" có nghĩa là: "chúng tôi đã sẵn sàng đi. Hãy cho biết địa điểm và thời gian".

Câu trả lời quyết định tiếp theo là: "Sombrero profundo sur hai nghìn".
Sombrero có nghĩa là sân bay Teterboro cách đó khoảng hơn một dặm, profundo có nghĩa là cổng phía nam cuối sân bay. Những từ "hai nghìn" ám chỉ đến thời gian – 20.00 giờ hay 8 giờ tối, đó là lúc nạn nhân bị bắt cóc và những kẻ đi kèm họ sẽ lên chiếc máy bay đăng ký quốc tịch Colombia, chiếc Learjet 55 LR đã chờ họ ở đó. Chiếc Learjet 55, như Miguel được biết, là máy bay loại lớn với khoang bên trong rộng hơn loại Lear 20, 30 quen thuộc. Chữ LR là viết tắt của chữ Long Range (tầm xa).

Miguel đáp gọn lỏn "Lo Comprendo" và cuộc nói chuyện chấm dứt.
Lần này kẻ gọi điện là một nhân viên ngoại giao khác của Tổng lãnh sự quán Colombia ở New York; hắn đã trở thành một đường dây liên lạc kể từ khi Miguel đặt chân lên nước Mỹ cách đây một tháng. Cả nhân viên ngoại giao đoàn của Peru và Colombia đều có lẫn những tên nội gián, hoặc là đồng bọn của Sendero Luminoso, hoặc là tên ăn lương của nhóm Medellin, cũng có khi

là của cả hai và đều bán mình cho những món tiền lớn do các ông hoàng thuốc phiện của châu Mỹ la tinh trả.

Sau khi trả lời điện thoại, Miguel đi khắp nhà thông báo cho đồng bọn, vì việc chuẩn bị đã sẵn sàng và mỗi tên trong nhóm đều biết cần phải làm gì. Đi kèm các nạn nhân trong quan tài trên chiếc Learjet sẽ là Miguel, Baudelio, Socorro và Rafael. Julio vẫn ở lại nước Mỹ sau đó, trở lại vẻ bề ngoài như trước kia và một lần nữa trở thành nhân viên chìm của nhóm Medellin. Carlos và Luis sẽ lặng lẽ rời khỏi đây trong vòng năm ngày tới và bay riêng từng người một sang Colombia.

Julio, Carlos và Luis còn có một nhiệm vụ nữa sau khi chiếc Learjet cất cánh, là phân tán những chiếc xe còn lại.

Miguel đã suy nghĩ khá nhiều xem nên làm gì với cái căn cứ Hackensack này. Đã có lúc hắn cân nhắc động tác cuối cùng, là châm lửa đốt toàn bộ căn nhà cùng với những chiếc xe. Tất cả các khu nhà đều đã cũ và nó sẽ bốc cháy như một cái lò sưởi, nhất là nếu có thêm xăng.
Nhưng một đám cháy có thể thu hút sự chú ý, nếu như cảnh sát điều tra thì trong đống tro có thể để lại những tang chứng. Vì thế ý định về một đám cháy bị huỷ bỏ.

Nếu cứ bỏ trống toà nhà, để nó nguyên như cũ thì việc bọn chúng sử dụng nơi này như môt nơi tập kết của vụ bắt cóc có thể sẽ không bị phát hiện ra trong nhiều tuần hay nhiều tháng, mà có thể là không bao giờ cả. Nhưng như vậy thì cần vứt bỏ những chiếc ô tô, lái chúng đi theo những hướng khác nhau đến một nơi khá xa rồi bỏ đó. Công việc này thực sự mạo hiểm, nhất là đối với những tên lái ba chiếc xe con, chiếc xe tải GMC và chiếc xe tang, nhưng Miguel cho rằng điều đó không nguy hiểm lắm. Ít ra, thì đó cũng là giải pháp mà hắn quyết định chọn.

Hắn đi tới chỗ Rafael trước tiên và bảo tên này "Chúng ta sẽ rời khỏi đây lúc 7 giờ 40 tối nay".

Gã thợ máy khéo tay vóc người vạm vỡ đang ở trong toà nhà phụ chúng dùng làm nơi sơn xe, lầm bầm điều gì đó và gật đầu, ra vẻ thích thú với chiếc xe tải GMC mà hắn đã sơn lại ngày hôm trước. Chiếc xe tải máu trắng chuyển thành một màu đen tuyền với cái tên "Nhà táng thanh bình" bằng chữ vàng được kẻ rất cẩn thận ở hai bên thành xe. Chính Miguel đã ra lệnh đổi màu xe. Với vẻ hài lòng, hắn nói với Rafael "Tiếc quá, nó chỉ được dùng có một lần thôi".

Gã đàn ông cao lớn quay lại, tỏ vẻ thoả mãn, một nụ cười hiện trên khuôn mặt đầy sẹo và hung ác của hắn. Miguel thầm nghĩ, một điều thật lạ lùng là Rafael có thể tỏ ra rất dã man khi hành động và cảm thấy một sự vui thích ma quỷ khi đánh đập hay giết người, còn những lúc khác lại xử sự như một đứa trẻ cần lời tán tụng.
Miguel chỉ tay vào máy biển số New Jersey mới của chiếc xe tải: "Những cái này cũng mới cả chứ?".
Rafael lại gật đầu. "Đặt từ lần trước. Chưa được dùng lần nào và tôi cũng đã đổi những cái kia".

Điều đó có nghĩa là cả năm chiếc xe còn lại giờ đây sẽ mang những biển số mà chưa ai nhìn

thấy trong những lần theo dõi ở Larchmont. Vì vậy việc lái những chiếc xe này đến nơi khác và vứt bỏ chúng sẽ an toàn hơn.

Miguel đi ra ngoài tới chỗ Julio và Luis lúc này đang đào một cái hố sâu trong bụi cây. Mặt đất hãy còn ướt vì trận mưa hôm qua và công việc tiến triển nặng nhọc, Julio dùng xẻng xắn đứt một nhánh rễ cây to, xù xì, nhìn thấy Miguel, hắn ngừng tay, đưa ống tay áo quệt ngang khuôn mặt ngăm đen ướt đẫm mồ hôi và văng tục: "Thật là một công việc chó mà, để cho trâu bò làm, chứ không phải cho người".

Đáng lẽ văng lại một câu tục tĩu hơn, Miguel tự kiềm chế mình. Vết sẹo xấu xí do bị dao đâm trên mặt Julio đang ửng đỏ, dấu hiệu của tính khí hung hăn của một con người đang muốn gây sự.
"Hãy nghỉ đi một chút", Miguel nói cộc lốc, "Còn đủ thời gian, chúng ta sẽ đi khỏi đây lúc 7 giờ 40".

Tranh cãi trong những giờ phút ít ỏi cuối cùng này là một sự lãng phí ngu ngốc. Ngoài ra, Miguel còn cần cần người đào cho xong cái hố mà chúng sẽ chôn tất cả các máy điện thoại lưu động và một số dụng cụ y tế mà Baudelio sẽ để lại.

Thực ra, việc chôn máy điện thoại không phải là một cách thu xếp lý tưởng và Miguel thích tống tất cả xuống một con sông sâu nào đó hơn. Nhưng tuy ở vùng New Jersey – New York có khá nhiều sông hồ, cơ may để làm một việc như thế mà không bị ai nhìn thấy là rất hiếm – nhất là với khoảng thời gian ít ỏi còn lại.

Khoảng tầm chiều hôm đó, khi cái hố đã được lấp kín, Julio và Luis gạt lá lên phía trên, không để lại dấu vết của những vật bên dưới.
Sau đó, Miguel đi tới chỗ Carlos đang ở trong một toà nhà phụ khác và đang đốt các thứ giấy tờ trong một cái lò sưởi bằng sắt. Carlos là một gã trai còn trẻ và được ăn học đến nơi đến chốn, chính hắn đã tổ chức việc theo dõi kéo dài một tháng trời, tìm hiểu và chụp ảnh tất cả khách khứa tới nhà Sloane, những tấm ảnh giờ đây đều đang làm mồi cho lửa.
Ki Miguel báo cho hắn việc ra đi tối nay, Carlos có vẻ như nhẹ nhõm hẳn. Căp môi mỏng mìm lại, hắn nói "Hay quá". Rồi đôi mắt hắn lại trở về đăm chiêu như thường lệ.

Miguel đã hiểu được sự căng thẳng bao trùm lên tất cả mọi người trong 48 tiếng đồng hồ qua, đặc biệt là với Carlos, vì hắn hãy còn trẻ. Nhưng thật đáng khen, gã này đã biết tự kiềm chế và Miguel đã thấy trước rằng trong thời gian không xa Carlos sẽ chỉ huy nhóm khủng bố.
Một đống quần áo có vẻ như là của Rafael đang vứt lăn lóc cạnh lò. Cả Miguel, Rafael và Baudelio sẽ mặc comple đen trong suốt thời gian đi trên máy bay. Lường trước khả năng có một cuộc kiểm tra của chính phủ Mỹ, chúng sẽ đóng giả như những người đi đưa đám với một câu chuyện được dựng lên rất kỹ càng. Mọi cái khác đều vứt lại tất.
Miguel chỉ đống quần áo: "Đừng đốt cái của này nhiều khói lắm. Xem kỹ các túi, bỏ hết các thứ ra và bóc mác đi. Rồi đem chôn". Hắn đưa tay chỉ về phía những tên đang đào "Bảo bọn kia kìa".

“Được thôi”. Khi quay lại bên cái lò, Carlos nói: “Chúng ta nên có cả hoa nữa”.
“Hoa à?”.
“Một ít hoa trên quan tài chở trong xe tang, có thể là trên mấy cái xe kia nữa. Một gia đình sẽ phải làm như thế”.
Miguel tỏ vẻ lưỡng lự. Hắn biết Carlos nói đúng và đó cũng là điều mà chính hắn chưa nghĩ đến trong khi vạch kế hoạch cho việc ra đi khỏi nước Mỹ, trước hết là qua Teterboro, rồi bay trên chiếc Learjet tới sân bay Opa Locka, bang Florida, từ đó chúng sẽ bay thẳng sang Peru.
Lúc đầu, khi Miguel dự tính chỉ có hai người bị bắt, hắn đã định đi hai chuyến giữa ngôi nhà ở Hackensasck với sân bay Teterboro, mỗi lần chở một chiếc quan tài, mà cái xe tang cũng chỉ chở được có thế. Nhưng ba lần đi về với ba chiếc quan tài là quá nhiều và sẽ rất mạo hiểm; vì vậy Miguel đã định ra một kế hoạch mới.
Baudelio đã quyết định chở một chiếc quan tài trên chiếc xe tang tới Teterboro. Chiếc xe tải GMC được sơn lại với dòng chữ “Nhà táng thanh bình” sẽ chở hai chiếc kia.
Miguel biết: loại máy bay Lear 55 LR được chế tạo với một cửa khoang hàng hoá có đủ chỗ để đưa hai chiếc quan tài vào. Còn quan tài thứ ba sẽ khó khăn, nhưng hắn tin chắc là có thể làm được.
Vẫn mang trong đầu ý định của Carlos, Miguel ngẫm nghĩ: việc có thêm hoa sẽ làm cho câu chuyện bịa của bọn chúng có sức thuyết phục hơn ở sây bay Teterboro, bọn chúng sẽ phải đi qua phòng kiểm tra an nhinh của sân bay. Cũng có thể sẽ có thêm cảnh sát bổ sung vì vụ bắt cóc đã được thông báo và chắc hẳn là quan tài cũng như những thứ bên trong đó sẽ được hỏi đến. Có thể sẽ có những giờ phút gay cấn như vậy, mà như Miguel đã thấy trước, sân bay Teterboro sẽ là nơi chủ chốt mở đầu cho sự ra đi an toàn của bọn chúng. Tại sân bay Opa Locka, từ đó chúng sẽ thực sự rời khỏi nước Mỹ, hắn cho rằng sẽ không có chuyện gì xảy ra. Miguel quyết định mạo hiểm một chút lúc này để tránh một cái gì đó lớn hơn. Hắn gật đầu “Ừ, hoa cũng được”.
“Tôi sẽ lấy một chiếc xe” Carlos nói. “Tôi biết chỗ bán hoa ở Hackensack này. Tôi sẽ rất cẩn thận”.
“Lấy chiếc Plymouth mà đi”. Chiếc xe này đã được sơn lại màu xanh xẫm và mang biển số mà trước đây chưa được dùng lần nào, như Rafael đã nói.
Sau khi rời chỗ Carlos, Miguel đi tìm Baudelio. Hắn thấy Baudelio và Socorro trong căn phòng lớn trên tầng của ngôi nhà, lúc này trông giống như phòng bệnh viện. Baudelio, trông giống như một bệnh nhân, đã quấn băng suốt nửa mặt bên phải của hắn, che kín những mũi khâu ở vết rạch điên loạn mà Jessica đã gây ra.
Thường ngày Baudelio đã có vẻ hốc hác, vàng vọt và quá già so với tuổi của hắn, nhưng hôm nay trông hắn lại càng thảm hại hơn nữa. Mặt hắn trắng bệch và mỗi cử động đều rõ ràng là rất khó khăn. Nhưng hắn vẫn tiếp tục chuẩn bị cho việc ra đi, và khi Carlos báo cho hắn biết thời gian bảy giờ 40 tối nay, Baudelio đáp “Chúng tôi sẽ sẵn sàng”.
Trước sự thúc giục của Miguel, viên cựu bác sĩ đã khẳng định rằng một ngày rưỡi thí nghiệm với loại thuốc porofol đã cho hắn biết liều lượng cần phải tiêm cho mỗi kẻ bị bắt để có được trạng thái bất tỉnh trong những khoảng thời gian nhất định. Khi các “bệnh nhân” bi bỏ không được chăm sóc và kiểm tra trong quan tài đậy kín.
Khoảng thời gian nhịn đói bắt buộc đối với cả ba – 56 tiếng đồng hồ tính từ lúc ra đi – cũng là thoả đáng. Sẽ không có nôn mửa cũng như không có ai hít vào phổi, vì để đề phòng trường hợp

nạn nhân tắc thở hay nghẹn thở Baudelio đã đặt thêm một ống dẫn khí trong họng mỗi người và thân người sẽ đặt nằm nghiêng trước khi quan đóng nắp. Trong khi đó, họ được tiếp chất lỏng vào tĩnh mạch để tránh bị mất nước. Từ những túi trong suốt đựng gluco đặt bên sườn mỗi người, những ống chảy nhỏ giọt dẫn thẳng vào mạch máu ở bàn tay họ.
Miguel dừng lại, nhìn xuống ba cái thân người. Họ có vẻ hiền lành, gương mặt họ đầy vẻ yên bình. Người đàn bà cũng khá đẹp, hắn nghĩ, sau này, nếu thời cơ thuận lợi, hắn có thể sử dụng thể xác của cô ta. Ông già trông rất đường hoàng, như một người lính già đang yên nghỉ, mà theo như nguồn tin mới nhất, ông ta cũng đã từng là lính. Thằng bé có vẻ yếu đuối, khuôn mặt gầy gò, có lẽ việc nhịn đói bắt buộc đã làm cho nó yếu đi, điều đó cũng không có gì nghiêm trọng chừng nào nó còn sống sót khi đến được Peru - như hắn đã hứa với Sendero Luminoso. Cả ba người đều xanh xao, trên má họ chỉ còn một chút sắc khi, nhưng họ vẫn còn thở. Cảm thấy hài lòng, Miguel quay đi.
Những chiếc quan tài để đặt ông Angus, Jessica và Nicky vào trước khi bọn chúng đến sân bay Teterboro được đặt nằm ngang trên những bộ mễ, Miguel biết rằng mỗi chiếc quan tài đã được khoan một loạt những lỗ thông hơi nhỏ vì hắn đã quan sát Rafael làm công việc đó dưới sự hướng dẫn của Baudelio. Chúng sẽ hút không khí vào mặc dù hầu như không thể nhìn thấy.
"Cái gì đây?" Miguel chỉ vào một cái bình đựng những tinh thể đặt cạnh mấy chiếc quan tài.
"Hạt vôi có sôđa đấy", Baudelio trả lời. "Để rải xung quanh ở bên trong, chúng sẽ hút khí cacbon đioxit từ cơ thể thở ra. Sẽ có thêm môt xylanh bơm ôxi vào có thể điều khiển được từ bên ngoài.
Chợt nhớ ra rằng trong giờ phút khó khăn sắp tới, tay nghề của Baudelio sẽ rất quan trọng đối với cả bọn, Miguel hỏi "Còn gì nữa không?".
Viên cựu bác sĩ chỉ tay vào Socorro "Cô hãy nói cho ông ấy. Cô sẽ cùng làm với tôi".
Socorro đang ngồi theo dõi và lắng nghe, vẻ mặt cô ta vẫn khó hiểu như thường lệ. Miguel vẫn còn thắc mắc trong đầu về sự tham gia vào toàn bộ phi vụ này của Socorro, nhưng hôm nay, hắn cảm thấy bị kích thích bởi thân hình khêu gợi, những cử động đầy vẻ khiêu khích của cơ thể và bản năng giới tính rõ rệt của cô ta. Như thể đọc được những ý nghĩ trong đầu hắn, trong giọng nói của cô ta có một vẻ chế nhạo.
"Nếu có người nào cần đi giải, ngay cả khi bất tỉnh, họ có thể cựa quậy và gây ra tiếng ồn. Vì vậy trước khi đóng nắp lại" – Socorro chỉ tay về phía mấy chiếc quan tài – "bọn tôi sẽ lắp các mạch dẫn. Đó là các ống dẫn từ các bộ phận bài tiết. Hiểu chưa?".
Miguel nói với vẻ phật ý "Tôi cũng biết mạch lý học đấy". Suýt nữa thì hắn nói với Socorro rằng cha hắn cũng là một bác sĩ, may hắn tự khiềm chế được. Một giây phút yếu đuối, ảnh hưởng của đàn bà đã suýt nữa làm hắn để lộ những chi tiết về quá khứ của hắn, một điều mà hắn không bao giờ làm.
Thay vào đó hắn hỏi Socorro: "Khi nào cần, cô khóc được chứ?".
Đó là một phần của kế hoạch đã định, cô ta cũng sẽ là một người đi đưa đám khóc lóc.
"Được".
Baudelio nói thêm với một niềm tự hào nghề nghiệp mà hắn ít khi để lộ ra: "Tôi sẽ cho một ít hạt tiêu xay nhỏ vào mí mắt dưới của cô ấy. Cả tôi cũng vậy. Nước mắt sẽ tuôn ra và sẽ chảy cho đến lúc nào hết hạt tiêu thì thôi". Hắn nói với Miguel: "Nếu anh thích tôi sẽ làm cả cho anh nữa".
"Để rồi xem".

Baudelio đã hoàn tất những công việc cơ bản. “Cuối cùng, trong cả ba chiếc quan tài sẽ có những chiếc máy điện tâm đồ nhỏ xíu ghi lại nhịp thở và độ thuốc gây mê. Tôi sẽ có cách nối để theo dõi từ bên ngoài. Việc tiêm propofol cũng có thể được thực hiện từ bên ngoài”.
Xem xét lại cuộc nói chuyện, và mặc dù đã có những sai lầm trước đó, Miguel thấy hài lòng là Baudelio biết việc hắn phải làm. Cả Socorro cũng vậy.

Bây giờ vấn đề chỉ còn chờ cho qua ngày. Những giờ phút tiếp theo đó tưởng chừng như kéo dài vô tận.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 11

Tại trụ sở hãng CBA sáng thứ bảy, cuộc họp của ban đặc nhiệm vừa bắt đầu lúc 10 giờ sáng đã đột ngột phải ngừng lại.

Harry Partridge ngồi ở đầu bàn họp vừa mở đầu một cuộc tranh luận thì tiếng điện thoại truyền tin vang lên – thông báo của phòng tin chính. Partridge ngừng lời, cùng sáu người khác ở chiếc bàn đó lắng nghe.

"Phòng trực ban, Richardson. Tin này do UPI thông báo…

"White Plwains – New York. Một chiếc xe chở khách, có lẽ là chiếc xe đã được dùng trong vụ bắt cóc gia đình Sloane hôm thứ năm, đã nổ tung cách đây vài phút. Ít nhất có ba người chết, những người khác bị thương. Vụ nổ xảy ra khi cảnh sát đang trên đường đến kiểm tra chiếc xe để trong khu nhà để xe của Trung tâm thương mại thành phố. Vụ nổ xảy ra lúc nhiều khách hàng vừa lái xe tới để mua bán vào ngày cuối tuần. Toà nhà bị phá huỷ nghiêm trọng. Lính cứu hoả, các đội cấp cứu và xe cứu thương đang có mặt ở hiện trường mà theo lời miêu tả của một nhân chứng "giống như một cơn ác mộng".

Ngay khi bản tin vẫn còn đang tiếp tục, những chiếc ghế trong phòng họp đã bị đẩy bật lại phía sau, các thành viên trong ban đặc nhiệm bật dậy. Khi bản tin kết thúc, Partridge là người đầu tiên lao ra ngoài tới phòng tin ở tầng dưới. Rita Abrams bám sát theo anh.

Buổi sáng thứ bảy ở bất cứ phòng tin nào cũng là quãng thời gian tương đối thoải mái. Phần lớn những nhân viên làm việc từ thứ hai đến thứ sáu đều nghỉ ở nhà. Một số người phải trực ngày cuối tuần đều biết rằng lãnh đạo không có mặt ở đó. Vì vậy, mọi người ăn mặc tuỳ ý, hầu hết là quần bò và cánh đàn ông không đeo cravat.

Phòng tin chính cửa hãng CBA yên tĩnh một cách kỳ lạ, chỉ có một phần ba số ban là có người ngồi và người phụ trách trực ngày hôm đó là Orv Richardson, phụ trách cả phần tin trong nước. Còn ít tuổi, gương mặt tươi tắn và hăng hái, Richardson vừa mới từ một địa phương chuyển đến làm tại đây. Mẩu tin quan trọng đột ngột từ White Plains khiến anh hơi căng thẳng. Anh muốn chắc chắn là không phạm sai lầm.

Vì vậy, anh cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy một phóng viên kỳ cựu, là Harry Partridge và một chủ nhiệm cao cấp, là Abrams lao vào phòng tin và tiến đến phía anh.

Trong khi Partridge đọc lướt qua bản tin vừa in của hãng UPI và đọc phần tiếp theo đang nằm trong máy vi tính, Rita bảo Richardson: "Chúng ta nên phát tin ngay đi. Ai có quyền quyết định đây?".

"Tôi có số máy". Với chiếc tai nghe vắt trên vai và vừa tìm số ghi, anh chàng trực ban vừa bấm nút gọi cho ông Phó chủ tich hãng CBA hiện đang ở nhà. Khi ông ta trả lời, Richardson giải thích tình hình và xin phép được phát bản tin đặc biệt này. Ông phó chủ tích hét trả lại: "Tất

nhiên rồi. Làm ngay đi".
Tiếp theo đó là một cảnh tượng gần giống như hôm thứ năm bao trùm lên toàn hệ thống của hãng thì tin vụ bắt cóc bay về lúc xế trưa. Sự khác nhau chỉ là ở nội dung của bản tin và những người tham gia vào đưa tin. Partridge đã ở trong phòng phát hình, ngồi đúng chỗ của người phát thanh viên, Rita đang làm quyền uỷ viên ban chủ nhiệm và trong phòng điều khiển, một đạo diễn chương trình tin khác đã có mặt, ông vội vã đến đây từ một phòng khác trong toà nhà khi nghe gọi có "bản tin đặc biệt".
Hãng CBA đã phát bản tin bốn phút sau khi nhận được tin của UPI. Những hãng khác cũng phát chương trình của họ hầu như cùng lúc đó.
Như thường lệ, Harry Partridge đã thu thập và khớp lại phần chính của bản tin. Không còn thời gian để viết lời hay dùng máy nhắc vô tuyến, anh chỉ ghi nhớ nội dung của bức điện báo và đọc ứng khẩu.
Bản tin đặc biệt kết thúc trong vòng hai phút. Chỉ có mấy con số trần trụi, một vài chi tiết và không có hình ảnh – trừ mấy cái ảnh chụp vội vàng của gia đình Sloane, ngôi nhà của họ ở Larchmont và cửa hàng Grand Union, nơi vụ bắt cóc xảy ra hôm thứ Năm hiện lên qua vai Partridge. Partridge hứa với khán giả: một bản tin chi tiết với hình ảnh tại White Plains sẽ được phát đi muộn hơn trong bản tin tối toàn quốc ngày thứ bảy của hãng CBA.
Ngay sau khi đèn đỏ của camera trong phòng máy tắt đi, Partridge gọi điện cho Rita ở phòng điều khiển: "Tôi sẽ tới White Plains. Chị sẽ lo liệu mọi việc chứ?".
"Tôi đã sắp xếp cả rồi. Iris, Minh và tôi cũng sẽ tới đó. Iris sẽ chuẩn bị bản tin cho tối nay. Anh có thể đứng bình luận tại chỗ ở đó và chúng ta sẽ lồng tiếng sau. Đã có xe và lái xe chờ dưới nhà".
Thành phố White Plains có một lịch sử lầu đời từ năm 1661 khi nó còn là một khu trại của người da đỏ Siwanoy – họ gọi nó là Quaropas, có nghĩa là cánh đồng trắng hay cọ trắng – gọi theo tên của loài cây mọc ở vùng này. Hồi thế kỷ 18, nó là một khu mỏ rất quan trọng và là đầu mối của các tuyến đường giao thông. Năm 1776, thời kỳ cách mạng Mỹ, một trận chiến đấu xảy ra ở đồi Chatterton gần đó, buộc Washington phải rút lui, nhưng cũng trong năm đó, một đại hội tỉnh này đã thông qua Tuyên ngôn độc lập và lập ra bang New York, nhưng không có sự kiện nào lại xấu xa như vụ nổ do nhóm Medellin và Sendero Luminoso gây ra ở nhà để xe của toà nhà Thương mại trung tâm thành phố.
Sau này, khi sự việc trở nên sáng tỏ hơn, người ta thấy rằng đó là một việc không thể tránh khỏi nằm trong một chuỗi các sự việc.
Đêm hôm trước, một nhân viên bảo vệ đi tuần tra đã ghi lại biển số và tên hãng của những chiếc xe để qua đêm ở đó – một thủ tục thông thường và một sự đề phòng những tay lái xe láu cá có thể nói dối rằng họ đã mất uổng vé đỗ xe và mới đỗ xe ở đó có một ngày.
Sự có mặt của chiếc xe hiệu Nissan với biển số của New York đã được để ý tới từ đêm trước, điều đó cũng không có gì bất thường. Đôi khi, vì nhiều lý do khác nhau, có những chiếc xe được để ở đó cả tuần hay thậm chí còn hơn nữa. Nhưng đến đêm thứ hai, một nhân viên bảo vệ khác cảnh giác hơn đã băn khoăn không rõ chiếc xe Nissan này có thể là chiếc xe đang bị truy tìm có liên quan đến vụ bắt cóc gia đình Sloane mà anh đã được biết hay không.
Anh ghi lại điều nghi vấn đó trong bản báo cáo và người quản lý đọc bản báo cáo đó sáng hôm sau đã nhanh chóng gọi điện cho cảnh sát White Plains. Họ đã điều ngay một chiếc xe đến nơi kiểm tra. Lúc đó, theo báo cáo của cảnh sát là 9 giờ 50 sáng.

Tuy vậy, người quản lý không ngồi chờ cảnh sát đến. Anh đi tới chỗ chiếc xe tải, lấy ra một chùm chìa khoá lớn mà anh đã thu thập được trong nhiều năm. Anh tự hào là hầu như chỉ có rất ít xe anh mới không mở được bằng chùm chìa khoá này.
Sự việc xảy ra đúng lúc những người đi mua hàng ngày thứ bảy ngồi trong xe lũ lượt tiến vào khu đỗ xe.
Rất mau lẹ viên quản lý tìm một chiếc chìa khoá tra vừa vào chiếc xe Nissan và mở cửa buồng lái. Đó là cử chỉ cuối cùng trong những giây phút ít ỏi còn lại của cuộc đời anh.
Với một tiếng vang rền mà sau này một ai đó đã mô tả là "giống như một trăm năm mươi tiếng sấm góp lại", chiếc xe Nissan tan tành, một quả cầu lửa nuốt chửng nó. Một phần lớn khu nhà và nhiều chiếc xe để gần đó, may thay là xe không có người, bốc cháy dữ dội. Sức nổ đã tạo nên những lỗ thủng lớn ở phía bên trên và bên dưới nơi đỗ chiếc xe Nissan khiến cho những chiếc xe đang bốc cháy lao rầm rầm qua những lỗ thủng đó xuống tầng dưới.
Không chỉ khu để xe bị tàn phá. Khu trung tâm Thương mại của thành phố cũng bị hư hỏng cả phần cấu trúc. Cả bên trong lẫn bên trên khu này, toàn bộ cửa sổ và cửa ra vào bằng kính đều vỡ tung toé. Những mảnh vỡ khác, đầu tiên bay lên trên, sau đó văng ra những đường phố bên cạnh, vào xe cộ và người đi đường.
Tác động của cú sốc này còn gấp bội. Khi tiếng nổ rền vang lắng xuống thì ngoài tiếng động nhỏ hơn của những đám cháy tiếng đồ vật đổ vỡ, có một khoảng im lặng. Rồi đột ngột tiếng la khóc, tiếp theo là tiếng kêu gào và nguyền rủa lẫn lộn, tiếng rên rỉ cầu cứu, những mệnh lệnh không đâu vào đâu và ngay sau đó, những tiếng còi cứu thương và cứu hoả từ mọi hướng ập tới.
Thật đáng kinh ngạc là rốt cuộc số người bị tai nạn cũng không lớn lắm. Ngoài viên quản lý chết ngay tại chỗ, hai người nữa chết sau đó chút ít, bốn người bị thương thập tử nhất sinh. Hai mươi hai người khác, trong đó có năm sáu trẻ em, cũng bị thương phải đưa đi bệnh viện.
Sau đó người ta tranh luận, tập trung vào một câu hỏi: Nếu viên quản lý chờ cảnh sát đến thì vụ nổ có xảy ra không? Cảnh sát nói là sẽ không xảy ra, viện lý do là họ sẽ gọi FBI và các chuyên viên FBI sẽ xem xét chiếc xe, phát hiện ra chất nổ, và vô hiệu hoá chất nổ. Nhưng những người khác đều hoài nghi vì họ tin rằng thế nào thì chính cảnh sát cũng sẽ mở xe, hoặc là tự họ, hoặc là họ sẽ mượn chùm chìa khoá của viên quản lý.
Có một điều tự bản thân nó đã rõ là chiếc xe Nissan này đã được bọn bắt cóc sử dụng vào vụ bắt cóc gia đình Sloane cách đây hai ngày. Việc xe để ở gần Larchmont, việc mọi người thấy nó xuất hiện ở khu để xe của Trung tâm Thương mại từ hôm thứ năm và sự kiện chúng gài bẫy kiểu này đều thích hợp với việc kết luận này. Còn biển số của xe, sau khi người ta kiểm tra sổ đăng ký, thì lại thuộc về một chiếc xe mui kín hiệu Oldsmobile sản xuất năm 1983. Tuy nhiên người ta phát hiện ngay được là tên chủ xe, địa chỉ và sổ bảo hiểm nằm trong hồ sơ lưu trữ đều là giả mạo, cũng như tiền đăng ký và bảo hiểm đều trả bằng tiền mặt và người đóng tiền không để lại dấu vết gì.
Tất cả điều đó có nghĩa là chiếc Oldsmobile đã biến mất, có thể là đã vào hàng đồng nát, nhưng người ta vẫn giữ sổ đăng ký của nó để sử dụng vào việc phi pháp. Do đó cái biển số trên xe Nissan là phi pháp, tuy không nằm trong "sổ đen" của cảnh sát.
Còn một vấn đề nữa là người làm chứng ở Larchmont khai chiếc xe Nissan mang biển số bang New Jersey, còn cái để ở khu đỗ xe White Plains lại mang biển số bang New York. Nhưng sau này các nhà điều tra đã nhận định rằng việc bọn tội phạm thay đổi biển số xe ngay sau khi gây

án là chuyện thường tình.
Viên cảnh sát trưởng đã đưa ra một kết luận khác về cảnh tượng vụ nổ. Ông ta buồn bã nói với các phóng viên là: "Rõ ràng chuyện này là do bàn tay của bọn khủng bố sừng sỏ làm".
Khi người ta hỏi rằng có phải ông muốn nói rằng đây chính là bọn khủng bố ngoại quốc đã bắt cóc ba người trong gia đình Sloane không, ông cảnh sát trưởng trả lời: "Chuyện này chưa xảy ra trên địa bàn của tôi, nhưng tôi cũng cho là như vậy".
"Chúng ta hãy để cái lập luận về bọn khủng bố ngoại quốc làm trọng tâm của bản tin tối nay", Harry Partridge bảo với Rita và Iris Everly khi anh nghe báo cáo về lời bình luận của viên cảnh sát trưởng.
Đội quân của hãng CBA vừa tới được vài phút trên hai chiếc xe – nhóm quay phim đi bằng chiếc Jeep Wagoneer, còn Partridge, Rita, Iris và Teddy Cooper đi trên chiếc Chevrolet mui kín do một nhân viên của hãng lái – hai chiếc xe này đã lao từ giữa Manhattan cách đó hai mươi lăm dặm tới đây trong ba mươi phút. Cùng với một đám phóng viên tập trung tại hiện trường, người xem đổ xô tới sau các hàng rào chắn của cảnh sát. Minh Văn Cảnh và người phụ trách âm thanh, Ken O'Hara, đã chuẩn bị băng hình và ghi cảnh toà nhà bị đổ, cảnh vận chuyển người bị thương, cảnh đống xe bị rúm ró vặn vẹo và một số còn đang cháy dở. Họ cũng kịp tham dự cuộc họp báo bất chợt để ghi lời tuyên bố của viên cảnh sát trưởng.
Sau khi đánh giá tình hình chung, Partridge gọi Minh Văn Cảnh và O'Hara lại và bắt đầu phỏng vấn thu hình một số người đang tham gia cứu trợ cũng như những người đã chứng kiến vụ nổ. Đây là công việc mà chỉ cần đội quay phim hoặc một chủ nhiệm làm là đủ. Nhưng nó đã gây cho Partridge một cảm giác nhập cuộc, lần đầu tiên đụng chạm trực tiếp tới câu chuyện.
Đụng chạm vào một câu chuyện thời sự đang tiếp diễn là sự cần thiết về mặt tâm lý của người phóng viên, bất kể là lượng thông tin mà phóng viên đó có thể có được về bối cảnh câu chuyện là bao nhiêu. Partridge đã tiến hành điều tra vụ bắt cóc gia đình Sloane tới gần bốn mươi hai tiếng đồng hồ rồi nhưng cho tới giờ phút này anh chưa có được sự tiếp xúc trực tiếp với bất cứ yếu tố nào của vụ án. Có những lúc anh cảm thấy như bị nhốt vào lồng, vì chỉ có một cái bàn, một máy điện thoại và một máy điều khiển vi tính nối anh với thực tế bên ngoài. Đi tới White Plains, xem xét những cảnh tượng bi thảm, nhằm thoả mãn cho nhu cầu cần thiết đó, anh biết rằng Rita cũng cần như vậy.
Nghĩ tới cô, anh sực nhớ đên việc tìm cô và hỏi "Đã ai nói chuyện với Crawf chưa?".
"Tôi vừa mới gọi điện về nhà anh ấy" – Cô nói – "Anh ấy định phóng tới đây, nhưng tôi đã xin anh ấy ở nhà. Thứ nhất là thế nào người ta cũng bu kín lấy anh ấy. Thứ hai là thấy được tận mắt khả năng của lũ khốn kiếp này thì anh ấy sẽ phiền muộn khủng khiếp lắm".
"Nhưng thế nào mà anh ấy lại chẳng xem hình".
"Anh ấy rất muốn. Anh ấy sẽ gặp chúng ta tại hãng, cùng với Les, và trong tay tôi đã có những thứ đã quay được đây này". Rita giơ những băng hình ra. Cô nói thêm "Tôi nghĩ là tôi và anh nên về. Iris và Minh có thể ở lại thêm lúc nữa".
Partridge gật đầu: "Được, nhưng chờ tôi một phút đã".
Họ đang đứng ở tầng ba của khu đỗ xe. Để Rita đó, anh bước về một góc vắng, không bị phá huỷ. Từ đây anh thấy toàn cảnh White Plains và thành phố vẫn tiếp tục mọi hoạt động thường ngày. Cách đây một quãng là đường quốc lộ dẫn tới New England và bên trên đó là những ngọn đồi xanh của khu Westchester, tất cả mọi cảnh quan thường lệ hoàn toàn đối nghịch với sự tàn phá kề cận bên anh.

Anh đã bước ra khỏi mọi sự lộn xộn đó, tìm một khoảnh khắc im lặng để suy ngẫm, để hỏi và trả lời một câu hỏi nhức nhối: Anh đã nhận nhiệm vụ tìm và giải phóng cho Jessica, con trai cô và cha của Crawford, thì liệu anh có chút hy vọng nào… dù một hy vọng mong manh nhất… là sẽ thế chân anh ấy không? Lúc này đây Partridge sợ rằng câu trả lời sẽ là không.
Chuyện xảy ra ngày hôm nay, tại nơi đây, qua việc quan sát khả năng của đối phương, thực ra là một cuộc đọ sức đáng gờm. Nó đặt ra những câu hỏi như: Liệu có thể đối địch với sự tàn bạo này không? Giờ đây sự liện quan của một vụ khủng bố đã được khẳng định rõ, liệu những phương sách văn minh có thể lần theo dấu vết và khôn ngoan thắng được một kẻ thù xấu xa như thế không? Và thậm chí nếu câu trả lời là được, và cho dù có sự lạc quan ban đầu tại trụ sở hãng CBA, phải chăng đây là một sự tự phụ rỗng tuếch khi cho rằng một phóng viên làm tin tay không lại có thể thành công trong khi lực lượng cảnh sát, các chính phủ, giới tình báo và quân sự vẫn thường thất bại?
Còn đối với anh, anh cho rằng đây không phải là một trận chiến đấu công khai. Đây là một cuộc chiến ngấm ngầm, bẩn thỉu, với kẻ thù giấu mặt, với bao nạn nhân vô tội, sự giao tranh mệt mỏi…
Nhưng đặt mọi cảm giác cá nhân sang một bên, liệu anh có nên đưa ra những lời khuyên hợp lý là hãng CBA nên thôi việc tham gia năng nổ này, mà ủng hộ cho việc trở lại vai trò hợp quy chuẩn là quan sát đưa tin hoặc, nếu không được như vậy, thì ít ra là nên chuyển trách nhiệm này cho người nào khác?
Anh cảm thấy có tiếng động ở phía sau. Quay lại, anh thấy Rita. Cô hỏi “Tôi có thể giúp anh không?”.
Anh bảo cô: “Từ trước tới nay chúng ta chưa từng có vụ nào giống vụ này, vì nó phụ thuộc quá nhiều vào việc chúng ta phải làm gì chớ không phải là chỉ vào chuyện đưa tin như thế nào”.
“Tôi biết”, cô nói. “Có phải anh đang nghĩ tới chuyện đặt lại vấn đề, trả cái gánh nặng lại cho người khác không?”.
Anh ngạc nhiên trước sự nhạy cảm của cô. Anh gật đầu: “Phải, đúng vậy”.
“Đừng làm thế, Harry ạ”, cô khẩn khoản. “Đừng bỏ cuộc! Vì nếu anh bỏ cuộc, thì chẳng có ai giỏi được bằng anh nữa đâu”.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 12

Partridge, Rita và Teddy Cooper cùng quay về Manhattan, tốc độ ít điên cuồng hơn lúc họ phóng đến. Partridge ngồi ở ghế trước cùng người lái xe, còn Teddy và Rita ngồi ở băng ghế sau.

Mãi tới phút chót Teddy Cooper mới quyết định đi tới White Plains. Anh đã lặng lẽ ẩn mình quan sát: đôi lúc anh tỏ ra quá bận tâm như thể chỉ tập trung vào một vấn đề nào đó. Partridge và Rita cũng vậy, đầu tiên có vẻ như họ cũng không thích chuyện trò gì. Đối với cả hai người thì việc sáng nay là một điềm gỡ. Trong lúc xem xét sự việc họ đã nhận thấy tác động của chủ nghĩa khủng bố từ nước ngoài xâm nhập vào vùng ngoại ô nước Mỹ là một chấn thương ghê gớm. Cuối cùng thì một sự điên loạn dã man đã đến, đã đầu độc cái môi trường mà từ trước tới nay nếu không gọi là bình lặng thì cũng có được một nền tảng của lý trí. Họ lo ngại rằng từ hôm nay, sự xoá bỏ nền tảng này đã bắt đầu, sẽ lan rộng và có thể là không cưỡng lại được.

Sau một lúc, Partridge quay lại phía hai người, nói: "Người Anh đã tin tưởng rằng nạn khủng bố từ nước ngoài du nhập vào không thể xảy ra tại đất nước của họ được, nhưng nó đã xảy ra. Ở đây cũng đã có rất nhiều người tin tưởng như vậy".
"Ngay từ đầu họ đã sai lầm", Rita nói. "Đó là điều không tránh thoát, vấn đề là bao giờ nó xảy ra mà thôi".
"Nhưng lũ khốn kiếp đó là ai?" Partridge đấm mạnh vào lòng bàn tay. "Điều chúng ta phải tập trung vào là tìm ra bọn chúng là ai?".
Rita hiểu giờ đây Partridge đã gạt bỏ cái ý định thôi không lãnh đạo ban đặc nhiệm của hãng CBA nữa. Cô trả lời: "Lẽ đương nhiên đầu tiên người ta nghĩ ngay tới Trung Đông: Iran, Lebanon, Libya… rồi tới các giáo phái và các tổ chức như: Hezbollah, Amal, Shiites, hồi giáo Jihad, Farl…, PLO, anh cứ điểm mà xem".

Partridge công nhận: "Tôi cũng đã xem xét theo hướng đó. Rồi tôi tự hỏi: Tại sao chúng lại hành động như vậy? Căn cớ gì mà chúng lại vươn tầm với của chúng ra xa đến như thế, mạo hiểm hoạt động ở đây trong khi chúng có bao nhiêu mục tiêu dễ dàng gần với chúng hơn?".
"Có lẽ là để gây ấn tượng. Để làm cho con quỷ Xa tăng vĩ đại tin chắc rằng chẳng có nơi nào là an toàn cả".
Partridge chậm rãi gật đầu: "Có lẽ chị nói đúng". Anh nhìn Cooper "Teddy, liệu có khả năng là bọn IRA không?".
Nhà nghiên cứu bừng tỉnh khỏi cơn mơ mộng: "Tôi không cho là như vậy. Bọn IRA có thể làm

bất cứ điều gì, nhưng lại không hoạt động ở Mỹ, vì vẫn có một lũ người Mỹ gốc Ailen cung cấp tiền cho chúng. Nếu chúng tiến hành hoạt động ở đây thì chúng sẽ bị cắt chi viện ngay".
"Liệu có hướng khác không?".
"Tôi đồng ý với điều anh vừa mới nói về cái bọn ở Trung Đông, Harry ạ. Có lẽ anh nên nhìn cả về hướng nam nữa".
"châu Mỹ la tinh", Rita nói. "Nghe có lý đấy. Nicaragua đáng tính đến nhất. Honduras và Mexico cũng có khả năng, kể cả Colombia".
Họ vẫn tiếp tục lập luận nhưng không đi tới kết luận gì nên Partridge bảo Teddy: "Tôi biết rằng chắc chắn là có cái gì đó trong đầu của anh. Anh có sẵn lòng san sẻ với chúng tôi không?".
"Tôi cũng cho là như vậy", Cooper cân nhắc, rồi bắt đầu. "Tôi cho là chúng đã rời khỏi đất nước này".
"Bọn bắt cóc à?".
Teddy gật đầu: "Và đã đem cả gia đình ông Sloane đi. Điều đã xảy ra sáng hôm nay", anh bắt đầu chỉ về phía White Plains – "là một dấu hiệu. Để cho chúng ta biết rằng chúng là loại người gì, chúng chơi tàn bạo tới mức nào. Đó là một lời nhắn gửi, cho bất cứ ai dám đương đầu với chúng".
"Nào, chúng tôi thử tìm hiểu ý anh", Partridge nói. "Anh tin rằng chúng tính toán xem phải mất bao lâu thì chiếc xe mới bị phát hiện và nổ tung, chúng đã dự tính để điều đó xảy ra sau khi chúng đã cao chạy xa bay phải không?".
"Đại loại như vậy".
Partridge phản bác: "Anh chỉ đoán một cách đơn giản. Anh có thể đoán sai".
Cooper lắc đầu: "Hơn là đoán – mà là một đánh giá trí tuệ. Có lẽ là chắc chắn".
Rita hỏi: "Cứ giả thiết là anh đúng đi, thì điều đó để lại chúng ta cái gì?".
"Nó để lại cho chúng ta việc chúng ta phải quyết định xem chúng ta có nên cố sức để tìm nơi ẩn náu của chúng hay không, kể cả khi ta tới nơi thì chẳng còn ai ở đó nữa".
"Ta còn lo tìm làm gì nữa, nếu như theo giả thiết của anh là chúng đã cao chạy xa bay rồi?".
"Vì cái điều mà Harry đã nói hôm qua là: Mọi người đều để lại dấu vết. Cẩn thận đến đâu đi chăng nữa, mấy thằng khốn này cũng sẽ để lại dấu".

Xe đã đi tới gần Manhattan. Họ đang ở trên đường cao tốc Major Deegan, người lái xe phải giảm tốc độ vì đường quá đông. Partridge nhìn ra ngoài, rồi quay sang nhắc Cooper:
"Hôm qua anh nói với chúng tôi là anh đang cố tìm ra nơi trú ngụ của băng này. Tình hình đến đâu rồi?".

Cooper xem xét sổ ghi rồi bắt đầu: "Điều tôi hình dung đầu tiên là cái kiểu nơi cư trú của bọn này cần tất cả mọi dữ kiện mà chúng ta đã bàn tới hôm qua: chứa được ít nhất là năm cái xe, ở vào nơi khuất, có được một phân xưởng đủ chỗ để sơn những chiếc xe đó, có đủ chỗ ăn, chỗ ngủ cho bốn người và có lẽ một hai người nữa theo cách áng chừng của tôi. Chúng còn cần chỗ làm nhà kho, rồi một nơi nào đó đủ an toàn để nhốt ba người trong gia đình Sloane sau khi chúng bắt cóc họ, và cứ theo cái cỡ của phi vụ này, thì chúng còn có cả một loại văn phòng làm việc nữa. Vậy thì không thể là một cái gì đó nhỏ xíu, nhất là cái kiểu nhà thông thường với những người hàng xóm tò mò ở xung quanh".
"Được" Partridge đồng ý. "Tôi nhất trí với đoạn mở đầu này!".

“Vậy thì có thể là kiểu chỗ ở như thế nào?”, Cooper tiếp tục. “Theo cách nhìn nhận của tôi, thì rất có thể nó là một trong những cái này: hoặc là một xí nghiệp không sử dụng nữa, hoặc là một nhà kho bỏ hoang, hoặc một căn nhà lớn có các nhà phụ. Nhưng kiểu gì đi chăng nữa, nó cần phải ở một nơi nào đó không có nhiều người ở xung quanh – riêng biệt, tách rời – và như chúng ta đã đồng ý với nhau, nó phải cách Larchmont không quá hai mươi lăm dặm”.
“Anh đã đồng ý như vậy”, Rita nói rõ. “Còn chúng tôi thì phải nghe theo vì chúng tôi không nghĩ được ra điều gì tốt hơn cả”.
“Cái khó là”, Partridge phản đối, “chỉ riêng trong cái bán kính hai mươi lăm dặm ấy cũng có thể có tới hai mươi ngàn chỗ đáp ứng được điều ấy”.
Cooper lắc đầu: “Không nhiều đến thế đâu. Sau bữa ăn tối hôm qua, tôi đã nói chuyện với một số người và chúng tôi ước tính, kể cả các chỗ hẻo lánh, chỉ có thể có từ một tới ba ngàn nơi thôi”.
“Ngay cả chỉ có từng ấy thôi thì là thế quái nào mà tìm được nơi chúng ta muốn cơ chứ?”.
“Tôi đã nói là sẽ phải mất thời gian, và chỉ có một cách”.
Thấy Partridge và Rita chăm chú nghe, Cooper trình bày kế hoạch của anh:
“Ta thử rà lại toàn bộ sự việc từ đầu: Khi lũ bắt cóc tới đây, dù cho chúng từ bất cứ nơi nào tới, chúng cũng phải thiết lập căn cứ gần Larchmont, nhưng không quá gần – theo cách chúng ta nhận định. Vậy trước hết chúng làm gì? Đầu tiên là chọn một nơi ở chung. Sau đó là làm cái mà mọi người khác sẽ làm, nhất là khi không có nhiều thời gian, là xem quảng cáo bất động sản, tìm loại nhà chúng cần để ký hợp đồng hoặc thuê. Tất nhiên chúng ta không thể đoán chắc, nhưng có cơ rằng đó là cách chúng đã làm”.
“Chắc chắn rằng đó là một khả năng”, Partridge nói. “Cũng có cả khả năng là chúng đã có một sự giúp đỡ của bọn nằm vùng từ trước, lập sẵn cái cơ sở từ trước khi chúng tới nơi”.
Cooper thở dài “Quả đúng là như vậy! Nhưng khi tất cả đều chỉ là giả thiết, thì chúng ta phải bắt đầu từ một cái gì mà chúng ta có trong tay chứ”.
“Thôi được, Teddy ạ. Nói tiếp đi”.
“Vậy thì… bây giờ điều chúng ta phải làm là nghiên cứu quảng cáo của các hãng nhà ở trong tất cả các báo lớn nhỏ, đã xuất bản từ ba tháng trước. Với bán kính hai mươi lăm dặm, lấy Larchmont làm tâm. Chúng ta chỉ cần xem những quảng cáo của loại nhà mà chúng ta vừa mới nói đến – đặc biệt lưu ý đến các quảng cáo đăng một thời gian rồi bất chợt ngừng lại”.
Rita thở hắt ra: “Anh có hình dung ra là có bao nhiêu tờ nhật báo, tuần báo, và cần bao nhiêu người không?”.
Partridge bảo cô: “Tôi cũng đang nghĩ đến chuyện đó, nhưng cứ để anh ấy nói hết đã”.

Cooper nhún vai: “Tôi có biết là có bao nhiêu tờ báo không à? Không, không biết chính xác được ngoài chuyện là có vô số. Nhưng chúng ta sẽ thuê người – loại thanh niên thông minh một chút – đi khắp nơi và đọc qua tất cả. Tôi nghe nói là có một cuốn sách…” Cooper ngừng lại để xem sổ. Cuốn “Niên giám Báo chí và Xuất bản phẩm”, có danh sách tất cả các tờ báo lớn nhỏ. Chúng ta sẽ bắt đầu từ cuốn đó. Từ đó chúng ta sẽ tới các thư viện lưu trữ báo chí, một số đã chụp thu vào phim. Còn với những tờ báo khác thì chúng ta sẽ tới thẳng toà báo và xin xem các số báo cũ. Sẽ cần nhiều người và phải làm nhanh, trước khi mọi việc nguội đi”.

Partridge nói: “Và anh hình dung là ba tháng quảng cáo đó sẽ có cả…”.

“Nghe đây này, chúng ta biết rằng bọn này đã theo dõi gia đình Sloane suốt một tháng nay và từ khi chúng bắt đầu, anh có thể chắc là chúng đã lót ổ rồi. Vậy ba tháng là vừa mức”.
“Khi chúng ta tìm được cái quảng cáo đúng với loại chúng ta đang tìm rồi thì sẽ làm sao?”.
“Sẽ có một loạt các “điều có thể”, Cooper nói “Chúng ta sẽ lọc ra các loại theo thứ tự, rồi nhờ một số trong đám người chúng ta thuê làm tiếp tục việc theo dõi. Đầu tiên là tiếp xúc với các nhà quảng cáo vả hỏi các câu hỏi lặt vặt. Sau đó, dựa vào các câu trả lời, chúng ta quyết định nơi nào chúng ta sẽ để mắt tới”. Cooper nhún vài. “Hầu hết các cuộc kiếm tìm đều sẽ là những con số không, nhưng có thể một số lại có kết quả. Tôi mong là bản thân tôi sẽ tự theo dõi một số”.
Im lặng một lúc, Partridge và Rita cân nhắc điều họ đã nghe.
Partridge lên tiếng trước: “Tôi hoan nghênh anh vì các ý kiến đó, Teddy ạ. Nhưng anh nói rằng đây là một việc rất mất thời gian và chắc chắn là như vậy. Ngay lúc này tôi thấy điều đó không thể thực hiện được”.
“Thẳng thắn mà nói”, Rita nói, “thì tôi cho rằng cái chuyện anh đang cố làm là không thể được. Đầu tiên là số lượng các tờ báo quá nhiều. Thứ hai là sẽ phải trả một khoản tiền khổng lồ cho số người giúp việc mà anh cần”.
“Thế liệu khoản đó có xứng đáng với việc đưa gia đình ông Sloane về hay không?”.
“Dĩ nhiên là xứng đáng. Nhưng điều anh vừa nói sẽ không thể đưa họ về. Cùng lắm là nó chỉ đưa ra được một số thông tin mà thậm chí là chưa chắc chắn nữa cơ”.
“Dù sao đi chăng nữa thì ở đây chúng ta cũng chẳng quyết định được cái gì”, Partridge ngăn họ. “Vì đó là vấn đề tiền nong nên Leslie Chippingham sẽ quyết định. Khi chúng ta gặp ông ấy chiều hôm nay, Teddy ạ, anh có thể nói lại ý đồ của anh”.

Đoạn băng hình đưa tin tại chỗ dài hai phút rưỡi do Iris Everly đạo diễn dành cho chương trình Tin toàn quốc tối thứ bảy đầy kịch tính, gây ấn tượng mạnh. Ở White Plains, như thường lệ, Minh Văn Cảnh đã sử dụng camera một cách sáng tạo. Iris trở về trụ sở hãng CBA và lại làm việc với người biên tập băng hình là Bob Watson, tạo thành một kiệt tác nhỏ của màn ảnh nhỏ. Khi họ đã xem lại các băng hình xong, Iris nói: “Tôi cho là chúng ta nên bắt đầu bằng cảnh đống xe đang cháy rừng rực, các tầng nhà bị tan hoang, rồi cắt sang đoạn đưa người chết và người bị thương ra”, Partridge nhất trí và sau một lúc thảo luận, họ phác ra một chương trình tổng thể. Tiếp đó, vẫn đứng trong phòng biên tập, Partridge lồng lời bình của phóng viên vào hình ảnh. Đọc từ một bản đánh máy vội vã, anh bắt đầu: “Hôm nay, chút hoài nghi nào còn lại rằng những kẻ bắt cóc gia đình Crawford Sloane không phải là những tên khủng bố lành nghề đã bị xua tan một cách tàn bạo…”.
Tối đó, sự tham gia của Partridge vào việc đưa tin khác với hai ngày trước. Hôm thứ năm anh phát tin, tối hôm sau thì cùng phát tin với Crawford Sloane, còn tối nay, anh trở lại vai trò thường ngày của một phóng viên, vì buổi đưa tin thứ bảy của hãng CBA có phát thanh viên riêng thường xuyên là Teresa Foy, một cô gái người Mỹ gốc Hoa rất dễ thương và nổi tiếng. Trước đây Teresa đã bàn tổng quát với Partridge và Iris về tin họ sẽ đưa. Sau đó, biết rõ ràng trước mặt mình là hai trong số những người lão luyện nhất của hãng, cô đã khôn ngoan rút lui khỏi ghế phát tin.
Khi Partridge ghi âm xong, anh bỏ đi làm việc khác, Iris và Watson còn phải hoàn chỉnh việc biên tập mất thêm ba tiếng đồng hồ đầy vất vả nữa, một khía cạnh trong nghiệp vụ vô tuyến

truyền hình mà hiếm có người xem nào hiểu được khi xem kết quả đã cắt gọt cẩn thận.
Bề ngoài, Bob Watson không có vẻ là một người thích hợp với cái công việc tỉ mỉ, kiên nhẫn mà nghiệp vụ biên tập đòi hỏi. Ông béo lùn trông như đười ươi với các ngón tay chuối mắn. Dù sáng nào ông cũng cạo râu, nhưng cứ đến giữa buổi chiều râu ông đã đâm ra như suốt ba ngày chưa cạo. Ông liên tục hút điếu xì gà to tướng, hăng xì mà bất cứ ai phải làm việc với ông trong căn phòng nhỏ xíu cũng phải than phiền liên tục. Tuy nhiên, ông bảo họ: "Nếu không hút thuốc, thì tôi không thể suy nghĩ minh mẫn được, và các anh chỉ có các mẩu tin vớ vẩn thôi". Những chủ nhiệm như Iris Everly đành phải chịu đựng khói vì tay nghề của Watson.
Việc biên tập hình và âm thanh của tin tức truyền hình được làm tại trụ sở của hãng, tại các cơ sở chi nhánh khắp thế giới, hoặc thậm chí ngay tại chỗ xảy ra những tin tức bất ngờ.
Những dụng cụ điển hình của một biên tập viên truyền hình hiện đang ở trước mặt Watson và cô nàng Iris cương quyết và nhỏ nhắn ngồi bên ông là hai chiếc máy thu hình tinh xảo với hệ thống điều chỉnh chính xác và máy đo thời gian. Phía trên nối liền với những chiếc máy thu hình là một dãy máy phát hình và loa phóng thanh. Bên cạnh và phía sau biên tập viên là hàng chục băng ghi hình do các nhà quay phim của hãng, từ phòng lưu trữ băng hoặc các chi nhánh của hãng gửi tới.
Công việc là phải chuyển vào băng chính trong máy thu bên trái những đoạn trích và âm thanh từ vố số băng khác đã được xem đi xem lại trên máy ghi hình bên phải. Chuyển một cảnh, hiếm khi dài hơn ba giây, từ cuộn băng máy bên phải sang băng chính đòi hỏi một nhận định đầy tính nghệ thuật về tin tức, một sự kiên nhẫn vô bờ bến và một sự tinh tế của người theo dõi tin khi tiếp cận với nó. Cuối cùng, nội dung của băng chính sẽ được phát ra.
Watson bắt đầu cắt ráp phần mở đầu mà họ đã nhất trí với nhau: những chiếc ô tô đang bốc cháy và toà nhà đổ nát. Với tốc độ nhanh như nhân viên bưu điện chọn thư, ông rút băng từ trên giá xuống, đưa vào chiếc máy bên phải, bấm nút tua nhanh, tìm đoạn cần thiết.
"Không được", ông nói, "có một đoạn quay toàn cảnh ở góc đối diện có vẻ tốt hơn". Ông thay băng, xem nhanh và lại bỏ băng thứ hai, rồi chọn cái thứ ba và tìm được cảnh mình muốn.
"Chúng ta sẽ bắt đầu bằng cái này, rồi đưa cảnh ban đầu vào đoạn cận cảnh".
Iris đồng ý và Watson chuyển hình ảnh và âm thanh vào băng hình chính. Không hài lòng với lần thử thứ nhất rồi lần thứ hai, ông xoá hết, đến lần thứ ba ông mới thoả mãn.
Sau đó một chút, Iris nói "chúng ta hãy xem đoạn tư liệu về một chiếc xe Nissan". Họ xem lại băng này lần thứ hai: trên màn hình là một chiếc xe Nissan mới không có dấu vết gì đang chạy dưới ánh nắng về phía một con đường làng râm mát. "Lý tưởng" có bình luận "Anh có định dùng đoạn này, xong rồi cắt ráp với đoạn quay những mảnh vụn của chiếc xe bắt cóc sau khi nó bị nổ tung không?".
"Tốt đấy". Sau vài lần làm thử, Watson kết hợp hai hình ảnh lại thành một cảnh gây ấn tượng tối đa.
"Đẹp quá!" Iris thốt lên.
"Cô cũng tinh lắm đấy, cô bé ạ", ông rút vội điếu xì gà và tuôn ra một đám mây khói".
Họ lại tiếp tục cuộc trao đổi, thử nghiệm.
Trong tiến trình làm việc này những khả năng dễ tạo định kiến và bóp méo sự thật quả là vô cùng. Những cá nhân có thể bị đưa lên màn hình với những hành động lấy từ nhiều cảnh khác nhau. Ví dụ, một ứng cử viên chính trị có thể bị đưa lên màn hình lúc đang cười trước cảnh tượng những kẻ không nhà, trong khi trên thực tế là ông ta đã khóc. Cảnh cười vốn xảy ra trước

đó và vì một lẽ khác. Sử dụng kỹ năng gọi là "lồng tiếng", tiếng nói có thể bi ghép từ cảnh sang cảnh khác, mà chỉ có biên tập viên và chủ nhiệm biết được sự thay đổi này. Khi những việc như vậy sắp sửa được tiến hành, bất cứ phóng viên nào vô tình có mặt trong phòng biên tập sẽ được mời ra ngay. Tốt hơn là không nên để các phóng viên biết.

Về mặt chính thức thì những việc như vậy rất bị chê trách, cho dù hãng nào cũng làm.

Có một lần Iris đã hỏi Bob Watson là đã bao giờ ông để các định kiến chính trị ảnh hưởng tới công việc biên tập không. Ông đáp: "Có chứ, trong các lần bầu cử, nếu tôi không quên chuyện đó đi. Vì làm cho ai đó đẹp lên, xấu đi hoặc trông kỳ cục chẳng có gì là khó, với điều kiện là người chủ nhiệm đồng tình với tôi".

"Đừng bao giờ yêu cầu tôi làm chuyện đó", Iris nói, "không thì anh sẽ gặp rắc rối đấy".
Watson giơ tay lên ngang trán vẻ phục tùng pha lẫn giễu cợt.
Giờ đây, vẫn tiếp tục làm tin về White Plains, Iris gợi ý: "Hãy thử cái đoạn có hiệu quả cực kỳ ấy".
"Đoạn này tốt hơn. Ôi, tiên sư cái thằng khốn kiếp này!". Cái đầu của một tay nhiếp ảnh chen vào làm hỏng cả đoạn băng hình, làm người ta nhớ lại cuộc chiến tranh vĩnh cửu giữa các phóng viên nhiếp ảnh và các nhà quay phim.

Ở một đoạn, hình trong băng chính không hợp với đường âm thanh, Watson nói: "Chúng ta cần Harry đổi một số lời".
"Anh ấy sẽ làm sau. Chúng ta cứ làm xong phần của chúng ta trước đã".
Watson rất cáu vì cái giới hạn ba giây mỗi cảnh. "Ở Anh mỗi tin người ta để năm giây; ở đây cũng nên tập làm như thế, dùng thêm âm thanh phụ trợ. Cô có biết là người Anh có khoảng chú ý vào tin lâu hơn chúng ta không?".
"Tôi có nghe người ta nói vậy".
"Còn ở đây ấy à, nếu chúng ta thường xuyên để mỗi cảnh dài năm giây, thì hai chục triệu cái mặt mẹt sẽ chán và chuyển sang kênh khác ngay".
Khi họ nghỉ giải lao vài phút để uống cà phê và để Watson châm một điếu xì gà mới, Iris hỏi ông "Làm sao mà anh lại chọn nghề ngay?".
Ông cười khùng khục: "Tôi mà kể cô nghe thì cô cũng chẳng tin đâu".
"Cứ thử xem".
"Tôi sống ở Miami, làm nghề gác đêm cho một đài truyền hình địa phương. Một trong mấy chàng trai hay làm đêm thấy tôi quan tâm đến chuyện này nên đã chỉ tôi cách vận hành máy cắt ráp phim, hồi đó người ta sử dụng phim chứ không phải băng hình. Sau đó, tôi tranh thủ làm công việc quét dọn thật nhanh. Đến quãng ba bốn giờ sáng, tôi chui vào phòng biên tập để ghép những đoạn mà họ đã vứt đi từ hôm qua thành những câu chuyện. Sau một thời gian tôi đoán là tôi đã làm kha khá".
"Thế rồi sau đó thì sao?".
"Có lần ở Miami, lúc tôi vẫn còn giữ chân gác đêm, có một vụ ẩu đả lớn. Lúc đó đã khuya. Mọi việc trở nên điên loạn, nhiều nơi trong khu da đen, Liberty City bốc cháy. Đài vô tuyến nơi tôi làm việc gọi tất cả nhân viên tới, nhưng một số người không sao đi qua những đoạn tắc đường

được. Họ không có người biên tập phim, mà họ cần kinh khủng".
Iris nói: "Thế rồi anh tình nguyện à?".
"Đầu tiên không có người nào tin tôi có thể làm chuyện này. Nhưng rồi họ tuyệt vọng và để tôi thử. Ngay lập tức, bản tin của tôi được phát đi. Họ gửi một số bản tới hãng chính. Hãng sử dụng tất cả mọi tin vào ngày hôm sau. Tôi làm việc đó suốt mười tiếng đồng hồ liền. Thế rồi viên giám đốc đài bước vào và sa thải tôi".
"Sa thải anh á?".
"Mất chức gác đêm. Bảo rằng tôi là thằng ngu, không quan tâm gì tới công việc của mình", Watson cười: "Rồi ông ta tuyển tôi làm biên tập viên. Từ đó tới nay thì cứ như vậy".
"Chuyện hay quá" Iris nói "Đến bao giờ tôi viết sách, tôi sẽ dùng chuyện này".
Sau đó, theo yêu cầu của Watson và Iris, Partridge đổi một số lời trong phần bình luận cho hợp với đoạn đã cắt ráp và Watson lồng lại tiếng vào. Partridge còn ghi tiếng cảnh cuối đứng tại chỗ, trước ống kính trên đường phố bên ngoài toà nhà của trụ sở hãng CBA.
Từ lúc ở White Plains về, Partridge đã suy nghĩ rất căng, có nhiều lúc anh cảm thấy bồn chồn, về điều anh sẽ nói. Nếu đây chỉ là một tin bình thường thì một đoạn tóm tắt quả là rất dễ. Điều làm cho câu chuyện trở nên khó khăn là nó liên quan đến Crawford Sloane. Một số lời anh định nói, ạnh biết, sẽ làm Crawf lo lắng. Vậy anh nên làm dịu đi, hay vẫn giữ nguyên tắc của một người đưa tin là phải khách quan?
Cuối cùng, quyết định đã đến một cách đơn giản. Bên ngoài toà nhà của hãng CBA, lúc một quay phim đang chờ và một đám dân chúng tò mò đứng xem, Partridge thảo vội ý anh sẽ phải nói rồi, ghi nhớ những điểm đó vào óc, anh ứng khẩu:
"Những sự kiện đã xảy ra ngày hôm nay tại White Plains là một thảm kịch đối với những nạn nhân vô tội của thành phố này, cũng là một tin dữ cho người bạn và người đồng nghiệp của tôi là Crawford Sloane. Không còn ai nghi ngờ gì nữa, điều này có nghĩa là vợ anh, cậu con trai bé bỏng của anh và cha anh đang ở trong tay của một bọn sống ngoài pháp luật hung bạo mà chưa ai tìm được ra tung tích. Một điều rõ ràng là dù những động cơ của chúng là gì đi nữa, chúng không từ bất cứ thủ đoạn nào để đạt được mục đích".

"Tính chất và thời gian xảy ra của tội ác ở White Plains cũng khiến nhiều người phải đặt ra một câu hỏi: liệu bây giờ có phải các nạn nhân bị bắt cóc đã bị chuyển khỏi nước Mỹ và đưa tới một nơi nào xa xôi chưa?".

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 13

Teddy Cooper đã đoán sai, bọn bắt cóc chưa rời nước Mỹ. Tuy nhiên, theo kế hoạch hiện thời, vài giờ nữa chúng sẽ đi.

Vì cần phải nấp kín tại Hackensack tới tận chiều thứ bảy, chúng cảm thấy căng thẳng cực độ. Nguyên nhân trực tiếp khiến chúng lo lắng là tin tức do đài phát thanh và truyền hình đưa về những sự kiện xảy ra tại White Plains.

Miguel, mệt mỏi và lo lắng, cáu kỉnh trả lời những câu hỏi của đồng bọn. Khi Carlos, kẻ điềm tĩnh nhất trong năm gã người Colombia, giận dữ đưa ra ý kiến là cái bẫy chất nổ đặt ở xe Nissan là một ý đồ khốn nạn, Miguel đã vớ lấy dao. Rồi, tự kiềm chế lại, hắn bỏ dao xuống.

Miguel cũng biết rằng cái bẫy đặt trong xe ở White Plains là một sai lầm tệ hại. Ý đồ ban đầu của hắn là đưa ra một lời cảnh cáo nặng cân về tính chất nghiêm trọng sau khi bọn bắt cóc đã ra đi. Bởi vì Miguel tin rằng với những thay đổi bề ngoài của chiếc xe mà chúng đã làm sau khi bắt cóc, bỏ cửa kính màu sẫm và thay biển số New Jersy thành biển số New York thì chiếc xe sẽ nằm ở khu đỗ xe White Plains đến năm, sáu ngày, và có lẽ còn lâu hơn mà không ai để ý tới.

Rõ ràng là hắn đã sai lầm. Tệ hại hơn là vụ nổ sáng hôm đó và sự việc tiếp theo đã làm cho sự quan tâm trên toàn quốc lại hướng vào những kẻ bát cóc gia đình Sloane và đưa sự báo động trong giới cảnh sát và trong công chúng lên cao độ, đúng vào lúc chúng đã sẵn sàng lẻn ra khỏi đất nước một cách êm ắng.

Cả Miguel lẫn mấy tên kia đều không mảy may quan tâm gì đến những người chết và những tổn thương nói chung tại White Plains. Ở vào các tình huống khác chúng lại còn thấy khoái chí nữa là đằng khác. Điều chúng quan tâm là hiện chúng đang lâm vào nỗi hiểm nguy lớn hơn và chuyện này đáng lẽ không nên để xảy ra.

Bọn bắt cóc lo lắng không hiểu các điểm kiểm soát trên xa lộ của cảnh sát, mà theo tin tức là đã đượcnới lỏng từ hôm thứ năm, có siết lại hay không? Từ nơi ẩn náu của chúng cho tới sân bay Teterboro co một hay nhiều trạm? Còn tại sân bay thì sao? Và nếu bốn tên ra đi cùng chiếc máy bay tư nhân Learjet rồi thì tới trạm dừng là sân bay Opa Locka tại Florida thì sao? Liệu ở đó có nguy hiểm lắm không?

Một lý do khác khiến chúng căng thẳng là mối bất hoà ngày càng tăng giữa bọn chúng với nhau. Hơn một tháng trời bị tù túng, hạn chế tiếp xúc với bên ngoài tới mức tối đa, những nỗi bực dọc cá nhân chuyển dần sang cái gì đó như là sự căm hận. Cái làm cho cả bọn đặc biệt ghê tởm là thói quen của Rafael khi ho xong khạc nhổ đờm ra bất cứ nơi nào, kể cả lúc đang ngồi ở bàn ăn. Vào một bữa ăn Carlos quá bực đã gọi Rafael là "đồ súc sinh dơ dáy", khiến Rafael tóm ngay lấy vai Carlos, ấn vào tường rồi nện liên hồi bằng những cú đấm như búa bổ. Chỉ khi Miguel can thiệp vào Carlos mới thoát khỏi bị trọng thương. Sau đó Rafael vẫn không hề thay đổi thói quen cho dù Carlos tức sôi lên.

Luis và Julio cũng trở nên thù địch với nhau. Tuần trước, Julio tố cáo Luis gian lận trong khi chơi bài. Cả hai ẩu đả nhau kich liệt bất phân thắng bại, mặt mũi của cả hai đều sưng vù lên và từ đó trở đi chúng không hề hé răng nói với nhau câu nào.

Giờ đây, Soccoro lại là một nguyên nhân khiến chúng va chạm nhau. Mặc dù trước đây cô phản đối mọi mối quan hệ tình dục, đêm qua ả đã ngủ với Carlos. Những tiếng ồn kiểu thú vật đã làm mấy gã đàn ông kia nổi cơn thèm muốn, và Rafael ghen tuông dữ đội vì hắn muốn dành Soccoro cho riêng hắn. Sáng nay hắn đã nhắc ả điều đó. Nhưng cô ả bảo hắn ngay trước mặt cả bọn trong lúc ăn sáng: "Anh phải thay đổi cái thói dơ bẩn của anh đi trước khi anh đưa cái của ấy vào trong người tôi".

Tình thế còn phức tạp hơn vì chính Miguel cũng thèm muốn Soccoro mãnh liệt. Nhưng vì là tên cầm đầu nên hắn phải luôn tự kiềm chế để không lao vào tranh chấp với bọn kia.
Do đó, vì những lý do khác nhau đối với mỗi người, ai cũng thấy nhẹ nhõm vì 7 giờ 40 phút tối đã tới gần và việc chuẩn bị rút lui đang được thực hiện.

* * *

Julio sẽ lái chiếc xe tang còn Luis lái chiếc xe vận tải mang chữ "nhà táng Thanh Bình". Cả hai xe đều đã sẵn sàng lên đường.
Chiếc xe tang chỉ chở cỗ quan tài trong đó Jessica đang nằm mê man bất tỉnh. Angus và Nicholas cũng bất tỉnh và nằm trong các quan tài đóng kín đặt trên xe tải. Trên mỗi chiếc quan tài Carlos để một vòng hoa cúc trắng xen lẫn cẩm chướng hồng hắn vừa mua sáng nay.
Một điều lạ là cảnh những chiếc quan tài và vòng hoa làm bọn khốn kiếp này dịu lại, nhờ thế các vai chúng sắp phải đóng ít nhiều dễ thành công hơn.

Chỉ có Baudelio lăng xăng quanh mấy chiếc quan tài, sử dụng phút cuối cùng để xem xét các dụng cụ dặt bên ngoài. Đây là trách nhiệm nặng nề của hắn vì sự thành công của cả phi vụ sẽ hoàn toàn phụ thuộc vào những sự chuẩn bị với quá trình hành động của hắn. Nếu một trong những người bị bắt hồi tỉnh lại và vùng vẫy hoặc kêu la trong khi cả bọn đang ở trên đường, nhất là lúc đang bị xét hỏi, thì tất cả sẽ đi toi.
Thậm chí chỉ cần một sự nghi ngờ rằng những chiếc quan tài có vẻ gì đó khác thường thì các quan tài sẽ bị khám và toàn bộ kế hoạch sẽ thất bại – như đã xảy ra tại sân bay Stansted nước Anh hồi năm 1984. Đó là trường hợp một người Nigeria, bác sĩ Umaru Dikko, bị bắt cóc và bị đánh thuốc mê, chuẩn bị được đưa sang Lagos trong chiếc hòm đóng kín niêm phong. Các công

nhân làm việc ở sây bay báo cáo là có một "mùi như mùi thuốc" rất mạnh và nhân viên hải quan Anh khăng khăng đòi mở ra. Nạn nhân bất tỉnh nhưng vẫn còn sống.

Miguel và Baudelio đều biết sự việc năm 1984 và không muốn nó lập lại.
Khi gần tới giờ xuát phát, Soccoro xuất hiện, quyến rũ mê hồn trong bộ áo váy bằng nỉ đen và chiếc áo khoác hợp màu viền ren. Mái tóc ả cuộn dưới chiếc mũ chụp đen, tai đeo hoa tai vàng và cổ cũng đeo dây chuyền vàng mỏng. Ả khóc ràn rụa, kết quả của liều thuốc do Baudelio kể: để ở mỗi mi dưới mắt một mảnh hạt tiêu. Ả cũng làm như vậy cho Rafael. Đầu tiên thì gã đàn ông to lớn này phản đối nhưng Miguel cương quyết nên gã phải nhượng bộ. Rafael tỏ ra một vẻ đau đớn trầm tĩnh, tuy nước mắt vẫn tuôn lã chã.

Rafael, Miguel và Baudelio, đều mặc đồ đen và thắt cravat, trông rất hợp vói cảnh tang tóc. Nếu ai đó có hỏi tới, thì Rafael và Soccoro sẽ thủ vai anh chị ruột của một người phụ nữ Colombia chết trong tai nạn cháy ô tô khi đang đi thăm nước Mỹ, di hài được đem về nước để chôn cất. Đứa con trai nhỏ của bà ta cũng bị chết trong tai nạn đó, nên Rafael và Soccoro cũng là bà dì và ông cậu đầy đau khổ của Nicky. Người "chết" thứ ba, Angus sẽ là người bà con xa cùng đi du lịch với hai người kia.

Baudelio đóng vai người giúp việc của cái gia đình tang tóc này, còn Miguel là bạn thân của gia đình.

Những hồ sơ chi tiết làm chứng cho câu chuyện này là giấy chứng tử từ Pennsylvania, nơi dường như đã xảy ra tai nạn khủng khiếp đó, những tấm ảnh ghép của một cảnh tai nạn xe cộ trên xa lộ, và thậm chí còn cả một bài báo dường như cắt từ tờ Người điều tra Philadelphia, nhưng thực ra là được in riêng. Trong tập hồ sơ này còn có hộ chiếu mới cho Miguel, Rafael, Soccoro và Baudelio, và hai bản chứng tử dự trữ, một bản đã được dùng cho Angus. Trọn gói "hồ sơ" này do một bọn người của Miguel ở Tiểu Colombia cung cấp, giá phải trả là hơn hai mươi nghìn đôla.

Kèm theo câu chuyện trên và bài báo giả còn có một chi tiết thương tâm là: cả ba thi thể đã bị dập nát và cháy xém đến mức không thể nhận ra được. Miguel tính điều đó sẽ ngăn cản việc đòi mở áo quan khi vận chuyển ra khỏi nước Mỹ.

Hai chiếc xe đã khởi động máy, sau chúng là chiếc Plymouth Reliant do Carlos cầm lái. Hắn sẽ đi theo sau hai xe kia một quãng, sẵn sàng lao vào can thiệp trong trường hợp xảy ra rắc rối. Trừ Baudelio, tất cả đều có vũ khí.

Kế hoạch trước mắt là đi thẳng tới sân bay, mất chừng mười phút hoặc mười lăm phút là cùng. Trong sân nhà ở Hackensack, Miguel kiểm tra đồng hồ, 7 giờ 35 phút. Hắn ra lệnh: "Tất cả lên xe".

Lần cuối cùng hắn soát căn nhà và cả những dãy nhà phụ, hài lòng vì không có dấu vết gì tỏ ra là bọn chúng đã ở đây. Chỉ có một điều làm hắn bực là chỗ đất chúng đào lên để chôn những

chiếc máy điện thoại lưu động và những dụng cụ khác không bằng phẳng so với xung quanh. Julio và Luis đã cố hết sức để san bằng đất và vải lá lên, nhưng vẫn còn dấu vết. Miguel cho là không ảnh hưởng gì lắm và bây giờ cũng chẳng kịp làm chuyện gì nữa.

Quay trở lại chiếc xe tang, hắn trèo lên hàng ghế trước và ra lệnh cộc lốc: "Đi!".
Trời đã sẫm tối, từ bên phải chúng là những vệt sáng cuối cùng của buổi hoàng hôn lúc chúng tiến về phía Teterboro.

* * *
Luis là người đầu tiên thấy ánh đèn nhấp nháy của cảnh sát ở phía trước. Hắn vừa khẽ văng tục vừa phanh lại. Từ phía bên này, Miguel cũng nhìn thấy ánh đèn. Hắn vươn người ra để xem xét vị trí của chúng trong đám xe cộ, Soccoro ngồi giữa hai gã.

Chúng đang đi trên đường quốc lộ số 17 hướng về phía nam, con đường tầng cao tốc Passaic đã ở phía sau một dặm. Giao thông hai chiều chen chúc. Giữa bọn chúng và những ánh đèn nhấp nháy không có chỗ nào rẽ sang phải, và dải phân cách hai chiều không cho phép ngoặt trở lại theo hình chữ U. Miguel bắt đầu toát mồ hôi, nắm chặt tay lại và ra lệnh cho Luis: "Cứ đi tới đi". Hắn ngoái lại để chắc chắn xem chiếc xe tải "Nhà tang Thanh Bình" có theo sát ngay đó không.

Carlos ngồi trong chiếc Plymouth ở tít tận phía sau, khó mà thấy được.
Bây giờ chúng đã có thể nhìn thấy xe cộ phía trước đang bị những chiếc xe cảnh sát tách ra thành hai hàng bên làn đường phía tay phải. Giữa các làn đường có một kết cấu gọn nhẹ dựng thành môt thứ như chòi gác và nhiều cảnh sát đang nói gì đó với những người lái xe khi họ dừng lại. Bên ngoài làn đường phía tay phải còn có nhiều xe cảnh sát và đèn loang loáng.

Miguel bảo hai tên kia: "Cứ bình tĩnh. Để tôi nói chuyện với họ".
Chúng tiến chậm chạp về phía trước mất khoảng mười phút nữa trước khi có được một chỗ bao quát cả đầu đoàn xe cộ. Ngay cả lúc đó cũng chưa biết chính xác là điều gì đang xảy ra. Trời đã tối hắn, đèn đóm làm loá cả mắt. Sau những lời trao đổi giữa cảnh sát và những người chủ xe, môt số xe ô tô và xe vận tải đã phải đỗ dạt sang bên đường để kiểm tra ký hiệu, còn những xe khác được ra đi tiếp.

Miguel xem đồng hồ. Đã gần tám giờ. Không có cách nào có thể đến được điểm hẹn với chiếc máy bay Learjet đúng giờ.

Mặc dù đã ra lệnh cho bọn kia bình tĩnh, nỗi căng thẳng của chính bản thân Miguel cũng tăng lên. Sau khi chúng đã có được những thành công đáng kinh ngạc cho tới nay, đây có phải là điểm kết thúc của mọi chuyện với cái kết quả là bị bắt hoặc chết trong cuộc đọ súng với cảnh sát? Giữa hai cái, hắn thích chọn cái chết. Cơ hội để thoát được trong tình trạng này xem ra rất mong manh. Hắn cân nhắc: Có nên bỏ chạy để cho điều đó xảy ra nhanh hơn, ít ra là còn tạo được một cuộc đọ súng, hay chúng cứ tiếp tục ngồi yên ở đây, để có những giây phút chậm chạp trôi qua, với nỗi hy vọng duy nhất như một canh bạc này là qua thoát?

Luis thì thào: “Mấy thằng chó đó đang tìm chúng ta!”. Thò tay vào túi, hắn rút ra một khẩu Walter P38 và đặt xuống ghế ngay bên cạnh.
Miguel gắt: “Để vào chỗ kín chứ!”.
Luis lấy một tờ báo che khẩu súng.
Bên cạnh hắn, Miguel cảm thấy Soccoro run bần bật. Hắn đặt một tay lên cánh tay ả và ả ngừng run. Hắn thấy ả nhìn trân trân về phía trước, mắt dán vào viên cảnh sát đang tiến đến.
Người mặc đồng phục này xuất hiện có một mình, không thuộc nhóm đang đứng trước hàng xe. Lúc đi, anh ta liếc vào những chiếc xe đang đỗ, thỉnh thoảng lại dừng, rõ ràng là để trả lời các câu hỏi. Khi người sĩ quan cảnh sát đã đi quá mấy bước, Miguel quyết định cầu may. Hắn nhấn nút hạ cửa kính điện bên phải xuống.
Thưa ông sĩ quan – Miguel gọi to – ông làm ơn cho biết thế này là thế nào ạ?

Viên cảnh sát trông chỉ lớn hơn một cậu thiếu niên một chút, tiến đến gần. Tên của anh ta để trên biển hiệu là “Quiles”.
“Đây chỉ là cuộc kiểm tra điều độ giao thông thôi, thưa ông, vì sự an toàn công cộng mà”. Anh ta nói với một nụ cười có vẻ gượng gao.
Miguel không tin lời anh ta nói.
Rồi lúc viên cảnh sát thấy chiếc xe tang và mọi thứ trong xe, anh ta nói thêm: “Tôi mong rằng các ông không phải là những người mới đi đánh chén say sưa về”.

Đó là một câu đùa nhạt nhẽo vụng về, nhưng Miguel thấy cơ hội đã đến và vớ ngay lấy. Hắn nhìn xoáy vào mặt viên cảnh sát tuần tiễu với một cái nhìn sắc lạnh, và nói vẻ nghiêm khắc “Nếu đó là một câu đùa thì, thưa ông sĩ quan, câu đó cực kỳ nhạt đấy”.
Vẻ mặt của anh chàng sĩ quan trẻ tuổi biến sắc. Anh ta nói: “Tôi xin lỗi”.

Như thể không nghe thấy gì, Miguel tiếp tục: “Bà ngồi bên tôi đây đi thăm đất nước này với cô em. Cô em yêu quý của bà đang nằm trong quan tài phía sau chúng tôi, đã bị chết thê thảm trong một vụ tai nạn giao thông cùng với hai người nữa ở trong chiếc xe phía sau. Thi thể của họ sẽ được đưa về để được chôn cất nơi quê cha đất tổ. Chúng tôi có một chiếc máy bay đang chờ ở Teterboro và chúng tôi không muốn đùa cợt cũng như là bị trễ”.

Đúng theo vai tuồng của mình, Soccoro quay đầu lại để viên sĩ quan cảnh sát có thể nhìn thấy những giọt nước mắt đang tuôn ướt đầm khuôn mặt ả.
Quiles nói vẻ ân hận “tôi đã nói là tôi rất ân hận, thưa ông bà. Tôi lỡ lời. Tôi xin lỗi”.
“Chúng tôi nhận lời xin lỗi của ông, ông sĩ quan ạ”, Miguel nói vẻ trang trọng. “Bây giờ tôi mong rằng ông có thể giúp chúng tôi đi tiếp con đường của chúng tôi”.
“Xin cứ ở đó”. Viên cảnh sát tuần tiễu bước nhanh về phía đầu đoàn xe để anh ta hỏi ý kiến một viên chuẩn uý. Viên chuẩn uý lắng nghe, nhìn về phía chúng rồi gật đầu. Anh ta quay trở lại.
Anh ta bảo Miguel: “Tôi sợ rằng tất cả chúng ta đều có chuyện bực mình, thưa ông”. Rồi anh ta hạ giọng vẻ tâm sự: “Sự thật là điều đang xảy ra ở đây chỉ là một cái cớ và chúng tôi đang tìm kiếm những kẻ bắt cóc. Ông có nghe nói chuyện gì đã xảy ra ở White Plains ngày hôm nay không?”.

“Vâng, tôi có nghe”, Miguel trả lời vẻ nghiêm nghị - “Thật là khủng bố”.
Chiếc xe ngay phía trước đã tiến lên, tạo thành một khoảng trống.
“Cả hai lái xe của ông có thể lái vòng sang bên trái, thưa ông. Xin cứ theo tôi tới chỗ chắn đường rồi nhập vào dòng xe được phép đi. Một lần nữa tôi rất ân hận vì đã lỡ đùa”.

Viên cảnh sát tuần tiễu ra hiệu cho chiếc xe tang và chiếc xe vận tải GMC ra khỏi hàng, đồng thời ra hiệu cho một chiếc xe phía sau tiếp tục tiến lên. Liếc về phía sau, Miguel vẫn còn chưa thấy bóng dáng của chiếc Plymouth Reliant đâu. Thôi kệ, hắn nghĩ, Carlos sẽ phải tự lo lấy thân.

Anh chàng cảnh sát đi bộ trước chúng cho tới khi họ tới ngang chiếc chòi canh mà chúng đã thấy từ xa rồi anh ta vẫy tay ra hiệu cho chúng qua. Đường phía trước rất quang.
Khi chiếc xe tang đi ngang qua anh ta, Quiles dập chân chào lễ độ và cứ giữ như vậy cho tới khi hai chiếc xe đi khuất.
Ngay lần thử đầu tiên, Miguel nghĩ, câu chuyện bịa của chúng đã thành công. Còn sự thử thách tại sân bay Teterboro sắp tới, hắn tự hỏi: Liệu lần này có thành công hay không?
Trong mấy tuần lễ trú tại Hackensack, Miguel đã tới Teteroboro hai lần để xem xét.

Đó là một sân bay nhộn nhịp dành riêng cho các máy bay tư. Cứ trung bình hai mươi bốn tiếng đồng hồ có khoảng bốn trăm chuyến bay hạ và cất cánh, nhiều chuyến vào ban đêm. Quãng một trăm máy bay sử dụng Teterboro làm căn cứ và đỗ dọc theo ngoại vi đông bắc. Dọc theo ngoại vi tây bắc là các khu trụ sở của sáu công ty điều hành mọi dịch vụ cho máy bay lên xuống hoặc đỗ lại. Mỗi công ty có một lối vào sân bay riêng và chỉ đạo hệ thống an ninh riêng.

Trong sáu công ty của Teterboro, công ty hàng không Brunswick là công ty lớn nhất. Theo gợi ý của Miguel, đó là công ty mà chiếc Learjet 55 LR của Colombia sẽ sử dụng.

Trong một chuyến tới đó, Miguel đã đóng vai ông chủ một chiếc máy bay riêng và gặp tổng giám đóc của Brunswick cùng các giám đốc của hai công ty khác. Hắn thấy là vì mục đích cất giữ hàng trên máy bay nên một số khu vực của sân bay xa cách và riêng biệt hơn những khu vực khác. Nơi ít riêng biệt hơn và là khu vực máy bay hạ cánh hoặc đỗ lại gọi là khu Bàn, nằm ở trung tâm gần các trụ sở điều hành.

Khu vực ít được sử dụng nhất và bị coi là không thuận tiện nằm ở cuối phía nam sân bay. Vì vậy, yêu cầu dành một chỗ đỗ tại đó được chấp nhận ngay, vì nó không kém ảnh hưởng tới khu vực Bàn vốn đã rất nhộn nhịp. Gần đó cũng có một cánh cổng khoá kín, chỉ được mở ra khi một công ty điều hành nào đó của Teterboro yêu cầu.

Sau khi nắm bắt được mọi thông tin đó, Miguel gửi một bức điện tới Bogota qua đường liên lạc của viên lãnh sự Colombia tại New York, khuyên chúng đặt chỗ ở cuối đường phía nam gần cổng. Rồi hôm nay, sử dụng chiếc máy điện thoại lưu động lần cuối cùng, hắn gọi cho hãng hàng không Brunswick yêu cầu mở cửa phía nam vào khoảng từ 7 giờ 45 tới 8 giờ 15 tối.

Qua các cuộc nói chuyện trước đây tại Teterboro, Miguel biết rằng một yêu cầu như vậy không

có gì là bất thường. Chủ của các chiếc máy bay tư thường có những công chuyện mà họ không thích những người khác biết và những người điều hành sân bay phải hoàn toàn giữ bí mật. Thậm chí một trong các giám đốc sân bay còn kể cho Miguel nghe một phi vụ liên quan đến một chuyến chở ma tuý.

Giờ đây, khi chiếc xe tang và xe vận tải đã tiến gần tới Teterboro, Miguel đã hướng dẫn cho Luis tiến về cổng phía nam. Cho dù hắn không trông chờ vào cơ may tránh được toàn bộ sự kiểm soát, hắn đổ chừng là đi theo lối này chúng ít phải theo thể thức hơn là qua cổng chính. Lúc chúng tới gần hàng rào máy bay, Miguel xem đồng hồ: đã 8 giờ 25 phút. Chúng tới muộn nửa tiếng, đã quá giờ hẹn mở cổng mất mười phút.

Khi những ánh đèn pha trước chiếu lên cổng, thì cổng đã được khoá chặt. Bên trong tối om – không có bóng người nào. Cáu kỉnh, Miguel đấm tay vào bảng đồng hồ, thốt ra: "Mẹ tiên sư!". Luis đi ra khỏi chiếc xe tang để xem xét khoá. Từ chiếc xe tải phía sau, Rafael đi theo hắn, rồi quay lại phía chiếc xe tang: "Tôi có thể làm bật mẹ nó ra bằng một viên đạn".

Miguel lắc đầu, không hiểu tại sao một trong những viên phi công của chiếc Learjet lại không đón chúng tại đó? Trong bóng tối hắn có thể thấy rất nhiều máy bay đỗ bên trong hàng rào, nhưng không có đèn hoặc hoạt động gì. Liệu có phải máy bay tới trễ không? Dù câu trả lời là gì đi nữa, hắn biết rằng phải vào qua cổng chính của công ty hàng không Brunswick.
Hắn bảo Luis và Rafael: "Quay lại".

Lúc chúng từ cổng phía nam quay trở lại, chiếc Plymouth Reliant vừa kịp theo sau. Rõ ràng là Carlos đã vượt qua trạm kiểm soát của cảnh sát an toàn. Hắn được lệnh phải đi theo tới gần cổng ra vào của sân bay, rồi cứ đợi ở bên ngoài cho tới khi chiếc xe tang và xe vận tải quay lại.

Tới gần khu nhà của công ty Brunswick rực ánh đèn, chúng thấy rằng còn có một cổng nữa chắn trên đường của chúng. Bên cạnh nó, tại lối vào bốt canh, có một nhân viên an ninh mặc đồng phục. Cạnh anh ta là một người đàn ông cao lớn, đầu hói đang nhìn chăm chú vào chiếc xe tang tiến đến. Một thám tử cảnh sát chăng? Một lần nữa Miguel cảm thấy ruột gan thắt lại. Người đàn ông thứ hai bước lên phía trước. Có lẽ ông ta đã ngoài năm mươi nên cử chỉ có vẻ đường hoàng. Luis hạ cửa kính xe xuống. Người đàn ông hỏi: "Có phải các ông chuyển món hàng hiếm tới ngài Pizarro không?".

Miguel nhẹ bỗng cả người. Đó chính là mật hiệu đã săp xếp từ trước. Hắn dùng mật hiệu trả lời: "Hàng đã sẵn sàng chuyển đi và toàn bộ giấy tờ đều đã xong xuôi".
Người mới tới gật đầu "Tôi là phi công của các anh. Tên là Underhill". Giọng của ông ta rất Mỹ.
"Mẹ kiếp, các anh đến muộn thế!".
"Chúng tôi gặp rắc rối".
"Tôi cóc cần biết. Tôi đã vào sổ chuyến bay. Hãy chuẩn bị đi. Lúc đi vòng sang cửa hành khách, Underhill ra hiệu cho người gác, và cánh cửa được mở toang ra ngay.

Rõ ràng là không có kiểm tra an ninh, không có thanh tra cảnh sát. Câu chuyện giả của bọn

chúng mà chúng đã dày công chuẩn bị không cần thiết nữa. Tuy vậy, Miguel không hề bận tâm. Bốn người phải ngồi ép lại trên hàng ghế trước của chiếc xe tang, nhưng chúng vẫn đóng được cửa. Viên phi công chỉ dường cho Luis đi vào đường dành cho ô tô giữa những hàng đèn xanh và hướng về phía nam sân bay. Chiếc xe vận tải GMC theo sau.

Nhiều máy bay đỗ lù lù đằng trước. Viên phi công chỉ vào chiếc lớn nhất, chiếc Learjet 55 LR. Từ dưới bóng của nó một người hiện ra.
Underhill nói cộc lốc: "Faulkner. Phi công cùng lái".
Từ phía bên trái của máy bay, một chiếc cửa kín được mở ra ngả xuống dưới thành bậc thang từ thân máy xuống đất. Người phi công thứ hai bước vào bên trong và ánh đèn vẫn sáng.
Luis lùi đuôi chiếc xe tang vào sát bậc thang máy bay để chuyển hàng vào. Chiếc xe tải đỗ cách đó một đoạn, Julio, Rafael và Baudelio nhảy ra.

Khi mọi người đứng túm lại gần cửa ra vào máy bay, Underhill hỏi: "Có bao nhiêu ngườ sống bay đây?".
"Bốn", Miguel đáp.
"Tôi cần biết tên những người đó để kê khai". Viên phi công nói. "Và cả tên những người chết nữa. Ngoài chuyện đó ra, Faulkner và tôi muốn biết thêm chút gì về các người hoặc công chuyện của các người. Chúng tôi thực hiện một hợp đồng bay. Không có gì khác".
Miguel gật đầu. Hắn đoán chắc rằng cả hai viên phi công đã kiếm khối vàng vì chuyến bay đêm này. Những đường bay giữa châu Mỹ La tinh và nước Mỹ có vô khối đội bay của Mỹ và của các nước khác đã phớt lờ luật lệ, làm những chuyện cực kỳ mạo hiểm vì tiền, những khoản tiền lớn. Còn đối với hai viên phi công này, Miguel chẳng mảy may quan tâm đến việc họ tránh không dính vào chuyện đang xảy ra. Dù sao thì hắn biết chắc là nếu bị lộ thì những viên phi công này cũng phải chịu chung trách nhiệm.

Hai viên phi công đứng canh chừng còn Rafael, Julio, Luis và Miguel cùng bê chiếc quan tài có đựng Jessica từ chiếc xe tang vào máy bay. Đi thẳng qua cửa thật là khó vì không có chỗ nào hở. Bên trong, những chiếc ghế bên tay phải đã được tháo ra. Những sợi dây giữ hàng hoá – lúc này là những chiếc quan tài – đã được nối liền vào những đường ray dưới sàn và ở phía bên trên.

Lúc chiếc quan tài thứ nhất đã chuyển xong, chiếc xe tang tránh ra cho xe tải vào. Hai chiếc quan tài kia được đẩy vào một cách mau lẹ, rồi Miguel, Baudelio, Soccoro và Rafael bước vào theo và cửa máy bay đóng lại. Không ai quan tâm đến việc chào từ biệt. Khi Miguel ngồi xuống và nhìn qua cửa sổ, ánh đèn của hai chiếc xe kia đã xa dần.
Trong lúc viên phi công thứ hai đang buộc dây quanh những quan tài, viên phi công thứ nhất đã bấm nút trong buồng lái và động cơ bắt đầu nổ. Viên phi công thứ hai đi về phía trước, và chiếc đài vô tuyến tìm liên lạc với đài chỉ huy. Một lúc sau họ đã chạy trên đường băng.
Từ chỗ hắn ngồi, Baudelio vươn lên phía trước, bắt đầu nối dụng cụ điều khiển bên ngoài vào những chiếc quan tài. Hắn tiếp tục làm nhiệm vụ khi chiếc Learjet cất cánh, bay cao mãi vào không trung đen thẫm và hướng về phía nam để đi tới Florida.
Dưới mặt đất, còn có một số việc phải hoàn tất.

Khi chiếc xe tang và xe tải GMC hiện ra từ sân bay, thì Carlos đang đợi ở ngoài, cũng rồ máy chiếc Plymouth và đi theo chiếc xe tang tới Paterson, khoảng mười dặm về phía tây. Tại đó Luis lái chiếc xe tang tới một nhà tang lễ bình thường mà hắn không chọn trước và để ở chỗ đỗ xe của khu nhà. Hắn bỏ chìa khoá xe vào bên trong, đi nhanh về phía chiếc Plymouth và Carlos lái xe đi.
Có lẽ sáng ngày ra chủ nhà táng sẽ đấu tranh tư tưởng mãnh liệt giữa việc gọi cảnh sát hay chờ xem chuyện gì sẽ xảy ra nếu có, vì rõ ràng đây là món quà có giá trị. Gì thì gì, Carlos, Luis và đồng bọn đã chạy xa rồi.
Từ Pateson, Carlos và Luis đi tiếp sáu dặm nữa về phía bắc tới Ridgewood, nơi lúc này Julio đang lái chiếc xe tải GMC tới. Hắn đã bỏ chiếc xe bên ngoài một cửa hàng bán xe vận tải cũ đang đóng cửa nghỉ đêm. Một chiếc xe vô chủ, gần như mới toanh sẽ đương nhiên là rất hấp dẫn: sự hiện diện của nó không bao giờ được báo cáo lại hết.
Hai tên kia đón Julio tại một địa điểm đã hẹn trước gần đó, rồi cả ba trở lại nơi trú ẩn ở Hackensack lần cuối cùng. Ở đó, Julio và Luis chuyển sang chiếc Chevrolet Celebrity và chiếc Ford Tempo. Không trì hoãn, chúng cùng Carlos tản đi ngay.

Chúng sẽ để xe ở cách nhau khá xa, bỏ cửa ngỏ và để chìa khoá điện tại chỗ - tức là với hy vọng rằng ai đó sẽ ăn cắp những chiếc xe này, vậy là mối liên quan nào đó với vụ bắt cóc gia đình Sloane khi có thể bị phát hiện.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 14

Phải mãi tới sau buổi phát tin toàn quốc tối thứ bảy, buổi họp của ban đặc nhiệm bị gián đoạn vì sự việc đau buồn ở White Plains lúc sáng mới được triệu tập lại tại trụ sở của hãng CBA. Lúc đó là 7 giờ 10 phút tối và mọi người thuộc ban đặc nhiệm đành phải bỏ kế hoạch đi nghỉ của mình. Những người làm nghề truyền hình có giờ giấc làm việc thất thường; họ luôn vắng mặt ở nhà và không thể sắp xếp sinh hoạt như đã dự tính trước, cho nên tỷ lệ ly hôn vì nghề nghiệp của họ rất cao.
Lại thủ trì cuộc họp, Harry Partridge ngó qua những người khác. Rita, Norman Jaeger, Iris Everly, Karl Owens, Teddy Cooper. Tất cả đều có vẻ mệt mỏi. Iris lần đầu tiên ăn mặc không được gọn gàng cho lắm, mái tóc của cô xơ xác, còn chiếc áo sơ mi trắng thì giây mực, Jaeger mặc áo sơ mi ngắn tay ngồi trên chiếc ghế ngả về phía sau, chân gác lên mặt bàn.

Căn phòng cũng bừa bộn với những chai lọ rỗng không vứt khắp nơi, gạt tàn thuốc lá đầy ắp, những tách đựng cà phê bẩn vứt lỏng chỏng và những tờ báo cũ nằm rải rác trên sàn nhà. Cái giá phải trả cho việc khoá cửa các phòng làm việc của ban đặc nhiệm là những người quét dọn không vào được. Rita đã thầm nhắc mình phải thu xếp để các căn phòng được dọn dẹp trước sáng thứ hai.

Bảng "trình tự các sự kiện" và mục "các công việc linh tinh" đã được bổ sung đáng kể. Phần tin mới nhất trong đó là bản đánh máy do Partridge tóm tắt vụ tàn phá hồi sáng ở White Plains. Mặc dù vậy, trên bảng vẫn không có một kết luận nào về tung tích của bọn bắt cóc và những nạn nhân của chúng.
"Ai có ý kiến gì không?". Partridge hỏi.
Jaeger đã cho chân xuống, đẩy ghế lại sát bàn và giơ tay.
"Nói đi, Jaeger".
Người chủ nhiệm kỳ cựu nói bằng giọng nhỏ nhẹ và với vẻ am hiểu của ông. "Gần như suốt ngày hôm qua tôi đã gọi điện sang bên châu Âu và Trung Đông – cho các trưởng phòng, các phóng viên, liên lạc viên và những người sắp xếp tin tức. Chỉ để hỏi: Họ có biết điều gì mới hay khác thường về hoạt động của bọn khủng bố không? Có dấu hiệu hoạt động đặc biệt nào của chúng không? Có tên nào hay thậm chí có nhóm nào gần đây bỗng biến mất không? Nếu có thì liệu chúng có sang Mỹ không? Và vân vân…".

Jaeger ngừng lời, lật những trang chi chép rồi nói tiếp: "Có một số câu trả lời tương đối có cơ sở. Cả nhóm của Hezbollah đã rời khỏi Beirut cách đây một tháng và chưa xuất hiện lại. Nhưng

có tin đồn bọn chúng đang ở Thổ Nhĩ Kỳ, vạch một kế hoạch tấn công mới vào những người Do Thái, và từ Ankara đã có tin khẳng định rằng cảnh sát Thổ Nhĩ Kỳ đang truy tìm chúng. Mặc dù vậy, chẳng có bằng chứng nào hết. Chúng có thể ở bất cứ chỗ nào.

Có nguồn tin báo rằng nhóm FARL. – Các nhóm cách mạng vũ trang Leban – đang hoạt động. Nhưng cả ba báo cáo riêng biệt, kể cả một từ Paris nói rằng bọn chúng đang ở Pháp. Lại không có bằng chứng nào cả. Abu Nidal đã biến mất khỏi Syria và có tin cho rằng bọn chúng đang ở Italia, nơi người ta khám phá ra rằng hắn, nhóm Hồi giáo Jihad và "Các lữ đoàn đỏ" đang âm mưu một chuyện gì đó tệ hại.

Jaeger vung tay lên: "Cái lũ du côn này cứ như những bóng đen không thể tóm được, mặc dù những nguồn tin tôi đã có được trước đây tỏ ra rất đáng tin cậy".
Leslie Chippingham bước vào phòng họp, sau có một lát Crawford Sloane bước vào. Họ ngồi vào bàn cùng những người khác. Cảm thấy mọi người có vẻ im lặng, vị chủ nhiệm ban tin giục : "Tiếp tục đi".
Jaeger nói: "Mấy cái tin tình báo vịt giời đó cũng cho ta biết thêm đôi điều về phong trào khủng bố. Tôi sẽ không làm các bạn mất thì giờ vì những chi tiết, nhưng tôi muốn nói rằng bọn chúng đang bị giam chân ở châu Âu và Trung Đông. Điều quan trọng hơn là những người mà tôi đã trao đổi cho rằng không thấy bọn khủng bố di chuyển cả băng tới Mỹ hay Canada. Nếu có, họ nói rằng không thể không có tin tức gì. Nhưng tôi đã nói với mọi người cứ xem xét, nghe ngóng và báo cáo".

"Cám ơn anh Norm", Partridge quay sang phía Karrl Owens: "Tôi biết anh đã tìm hiểu phần phía nam, có kết quả gì không?".
"Không có tin gì khả quan lắm". Người chủ nhiệm trẻ tuổi không cần phải giở những ghi chép về các cuộc điện thoại ngày hôm đó của anh. Đúng theo phương pháp làm việc chính xác, anh đã tóm tắt mỗi cuộc nói chuyên vào một tấm phiếu cỡ 4x6 cm chữ viết ngay ngắn, được xếp theo thứ tự. "Tôi cũng đã nói chuyện với những nơi như Norm, hỏi những câu hỏi tương tự như thế - ở Managua, San Salvador, Havana, La Paz, Buenos Aires, Teguxigalpa, Lima, Santiago, Bogota, Brasilla, Mexico City. Như mọi khi, ở những nơi đó lúc nào cũng có hoạt động khủng bố, có cả những báo cáo về bọn khủng bố thay đổi địa bàn hoạt động, vượt biên giới như người đi vé tháng đổi tàu vậy. Nhưng không có tin nào về hoạt động của những nhóm thuộc loại mà ta cần tìm. Tôi có hồ nghi một tin và đang tìm hiểu chuyện này".
"Cứ nói đi", Partridge nói "Chúng tôi chỉ cần nghe sơ lược thôi".
"Thế này, có một tin từ Colombia. Về một anh chàng tên là Ulises Rodriguez".
"Một tên khủng bố đặc biệt khả ố", Rita nói: "Tôi đã nhge người ta nói về hắn như là Abu Nidal của châu Mỹ Latinh".
"Hắn đúng là như thế", Owens tán đồng, "và người ta cũng cho rằng hắn đã tham gia vào nhiều vụ bắt cóc ở Colombia. Ba tháng trước đây, có tin báo rằng hắn đang ở Bogota, rồi đột nhiên biến mất. Có tin đồn rằng hắn đã tới London, nhưng dù hắn đang ở đâu chăng nữa, người ta cũng không thấy hắn xuất hiện từ tháng sáu".
Owens ngừng lời, chuyển sang một tờ phiếu khác: "Bây giờ đến một vấn đề khác. Do linh cảm, tôi đã gọi điện cho một người quen ở Washington ở Văn phòng nhập cư Mỹ và tìm tên của

Rodriguez. Sau đó, nguồn tin của tôi báo lại rằng cách đây ba tháng, tức là vào khoảng thời gian mà Rodriguez biến mất, văn phòng nhập cư đã được CIA thông báo rằng hắn có thể đột nhập vào nước Mỹ qua Miami. Đã có lệnh truy nã hắn trên toàn liên bang và văn phòng nhập cư Miami và hải quan đã được báo động. Nhưng hắn vẫn không xuất đầu lộ diện".
"Hay đã lọt vào mà không bị phát hiện?" Iris Everly hỏi.
"Có thể lắm. Mà cũng có thể hắn đã lọt vào qua một cửa khác – từ London chẳng hạn, nếu như tin đồn mà tôi nói đến là chính xác. Còn một chi tiết nữa về hắn. Rodriguez học tiếng Anh ở Berkeley và nói tiếng Anh không bị lơ lớ, thậm chí còn nói được giọng Mỹ. Điều tôi đang nói là hắn có thể trà trộn khắp nơi".
"Chuyện có vẻ hay đấy", Rita nói "Còn gì nữa không?". Owens gật đầu "Còn một chút nữa. Ngoài chuyện tôi vừa mới kể cho các bạn ra, hắn đã tốt nghiệp tại Berkeley niên khoá 72".
Partridge hỏi: "Có còn những tấm ảnh của hắn không?".
Owens gật đầu "Tôi đã hỏi sở nhập cư và câu trả lời là không. Họ nói rằng chẳng ai có ảnh, kể cả CIA. Rodriguez rất cẩn thận. Tuy nhiên về điểm này, chúng ta có thể có chút may mắn".
"Thôi, lạy Chúa, Karl ạ!" Rita than phiền "Nếu anh phải đóng vai tiểu thuyết gia, thì cũng kể tiếp câu chuyện đi chứ!".
Owens mỉm cười. Phong cách của anh ta là cứ từ từ mà tiến. Như vậy mà vẫn cứ được việc và anh ta không có ý định thay đổi phong cách này vì cô Abrams hoặc vì bất cứ ai khác.
"Sau khi biết chuyện Rodriguez, tôi đã gọi điện cho văn phòng của chúng ta tại San Francisco và yêu cầu họ cử người tới Berkeley để kiểm tra". Ông ta liếc về phía Chippingham. "Tôi đã viện tên anh, Leslie ạ. Nói rằng anh ra lệnh làm hết sức mình".
Ông chủ tịch ban tin gật đầu trong khi Owens tiếp tục nói.
"Họ cử Fiona Gowan, tình cờ là người trước đây đã tốt nghiệp ở Berkeley, nên biết mọi đường đi lối lại. Fiona may mắn, đặc biệt là kể cả vào ngày thứ bảy và – không biết các bạn có tin tôi không – đã phát hiện ra một người trong khoa tiếng Anh. Người này đã nhớ chính xác là Rodriguez ở khoá năm 1972".
Rita thở dài "Chúng tôi tin chuyện đó". Giọng của cô ngụ ý: "Nói tiếp đi".
"Rodriguez có vẻ là một kẻ cô đơn, không bạn bè thân thiết. Một điều khác mà anh chàng ở khoá này nhớ lại là Rodriguez rất ngại chụp ảnh và không để ai chụp ảnh mình. Tờ Daily Cal, tờ báo của sinh viên, muốn có một hình ảnh của hắn trong nhóm sinh viên nước ngoài, hắn toàn cúi gầm mặt tránh đi. Tình cờ một sinh viên vốn là một tay nghệ sĩ khá đã vẽ một bức phác hoạ bằng than của Rodriguez mà hắn không hề biết. Khi người nghệ sĩ đó đưa cho mọi người xung quanh xem, Rodriguez tức phát điên lên. Rồi hắn đề nghị mua lại bức vẽ và đã mua bằng được, trả giá cao hơn giá trị thực. Điều thú vị là tay nghệ sĩ đó đã vẽ ra hàng chục bản và phát cho bạn bè của anh ta. Rodriguez không bao giờ biết điều đó".
"Những bản ấy…" Partridge lên tiếng.
"Chúng ta sắp nói tới điểm đó, Harry ạ". Owens mỉm cười, vẫn nhẩn nha. "Fiona trở lại San Framcisco, gọi điện suốt chiều hôm đó. Cũng khá vất vả vì khoa tiếng Anh ở Berkeley có ba trăm tám mươi tám sinh viên. Tuy vậy cô ấy đã lần dần ra. Ngay trước cuộc họp này, cô ấy gọi điện cho tôi và báo đã tìm ra một trong những bản phác thảo đó và ngày mai sẽ có. Khi có, văn phòng ở San Francisco sẽ chuyển cho chúng ta".
Có tiếng rì rầm tán thưởng nổi lên, Chippingham nói "Đúng là cừ đấy. Cảm ơn Fiona cho tôi".
"Dù sao thì tỷ lệ hy vọng cũng không khả quan", Owens nói rõ. "Lúc này thì chúng ta không có

gì nhiều hơn là một sự trùng hợp và chỉ có thể phỏng đoán là Rodriguez dính vào vụ bắt cóc của chúng ta. Ngoài ra, bức hoạ bằng chì than cũng đã cách đây hai mươi năm rồi".
"Hai mươi năm người ta cũng không thay đổi nhiều lắm", Partridge nói. "Điều chúng ta có thể làm là đưa bức hoạ cho những người ở quanh Larchmont xem có ai nhận đã gặp hắn không. Có gì mới chăng?".
Rita nói: "Văn phòng Washington mới gọi. Họ nói rằng FBI chẳng có tin gì mới. Nhân viên pháp lý đang xem xét những thứ còn lại của chiếc xe Nissan ở White Plains, nhưng cũng chẳng có gì khả quan. Đúng như lời Salermo đã nói tại buổi phát tin hôm thứ sáu vừa rồi, trong các trường hợp bắt cóc thì FBI phụ thuộc vào các cuộc tiếp xúc do những kẻ bắt cóc mà thôi".
Partridge nhìn về cuối bàn phía Sloane đang ngồi và nói: "Tôi rất buồn, Crawf ạ, nhưng xem chừng đó là tất cả những gì chúng tôi biết được".
Rita nhắc anh: "Trừ ý đồ của Teddy".
Sloane vội hỏi: "Ý gì vậy? Tôi chưa nghe nói".
"Tốt nhất là để Teddy giải thích", Partridge nói. Anh gật đầu ra hiệu cho anh chàng người Anh, cũng đang ngồi bên bàn, và Cooper rạng rỡ hẳn lên khi mọi người chú ý đến mình.
"Có một khả năng để tìm ra nơi náu của bọn bắt cóc, ông Sloane ạ. Cho dù hiện nay tôi chắc là chúng đã chuồn mất rồi".
Chippingham hỏi: "Nếu chúng chuồn rồi, thì còn tìm cái gì nữa?".
Sloane bồn chồn khoát tay "Không sao. Tôi muốn nghe ý đồ đó".
Mặc dù bị ngắt lời, Cooper trả lời Chippingham trước: "Dấu vết, ông Chippingham ạ. Bao giờ người ta cũng để lại dấu vết, lộ rõ chúng là ai, từ đâu đến và thậm chí là đã đi đâu".
Cooper nhắc lại những suy nghĩ mà anh đã trình bày với Partridge và Rita vào sáng sớm hôm đó… loại nhà và vị trí trụ sở của bọn bắt cóc đã có được cái cơ sở đó nhờ các quảng cáo trên báo chí… phương án xem xét xếp loại các quảng cáo xuất hiện ngoài ba tháng trước đây trong vòng hai mươi lăm dặm từ Larchmont… Mục đích của cuộc tìm kiếm là những nơi tương tự như lời mô tả của các trụ sở trên lý thuyết… Công việc cụ thể, ở các thư viện và các toà báo do những người trẻ tuổi thông minh được thuê đảm nhiệm… Sau đó nhóm này sẽ điều tra các vị trí có thể rút ra từ các cuộc tìm kiếm, có chỉ đạo…
Cooper kết thúc: "Thú thực, việc này rất mất thời gian".
"Tôi không tin vào sự thành công của việc này", Chippingham nói. Ông đã cau mày trong suốt thời gian nghe trình bày, và càng suy nghĩ lung hơn khi vấn đề thuê thêm người được đặt ra: "Chúng ta phải cần thêm bao nhiêu người nữa?".
Rita nói: "Tôi đã thử tính toán. Trong các khu vực mà chúng ta đang bàn tới ở đây, có xấp xỉ một trăm sáu mươi tờ báo hàng ngày và hàng tuần. Các thư viện chỉ lưu một số không nhiều lắm, vậy nên hầu hết là phải đi đến các cơ quan thông tin và tìm lục hồ sơ. Làm việc đó, tìm đọc suốt ba tháng mọi quảng cáo và ghi chép lại sẽ là một công việc to lớn khủng khiếp. Nhưng nếu điều đó đang làm, thì cần phải làm thật nhanh…".
Chippingham ngắt lời: "Liệu ai đó có thể vui lòng trả lời câu hỏi của tôi không đã. Cần bao nhiêu người?".
"Tôi dự tính là sáu mươi" Rita bảo ông. "Ngoài ra, một số người làm nhiệm vụ theo dõi nữa".
Chippingham quay lại phía Partridge. "Harry, anh đang yêu cầu làm việc này nghiêm túc đấy chứ?". Giọng nói của ông ngụ ý: Anh không thể mất trí tới mức đó được!
Partridge do dự. Anh chia sẻ những nỗi nghi ngại của Chippingham. "Đúng thế, Les ạ", anh nói.

“Ý của tôi là chúng ta phải thử mọi việc. Ngay bây giời, chúng ta cũng không có những ý kiến kiệt xuất hoặc mới mẻ gì lắm”.
Chippingham rất thất vọng khi nghe câu trả lời đo. Ông hiểu sự cần thiết của việc định thuê thêm sáu mươi người nữa, cộng thêm chi phí đi lại và các thứ linh tinh khác, và việc này phải làm trong nhiều tuần, mà đó là chưa kể những người giám sát mà Rita vừa mới nói tới. Kiểu thuê thêm người như vậy sẽ là một khoản tốn kém khủng khiếp. Hồi còn được tiêu pha thoải mái thì ông không phải mảy may suy tính gì hết. Nhưng giờ đây, lệnh của Margot Lloyd-Mason lại vang lên trong tâm trí ông “*Tôi không muốn bất cứ ai… tiêu pha không tính toán… Không ai được phép chi cho bất cứ hoạt động nào mà không có lệnh của tôi”.*
Chippingham thầm nghĩ rằng cũng như mọi người khác ông cũng muốn tìm Jessica, con trai và cha của Sloane bị đưa đi đâu. Nếu cần, ông không ngần ngại gì trong việc đấu tranh để có được tiền. Nhưng phải là cho một cái gì tin được chứ đâu phải cái chuyện tầm phào ngu xuẩn của thằng cha người Anh hăng tiết vịt này.
“Harry ạ, tôi sẽ phản đối việc đó, ít nhất là trong lúc này”, Chippingham nói. “Đơn giản là vì nó không đủ khả năng để chứng minh cho nỗ lực bỏ ra”. Ông nghĩ nếu mọi người biết trong thâm tâm ông sợ Margot, thì họ sẽ gọi ông là thằng hèn. Mà cũng đành vậy, vì ông đang có chuyện, kể cả chuyện công việc làm ăn của chính mình còn đang bị đe doạ, họ đâu có biết.
Jaeger cất tiếng: “Tôi thì tôi lại nghĩ như thế này này, Les ạ…”.
Crawford Sloane cắt ngang “Norm ạ, để tôi nói”. Rồi anh gay gắt hỏi: “Les, khi anh bảo không chứng mình được cho nỗ lực bỏ ra, thì có phải anh định nói là anh sẽ không chi tiền không?”.
“Đó là một yếu tố: anh biết đấy, tiền nong bao giờ cũng là vấn đề. Nhưng chủ yếu là cần phải suy xét xác đáng. Ý vừa mới được gợi ra không phải là ý tốt”.
“Chắc là anh có được ý tốt hơn chăng?”.
“Ngay bây giờ thì không”.
Sloane lạnh lùng nói: “Vậy thì tôi muốn hỏi một câu mà tôi muốn có được câu trả lời trung thực nhất. Có phải là Margot Lloyd-Mason đã hạn chế chi tiêu không?”.
Chippingham nói vẻ khó chịu: “Chúng ta đã bàn về chuyện tiền nong, thế thôi!”. Ông ta nói thêm “chúng ta có thể nói chuyện riêng với nhau không?”.
“Không!” Sloane gầm lên, đứng phắt dậy nhìn trừng vào mặt Chippingham “Không có riêng cái quái gì với cái con chó cái vô tâm đó: Anh hãy chỉ trả lời tôi đi. Đúng là có sự hạn chế chi tiêu không?”.
“Điều đó không có ý nghĩa gì cả. Nếu có gì đang phải chi tiêu đơn giản là tôi chỉ cần gọi điện tới Stonehenge…”.
Sloane vẫn gầm lên: “Và cái tôi sẽ gọi là một cuộc họp báo ngay tại đây, tối nay! Để nói với cả thế giới là trong khi gia đình tôi đang đau khổ ở một cái địa ngục nào đó mà chỉ có Chúa mới biết là ở đâu, thì cái hãng giàu có này lại hạn chế chi tiêu, xem xét ngân sách, mặc cả từng xu nhỏ…”.
Chippingham phản đối: “Không có ai mặc cả hết! Crawf ạ, điều này không cần thiết. Tôi rất ân hận”.
“Vậy thì anh nói ra làm cái quái gì?”.
Mọi người ngồi quanh bàn khó tin điều họ vừa mới nghe. Thứ nhất là có sự hạn chế chi tiêu được áp dụng bí mật đối với công việc của họ, và thứ hai là trong tình trạng tuyệt vọng hiện nay, không thử tất cả mọi khả năng là điều khác thường.

Một điều khác cũng kỳ lạ không kém: hãng CBA đã xúc phạm người công dân lừng danh nhất của họ là người phát thanh viên lâu năm này. Tên của Margot Lloyd- Mason đã được nhắc tới, như vậy chỉ có thể kết luận là bà ta đại diện cho những nhát rìu cắt xén của Liên đoàn Globanic.
Norman Jaeger cũng đứng dậy, đây là hình thức phản đối đơn giản nhất. Ông nhỏ nhẹ nói: "Harry cho rằng chúng ta nên dành cơ hội cho cái ý định của Teddy. Tôi cũng vậy".
Karl Owens tán thành: "Cả tôi nữa".
Rita, thoáng do dự vì lo cho Chippingham, nói: "Tôi cho rằng các bạn nên tính cả tôi nữa".
"Thôi được, thôi được, chúng ta hãy chấm dứt tấn trò này đi", Chippingham nói. Ông nhận thấy mình có lỗi vì đã nhận định lầm, biết rằng cách nào thì ông cũng yếu thế và trong lòng ông rủa thầm Margot. "Tôi đổi ý. Có lẽ tôi đã sai lầm. Crawf ạ, chúng ta cứ tiến hành đi".
Nhưng Chippingham quyết định là sẽ không gặp Margot và xin ý kiến; ông biết quá rõ, biết ngay từ đầu là mụ ta sẽ trả lời kiểu nào. Ông sẽ quyết định mọi sự chi tiêu rồi sẽ liệu sau.
Rita, vẫn thực tế như thường lệ và muốn tìm cách làm dịu tình hình, nói: "Nếu chúng ta định làm thì đừng nên mất thì giờ. Đến thứ hai là ta phải có đủ người làm việc rồi. Vậy chúng ta nên bắt đầu từ đâu?".
"Chúng ta nên nhờ bác Arthur", Chippingham nói. "Tôi sẽ gọi điện cho bác ấy tối nay và mời bác ấy tới ngay ngày mai để bắt đầu tuyển người".
Crawford Sloane rạng rỡ: "Một ý hay đấy".
Teddy Cooper đang ngồi cạnh Jaeger, thì thầm hỏi: "Bác Arthur là ai vậy?".
Jaeger cười khùng khục: "Anh chưa gặp bác Arthur à? Ngày mai thì anh sẽ học được một kinh nghiệm độc nhất vô nhị đấy, anh bạn trẻ".
"Để tôi trả tiền rượu", Chippingham nói. Trong thâm tâm ông muốn nói thêm: "Tôi mời các bạn tới đây để hàn gắn mọi sự rạn vỡ".
Ông đã cùng mọi người ghé vào quán Stuzzi, một hiệu ăn và tiệm rượu trang trí theo kiểu tân – La Mã cổ đại gần trung tâm Lincoln. Đây cũng là nơi dân vô tuyến truyền hình gặp gỡ nhau. Dù cho tối thứ bảy quán này đông nghẹt người, họ vẫn cố chen chúc nhau vào quanh một cái bàn.
Chippingham mời tất cả mọi người trong ban đặc nhiệm, kể cả Crawford Sloane, nhưng anh từ chối và đi về nhà cùng với tay cảnh sát FBI hộ tống. Và họ lại chờ qua một đêm nữa với nỗi hy vọng là có điện thoại của bọn bắt cóc nhắn gọi.
Khi mọi người đã uống được một chầu và mọi sự căng thẳng lắng xuống, Partridge nói: "Les ạ, có một điều tôi thấy cần phải nói. Nếu được chọn lựa thì tôi không muốn làm cái công việc của các bạn. Nhưng đặc biệt là ngay lúc này, tôi chắc chắn là không có người nào trong chúng ta ở đây lại có thể tránh né trách nhiệm".
Chippingham nhìn Partridge với vẻ hàm ơn và gật đầu. Đó là lời bày tỏ sự thông cảm của một người mà Chippingham tôn trọng, và đó cũng là điều Partridge nhắc nhủ những người khác, rằng không phải tất cả mọi việc đều trơn tru hoặc mọi quyết định đều dễ dàng.
"Harry ạ", ông chủ tịch ban tin nói "Tôi biết cách làm việc của anh và các anh nhanh chóng cảm thấy tình hình. Có phải với chuyện này cũng vậy không?".
"Tôi cũng cho là như vậy", Partridge liếc về phía Teddy Cooper. "Teddy tin rằng những con chim của chúng ta đã bay khỏi đất nước này rồi; tôi cũng kết luận như vậy. Nhưng có một cái gì đó khiến tôi có cảm giác là chúng ta đang gần lần ra manh mối".
"và khi chúng ta biết được rồi thì sao?".
"Khi điều đó xảy ra, tôi sẽ có cách của tôi. Bất cứ là ở đâu, tôi sẽ là người đầu tiên đến đó".

“Anh chắc chắn sẽ là người đầu tiên”, Chippingham nói “và tôi hứa là anh sẽ có mọi sự giúp đỡ cần thiết”.
Partridge cười phá lên và nhìn quanh cả bàn: “Mọi người nhớ lấy nhé. Tất cả đều nghe rõ cả đấy”.
“Chắc chắn là mọi người đểu nghe” Jaeger nói: “Les ạ, nếu cần là chúng tôi sẽ phải nhắc anh đấy”.
Chippingham lắc đầu: “Khỏi cần”.

Cuộc nói chuyện tiếp tục. Trong lúc đó Rita làm như vẻ đang tìm kiếm gì trong túi, nhưng thực ra là cô đang viết vào một mẩu giấy. Cô lén chuyển qua gầm bàn vào tay Chippingham.

Ông chờ tới khi mọi ngươi không chú ý tới mình, nhìn xuống. Mảnh giấy ghi: “Les, anh đã thấy mệt chưa? Chúng mình đi khỏi đây đi thôi”.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 15

Họ đi tới nhà Rita, căn hộ của cô ở phía tây phố Bảy mươi hai, chỉ cách tiệm Stuzzi có một quãng ngắn. Chippingham sống ở phía xa, phố Tám mươi sáu khi ông và Stasia ly dị, nhưng đó là một căn hộ nhỏ xíu, rẻ tiền của New York và ông chẳng lấy gì làm kiểu hãnh về nó. Ông nhớ cái biệt thự Sutton Place sang trọng mà ông và Stasia đã chung sống suốt bao năm trước khi tan rã. Biệt thự giờ đây là đất cấm, một thiên đường đã mất. Các luật sư của Stasia đã trông nom nó cẩn thận.

Tuy nhiên, ngay lúc này thì ông và Rita chỉ muốn có một nơi riêng biệt bất kỳ nào đó gần nhất. Trong taxi, tay của họ quá bận rộn cho tới khi ông bảo: "Nếu em tiếp tục làm như vậy, anh sẽ nổ tung như ngọn núi lửa và chắc phải mất hàng tháng thì mới hoạt động lại được đấy!".
Cô cười và nói: "Anh mà lại như thế!" nhưng cũng ngừng tay lại.
Trên đường đi, Chippingham bảo người lái xe dừng lại tại một quầy báo. Ông rời xe và quay lại với một đống báo chủ nhật phát hành sớm.
"Ít nhất là em biết là em xếp loại nào trong thứ tự ưu tiên của a nh rồi". Rita nói. "Em chỉ hy vọng là anh không định đọc những thứ này trước khi…".
"Để sau", ông ta trấn an cô. "Sau đó lâu, thật lâu".

Thậm chí khi nói ra, Chippingham không biết là ông có bao giờ già đi nổi nếu cứ dính dáng mãi với đàn bà như thế này. Có lẽ không, hoặc ít ra là cũng sẽ không già đi cho tới khi sự thôi thúc về mặt sinh lý của ông hạ xuống. Ông biết rằng một số người rất ghen tỵ vì sự cường tráng của ông mà tuy ngày sinh nhật lần thứ năm mươi của ông mới cách đây mấy tháng, ông vẫn còn khoẻ mạnh như hồi mới nửa năm mươi. Mặt khác, tật chai lỳ cố hữu này có cái hậu quả tai hại của nó.

Trong khi Rita đang kích thích ông như cô vẫn thường làm trước đây, ông biết là niềm khoái lạc sẽ đến với cả hai người, ông cũng biết rằng sau một, hai tiếng đồng hồ ông sẽ tự hỏi: Liệu các cuộc tình ái này có đáng để mất một người vợ mà ông thực sự yêu mến và đồng thời để cho toàn bộ sự nghiệp của mình bị tổn hại – đó là một hiện thức mà Margot Lloyd- Mason đã nói toạc ra trong lần gặp gỡ mới đây ở Stoneheng.

Tại sao ông lại làm điều đó? Một phần vì ông không bao giờ cưỡng lại được cái thú vui nhục dục khi có cơ hội, mà trong cái nghề làm tin này thì những cơ hội đó thật vô vàn. Rồi có một sự phấn kích trong khi theo đuổi không bao giờ suy giảm, và cuối cùng là sự xâm chiếm và sự

thoả mãn về mặt thể xác được và cho, cả hai đều quan trọng ngang nhau.

Leslie Chippingham giữ một cuốn sổ tay được giấu kín, ghi lại tất cả những cuộc chinh phục thể xác – một bản danh sách bằng mật mã mà chỉ có mình ông giải mã được. Tất cả những người có tên đều là những người ông thích và một vài người ông yêu thực sự.

Tên của Rita, mới được ghi vào sổ gần đây, đánh dấu cuộc tình thứ một trăm hai mươi bảy. Chippingham cố không nghĩ rằng bản danh sách này là một tấm phiếu ghi điểm, tuy về một mặt nào đó thì đúng là như vậy.

Một số người có cuộc sống yên bình hơn và ngây thơ hơn có thể cho rằng con số đó hơi thái quá, có lẽ khó mà tin được. Nhưng những ai làm việc ở hãng truyền hình hoặc làm việc ở bất cứ lĩnh vực sáng tạo nào như nghệ sĩ, diễn viên, văn sĩ, thì chẳng thắc mắc gì về con số đó.
Ông cho rằng Stasia khó mà hay biết gì về con số các cuộc ngoại tình này – do đó tâm trí ông luôn ám ảnh một câu hỏi: Có cách nào hàn gắn cuộc hôn nhân của họ, một cơ hội trở lại với sự chung sống thân thiết của ông và Stasi khi trước, ngay cả lúc đã biết chuyện trăng hoa của ông? Ông những mong câu trả lời là có, nhưng biết rằng giờ đây đã quá muộn. Sự cay đắng và tổn thương của Stasia giờ đã quá mức chịu đựng. Vài tuần trước đây ông đã thử viết cho vợ một bức thư thăm dò thái độ. Luật sư của Stasia trả lời thư, cảnh cáo Chippingham là không được trực tiếp liên lạc với thân chủ của ông ta nữa.

Thôi cũng chẳng sao, nếu trận đấu đặc biệt đó đã thất bại, thì cũng không có gì cản được niềm vui thú trong một hai giờ tới với Rita.

Rita cũng đã suy xét về mối quan hệ này, tuy trên một bình diện đơn giản hơn. Cô chưa từng lập gia đình, chưa từng gặp một người khả ái mà cô muốn trói buộc cuộc đời mình lâu dài. Cuộc tình hiện nay với Les, cô biết chẳng hề có tương lại lâu dài gì. Đã biết và đã quan sát ông trong một thời gian dài, cô tin chắc rằng Les không có khả năng trung thành. Ông chuyển từ người phụ nữ này sang người phụ nữ khác với sự thản nhiên như những người đàn ông khác thay đồ lót. Dù sao thì cái mà ông thực sự có là một cơ thể vạm vỡ, cao lớn với các bộ phận cân đối khiến cho một cuộc chung đụng thể xác với ông là một sự hứng khởi, đam mê, một giấc mộng thiên giới. Khi họ về tới căn hộ của cô và Les trả tiền taxi, cô đã rạo rực về chuyện đó.

Rita cài then cửa và ngay sau đó họ quay sang ôm hôn nhau. Rồi, không phí thêm thời gian, cô dẫn đường vào phòng ngủ trong lúc Les vừa đi theo vừa cởi áo khoác, quẳng cravat sang một bên, mở khuy sơ mi.
Căn phòng ngủ mang đặc tính của Rita - rất có tổ chức, tuy trong một cách thức bình thường thoải mái với các bức tranh phấn màu, và thảm treo ở khắp mọi nơi. Khéo léo kéo chiếc khăn phủ giường, Rita cuộn lại và quẳng qua một chiếc ghế bành ở bên cạnh. Cô vội vã cởi quần áo, quẳng sang mọi phía, cũng là một cử chỉ giải toả ức chế theo bản năng của một người tình. Cứ mỗi lần quần áo bay ra là cô lại mỉm cười với Les. Đến lượt mình, ông hưởng ứng cô bằng cách tuột vội quần đùi, ném ngay lên trên chỗ quần áo của Rita.
Và cũng như trước đây, ông ta thích cái gì ông ta thấy.

Rita, có mớ tóc nâu tự nhiện, đã bắt đầu nhuộm tóc hồi mới ngoài ba mươi khi vài sợi tóc bạc xuất hiện. Nhưng sau khi chuyển công việc từ một phóng viên sang vị trí một chủ nhiệm, cô đã để cho thiên nhiên đi theo hướng của nó, và giờ đây mái tóc của cô có màu nâu sấm pha ánh bạc hấp dẫn. Hình thể cô cũng đã chín và cô mới tăng thêm bốn cân rưỡi cộng với năm tư cân trước đây. "Anh có thể thấy", cô bảo Les vào lần đầu tiên ông được chiêm ngưỡng thân thể không có mảnh vải che của cô, "rằng em đã bước từ vẻ đẹp của thần Aphrodite sang vẻ đẹp của một thần Venus hoàn chỉnh".
"Anh sẽ chiếm thần Venus của em", ông ta nói.
Với chiều cao gần một mét bảy mươi, cơ thể của Rita thật là tuyệt đẹp với vòng hông tròn trĩnh, bộ ngực cao và chắc.
Khi liếc nhìn xuống cô biết rằng Les không cần kích thích thêm nữa. Ông từ từ bước đến bên cô, cuói xuống hôn lên trán, đôi mi và miệng cô. Rồi, dịu dàng ấp đôi tay lên ngực cô, ông kéo môi lên bầu vú lần lượt, đưa vào miệng. Một cảm giác ngây ngất truyền khắp cơ thể khi cô cảm thấy đôi núm vú săn chắc lại.
Thở một hơi sâu, mỗi cử chỉ của thân thể cô là một niềm hân hoan cao độ, đôi tay của Rita đưa xuống phía dưới thắt lưng của Les, những ngón tay mơn man nhẹ nhàng, đầy kinh nghiệm. Cô cảm thấy cả cơ thể của ông cứng lại, nghe thấy từ trong cuống họng ông những tiếng thở gấp – một hơi thở dài thoả mãn nhẹ nhàng.
Nhẹ nhàng, Chippingham đẩy cô nằm xuống giường, đôi tay và lưỡi của ông vẫn tiếp tục thám hiểm cái ẩm ướt, ấm áp, dịu dàng của cơ thể cô. Khi cả hai không còn chờ đợi được lâu hơn, ông trượt vào bên trong người cô. Rita thốt lên một tiếng kêu, rồi hồi lâu sau cô bay lên tới một đỉnh cao của sự khoái cảm tuyệt vời.
Rita bồng bềnh trong một lúc, hưởng thụ những phút giây lười biếng cho tới khi bộ óc năng động của cô lại tiếp tục đặt câu hỏi. Lần nào cũng vậy, cuộc làm tình của họ thật trơn tru, thật hoàn hảo, thật kinh nghiệm, nên cô tự hỏi: Có phải người phụ nữ nào ăn nằm với Les cũng luôn luôn cảm thấy như vậy không? Chắc chắn là như vậy. Ông có cách điều khiển cơ thể người phụ nữ khiến cho Rita – và có thể là những người khác nữa – có một niềm khoái cảm trọn vẹn. Và sự thoả mãn của cô chắc chắn đã kích thích bản thân ông. Chỉ ngay sau cơn thoả mãn tột đỉnh của cô – và tuyệt vời làm sao khi không phải giả vờ hoặc cố sức để có được cái đó! – ông cũng ngây ngất trong cô.
Sau đó, hai cơ thể ướt đẫm môt hôi pha lẫn trong sự hoà nhập ngọt ngào, họ nằm bên nhau, thở những hơi thở sâu, đều đặn.
"Leslie Chippingham này", Rita nói, "đã ai nói với anh rằng anh thực là một người tình tuyệt diệu nhất thế giới chưa?".
Ông cười rồi hôn cô: "Yêu đương là thi ca. Thi ca nuôi dưỡng bởi niềm hứng khởi. Lúc này, em là của anh".
"Anh nói cũng hay ho ghê nhỉ", cô bảo ông. "Có thể anh viết văn được đấy".
Một lúc sau họ ngủ thiếp đi, rồi khi thức giấc, họ lại làm tình.

Là chuyện tất yếu, Chippingham và Rita chuyển từ chuyện ái ân sang một đống báo chí ngày chủ nhật mà Les dã dừng lại để mua. Họ trải chúng xuống giường và ông bắt đầu đọc Thời báo, còn Rita đọc tờ Bưu điện.

Cả hai cùng ngốn ngấu những tiến triển mới nhất về vụ bắt cóc gia đình Sloane, đặc biệt là vụ nổ sáng thứ bảy ở White Plains. Rita hài lòng thấy hãng CBA không thiếu chi tiết quan trong nào trong bản tin tối thứ bảy.

Từ vụ bắt cóc, Rita và Les chuyển sang những tin quốc gia và quốc tế mà họ đã ít quan tâm hơn trong vài ngày qua. Cả hai không có thời gian đọc, và hầu như không để ý đến một cột tin nhỏ trong trang một tờ Bưu điện.

NHÀ NGOẠI GIAO CỦA LIÊN HỢP QUỐC GIẾT NGƯỜI TÌNH RỒI TỰ SÁT TRONG CƠN GHEN

"Một nhà ngoại giao của Liên hợp quốc, ông Jose Antonio Salaverry và người bạn gái của của ông ta là Helga Efferen đã được phát hiện sau khi bị bắn chết hôm thứ bảy trong căn hộ của Salaverry ở phố Bốn mươi tám. Cảnh sát đã mô tả những phát súng này là do "một vụ ám sát rồi tự tử vì ghe tuông".
Salaverry là thành viên của phái đoàn ngoại giao Peru tại Liên hợp quốc. Efferen, công dân Mỹ, trước đây là người Lebanese di cư, nhân viên của Ngân hàng Mỹ -Amazonas tại chi nhánh Doy Hammarskjold.
Thi thể của họ đã được người gác cổng phát hiện ra vào sáng sớm hôm thứ bảy. Nhân viên khám nghiệm y tế xác định thời gian chết vào khoảng 8 tới 11 giờ tối hôm trước. Chứng cứ rõ ràng, theo lời cảnh sát, chỉ rõ việc, Salaverry phát hiện ra chuyện Efferen sử dụng căn hộ của anh ta để làm nơi tình tự với những người đàn ông khác. Điên cuồng, anh ta bắn chết người tình, rồi tự sát".

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 16

Với vẻ duyên dáng của một con hải âu, chiếc learjet 55 LR hạ cánh trong màn đêm, những động cơ mạnh mẽ của nó tạm ngừng. Nó lăn bánh về phía hai hàng ánh sáng chạy song song phía trước, đánh dấu đường băng số 18 của sân bay Opa Locka. Bên ngoài sân bay là vô vàn ánh điện của Miami, toả ánh hào quang mênh mông lên bầu trời đêm.
Từ chỗ ngồi trong khoang hành khách, Miguel nhìn xuyên qua cửa sổ, mong sao cho ánh đèn của nước Mỹ sẽ mau lùi về sau lưng hán.
Hắn xem đồng hồ. 11 giờ 18 phút đêm. Chuyên bay từ Teterboro tới đây đã mất hai tiếng mười lăm phút.

Miguel quay đầu về phía Baudelio ngồi cách đó vài bước, đang tiếp tục chăm lo ba chiếc quan tài bằng những dụng cụ từ bên ngoài mà hắn đã nối sẵn. Baudelio gật đầu, tỏ ý là mọi việc đều ổn, và Miguel chuyển dòng suy nghĩ sang vấn đề vừa mới phát sinh.

Vài phút trước đây, hắn đã đi về phía phòng phi công và hỏi: "Ở Opa Locka, anh làm thủ tục mất bao lâu rồi mới bay tiếp được?".

"Cũng không quá nửa tiếng", viên phi công Underhill nói. "Tất cả mọi điều chúng tôi phải làm là lấy thêm nhiên liệu và vào sổ chuyến bay". Ông ta do dự, rồi nói thêm: "Nhưng nếu Hải quan kiểm tra thì có thể lâu hơn".
Miguel gằn giọng nói: "Chúng ta không phải khai báo cho Hải quan ở đây".
Viên phi công gật đầu: "Thường là như vậy, họ không quan tâm đến những chuyến bay ra. Mới đây, tôi nghe nói thỉnh thoảng họ kiểm tra, đôi khi cả ban đêm nữa". Dù cố làm ra vẻ thản nhiên, nhưng giọng nói của ông ta lộ vẻ lo âu.

Miguel sững người trước cái tin đó. Tình báo của chính hắn và của nhóm Medellin về cách thức làm việc của Hải quan Mỹ là lý do để bọn chúng chọn Opa Locka làm sân bay khởi hành.

Cũng giống như Teterboro, sân bay Opa Locka ở Florida chỉ dành cho các máy bay tư nhân. Vì có các chuyến bay từ nước ngoài, nên nó có một văn phòng hải quan, một phòng làm việc nhỏ bé, tạm thời nằm trong chiếc xe moóc và một số lượng nhân viên ít ỏi. So với sở hải quan New York, Los Angeles, hoặc San Francisco, Opa Locka là một cơ sở nghèo nàn, mọi thủ tục ở đây kém hơn các nơi khác. Thông thường thì chỉ có hai nhân viên hải quan trực và họ cũng trực 11 giờ sáng tới bảy giờ tối vào các ngày chủ nhật. Chuyến bay của chiếc Learjet đã được tính toán

là vào thời gian muộn như thế này thì hải quan đã đóng cửa, nhân viên đã về hết.

Underhill nói thêm: "Nếu có người của hải quan cạnh máy thu thanh của phi trường đang chạy thì họ sẽ nghe thấy tiếng chúng tôi nói chuyện với tháp rada. Họ có thể chú ý tới chúng ta, có thể không".
Miguel nhận ra rằng hắn không thể làm gì ngoài chuyện trở về ghế và chờ đợi. Khi đã ngồi xuống, hắn thầm tính mọi khả năng có thể.

Nếu đêm nay chúng đụng với hải quan thì câu chuyện bịa sẽ phải dùng đến. Soccoro, Rafael và Baudelio phải đóng vai của chúng, còn Miguel đóng vai của hắn. Không, vấn đề không phải là câu chuyện bịa và mọi thứ trò đó, mà với các nguyên tắc mà một viên thanh tra hải quan phải tuân thủ khi cho thi hài rời khỏi đất nước.

Miguel đã nghiên cứu luật lệ hải quan và đã biết rất rõ. Giấy tờ cụ thể của từng thi thể - một giấy chứng tử, một giấy phép được xử lý thi hài của sở y tế quận, một giấy phép nhập cảnh nước đến. Hộ chiếu của người chết là không cần thiết, nhưng – điều đáng ngại nhất – là quan tài phải được mở ra, nhân viên hải quan kiểm tra kỹ, rồi niêm phong quan tài lại.

Dù lường trước kỹ lưỡng nên Miguel có đủ giấy tờ cần thiết, tất cả là giả mạo, nhưng đều nghiêm chỉnh. Thêm vào đó là các bức ảnh của một tai nạn xe cộ đẫm máu, khó xác định nhưng lại ăn khớp với toàn bộ câu chuyện, và cả bài báo giả, để chứng minh là những thi hài này đều bị cháy xém thảm hại và nham nhở không thể nhận ra được.

Vậy nếu có một nhân viên hải quan trực và thi hành nhiệm vụ thì mọi giấy tờ đều hợp lệ, nhưng nếu anh ta khăng khăng đòi xem bên trong quan tài thì sao? Điểm mấu chốt là khi đoc xong mọi chứng từ, liệu anh ta còn muốn xem không?

Một lần nữa Miguel lại thấy căng thẳng khi chiếc Learjet nhẹ nhàng hạ cánh và chạy vào nhà để máy bay số một.

* * *
Thanh tra hải quan Wally Amsler cho rằng một số vị quan liêu rửng mỡ ưa bày trò nào đó ở Washington đã dựng lên chiến dịch Egress. Bất cứ là kẻ nào, họ hẳn đang nằm trên giường ngon giấc nơi mà Wally cũng muốn có được thay vì đi quanh cái sân bay Opa Locka hoang vắng này, cái sân bay ban ngày thì lộn xộn, ban đêm thì chẳng có ma nào cả. Còn nửa giờ nữa là tới nửa đêm và còn hai tiếng nữa thì ông và hai nhân viên hải quan đang làm nhiệm vụ đặc biệt ở đây có thể bỏ lại cái trò Egress ấy để về nhà.

Người ta rất ít thấy Amsler cáu kỉnh vì ông vốn là người vui vẻ và thân ái, trừ với những kẻ phá các luật lệ mà ông duy trì. Lúc đó, ông sẽ lạnh lùng và cứng nhắc giữ nguyên tắc không nhân nhượng. Nhất là ông rất thích công việc của mình dù ông không bao giờ thích trực đêm và lúc nào chuồn được là chuồn. Nhưng cách đây một tuần ông bị một trận cúm và giờ đây vẫn chưa khỏi hẳn; lúc chặp tối ông đã định gọi điện báo ốm, rồi lại quyết định thôi không gọi nữa. Và

sau đó một điều khác đã làm cho ông lo âu – đó là vị thế của ông trong ngành hải quan.

Dù đã tận tuỵ làm công việc này suốt hơn hai mươi năm, ông vẫn không tiến lên được tới các chức vụ mà ông cho rằng ở độ tuổi này mình đáng được hưởng vì nay ông đã xấp xỉ năm mươi. Cấp bậc Thanh tra GS-9 thực ra không hơn người làm công nhật là mấy. Còn khối người khác trẻ hơn, ít kinh nghiệm hơn đã là Thanh tra cao cấp, GS-11 – Amsler phải tuân theo lệnh của họ.

Ông cho rằng một ngày nào đó ông sẽ được chuyển lên bậc thanh tra cao cấp nhưng giờ đây, trên thực tại, điều đó rất xa vời. Như vậy có công bằng không? Ông không chắc. Nhận xét về ông bao giờ cũng tốt và ông luôn đặt nhiệm vụ của ngành lên trên hết, kể cả một số việc cá nhân. Đồng thời, ông cũng không bao giờ phấn đấu để trở thành lãnh đạo và mọi việc làm cũng chẳng có gì là xuất sắc. Có lẽ vấn đề là ở đó. Dĩ nhiên, ở cấp GS-9, lương cũng không tồi. Kể cả ngoài giờ, mỗi tuần làm việc sáu ngày, mỗi năm ông lĩnh khoảng năm mươi ngàn đô la và trong mười lăm năm nữa ông sẽ lĩnh một khoảng lương hưu kha khá.
Nhưng lương và trợ cấp hưu trí không thì chưa đủ. Ông cần cuộc đời mình sôi nổi lên chút nữa, mình làm được một việc gì đó mà, theo cách khiêm tốn nhất, ông sẽ được mọi người nhớ tới. Ông mong rằng điều đó sẽ xảy ra và ông xứng đáng được như vậy. Nhưng tại Opa Locka trong đêm hôm khuya khoắt này, với nhiệm vụ hoạt động chiến dịch Egress, chắc chẳng có thể xảy ra điều gì.

Egress là một chương trình kiểm tra bất chợt các máy bay bay từ Mỹ sang các nước khác. Không thể nào mà kiểm tra tất cả các máy bay được; hải quan làm gì có đủ người! Vậy nên người ta dùng kiểm tra đột xuất, chớp nhoáng một đợt thanh tra tới một sân bay nào đó không báo trước và trong nhiều giờ sau đó lên kiểm tra các khoang máy bay ra nước ngoài – chủ yếu là máy bay tư. Chương trình này thường có hiệu quả vào ban đêm.
Đôi khi chương trình này đem lại kết quả - thỉnh thoảng khá giật gân nữa. Nhưng những chuyện đại loại như vậy không xảy ra khi Amsler trực, đó là lý do khiến ông không hào hứng lắm với nó. Cũng như hiện nay, cái chương trình đó là lý do khiến ông và hai viên thanh tra kia phải có mặt ở Opa Locka vào đêm nay, cho dù các chuyến bay ra nước ngoài ít hơn thường lệ và cũng có vẻ sẽ không có mấy từ lúc này trở đi.
Một trong vài chiếc đó đang chuẩn bị cất cánh ngày sau đó – một chiếc Learjet vừa mới từ Teterboro tới và vài phút trước đây đã vào sổ bay tới Bogota, Colombia. Amsler đang trên đường tới nhà để máy bay số một để liếc qua nó một chút.
Trái với hầu hết mọi nơi ở miền nam bang Florida, thành phố Opa Locka nhỏ bé chẳng có gì hấp dẫn. Cái sân bay đặt gần đó, dù tấp nập cũng chỉ có vài khu nhà và cảnh của toàn vùng là một sự phẳng lặng khô khốc gợi cho người ta ấn tượng của một sa mạc.
Giữa bãi sa mạc đó, nhà để máy bay số một là một ốc đảo. Đó là một toà nhà hiện đại, hấp dẫn màu trắng chỉ một phần là nhà để máy bay, phần còn lại là nơi sang trọng để cho các chủ máy bay tư, hành khách và phi công nghỉ ngơi.
Có bảy mươi nhân viên làm việc tại nhà số một, nhiệm vụ của họ là hút bụi bên trong các máy bay mới tới, dọn rác, đưa đồ ăn và đồ uống lên, bảo dưỡng máy, sửa chữa nhỏ hoặc đại tu máy bay. Các nhân viên khác chăm sóc khu nhà nghỉ của các nhân vật quan trọng phục vụ buồng

tắm, và một phòng họp có trang bị hệ thống nghe nhìn, fax, điện chuyển nhanh, điện tín và thiết bị ghi chép.
Thanh tra hải quan Wally Amsler tiến tới gặp phi công của chiếc Learjet là Underhill, lúc này đang đứng nghiên cứu một bản dự báo thời tiết mới được in ra.
“Chào ông phi công. Tôi chắc là ông đang tính đường bay tới Bogota?”.
Underhill nhìn lên, không tỏ vẻ ngạc nhiên trước một người mặc quân phục: “Đúng vậy”.
Trên thực tế, cả câu trả lời lẫn chương trình bay đều là nói dối. Nơi đến của chiếc Learjet là một giải đất nhỏ ở Andes gần vùng Sion ở Peru và chuyến bay sẽ liên tục không dừng lại. Nhưng theo chỉ thị chính xác mà Underhill đã nhận được, và vì nó nên khoản trả công rất hào phóng, ông ta phải nói nơi đến là Bogaota. Dù sao thì cũng chẳng có vấn đề gì. Ngay khi thoát khỏi hệ thống kiểm soát đường không của Mỹ (chỉ sau lúc cất cánh một chút) ông ta có thể bay tới bất cứ nơi nào ông ta chọn mà không ai kiểm soát hoặc quan tâm.
“Nếu ông không bận tâm”, Amsler lễ phép nói, “tôi muốn kiểm tra máy bay và số người trên đó”.
Underhill có bận tâm, nhưng biết rằng nói toạc ra thì chẳng hay ho gì. Ông ta chỉ mong rằng bốn người hành khách kỳ quái của ông ta có thể làm cho gã hải quan này hài lòng đủ để cho hắn kiểm soát máy bay và để tiếp tục bay đi. Ông ta cũng thấy lo lắng, không phải là vì những vị hành khách kia mà vì cái khả năng dính dáng của ông ta vào bất kể cái gì đang xảy ra.
Denis Underhill ngờ rằng có cái gì đó bất thường, có lẽ là bất hợp pháp về những chiếc áo quan đó. Ông ta đoán chắc rằng chúng chứa những đồ vật gì khác chứ không phải là thi thể được đưa lậu ra khỏi đất nước, hoặc nếu là thi thể, thì hắn họ là nạn nhân của một băng hiếu chiến người Colombia kết hợp với Peru nào đó và được chuyển đi trước khi chính quyền Mỹ nhận ra vụ này. Ông ta chẳng hề tin cái câu chuyện mà người ta kể khi thu xếp thuê máy bay ở Bogota, về những nạn nhân của sự cố giao thông và một gia đình tang tóc. Nếu đó là sự thật thì việc quái gì phải giấu giấu giếm giếm như vậy? Thêm vào đó, Underhill chắc chắn rằng ít ra là hai người trong số hành khách của chiếc Leajet có vũ khí. Cũng tại sao họ lại tỏ ra muốn trình diện giờ đây đã xảy ra – tức là phải đương đầu với hải quan Mỹ.
Cho dù Underhill không làm chủ chiếc Learjet – nó thuộc quyền sở hữu của một nhà đầu tư người Colombia, và đã được đăng ký tại nước đó – thì ông ta vẫn quản lý máy bay này, và ngoài lương và chi phí ra ông ta còn được nhận một khoản chia lợi tức hào phóng nữa. Ông ta chắc chắn rằng ông chủ biết rằng những chuyến bay thuê đôi khi bị đón giữ ở nơi hạ cánh phi pháp hoặc ngay trên đường biên giới, nhưng ông ta tin tưởng Underhill sẽ điều khiển những tình huống như vậy và giữ cho người đầu tư và chiếc máy bay của ông ta thoát khỏi hiểm nguy.
Nhớ lại sự tin cậy đó và quyền lợi chính bản thân mình được hưởng, Underhill quyết định sử dụng câu chuyện các nạn nhân vụ tai nạn ngay, hy vọng rằng chiếc Learjet sẽ thoát khỏi cho dù bất kỳ chuyện gì khác có thể xảy ra.
“Đây là một tình huống buồn thảm”, ông ta bảo người nhân viên hải quan và tiếp tục mô tả câu chuyện đã được nghe tại Bogota mà – cho dù Underhill không biết điều này – phù hợp với mọi giấy tờ trong tay Miguel.
Ansler nghe một cách hờ hững rồi nói: “Chúng ta đi thôi, ông phi công”.
Trước đây ông đã từng gặp loại người như Underhill rồi và chẳng có gì phải xúc động. Amsler đánh giá phi công như một người lính đánh thuê của tiền bạc mà vì một khoản tiền thì sẽ bay đi bất cứ đâu với bất cứ loại hàng hoá gì rồi sau đó, nếu có khó khăn gì, sẽ kêu ca rằng mình là

một nạn nhân vô tội bị người đi thuê hành hạ. Theo ý kiến của Amsler, thì thường họ là những kẻ phá luật lệ trắng trợn rồi lại phủi tay.
Họ cùng đi về nhà số một để tới chiếc Learjet 55 LR đậu ở dưới một vòm mái cao vút. Cửa ra vào của chiếc máy bay để ngỏ và Underhill dẫn thanh tra Amsler lên bậc thang bước vào khoang hành khách. Ông ta thông báo: "Thưa quý bà và các quý ông, chúng ta có một cuộc thăm viếng thân mật của hải quan Mỹ".
Trong suốt mười lăm phút trước đó, từ khi hạ cánh và lăn bánh vào sân bay, bốn thành viên của nhóm Medellin vẫn ngồi yên trong khoang theo lệnh của Miguel. Rồi khi động cơ ngừng hẳn và cả hai phi công đi ra – Underhill đi ghi sổ nhật ký bay, Faulkner đi kiểm tra việc tiếp nhiên liệu – Miguel đã nghiêm khắc dặn dò ba tên kia.
Hắn báo trước cho đồng bọn về sự thanh tra của hải quan và chúng phải chuẩn bị dùng cái vai đã được tập dượt trước. Không khí căng thẳng, nhưng tất cả đều chứng tỏ sẵn sàng. Soccoro sử dụng gương soi trong xắc trang điểm để bỏ một thoặc hai mảnh hạt tiêu vào mi mắt dưới. Mắt ả giàn giụa lệ ngay lập tức. Lần này Rafael từ chối bỏ hạt tiêu vào mắt và chuyện khóc lóc; Miguel không tranh cãi gì. Baudelio đã tháo thiết bị từ bên ngoà ra khỏi ba chiếc quan tài sau khi đã đảm bảo là ba người bên trong vẫn mê man và sẽ không cựa quậy trong khoảng một tiếng hoặc hơn nữa mà không cần chăm sóc.
Miguel sẽ là người phát ngôn chính. Những ngườ khác sẽ trả lời theo điều hắn nhắc.
Kết quả là không ai tỏ ra quá sửng sốt khi Underhill và viên thanh tra hải quan xuất hiện.
"Xin chào tất cả mọi người" Amsler vẫn sử dụng giọng điệu lễ độ mà ông đã nói với Underhill. Đồng thời ông đưa mắt nhìn khắp xung quanh bao quát cả mấy chiếc áo quan đặt một bên cabin và những hành khách ngồi ở phía bên kia – ba người vẫn ngồi, còn Miguel đứng.
Miguel đáp: "Xin chào ngài sĩ quan". Tay hắn cầm một xấp giấy tờ và bốn tấm hộ chiếu. Hắn đưa các tấm hộ chiếu ra trước.
Amsler cầm những tấm hộ chiếu nhưng không xem. Ông hỏi: "Các quý vị đi đâu và mục đích chuyến bay là gì đây?".
Amsler đã xem qua kế hoạch bay và đã biết qua lời Underhill về mục đích chuyến bay. Nhưng một kỹ thuật của Sở hải quan và nhập cư là buộc người ta nói; đôi khi cử chỉ của họ, hoặc bất cứ dấu hiệu của sự lo lắng nào đó biểu lộ nhiều hơn là những câu trả lời.
"Đây là một cuộc hành trình bi thảm, và một gia đình trước đây đầy hạnh phúc giờ đây đang ngập trong tang tóc".
"Còn ngài, thưa ngài. Tên ngài là gì?".
"Tên tôi là Pedro Palacios. Tôi không phải là người của cái gia đình tang tóc này, nhưng lại là một người bạn thân thiết đã đến đất nước này để giúp họ trong khi hoạn nạn", Miguel sử dụng tên giả trong tấm hộ chiếu Colombia. Đó là hộ chiếu thật và ảnh là ảnh của chính hắn, nhưng tên tuổi và mọi chi tiết khác, kể cả thị thực nhập cảnh Mỹ mấy ngày trước đây, đã được làm giả một cách khéo léo. Hắn nói thêm: "Các bạn tôi yêu cầu tôi nói giúp họ vì họ không thông thạo tiếng Anh".
Amsler nhìn vào các tấm hộ chiếu trong tay, tìm tấm của Miguel, so tấm ảnh và khuôn mặt trước mặt mình: "Ngài nói tiếng Anh quá giỏi, thưa ngài Palacos".
Miguel suy nghĩ thật nhanh, rồi trả lời với vẻ vững vàng: "Trước đây tôi đã có thời kỳ ăn học ở Berkeley. Tôi yêu đất nước này tha thiết. Giá như vì lý do gì khác hơn là chuyện hiện nay, tôi thật sung sướng khi ở đây".

Mở các tấm hộ chiếu còn lại, Amsler so sánh các tấm hình trong hộ chiếu với ba người kia, rồi hỏi Soccoro: "Thưa bà, bà có hiểu điều chúng tôi vừa nói không ạ?".
Soccoro ngước bộ mặt đẫm lệ lên. Tim ả đập liên hồi. Ngập ngừng, bỏ cái cách nói tiếng Anh trơn tru hàng ngày, ả đáp "có…một chút".
Gật đầu, Amsler quay lại phía Miguel: "Hãy cho tôi biết vè những cái kia. Ông chỉ về phía những cỗ quan tài.
"Tôi có đủ mọi giấy tờ cần thiết…".
"Tôi sẽ xem sau. Nói cho tôi biết trước đã".
Miguel làm cho giọng nói trở nên nghẹn ngào: "Đã có một tai nạn khủng khiếp. Chị gái của bà đây, cậu con trai của bà chị, một ông già cũng là người trong gia đình, sang nghỉ hè ở Mỹ. Họ tới Philadelphia và đang lái xe…Một chiếc xe tải, đứt phanh, vượt qua đường chắn với tốc độ lớn – nó đâm vào đầu xe của gia đình này, giết tất cả mọi người. Đường xá lại đông đúc… tám chiếc xe nữa lao vào đám đâm xe này, lại thêm người chết…. Một đám cháy dữ dội bùng lên và các thi thể - Ôi, lạy Chúa, các thi thể!".
Khi nói tới các thi thể, Soccoro rú lên và nức nở. Rafael gục đầu xuống lấy tay ôm mặt, đôi vai rung lên. Miguel thừa nhận rằng điều đó đáng thuyết phục hơn là nước mắt. Baudelio chỉ đơn thuần tỏ ra âu sầu buồn bả.
Trong khi nói, Miguel chăm chú quan sát viên thanh tra hải quan. Nhưng người đàn ông này không biểu lộ điều gì và chỉ đứng chờ, lắng nghe, vẻ mặt khó hiểu. Giờ đây Miguel đưa xấp giấy tờ còn lại ra: "Tất cả nằm trong này. Thưa ngài sĩ quan, xin ngài tự đọc lấy".
Lần này Amsler cầm lấy giấy tờ và lật xem qua. Giấy chứng tử có vẻ đúng theo quy định, cũng như giấy phép chuyển thi hài và giấy nhập cảnh Colombia. Ông tiếp tục đọc bài báo cắt, và tới dòng chữ "các thi thể bị cháy… chân tay nát vụn không còn nhận được diện mạo" thì ruột gan ông muốn lộn tùng phèo lên. Sau đó là các bức ảnh. Chỉ cần liếc qua là cũng đủ, và ông lướt nhanh qua tất cả. Ông nhớ lại là hồi chập tối đã tính gọi điện báo ốm. Việc quái gì ông lại không gọi nhỉ? Lúc này ông cảm thấy buồn nôn và còn ghê sợ hơn khi nghĩ đến điều phải làm sau đó.
Miguel đứng đối mặt với viên thanh tra hải quan, không biết là ông cũng đang lo lắng, nhưng vì lý do khác.
Wally Amsler tin vào điều người ta đã kể cho ông. Giấy tớ đều ổn, các dữ kiện khác đều rõ và ông cho rằng không ai có thể giả mạo nỗi đau tang tóc như ông vừa mới chứng kiến vài phút qua. Sinh ra từ một gia đình tử tế, Amsler thông cảm với những người này và những mong có thể để cho họ đi ngay. Nhưng ông không thể. Vì luật pháp buộc là phải mở quan tài ra kiểm tra và đó là cái làm ông ghê sợ.
Bởi lẽ Wally có một lý do từ hồi nhỏ. Ông không thể chịu được cảnh nhìn thấy người chết và cảm thấy kinh hoàng khi nghĩ tới cảnh những mảnh xác còn lại theo lời tả, đầu tiên là do Palacios, sau đó là tới bài báo ông đã đọc.
Chuyện bắt đầu từ hồi Wally mới lên tám tuổi, đã bị buộc phải hôn bà nội đã chết nằm trong quan tài. Ký ức của làn da như nặn bằng sáp vô hồn đụng vào môi của mình lúc vật lộn và la hét phản đối vẫn làm cho ông rùng mình, vậy nên suốt cuộc đời Wally không bao giờ muốn nhìn thấy người chết lần nào nữa. Khi lớn lên ông biết rằng các nhà tâm lý có một từ riêng để gọi cảm giác của ông là necrophobia, tức là ghê tởm xác chết. Wally không cần biết gì về các thuật ngữ đó. Ông chỉ yêu cầu là để người chết tránh xa ông ra.
Chỉ một lần trước đây trong suốt bao năm tháng làm nghề thanh tra hải quan, ông đã nhìn thấy

một người chết trong khi làm nhiệm vụ. Đó là thi thể của một người Mỹ từ nước ngoài đưa về vào một đêm khuya khi Amsler đang làm việc một mình. Một tấm hộ chiếu kèm theo nói rằng kẻ quá cố cân nặng sáu mươi bảy cân, tuy nhiên trọng lượng của cả cỗ quan tài là một trăm ba mươi cân. Tuy đã có giấy phép cho quan tài và vật dụng bên trong được nhập vào, sự khác biệt tỏ ra là đáng ngờ và Amsler miễn cưỡng ra lệnh mở quan tài. Kết quả thật kinh hòng.
Người chết đã trương phình lên, tăng thêm một trọng lượng khủng khiếp so với trọng lượng ghi trong ngày cấp hộ chiếu. Tệ hơn nữa, tử thi và công việc vá xác rồi ướp thơm làm cho cái xác còn phù to thêm, đang bị thối rữa và tạo nên một mùi khó tả. Lúc Amsler ngửi phải cái mùi ghê rợn đó, ông điên cuồng ra hiệu đóng ngay quan tài lại. Rồi ông chạy ra ngoài nôn thốc nôn tháo. Cảm giác buồn nôn và cái mùi thê rợn đó đeo đẳng ông ta suốt bao ngày sau đó và hằn mãi trong ký ức, không bao giờ phai mờ, giờ lại đang trở lại với ông.
Tuy nhiên còn mạnh hơn cả ký ức, mạnh hơn mọi nỗi sợ hãi là ý thức trách nhiệm không lay chuyển. Ông bảo Miguel: "Tôi thực lòng lấy làm tiếc, nhưng nguyên tắc đòi hỏi là những ghiếc quan tài này phải được mở ra để kiểm tra".
Đó là điều Miguel lo sợ nhất. Hắn cố thử dùng lý lẽ để chiến thắng lần nữa: "Ôi, thưa ngài. Tôi van ngài! Đã quá nhiều đau đớn khổ sở rồi. Chúng tôi đều là bạn của nước Mỹ. Chắc chắn là vì lòng thông cảm, ông cho phép có một trường hợp ngoại lệ".
Hắn nói bằng tiếng Tây Ban Nha với Soccoro: "*El bomber quiere abrir los alau*des".
Cô ả thét lên kinh hoàng "*Ay, no! Madre de Dios, no*!".
Rafael gia nhập dàn đồng ca: "*Leslie supliecamos, senor. En el nombre de deccencia, for favor, no!".*
Baudelio, mặt xám ngoét như tro, thì thào: "*Por favor, no lo haga seno! No lo haga*".
Tuy không hiểu hết mọi chữ, Amsler cũng nắm được ý chính của điều mọi người nói. Ông bảo Miguel "Xin hãy thông báo cho các bạn của ngài biết rằng tôi chưa viết biên bản. Đôi khi tôi không vui thích gì trong việc bắt buộc mọi người nhưng đây là công việc của tôi, trách nhiệm của tôi".
Miguel không quan tâm. Không có ích gì trong việc kéo dài cái trò ú tim này nữa. Giây phút quyết định đã đến.
Viên thanh tra ngu xuẩn vẫn tiếp tục một cách ngây thơ: "Tôi đề nghị đưa các quan tài ra một nơi riêng biệt. Phi công của ngài có thể thu xếp chuyện đó. Anh ta có thể nhờ nhà số một giúp đỡ".
Miguel biết rằng hắn sẽ không cho phép làm điều đó. Các quan tài sẽ không rời khỏi máy bay. Do đó chỉ còn trông cậy vào một điều: vũ lực. Chúng không thể tới đây rồi mà lại bị thằng cha hải quan khốn kiếp này làm mất trắng. Hoặc là hắn sẽ giết ông ta ngay trong máy bay hoặc bắt ông ta làm tù nhân và sau đó sẽ hành hình ông ta ở Peru. Vài giây sau sẽ quyết định. Mấy tay phi công cũng phải nằm trước họng súng, nếu không thì do sợ hậu quả sau này nên họ sẽ từ chối cất cánh. Tay của Miguel trượt dần vào túi áo khoác. Hắn sờ thấy khẩu súng lục Makarov chín milimet mà hắn thường mang theo và rút ra nhẹ nhàng. Liếc mắt về phía Rafael, hắn cảm thấy gã đàn ông vạm vỡ này gật đầu. Soccoro đã đưa tay với lấy túi xách.
"Không", Miguel nói. "Các cỗ quan tài sẽ không được đụng tới". Hắn nhẹ nhàng chuyển vị trí, đúng vào giữa viên thanh tra hải quan, hai người phi công và mở cửa ra vào máy bay. Ngón tay của hắn xiết vào khẩu súng. Đã đến lúc. Ngay bây giờ!
Đúng vào giây lát đó, một giọng mới nói: "Tiếng Vang Một bảy hai. Phân ban".

Nó làm cho mọi người giật mình trừ Wally Amsler, người đã quen nghe tiếng máy bộ đàm đeo bên thắt lưng. Không biết có chuyện đã thay đổi, ông nâng chiếc máy bộ đàm lên môi. “Phân ban, đây là tiếng Vang Một bảy hai”.
“Tiếng Vang Một bảy hai!”, một giọng nam vang lên trả lời “Anpha Hai sáu tám yêu cầu anh kết thúc nhiệm vụ hiện nay và liên lạc qua điện thoại với bốn-sáu-bảy hai mươi-bốn hai-mười hốn. Không dùng máy bộ đàm”.
“Phân ban – mười-bốn. Tiếng Vang Một bảy hai chấp hành”. Phát đi câu trả lời, Amsler thấy khó mà giữ được niềm vui bật lên qua giọng nói. Vào lúc cuối cùng trước khi đưa các quan tài ra ông đã nhận được một lối thoát danh dự - một mệnh lệnh rõ ràng mà ông không thể không tuân theo. Anpha Hai sáu tám là phụ trách phân ban của ông tại vùng Miami. Amsler cũng nhận ra số điện thoại, đó là thuộc phân ban hàng hoá tại sân bay Quốc tế Miami. Lời nhắn có nghĩa là nguồn tin tình báo cho biết một chuyến bay vào đang chở hàng lậu thuế và Amsler cần phải có mặt. Một sự cần thiết phải bảo vệ tin tình báo hẳn là lý do để dùng đường mặt đất thay vị dùng máy thu thanh. Ông ta tới ngay máy điện thoại thật nhanh.
“Tôi được triệu tập đi ngay, thưa ngài Palacios”, ông nói. “Do đó tôi phải xác nhận chuyến bay của ngài và các ngài có thể cất cánh”.
Nguệch ngoạc mấy chữ để hoàn tất thủ tục cần thiết, Amsler không biết gì về một sự căng thẳng đã chùng xuống, và không chỉ hành khách mà cả các viên phi công đều cảm thấy nhẹ nhõm. Underhill và Miguel đưa mắt cho nhau. Viên phi công đã cảm thấy súng ống suýt nữa đã được chĩa ra, không biết rằng liệu ông có nên yêu cầu họ đưa hết súng cho ông ta giữ trước khi cất cánh không. Rồi, đánh giá về Miguel và những cặp mắt giá lạnh kia, ông ta quyết định phó mặc.

Lát sau, lúc Amsler vội vã đi vào bên trong nhà số một đến phòng điện thoại, ông nghe thấy tiếng cửa máy bay đóng lại và tiếng động cơ khởi động. Ông sung sướng là đã thoát khỏi cảnh đó và không biết là chuyện gì đang đợi ở sân bay Quốc tế Miami. Liệu đây có phải là cái cơ hội to lớn, quan trọng mà ông đã chờ đợi bao lâu nay không?

Chiếc Learjet 55 LR bay ra khỏi không phận Mỹ và trên đường tới Sion, Peru, bay lên… lên mãi, lên mãi… trong màn đêm

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Phần III - Chương 1

Ở hãng truyền hình CBA, ông Arthur Nalesworth, một người đàng hoàng, lịch lãm mà nay được mọi người gọi là bác Arthur, khi còn trẻ vốn là một nhân vật tai to mặt lớn. Trong suốt ba mươi năm làm việc tại hãng, ông đã đảm đương nhiều chức vụ cao như phó trưởng ban tin tức thế giới, chủ nhiệm mục tin trong nước buổi chiều và phó chủ nhiệm điều hành toàn bộ Ban tin tức. Thế rồi vận may tuột mất, và cũng giống như những người trước hoặc cùng thời, ông bị gạt ra rìa ở tuổi năm mươi sáu, người ta bảo những ngày ông nắm giữ trọng trách đã qua rồi, và để tuỳ ông lựa chọn: hoặc về hưu sớm, hoặc ngồi ở một vị trí thấp hơn mà họ dành cho ông.

Hầu hết những người gặp hoàn cảnh này thường chọn cách về hưu vì sĩ diện. Ông Arthur Nalesworth lại chọn việc tiếp tục ở lại làm việc, dù việc đó là gì, không phải vì ông tự cho mình là quan trọng, mà chủ yếu vì cái chủ nghĩa chiết trung của mình. Vì không tính đến khả năng ông lại quyết định như vậy, nên hãng đành phải sắp xếp cho ông một vị trí nào đó. Trước tiên họ cho biết là ông sẽ được làm phó chủ nhiệm.

Sau này bác Arthur thường kể: "Ở cái hãng này có ba loại phó chủ nhiệm: một loại thực sự làm việc có kết quả, xứng đáng với đồng lương được hưởng. Một loại chuyên ngồi bàn giấy ở văn phòng, chẳng làm được cái gì cho ra hồn, nhưng lại luôn phả giơ đầu chịu báng cho cấp trên khi có chuyện gì sai sót; loại thứ ba có tước danh "phó" chỉ để lưu trữ các bài viết mà thôi. Tôi thuộc một trong ba loại này".

Rồi gặp khi phấn chấn, ông còn thổ lộ thêm: "Có một điều mà những người ít nhiều thành đạt trong nghề này đáng ra phải nhớ, nhưng phần lớn thì lại không nhớ, là sẽ có ngày ta không còn vai trò quan trọng nữa. Khi đã leo gần tới đỉnh cái cột mỡ trơn tuột, tự ta phải nhớ rằng chẳng bao lâu nữa ta sẽ bị gạt ra lề, nhanh chóng bị lãng quên, và sẽ có những người khác trẻ hơn, có lẽ giỏi giang hơn thay thế. Tất nhiên..", và đến đây bác Arthur thích dẫn một câu trong trường ca Uylitse của Tennyson: "Người ta ai cũng phải chết. Nhưng vào cuối cuộc đời, ta lại vẫn có thể làm được những điều cao thượng…".

Thế rồi, hãng truyền hình và cả bản thân bác Arthur cũng không ngờ rằng ngay cả sau khi những năm tháng huy hoàng của bác đã qua, bác vẫn còn làm được "những điều cao thượng". Nhưng việc bác làm liên quan đến lớp trẻ, những người đang kiếm tiền kiếm việc làm.

Các vị chức sắc trong giới truyền hình cảm thấy bực mình và đôi lúc khó xử vì thường gặp phải

một câu hỏi giống nhau; mà những người hỏi họ lại là bạn bè, họ hàng thân thích, các mối làm ăn, chính khách, bác sĩ, nha sĩ, bác sĩ nhãn khoa, các nhà chứng khoán, khách khứa nơi bàn tiệc mà danh sách kể ra không thể hết được. Câu hỏi đó là: "Ông có thể nhận con trai, con gái, cháu họ, con đỡ đầu, học trò hoặc người được tôi đỡ đầu vào làm ở hãng được không?".

Có những ngày, nhất là vào những kỳ học snh đại học tốt nghiệp ra trường, những người ở hãng có cảm tưởng như lớp trẻ đang cố sức đạp cửa xông vào hãng vậy.

Trong một số trường hợp, các vị chức sắc của hãng có thể dễ dàng từ chối, nhưng đâu phải bao giờ cũng có thể làm được như vậy. Làm sao mà từ chối khi những người cầu cạnh nhờ vả lại là những nhà quảng cáo quan trọng cho hãng của họ, những người có chân trong ban giám đốc hãng CBA, những kẻ rất có thế lực với Nhà Trắng và Nghị viện ở Washington, những chính khách mà làm họ phật ý thì thật là ngu ngốc, những nguồn cung cấp tin quan trọng cho hãng và còn nhiều loại người khác nữa.

Vào thời kỳ trước khi có bác Arthur, viết tắt là BUA, giới chức của hãng CBA thường mất nhiều thời gian gọi dây nói thông báo cho nhau về những chỗ đang còn thiếu người, rồi gắng sức xoa dịu nững người có con cái, cháu chắt, vân vân… không được nhận vào làm việc tại hãng.

Bây giờ không còn phải làm thế nữa. Cái việc mà ban lãnh đạo hãng CBA trong tình thế tuyệt vọng nghĩ ra giao cho Arthur Nalesworth đã cứu nguy cho đồng nghiệp của họ. Khi có người xin việc cho người của mình, các vị tai to mặt lớn của hãng CBA có thể trả lời: "Chắc chắn tôi sẽ giúp ông. Chúng tôi có hẳn một ông phó chuyên lo liệu việc cho bọn trẻ có triển vọng. Hãy bảo cậu ta gọi điện theo số máy này, nói là tôi giới thiệu là sẽ được hẹn tiếp ngay".

Việc gặp ấy chẳng có khó khăn gì, vì Arthur Nalesworth tiếp bất kỳ ai trong cái văn phòng bé tý tẹo, không có cửa sổ mà họ dành cho ông. Trước nay chưa bao giờ có nhiều cuộc tiếp khách đến xin việc đến thế. Những buổi này thường là dài, có khi cả tiếng đồng hồ hoặc hơn. Đủ các loại vấn đề được đặt ra và trả lời một cách thân tình. Cuối cùng, người đến tìm việc ra về, cảm thấy hài lòng với CBA cho dù họ không được nhận. Còn ông Nalesworth thì lại hiểu rõ hơn tính cách và khả năng tiềm ẩn trong chàng trai ngồi đối diện với ông.

Lúc đầu, số lượng và thời gian các cuộc tiếp khách ấy trở thành trò cười ở phòng tin của hãng, với những lời nhạo báng là "thừa thời gian", là "dựng xây đế chế". Cũng vì Nalesworth thường khích lệ người xin việc, dù họ thuộc loại có triển vọng hay không có triển vọng, người ta liền gọi ông là "Bác Arthur", và cái tên có từ ngày ấy.

Nhưng dần dà niềm kính trọng miễn cưỡng thay thế cho sự hoài nghi. Sự kính trọng càng tăng khi môt số thanh niên mà bác Arthur mạnh dạn đề nghị hãng nhận vào làm đã nhanh chóng hoà nhập và đảm nhận tốt vai trò của họ trong phòng tin tức. Về sau, việc được bác Arthur nhận trở thành niềm tự hào của họ, giống như một thứ chứng chỉ vậy.
Lúc này bác Arthur đã sang tuổi sáu mươi lăm và thông thường thì tính ra chỉ còn năm tháng nữa là bác về hưu. Trong giới điều hành ban tin tức, người ta nói đến việc yêu cầu bác Arthur ở

lại thêm. Trước sự ngạc nhiên của mọi người, bác Arthur Nalesworth lại trở thành một nhân vật quan trọng.

Một sáng chủ nhật tuần thứ ba của tháng chín, bác Arthur đến trụ sở hãng CBA để cùng tìm kiếm Jessica, Nicholas và Angus Sloane. Theo lời dặn của ông Les Chippingham qua điện thoại từ tối hôm trước, ông đến phòng họp đặc biệt của nhóm đặc nhiệm. Partridge, Rita và Teddy Cooper đang chờ ông ở đó.

Trước mặt họ là một người vai rộng, chắc nịch , tầm thước, khuôn mặt dịu dàng đôn hậu và tóc rẽ đầu ngôi cẩn thận. Ông có vẻ dễ tính và tự tin. Vì biết đây không phải là một ngày làm việc bình thường, nên ông không đóng bộ comple màu sẫm thường ngày, mà mặc áo vết len dày màu nâu, quần ghi nhạt, li quần sắc như dao, thắt nơ nhọn, chân đeo giày bóng lộn.

Mỗi khi ông cất giọng âm vang, người ta có cảm tưởng như đang nghe Churchill nói. Một đồng nghiệp cũ của ông có lần đã nhận xét rằng những điều ông Arthur Nalesworth nói ra cứ như được khắc trên bảng đá.

Sau khi bắt tay Partridge, Rita và được giới thiệu với Cooper, bác Arthur nói: “Theo chỗ tôi biết, các anh cần sáu chục người trẻ tuổi giỏi giang nhất của tôi, nếu như tôi có thể tập hợp được ngần ấy trong thời gian gấp gáp thế này. Nhưng trước hết xin các anh cho biết là có chuyện gì đã chứ?”.
“Teddy sẽ nói lại với ông” Partridge bảo. Anh ta ra hiệu cho Cooper bắt đầu.

Bác Arthur lắng nghe anh chàng nghiên cứu người Anh kể lại những cố gắng để nhận dạng bọn bắt cóc và rõ ràng là họ đang bế tắc trong việc này. Sau đó Cooper nói về ý định tìm kiếm hang ổ của bọn bắt cóc bằng cách đọc mục quảng cáo mua bán nhà đất ở trên các báo, vì anh ta cho rằng nơi đó có thể chỉ cách chỗ xảy ra tội ác trong vòng bán kinh không quá hai mươi lăm dặm.

Partridge nói thêm: “Chúng tôi hiểu rằng làm vậy cũng chưa chắc đã có kết quả, nhưng đó lại là cách khả dĩ nhât mà chúng tôi có được vào lúc này”.
Bác Arthur đáp: “Kinh nghiệm đã cho tôi thấy khi chưa biết nên bắt đầu từ đâu, thì ta chỉ còn có cách ấy mà thôi”.
“Tôi rất mừng là ngài cũng nghĩ như vậy”, Cooper nói.

Bác Arthur gật đầu nói tiếp: “Cái hay của cách làm ấy là dù khó có khả năng tìm đúng điều ta muốn, nhưng rất có thể chúng ta lại phát hiện ra một điều nào đó có ích cho chúng ta theo một cách khác”. Ông quay sang nói thêm với Cooper: “Anh bạn trẻ này, anh cũng sẽ thấy trong số những người mà tôi gọi tới cũng có khối tay năng nổ như anh”.

Cooper cùng bác Arthur tới cái văn phòng nhỏ xíu của bác. Ở đó, bác lần rải các hồ sơ và phiếu lưu trữ kín cả mặt bàn. Rồi bác bắt đầu gọi điện thoại; cái lối bác gọi, tuy cho nhiều người khác nhau, nhưng đều giống nhau ở chỗ như đang nói chuyện với một người bạn thân quen ở đầu dây bên kia. “Ian này, cháu nói muốn có cơ hội được nhận vào làm ngay cả việc rất khiêm tốn

tại hãng. Bây giờ đang có cơ hội như thế đấy”… “À, không được Bernard ạ. Bác không thể bảo đảm sau hai tuần làm công chuyện này, cháu sẽ được nhận vào làm tại hãng. Nhưng tại sao cháu không thử xem sao?”… “Đúng thế, Pamela ạ. Bác đồng ý cái việc tạm thời này không xứng với một người đã học qua khoa báo chí như cháu thật. Nhưng cháu nhớ là khối nhân vật có danh tiếng trong nghề này vốn chả phải cũng bắt đầu từ những việc lẻ mẻ đó thôi?”… “Cháu nói đúng đấy Howard ạ. Năm đô la, năm mươi xu một giờ đâu phải là thứ lương hậu hĩnh. Nhưng nếu tiền bạc là cái cháu quan tâm, thì cháu hãy quên cái nghề làm tin này đi, và nên tìm kiếm việc làm ở phố U-ôn thì hơn”… “Felix, bác hiểu rằng gấp gáp thế này thì cũng bất tiện thật; nhưng mấy khi mà thuận tiện được chứ? Nếu cháu muốn làm ở hãng truyền hình, trong trường hợp cần thiết, cháu còn phải bỏ cả buổi kỷ niệm sinh nhật của vợ cháu mà đi nữa cơ”… “Erskin, cháu đừng quên là cháu còn có thể làm được bản tóm tắt về công việc đặc biệt mà cháu làm cho CBA đấy”.

Sau một tiếng liền gọi điện thoại cho mười hai người, bác Arthur nhận được bảy người trả lời “Chắc chắn sẽ tới” vào sáng hôm sau và một người nói “có thể sẽ đến”. Sau đó bác vẫn kiên nhẫn gọi tiếp theo danh sách của bác.

Bác gọi cho một người nằm ngoài danh sách ấy. Người này là giáo sư Kenneth. K. Goldstein, trưởng khoa báo chí của trường đại học Colombia, vốn là bạn của bác từ thuở thanh niên. Khi được giải thích về công việc cần tại CBA, nhà giáo dục ấy lập tức đồng ý ngay. Cả hai người đều biết không thể huy động được số học sinh đang theo học tại khoa báo chí của trường vì bài vở đòi hỏi rất nặng, nhưng số học sinh tốt nghiệp nay đang làm bằng phó tiến sĩ khoa báo chí có thể cũng quan tâm và có điều kiện tham gia. Một số đã tốt nghiệp nhưng chưa kiếm được việc làm cũng vậy.
Vị trưởng khoa bảo: “Chúng ta cứ coi đây là một công việc khẩn cấp nhé. Tôi sẽ cố gắng chọn độ hơn chục người và sẽ gọi điện thoại báo lại cho anh”. “Colombia muôn năm!”, bác Arthur nói lớn , rồi lại tiếp tục quay các số máy khác.

Trong khi đó, Teddy Cooper trở lại phòng họp để chuẩn bị kế hoạch hành động cho đám người được huy động sẽ tới vào sáng hôm sau. Hai phụ tá của anh cũng đã tới đó, và họ cũng mải mê nghiên cứu cuốn Niên giám quốc tế các chủ bút và nhà xuất bản, các bản đồ và danh bạ điện thoại địa phương, chọn ra các thư viện và văn pòng toà báo mà họ sẽ tới, các đường đi nước bước tiếp theo. Đồng thời Cooper cũng ghi ra một số điều cụ thể để hướng dẫn những người mới tới này; họ sẽ phải đọc kỹ tất cả các mục quảng cáo trên khoảng một trăm sáu mươi tờ báo trong ba tháng qua. Họ cần phải chú ý đến những gì?
Cùng với cái phạm vi hai mươi lăm dặm, Cooper mường tượng thêm họ phải chú ý:

Một khu vực tương đối vắng vẻ, cách xa khu dân cư. Bọn người mà họ đang truy tìm hẳn là muốn náu ở nơi khuất nẻo, có thể đi hoặc đến mà không làm người khác tò mò. Không cần chú ý đến những nhà hoặc khu vực đông người ở hoặc qua lại.

Nơi chúng ẩn náu có thể là một nhà máy hoặc nhà kho nhỏ không còn được dùng đến, hoặc có thể là một ngôi nhà lớn. Nếu là nhà, chắc chắn sẽ phải là ngôi nhà cũ, mái đổ tường xiêu, vì vậy

hẳn là chẳng ai muốn thuê. Nhà đó có thể có khu phụ chứa đủ vài xe, và có nơi sơn xe. Mà cũng rất có khả năng là một trang trại bỏ hoang. Các nơi trú ngụ đại loại như trên cũng cần được chú ý, và muốn vậy, cần phải sử dụng cả trí tưởng tượng nữa.

Loại chỗ ở đủ chứa ít nhất là bốn hoặc năm người, hoặc có thể nơi ở khác. Tuy nhiên, những người ở đó hẳn phải "gối đất nằm sương" vì thế chắc chắn không thuộc loại được mô tả kỹ trong quảng cáo cho thuê. (Trong mục "Các loại nhà khác", Cooper nghĩ cả đến nơi nạn nhân bị bắt cóc, nhưng không ghi ra cụ thể).

Những nơi hoặc khu nhà mà người tính chuyện làm ăn buôn bán bình thường, hoặc tìm nơi ở lâu dài có thể không muốn thuê. Vì vậy cần đặc biệt chú ý tới các quảng cáo kéo dài trên báo, sau đó đột nhiên ngừng mất. Điều này có nghĩa là nơi đó không có người thuê, sau đó đột nhiên có người thuê hoặc bán được cho họ dùng vào chuyện không bình thường.

Không cần phải chú ý tới giá thuê nhà, thuê đất hoặc chuyển nhượng sở hữu trong các quảng cáo, bởi vì những kẻ đang bị truy tìm ấy chẳng thiếu gì tiền bạc.

Cooper quyết định hãy thế đã. Trong khi muốn truyền đạt một ý có tính khái quát, anh không muốn làm gì mà lại hạn chế hoặc không khuyến khích suy nghĩ khác của mọi người. Anh cũng định sáng hôm sau sẽ nói chuyện với số người của bác Arthur khi họ tới, và đề nghị Rita chuẩn bị sẵn một nơi thích hợp làm việc đó.

Quãng giữa trưa, Cooper cũng ăn trưa với bác Arthur trong quầy ăn uống của hãng CBA. Bác Arthur gọi món xăng-đuých cá ngừ và cốc sữa, còn Cooper lấy món thịt nước sốt sền sệt, một chiếc bánh nhân thịt vàng ươm, rồi với vẻ bẽn lẽn thẹn thùng gọi thêm cốc chè đen.
"Chán quá", bác Arthur nói vẻ như mình có lỗi. "Đến hôm nay mới có hai mốt người đăng tên. Giá lúc khác thì nhiều hơn".

Hôm đó là chủ nhật, nên ở hãng ít người hơn ngày thường. Vì vậy hai người ngồi riêng ở một bàn – Cooper ngồi xuống ghế và nói: "Tôi xin phép được hỏi ngài…".
Bác Arthur ra hiệu cho anh ta dừng lại. "Thật dễ chịu khi thấy người Anglê các anh luôn tôn trọng người khác. Nhưng anh đang ở nơi mà sự phân chia đẳng cấp bị xoá nhoà, nơi mà thứ dân cũng gọi vua là "Joe"hoặc "Này ông", nơi mà ngày càng có ít người viết chữ "ông" trước tên người nhận thư ghi trên phong bì. Ở đây mọi người đều gọi tôi theo tên riêng cả".
"Thôi được, Arthur", Cooper nói, vẻ ngượng nghịu: "Tôi cứ tự bảo không biết bác nghĩ thế nào về việc đưa tin hiện nay so với thời…".
"So với thời hoàng kim khi tôi còn làm chứ gì? Này, câu trả lời của tôi có thể làm anh ngạc nhiên. Nó tốt hơn ngày xưa rất nhiều. Những người hiện đang viết và đưa tin bây giờ khá hơn bọn tôi ngày xưa. Thì cũng còn vì kỹ thuật đưa tin ngay càng khá hơn. Bao giờ cũng đúng là như vậy".
Cooper dướn lông mày: "Rất nhiều người lại nghĩ ngược lại".
"Teddy thân mến, nhưng kẻ nói vậy chẳng qua vì họ mắc chứng hoài cổ khó tiêu đó thôi. Với số này cứ phải thụt xà phòng thì đầu họ mới thông được. Anh cứ tới thăm bảo tàng của ngành

thông tin đại chúng ở New York mà xem một số chương trình phát tin trước đây, từ những năm sáu mươi chẳng hạn. Tôi cũng mới tới đó. Nếu lấy tiêu chuẩn hôm nay mà so, phần lớn các chương trình đó là yếu, thậm chí mang chất nghiệp dư nữa cơ. Mà tôi không chỉ nói đến chất lượng có tính chất kỹ thuật nghề nghiệp đâu, yếu cả về chiều sâu trong phóng sự điều tra nữa".

"Mấy người không ưa bọn tôi cho rằng ngày nay chúng tôi làm cái chuyện điều tra quá nhiều". Thấy Cooper tỏ vẻ khoái chí, bác Arthur lại càng cởi mở. "Một điều cho thấy báo chí của chúng ta đang đà thăng tiến là ngày càng có ít việc khuất tất mà lại không bị phanh phui. Những vụ lạm dụng sự tín nhiệm của công chúng đang bị lôi ra trước công luận. Tất nhiên nhiều khi những người làm tốt trách nhiệm của mình với dân chúng vũng bị vạ lây. Chẳng hạn cuộc sống riêng tư của họ cũng bị đụng chạm. Thế nhưng xã hội thì lại ngày càng tốt hơn".

"Tức là bác không nghĩ các phóng viên thuở trước giỏi hơn lứa phóng viên hiện nay?".

"Không những đã không giỏi hơn, mà họ lại còn không có được cái táo tợn, tính bất chấp quyền uy, dám chấp nhận hiểm nguy mà người làm tin hạng nhất hiện nay cần có. Tất nhiên giới làm tin ngày trước cũng giỏi theo tiêu chuẩn của thời ấy, và một số người thì cực kỳ tài giỏi. Nhưng ngay cả những người ấy, giá nay họ vẫn còn trong nghề, hẳn cũng phải phát ngượng trước sự tôn sùng như bậc thánh mà người ta dành cho họ".

Cooper nheo mắt tò mò hỏi lại: "Bác bảo là phong thánh à?".

"À, đúng vậy. Anh không biết là chúng tôi dành cho họ sự ngưỡng mộ như một thứ tôn giáo sao? Chúng tôi dùng những từ rất kêu, chẳng hạn như tin tức là một "trách nhiệm thiêng liêng". Chúng tôi đã vênh vang với bao lời hoa mỹ về "thời đại hoàng kim của vô tuyến truyền hình", nên tất nhiên là phải phong thánh cho các danh tài của giới báo chí. Ở hãng CBS, họ phong thánh cho Ed Murrow, một con người rõ ràng là kiệt xuất. Tuy Ed cũng có chỗ yếu trong cuộc đời trần tục, nhưng người tôn sùng ông cũng dễ dàng bỏ qua. Rồi đây, chắc CBS cũng sẽ tôn Walter Cronkite lên bậc thánh, nhưng tôi e rằng việc đó sẽ được làm sau khi Walter khuất núi, bởi lẽ một người đang còn sống làm sao chịu nỗi sự nổi danh đến vậy. Đấy mới chỉ là kể CBS, một hãng thuộc bậc đàn anh thôi. Rồi sẽ đến lúc các hãng khác thuộc lớp sau cũng phong thánh cho người của mình. Chắc ABC sẽ tôn Arledge lên bậc thánh. Nói cho cùng, thì chính Roone Arledge, chứ không phải ai khác, đã tạo nên phong cách hiện đại trong việc đưa tin trên hệ thống truyền hình".

Bác Arthur đứng dậy và nói: "Anh bạn Teddy thân mến , nói chuyện với anh là tôi sáng ra khối điều. Nhưng bây giờ tôi phải trở lại với kẻ luôn làm chủ cuộc sống của chúng ta là cái điện thoại".

Cuối ngày hôm đó, bác Arthur cho biết là năm mươi tám người trong số "Thông minh nhất, triển vọng nhất' của bác sẽ đến nhận nhiệm vụ vào sáng thứ hai.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 2

Rạng sáng chủ nhật, chiếc máy bay Learjet mang số hiệu 55L4 đang bay trên vùng rừng núi dân cư thưa thớt thuộc địa phận tỉnh San Martin của Peru. Trong khoang máy bay là ba chiếc quan tài, trong đó Jessica, Nicholas và Angus Sloane vẫn còn nằm trong trạng thái mê man. Sau năm giờ và mười lăm phút bay từ Opa Locka thuộc bang Florida, chiếc phản lực loại nhỏ này đã bay gần đến điểm hẹn, đó là dải đất dùng làm chỗ hạ cánh có tên là Sion trong vùng núi Andes. Lúc này là bốn giờ mười lăm phút, theo giờ địa phương.

Trong khoang lái lờ mờ sáng, cả hai tay phi công vươn hẳn người, căng mắt nhìn vào khoảng tối trước mặt. Máy bay đang ở độ cao ba ngàn năm trăm bộ với mặt biển, nhưng lại cách rừng phía dưới có một ngàn bộ. Trước mặt không xa là những dãy núi cao chót vót.

Trước đó mười tám phút, họ rời đường bay thường lệ với hệ thống tín hiệu vô tuyến dẫn đường, và để tìm đúng chỗ hạ cánh, họ bật hệ thống dẫn đường ký hiệu GNS-500 VLF, một thứ máy chính xác đến mức cánh lái máy bay đôi lúc gọi nó là "có thể phát hiện được cả cái mụn nhỏ ở đít con ruồi". Nhưng khi bay đến gần hoặc đang bay phía trên chỗ hạ cánh ấy, họ sẽ nhận được tín hiệu từ mặt đất bằng mắt thường.

Họ đã giảm tốc độ máy bay đi rất nhiều, thế mà máy bay vẫn đang ở tốc độ trên ba trăm dặm một giờ.

Faulkner, người lái phụ là người đầu tiên nhìn thấy tín hiệu bằng đèn từ mặt đất. Đèn bật sáng ba lần, rồi lại tắt, nhưng phải mãi tới khi Faulkner, lúc này đang lái, cho máy bay lượn và theo hướng kim địa bàn mới thấy đèn hiệu trên mặt đất.

Underhhill, phi công chính, cũng nhìn thấy đèn hiệu sau Faulkner một lát. Lúc này anh ta đang bận rộn sử dụng mật khẩu ở tần số đặc biệt trên đài vô tuyến: "A tencion, amigos de Huallaga É ste es el avion "La Dorada". Les traemos el embarraue Pizarro"1.

(Chú ý, các bạn Huallaga. Đây là máy bay "La Dorada". Chúng tôi mang đến cho các bạn tên Pizarro làm áp lực đây).
Tín hiệu hạ cánh được định sẵn này được trao cho Underhill khi họ thương lượng thuê bao chuyến bay. Dưới mặt đất hiểu ngay và lập tức điện trả lời: "Somos sus amigos de la tierra. Les eztawos esperando. "la Dorada", se puede aterrizor. No hay viento!"2.

(Chúng tôi là bạn của các bạn ở dưới mặt đất. “La Dorada” có thể hạ cánh. Không có gió).

Mọi người trên máy bay vui mừng nhận điện hạ cánh, nhưng tin cho hay trên đường băng không có gió giúp cho việc cản bớt tốc độ vẫn còn lớn của chiếc 55 LR. Tuy nhiên, khi Underhill báo lại đã nhận được lệnh hạ cánh, đèn hiệu dưới đất lại bật sáng và nhấp nháy liên tục. Một lát sau, thêm ba đèn hiệu nữa phát sáng dọc đường băng bằng đất nện. Underhill, vốn đã tới đây hai lần, biết ngay rằng chiếc đài vừa hát lệnh hạ cánh là loại trang bị di động, và có lẽ nó được chở trên xe tải dùng làm đèn pha chiếu sáng. Loại thiết bị hiện đại này không làm anh ta ngạc nhiên. Cánh buôn lậu ma tuý thường hạ cánh ở đường băng này, mà khi phải sử dụng đến các loại thiết bị thì các Cacten ma tuý xài tiền không hề tiếc.
“Tôi sẽ điều khiển máy bay hạ cánh”, Underhill nói, và tay phụ lái liền trao cho anh ta cần điều khiển.
Phi công chính cho máy bay lượn một vòng ở độ cao một ngàn bộ, xem xét đường băng lờ mờ phía dưới và lượng hướng hạ cánh. Anh ta biết cần phải tận dụng từng tấc của đường băng, thừa hiểu rằng dọc theo hai lề của dải đất là cây cối rậm rì, do đó việc hạ cánh phải được thực hiện một cách hoàn hảo. Anh ta cảm thấy hài lòng, liền bắt đầu chuẩn bị hạ cánh, bay theo hướng gió và hạ dần độ cao.

Faulkner ngồi bên cạnh, tiến hành các công việc kiểm tra trước khi hạ cánh. Anh bật nút “hạ cánh”, và càng máy bay từ từ hạ xuống. Khi họ cho máy bay lượn vòng cuối cùng, ba chiếc đền xanh nhấp nháy liên tục báo hiệu đang hạ cánh. Hai chiếc đèn pha ở trước máy bay xuyên qua bóng tối đầu đường băng; Underhill để máy bay lướt với tốc độ một trăm hai mươi dặm một giờ. Thực lòng, anh ta muốn hạ cánh khi trời đã sáng, nhưng máy bay không còn đủ xăng để đợi trời sáng vào lúc sáu giờ. Khi đã sát đường băng, Underhill nhận thấy khoảng cách giữa máy bay và đường băng vẫn quá cao, vì vậy anh ta hãm bớt động cơ. Lúc này máy bay chỉ còn cách điểm tiếp đất có năm mươi bộ. Chỉ còn cần đóng cửa dầu, tắt động cơ và nâng đầu máy bay lên. Chiếc máy bay chồm lên khi hạ xuống đường băng mấp mô. Cầm chắc tay lại cho máy bay chạy thẳng, trong khi những bóng cây lờ mờ hiện ra dọc hai bên đường băng trong ánh đèn của chiếc máy máy đay đang hạ cánh. Phải về hết ga, hãm phanh. Lúc này đã hết nửa đường băng, rồi dừng lại rất đúng lúc. Họ đã hạ cánh an toàn, không sai sót. “Giỏi thật”, Faulkner nói. Anh ta không ưa Underhill lắm; tay này là con người ích kỷ, thờ ơ lãnh đạm và xa lánh mọi người. Thế nhưng anh ta lại là một phi công tuyệt vời.

Khi Underhill đánh tay lái cho máy bay lăn bánh về chỗ đậu, họ nhìn thấy chiếc xe tải và mấy bóng người di động. Cách xe tải một quãng ở phía kia là chiếc lán nhỏ đơn sơ và khoảng cách hơn một chục thùng sắt tròn.
“Đó là chỗ lấy xăng”, Underhill chỉ tay và nói: “Máy tay kia sẽ giúp anh bơm xăng vào máy bay. Nhớ làm cho lẹ lên, vì trời vừa sáng là chúng ta phải cuốn xéo ngay khỏi đây đấy”. Chỗ cuối cùng họ phải tới là Bogota ở Colombia. Khi đã ở trên không, mọi chuyện sẽ dễ dàng và họ sẽ nhanh chóng tới đó.

Underhill còn biết khu rừng rậm này chưa thuộc quyền cai quản của ai, cả Sendero Luminoso, quân đội Peru và đôi khi cả cảnh sát chống khủng bố của chính phủ thường xuyên giành giật

nhau. Đây không phải là chỗ nấn ná thêm được, bởi vì cả ba phái trên đều khét tiếng tàn ác. Nhưng mấy hành khách trên chiếc phản lực Learjet này lại cần phải xuống, do đó Underhill ra hiệu cho Faulkner đang đứng sau lưng anh ta mở cửa thông giữa khoang lái và khoang hành khách.

Miguel, Socorro, Rafael và Baudelio nhẹ cả người khi máy bay hạ cánh an toàn trong bóng đêm. Nhưng sau đó họ hiểu rằng bây giờ là lúc bắt đầu vai trò mới của họ trong phi vụ này. Đặc biệt Baudelio là người đang sử dụng các thiết bị theo dõi mấy chiếc quan tài, bắt đầu giảm bớt liều lượng thuốc gây mê, biết rằng chỉ lát nữa thôi là những bệnh nhân của anh ta (anh ta thường nghĩ như vậy) sẽ được ra khỏi quan tài.

Một lúc sau, máy bay dừng hẳn, tiếng động cơ tắt ngấm. Faulkner rời khỏi ghế đứng dậy mở cửa cabin. Nhiệt độ điều hoà bên trong đột nhiên trở nên nóng ẩm đến ngạt thở vì không khí bên ngoài tràn vào.
Trong khi mấy hành khách lần lượt xuống, rõ ràng những người đang đợi dưới đất đặc biệt chú ý với vẻ kính nể Miguel và Socorro. Điều này hiển nhiên do Miguel là thủ lĩnh của họ, còn Socorro là người của Sendero Luminoso.

Lực lượng dưới đất gồm tám người. Mặc dù trời tối, nhưng nhờ ánh đèn phản chiếu có thể thấy những khuôn mặt nâu sạm và dãi dầu sương gió; bọn họ đều thuộc loại nông dân lực lưỡng. Người trẻ nhất trong bọn bước lên tự giới thiệu là Gustavo. Anh ta nói với Miguel "Tenemos ordenes de ayudarle cumdo lo necesite, senor"1.

Sau khi nói rõ anh ta sẵn sàng đợi lệnh, Gustavo quay sang Socorro, cúi người chào: "Senora, la destinacion de sus prisoneros Nueva Esperanza. El viaje sera noventu kilometros, la mayor parte por el rio. El barco esta listo"2.
Vừa lúc Underhill xuống tới nơi và nghe được câu cuối cùng. Anh ta hỏi, giọng gay gắt: "Tù nhân nào được chở bằng thuyền đi chín chục cây số?".

Miguel không muốn Underhill biết tên nơi cuối cùng chúng sẽ tới là Nueva Esperanza. Dầu sao hắn cũng thấy tay phi công này quá nguy hiểm, nhất là khi nhớ lại cái câu "Mẹ kiếp anh đến chậm đấy" mà anh ta chào hắn ở Teterboro, và trong suốt cuộc hành trình anh ta chẳng thèm che giấu sự thù địch với hắn. Nhưng bây giờ ở trên mắt đất, là nơi tay phi công chẳng còn là cái quái gì nữa, nên Miguel đáp với vẻ khinh khỉnh: "Đó không phải việc của anh".

Underhill trả miếng ngay: "Bất cứ điều gì xảy ra trên máy bay này đều là việc của tôi. Anh ta liếc nhìn mấy cái quan tài. Thoạt đầu anh ta tự nhủ càng biết ít về mấy tay này càng tốt. Bây giờ, do bản năng hơn là do lý trí, anh ta quyết định để tự bảo vệ mình thì nên biết nhiều hơn. "Trong quan tài đựng cái gì?".

Không thèm trả lời viên phi công, Miguel quay sang bảo Gustavo: "Digale a los hombres que descargues los âtudes cuidasomente sin moverlos demasrodo, y que los lleven andentro de la choza"3.

“Không được”, Underhill quát. Anh ta đứng chặn ngay cửa máy bay. “Chừng nào chưa trả lời câu hỏi của tôi, các anh sẽ không được mang những chiếc quan tài này xuống đâu”. Mồ hôi vã ra trên chiếc đầu hói và trên mặt anh ta vì trời nóng.

Miguel nhìn Gustavo và gật đầu ra hiệu. Toán người lập tức cử động, tiếng kim khí va nhau và Underhill nhìn sáu họng súng chĩa vào mình, chốt an toàn đã mở, các ngón tay đặt ngay nơi cò súng.
Sợ quá, viên phi công hét to: “Hãy vì Chúa! Thôi được”. Anh ta lướt ánh mắt từ mấy khẩu súng, nhìn Miguel. “Được, tuỳ các anh. Hãy cho chúng tôi lấy xăng và rời khỏi đây”.

Phớt lờ tới yêu cầu cảu anh ta. Miguel dằn giọng quát: “Cút ngay khỏi cái cửa đó!”. Sau khi Underhill tuân theo, Miguel lại gật đầu ra hiệu, toán lính hạ lệnh súng xuống, bốn tên trèo vào khoang máy bay tới chỗ để quan tài. Tay phụ lái cùng đi với họ tháo dây chằng, rồi bọn chúng khiêng từng quan tài xuống đưa vào trong lán. Baudelio và Socorro theo sau.

Từ lúc chiếc máy bay hạ cánh đã được một giờ. Lúc này mặt trời sắp mọc; đường băng và khu vực xung quanh trở nên dễ nhìn hơn. Trong thời gian dừng ở đó, máy bay đã được nạp thêm xăng đủ bay tới Bogota. Xăng được bơm từ các thùng vào máy bay bằng chiếc bơm xách tay. Underhill đưa mắt tìm Miguel để báo cho hắn biết máy bay của anh ta sắp sửa cất cánh.

Gustavo bảo Miguel và mấy người kia đang ở trong chiếc lán dựng tạm. Underhill liền đi về phía đó.

Cửa lều khép hờ. Nghe tiếng người nói bên trong, Underhill đẩy cửa bước vào. Và anh ta khựng lại, bàng hoàng kinh hãi trước những gì anh ta thấy.

Trên sàn đất của túp lều là ba người đang ngồi, lưng quay vào tường, miệng há ra, đầu rũ xuống trong trạng thái hôn mê, nhưng rõ ràng là còn sống. Hai trong số ba chiếc quan tài được mang từ máy xuống, nay đã trống rỗng, được đặt cả trước và sau ba người để giữ cho họ ngồi không ngã. Chiếc đèn dầu hắt sáng leo lét trong căn lều.
Underhill lập tức hiểu ba người này là ai. Không thể nào lại không biết điều đó. Anh ta nghe đài Hoa Kỳ hàng ngày và đọc các báo Mỹ rất sẵn ở các sân bay và khách sạn các nước. Các phương tiện thông tin đại chúng của Colombia cũng đưa tin về vụ bắt cóc gia đình một phát thanh viên nổi tiếng ở Mỹ.

Denis Underhill sợ run người. Trước đây anh ta cũng đã từng phạm tội – ai lái máy bay tuyến Mỹ La tinh mà chả vậy? Nhưng chưa bao giờ anh ta tham gia vào công việc đầy tội ác như vụ này. Không cần suy nghĩ anh ta cũng hiểu rằng, nếu ở Mỹ người ta biết việc anh ta chở người bị bắt cóc này, anh ta có thể phải ngồi tù suốt đời.

Anh ta cũng biết mấy người nữa cũng đang theo dõi hành vi của anh ta: đó là ba gã đàn ông và mụ đàn bà, lên máy bay ở Teterboro qua Opa Locka và tới Sion. Việc anh ta bước vào lều hình như cũng làm họ giật mình.

Đúng vào lúc đó, người phụ nữ nửa tỉnh, nửa hôn mê trên nền nhà cựa quậy. Chị ta ngẩng đầu một cách khó nhọc. Nhìn Underhill chị ta định thần, môi mấp máy nhưng không thành tiếng. Sau đó thều thào nói: "Giúp… làm ơn nói giúp…". Ngay sau đó, mắt chị ta dại đi, đầu lại gục xuống.

Từ phía bên kia, một người vội vã đi về phía Underhill. Đó là Miguel. Tay vung khẩu súng lục Makarov, hắn quát: "Xéo ngay".
Underhill đi ra, Miguel chĩa súng bước theo. Ra đến ngoài, Miguel nói giọng tỉnh khô: "Bây giờ nếu ta giết mi, cũng chẳng sao".

Underhill cảm thấy toàn thân tê dại. Anh ta nhún vai bảo: "Dẫu sao anh cũng đã giết tôi rồi, đồ khốn! Anh đã làm tôi dính liu vào vụ bắt cóc này; cho nên dẫu anh có giết tôi thì cũng là quái gì!". Anh ta nhìn khẩu Makarov khoá an toàn đã mở. Thế là đã rõ cả, anh ta nghĩ. Anh ta đã qua những tình thế hiểm ngèo, nhưng tình thế này xem chừng khó mà thoát được. Anh ta đã biết những tay giết người không gớm tay như gã Palacios này, cho dù hắn tên thực là gì đi nữa. Đối với chúng, mạng người chẳng có nghĩa lý gì, giết một sinh mạng thì cũng chỉ như nhổ nước bọt xuống đất mà thôi. Anh ta mong gã kia bắn trúng ngay, để anh ta có thể chết một cách nhanh chóng và không đau đớn… Tại sao hắn vẫn chưa bắn nhỉ?... Mặc dù nghĩ vậy, bỗng nhiên Underhill vẫn thấy sợ cứng người. Mồ hôi vã ra mà người anh ta lại run lên vì lạnh. Anh ta há miệng cầu xin, nhưng không thành tiếng vì mồm đầy nước nhãi. Anh ta nhận thấy, vì một lý do nào đó, kẻ đang chĩa súng vào anh ta hãy còn lưỡng lự.

Thực ra Miguel đang cân nhắc. Nếu giết viên phi công này, hắn sẽ phải giết nốt cả người lái phụ kia. Như vậy tức là chiếc máy bay sẽ còn ở đây; việc này tuy phức tạp nhưng hắn cũng có thể giải quyết được. Nhưng hắn biết rằng gã Colombia chủ chiếc máy bay này có nhiều bạn bè trong cacten Medellin; người này có thể gây chuyện rắc rối…
Miguel đóng khoá an toàn. Hắn nói giọng đe doạ: "Có thể anh nghĩ đã thấy gì đó, mà cũng có thể là không. Có thể trong suốt chặng bay này, anh không thấy gì hết".
Underhill chợt hiểu nay: chẳng biết tại sao, nhưng hắn ta đang cho mình một cơ hội thoát chết. Anh ta vội vã đáp, giọng đứt đoạn: :Đúng vậy! Tôi chẳng thấy quái gì cả".
"Đưa chiếc máy bay khốn kiếp ra khỏi đây ngay". Miguel gầm gừ: "Rồi giữ mồm miệng cho kín. Nếu không, tôi thề rằng dù anh đang ở đâu, tôi cũng sẽ tìm thấy và giết chết. Rõ chưa?".
Underhill nhẹ cả người nhưng vẫn còn run vì biết đây là lần đầu tiên trong đời anh ta kề bên cái chết, và lời đe doạ kia là thực. Vì vậy anh ta gật đầu trả lời: "Rõ". Sau đó anh ta xoay người trở lại đường băng.

* * *

Mây mù buổi sáng phủ trên khu rừng. Chiếc phản lực Leajet xuyên mây mù bay lên. Mặt trời đang lên lờ mờ trong mây mù, báo hiệu một ngày nóng như rang với những người dưới đất. Nhưng Underhill, trong khi thực hiện các thao tác bay một cách dễ dàng, lại đang nghĩ tới những điều sắp tới.

Anh ta tính toán rằng Faulkner đang ngồi bên cạnh không nhìn thấy những người gia đình Sloane bị bắt cóc ấy, và cũng chẳng biết việc đã xảy ra với Underhill trước đó mấy phút. Cứ nên như thế thì tốt hơn. Lúc này chẳng cần phải bảo với Faulkner rằng họ đã chở mấy cái hòm đựng mấy người bị bắt cóc; nếu anh ta không biết, thì sau này có thể anh ta sẽ thề trước toà là Underhill cũng không hề hay biết điều đó.

Anh ta tin rằng thể nào người ta cũng điều tra, và điều cơ bản là anh ta phải nhất quán trong lời khai: Anh ta không biết. Từ đầu cho đến cuối, anh ta phải nói không biết gì về vụ bắt cóc gia đình Sloane. Người ta có tin lời anh ta không? Có thể là không. Cũng chẳng sao, anh ta tin tưởng nghĩ thầm. Chừng nào chưa đủ bằng chứng để chứng minh điều ngược lại thì vẫn chưa sao cả.

Anh ta nhớ tới việc người phụ nữ đã nói với anh ta. Đọc các tin trên báo, anh nhớ tên chị ta là Jessica. Liệu chị ta có nhớ là đã thấy anh ta không? Sau này chị ta có thể nhận ra anh ta không? Xét theo tình trạng của chị ta lúc ấy, khó có thể chị ta sẽ nhận ra anh ta. Càng nghĩ, anh ta càng thấy khó có khả năng chị ta sống sót mà ra khỏi Peru.

Anh ta ra hiệu cho Faulkner lái thay. Ngả người trên ghế, nét mặt anh ta thoáng một nụ cười. Underhill không hề nghĩ rằng có thể cứu thoát được những người nhà Sloane; và anh ta cũng không nghĩ tới việc báo cho nhà chức trách biết ai đang bắt giữ họ, và giữ họ ở đâu.

1 Chúng tôi được lệnh phải giúp đỡ ngài khi ngài cần, thưa ngài.

2 Thưa bà, nơi tù binh của bà sẽ đến là Nuveva Esperanza. Lộ trình dài khoảng chín mươi cây số, phần lớn ở trên sông. Tàu thuỷ đã sẵn sàng.

3 Hãy bảo bọn đàn ông phải khiêng các quan tài thật cẩn thận, không được quăng quắt quá nhiều, và phải khiêng chúng vào trong lán.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 3

Sau gần ba ngày liên tục điều tra, đội đặc nhiệm của hãng CBA thu được một thành công quan trọng.

Ở Larchmont thuộc bang New York, người ta đã nhận ra tên khủng bố quốc tịch Colombia tên là Ulises Rodriguez đã tham gia vào vụ bắt cóc người nhà Sloane và có thể là kẻ cầm đầu nhóm bắt cóc.

Đúng như đã hứa, sáng chủ nhật hôm sau tại trụ sở hãng CBA người ta đã có được bức hoạ chì Rodriguez do một bạn học thuở sinh viên trường Đại học California của hắn vẽ cách đây khoảng hai mươi năm. Chủ nhiệm Karl Owens, người đã phát hiện ra tên của Rodriguez qua các đầu mối của ông ở Bogota và ở Sở di trú Hoa Kỳ, đã nhận được bức hoạ ấy và sau đó mang tới Larchmont. Một đội quay phim và một phóng viên tại New York được vội vã gọi về cùng đi với ông.

Trong tiếng máy quay đang rè rè chạy, Owens cho người phóng viên giơ sáu tấm ảnh cho bà Priscilla Rhea, một nhà giáo về hưu, người đã chứng kiến vụ bắt cóc ở bãi đậu xe Grand Union coi. Một tấm là ảnh Rodriguez, còn năm tấm ảnh khác chụp năm người đàn ông có khuôn mặt tương tự rút từ trong các hồ sơ lưu trữ ra. Bà Rhea lập tức chỉ vào ảnh Rodriguez.

“Người này. Hắn là người bảo là chúng đang quay một cảnh phim. Trong ảnh trông hắn trẻ hơn, nhưng đúng là hắn. Dù ở đâu tôi cũng nhận ra hắn”. Rồi bà nói thêm: “Lúc tôi thấy, hắn có vẻ là thằng cầm đầu”.

Tới lúc này, mới chỉ có CBA có được tin này. (Tất nhiên người ta không biết Rodriguez đang dùng tên khác là Miguel, hay trong chyến bay trên chiếc Learjet qua Peru, hắn tên là Pedro Palacios. Nhưng điều ấy không quan trọng, vì bọn khủng bố thường dùng nhiều tên khác nhau).
Cuối ngày chủ nhật, bốn thành viên của nhóm đặc nhiệm gồm Harry Partridge, Rita Abrams, Karl Owens và Iris Everly gặp nhau để trao đổi về phát hiện trên. Hài lòng vì đã giúp vào việc lần ra đầu mối, Owens đề nghị đưa tin mới này vào bản tin chiều thứ hai.

Trong khi Partridge còn lưỡng lự, Owens lập luận một cách chắc chắn: “Này nhé, Harry, chưa ai

biết tin này. Chúng ta có trước tất cả các hãng. Nếu ngày mai chúng ta phát tin, các hãng, kể cả thời báo New York và Bưu điện Washington dù họ không thích, cũng vẫn phải đưa tin của chúng ta và khâm phục hãng mình. Nhưng nếu chúng ta ghìm tin chờ đợi quá lâu, tin về Rodriguez sẽ lọt ra ngoài, và thế là chúng ta mất độc quyền. Anh cũng như tôi đều biết là mọi người thích đưa chuyện. Cái bà Rhea ở Larchmont ấy thế nào chả kể cho ai đó nghe, và người này lại đi kể lại với người khác. Mà ngay cả người của hãng chúng ta cũng hở chuyện, và rất có thể một hãng khác nghe được".
"Tôi ủng hộ ý kiến của Karl", Iris Everly nói. "Ngày mai tôi sẽ có bài tiếp theo, Harry ạ. Không có cái gã Rodriguez, tôi không có chất tin gì mới mà".
"Tôi hiểu", Partridge trả lời: "Tôi cũng đang nghĩ nên đưa tin sớm, nhưng cũng có một vài lý do cần phải chờ. Ngày mai tôi mới quyết định được".

Nghe anh nói thế, mấy người kia đành phải bằng lòng.
Partridge tự quyết định là Crawford Sloane cần được thông báo về phát hiện mới này. Anh lập luận rằng Crawf đang phải chịu đựng nỗi đau như thế, thì bất cứ một bước tiến nào, cho dù chẳng đi đến đâu, cũng sẽ làm cho anh ấy nhẹ bớt niềm đau. Mặc dù đã muộn – mười giờ khuya rồi – Partridge vẫn quyết định đến thăm Sloane. Rõ ràng anh không thể nói qua điện thoại, vì tất cả các cú điện thoại gọi tới nhà Sloane ở Larchmont đều được FBI nghe và ghi hết. Mà Partridge thì lại chưa muốn cho FBI biết tin tức mới này.

Sử dụng chiếc điện thoại trong văn phòng anh đang dùng tạm, anh gọi tài xế đưa xe của hãng CBA đến đón anh ở cổng chính toà nhà của Ban tin tức.

* * *

"Rất cảm ơn anh đã tới thăm, Harry ạ", Crawford Sloane nói sau khi nghe Partridge báo tin. "Ngày mai anh sẽ phát tin này chứ?".
"Tôi cũng chẳng biết nữa", Partridge nói cả hai lẽ, rồi thêm: "Riêng tôi muốn giữ kín tin đó".

Họ đang ngồi uống rượu trong phòng khách, nơi mà mới chỉ cách đây bốn tối, Sloane buồn rầu nghĩ, anh đã ngồi nói chuyện với Jessica và Nicholas sau khi anh từ trụ sở trở về.

Khi Partridge đi vào, một nhân viên FBI nhìn anh với vẻ dò xét. Tôi hôm ấy, Otis Havelock đã đóng chặt cửa phòng thông ra hành làng bên ngoài và hai người nói với nhau rất nhỏ:
"Dù anh quyết định thế nào, tôi cũng ủng hộ quyết định đó của anh", Sloane bảo: "Nhưng anh có đủ lý do để tin là chúng bay qua Colombia không?".

Partridge lắc đầu : "Chưa đâu, vì Rodriguez chỉ là tay đâm thuê chém mướn. Hắn hoạt động ở khắp Mỹ la tinh và ở cả châu Âu nữa. Vì vậy tội cần phải biết thêm, đặc biệt là hang ổ của bọn này hiện ở đâu. Ngày mai tôi sẽ tiếp tục điều tra qua điện thoại. Những người khác cũng thế".

Đặc biệt, Partridge muốn gọi điện cho ông luật sư thường bào chữa cho các nhân vật trong nhóm tội ác có tổ chức. Anh đã gọi cho ông này hôm thứ sáu, nhưng vẫn chưa thấy ông ta gọi lại. Linh tính cho anh biết rằng bất cứ ai, kiểu như Rodriguez hoạt động tại Mỹ, đều cần có liên hệ với một tổ chức tội ác nào đó.

Khi Partridge chuẩn bị ra về, Sloane đặt tay lên vai anh và nói: "Bạn Harry thân mến", anh nói giọng cảm động: "Tôi đã tin là cơ hội duy nhất để cứu thoát Jessica, Nicky và cha tôi chính là anh". Anh ngập ngừng, rồi nói tiếp: "Tôi nghĩ cũng có lúc tôi với anh không được thân thiết lắm, ngay cả chỉ là đồng minh cũng không. Trong chuyện đó có lỗi của tôi, và tôi xin lỗi anh. Nhưng gác chuyện đó ra, tôi chỉ muốn anh hiểu rằng hầu hết những gì tôi có và thương yêu trên thế giới này đang tuỳ thuộc vào anh".

Partridge cố tỉm từ để đáp lại, nhưng không được. Vì thế anh gật gật đầu, cũng vỗ vai Sloane và chào: "Chúc anh ngủ ngon".

* * *

"Bây giờ đi đâu, thưa ông Partridge?" Người tài xế của hãng CBA hỏi.
Đã gần nửa đêm, nên Partridge trả lời một cách mệt mỏi: "Anh cho tôi về khách sạn Intercontinental"

Ngả người trên ghế, nhớ lại những lời Sloane nói lúc chia tay, Partridge nghĩ: "Ừ đúng thật, mình không biết cái đau của nỗi mất mát, hoặc có khả năng mất người mà mình yêu". Trước đây, lâu lắm rồi, anh đã mất Jessica, nhưng cái đó làm sao sánh được với tình cảnh truyệt vọng của Crawf bây giờ. Rồi sau đó anh đã mất Gemma…

Anh ngừng không nghĩ tiếp. Không được! Anh không được nghĩ tới Gemma tối nay. Gần đây anh thường nhớ tới nàng rất nhiều… khi người mệt mỏi là anh lại nhớ, và cũng nỗi nhớ, bao giờ cũng là nỗi đau.
Và anh buộc mình phải nghĩ tới Crawf, người ngoài nỗi đau Jessica, còn thêm nỗi đau mất đứa con trai của mình. Bản thân anh cũng hiểu, chỉ một mất mát thôi cũng đã không chịu nổi, có lẽ là mất mát đau đớn nhất. Anh và Gemma đã mong mỏi có con…

Anh thở dài… Ôi, Gemma thân yêu!
Anh đành chịu thua, thả mình theo dòng suy tư, trong khi chiếc xe chạy êm như ru về Manhattan…
Anh nhớ mãi ngày ấy. Sau nghi lễ cưới đơn giản ở Panama City khi anh và Gemma đứng trước cha xứ, nói lời thề nguyền mộc mạc, Partridge tin rằng hôn lễ đơn giản thường đem lại hạnh phúc cho đôi lứa, trong khi đám cưới linh đình, màu mè như gánh xiếc thường đưa tới những cuộc ly hôn.

Anh thừa nhận nghĩ như vậy cũng hơi định kiến, chủ yếu từ kinh nghiệm bản thân. Lần cưới

trước ở Canada, bà mẹ cô dâu một mực đòi "đám cưới mặt toàn đồ trắng" trong đó có đủ lệ bộ phù dâu, vài trăm khách khứa và làm lễ ở nhà thờ. Trước đó, phải còn tập dượt như trong nhà hát, làm cho buổi lễ mất hết cả ý nghĩa. Sau đó, cuộc sống gia đình chẳng ra sao – mà Partridge thừa nhận ít ra anh cũng có lỗi năm mươi phần trăm. Và lần ấy, theo sự đồng ý của cả hai bên, họ nói lời thề thốt ấy trước sự hiện diện của ông chánh án: cái câu thề sáo rỗng "Sống với nhau đến khi nhắm mắt xuôi tay" ấy chỉ kéo dài được có một năm.

Nhưng sau lần cưới Gemma, ít ai có thể nghĩ lại bắt đầu trên chiếc chuyên cơ của Giáo hoàng, tình yêu của họ ngày càng thêm nồng làm cho cuộc sống gia đình càng thêm vững. Chưa khi nào trong đời Partridge cảm thấy hạnh phúc như vậy.

Anh tiếp tục làm phóng viên thường trú của CBA, tại Rome, nơi mà theo lời một đồng nghiệp làm cho hãng CBS đã nói, các phóng viên nước ngoài có thể "sống như vua chúa". Hầu như ngay sau chuyến đi theo Đức Giáo hoàng trở về, Partridge và Gemma tìm được căn hộ trong một toà nhà cổ xây từ thê kỷ XVI. Nằm giữa Spanisli Steps và Đài nước phun Trevi, căn hộ có tám phòng và ba ban công. Vào những ngày ấy, các hãng thông tấn xài tiền như nước; các phóng viên tự thuê lấy nơi ở và hãng sẽ trả lại tiền. Gần đây, do ngân sách có phần eo hẹp và các tay thủ quỷ cứ rền rĩ khi phải chi trả, các hãng cấp nhà cho phóng viên, tất nhiên là chất lượng nhà kém hơn và cũng rẻ hơn.

Khi nhìn qua căn hộ sẽ là nơi ở đầu tiên của hai vợ chồng, Gemma tuyên bố: "Ôi, Harry, tình yêu của em! Thật cứ như thiên đường. Em sẽ biến nơi này thành tổ ấm tuyệt vời của anh" và nàng đã làm được điều ấy.

Gemma rất giỏi làm người khác cười vui và yêu đời. Nàng cũng sắp xếp nhà cửa và nấu món ăn thật tuyệt. Nhưng Partridge cũng nhanh chóng phát hiện ra rằng nàng không thể quản lý tiền bạc hoặc cân bằng thu chi. Khi viết séc, Gemma thường quên không ghi lại trên phần cuống séc, do đó số dư trong tài khoản ngân hàng bao giờ cũng thấp hơn nàng tưởng. Ngay cả khi nàng nhớ ghi đi nữa, thì việc tính toán của nàng cũng không đáng tin cậy – đáng ra phải trừ đi thì nàng lại cộng vào, vì vậy luôn có chuyện giữa nàng và nhà băng. "Harry, - nàng phàn nàn sau khi bị ông quản lý nhà băng lên lớp đến nơi đến chốn, - mấy tay nhà băng chẳng có tình cảm gì cả…Họ… tiếng Anh nói thế nào hả anh?".

Anh thích chí nói: "Thực dụng phải không?". "Ôi, Harry, anh thật là thông minh. Đúng vậy". Gemma cả quyết nói. "các ông chủ nhà băng thật quá thực dụng".
Partridge tìm ra cách giải quyết dễ dàng. Đơn giản là anh phải nắm phần tài chính của gia đình; việc này xem ra chỉ là phần đóng góp nhỏ nhoi của anh để đổi lấy những điều thú vị mà nay anh có trong cuộc sống của mình.

Ở Gemma còn một vấn đề khác mà anh cần giải quyết tế nhị hơn. Nàng rất thích xe hơi; nàng sử dụng chiếc Alfa Romeo đã cũ và giống như những gười Italia khác, nàng lái xe phóng như điên dại. Ngồi cạnh nàng trong chiếc Alfa hay chiếc BMW của anh mà nàng rất thích lái, nhiều lúc Partridge phải nhắm mắt lại, tin rằng thế nào cũng bị tai nạn. Sau mỗi lần như thế, anh lại ví

mình như con mèo đang mất dần chín vía của nó.

Đến khi chỉ còn bốn vía, anh đánh bạo hỏi Gemma xem nàng có nghĩ tới việc thôi lái lấy nữa không. "Anh hỏi vậy vì anh yêu em vô cùng", anh nói để nàng an tâm; "mỗi khi xa em, anh luôn bị ám ảnh bởi những việc chẳng lành, sợ xe cộ có chuyện và em bị thương lúc anh về". Nàng gạt đi vì không hiểu ý anh: "Nhưng Harry, em có làm sao đâu, bởi vì em là người lái xe cẩn thận".

Đến đó thì Partridge đành phải thôi, nhưng tìm cách thỉnh thoảng nhắc lại chuyện ấy, có thay đổi trong cách nói là: Ừ thì Gemma đúng là lái xe rất an toàn, nhưng vì tự anh cứ thấy sợ nhũn cả người. Tuy nhiên, anh cũng chỉ nhận được một lời hứa có điều kiện: "Ôi, tình yêu của em, ngay khi em mang thai, em sẽ thôi không tự lái xe nữa. Em thề với anh như thế".

Điều này nhắc anh nhở đến hai vợ chồng mong muốn có con tới mức nào. "Ít nhất là ba đứa". Gemma tuyên bố ngay sau khi cưới, và Partridge chẳng có lý do gì để không tán thành.

Trong lúc đó, anh vẫn thường xa Rome để thực hiện các việc lấy tin của CBA, và thời gian đầu Gemma vẫn tiếp tục công việc chiêu đãi viên hàng không của nàng. Nhưng chẳng bao lâu họ thấy việc đó làm họ rất ít gặp nhau, bởi vì đôi lúc Partridge xong công chuyện trở về thì Gemma lại đang trên chuyến bay; những lúc khác lại ngược lại. Chính Gemma lại là người quyết định là nàng phải thôi bay để điều chỉnh cuộc sống của hai vợ chồng.

Thật may mắn là khi nàng xin thôi việc với hãng hàng không Alitalia, hãng đã giao cho nàng các công việc giúp nàng luôn có mặt tại Rome. Cả Gemma và Partridge đều mừng vì từ nay họ có nhiều thời gian bên nhau hơn.

Họ dùng thời giàn rỗi để thăm thú thành Rome, tìm hiểu lịch sử hàng ngàn năm của nó. Kết quả là Partridge phát hiện ra rằng đã thu thập được cả một kho tàng chuyện đáng giá.

"Hoàng đế Angustus, tức là con nuôi của Julius Caesar ấy, Harry ạ, đã dùng nô lệ lập một đội cứu hoả. Nhưng rồi có một đám cháy mà họ không dập tắt được, cho nên ông ta tống hết nô lệ ra, và dùng vigiles, tức dân tự do, vì họ làm tốt hơn. Đó là vì những người được tự do thực sự muốn dập tắt các đám cháy".

"Có đúng như vậy không?", Partridge nghi ngờ hỏi lại. Gemma chỉ cười, nhưng những nghiên cứu về sau đã cho anh thấy là nàng nói đúng, và việc chuyển sang dùng dân tự do làm thợ cứu hoả bắt đầu ở thế kỷ thứ VI sau công nguyên. Sau này, khi Liên hiệp quốc tổ chức một hội thảo về tự do ở Rome mà Partridge phải đưa tin, anh đã khéo léo đưa câu chuyện cổ về thợ cứu hoả vào trong bài viết cho bản tin CBA.

Vào một lần khác, nàng bảo: "Harry ạ, nhà thờ thánh Sistine dùng làm nơi chọn Giáo hoàng mới ấy mà, được đặt tên của giáo hoàng Sixtua IV. Ông này đã cấp giấy phép hành nghề cho các ổ chứa ở Rome, đã có nhiều con trai, trong đó một đứa là với em gái của ông ta. Ông ta đã

phong cho ba con trai ông làm Hồng y Giáo chủ".

Khi công việc và thời gian cho phép, Gemma và Partridge đi xa hơn, tới Florence, Venice và Pisa. Khi đang trên đường từ Florence trở về bằng tàu hoả, Gemma trông nhợt nhạt và mấy lần phải vào nhà vệ sinh. Lúc Partridge tỏ vẻ lo lắng, nàng gạt đi ngay: "Có lẽ em ăn phải thứ gì đó. Đừng lo anh ạ".

Khi xuống khỏi tàu ở Rome, Gemma trở lại bình thường, nên hôm sau Partridge lại đến văn phòng như thường lệ. Nhưng khi trở về vào buổi tối, anh ngạc nhiên thấy trên bàn ăn có thêm chiếc đĩa nhỏ trong có đựng chìa khoá chiếc Alfa Romeo của Gemma. Anh hỏi tại sao lại như vậy, thì Gemma mỉm cười và bảo: "Em giữ đúng lời hứa".
Mất một lúc anh vẫn chưa hiểu; nhưng rồi nhớ lại lời nàng "ngay khi em mang thai là em sẽ thôi không tự lái xe nữa". Lòng anh tràn ngập yêu thương và anh hét lên vui sướng.

Gemma giàn giụa nước mắt sung sướng khi họ hôn và ôm chặt lấy nhau.
Một tuần sau đó, Bản tin của hãng CBA cho Partridge biết anh sẽ không thường trú tại Rome nữa, mà chuyển sang việc khác quan trọng hơn, tức là phóng viên thường trú tại London.

Ý nghĩ đầu tiên của anh là không biết Gemma nghĩ thế nào về việc thuyên chuyển này nhưng thực ra anh đã lo vô ích.
"Tuyệt vời, Harry thân yêu", nàng bảo anh. "Em yên mến London. Khi còn làm ở Alitalia, em vẫn thường bay đến đó. Ở đó, chúng mình sẽ thoải mái lắm".

* * *

"Đến nơi rồi, thưa ông Partridge".
Đang ngồi nhắm mắt – mà anh định chỉ một lát thôi - trong chiếc xe của hãng CBA, Partridge mở choàng mắt. Xe họ đã tới Manhattan, đang ở phố Bốn mươi tám trước khách sạn Intercontinental. Anh cám ơn người lái xe, chúc ngủ ngon, rồi bước vào khách sạn.
Khi ở trong thang máy lên phòng, anh nhận ra đã là ngày thứ hai, bắt đầu của một tuần lễ có thể là rất quan trọng.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 4

Jessica đang cố hét sức để nhận biết, để giữ cho đầu óc tỉnh táo và hiểu những gì đang diễn ra xung quanh, nhưng không được. Cũng có những lúc nàng tỉnh, nhìn rõ người xung quanh và có cảm giác đau đớn, khó chịu, bụng quặn đau và khát khô nơi cổ. Nhưng ngay cả những lúc như vậy, một ý nghĩ luôn đến làm nàng hoảng hốt: "Nicky! Nó đang ở đâu? Chuyện gì đã xảy ra?". Nhưng rồi mọi việc nhanh chóng nhoà dần, bồng bềnh mờ mịt và xoay tít, làm đầu óc nàng mụ đi, chẳng biết ngay cả mình là ai nữa. Những lúc như vậy, nàng như ngập chìm trong làn nước bồng bềnh mờ đục

Tuy nhiên, ngay cả khi ở trạng thái nửa mê nửa tỉnh ấy, nàng vẫn cố nhớ tất cả những gì mà nàng chợt thấy. Nàng biết cái dây nối cắm vào tay nàng đã được gỡ đi, thay vào đó là cơn đau giật từng cơn. Nàng cũng nhớ là họ đã đưa nàng đi, chẳng biết là nàng tự đi hay họ khiêng nữa, tới cái chỗ nàng đang ở này, mà lúc chợt tỉnh nàng thấy là bằng phẳng. Nàng không chắc lắm, nhưng hình như đằng sau nàng là vật gì đó cứng cứng.

Giữa những ý nghĩ lộn xộn, khi nỗi kinh hoàng và khiếp hãi trở lại, nàng cố tự nhủ một điều nàng biết là quan trọng: hãy cứu mình!

Một điều nàng chắc là nàng đã nhìn thấy, và lúc này nhớ lại, khuôn mặt một người. Trông anh ta nhanh nhẹn và to khoẻ. Người cao, đầu hơi hói, dáng thẳng và trông có vẻ là kẻ có quyền hành. Chính ấn tượng này đã làm nàng cố nói chuyện với anh ta và cầu xin quíp đỡ. Nàng biết anh ta giật mình khi nghe tiếng nàng; phản ứng đó của anh ta cũng được nàng ghi nhớ, mặc dù lúc này anh ta đã mất dạng. Không biết anh ta có nghe rõ nàng không? Liệu anh ta có quay lại giúp nàng? Lạy Chúa, ai mà biết được?

Lúc này, nàng lại bắt đầu hồi tỉnh. Có một gã khác đang lom khom nhìn nàng. Gượm đã! Nàng đã thấy hắn trước đây, nhận ra khuôn mặt tái nhợt như xác chết của hắn. Đúng rồi, cách đây mấy phút, trong cơn tuyệt vọng, nàng đã vớ được con dao, rạch mặt hắn và đã thấy máu phun ra… Nhưng sao giờ không thấy vết máu nhỉ? Tại sao mặt hắn lại dính băng?

Nàng tự nhủ: Tên này là kẻ thù. Và nàng nhớ lại: hắn đã làm chuyện gì đó với Nicky! Ôi, nàng căm thù hắn biết bao. Lòng căm giận trào dâng làm nàng tỉnh hẳn, làm các cơ bắp của nàng hoạt động trở lại. Nàng vụt với tay, nắm miếng bông băng và giật tung ra. Đồng thời nắm tay nàng cắm sâu vào vết thương đang đóng vảy của hắn.

Baudelio nhảy giật lùi, miệng thét lên. Bàn tay đưa lên má loang đầy máu… Con đàn bà khốn kiếp! Nó lại làm mặt ta chảy máu. Theo bản năng, hắn vẫn nghĩ hắn là bác sĩ, còn nàng là bệnh nhân của hắn. Nhưng lúc này thì không! Tức điên người, hắn nắm chặt tay, vươn về phía trước và đấm nàng túi bụi.

Chỉ lát sau do bản tính nghề nghiệp, hắn lại thấy hối hận đã làm điều đó. Hắn muốn xem ba người bị bắt cóc này sẽ chịu đựng được bao lâu trước khi tỉnh lại; cho tới lúc này, họ đã qua được giai đoạn hôn mê không có vấn đề gì, tim mạch và nhịp thở của họ bình thường. Người đàn bà xem chừng tỉnh lại sớm hơn hai người kia. Hắn rầu rĩ nghĩ: nàng vừa chứng tỏ diều đó!

Tất nhiên họ sẽ chịu một vài biến chứng - từ kinh nghiệm gây mê của mình, hắn biết rõ điều đó. Trước tiên là cảm giác rối loạn thần kinh, theo sau là sự suy sụp về thể lực, người tê, đầu đau dữ dội và chắc chắn là cảm giác muốn nôn mửa. Cảm giác đại thể giống như dư vị đầy ói khó chịu của kẻ say rượu. Sẽ cần phải cho họ uống nước ngay: hắn sẽ phải chú ý việc đó. Nhưng không được ăn, ít nhất là cho đến khi họ tới nơi đã. Mẹ kiếp, lại phải ở như trại tù, hắn nghĩ.

Socorro xuất hiện cạnh hắn, hắn nói cho ả biết việc cần phải cho ba người uống nước. Ả gật đầu, rồi ra ngoài tìm. Thật trớ trêu, Baudelio nghĩ, ở giữa chốn rừng hoang ẩm ướt, thưa thớt dân cư này mà uống nước cũng khó tìm. Mặc dù có vô khối sông suối, nhưng nước đều nhiễm hoá chất như axit sunfuric, dầu và các phụ phẩm mà bọn buôn lậu ma tuý dùng để biến lá cây coca thành bột coca, từ đó làm ra coaine. Rồi còn nguy cơ bị sốt rét, thương hàn, nên ngay cả những nông phu nghèo đói cũng phải uống nước ngọt, bia và khi có điều kiện, uống nước đun sôi để nguội.

Đúng lúc ấy Miguel bước vào, kịp thấy chuyện giữa Jessica và Baudelio, và nghe thấy Baudelio bảo Socorro tìm nước. Hắn gọi với theo: “Lấy thêm dây trói tay bọn cặn bã này lại, trói giật cánh khỉ ấy”.
Quay qua Baudelio, hắn ra lệnh: “Chuẩn bị cho bọn tù này lên đường. Lúc đầu đi xe tải. Sau đó tất cả đi bộ”.

Jessica, lúc ấy đã giả bộ bất tỉnh, nghe thấy hết. Mấy cú đấm của Baudelio vô hình chung lại có ích: nó giúp đầu óc của nàng trở nên tỉnh táo hẳn. Bây giờ nàng biết nàng là ai, và trí nhớ trở lại. Nhưng bản năng mách bảo nàng lúc này cần thận trọng, chớ để lộ ra điều đó.
Nàng hiểu nàng đã sợ hãi đến hoảng loạn trước đó mấy phút, nhưng lúc này cần nhớ và suy nghĩ mạch lạc trước hết là nàng đang ở đâu? Tại sao nàng lại ở đây?

Các câu trả lời dần dần xuất hiện. .. Nàng nhớ lại mọi chuyện: siêu thí Grand Union, và tin Crawford bị tai nạn người ta báo với nàng rõ ràng là nói dối. Rồi ở bãi đậu xe, chúng đã dùng vũ lực bắt nàng, Nicky và… Ồ, Nicky! Nó có bị sao không? Nó đang ở đâu?

Vẫn cố kiềm chế mình, nàng nhớ đã thoáng thấy Nicky bi trói ở trên giường; cả Angus nữa. Ôi, tội nghiệp Angus! Nàng đã thấy họ lúc nàng vật lộn và rạch mặt gã nọ. Nàng vẫn ở chỗ đó ư?

Nàng cho là không. Điều quan trọng hơn là Nicky có ở chung chỗ với nàng không? Đầu vẫn cúi thấp, nàng hé mắt nhìn quanh. Lạy chúa, Nicky ở ngay kế bên. Nó đang chớp mắt liên tục và ngáp. Còn Angus đâu? Kia rồi! Ông ở cạnh Nicky, mắt nhắm nghiền, nhưng nàng có thể thấy ông còn thở.

Vậy thì tại sao chúng lại bắt cóc ba người ? Nàng tự bảo chưa trả lời câu hỏi đó vội. Cần phải biết ngay bây giờ họ đang ở đâu? Liếc nhanh xung quanh, nàng thấy một căn phòng nhỏ hơi tối, không có cửa sổ, được chiếu sáng bằng một chiếc đèn dầu. Tại sao không có điện nhỉ? Nàng cảm thấy họ đang ngồi trên sàn đất, cảm thấy có con gì bò khắp người nhưng nàng cố không nghĩ đến chúng. Cái nóng đến nhớp nháp kinh người làm nàng không hiểu tại sao, vì tháng chín năm nay lạnh khác thường và nàng chưa nghe dự báo thời tiết sẽ thay đổi.

Đây là nơi khác, chứ không phải chỗ Nicky và Angus bị trói khi trước. Vậy bằng cách nào họ lại ở đây? Nàng bị đánh thuốc mê chăng? Ý nghĩ đó làm nàng nhớ lại miếng gạc chúng bịt mũi nàng khi nàng bị lôi vào chiếc xe ở bãi đậu xe Grand Union. Sau đó, nàng chẳng nhớ gì nữa khi ở trong xe. Rõ ràng nàng bị đánh thuốc mê và có lẽ cả hai ông cháu cũng vậy. Nàng mê man bao lâu? Có lẽ khoảng nửa giờ, nàng ước tính, nhiều lắm là một giờ. Việc bắt cóc này vừa mới đây thôi, cho nên không thể là hơn một tiếng được.

Như vậy, rất có thể là họ vẫn còn cách Larchmont không xa, có lẽ đang ở một nơi nào đó thuộc bang New York, New Jersey hoặc Connecticut. Jessica nghĩ tới Massachusettes và Pennsylvania, nhưng gạt đi ngay. Hai nơi đó có vẽ quá xa. Đột nhiên nàng nghe tiếng người nói: “Con chó cái ấy giả vờ chết ngất”, Miguel bảo.
“Tôi biết chứ”, Baudelio trả lời “Nó đã tỉnh hoàn toàn và nó nghĩ mình khôn ngoan. Nó nghe hết mọi chuyện giữa tôi và ông”.
Miguel dùng chân phải đạp giày đã vào sườn Jessica: “Đứng dậy, đồ chó. Còn phải đi nữa”.

Cú đá làm Jessica co rúm người lại. Vì có giả bộ cũng chẳng ăn thua gì, nàng ngẩng đầu và mở mắt. Nàng thấy hai thằng đang nhìn nàng: một tên là đứa đã bị nàng rạch vào mặt, còn tên kia nàng đã thoáng nhìn thấy trên xe. Miệng khô đắng, giọng hổn hển, nàng cố sức bảo: “Các ông sẽ hối hận việc này. Các ông sẽ bị bắt và trừng trị”.

“Câm mồm”, Miguel quát, dùng chân đã vào bụng nàng. Từ giờ trở đi, mày chỉ được phép nói khi được hỏi, nghe chưa!”.
Nàng nghe tiếng Nicky cựa quậy bên cạnh và hỏi: Có chuyện gì thế hả mẹ? Chúng ta đang ở đâu?”. Nàng cảm thấy trong giọng nói của con nàng nỗi hoảng sợ mà nàng đã trải qua.

Người trả lời lại là Angus, giọng nhỏ nhẹ: “Cháu ạ, theo ông thì chúng ta đang bị một bọn người xấu xa bắt cóc. Nhưng cháu cứ bình tĩnh. Hãy cứng cỏi lên. Cha cháu sẽ tìm được chúng ta”.
Jessica, vẫn còn đau quặn vì cú đá hiểm, cảm thấy có bàn tay đặt lên tay mình và nghe tiếng Nicky hỏi: “Mẹ không sao chứ?”.
Nàng chảy nước mắt khi nghĩ Nicky đã biết lo cho mẹ. Quay sang con, nàng gật đầu cho nó an lòng, nhưng lại thấy Nicky cũng bị đá. Trong giây phút hoảng sợ, nàng nghĩ: Tại sao con nàng bị

đá đau thế?
Miguel gầm lên: “Thằng nhãi con, mày cũng phải câm mồm nghe không! Nhớ đấy”.
“Ồ nó sẽ nhớ điều đó”. Angus trả lời, giọng khô và đứt đoạn, nhưng mang vẻ khinh bỉ. “Làm sao quên được cái đồ cặn bả không phải giống người, anh hùng đến nỗi đá cả một phụ nữ và một đứa trẻ hoạ vô đơn chi?”. Ông già cố gắng định đứng dậy.

Jessica hổn hển nói: “Đừng, ba”. Nàng biết không nên làm gì trong tình thế này. Những lời sỉ vả càng làm tình hình xấu thêm.
Angus loạng choạng đứng dậy. Trong lúc đó, Miguel nhìn quanh, vớ một cành cây nằm lăn lóc trên nền nhà. Hắn bước đến và thẳng tay nện tới tấp vào đầu và vai Angus. Ông già lại khuỵu xuống, con mắt bị đánh nhằm nghiền, miệng rên rỉ đau đớn.
“Đó là bài học cho tất cả chúng mày”, Miguel gầm lên: “Hãy câm họng”. Hắn quay sang bảo Baudelio: “Chuẩn bị cho chúng lên đường”.
Socorro trở lại, tay bê chiếc bình đựng trong cái giỏ đan bằng cành liễu và tay kia cầm một đoạn dây thô.
“Trước hết hãy cho chúng uống nước”, Baudelio bảo. “Nếu như ông muốn chúng sống” hắn nói thêm, giọng dẫn dỗi.
“Hãy trói tay chúng lại đã”, Miguel ra lệnh: “Tôi không muốn có chuyện lôi thôi”.
Hắn càu nhàu bỏ đi. Bên ngoài, mặt trời đã lên cao; không khí nóng ẩm bảo phủ mọi vật.
* * *

Jessica cứ quanh quẩn với ý nghĩ không biết họ đang ở đâu? Mấy phút trước đó, nàng cùng Nicky và Angus được đưa ra khỏi cái nơi mà nàng nhận ra là chiếc lán làm vội, rồi lên xe tải không mui bụi bặm, chất đầy các thứ hòm xiểng linh tinh. Sau khi bị trói tay quặt sau lưng, ba người bi điệu ra khỏi lán, rồi bị nhét bừa lên phía sau xe. Khoảng sáu bảy gã áo quần pha tạp đủ loại, chắc là đám nông phu, tay cầm súng cũng leo tên theo, cuối cùng là thằng mà Jessica thầm đặt cho cái tên “mặt bị rạch” và một tên nữa mà nàng nhớ hình như đã gặp. Sau đó, thành sau xe bị đóng và khoá chặt lại.
Trong khi đó, nàng tập trung quan sát xung quanh , cố nhìn càng nhiều càng tốt, nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Không một bóng dáng nhà tầng, chỉ thấy toàn rừng rậm và một lối mòn bụi đất. Nàng cũng thử nhìn biển số của xe, nhưng nếu xe có biển số đi nữa thì cũng đã bị thành xe phía sau che khuất.
Sau khi được uống nước, Jessica cảm thấy người khoẻ khoắn hơn. Trước khi ra khỏi lán, Nicky và Angus cũng được uống nước; người cho họ uống là con mụ mặt quàu quạu mà Jessica nhớ là đã thấy, có lẽ lúc nàng dùng dao rạch mặt gã đàn ông nọ.
Vì cả hai đều là phụ nữ, nàng liền thử bắt chuyện. Vừa uống nước trong chiếc ca nhôm móp mép, nàng vừa nói nhỏ với mụ kia: “Cảm ơn chị. Xin chị hãy cho tôi biết chúng tôi đang ở đâu và tại sao lại ở đây”.
Nàng hoàn toàn bất ngờ trước cái lối trả lời hết sức thô bạo. Đặt cái ca xuống, ả giáng cho nàng hai cái tát méo cả mặt. Rồi ả ít lên: “Mày đã nghe lệnh rồi chứ? Câm họng. Mày mở mồm lần nữa thì sẽ không được uống nước cả ngày”.
Sau đó, Jessica giữ im lặng. Cả Nicky và Angus cũng vậy.
Vẫn ả đó lúc này đang ngồi ở ghế trong cabin cạnh lái xe đang khởi động máy. Cả tên đã đá

Jessica, Nicky và đánh Angus cũng đang ngồi đằng tước. Jessica nghe chúng gọi tên hắn là Miguel và hắn có thể là tên cầm đầu. Chiếc xe bắt đầu chạy, nhảy chồm chồm trên mặt đất gồ chề lồi lõm.
Ngoài trời còn nóng hơn khi ở trong lán. Ai nấy đều mồ hôi nhễ nhại. Vậy thì ta đang ở đâu? Càng ngày Jessica càng thấy khó có khả năng họ đang ở bang New York. Nàng không thể nghĩ ra nơi nào, vào thời gian này trong năm, lại nóng như thế này. Trừ phi…
Nàng tự hỏi có phải nàng và hai người kia đã bị mê man vì thuốc mê lâu hơn nàng nghĩ không? Và nếu vậy, có thể họ bị đưa tới một nơi xa hơn về phía nam, chẳng hạn bang Georgia hoặc Arkansas?
Trong khi tiếp tục lần manh mối, nàng nghe thấy những lời trao đổi giữa mấy gã mang ủng. Nàng nhận ra họ nói với nhau bằng tiếng Tây Ban Nha, và tuy không nói được tiếng đó, nàng cũng hiểu lõm bõm.
"Maltido camion! Me hace dãno en la espalda"… "Por qué note acuestas encima de la mijer? Ella es una buena almohada". Xen giữa giọng vười khàn khàn "No, esperare hasta que tormine el viaje! Entonces, ella debe tener cuidada!"… "Los Sinchis, esos cabrones torturaraon a mi herman antes matarlo"… "El réo no puede llegar an pront côm you desearia que lleagra La selva vy y oye todo"… (1).
Nàng nghe chúng nói chuyện, nàng cho rằng chúng là dân mới nhập cư; có rất nhiều dân Hispanic hiện đang tràn vào Mỹ. Nàng chợt nhớ lại gã đàn ông lẽo đẽo theo nàng ở siêu thị Larchmont. Hắn nói tiếng Anh đặc giọng Tây Ban Nha. Việc đó có quan hệ gì với vụ bắt cóc không? Nàng không nghĩ là có.
Nhắc đến Larchmont làm nàng nhớ tới Crawf. Chắc anh phải đau khổ lắm. Angus đã nói với Nicky khi còn ở trong lều: "Cha cháu sẽ tìm thấy chúng ta". Lúc này chắc chắn Crawf đang kiếm họ; mà anh có thế lực và nhiều bè bạn có chức có quyền hẳn sẽ giúp anh. Nhưng liệu họ có biết là ba ông con hiện ở đâu không? Dù sao nàng cũng phải biết nàng đang ở đâu và tìm cách nào đó trở về Crawf.
Angus cũng nói với Nicky là họ bị bắt cóc. Trước đấy, Jessica không hề nghĩ tới điều đó vì chẳng có thời gian nhưng nàng cho rằng Angus nói đúng. Nhưng bắt cóc để làm gì? Để đòi tiền chuộc chăng? Đó chẳng phải vẫn thường là lý do đó sao? Ừ thi gia đình Sloane đúng là có tiền, nhưng đâu phải là nhiều theo kiểu Crawf đôi khi nói đến là "tiền của tư bản công ngiệp" và tư bản tài chính"…
Làm sao có thể, Jessica nghĩ, mới chỉ tối hôm qua (nếu đúng là tối hôm qua , vì nàng mất hết khái niệm về thời gian) chính Crawf đã nói tới khả năng anh có thể bị bắt cóc…
Nàng không còn suy nghĩ nổi nữa khi nhìn thấy Nicky. Vì xe chạy, Nicky không giữ được thẳng người do hai tay bị trói, nó trượt ngã sóng xoài, nên mỗi lần gặp chỗ xóc đầu nó lại đập xuống sàn xe.
Khắc khoải vì không làm gì được giúp con, Jessica vừa định phá vỡ im lặng và cầu xin thằng "mặt bị rạch" thì thấy một gã cầm súng cũng nhận biết tình cảnh của Nicky, nên gã bước về phía đó. Hắn dựng Nicky dậy, xoay lưng nó dựa vào một bao tải, chân chống vào chiếc hộp để nó khỏi bị tuột như trước. Jessica nhìn hắn mỉm cười cảm ơn, và hắn đáp lại bằng cái gật đầu nhè nhẹ. Việc tuy nhỏ, nàng nghĩ, nhưng cho thấy ít ra cũng còn kẻ có tình người trong số những tên tàn bạo này.
Gã nọ vẫn ngồi cạnh Nicky. Hắn lúng túng nói mấy từ Tây Ban Nha mà Nicky hiện mới bắt đầu

học thứ tiếng ấy có vẻ như hiểu được. Trên đường xe chạy, hắn và cậu bé còn nói chuyện với nhau hai lần nữa.
Sau khoảng hai mươi phút, con đường xe chạy mất hút trong rừng và xe dừng lại. Jessica, Nicky và Angus lại bị điệu ra khỏi xe. Trong lúc họ đang đứng, Miguel từ đầu xe đi tới và ra lệnh cộc lộc: "Từ đoạn này bắt đầu cuốc bộ".
Gustavo và hai thằng nữa mang súng dẫn mọi người theo con đường xuyên rừng gồ ghề rất khó nhận biết. Họ phải vạch lá mà đi, và tuy có tán lá che phủ, vẫn nóng hầm hập, lại thêm tiếng côn trùng kêu ra rả không ngớt.
Đôi lúc, ba người đi sát nhau. Nicky nói nhỏ: "Đường này dẫn ra sông đấy, mẹ ạ. Sau đó chúng sẽ đi bằng thuyền".
Jessica thì thầm hỏi: "Người kia bảo con thế à?".
"Vâng".
Một lát sau, Jessica nghe Angus thầm thì: "Ông rất hãnh diện về cháu, Nicky ạ. Cháu thật can đảm".

Từ lức rời lán đến giờ, Jessica mới nghe thấy tiếng Angus. Nàng nhẹ người khi thấy ít ra ông cũng trụ được, mặc dù nàng sợ rằng những điều khủng khiếp họ phải trải qua này sẽ tác động mạnh đến ông, và cả đến Nicky nữa. Jessica vẫn lẩn quẩn nghĩ đến việc giải thoát. Liệu có cơ may nào không? Nếu có thì khi nào, và bằng cách nào?
Nicky chờ có dịp liền trả lời ông, giọng dịu dàng: "Chính ông dạy cháu như vậy. Ông bảo khi sợ hãi thì cần phải can đảm".

Lòng đầy xúc động, Jessica nhớ lại câu chuyện bốn người trong đó có Crawf, nói với nhau trong bửa ăn sáng về vụ đánh bom ở Đức… ở Schweinfut thì phải? Nicky nói lại giống hệt câu mà Angus nói lúc đó. Bữa sáng hôm nào nhỉ? Hôm nay, hôm qua, hay hôm trước nữa?... Nàng lại nhận thấy mình mất hết khái niệm về thời gian.
Lát sau, Nicky hỏi: "Ông không làm sao chứ". Ông vẫn còn sống cháu ạ". Dừng một lát, ông hỏi: "Jessica, con có sao không?".
Đợi lúc có dịp, nàng trả lời: "Con vẫn đang cố đoán xem ta đang ở đâu. Ở Georgia, Arkansas hay ở đâu?".
Câu trả lời lại của Nicky: "Chúng đưa mình khỏi Mỹ rồi mẹ ạ. Chú kia bảo con thế. Hiện nay chúng ta đang ở Peru.

1. Cái xe chết tiệt này, nó làm tớ đau nhừ lưng. Vì sao họ đãn nhìn thấy cậu nằm trên đàn bà nhỉ? Cô ta sẽ là một chiếc gối êm"… "Không, tớ sẽ không đợi cho tới khi cuộc hành trình kết thúc. Khi ấy, cô ta ắt đề phòng"… "Bọn Sanchis, cái bọn đểu cáng ấy, đã tra tấn anh trai tớ trước khi giết chết anh ấy"… "Tên tội phạm không thể đến sớm hơn điều tớ mong muốn: tớ đã đến khu rừng, nhìn và nghe tất cả…

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 5

"Lúc sáng" Teddy Cooper nói với những chàng trai, cô gái nét mặt chăm chú đang ngồi thành hàng trước mặt anh, "tôi định bụng đứng dậy và bịa ra một chuyện dớ dẩn nào đó để giải thích lý do các bạn được huy động và những việc các bạn sẽ phải làm. Hệt như một hằng ngốc thực sự, tôi cho rằng tôi đã nghĩ ra được câu chuyện với nhiều tình tiết có sức thuyết phục. Nhưng cách đây mấy phút, sau khi nói chuyện với các bạn, tôi hiểu rằng các bạn đâu phải là loại dễ bị bịp. Vả lại, tôi tin rằng một khi các bạn biết rõ sự thật, các bạn sẽ sốt sắng, kín tiếng và sẵn sàng bắt tay vào việc. Vậy thì các chảng trai và các cô gái, xin hãy ngồi ngay ngắn nào. Các bạn sẽ được nghe hết sự thật, vì chúng tôi tin các bạn".

Cách mào đề có vẻ được, vì họ mỉm cười và tiếp tục chăm chú lắng nghe.

Lúc đó là chín giờ rưỡi sáng thứ hai. Trong vòng nửa giếng, sáu mươi chàng trai và cô gái (tỷ lệ nam nữ ngang nhau) đã có mặt tại Ban tin tức của hãng cba. Bác Arthur đã gọi điện thoại suốt cả tối chủ nhật để huy động cho đủ số cần thiết. Bây giờ tất cả đã tề tựu đông đủ trong toà nhà ngang cách trụ sở Ban tin một dãy; chỗ này cũng là nơi thứ năm trước đó Crawford Sloane dùng làm nơi họp báo. Những chiếc ghế xếp lại được đem ra đặt trước một cái bục trên sân khấu.

Phần lớn bọn họ khoảng hai mươi hai tuổi, vừa tốt nghiệp đại học với kết quả học tập tốt. Họ nói năng gãy gọn, có ý thức ganh đua và nôn nóng được làm trong hãng vô tuyến truyền hình.

Độ một phần ba là người da đen, trong đó có một cậu mà bác Arthur đặc biệt lưu ý Cooper, tên là Jonathan Mony. "Anh có thể sử dụng Jonathan theo dõi chung", ông già bảo Cooper. "Tốt nghiệp khoa báo chí Đại học Colombia, cậu ta hiện đang làm chân chạy bàn trong khách sạn vì cần tiền. Nhưng nếu anh cũng có ấn tượng tốt về cậu ta như tôi, thì khi xong việc này, chúng ta tìm cách nào đó đưa cậu ta vào làm ở cba".

Mony là một trong những người sáng nay đến sớm nhất. Cậu có vóc dáng nhanh nhẹn của một cầu thủ bóng rổ chuyên nghiệp, đường nét thanh tú, đôi mắt táo bạo và tự tin. Giọng cậu trầm ấm, nói năng khúc triết, chưa pha tiếng lóng nghề nghiệp. Sau khi tự giới thiệu tên họ của mình, câu đầu tiên cậu hỏi Cooper là: "Tôi có thể giúp anh chuẩn bị không?".

Cooper thấy mến ngay chàng trai, nên trả lời: "Thế thì hay quá" và đưa cho cậu một tập tờ khai

mà cba muốn mọi người điền vào đầy đủ. Mấy phút sau, Mony dẫn những người đến sau vào chỗ ngồi và giảng giải cách khai trong tờ giấy mà cậu vừa mới liếc qua trước đó.

Sau đó, Cooper bảo Mony gọi điện thoại tới hai địa chỉ báo cho hai người. Không hỏi gì cả, Mony gật đầu và biến mất. Một lát sau, cậu trở lại thông báo: "Xong rồi, anh Cooper ạ. Cả hai người đều trả lời sẽ tới".
Đó là chuyện cách đây mười phút. Bay giờ Teddy Cooper vẫn đang dở khúc dạo đầu, thỉnh thoảng lại dừng lại để theo dõi phản ứng của người nghe sau câu "các bạn sẽ được nghe toàn bộ sự thật, vì chúng tôi tin các bạn".
"Đó, chúng ta làm những việc này vì có vụ bắt cóc bà Crawford Sloane, cậu Nicholas Sloane và ông Angus Sloane mà chắc hẳn các bạn đã nghe. Việc các bạn sắp làm là nhằm giúp các nạn nhân bị bắt cóc, vì vậy cực kỳ quan trọng. Sau khi rời chỗ này, các bạn sẽ phân tán đi văn phòng các báo địa phương và một số thư viện. Ở đó, các bạn sẽ đọc tất cả các số báo xuất bản trong ba tháng qua. Không chỉ đọc, mà phải dò tìm manh mối dẫn chúng ta tìm được bọn bắt cóc. Tôi sẽ nói rõ thêm với các bạn về cách thức tìm".

Sự chú ý của những người đang ngồi trước mặt anh tăng lên, cùng với tiếng rì rầm bàn luận; nhưng khi Cooper tiếp tục, mọi người trở lại yên lặng ngay. "Sau khi nghe tôi trình bày, các bạn sẽ chia thành nhiều nhóm và sẽ được thông báo đại thể về việc tới đâu và làm gì. Sáng nay, chúng tôi đã gọi điện thoại báo trước cho một số toà báo, họ tỏ ý sẵn dàng hợp tác và sẽ đón các bạn. Ở những nơi khác, các bạn phải tự giới thiệu, nhớ nói là đại diệnn của cba. Tước khi đi, các bạn sẽ được phát thẻ ra vào của cba. Các bạn nhớ giữ kỹ, vì đó có thể là vật kỷ niệm cho con cháu các bạn".

"Về việc đi lại, chúng tôi đã bố trí xe đưa đón hàng ngày, và sẽ đỗ cho các bạn xuống ở nơi các bạn phải đến. Sau đó, các bạn được tự do lo liệu. Bạn nào có sáng kiến gì hay, xin tuỳ ý. Một số bạn sẽ phải đi bằng xe buýt hoặc tàu hoả. Cba sẽ chịu trách nhiệm thanh toán".
"Cuối ngày, các bạn không cần quay lại đây nữa, nhưng phải báo cáo cho chúng tôi qua điện thoại, và nếu phát hiện điều gì quan trọng thì phải báo ngay lập tức. Chúng tôi sẽ ghi cho các bạn số điện thoại của hãng".

Cả ngày chủ nhật và sáng sớm hôm nay, Cooper cùng hai cộng sự và một thư ký lấy trong số nhân viên mới của hãng đã sắp đặt tất cả những việc mà anh vừa trình bày. Vô số công việc hậu trường, như gọi điện cho các toà báo, hiện vẫn đang tiếp tục.
"Bắt đầu là như vậy", Cooper tuyên bố. "Bây giờ chúng ta mới vào việc chính. Các bạn sẽ nhận được một số giấy tờ. À, đây rồi, đây là những giấy đó!".

Anh chàng Jonathan Mony nhanh nhẹn ấy đang còn bàn luận gì đó với các cộng sự của Cooper ở phía bên kia phòng họp. Lúc này cậu ta trở sang, tay bê một tập giấy nặng; đó là bản kế hoạch hoạt động cùng những điều hướng dẫn do Cooper soạn ra hôm qua và được in ngay trong đêm. Mony bắt đầu phát cho các bạn.

"Khi các bạn tới các toà báo", Cooper nói, "trước hết hãy xin xem các số báo xuất bản trong ba

tháng sau, tính từ thứ năm vừa rồi, tức là từ mươi bốn tháng sáu. Sau khi có các số báo, hãy giở đến mụcc quảng cáo nhà đất ; chú ý các quảng cáo cho thuê nhà máy nhỏ, hoặc nhà kho, hoặc các toà nhà to cũ kỹ, nhưng không phải chỉ có thế thôi đâu. Nào, để cụ thể, xin các bạn xem trang một của tập các bạn vừa được phát".

Trong khi giải thích lập luận và kế hoạch của mình, Cooper cảm thấy hài lòng về quyết định nói toàn bộ sự thật. Tất nhiên, anh phải cân nhắc thận trọng, xem nên nói đến mức độ nào, nhưng việc không phải bịa ra câu chuyện là cho sự thể đơn giản hơn nhiều. Làm như vậy đương nhiên là cũng mạo hiểm. Chẳng hạn, rất có thể những việc cba đang làm sẽ bị lộ và đối thủ của nó, thí dụ một hãng khác, sẽ công bố kết quả thâu lượm được, hoặc cũng tiến hành việc làm tương tự của mình. Cooper định sẽ yêu cầu những người này cẩn thận đừng để lộ chi tiết nào trong việc này cả cba. Anh hy vọng lòng tin của anh đối với họ có cơ sở. Quan sát họ, lúc này vẫn đang chăm chú đọc và đa số đang ghi chép, anh càng tin điều đó.

Cooper cũng để ý nhìn cửa ra vào. Cú điện thoại mà anh bảo Mony gọi là cho Harry Partridge và Crawford Sloane, đề nghị hai người ghé qua chỗ họp. Anh rất hài lòng khi cả hai nhận lời. Hai người cùng đến một lúc. Đang miêu tả địa bàn mà anh tưởng tượng bọn bắt cóc sẽ hoạt động, anh dừng lại và chỉ tay ra cửa. Mọi người quay ra nhìn, và mặc dù họ rất tế nhị, vẫn nghe thấy tiếng trầm trồ khi Sloane bước vào, đằng sau là Partridge.

Rất trân trọng, Cooper bước từ bục xuống. Anh không có ý định giới thiệu xướng ngôn viên của chương trình Tin buổi chiều của cba, mà tránh qua bên nhường chỗ. "Chào anh, Teddy", Sloane nói: "Anh muốn tôi làm gì bây giờ nao?". "Dạ, tôi nghĩ mọi người muốn gặp anh".
Sloane hỏi nhỏ: "Anh đã cho mọi người biết đến đâu rồi?".
Partridge tới bên họ, gần chiếc bục và đang lắng nghe.
"Hầu như toàn bộ. Tôi cho rằng họ sẽ sốt sắng hơn kh biết rõ sự việc; và chúng ta cần tin họ".
"Tôi cũng thấy như thế", Partridge nói.
Sloane gật đầu: "Tôi cũng vậy". Anh đi về phía hàng ghế chứ không đứng lên bục. Mặt anh nghiêm trang, không ai lại nghĩ anh sẽ cười đùa, vui vẻ vào ngày hôm nay. Giọng nói của anh cũng hợp với nét mặt trang nghiêm ấy.
"Thưa các anh, các chị. Có thể trong những ngày tới, những việc một hay một vài người trong các anh, các chị sắp là sẽ trực tiếp góp phần cứ thoát vợ, con và cha tôi. Nếu điều may mắn ấy đến, xin các anh, các chị tin rằng tôi sẽ tìm cảm ơn từng người một. Vào lúc này, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn của tôi với việc các anh, các chị đã tới giúp đỡ, và chúc mọi người mạnh khoẻ. Chúc các anh, các chị gặp điều may mắn".

Sloane đứng lại trong khi nhiều người đứng dậy, bước ra khỏi ghế, bắt tay anh và lựa lời an ủi. Teddy Cooper thấy mấy người rưng rưng nước mắt. Cuối cùng Sloane vẫy tay tạm biệt và ra về cũng lặng lẽ như lúc tới. Partridge, sau khi đã bắt tay và nói chuyện với mấy người, cũng cùng ra theo.
Cooper lại tiếp tục giải thích những gì các tay điều tra mới tinh này cần phải tìm kiếm. Khi anh nỏi có ai hỏi gì không, có tới mấy người cùng giơ tay.

Một cậu mặc ao chui cổ in chữ "nyu" – Đại học New York – là người hỏi đầu tiên: "Được rồi, cứ cho là chúng tôi tìm được mẩu quảng cáo khớp với những điều anh vừa nói, và đó có thể chính là nơi ta đang tìm. Chúng tôi sẽ gọi điện thoại báo cho anh. Rồi sau đó làm gì?".
"Thế này nhé", Cooper trả lời. "Chúng ta sẽ tìm xem ai quảng cáo cái đó. Thường vẫn ghi ngay trong quảng cáo, các anh báo cho chúng tôi biết. Nếu không có tên, mà chỉ ghi sổ đăng ký, thì cố hỏi toà báo xem. Nếu họ không chịu nói, thì chúng tôi sẽ làm việc với họ".
"Và sau đó?".
"Nếu dược, chúng ta sẽ gọi điện thoại cho người quảng cáo và hỏi một số câu. Nếu không, chúng ta sẽ trực tiếp đến chỗ họ. Rồi, nếu tin tức thu được xem ra là khả quan, chúng ta sẽ tới xem nơi họ quảng cáo cho thuê. Tất nhiền phải rất thận trọng".
"Anh nói là "chúng ta" đúng không?", một cô gái mặc bộ đồ màu be rất mốt hỏi tiếp: "Chúng ta" đây là nói anh và mấy vị tai to mặt lớn của hãng, hay là cả chúng tôi cũng tham gia vào công việc thú vị ấy?".
Mọi người hò reo và cười, Cooper cũng hoà theo. Anh trả lời: "Nói thật với bạn nhé, tôi là người tai bé mặt nhỏ thôi. Và bạn cẩn thận đứng nói nhầm đấy"2 (Mọi người cười ầm lên). "Nhưng tôi có thể hứa với các bạn là trong chừng mực có thể được, chúng tôi sẽ để các bạn, nhất là các nào tìm ra manh mối cùng tham gia các giai đoạn tiếp theo. Lý do là chúng tôi cần các bạn. Chúng tôi không có đủ người để làm việc này, vì vậy, khi đã tìm thấy mục tiêu, chắc là các bạn sẽ được lao tới!".
"Đến giai đoạn đó, sẽ có người quay hình chứ?", một cô tóc hung, người nhỏ nhắn hỏi.
"Bạn định hỏi là bạn có được quay vô tuyến không chứ gì?".
"Đại loại là như vậy", cô gái mỉm cười.
Không ai hỏi thêm nữa, Cooper kết thúc sau khi nói thêm một số suy nghĩ mà anh đã nghiền ngẫm hồi tối nhưng chưa bàn với ai.
"Khi tìm kiếm loại nhà quảng cáo cho thuê mà tôi vừa mô tả, tôi muốn các ban nhân đó đọc qua tất cả các trang báo của từng số xuất bản trong ba tháng qua chú ý xem có gì lạ không".
"Xin đừng hỏi tôi cái đó là gì, vì tôi cũng chưa biết được. Nhưng nó là: rất có thể những tên bắt cóc mà chúng ta đang tuy tìm còn đang ẩn náu ở khu vực này ít ra là một, mà cũng có hể là hai tháng. Trong khoảng thời gian này, cho dù bọn chúng có cẩn thận thế nào đi nữa, chúng vẫn có thể phạm vài lỗi nhỏ và để lại dấu vết. Có khả năng cái lỗi nhỏ đó ở ngay trong mục quảng cáo trên báo".
"Xem chừng có lẽ ít cơ may thành công", ai đó đưa nhận xét.
Cooper gật đầu tán thành: "Các bạn có thể nói vận may tìm được điều gì đó trên báo chỉ là một phần nghìn, nhưng nếu quả thật nó được ghi trên báo, thì cũng có khả năng ai đó trong số các bạn sẽ phát hiện ra. Như vậy, rõ ràng không phải dễ gì chúng ta gặp may. Nhưng các bạn chớ quên rằng vẫn có người trúng xổ số mặc dù xác suất chỉ có một phần triệu mà thôi".
"Tôi chỉ muốn nói với các bạn là: hãy suy nghĩ, suy nghĩ và suy nghĩ! Chịu khó tìm, và tìm một cách thông minh. Hãy sử dụng trí tưởng tượng của các bạn. Các bạn được huy động vì chúng tôi nghĩ các bạn là những cong người tài ba. Vì vậy hãy chứng minh là chúng tôi nghĩ đúng về các bạn. Thế đấy, hãy tìm mục tiêu đầu tiên của chúng ta là các quảng cáo cho thuê nhà xưởng, nhưng cần chú ý là cả những chi tiết khác nữa".
Sau khi nói xong, Cooper rất bất ngờ khi người nghe đứng cả dậy, vỗ tay hoan hô.

* * *

Sáng hôm ấy, vừa tới giờ làm việc. Partridge đã gọi điện thoại cho nhân mối của mình là ông luật sư giao thiệp với khách thuộc giới tội ác có tổ chức. Ông ta tỏ ra không mặn mà cho lắm: "À, thì ra là anh. Ơ kìa, hôm thứ sáu tôi đã nói với anh tôi sẽ kiểm tra thận trọng và tôi đã làm việc đó hai lần nhưng không thấy gì cả. Sao anh cứ đeo đẳng làm phiền tôi mãi thế".
"Tôi xin lỗi nếu tôi…", Partridge nói, nhưng ông ta không buồn nghe.
"Giới săn tin các anh không bao gờ hiểu rằng trong những chuyện như thế này, tôi như cá nằm trên thớt. Các khách hàng của tôi tin tôi, và tôi không định phụ lòng tin của họ. Tôi cũng biết họ không quan tâm đến việc của người khác làm đếch gì, kể cả cái việc của anh và của Crawford Sloane, cho dù có thể anh nghĩ xấu về họ thế nào mặc xác".
"Tôi hiểu điều đó", Partridge nói, vẻ không hài lòng. "Nhưng đây là chuyện bắt cóc và…".
"Im đi và hãy nghe đây! Lần trước anh gặp, tôi đã bảo tôi tin chắc không ai trong số khách hàng của tôi giở trò bắt cóc, hoặc dính líu vào vụ bắt cóc ấy. Đến bây giờ tôi vẫn tin chắc như thế. Tôi phải thú nhận là tôi còn nợ anh, và tôi muốn cố hết sức tìm kiếm giúp anh. Làm như vậy, tôi chẳng khác nào đi trên bãi mìn, rồi lại còn phải nói cho họ tin rằng nếu họ nói những gì họ biết hoặc nghe dư luận là có lợi cho họ nữa chứ!".
"Thì tôi đã bảo tôi xin lỗi nếu…".
Ông luật sư lại tiếp tục: "Giao thiệp với loại người như máy ủi đất hoặc tầu tốc hành đâu phải chuyện đùa. Anh hiểu chứ?".
Nén tiếng thở dài, Partridge trả lời: "Tôi hiểu".
Ông luật sư dịu giọng: "Thư thư cho tôi vài ngày nữa. Nhớ đừng gọi điện cho tôi. Tôi sẽ gọi điện cho anh".
Đặt ống nghe xuống, Partridge chợt nghĩ các nhân mối dẫu có ích cho ta, nhưng ta không nhất thiết phải thích họ.
Sáng hôm đó, trước khi đến Ban tin của hãng CBA, Partridge đã đi tới quyết định có hay không nên công bố trong bản tin chiều việc một tên khủng bố khét tiếng gốc Colombia, tên là Ulises Rodriguez, chắc chắn dính líu đến vụ bắt cóc gia đình Sloane. Anh quyết định lúc này chưa nên đưa tin đó vội.
Sau khi gặp số người Cooper mới huy động, Partridge đi tìm những thành viên của nhóm đặc nhiệm để thông báo cho họ về quyết định của anh. Tại phòng họp của nhóm, anh gặp Karl Owens, Iris Everly và giải thích lý do tại sao anh lại quyết định như vậy. "Ta hãy xem nhé: lúc này, Rodriguez là manh mối duy nhất ta có, và hắn không biết là ta đã biết hắn. Nếu chúng ta công bố tin này, rất có thể Rodriguez sẽ nghe thấy, và thế là ta trắng tay".
"Thật vậy sao?", Owens nghi ngờ hỏi.
"Tôi tin là như thế. Mọi bằng chứng đều cho thấy Rodriguez đang giấu mình, và việc biết tin trên càng làm hắn giấu mình kỹ hơn. Tôi chẳng cần nói các anh cũng biết việc đó sẽ hạn chế cơ hội tìm ra chỗ của hắn, và tất nhiên người nhà Sloane nữa".
"Tôi hiểu điều đó", Iris thừa nhận. "Nhưng Harry này, thực sự anh có tin rằng một tin sốt dẻo như thế này, có ít nhất hơn chục người biết, lại có thể dễ dàng giữ kín cho tới lúc chúng ta sẵn sàng được không? Chớ quên rằng tất cả các đài báo và truyền hình đều đã phái những người giỏi nhất theo dõi chuyện này. Tôi cho rằng nhiều nhất là hai mươi bốn tiếng sau, mọi người sẽ biết tin trên".

Rita Abrams và Norman Jaeger vừa đến và lắng nghe.
“Có thể anh nói đúng, Partridge bảo Iris. “Nhưng tôi nghĩ chúng ta đành phải liều”. Rồi anh nói thêm: “Tôi không muốn nói những điều nhàm tiếu, nhưng tôi nghĩ chúng ta cũng cần phải nhớ là cái tin mà ta đang bàn không phải là chiếc bát vấy máu chúa Giêsu. Khi việc đưa tin đe doạ sinh mạng con người và tự do, thì tin tức phải ở hàng thứ hai”. “Tôi cũng chẳng muốn nói dông dài, nhưng về điểm đó, tôi đồng ý với Harry”, Jaeger nói.
“Còn điều này nữa, đó là FBI”, Owens nói. “Nếu không cho họ biết tin trên, chúng ta có thể bị phiền toái đấy”.
“Tôi cũng nghĩ tới chuyện đó”, Partridge thừa nhận. “Nhưng đành phải liều. Nếu các anh ngại chuyện đó, tôi xin nói tôi là người sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm. Vấn đề là, nếu ta cho FBI biết, kinh nghiệm cho thấy, rất có thể họ sẽ trao đổi với các phóng viên báo chí, và thế là chúng ta mất độc quyền tin trên”.
“Trở lại vấn đề chính”, Rita nói. “Việc chúng ta làm đã có tiền lệ. Tôi nhớ một trường hợp ở hãng truyền hình ABC”.
“Kể nghe xem nào”, Iris giục.
“Các anh có nhớ vụ bắt cóc máy bay của hãng TWA ở Beirut năm 1985 chứ?”.
Những người khác gật đầu, nhớ lại là vào những năm 1980, Rita làm ở Ban tin tức của hãng ABC, và vụ bắt cóc đó là việc làm man rợ của bọn khủng bố mà cả thế giới đều chú ý theo dõi trong suốt hai tuần lễ. Một thợ lặn của hải quân Mỹ đi trên chuyến bay 847 của hãng TWA ấy đã bị hạ sát một cách dã man.
Rita kể: Ngay khi vụ cưỡng đoạt máy bay xảy ra, chúng tôi ở hãng ABC biết rằng có ba quân nhân Hoa Kỳ trên chuyến bay ấy, nhưng họ mặc thường hục. Chúng tôi tin chỉ có ABC biết tin đó. Vấn đề là : có nên phát tin đó hay không? Chúng tôi đã không tiết lộ tin đó, vì tin rằng nếu tiết lộ, bọn không tặc có thể biết và chắc chắn ba quân nhân này sẽ bị giết chết. Cuối cùng bọn chúng cũng tìm ra, nhưng chúng tôi luôn hy vọng là chúng tôi đã làm đúng, nên góp phần vào việc giúp hai người kia thoát chết”.
“Thôi được, tôi nghĩ tôi đồng ý”, Iris nói. “Đến ngày mai mà vẫn chưa có ai đưa tin đó, chúng ta sẽ xem xét thêm”.
“Tôi cũng vậy”, Owens tán thành và cuộc trao đổi kết thúc.
Tuy nhiên, do tính chất quan trọng của vấn đề, Partridge quyết định bàn thêm với Leslie Chippingham và Chuck Insen.
Ông trưởng ban tin tức tiếp Partridge trong văn phòng của ông. Khi nghe Partridge nói, ông chỉ nhún vai và nói thêm: “Anh là người quyết địnhh của nhóm đặc nhiệm, Harry ạ. Nếu chúng tôi không tin và khả năng suy xét của anh, chúng tôi đã không để anh làm việc đó. Dù sao cũng cám ơn anh đã cho tôi biết”.
Chủ nhiệm chương trình Tin buổi chiều đang ngồi ở ghế chủ tịch trong phòng họp. Vừa nghe, mắt ông sáng lên. Cuối cùng ông gật đầu và nói: “Hay lắm, Harry ạ. Suy nghĩ hay lắm. Khi nào anh giao cái đó cho chúng tôi, tôi sẽ đưa nó lên đầu buổi phát tin. Tất nhiên chỉ sau khi anh đồng ý công bố”.
Sau đó Partridge lại tiếp tục gọi điện thoại và ngồi làm việc trong văn phòng riêng tạm thời của anh.
Anh lại lôi cuốn sách màu xanh có ghi tên người và số điện thoại ra; khác với tuần trước, khi anh chủ yếu gọi cho các nguồn tin của anh ở Mỹ, lần này anh thử gọi các nhân mối của anh ở

Colombia và các nước xung quanh nó như Venezuela, Brazil, Ecuador, Panama, và Peru và thêm cả Nicaragua. Từ những nước này, trước đây anh vẫn thường đưa tin đều đặn về CBA; ở đó có nhiều người mà anh biết đã giúp đỡ anh, và anh cũng đã giúp đỡ trả ơn một số trong bọn họ.
Cái khác nữa là manh mối về Rodriguez đến hôm nay đã rõ. Anh đặt ra hai câu hỏi về hai vấn đề liên quan đến nhau. Anh có biết một tên khủng bố tên là Rodriguez không? Nếu có, anh biết hắn hiện ở đâu và có thể đang làm gì?
Mặc dù hôm thứ sáu Karl Owens đã liên hệ với các nhân mối của anh ta ở Mỹ La tinh, nhưng Partridge biết rằng số đó không trùng với số đầu mối của anh; điều này chẳng có gì lạ, bởi vì các chủ nhiệm chương tình tin và các phóng viên xây dựng các nguồn tin của mình, và một khi đã có, họ giữ riêng cho mình.
Đối với câu hỏi thứ nhất, mọi nguồn đều trả lòi "có biết", còn câu sau thì "không biết". Khớp với nguồn tin của Owens trước đó, Rodriguez hình như đã mất hút từ ba tháng trước và từ đó không ai thấy hắn nữa. Tuy nhiên, trong câu chuyện với một phóng viên đài phát thanh Colombia ở Bogota vốn là bạn lâu năm của anh, Partridge thấy có một điểm rất đáng chú ý.
"Dù hắn đang ở đâu, tôi đảm báo không phải là ở đây", anh ta nói. "Dầu sau hắn cũng là người Colombia, và mặc dù pháp luật chưa sờ được đến hắn, nhưng hắn nổi tiếng đến mức không thể ở lâu trên đất nước này mà mọi người lại không biết. Vì vậy, tôi dám cuộc là hắn đang ở một nước khác". Câu kết thúc xem ra có lý.
Có một nơi Partridge nghi là hắn có thể tới, đó là Nicaragua, nơi chế độ Sandinist khét tiếng về sự giả dối và bạo tàn và thù địch với Mỹ. Chế độ đó rất có thể dính líu tới vụ bắt cóc, với hy vọng giành được một lợi thế nào đó mà họ chưa tiết lộ? Việc này xem chừng không có lý lắm, nhưng không phải không có khả năng xảy ra. Tuy nhiên, sau hơn một chục cú điện thoại tới thủ đô Managua, anh thấy mọi người đều nhất trí cho rằng Ulises Rodriguez chưa từng có mặt tại Nicaragua.
Còn Peru nữa. Partridge gọi cho mấy người ở đây, trong đó riêng có một câu chuyện làm anh cứ phân vân mãi. Anh gọi cho một ngườiquen cũ là Maniel Léon Seminario, chủ bút đồng thời là chủ tuần báo Escena xuất bản ở Lima.
Nghe Partridge xưng tên, Seminario lập tức đến ngay bên máy. Ông chào anh bằng thứ tiếng Anh không chê vào đâu được, và Partridge như thấy ông bên máy, nhỏ nhắn mà hoạt bát, ăn mặc chải chuốt hợp thời trang. "Chà, chà! Harry thân mến của tôi! Rất mừng lại được nghe thấy tiếng anh! Mà anh đang ở đâu? Hy vọng là ở Lima chứ?".
Khi anh nói đang gọi từ New York, ông chủ bút kiêm chủ báo có vẻ cụt hứng: "Thế mà tôi lại hy vọng ngày mai chúng ta cùng ăn trưa ở La Pizzarera cơ đấy. Đảm bảo với anh là đồ ăn ở đó vẫn nấu ngon như xưa. Sao anh không đáp máy bay tới liền đi?". "Tôi muốn lắm chứ, Mariel. Không may mà tôi đang bị ngập trong công chuyện quan trọng tới tận cổ". Rồi anh giải thích việc của anh trong nhóm đặc nhiệm điều tra về vụ bắt cóc gia đình Sloane.
"Lạy Chúa! Lẽ ra tôi phải biết là thể nào anh cũng bị lôi cuốn vào đó. Thật kinh khủng. Chúng tôi vẫn theo sát tình hình và dành cả một trang đăng việc đó trong số báo tuần này. Có gì mới chúng tôi cần đưa vào không?".
"Có đấy!", Partridge trả lời. "Và chính vì vậy mà tôi gọi cho anh. Nhưng hiện giờ chúng tôi vẫn giữ kín do vậy xin anh đừng công bố lên báo nhé".
"Ờ, ờ...", ông nói thận trọng, "nếu đó không phải là những thông tin mà chúng tôi đã có".

“Ta có thể tin nhau, Mariel ạ. Trên cơ sở anh vừa mới nói đó, được chứ?”.
“Như thế thì được”.
“Chúng tôi có lý do tin rằng Ulises Rodriguez dính líu tới vụ này”.
Ông chủ bút tuần báo im lặng, rồi nói nhỏ: “Anh gặp tay bợm rồi đấy, Harry ạ. Ở đây nguyên cái tên đó đã là một từ tồi tệ và đáng sợ”.
“Tại sao lại sợ?”.
“Người ta nghi hắn chủ mưu các vụ bắt cóc, từ Colombia lén lút qua lại Peru làm trò đâm thuê chém mướn. Việc mà các phần tử cách mạng tội ác ở nước này là vậy đó. Anh cũng biết hiện nay ở Peru, bắt cóc hầu như trở thành một cách sống. Các nhà doanh nghiệp giàu có và gia đình họ là mục tiêu được ưa chuộng. Rất nhiều người phải thuê vệ sĩ, dùng xe có bảo vệ với hy vọng tránh bị bắt cóc”.
“Tôi có biết chuyện đó”, Partridge nói, “nhưng cho tới lúc này lại quên khuấy mất”.
Semirario thở dài và bảo: “Không chỉ mình anh, anh bạn ạ! Báo chí phương Tây ít chú ý tới Peru. Đó là tôi nói còn nhẹ đấy. Còn trong tin vô tuyến truyền hình, chúng tôi đâu có tồn tại trên đời này”.
Partridge biết là ông ta nói có phần đúng. Anh không hiểu tại sao, nhưng báo chí Mỹ ít quan tâm đến Peru hơn các nước khác. Anh lớn tiếng hỏi: “Anh có nghe nói Rodriguez hiện đang ở Peru, hoặc gần đây làm việc cho ai ở đó không?”.
“À…không”.
“Anh có vẻ ngập ngừng, đúng không?”.
“Không phải về Rodriguez. Tôi không nghe nói gì cả, Harry ạ. Tôi mà biết thì đã nói với anh”.
“Thế thì về chuyện gì?”.
“Tất cả, cái mà tôi gọi là mặt trận cách mạng đầy tội ác không hiểu sao mấy tuần nay im hơi lặng tiếng không có sự kiện có ý nghĩa nào xảy ra cả mới lạ chứ!”.
“Rồi sao nữa?”.
“Tôi đã từng thấy dấu hiệu kiểu này, và tôi tin chỉ ở Peru mới có. Khi mọi việc yên ắng nhất thì lại thường báo hiệu sẽ có những chuyện lớn sắp xảy ra. Thông thường là chuyện chẳng tốt đẹp gì và không lường trước được”.
Gọng Seminario thay đổi, nghe có vẻ khách sáo hơn: “Harry thân mến, tôi rất sung sướng được tiếp chuyện anh và rất mừng anh đã gọi cho tôi. Nhưng tôi phải từ biệt anh vì bài vở cho số báo kỳ này chưa xong. Sớm đến thăm tôi ở Lima nhé. Xin anh nhớ cho. Lúc nào tôi cũng sẵn sàng mời anh ăn trưa tại La Pizzerra”.

Cả ngày hôm đó, lời ông ta cứ hiện mãi trong óc Partridge: “Khi mọi việc yên ắng nhất thì thường lại báo hiệu những chuyện lớn sắp xảy ra”.

Chú thích:

1 *Cooper chơi chữ có thể hiểu: Big shots nghĩa là “tai to mặt lớn” (tiếng lóng), big short lại có nghĩa là “quần đùi rộng”*

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 6

Vào ngày Harry Partridge đàm thoại với ông chủ bút kiêm chủ báo Escena, Peru đã được đề cập đến trong cuộc họp cấp cao nhất, tuyệt đối bí mật gồm những ông chủ có cổ phần sở hữu hãng CBA thuộc Tổ hợp công nghiệp Globanic. Cuộc họp, được gọi là "tập huấn về chính sách", tiến hành mỗi năm hai lần, do ông Theodore Elliot, chủ tịch và giám đốc chấp hành của tổ hợp chủ trì. Tham dự cuộc họp chỉ có các thành viên của hội đồng chấp hành, đại diện cho chín công ty thành viên đều là những công ty lớn, và phần lớn đều mang theo phụ tá riêng của họ.

Tại những cuộc họp loại này, người ta trao đổi với nhau các thông tin kín của cộng đồng, các kế hoạch tuyệt mật, trong đó có thể lôi kéo, hoặc làm phá sản các nhà đầu tư, các đối thủ và các thị trường khắp thế giới. Tuy nhiên, các cuộc họp bán niên này không bao giờ có chương trình nghị sự bằng văn bản và không có ghi chép. Các biện pháp an ninh được tiến hành chặt chẽ; hàng ngày, trước khi cuộc họp bắt đầu, phòng họp được kiểm tra bằng các máy móc điện tử để tránh bị nghe trộm.

Mỗi công ty có khoảng năm sáu nhân viên cùng đi với các phụ tá: những người này không bao giờ được vào phòng họp, mà chỉ ở bên ngoài để cung cấp số liệu hoặc tài liệu mà các sếp của họ yêu cầu.
Nơi họp ít khi thay đổi. Cuộc họp lần này, cũng như các cuộc họp trước, được tiến hành tại câu lạc bộ Fordly Cay gần Nassau thuộc Bahamas.

Fordly Cay, một trong những câu lạc bộ kín cổng cao tường nhất, với các phương tiện của một nơi nghỉ mát bao gồm nhà thuyền, sân chơi gôn, sân quần vợt và những bãi biển phủ đầy cát trắng thỉnh thoảng mới mở cửa để đón các khách VIP sử dụng các phương tiện dành tiêng của nó. Các hội nghị lớn hơn thì verboten (nhiều vô kể) với Fordly Cay, loại hội nghị thương nhân không có tồn tại.

Loại người bình thường khó được nhận làm hội viên câu lạc bộ; rất nhiều người trong danh sách chờ cũng phải đợi rất lâu, nhiều khi vô vọng. Theodore Elliott đã xin từ hai năm trước, mà vừa rồi mới được nhận làm hội viên.

Hôm trước, khi mọi người đến, Elliott đóng vai chủ nhà, đặc biệt đón các bà mệnh phụ Globanic, những người chỉ xuất hiện giữa các cuộc gặp gỡ, cuộc chơi gôn, quần vợt hoặc đua thuyền. Cuộc họp đầu tiên sáng nay diễn ra trong mộ thư viện nhỏ đầy đủ tiện nghi, với những

chiếc ghế mây bọc da màu be, bốn mặt tường treo thảm hoa văn; những tủ kính đựng đầy các loại huy chương thể thao bằng bạc xen giữa những bức tường xếp đầy sách. Trên chiếc lò sưởi rất ít khi dùng là chân dung người sáng lập câu lạc bộ đang nhìn xuống mỉm cười rạng rỡ với nhóm nhỏ những người được chọn lọc kỹ càng.

Elliott mặc bộ đồ thích hợp – quần trắng, áo chui cổ dài tay xanh nhạt có in biểu chương của CLB là chiếc khiên bốn mảnh với tàu lá cọ xanh tốt, hai chiếc vợt quần vợt đặt chéo nhau, gậy chơi gôn, chiếc thuyền và phía dưới là sóng biển nhấp nhô. Dù mặc hay không mặc cái áo nhố nhăng ấy, Theodore Elliott vẫn mang nét đẹp cổ điển; cao lớn, vai rộng, cằm bạnh với mái tóc đã bạc trắng. Mái tóc bạc ấy là dấu hiệu cho thấy ông chủ tịch sẽ đến tuổi về hưu trong vòng hai năm tới, và hầu như chắc chắn là một trong những người đang có mặt hôm nay sẽ thay thế ông.

Do có tính tới việc một vài vị giám đốc công ty đã quá già, khó được bầu vào chức đó, nên trong cuộc họp có ba ứng cử viên còn trẻ khoẻ, trong đó có Margot Lloyd- Mason.

Margot hiểu điều đó khi bà ta báo cáo về thực trạng của CBA ngay từ đầu phiên họp. Bằng lối ăn nói chính xác, bà tiết lộ rằng từ khi tổ hợp Globanic mua mạng lưới phát thanh truyền hình CBA cùng các đài trực thuộc nó đến nay, các biện pháp kiểm soát tài chính ngặt nghèo đã được áp dụng, ngân sách cắt giảm, và cho thôi việc những người không cần thiết. Kết quả là lợi nhuận của quý ba sẽ tăng 22% so với cùng thời kỳ này năm ngoái.
“Khởi đầu thế là tốt”, Theodore Elliott bình luận, “mặc dù chúng ta hy vọng trong tương lai sẽ còn tốt hơn”. Những người trong phòng gật gù tán thưởng.

Hôm nay Margot đã chọn cách ăn mặc rất kỹ, để vừa không có vẻ quá nữ nhi thường tình, nhưng cũng không mất cái lợi thế của nữ giới. Lúc đầu bà định mặc bộ quần áo may đo rất khéo như vẫn thường mặc khi đến nhiệm sở ở Stonehenge, nhưng sau bà nghĩ bộ đó không thích hợp ở vùng bán nhiệt đới này. Cuối cùng bà chọn chiếc quần lanh màu be, áo chui dài tay sợi bông màu nâu nhạt. Bộ quần áo cũng tăng thêm đường nét cân đối của bà; mấy vị ngồi dán mắt nhìn bà đã xác nhận điều đó.

Trong báo cáo, bà có nhắc đến vụ bắt cóc gia đình Crawford Sloane.
Chủ tịch hãng lâm sản quốc tế có tên là Dewitt, người Oregon, tính khí mạnh mẽ thốt lên: “Thật quá quắt. Chúng ta hy vọng họ sẽ tóm cổ được bọn này. Thế nhưng hãng truyền hình của bà cũng vì thế mà được mọi người chú ý hơn”.

Margot thông báo: “Vì việc đó mà số người theo dõi bản tin chiều của chúng tôi trong năm ngày qua tăng từ 9,2 lên 12,1 có nghĩa là thêm được sáu triệu khán giả; do đó chúng tôi hiện đứng đầu bảng, bỏ xa các hãng khác. Số người xem các chương trình giải trí của năm đài truyền hình của chúng tôi liền ngay sau bản tin chiều cũng tăng. Các chương trình TV vào ban ngày cũng thế, đặc biệt là chương trình của Ben Largo thứ sáu hàng tuần tăng từ 22,5 lên 25,9. Những người bảo trợ của hãng tất thảy đều vui mừng; kết quả càng có nhiều người hoặc công ty yêu cầu được quảng cáo trên hệ thống của chúng tôi”.

Một người hỏi: "Việc số người xem tăng lên có nghĩa là phần lớn họ không chuyển kênh xem chương trình của các hãng khác?". Câu hỏi này cho Margot thấy rằng ngay cả trong nhóm giới chức chóp bu này cũng vẫn có người quan tâm đến những chi tiết vụn vặt của truyền hình.
"Kinh nghiệm cho thấy một khi người xem theo dõi bản tin chiều, thì họ sẽ tiếp tục xem trong khoảng chín mươi phút, có khi còn hơn. Đồng thời cũng có thêm người khác cũng ngồi xem".
"Đúng như tục ngữ đã nói: hoạ mà thành phúc", ông chủ tịch hãng lâm sản quốc tế mỉm cười và nói.

Margot cũng cười nhìn ông: "Vì chỉ có chúng ta với nhau, tôi cũng thấy đúng là vậy, nhưng xin đừng trích dẫn lời tôi nói".
"Không ai dẫn lời của ai cả", Theodore nói: "Chính là để nói riêng và nói thật mà chúng ta có các cuộc họp như thế này".
"Bà có nói tới những người thuê quảng cáo của hãng". Đó là tiếng ông Leon Ironwood của hãng hàng không Tân Thế giới, người California, da cháy nắng, dáng dấp thể thao, và là một trong những ứng cử viên chức chủ tịch của ông Theodore. Công ty do Ironwood đứng đầu luôn được Bộ Quốc phòng đặt hợp đồng sản xuất máy bay chiến đấu. "Bà có thể cho biết những tin mới nhất về vấn đề thời cuộc hiện nay là máy video được không? Đã có bao nhiêu gia đình hiện nay đang sử dụng đầu video?".
"Hiện có khoảng 50% các hộ có đầu video", Margot nói. "Ông nghĩ đúng về vấn đề này. Phần lớn những người ghi lại chương trình của hãng đã bỏ qua mục quảng cáo, vì thế tác dụng quảng cáo của hãng cũng có giảm đi".
Ironwood gật đầu nói: "Nhất là số người có video lại là những người giàu có. Chính vì thế, tôi là người hay xem xác chương trình vô tuyến".
Ai đó nói thêm: "Đừng quên tính đến nút ngắt tiếng trên vô tuyến. Mỗi khi có mục quảng cáo là tôi lại tắt phần tiếng đi đấy".

Margot trả lời: "Sự thật là vấn đề video và nút ngắt tiếng ấy là những đám mây dông luôn ở trên đầu chúng ta, chính vì nó mà các hãng truyền hình phải cất công nghiên cứu tác động của nó. Lẽ ra phải có một kỹ thuật đo lường vấn đề này từ lâu, trừ phi chúng ta không muốn biết những điều không hay. Trong chuyện này, các hãng quảng cáo là đồng minh của chúng ta. Họ cũng lo ngại người thuê quảng cáo biết việc này sẽ ảnh hưởng lớn tới các công việc của hãng họ".
"Tôi tin rằng trong kế hoạch tài chính của hãng cũng đã tính đến việc này", Elliott nhắc.
"Đúng thế, Theo ạ. Vì lường trước và chấp nhận thực tế là tiền do quảng cáo mang lại sẽ giảm, nên chúng tôi đang tính đến các nguồn thu nhập khác. Vì vậy CBA và các hãng khác lặng lẽ mua các thiết bị truyền hình cáp dẫn và sẽ mua thêm. Hãng có tiền, nên một ngày nào đó không xa, các hãng TV cáp sẽ bừng tỉnh và nhận ra rằng họ đã thuộc sở hữu của cách hãng truyền hình khác. Đồng thời, chúng tôi cũng đang thăm dò khả năng liên doanh với các công ty điện thoại".
"Liên doanh ư?", Ironwood hỏi.
"Tôi xin giải thích rõ. Trước hết phải thừa nhận rằng truyền hình vô tuyến – tức là truyền trên không – đã gần hết thời của nó. Trong khoảng mươi, mười lăm năm nữa, ta chỉ có thể gặp loại máy thu hình kiểu cổ này ở Smitsoma; tới lúc đó, các đài truyền hình cũng đã loại bỏ máy phát

hình thông thường vì không kinh tế".
"Vì TV cáp và vệ tinh truyền hình phải không?".
"Một phần, chứ không phải tất cả vì việc đó", Margot mỉm cười. Bà đang đề cập đến một vấn đề quen thuộc mà bà hy vọng cho thấy khả năng nhìn xa trông rộng của bà. Bà tiếp tục nói: "Cũng cần phải nhận ra rằng trong lĩnh vực này, các máy TV cáp không có một tương lai quan trọng. Để tồn tại, họ sẽ phải chung lưng đấu cật với các hãng điện thoại là những người đã có máy ở tất cả các gia đình. Chúng ta cũng sẽ phải làm như vậy".

Một vài người gật đầu tỏ ý tán thành, trong khi Margot tuyên bố: "Kỹ thuật kết hợp đường điện thoại và truyền hình, sử dụng dây dẫn quang học hiện đã có rồi. Chỉ có một vấn đề là đưa nó vào hoạt động, tức là các hãng truyền hình như hãng chúng tôi phải lên chương trình riêng cho hệ thống cáp dẫn. Số thu nhập có thể sẽ rất lớn".
"Chính phủ không có quy định hạn chế các công ty điện thoại bước sang lĩnh vực truyền hình sao?" Ironwood hỏi.
"Những quy định này Quốc hội sẽ thay đổi, chúng tôi đang lo việc đó. Thực tế đã có dự thảo những quy định mới".
"Tức là bà tin rằng quốc hội sẽ phê chuẩn?".

Theodore Elliott cười nói: "Nếu bà ấy tin thì chắc hẳn phải có cơ sở. Tôi nghĩ chắc mọi người ở đây đã đọc cuốn "Quốc hội tốt nhất mà tiền bạc có thể mua được" rồi chứ? Nếu chưa, thì những người như chúng ta nhất thiết phải đọc. Tên tác giả là gì nhỉ?".
"Philip Stern", Margot trả lời.
"Phải rồi. Đó, theo cách mà Stern mô tả, thì tổ hợp Globanic của chúng ta đóng góp khá nhiều vào tất cả các Uỷ ban hoạt động chính trị có ảnh hưởng tới các mối quan tâm của chúng ta. Điều này có nghĩa là khi nào cần, chúng ta có thể dễ dàng mua các lá phiếu ở Quốc hội. Khi Margot muốn các quy định này cần được thay đổi, bà ấy có thể cho tôi biết. Tôi sẽ chuyển lời tới nơi cần thiết".
"Nghe nói sẽ bỏ hệ thống các công ty xuyên Mỹ", Dewitt nói.
"Cũng mới chỉ là nói thế thôi", Elliott đáp. "Vả lại, cho dù có thay tên đi nữa, ta có thể chắc là những người trong Quốc hội cũng sẽ tìm được cách thực hiện đúng như bây giờ họ đang làm". Cuộc thảo luận thẳng thắn, không có ghi chép vẫn tiếp tục. Nhưng chủ đề gia đình Sloane bị bắt cóc không được đề cập lại.

Gần cuối phiên họp buổi sáng, đến lượt K. Phocis (còn gọi là Fossie Xenos), chủ tịch Ban tài chính của Globanic báo cáo trước các thành viên hội đồng chấp hành.

Cách đây ba năm, hãng tài chính Tam hợp, như tên gọi lúc đó, là một công ty tín dụng tiêu dùng, gồm một loạt các văn pòng đặt tại các cửa hàng cho các gia đình trung lưu Mỹ vay tiền mua hàng; nó cũng bán các loại bảo hiểm nhân thọ và tai nạn. Sau đó Globanic mua đứt công ty này. Theodore Elliott coi đó là một cơ sở đã có sẵn, tốt hơn là lập một công ty dịch vụ mới, nhằm thu hút các nhà đầu tư quốc tế tìm kiếm sự mạo hiểm cũng như phồn hoa trong chuyện làm ăn. Ông đưa Fossie Xenos phụ trách công ty ấy. Anh ta là người Mỹ gốc Hy Lạp thuộc thế hệ thứ hai, có bằng phó tiến sĩ quản lý kinh doanh của trường Wharton, và bằng những thủ đoạn

khôn khéo trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư đã được Elliott chú ý.

Việc làm đầu tiên của Xenos là dẹp bỏ dịch vụ tín dụng với người tiêu dùng vốn chỉ đưa lại lợi nhận nhỏ nhoi, và dẹp bỏ các văn phòng tín dụng đặt ở các cửa hàng. Ngay sau đó, anh ta chấm dứt các hoạt động thuộc lĩnh vực bảo hiểm, cho đó là "lối làm ăn cò con của anh lùn dốt nát". Anh ta quan tâm nhiều hơn đến những vấn đề mới mẻ và sôi động trong lĩnh vực tiền tệ, tín phiếu mua đứt các cổ phần, gọi tắt là LBO.

Từ đó, hễ thấy lĩnh vực tài chính nào có vẻ "nóng hổi" là Fossie Xenos nhảy vào liền: bằng cách đó, anh ta đã mang lại lợi nhuận lớn cho Globanic, đồng thời cũng làm tên tuổi anh ta trở nên nổi tiếng. Chính điểm này đã làm Margot coi Fossie, ứng cử viên thứ ba chức chủ tịch tổ hợp, là địch thủ đáng gờm nhất.

Mặc dù là tay cao thủ, đã có nhiều thành đạt, song Fossie vẫn có vẻ trẻ con, trông phải trẻ hơn đến tám tuổi so với cái tuổi bốn mươi mốt của anh ta. Anh ta ăn mặc xuềnh xoàng, đầu bù tóc rối vì cứ vò đầu bứt tai mỗi khi ngắt câu. Tính kiên trì thuyết phục, cộng với nụ cười tươi rói với mọi người là thế mạnh của con người anh ta.

Bữa nay Fossie Xenos báo cáo về một dự án phức tạp, tinh vi và hết sức bí mật, dự án này tuy mới ở giai đoạn đầu nhưng hứa hẹn mang lại cho Globanic hàng tỷ đôla lợi nhuận. Nó bao gồm cái gọi là đánh đổi nợ với công lý và một quỹ đầu tư khổng lồ trong lĩnh vực bất động sản cả hai đều liên quan đến Peru, trong đó Globanic khôn khéo phối hợp với chính phủ sở tại.

Fossie miêu tả các bước tiến hành và các điều kiện với các thành viên khác của Hội đồng chấp hành, bao gồm:
Hiện nay, Peru còn nợ nước ngoài hơn mười sáu tỷ đôla quá hạn mà chưa trả được; vì vậy, nó bị cộng đồng tại chính quốc tế tẩy chay không cho vay thêm. Tuy nhiên, Peru dù đang lâm vào khủng hoảng kinh tế trầm trọng vẫn muốn lấy lại chữ tín để có thể lại được vay tiền.
Công ty tài chính Globanic lặng lẽ mua bốn tỷ rưỡi đôla nợ quá hạn của Peru – tức là hơn một phần tư số nợ của nước này, với giá bình quân năm xu ăn một đôla, tổng cộng số tiền trả là 225 triệu đôla. Những người cho vay, chủ yếu là các nhà băng Mỹ, vui lòng bán với cái giá rẻ mạt đó, vì từ lâu họ đã nghĩ là mất trắng. Lúc này Globanic đã "đảm bảo" cho số nợ đó, tức là biến nó sang tiền chuyển đổi được.

Qua ba vị bộ trưởng phụ trác tài chính, du lịch và các công trình công cộng, chính phủ Peru được thông báo họ đang có cơ hội mà người khác không có là có thể mua lại số nợ đã được tổ hợp Globanic "bảo đảm" với giá mười xu ăn một đôla, nhưng được trả bằng đồng inti là tiền địa phương yếu đuối. Đây là mồi câu rất khôn ngoan của Fossie, bởi bằng cách này, dự trữ ngoại tệ mạnh ít ỏi và quý báu của nước này (chủ yếu bằng đôla) sẽ không bị động chạm.

Ba điều kiện thiết yếu gắn với việc Globanic nhận lấy bằng tiền Peru. Globanic không muốn nhận tiền mặt, mà bằng cách đổi nợ lấy bất động sản, thế là hai nơi nghỉ mát rất đẹp hiện do chính phủ Peru sở hữu đã rơi vào tay họ. Công ty tài chính Globanic sẽ phát triển và cuối cùng

sẽ đưa vào hoạt động, tin rằng cả hai sẽ là những nơi nghỉ mang lại lợi ích lớn. Một thành phố nghỉ mát trên bờ biển sẽ được gọi là "Punta del Este ở Thái bình Dương", còn nơi kia, nằm sâu trong dãy Andes, sẽ là điểm xuất phát đầy kỳ thú tới Machu Picohu và Cuzco – những nơi thu hút nhiều khách du lịch nhất trên thế giới.

Trong những vùng đất rộng lớn đó, chính phủ Peru phải đảm bảo rằng Globanic được quyền phát triển tự do theo cách riêng của nó. Đồng thời Globanic sẽ đầu tư cho sự phát triển ấy bằng ngoại tệ mạnh, do vậy cũng sẽ tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho dân địa phương, mà cả ngoại tệ mạnh cùng công ăn việc là đều có ích đối với Peru.

Điều kiện cuối cùng, chỉ có chính phủ Peru và Globanic biết với nhau, là giá trả cho hai khu nghỉ mát trên sẽ thấp hơn giá trị thực của nó 25%.
Globanic sẽ được lợi nhiều mặt: trước hết là bán số nợ được bảo đảm kia với giá gấp đôi số nó bỏ ra, tức là lãi ngay 225 triệu đôla. Sau nữa là vớ được hai điểm nghỉ mát mà chỉ phải trả bằng ¾ giá trị thực của nó. Sau cùng là thu hút được vốn đầu tư khắp nơi để phát triển khu nghỉ và cuối cùng, qua công việc này, gặt hái được số lợi nhuận kếch xù.

Kết thúc báo cáo, Fossie thông báo rằng sau những cuộc thương lượng dài và tinh tế, cách đây mấy ngày chính phủ Peru và công ty tài chính Globanic đã đạt được thoả thuận, trong đó tất cả các đòi hỏi của Globanic đều được chấp thuận.
Khi K. Phocis Xenos nói xong và ngồi xuống, đám thính giả đầy quyền lực kia lập tức vỗ tay hoan hô. Theodore Elliott, mặt mày rạng rỡ hỏi: "Ai có hỏi gì không?".
"Tôi muốn hỏi về ba tay bộ trưởng chính phủ mà anh vừa nói tới", một thành viên hội đồng hỏi; ông này tên là Warren Gradon, đứng đầu Công ty hoá chất Empire. "Liệu có gì đảm bảo là họ sẽ giữ lời hứa không?". "Tôi xin trả lời câu hỏi của ông". Theodore Elliott nói. "Câu trả lời là "có" vì chúng ta đã có những biện pháp thận trọng. Nhưng tôi tin là ngay cả ở đây chúng ta cũng chẳng cần nói rõ chi tiết làm gì".

Mọi người cười tế nhị, vì câu trả lời cho thấy họ đã bị hối lộ. Thực ra, khi thoả thuận giữa Peru và Globanic được ký và đóng dấu, mỗi vị bộ trưởng nọ đều nhận được một triệu rưỡi đôla trong tài khoản đứng tên họ ở nhà băng Thuỵ Sĩ. Ngoài ra khi cần, họ còn được tự do sử dụng các cơ sở sang trọng ở London, Paris và Jeneve kèm theo nhiều bổng lộc. Các công ty quốc tế như tổ hợp công nghiệp Globanic này thường dàn xếp như vậy với bạn bè trong chính giới của họ.

Margot hỏi to: "Fossie, hãy cho chúng tôi biết về tình hình ổn định ở Peru. Gần đây, các hoạt động cách mạng có chiều hướng tăng lên, không chỉ ở các vùng thuộc Andes, mà cả ở Lima và nhiều nơi khác nữa. Trong hoàn cảnh đó, liệu mua các khu nghỉ có thực tế không? Liệu người đi nghỉ có muốn tới đó không?".

Margot biết là mình đang đi trên dây. Một mặt, vì giữa hai người có sự cạnh tranh, nên bà không thể để Fossie Xenos xong việc một cách suôn sẻ, hoàn toàn không bị thách thức, vả lại nếu sau này chuyện mua khu nghỉ mát ấy có gì trục trặc, bà cũng muốn mọi người nhớ là bà đã

nghi ngờ ngay từ đầu. Mặt khác, nếu Margot trở thành vị chủ tịch mới của Globanic, bà sẽ rất cần quan hệ thân thiện với Fossie, cũng như những đóng góp to lớn của anh ta đối với thu nhập của Tổ hợp. Ghi nhớ điều đó, bà cố đặt câu hỏi có mức độ và chung chung.

Nếu Fossie có hiểu được ý đồ đó, anh ta cũng chẳng biểu lộ ra mặt; chỉ thấy anh ta vui vẻ trả lời: "Theo những tin tức mà tôi có, thì cách mạng cũng chẳng kéo được bao lâu, và về lâu dài mà nói, Peru vẫn sống sót với một nền dân chủ bền vững và tuân thủ pháp luật thuận lợi cho việc mở rộng ngành du lịch. Điều đó là chắc chắn, vì đất nước này có truyền thống lâu đời dựa trên các giá trị của nền dân chủ".

Margot không hỏi gì thêm, nhưng nhận thấy rằng Fossie vừa để lộ điểm yếu mà một ngày nào đó bà sẽ khai thác. Trước đây bà cũng đã từng nhận thấy điểm tương tự ở những người khác, đặc biệt trong các hợp đồng mua bán bất động sản, một lĩnh vực trong đó các mục tiêu hào nhoáng thường thắng những cân nhắc thận trọng. Các nhà tâm lý gọi đó là tình trạng trì hoãn thực tế, và theo cách nhìn của Margot, bất cứ ai tin vào chuyện nổi dậy có võ trang ở Peru đã sắp kết thúc đều thuộc loại người ảo tưởng đó.

Bà lý giải: tất nhiên việc mua hai khu nghỉ sẽ vẫn được tiến hành và được bảo vệ; dẫu sao thì trên thế giới cũng ngày càng có nhiều nơi mà việc nghỉ và hiểm hoạ đi liền với nhau như hình với bóng. Nhưng trong trường hợp Peru, chỉ có thời gian và các chi phí lớn mới cho thấy rõ kết quả.

Rõ ràng Elliott không hoài nghi như Margot. Ông ta tuyên bố: "Nếu không ai hỏi gì thêm, tôi xin nói thế này: Tôi cũng đã từng biết những điều Fossie vừa nói các vị nhưng vẫn để các vị được biết vì hai lý do chính đáng. Một là, tôi biết tất cả chúng ta đều giữ bí mật, và việc giữ kín chuyện này chỉ có lợi cho chúng ta thôi. Hai là, tôi không muốn xảy ra chuyện gì có thể làm tổn hại đầu mối quan hệ vẫn còn rất tế nhị với chính phủ Peru, và thế là có thể làm hỏng cái có thể trở thành hợp đồng của thế kỷ". Ông chủ tịch đứng dậy và nói: "Một khi ta đã hiểu với nhau như vậy, chúng ta hãy cùng đi ăn trưa".

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 7

Phải mất tới vài phút Jessica mới chấp nhận khả năng họ đang ở Peru là hoàn toàn có thật – điều mà Nicky vừa nói với nàng.

Không, làm gì có chuyện đó! Chắc chắn chúng không đủ thời gian làm như thế.

Nhưng gạt bỏ những giả định cũ, và khi trí nhớ của ngàng đã trở lại, khả năng ấy lớn dần lên. Nàng tự lý giải, liệu có khả năng là nàng, Nicky và Angus đã bất tỉnh trong khoảng thời gian dài hơn nàng nghĩ, ngay cả khi nàng cho rằng họ có thể đang ở một bang ở miền Nam nước Mỹ không? Rõ ràng là có.

Nhưng nếu đây quả thực là Peru, thì chúng đưa họ tới đây bằng cách nào? Đưa ba người đang bất tỉnh nhân sự ra khỏi nước Mỹ một cách lén lút đâu phải dễ dàng?

Đột nhiên nàng nhớ lại! Một hình ảnh rõ ràng, sắc nét mà nàng hoàn toàn quên mất cho tới lúc này.

Trong thời gian ngắn ngủi mà nàng vật lộn và làm thằng "mặt rạch" bị thương… trong khoảnh khắc tuyệt vọng đó, nàng nhìn thấy hai chiếc áo quan trống rỗng, một chiếc nhỏ hơn chiếc kia. Hình ảnh khủng khiếp đó làm nàng tin rằng nàng và Nicky sẽ bị giết chết!

Nhưng lúc này Jessica rùng mình nhận ra rằng họ chắc đã bị nhét trong những chiếc áo quan đó và đưa tới đây giống như đưa người chết! Ý nghĩ đó khủng khiếp đến nỗi nàng không dám, không thể nghĩ đến nó, mà tự buộc mình nghĩ đến cái hiện tại, mờ mịt và đau đớn này.

Tay bị trói giật sau lưng, Jessica, Nicky, và Angus vẫn phải cuốc bộ, bước thấp bước cao trên lối mòn hai bờ cây cỏ rầm rì. Một vài đứa cầm súng đi trước, những đứa khác đi sau. Mỗi khi thấy họ có vẻ đi chậm lại, mấy thằng đi sau thúc báng súng vào họ, miệng hét "Andale! Apurese!" (1)

Trời đang nóng. Nóng không tưởng tượng được. Người họ đẫm mồ hôi. Jessica cuống cuồng lo sợ cho hai ông cháu. Bản thân nàng cũng đang bị nhức đầu ghê gớm, buồn nôn, lại còn thêm tiếng côn trùng kêu ra rả. Cảnh này sẽ kéo dài bao lâu? Nicky đã nói với nàng là họ sẽ tới một con sông. Chắc không bao lâu nữa họ sẽ tới đó.

Phải rồi, Jessica nghĩ, điều gã nọ bảo Nicky chắc chắn là đúng! Đây đúng là Peru, và nàng những muốn khóc khi nhận ra rằng họ đang ở cách xa nước Mỹ biết bao, và cơ may được cứu thoát nhỏ bé làm sao.
Đất loét nhoét dưới chân làm nàng lê bước càng khó khăn hơn. Bỗng nàng nghe tiếng kêu thét ở ngay sau lưng, tiếng ồn ào rồi tiếng người ngã gục. Ngoảnh lại, nàng thấy Angus ngã sấp mặt xuống bùn.

Ông già cố đứng dậy với vẻ cứng cỏi, nhưng không được vì tay bị trói. Bọn mang súng đứng phía sau cười hô hố. Một thằng lao tới, sẵn sàng đâm mũi súng vào lưng Angus.

Jessica hét lên: "Không! Không! Không được làm thế!".
Tiếng hét làm hắn giật mình khựng lại; và trước khi hắn kịp trấn tĩnh, Jessica chạy lại và quỳ xuống cạnh ông. Nàng cố giữ thẳng người, ngay dù tay nàng đang bị trói, nhưng không thể giúp Angus đứng dậy được. Gã cầm súng tiến lại phia nàng với vẻ tức giận, nhưng dừng ngay lại khi nghe tiếng quát giật giọng của Miguel. Từ phía đầu hàng, Miguel xuất hiện, cùng Socorro và Baudelio đi phía sau hắn.

Trước khi mọi người lên tiếng, Jessica nói giọng nghẹn ngào: "Thì chúng tôi là tù nhân của ông. Chúng tôi chẳng biết tại sao, nhưng chúng tôi biết là không thể bỏ trốn được, và ông cũng biết điều đó. Vậy thì cần gì phải trói tay chúng tôi? Chúng tôi chỉ muốn có một điều là tự giữ mình khỏi ngã. Ông cũng thấy điều gì xảy ra khi chúng tôi bị trói. Xin ông hãy rủ lòng thương. Xin ông cởi trói cho chúng tôi".

Lần đầu tiên Miguel tỏ ra do dự, nhất là khi Socorro nói nhỏ: "Nếu bọn họ bị gãy chân tay hay xây sát là sẽ bị nhiễm trùng. Mà ở Nueva Esperanza, chúng ta không có phương tiện chữa nhiễm trùng đâu".
Đứng cạnh Socorro, Baudelio chen vào: "Cô ấy nói đúng đấy".

Với cử chỉ sốt ruột, Miguel ra lệnh bằng tiếng Tây Ban Nha. Một gã cầm súng bước lên trước – chính là gã đã giúp Nicky khi còn ở trên xe. Hắn rút con dao đeo trong bao gắn ở thắt lưng và cúi xuống phía sau Jessica. Nàng cảm thấy dây trói tay nàng lỏng ra rồi rơi xuống đất. Sau đó tới lượt Nicky, Angus được vực dậy khi cắt dây trói. Sau đó Jessica và Nicky giúp ông đứng dậy.

Họ lại đi tiếp trong tiếng quát tháo ra lệnh ầm ĩ. Năm phút vừa qua, mặc dù lòng dạ chẳng yên, Jessica cũng biết được vài chuyện. Trước hết, nàng biết nơi họ sẽ đến là Nueve Esperanza, mặc dù cái tên đó chẳng có ý nghĩa gì đối với nàng. Hai là gã có vẻ thân thiện với Nicky tên là Vicente – nàng nghe chúng gọi tên hắn khi hắn cắt dây trói cho họ. Ba là, ả đàn bà cùng đi với Miguel, cũng chính là ả đã đánh nàng trong lán lúc trước, có vẻ biết đôi chút về nghề y. Gã mặt bị cắt cũng vậy. Một trong hai đứa, mà cũng có thể cả hai là bác sĩ.

Nàng cố ghi nhớ trong đầu những thông tin đó, vì bản năng mách nàng rằng sau này chúng có thể giúp ích nàng.

Mấy phút sau, khi đoàn người đang men theo khúc lượn của lối mòn, thì trước mặt họ hiện ra một con sông rộng.

* * *

Miguel còn nhớ, trong những ngày hắn mới trở thành tín đồ của thứ hư vô chủ nghĩa, hắn có đọc trong sách nói rằng một tay khủng bố muốn thành đạt phải gột sạch mọi thứ tình cảm thông thường của con người và chỉ đạt được mục đích của mình khi làm cho những kẻ chống lại ước muốn của mình phải khiếp sợ. Ngay cả lòng thù hận, đôi khi tạo cho những người khủng bố niềm đam mê đầy bệnh hoạn, lại rất dễ dẫn họ đến chỗ thái quá, ảnh hưởng đến sự xét đoán của họ.

Trong nghề khủng bố, Miguel không những theo đúng những lời răn dạy ấy, mà còn bổ sung thêm điều nữa, đó là hành động và hiểm nguy là chất kích thích kẻ khủng bố. Bản thân hắn cần nó không khác gì dân nghiện cần ma tuý. Việc này giải thích tại sao hắn lại cảm thấy chán ngán với những gì sắp tới.

Suốt bốn tháng trời, bắt đầu là việc đáp máy bay qua London, dùng hộ chiếu giả để vào Mỹ, hắn thấy phấn chấn trước những mối nguy hiểm thường xuyên, với việc hoàn tất kế hoạch có ý nghĩa sống còn; gần đây hơn là dư vị ngây ngất của thành công, và trên tất cả là thường xuyên cảm giác để có cơ may sống sót.

Nhưng lúc này, ở tít trong rừng sâu của Peru này, các mối nguy hiểm lại ít hơn. Mặc dù luôn có khả năng quân chính phủ đột nhiên xuất hiện, xả súng liên thanh, rồi lục vấn sau đó, nhưng các loại áp lực khác hầu như ít hoặc không có. Thế nhưng Miguel đã ký hợp đồng sẽ ở lại đây, hay ít ra là ở lại Nueva Esperanza – một làng nhỏ mà hôm nay chúng sẽ tới – một thời gian dài không biết đến bao giờ, bởi vì khi ký hợp đồng với cácten Medellin, Miguel không biết. Hắn cũng không biết tại sao mấy người này lại bị bắt cóc, và sau khi đã mang họ tới đây sẽ làm gì tiếp. Hắn chỉ biết phải canh gác họ thật chặt chẽ; có lẽ thế nên hắn mới phải ở lâu đến vậy, vì hắn có tiếng là đáng tin cậy. Còn mọi chuyện khác có lẽ đều nằm trong tay của Abimael Guzman, mà ngày nay Miguel nghĩ là một tên điên khùng, là người sáng lập Sendero Luminoso và tự cho mình là chúa Giêsu mao-ít thuần khiết. Tất nhiên là nếu như Guzman vẫn còn sống. Tin đồn hắn đã chết hoặc hãy còn sống cũng rất nhiều, và không đáng tin cậy, giống như mưa rừng vậy.

Miguel rất ghét rừng rậm, mà dân Peru gọi là Selva; ghét cái ẩm ướt như thấm vào da thịt, mùi gỗ mục, mùi rêu phong… cái cảm giác tù túng, tựa như đám cây cỏ um tùm đan xít nhau kia đang khép dần lại…; tiếng côn trùng nghe rát tai như không bao giờ dứt, đến nỗi ta chỉ muốn có một phút giây yên lặng và thư thái…; rồi lại còn một lô rắn rết luồn lách không một tiếng động mà nghĩ đến đã thấy tợn người! Mà rừng rộng mênh mông, gần gấp đôi bang California, chiếm tới ba phần năm diện tích Peru, nhưng lại chỉ có 5% dân số nước này sống ở đó.
Người Peru thích nói có ba nước Peru: đó là khu vực bờ biển kéo dài cả ngàn dặm với những

thành phố, những bãi tắm và những khu buôn bán sầm uất; đó là vùng núi phía nam dãy Andes, với những đỉnh cao hùng vĩ sánh với dãy Himalaya và là khu vực còn lưu giữ lịch sử và truyền thống của bộ tộc da đỏ Inca; cuối cùng là khu rừng này, tức là Selva Amazon đầy vẻ hoang sơ và các bộ lạc da đỏ cư trú. Ừ thì cái chứ nhất và cái thứ hai Miguel còn có thể chấp nhận với đôi chút thích thú, nhưng không gì có thể thay đổi lòng căm ghét của hắn với cái thứ ba. Khu rừng thật asquerosa (2).

Ý nghĩ của hắn quay về Sendero Luminoso, tức là "Con đường sáng" tới cách mạng; cái tên này lấy trong các bài viết của nhà triết học mác xít quá cố, Jose Carlos Mariategui. Năm 1980, Abimael Guzman bước theo con đường đó, rồi chẳng bao lâu tự phong mình là "thanh kiếm thứ tư của cách mạng thế giới", ba người trước là Mác, Lênin và Mao Trạch đông. Tất cả những nhà cách mạng khác đều bị Guzman khinh bỉ gọi là những quân lường gạt xấu xa, trong đó gồm cả những người kế tục Lênin ở Nga và Castro ở Cuba.

Quân du kích Sendero Luminoso tin là họ sẽ lật đổ chính phủ hiện hành và sẽ cầm quyền ở Peru. Nhưng không phải là nhanh cóng, phong trào này tuyên bố là phải tính bằng thập kỷ, chứ không phải bằng năm. Nhưng Sendero Luminoso hiện đã có lực lượng mạnh, có đội ngũ lãnh đạo và sức mạng ngày càng tăng, nếu Miguel mong được thấy điều đó khi mình còn sống không phải trong cái khu rừng idiasa (3) này.

Tuy nhiên vào lúc này, Miguel còn đợi chỉ thị về đám tù nhân; những chỉ thị đó chắc sẽ được phát đi từ Ayacucho, một thị trấn lịch sử ở chân dãy Andes là nơi Sendoro hầu như kiểm soát hoàn toàn. Mà Miguel đâu cần biết kẻ nào ra lệnh, miễn là hắn sẽ nhanh chóng được hành động, thế thôi.

Bây giờ con sông Huallaga đang ở ngay trước mặt, mộ khoảng trống đột ngột hiện ra giữa chốn rừng già khép kín. Hắn đứng lại xem xét con sông. Nó cuồn cuộn chảy, mang theo đất phù sa đỏ quạch của vùng núi Andes về nơi hội tụ với con sông Maranon cách đó chừng ba trăm dặm, để rồi sau đó đổ về Amazon hung dữ. Cách đây nhiều thế kỷ, các nhà thám hiểm Bồ Đào Nha đã đặt cho toàn bộ vùng Amazon này cái tên O Rio Mar, có nghĩa là Hải Hà.

Khi đến gần hơn, Miguel thấy hai chiếc thuyền bằng gỗ, mỗi chiếc dài chừng ba mươi lăm bộ, có hai động cơ đang buộc gần bờ sông. Gustavo, cầm đầu toán người đã đón họ ở đường băng đang ra lệnh chuyển đồ mà chúng mang tới xuống thuyền. Hắn cũng phân chia số người xuống thuyên. Đám tù binh sẽ đi chiếc thứ nhất. Miguel gật đầu tán thành việc Gustavo cắt hai lính gác canh chừng quân chính phủ đột ngột xuất hiện trong khi những đứa khác chuển đồ.

Hài lòng với những việc đang làm, Miguel thấy không cần phải can thiệp. Đến Nueva Esperanzo, hắn sẽ lại nắm toàn quyền chỉ huy.

Với Jessica, con sông này làm tăng thêm cảm giác biệt lập với thế giới bên ngoài, nó giống như chiếc cửa cô quạnh mở ra một thế giới vô định không còn gắn gì với thế giới phía sau. Nàng,

Nicky và Angus bị xua bằng báng súng, lội xuống dòng nước ngập đến gối để lên thuyền; sau khi vào thuyền, họ được lệnh ngồi xuống khoang thuyền ẩm ướt làm bằng những tấm gỗ gác ngang gần đằng mũi. Nếu muốn họ có thể tựa lưng vào một tấm gỗ cao giữa hai mạn thuyền; nhưng đó cũng chỉ là một sự lựa chọn giữa hai thế giới rất gò bó mà họ không thể chịu lâu được.

Tới lúc đó, Jessica nhận thấy mặt Nicky xám ngoét người bỗng run rẩy vì nôn mửa. Ngực nó thóp lại, nhưng không nôn ra cái gì trừ một ít đờm nhãi. Jessica xích lại gần và dỗ nó, đồng thời cuống cuồng nhìn quanh cầu cứu.

Nàng vừa thấy "mặt cắt" từ bờ lội ra và đang ở cạnh thuyền. Trước khi Jessica kịp lên tiếng, mụ đàn bà mà trước đó nàng gặp mấy lần xuất hiện và "mặt cắt" ra lệnh: "Cho chúng nó uống nhiều hơn, trước tiên là thằng bé kia".
Socorro đổ nước đầy chiếc ca nhôm và đưa cho Nicholas, nó vồ lấy uống ừng ực; uống xong, người nó đỡ run hơn. Rồi nó nói, giọng yếu ớt: "Cháu đói".
"Ở đây không có đồ ăn", Baudelio bảo. "Mày sẽ phải đợi".
"Thể nào cũng có cái gì ăn được chứ?", Jessica phản đối.
"Mặt cắt" không trả lời, nhưng cái lệnh cho họ uống nước đã xác định rõ địa vị của hắn, vì vậy Jessica nói, giọng trách móc: "Thì ra ông là bác sĩ!". "điều đó không liên quan gì đến bà". "Và hắn là người Mỹ đấy", Angus nói thêm: 'Cứ nghe giọng hắn mà xem!". Ca nước có vẻ làm Angus tỉnh táo và ông xoay qua Baudelio nói: "Đúng không, đồ con hoang ghê tởm? Mày không thấy nhục sao?".
Baudelio quay người, trèo lên chiếc thuyền kia. "Cho cháu ăn, cháu đói", Nicky nhắc lại. Nó quay sang phía Jessica "Mẹ ơi, con sợ".
Jessica lại ôm con, thú nhận: "Mẹ cũng sợ, con ạ".
Nghe hai mẹ con, Socorro có vẻ do dự. Sau đó, ả thò tay vào túi đang đeo lấy ra mộ thanh sôcôla to mang hiệu Cadbury. Không nói không rằng, ả bóc giấy, bẻ khoảng sáu bảy miếng nhỏ và đưa cho mỗi người hai miếng. Ả đưa cho Angus sau cùng, nhưng ông già lắc đầu nói: "Hãy đưa phần tôi cho thằng bé".

Socorro làu nhàu khó chịu, sau đó hứng lên ném cả thanh sôcôla vào trong thuyền. Nó rơi gần chân Jessica. Trong khi đó, Socorro bỏ đi, qua chiếc thuyền thứ hai.

Mấy thằng mang súng khi trước cùng đi trên xe và trên đường trèo vào chiếc thuyền họ đang ngồi, rồi cả hai bắt đầu chạy. Jessica nhận thấy mấy đứa khác trên thuyền cũng đều mang súng. Ngay cả hai đứa ngồi điều khiển động cơ đằng sau thuyền cũng gác súng ngang đùi, trông có vẻ sẵn sàng dùng đến nó. Cơ hội trốn thoát, nếu như có nơi nào mà trú, xem ra không thể có được.

* * *

Trong lúc hai thuyền chạy ngược dòng sông, Socorro tự giận mình vì những việc ả vừa làm. Ả hy vọng không ai thấy, vì đưa cho bọn tù binh loại sôcôla ngon không kiếm được ở Peru là một

dấu hiệu của sự yếu đuối, của lòng thương ngu xuẩn - là thứ tình cảm đáng khinh đối với một người "cách mạng".

Vấn đề là trong con người ả có những giây phút dao động, sự giằng kéo trong tinh thần. Mới cách đây chưa được một tuần, Socorro đã tự nhắc mình phải cảnh giác với cái thứ tình cảm tầm thường. Đó là cái đêm ngay sau vụ bắt cóc, khi người đàn bà mang họ Sloane, thằng bé và ông già còn đang mê man bất tỉnh trong phòng y tế trên tầng hai ngôi nhà khu Hackensack. Lúc đó Socorro cố hết sức căm thù bọn bị bắt, mà ả thầm gọi là vico bourgeois scum (4) và bây giờ cũng vẫn còn ghét. Nhưng khi đó ả đã buộc mình căm ghét, và ngay cả lúc này cũng vậy, điều mà ả nghĩ không thể nào hiểu nổi.

Mới sáng nay, trong chiếc lán cạnh đường băng, khi người phụ nữ nhà Sloane này hỏi một câu sau khi đã có lệnh im lặng của Miguel, Socorro cố tình tát chị ta lăn ra đất. Lúc ấy, tin là Miguel đang theo dõi, Socorro chỉ cố tỏ ra ngươi giữ nghiêm mệnh lệnh. Nhưng ngay sau đó, ả cảm thấy xấu hổ vì việc đã làm. Xấu hổ ư! Ả không được cảm thấy như thế!

Socorro tự nhủ: cần phải kiên quyết bỏ lại phía sau vĩnh viễn ký ức về những gì ả yêu thích – không, phải nói là tự dối mình – trong ba năm ở Mỹ. Ả phải ghét, căm ghép, căm thù nước Mỹ. Và cả những tù binh này nữa.

Ngay sau đó, khi có thuyền lướt trên dòng sông giữa đôi bờ cây xanh rậm rạp không một bóng người, ả thiếp đi. Chừng ba tiếng sau khi khởi hành, thuyền đang chạy chậm lại, rồi rẽ từ sông lớn vào một dòng suối nhỏ hơn; càng vào sâu suối càng hẹp lại với hai bờ dốc dựng đứng. Socorro nghĩ sắp tới Nueva Esperanza, ả tự trấn an rằng ở đó, ả sẽ tăng cường hơn nữa cái nhiệt huyết "cách mạng" của ả.

Nhìn con thuyền phía trước chạy dọc thung lũng kéo dài từ con sông Huallaga, Baudelio biết cuộc hành trình này sắp kết thúc, nên hắn rất mừng. Hợp đồng của hắn trong chuyến này cũng xong và hắn hy vọng chẳng lâu nữa sẽ có mặt tại Lima. Họ đã hứa với hắn, ngay khi mấy người tù tới nơi trong tình trạng khoẻ mạnh, ngay cả khi trời nóng ẩm đến ghê người như thế này.

Như thể xui khiến bởi ý nghĩ của hắn, bầu trời bỗng nhiên tối sầm lại, kéo theo một trận mưa như trút làm mọi thứ ướt đẫm, sũng nước. Mặc dù đã nhìn thấy bến, nơi đó có mấy chiếc thuyền nữa, thuyền của hắn mới cập bến; cả tù nhân lẫn người áp tải chỉ còn mỗi việc là ngồi chịu trận dưới mưa.

Baudelio thờ ơ với mưa gió; những ngày này hắn thờ ơ với mọi chuyện hắn gặp; thí dụ như lời thoá mạ của công già và người phụ nữ nhà Sloane kia. Đã từ lâu, hắn chẳng thèm để tâm đến những điều như vậy, và những tình cảm nhân đạo mà hắn đã từng thể hiện với người bệnh của hắn cũng đã chết từ lâu.

Điều lúc này hắn thực sự mong mỏi là được uống rượu, uống đã đời, hắn muốn uống cho say bí tỷ luôn. Hắn vẫn phải uống những viên Anabuse là loại thuốc làm cho kẻ uống rượu ốm lăn ốm

lóc – Miguel ngày nào cũng tự tay đưa và bắt tay bác sĩ nát rượu uống một viên – nhưng Baudelio định bụng sẽ thôi uống cái viên thuốc ấy ngay khi hắn và Miguel chia tay, điều mà hắn nghĩ cũng không còn là lâu nữa!

Baudelio còn một thèm muốn khác; đó là cô bồ của hắn ở Lima. Hắn biết ả là một con dâm đãng, đã từng là gái điếm, cũng nát rượu như hắn, nhưng trong bao nhiễu nhương của cuộc đời chìm nổi của hắn, ả là tất cả những gì hắn có, vì vậy hắn thấy nhớ ả. Chính vì nỗi cô đơn trống rỗng ấy đã khiến hắn lén dùng chiếc điện thoại ở ngôi nhà khu Hackensack gọi cho ả. Điều này trái với lệnh của Miguel, thành thử lúc ấy hắn đâm lo, chỉ sợ Miguel biết. Nhưng hắn nhẹ người, vì hình như không ai để ý đến cú điện thoại ấy.

Ôi, hắn cần uống rượu làm sao!
Thỏi sôcôla tuy không thay được thức ăn nhưng cũng làm đỡ đói. Jessica cứ cố nghĩ không hiểu sao ả mặt khó đăm đăm ấy lại hứng lên cho cả thỏi sôcôla, chỉ có điều nàng nhận thấy ả là một người tính khí không biết đâu mà lường trước được. Nàng giấu thỏi sôcôla trong túi áo, để bọn đeo súng trên thuyền khỏi nhìn thấy.

Trong lúc thuyền chạy, Jessica đưa cho Nicky phần to, nàng cũng ăn một chút và nhất định buộc Angus cũng phải ăn. Nàng nói nhỏ với ông rằng điều quan trọng là phải giữ sức, mà rõ ràng là sức lực của họ đang cạn dần sau chặng đi bằng xe tải, đi bộ đến đứt hơi qua rừng và sau mấy tiếng ngồi trên thuyền.

Về việc ba người bất tỉnh trong bao lâu, Jessica chợt nghĩ ra, căn cứ vào bộ râu không cạo của Angus. Trước đó nàng không để ý, nhưng đám râu bạc không cạo trên mặt ông nay trông quá dài. Nghe nàng nhận xét, Angus lấy tay sờ mặt và ước đoán có lẽ cũng phải bốn hay năm ngày ông chưa cạo.

Đến lúc này, có lẽ điều đó cũng không quan trọng, nhưng nàng vẫn đang thu thập mọi loại thông tin; đó chính là lý do tại sao nàng luôn cố tỉnh táo trong suốt chặng đường trên sông.

Không thể thấy gì khác ngoài cây cối um tùm dọc hai bờ sông ngoằn ngoèo uốn khúc, hầu như không có đoạn nào thẳng. Đôi lúc cũng thấy những chiếc ca nô chạy ở phía xa, nhưng không có chiếc nào tới gần.
Suốt chặng đường đi, Jessica thấy người ngứa ran. Lần đầu tỉnh lại khi đang ngồi trên sân lán, nàng biết có con gì đó đang bò trên người. Bấy giờ nàng nhận ra đó là bọn bọ chó đang liên tục đốt nàng. Song vì không thể cởi quần áo ra, nên chẳng có cách nào mà bắt chúng. Nàng hy vọng dù có bị đưa tới đâu đi nữa, chắc ở đó cũng có đủ nước để nàng có thể tắm rửa và thoát lũ bọ chó này.

Cũng như mọi người , Jessica, Nicky và Angus đều ướt như chuột lột trong trận mưa xối xả ngay trước lúc cập bến ở Nueva Esperanza. Nhưng đúng lúc thuyền cặp mạn ghé vào kè gỗ, đột nhiên mưa tạnh. Cũng chính vào lúc đó, cả ba người ngán ngẩm khi thấy vùng đất cấm khủng khiếp ở trước mặt.

Con đường ghồ ghề, lầy lội từ bờ sông dẫn tới một dãy khoảng hơn hai chục nóc nhà ọp ẹp, trong đó một số chỉ là những lều tạm bợ cột tre, vách bằng gỗ đóng thùng hàng và mái sắt tây han gỉ. Hầu hết là nhà không có cửa sổ, mặc dù hai nhà có vẻ như chỗ có cửa hàng. Mái lá không được sửa sang, nhiều chỗ hở toang hoác. Vỏ đồ hộp và rác rưởi vất đầy khu xung quanh. Mấy con gà gày guộc chạy nháo nhác. Ở phía bên kia, lũ diều hâu đang rỉa thịt con chó chết.

Liệu vào sâu nữa có gì khá hơn không? Câu trả lời đáng sợ nằm ngay trên con đường mấp mô, lúc này đang đầy bùn đất dẫn ra khỏi thôn, đi ngược lên đồi. Ngoài mấy nóc nhà đã thấy khi trước, không có gì khác ngoài rừng rậm bao quanh. Con đường biến mất trên đỉnh đồi.

Về sau, Jessica và hai người kia mới biết Nueva Esperanza thực ra là một xóm chài, nhưng Sendero Luminoso thỉnh thoảng dùng nó khi cần lẩn trốn. "Vayaanse a tierra! Muevanse! Aruense!" (5), Gustavo quát mấy người bị bắt, đồng thời ra hiệu bảo họ đi. Lòng buồn rười rượi, lo sợ những điều sắp tới, Jessica và hai ông cháu tuân theo. Những gì xảy ra sau đó hai phút lại còn tồi tệ hơn điều họ sợ.

Gustavo cùng bốn thằng nữa mang súng giải họ đi ngược con đường mòn lầy lội, rồi đẩy họ vào một túp lều cách xa bờ sông nhất. Vào trong lều, họ phải mất mấy phút mới quen với bóng tối mờ mờ. Jessica rên rỉ: "Ôi, lạy Chúa, không được! Các ông không thể nhốt chúng tôi ở trong cũi như thú vật được! Xin các ông đừng làm thế".

Ở phía trong cùng, nàng thấy ba chiếc cũi liền nhau rộng khoảng tám bộ vuông. Những thanh tre mỏng nhưng chắc buột chặt với nhau thay cho song sắt. Hơn nữa, giữa các cũi chằng dây thép gai để ngăn không cho người bị nhốt thò tay hoặc đưa gì cho nhau. Trước mỗi cũi là một thanh sắt cài có khoá to.

Bên trong cũi là một giường gỗ thấp có trải đệm mỏng đầy bụi đất; cạnh giường là một chiếc xô tráng men có lẽ dùng làm bô. Túp lều sực mùi hôi hám.

Trong lúc Jessica cầu xin và phẩn uất, Gustavo túm lấy nàng. Mặc dù nàng giằng kéo giãy giụa, bàn tay hắn cứng như thép. Xô nàng về phía trước, hắn ra lệnh "Vete pasa adentro!". Sau đó ngập ngừng nói bằng tiếng Anh: "Bà vào trong đó".

"Trong đó" chính là chiếc cũi xa cửa nhất, nói xong hắn thô bạo đẩy nàng vào. Nàng ngã giúi vào tường; cửa cũi đóng lại, và nàng nghe tiếng khoá sập vào. Từ phía bên kia, tiếng giằng co và phản đối của Angus vọng lại, nhưng ông đành chịu để chúng đẩy vào và khoá cửa cũi. Nàng nghe tiếng Nicky thút thít khóc ở cũi bên cạnh.

Những giọt nước mắt giận dữ, tuyệt vọng chảy dài trên má nàng.

Chú thích:
1 Đi đi! Nhanh lên.

2 Tởm lợm.
3 Đáng ghét.
4 Tầng lớp tư sản giàu có.
5 Lên bờ! Vận động lên! Nhanh!

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 8

Đã một tuần rưỡi trôi qua kể từ khi sáu mươi người tạm tuyển được CBA phái đi nghiên cứu báo chí địa phương trong khu vực, để tìm nơi bọn bắt cóc gia đình Sloane có thể đang ở. Tuy nhiên ở đây, cũng như các vùng khác, họ chưa tìm thấy được điều gì.

FBI, tuy không nói hẳn là họ cũng đang tắc, nhưng cũng chẳng biết gì thêm. CIA, hiện có tin đồn cũng bắt đầu tham gia, không có tuyên bố nào cả.

Hình như mọi người đang chờ đợi bọn bắt cóc đánh tiếng cùng với những đòi hỏi của chúng. Nhưng cho đến lúc này, điều đó vẫn chưa thấy xảy ra.

Tin về vụ bắt cóc vẫn liên tục được đưa, nhưng trong các buổi phát tin vô tuyến, nó không còn được ở vị trí hàng đầu, còn báo chí thì đưa tin này ở các trang sau.

Mặc dù dư luận có vẻ ít chú ý hơn, nhưng những lời phỏng đoán thì không thiếu. Trong giới đưa tin, người ta ngày càng tin rằng những người bị bắt cóc đã được lén đưa ra nước ngoài. Còn đi đâu thì hầu hết cho là đi Trung Đông.

Chỉ có ở CBA người ta lại nghĩ khác. Vì nhóm đặc nhiệm đã xác định tên khủng bố người Colombia Ulises Rodriguez là kẻ đã tham gia, và có lẽ là tên cầm đầu nhóm bắt cóc, nên mọi người tập trung chú ý vào khu vực Mỹ Latinh. Nhưng vẫn chưa xác định được có thể nước nào là hang ổ của bọn chúng.

Những người có liên quan rất đỗi ngạc nhiên là cho đến giờ này mới chỉ có CBA biết về sự dính líu của Rodriguez . Mọi người đều nghĩ tin này thế nào cũng đến tai các hãng thông tin báo chí, đài phát thanh… và rồi ai cũng biết. Nhưng cái điều có thể xảy ra bất cứ lúc nào ấy đến nay vẫn chưa xảy ra.

Trong khi đó, khác với các hãng khác, CBA lại luôn đưa tin về vụ bắt cóc, bằng cách bắt chước cách thức mà địch thủ của mình là CBS đã làm. Trong suốt thời gian khủng hoảng Iran 1979-1981, Walter Cronkite, người dẫn chương trình chiều của CBS lúc ấy luôn kết thúc buổi phát tin bằng câu "cuộc khủng hoảng là như vậy, tính đến hôm nay, các con tin Mỹ đã bị giam giữ tại Iran… ngày" (tổng cộng họ bị giam giữ 444 ngày).

Như Barbara Matusow, nhà lịch sử rất am hiểu về lĩnh vực phát tin đã viết trong cuốn "Những ngôi sao ban chiều" của bà, Cronkite "đã quyết định là các con tin trở thành vấn đề quan trọng đến mức không được phép để rơi sự chú ý của mọi người cho dù chỉ trong một buổi tối".

Cũng bằng cách đó, Harry Partridge, hiện đang thay thế nhiệm vụ dẫn chương trình, luôn bắt đầu bằng câu: "Tính đến nay, vợ, con và cha của người dẫn chương trình tin CBA Crawford Sloane đã bị bắt cóc một cách dã man (số) ngày…". Sau đó là những điều liên quan tới vụ bắt cóc.

Theo chủ trương của Chippingham, đã được ông giám đốc chấp hành đồng ý, trong tất cả các bản tin chiều đều nhắc đến vụ bắt cóc gia đình Sloane, cho dù phải thông báo là chưa có tiến triển gì mới.

Nhưng vào sáng thứ hai, tức là mười ngày sau khi phái người tìm kiếm trong báo chí địa phương, một sự kiện mới làm cho cả Ban tin CBA náo nức hẳn lên, chấm dứt thời gian không có động tĩnh gì vốn đang làm cho mọi người trong nhóm đặc nhiệm ngán ngẩm.

Lúc đó, Harry Partridge đang làm việc tại văn phòng. Vừa nhìn lên anh thấy Teddy Cooper đứng ở cửa, và sau anh ta là Jonathan Mony, chàng thanh niên da đen đã gây cho anh ấn tượng mạnh khi những người tạm tuyển tập họp nhau lại.
"Có thể chúng ta đã có manh nối, Harry ạ", Cooper nói.
Partridge vẫy tay mời hai người vào.
"Jonathan sẽ nói rõ với anh". Rồi Cooper ra hiệu bảo Mony: "Cậu kể đi".
"Hôm qua tôi tới toà báo ở Astoria, anh Partridge ạ", Mony bắt đầu với vẻ tự tin. "Vùng đó thuộc khu Queens, gần mỏm Jackson. Tôi đã làm tất cả những gì anh dặn, nhưng không phát hiện được gì. Rồi khi trở ra, tôi nhìn thấy trụ sở tờ tuần báo tiếng Tây Ban Nha tên là Semana. Tờ báo này không có trong danh sách của anh, nhưng tôi vẫn mò vào".
"Cậu nói được tiếng Tây Ban Nha à?".

Mony gật đầu: "Tôi nói khá thạo. Rồi tôi yêu cầu được xem những số báo trong thời gian như ta quy định, và họ cho tôi xem. Cũng chẳng thấy thêm được gì, nhưng lúc tôi ra về, họ đưa tôi số báo mới nhất. Tôi mang về nhà và suốt tối qua đọc hết cả tờ báo".
"Và cậu ta mang tới cho tôi sáng nay", Cooper nói thêm. Anh chìa ra tờ báo khổ nhỏ, rồi mở để trên bàn Partridge: "Chúng tôi nghĩ cột này sẽ làm anh quan tâm, còn đây là bản dịch của Jonathan".
Partridge liếc qua tờ báo, rồi đọc bản dịch đánh máy gọn trong một trang giấy.

Chào các bạn. Các bạn không nghĩ rằng có người mua áo quan theo kiểu như tôi và các bạn mua pho mát ở cửa hàng đúng không? Thế mà có đấy! Hãy hỏi Alberto Godoy ở Nhà đòn Godoy. Hình như có một người từ đường bước vào và mua hai áo quan, một cái kích cỡ bình thường, cái kia nhỏ hơn. Anh ta bảo mua cho bố mẹ mình, cái nhỏ là cho mẹ. Điều đó là thế nào, thưa các cụ? Có nghĩa là: "Nào, các cụ, cuộc vui đã tàn, mời các cụ đi cho".

Các bạn khoan hãy đi nào! Tuần trước, tức là sáu tuần sau đó, lại vẫn anh chàng nọ quay lại, mua thêm một chiếc áo quan cỡ bình thường nữa. Anh ta trả bằng tiền mặt và mang đi giống như lần trước. Chẳng nói lần này mua cho ai. Không biết có phải vợ anh ta ngoại tình không? Xin nói với các bạn: Albert Godoy không cần biết điều ấy. Ông ta bảo sẵn sàng và sẵn lòng phục vụ theo kiểu đó.

"Còn thế này nữa, Harry ạ", Cooper thêm. "Chúng tôi vừa gọi điện thoại đến báo Semana, Jonathan nói chuyện và chúng tôi gặp may. Tay viết báo đang có mặt ở đó".

"Anh ta bảo tôi là viết bài đó vào thứ sáu tuần trước. Anh ta gặp Godoy trong quán rượu, và ông này kể là hôm đó vừa bán thêm chiếc áo quan thứ ba xong", Mony kể.
"Tức là ngay sau hôm xảy ra vụ bắt cóc", Cooper nói thêm.
"Gượm đã", Partridge bảo: "Đừng nói gì nữa, để tôi nghĩ một chút".
Anh ngồi ngẫm nghĩ, trong khi hai người kia im lặng.

Bình tĩnh nào, anh tự nhủ. Chớ vội kết luận nhé! Nhưng dữ kiện này không thể nhầm lẫn được; hai chiếc áo quan đều được mua trước khi xảy ra vụ bắt cóc sáu tuần, chỉ trước việc gia đình Sloane bị bám sát cả tháng liền, và đúng trong khoảng thời gian ba tháng mà nhóm đặc nhiệm dự kiến tìm kiếm. Rồi còn kích cỡ của hai áo quan nữa; một bình thường, một cái nhỏ nói là để cho một bà già, nhưng cũng có thể dùng cho đứa trẻ độ mười một tuổi. Còn chiếc thứ ba, theo lời bài báo cũng là chiếc cỡ bình thường. Thực tế là thế này: ông già Angus, cha của Crawford, đến thăm con trai chỉ báo trước có một ngày qua điện thoại. Vì thế, nếu gia đình Sloane không ngờ ông đến, thì bọn bắt cóc cũng vậy. Nhưng chúng bắt cả ông cùng Jessica và Nicky. Như vậy là ba, chứ không phải hai.

Vấn đề là: có đúng là chúng đã có hai áo quan rồi không? Có phải việc bắt cả ông bố làm chúng phải mua thêm chiếc thứ ba không? Có phải vì thêm ông mà chúng phải mua thêm chiếc nữa ở Nhà đòn Godoy ngay hôm sau vụ bắt cóc không? Hay tất cả chỉ là một sự trùng hợp kỳ lạ? Có thể có, mà cũng có thể không phải như vậy".
Partridge ngước nhìn hai người, lúc đó đang chăm chú theo dõi nét mặt anh.

"Nhiều vấn đề suy nghĩ, phải không?", Cooper hỏi. "Anh có nghĩ là…".
"Tôi nghĩ là chúng ta đã có thể biết chúng đưa chị Sloane và hai ông cháu ra khỏi Mỹ bằng cách nào". "Cho vào áo quan ư? Anh nghĩ họ đã chết rồi sao?".
Cooper lắc đầu: "Dùng thuốc mê. Chuyện đó trước đã xảy ra".
Lời nói của Cooper khẳng định điều Partridge đang nghĩ. "Bây giờ làm gì, anh Partridge?", Mony hỏi.
"Chúng ta phải gặp ngay ông báo áo quan…", Partridge liếc qua bản dịch tiếng Anh trên đó có ghi địa chỉ nhà đòn. "Ông Godoy ấy. Tôi sẽ làm việc đó".
"Tôi muốn cùng đi với anh".
"Đáng để cậu ta cùng đi, Harry ạ", Cooper khuyên.
"Tôi cũng nghĩ thế", Partridge cười, nhìn Mony và nói: "khá lắm, Jonathan".

Chàng thanh niên rạng rỡ ra mặt.
Partridge quyết định đi ngay, đem theo một thợ quay phim. Anh bảo Cooper: "Tôi nghĩ Minh Văn Cảnh chắc đang ở trong phòng họp. Nói anh ta mang đồ nghề cùng đi với ta luôn".

Cooper đi ra, còn Partridge nhấc điện thoại, điều xe của hãng CBA.
Khi đi ngang qua phòng tin chính, anh và Mony gặp Don Kettering, phóng viên phụ trách các tin thuộc màng lưới kinh doanh của hãng. Khi có tin về vụ bắt cóc gia đình Sloane, chính Kettering là người được giao nhiệm vụ ngồi vào "chỗ nóng" trong phòng phát tin và trở thành người đầu tiên đọc bản tin đặc biệt trên vô tuyến truyền hình.

"Có gì mới chưa", anh ta liền hỏi. Gọn gàng trong bộ comple may đo màu nâu, bộ ria mỏng tỉa gọn, Kettering lúc nào trông cũng ra dáng một nhà kinh doanh làm ăn phát đạt.
Partridge định trả lời xã giao rồi đi ngay, nhưng lại lưỡng lự. Anh kính nễ Kettering không chỉ là một chuyên gia, mà còn là một phóng viên hạng nhất. Với cung cách đó, Kettering có thể dễ dàng hơn anh trong vấn đề mà anh sắp phải xử lý.
"Cũng có đấy, Don ạ. Anh có bận gì bây giờ không?".
"Cũng không bận lắm. Thị trường chứng khoán hôm nay yên ắng. Anh cần tôi giúp không?".
"Có thể lắm. Hãy đi với chúng tôi. Trên đường đi, tôi sẽ nói để anh rõ".
"Để tôi báo ban đã nhé". Kettering nhấc ống nói ở chiếc bàn gần nhất. "Đi trước đi, tôi sẽ ra ngay bây giờ".
Chiếc xe Jeep đít vuông sẽ đi ra qua cổng chính của Ban tin tức hãng CBA, và chưa đầy một phút sau, Partridge, Mony, Minh Văn Cảnh đã đứng ở ngoài phố. Anh thợ quay phim vác máy trèo lên ghế phía sau với sự giúp đỡ của Mony. Partridge ngồi ghế trước, cạnh người lái xe. Khi cửa xe đóng lại, Don Kettering tới và chen vào ngồi phía ghế sau.
"Chúng ta sang khu Queens", Partridge nói với người lái xe. Anh có mang theo tờ tuần báo Semana cùng bản dịch của Mony và đọc to địa chỉ Nhà đòn Godoy.
Người lái xe quay đầu xe, chạy về hướng cầu Queensboro.
"Don này", Partridge nói và quay đầu lại phía sau. "Đây là những gì chúng tôi biết, và cũng là điều chúng tôi đang còn phân vân…".

Hai mươi phút sau, trong văn phòng bừa bộn và mù mịt khói, Harry Partridge, Don Kettering và Jonathan Mony đối diện với ông chủ nhà đòn béo tròn, đầu hói đang ngồi ở bàn. Ba người không chịu trả lời những câu mà bà thư ký ở ngoài hỏi, cứ bước thẳng vào phòng.
Theo lệnh của Partridge, Minh Văn Cảnh vẫn ngồi lại trên xe đậu ở ngoài. Khi cần quay, anh ta sẽ được gọi vào. Lúc này từ trong xe, Minh Văn Cảnh kín đáo quay ngôi nhà của Godoy.

Mồm ngậm thuốc là, ông chủ nhà đòn xét đoán mấy vị khách với vẻ ngờ vực. Còn khách cũng nhận thấy vẻ tồi tàn của văn phòng, những thớ thịt chảy xệ chứng tỏ ông chủ là tay bợm rượu, những vết đồ ăn dây trên chiếc áo khoác màu đen và quần ghi kẻ sọc của ông ta. Xem ra cái cửa hàng này chẳng ra gì, và có lẽ cũng không được quản lý một cách cẩn thận, chu đáo.

"Ông Godoy, như đã nói với bà thư ký ngoài kia, chúng tôi là người của hãng CBA", Partridge nói.

Godoy tỏ vẻ chăm chú: "Ông có phải là người tôi thấy trên tivi không? Trong chương trình phát đi từ nhà Trắng ấy?".
"Đó là John Cochran; mọi người thỉnh thoảng vẫn nhầm tôi với anh ta. Anh ta làm cho hãng NBC, còn tôi là Harry Partridge".
Godoy đập tay đánh đét một cái vào đầu gối. "À, anh là người đưa tin về mấy người bị bắt cóc, đúng không?".
"Đúng thế; một phần vì việc đó mà chúng tôi tới đây. Chúng tôi ngồi được chứ?".
Godoy ra hiệu mời ngồi. Partridge và mấy người kia ngồi đối diện ông ta.
Partridge giơ tờ Semana ra hỏi: "Tôi xin phép hỏi ông đã đọc số báo này chưa?".
Godoy sa sầm mặt. "Cái thằng chó đẻ lẻo mồm khốn kiếp! Hắn không có quyền đưa lên báo những điều hắn nghe lỏm, chứ đâu phải kể với hắn".
"Tức là ông có xem và biết họ viết gì trong đó à?".
"Tất nhiên tôi có biết. Thế thì sao?".
"Chúng tôi muốn ông trả lời cho một số câu hỏi, ông Godoy ạ. Trước tiên, người mua áo quan ấy tên là gì? Mặt mũi ra sao? Ông có thể tả cho húng tôi được chứ?".
Ông chủ nhà đòn lắc đầu. "Đó là việc riêng của tôi". "Việc này rất quan trọng, ông ạ", Partridge cố làm vẻ thân thiện, nói nhỏ. "Rất có thể nó liên quan tới chuyện ông vừa nhắc đến, tức là vụ bắt có gia đình Sloane". "Liên quan thế quái nào được". Rồi Godoy bướng bỉnh nói thêm. "Dẫu sao cũng là việc riêng, đừng hỏi vô ích. Xin lỗi các ông, tôi có việc phải làm".

Lúc này Don Kettering mới lên tiếng: "Mấy áo quan đó ông đòi bao nhiêu? Chúng tôi muốn biết giá người ta trả cho ông là bao nhiêu?".
Ông ta đỏ mặt. "Tôi nói mãi với các ông rồi mà. Việc của tôi, tôi lo. Các ông lo việc của các ông".

"À, dĩ nhiên rồi", Kettering nói: "Thực tế việc của chúng tôi là từ đây đi thẳng tới sở thuế thành phố New York". Anh chỉ tờ Semana, rồi nói tiếp: "Mặc dù tờ báo này nói người ta trả ông toàn bằng tiền mặt, nhưng tôi chắc ông nhận tiền, báo và đóng thuế tại sở; việc này hẳn họ sẽ ghi lại, trong đó có cả tên người mua". Kettering quay sang nói với Partridge: "Harry này, sao ta không đến luôn sở thuế nhỉ. Ông này không muốn hợp tác, thì ta còn ở đây làm gì?".
Godoy xanh mặt, rồi ấp úng: "Ấy, khoan đã nào. Thư thư cho một chút".
Kettering quay lại, làm bộ ngây thơ: "Sao nào?".
"Có thể tôi…".
"Có thể ông đã không đóng thuế, cũng chẳng báo sở, mặc dù chắc chắn là ông đã bán". Giọng Kettering trở nên hách dịch, không cần làm vẻ thân thiện, anh nhoài người qua bàn. Trước nay chưa được thấy anh chàng phóng viên hành động kiểu này, Partridge rất mừng là đã kéo anh ta cùng đi.
"Godoy, hãy nghe cho kỹ", Kettering tiếp tục nói: "Một hãng như hãng của tôi bao giờ cũng có khối miếng hiểm, và chúng tôi buộc phải dùng đến chúng khi cần; nhất là lúc này, chúng tôi đang phải chiến đấu để bảo vệ chính người của mình chống lại một tội ác bẩn thỉu, đó là bắt cóc gia đình anh ta. Chúng tôi cần ông trả lời ngay những câu hỏi của chúng tôi. Nếu ông giúp chúng tôi, chúng tôi cũng có cách giúp ông, bằng việc không tiết lộ những điều không quan trọng đối với chúng tôi, chẳng hạn như vấn đề thuế doanh thu và thuế thu nhập – có khi ông còn giấu cả sở thuế thu nhập nữa chưa biết chừng. Nhưng nếu ông không trả lời thành thực, thì

ngay hôm nay, chúng tôi sẽ báo FBI, sở cảnh sát New York, sở thuế doanh thu và thuế thu nhập. Ông thích làm việc với chúng tôi, hay với họ, tuỳ ông lựa chọn".
Godoy liếm môi. "Tôi sẽ trả lời câu hỏi của các ông" – giọng ông ta có vẻ cam chịu.
"Harry, mời anh", Kettering gật đầu bảo.
"Ông Godoy", Partridge hỏi: "Ai mua những áo quan ấy?".
"Anh ta bảo tên là Novack. Tôi không tin đó là tên của anh ta".
"Có lẽ ông nghĩ đúng. Ông còn biết gì về anh ta nữa không?".
"Không".
Partridge thò tay vào túi. "Tôi sẽ đưa ông xem bức ảnh. Chỉ cần cho tôi biết phản ứng của ông thế nào". Anh đưa ra bức ảnh Ulises Rodriguez, vẽ bằng chì hai mươi năm trước.
Godoy nói ngay: "Chính là anh ta, Novack. Anh ta già hơn trong ảnh".
"Chúng tôi biết. Ông có hoàn toàn chắc chắn đó là anh ta không?".
"Chắc chắn. Tôi thấy anh ta hai lần. Anh ta ngồi chỗ mà anh đang ngồi bây giờ".
Trong một loạt sự việc bắt đầu hôm nay, đây là lần đầu tiên Partridge cảm thấy hài lòng. Một lần nữa, nhóm đặc nhiệm lại khai thông trong công tác điều tra. Mối liên quan giữa mấy chiếc áo quan và vụ bắt cóc được xác định chắc chắn. Liếc nhìn Kettering và Mony, anh biết họ cũng nhận thấy điều đó.
"Ta hãy xem Novack nói với ông những gì. Từ đầu nhé", anh bảo Alberto Godoy.
Qua các câu hỏi và trả lời, Partridge cố khai thác ông chủ hiệu áo quan được càng nhiều càng tốt. Nhưng xem ra cũng không nhiều lắm, vì rõ ràng Ulises Rodriguez đã rất cẩn thận không để lại dấu vết.
"Anh có ý gì khác không Don?", Partridge hỏi.
"Cũng có một vài ý".
Kettering nói với Godoy. "Tôi muốn hỏi về số tiền mặt Novack trả cho ông. Tôi nghĩ ông bảo cả hai lần hắn đưa ông tổng cộng là mười ngàn đô la, chủ yếu là tờ một trăm đô, đúng không?".
"Đúng".
"Số tiền đó có gì đặc biệt không?".
"Tiền là tiền, chứ gì đặc biệt?", Godoy lắc đầu trả lời.
"Toàn tiền mới à?".
Ông ta ngẫm nghĩ: "Ít thôi, còn chủ yếu là tiền cũ".
"Số tiền ấy hiện giờ ở đâu?".
"Tiêu rồi. Tôi dùng trả tiền hàng hết rồi". Godoy nhún vai, nói thêm: "Thời buổi này tiền nhanh hết lắm".
Trong lúc hai người hỏi, Jonathan Mony chăm chú quan sát ông chủ nhà đòn. Lúc đầu, khi nói đến chuyện tiền mặt, câu ta tin là thấy Godoy hoảng hốt. Lúc này cậu ta cũng vẫn có cảm giác đó. Cậu ngoáy mấy chữ trên mảnh giấy, rồi đưa cho Kettering. Trên giấy viết: "Ông ta nói dối. Ông ta vẫn còn giữ một số tiền lại. Ông ta ngại cho mình biết vì còn sợ chuyện thuế doanh thu và thuế thu nhập".
Anh phóng viên đọc mẩu giấy, khẽ gật đầu và đưa trả lại. Anh ta hỏi Godoy, mềm mỏng nhưng lên giọng như thể sắp đi. "Ông còn nhớ, hoặc có thể nhớ thêm được điều gì giúp ích chúng tôi không?". Nói xong, Kettering quay đi.
Godoy, lúc này có vẻ nhẹ nhỏm và tự tin, rõ ràng luốn mau kết thúc, nên trả lời: "Không còn quái gì cả".

Kettering quay ngoắt lại, mặt sắt lại, đỏ bừng vì tức giận, anh ta bước nhanh lại phía hắn, vươn người túm vai ông chủ hiệu áo quan. Xoay người ông ta đến khi đối diện mình, Kettering dằn từng tiếng: "Godoy, ông là tên nói dối khốn kiếp. Ông vẫn còn giữ một số tiền đó. Vì ông không cho chúng tôi xem, thử để sở thuế thu nhập có thấy nó được không. Tôi đã bảo nếu ông giúp chúng tôi, chúng tôi sẽ không gọi họ đến. Thôi, giờ đành làm thế vậy".
Kettering đẩy Godoy xuống ghế, thò tay lấy trong túi ra cuốn sổ tay mỏng dùng ghi địa chỉ và kéo chiếc điện thoại trên bàn về phía gần mình.
Godoy hết to: "Đừng". Ông ta giật máy lại, thở hổn hển và làu bàu: "Đồ con hoang! Thôi được, tôi sẽ cho ông xem".
"Ông hiểu cho rằng đừng nên giở trò dối trá nữa nhé. Sau việc này…".
Godoy, lúc này đang đứng, gỡ khung kính để giấy phép kinh doanh của ông treo trên tường đằng sau bàn xuống để ló ra một chiếc két sắt. Ông chủ hiệu xoay số mở khoá.
Mấy phút sau, Kettering xem xét kỹ số tiền khoảng bốn ngàn đôla mà Godoy vừa lôi ra từ trong két, trong khi những người khác đứng nhìn. Anh ta xem cả hai mặt từng tờ giấy bạc, rồi xếp chúng thành ba xấp, hai xấp nhỏ, còn xấp kia to hơn. Cuối cùng anh ta đẩy xấp tiền to về phía Godoy, chỉ hai xấp nhỏ và nói: "Chúng tôi cần mượn số này. Chúng tôi sẽ ghi biên nhận cẩn thận với danh nghĩa CBA mượn. Ông có thể ghi số xêri nếu ông muốn, rồi cả tôi và ông sẽ ký vào giấy biên nhận. Tôi xin bảo đảm ông sẽ nhận lại đầy đủ số tiền sau bốn mươi tám tiếng đồng hồ và sẽ không bị hỏi thêm gì nữa".
"Tôi nghĩ thế cũng được", Godoy miễn cưỡng nói.
Kettering ra hiệu bảo Partridge và Mony lại gần hai xấp tiền nhỏ. Tất cả đều là giấy bạc một trăm đôla.
Kettering bảo: "Nhiều người ngại dùng loại giấy bạc một trăm đôla vì sợ bị tiền giả. Chẳng hạn, anh thuê xe và trả bằng giấy bạc một trăm đô khi giao lại xe, Hortz hay hãng cho thuê xe nào cũng vậy, sẽ ghi số hợp đồng thuê xe lên tờ giấy bạc đó, để nếu là bạc giả họ có thể tìm ra chỗ của anh. Cũng vì thế, một số thủ quỹ nhà băng ghi tên người giữ hoặc số tài khoản của người đó lên tờ bạc họ đưa nhà băng".
"Tôi thấy việc đó cả trăm lần mà cứ không thiểu tại sao phải làm thế", Partridge nói.
"Tôi thì chưa", Mony xen vào. "Loại giấy bạc đó đâu đến ượt tôi".
"Chú mày cứ vào được hãng truyền hình thì khắc đến lượt", Kettering cười bảo. Rồi anh tiếp tục giảng giải: "Tất nhiên đánh dấu lên tờ bạc thế là bất hợp pháp. Làm biến dạng tờ bạc cũng là phạm tội hình sự, nhưng giá có quy định tội danh ấy thì cũng chẳng mấy ai để tâm. Dẫu sao thì trong xấp thứ hai có ghi tên. Harry ạ, nếu anh muốn, tôi có thể đưa cho mấy anh bạn ở nhà băng xem các nhóm số này, họ có thể biết ai là người dùng tiền ấy, sau đó sẽ thử qua máy tính. Còn những cái tên ghi ở đây, tôi sẽ tra trong danh bạ điện thoại, để xem người có tiền và dùng tờ bạc một trăm này ở đâu".
"Tôi cho rằng tôi có thể hình dung ra được, chúng ta phải làm gì", Partridge đáp. "Nhưng Don này, anh có thể nói rõ chúng ta tìm kiếm cái gì trong mấy xấp tiền này?".
"Tìm nhà băng. Các thông tin ta thu được sẽ đưa ta tới được nhà băng đã nhận số giấy bạc này; rất có thể nhân viên nhà băng đã viết những số và tên mà anh thấy trên tờ bạc. Rồi, nếu chúng ta may mắn, chúng ta có thể tìm ra được nhà băng đã gửi tiền này cho ai".
"Tôi hiểu rồi", Mony nói. "Trả tiền này cho những tên bắt cóc, bọn này dùng tiền đó trả tiền mua áo quan của ông Godoy".

“Đúng vậy”, Kettering gật đầu. “Tất nhiên cũng là hú hoạ thôi, nhưng nếu đúng, ta có thể tìm ra ngân hàng nơi bọn bắt cóc gửi tiền, và chúng có thể có tài khoản ở đó”. Anh ta nhún vai. “Một khi đã biết được điều đó, anh có thể bắt đầu điều tra từ đó, Harry ạ”.

“Tuyệt quá, Don ạ”, Partridge nói. Cho đến lúc này, những việc ta làm cầu may hoá ra lại hay”.

Nhìn thấy tờ Semana, theo đó họ lần tới đây, anh nhớ tới lời bác Arthur nói khi bắt đầu cuộc tìm kiếm trên báo chí địa phương: “Những việc cầu may có cái là tuy không mấy khi biết chắc là đang tìm kiếm cái gì, song rất có thể ta gặp được một cái gì đó có ích cho ta theo một cách khác”.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 9

Không khí trong văn phòng Alberto Godoy dần dần bớt căng thẳng. Bây giờ, khi mấy tay khách làm căng thẳng. Bây giờ, khi mấy tay khách làm căng từ Bản tin truyền hình đã được đáp ứng đúng yêu cầu, nên mối đe doạ không còn treo lơ lửng trên đầu nữa, ông chủ nhà đòn mới cảm thấy nhẹ nhõm. Xét cho cùng, Godoy tự nhủ, bán ba cái áo quan cho Novack, dù tên hắn là gì đi nữa, thì đâu có gì là bất hợp pháp. Làm sao ông biết được mấy cái quan tài khốn kiếp đó dùng vào việc tội lỗi? À, kể ra cả hai lần Novack tới mua, ông cũng có nghi ngờ tí chút, và không hề tin lời giải thích dông dài của hắn thật. Nhưng cứ thử đưa bằng chứng đi. Đừng hòng! Họ lần đâu ra được chứ?

Bữa nay, khi bắt đầu cái vụ ồn ào này, có hai điều làm ông ta lo lắng: đó là chuyện thuế doanh thu. Ông ta đã lấy tiền hai chiếc áo quan đầu, nhưng không cho vào sổ, và việc ông không vào sổ là để số mười ngàn đôla Novack trả không bị tính là thu nhập. Nếu sở thuế thu nhập mà biết thì thật rách chuyện. Ừ, mấy tay phóng viên truyền hình có hạng này đã hứa sẽ không hở chuyện tiền này ra, và ông tin là họ giữ lời. Ông nghe người ta bảo chính vì cách đó mà phóng viên tin truyền hình mới lấy được nhiều thông tin. Khi mọi chuyện đã xong, ông phải thú nhận thấy cung cách họ làm ông cũng hoảng. Nhưng đừng hòng ông hé môi điều gì về chuyện hôm nay nếu cái thằng thối mồm chuyên nghe lỏm của tờ Semana lảng vảng bên cạnh.
"Ông đưa tôi tờ giấy", Don Kettering bảo, "tôi sẽ viết giấy biên nhận số tiền mượn của ông".

Godoy mở ngăn kéo bàn đựng những thứ lặt vặt, và lôi ra một xếp giấy có dòng kẻ. Khi đóng ngăn kéo, ông chợt nhìn thấy mảnh giấy rời có chữ của ông. Ông nhét nó vào đây tuần trước và quên khuấy đi mất.
"Ấy, còn cái này! Novack đến đây lần thứ hai…".
"Cái gì thế?", Partridge hỏi giật giọng.
"Tôi đã nói với các ông là hắn tới bằng chiếc xe tang Caddy, do một người nữa cầm lái. Họ cho áo quan vào xe chở đi".
"À có, ông có nói thế".
Godoy chìa mảnh giấy ra. "Đây là số biển kiểm soát của chiếc xe đó. Tôi ghi lại, nhét vào đây rồi quên mất".
"Tại sao ông làm thế?", Kettering hỏi.
"Có thể do linh tính thôi", Godoy nhún vai "Thế có sao không?".
"Không sao", Partridge đáp. "Dẫu sao cũng cám ơn ông. Chúng tôi sẽ kiểm tra thêm". Anh gập tờ giấy bỏ vào túi, mặc dù cũng không hy vọng tìm ra được gì. Anh còn nhớ biển số của chiếc xe

hòm hiệu Nissan bị nổ ở White Plains là biển giả nên chẳng cho biết thêm gì. Nhưng mọi manh mối đều phải xem xét kỹ, chớ coi thường.

Partridge suy nghĩ về việc đưa tin cụ thể hơn. Anh cho rằng một số hoặc hầu hết những gì họ đã tìm ra, trong đó có việc Ulises Rodriguez dính líu đến vụ bắt cóc, sẽ phải phát sớm, mà chắc là ngay trong mấy ngày tới. Việc hãm tin ở CBA bao lâu cũng có giới hạn; dù cho tới nay họ vẫn gặp may, song sự thể có thể thay đổi bất cứ lúc đó. Partridge thấy người phần chấn trước viễn cảnh được thông báo đã có tiến triển và quyết định ngay lúc này anh cần phải nghĩ xem nên đưa như thế nào.
"Ông Godoy", Partridge nói. "chúng tôi bắt đầu có lẽ không được hay lắm đối với ông, nhưng ông đã giúp ích cho chúng tôi rất nhiều. Ông nghĩ thế nào về việc chúng tôi quay băng hình, ghi lại những điều ông kể với chúng tôi hôm nay?".

Nghĩ đến việc được lên ti-vi, mà lại là ở một hãng có tiếng làm ông Godoy thích thú. Nhưng rồi ông nhận ra rằng việc đó sẽ đưa ông tới chỗ phải trả lời đủ mọi loại câu hỏi, kể cả những câu hỏi về thuế doanh thu mà ông rất lo. Vì vậy, ông lắc đầu trả lời "Không, cám ơn anh".
Partridge nói, như đọc được ý nghĩ của ông "Chúng tôi sẽ không để ông lộ diện, hoặc nói tên ông. Chúng tôi sẽ thực hiện cái gọi là "phỏng vấn hình mờ", tức là quay ngược ánh đèn nên người xem chỉ thấy bóng người nói. Chúng tôi còn có thể làm giọng ông khác đi".
"Nghe sẽ như tiếng máy xay cà phê ấy", Kettering nói thêm. "Đến vợ ông cũng sẽ chẳng nhận ra. Làm tới đi, Godoy, có mất gì đâu? Chúng tôi có mang theo người quay hiện đang ngồi ngoài xe; anh ta là chuyên gia thực thụ đấy. Thế là ông sẽ giúp chúng tôi cứu những người bị bắt cóc".
"Thôi thì…", ông Godoy ngần ngại "nhưng các ông hứa là phải giữ bí mật, chớ nói với ai nhé?".
"Tôi hứa như vậy", Partridge trả lời.
"Tôi cũng thế" Kettering tán thành.
"Cả tôi nữa" Mony nói thêm.

Kettering và Partridge nhìn nhau, biết rằng lời họ vừa hứa và sẽ giữ đúng, đó là cung cách của người làm báo đứng đắn, cho dù hậu quả thế nào đi nữa, nhưng sẽ làm họ gặp chuyện phiền toái. FBI và gì gì nữa, có thể phản đối chuyện giữ bí mật, họ sẽ đòi cho biết cái bóng đó là ai. Rồi, các luật sư của hãng sẽ lo liệu chuyện đó; trước kia cũng đã từng khối chuyện om xòm kiểu đó.

Partridge còn nhớ năm 1986, hãng NBC đã thực hiện được cuộc phỏng vấn tên khủng bố người Palestin là Mohamed Abul Abbas mà họ tốn bao công đeo đuổi nhưng gây nhiều tranh cãi. Sau đó, vô số người xúm vào công kích NBC, không chỉ vì đã tiến hành phỏng vấn, mà còn vì đã thoả thuận trước, và giữ đúng cam kết, là không tiết lộ nơi phỏng vấn. Thậm chí một số người trong giới thông tin đại chúng cũng hùa theo, nhưng rõ ràng chẳng qua vì tự ái nghề nghiệp mà thôi. Trong khi tranh cãi đang căng, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Mỹ lên tiếng chỉ trích, còn Bộ Tư pháp thì doạ gửi trát đòi tổ phóng viên phỏng vấn hôm đó đến để thẩm vấn; nhưng cuối cùng chẳng có chuyện gì xảy ra… (Bộ trưởng ngoại giao lúc đó là Goorge Shultz, khi được hỏi chỉ trả lời: "Tôi tin vào quyền tự do của báo chí").

Thực tế mọi người đều biết là các hãng thông tấn tự nó cũng là một thứ luật lệ. Điều chắc chắn là ít bộ và chính khách muốn dây với họ trong các vấn đề pháp lý. Vả lại, nhìn chung báo chí của thế giới tự do chủ trương phanh phui sự thật, tự do và nguyên vẹn. Tất nhiên không phải bao giờ cũng được như thế; các tiêu chuẩn thường không được tôn trọng đầy đủ, vì người làm báo cũng là con người. Nhưng nếu bạn một mực chống lại những gì báo chí chủ trương, bạn sẽ có thể thuộc phe "bẩn" hơn là phe "sạch".

Trong lúc Partridge đang suy nghẫm về những điều cơ bản của nghề mình, Minh Văn Cảnh chuẩn bị quay cuộc phỏng vấn Godoy dưới sự dàn dựng của Kettering.

Partridge gợi ý Kettering thực hiện phỏng vấn, một phần cũng vì anh chàng phóng viên này muốn tiếp tục tham gia vào việc đưa tin vụ bắt cóc người nhà Sloane; suy cho cùng, thì toàn bộ Ban tin đều hết lòng quan tâm đến vấn đề này. Ngoài ra cũng còn nhiều khía cạnh của vấn đề mà Partridge định tự mình lo liệu.

Anh đã quyết định khi có điều kiện anh sẽ qua ngay Bogota, Colombia. Mặc dù đồng ý với ý kiến của anh bạn phóng viên đài phát thanh ở Colombia là Ulises Rodriguez không có mặt tại nước đó, nhưng Partridge tin rằng đã đến lúc anh tự mình tìm kiếm ở Mỹ Laltinh, và Colombia rõ ràng là nơi bắt đầu.

Minh Văn Cảnh thông báo anh đã sẵn sàng quay.

Mấy phút trước đó, khi được gọi từ ngoài vào, và sau khi nhìn quanh nhà đòn, Minh quyết định sẽ quay cảnh phỏng vấn ở dưới hầm nhà là nơi để các áo quan. Nhưng vì quay ngược đèn, nên cũng chẳng thấy được nhiều cảnh trong phòng đó; chỉ có bức tường sau lưng Godoy ngồi là được chiếu sáng, còn người được phỏng vấn lại ngồi khuất ánh đèn. Tuy nhiên, anh đã khéo léo quay cạnh bóng Godoy là bóng chiếc quan tài để gây cảm giác rùng rợn. Việc làm biến giọng Godoy về sau sẽ được thực hiện tại trụ sở Ban tin hãng CBA.

Bữa nay không có kỹ thuật viên âm thanh, nên Minh dùng chiếc máy quay cá nhân, bằng cỡ bêta mười hai li ghi luôn cả hình và tiếng. Anh cũng mang theo cả màn hình nhỏ đặt ở chỗ mà Godoy đang ngồi cũng có thể theo dõi những gì máy đang quay; đây là một thủ thuật làm người trả lời phỏng vấn, trong những tình huống đặc biệt, cảm thấy thoải mái hơn.

Godoy không những thoải mài, mà còn thích thú. "Này", ông ta nói với Kettering đang ngồi bên cạnh, ngoài tầm ống kính, "bọn các anh khá lắm".

Kettering, đang suy nghĩ cách thực hiện phỏng vấn theo cách riêng của mình, chỉ thoáng mỉm cười ngước lên khi đọc mấy dòng viết vội ra giấy trước đó mấy phút. Sau khi Minh gật đầu ra hiệu, anh bắt đầu, để lại phần giới thiệu viết sau, tức là trước khi phát hình trong chương trình. "Lần đầu gặp người mà lúc này ông biết là tên khủng bố Ulises Rodriguez, ông có ấn tượng gì?".

"Chẳng có gì đặc biệt. Với tôi anh ta trông cũng bình thường". Godoy nghĩ ngay cả khi không lộ

diện này, ông cũng sẽ không thú nhận đã nghi ngờ Novack tức Rodriguez. “Tức là ông cũng chẳng quan tâm khi lần đầu ông bán cho hắn hai chiếc áo quan, rồi sau thêm một chiếc nữa?”.
Cái bóng nhún vai: “Tại sao lại phải bận tâm chứ? Đây là chuyện làm ăn mà lại”.
“Ông nói là sao lại bận tâm”. Nhắc lại lời Godoy, Kettering diễn đạt ý nghi ngờ. “Nhưng kiểu mua bán như vậy chẳng phải là hết sực lạ lùng sao?”.
“Có thể… phần nào”.
“Với tư cách là chủ nhà đòn, ông có thường làm cái gọi là hợp đồng cả gói – tức là tổ chức toàn bộ phần tang lễ không?”.
“Tất nhiên, phần lớn là vậy”.
“Thực tế có phải là trước hai lần bán áo quan cho tên khủng bố Rodriguez, ông chưa từng bao giờ bán áo quan kiểu đó không?” Kettering chỉ phỏng đoán, nhưng cho rằng Godoy không biết điều đó và trong khi phỏng vấn thu hình thế này, ông ta sẽ không nói dối.
“Có lẽ thế”, Godoy trả lời, giọng yếu ớt. Cuộc phỏng vấn đã không đúng như cách ông mong đợi. Trong giây phút tuyệt vọng, ông nhìn Kettering trừng trừng, nhưng anh chàng phóng viên vẫn tiếp tục hỏi gặng.
“Nói cách khác, câu trả lời là không, ông chưa bao giờ bán áo quan kiểu đó”.
Ông chủ nhà đòn cao giọng: “Tôi cho rằng anh ta mua áo quan làm gì đâu phải việc của tôi”.
“Ông có nghĩ rằng cần phải báo với nhà chức trách, cảnh sát chẳng hạn, và nói đại loại như “Này, người ta yêu cầu tôi làm một việc lạ lùng, một việc trước nay tôi chưa từng làm, nên tôi muốn các ông hỏi rõ người này”. Ông có nghĩ đến điều đó không?”.
“Không. Chẳng có lý do gì phải nghĩ thế”.
“Bởi vì ông không hề nghi ngờ?”.
“Đúng vậy”.
Kettering hỏi xoáy vào đó. “Nếu không nghi ngờ, thì tại sao lần thứ hai khi Rodriguez tới, ông lại kín đáo ghi lại số xe tang mà hắn dùng để chở áo quan đi, rồi giấu nhẹm chuyện đó đến tận hôm nay?”.
Godoy gầm lên giận dữ: “Này, vì tôi nói với anh điều bí mật, không có nghĩa là…”.
“Kìa, ông giám đốc công ty tang lễ! Ông có nói gì về chuyện bí mật đâu”.
“À, tôi định thế”.
“Đó lại là chuyện khác. Nhân tiện hỏi thêm, trong cuộc phỏng vấn này ông cũng không nói trước rằng cái giá gần mười ngàn đôla ông tính cho ba chiếc áo quan mua mang đi là chuyện bí mật. Với loại áo quan mà ông vừa tả ấy, lấy như vậy có quá cao không?”.
“Người mua không kêu thì chớ, sao anh lại kêu là sao?”.
“Có lẽ hắn không kêu cà vì những lý do riêng của hắn”. Giọng Kettering trở nên lạnh lùng, đầy vẻ buộc tội. “Ông hét cái giá cao đó, bởi vì ông biết hắn sẽ trả theo giá đó; vì ông luôn biết có chuyện gì đó đáng ngờ, và ông có thể lợi dụng tình hình đòi thêm một số tiền nữa…”.
“Này, không phải tôi ngồi đây để nghe những lời xằng bậy ấy. Dẹp đi! Tôi không nói nữa”.
Godoy tức giận đứng dậy, rời khỏi ghế, làm tung cả dây micro. Hướng đi ấy đưa ông lại gần ống kính hơn, và do phản xạ tự nhiên, Minh quay ông chính diện; trong ánh đèn sáng, chính Godoy lại tự lộ diện. Sau này sẽ phải bàn thêm xem đoạn cuối cùng ấy có nên dùng hay không.
“Đồ con hoang”, Godoy chửi rủa Kettering.
“Này”, ông ta nói với Partridge, “tôi huỷ bỏ điều đã thoả thuận”. Ông chi tay vào máy quay và bảo: “Các ông không được sử dụng đoạn quay đó, hiểu không”.

“Tôi hiểu ông muốn nói gì”, Partridge trả lời. “Nhưng không thể bảo đảm là chúng tôi sẽ không sử dụng nó. Cái đó còn tuỳ hãng quyết định”.
“Xéo khỏi đây ngay”, Alberto Godoy nói, mặt hầm hầm, trong khi bốn người của hãng CBA thu dọn đồ nghề và ra khỏi ngôi nhà của ông ta.
Trên đường từ Queens trở về, Don Kettering bảo “Cho tôi xuống xe ngay khi về tới Manhattan. Tôi muốn truy cứu ngay số tiền có đánh dấu này; tôi có thể điện thoại từ văn phòng ở đại lộ Lexington”.
“Tôi có thể đi với anh được không?” Jonathan Mony hỏi. Cậu ta liếc nhìn Partridge. “Tôi muốn xem nửa phần việc hôm nay ta làm còn lại thế nào”.
“Được thôi”, Kettering trả lời cho cậu ta an tâm. “Nếu Harry đồng ý, tôi sẽ bày cho cậu cách viết tin ra đầu ra đũa”.
Partridge đồng ý; hai người xuống xe sau khi qua hết cầu Queensboro. Chiếc xe Jeep tiếp tục chạy về hướng trụ sở ban tin CBA, còn Don Kettering và Mony vẫy xe taxi tới văn phòng chứng khoán trên đại lộ Lexington gần khách sạn Summit.
Vừa bước vào, họ tới ngay một phòng rất rộng; khoảng hai chục người, kẻ đứng người ngồi ở đó, trước một màn hình treo đang hiện rõ giá cả thị trường chứng khoán. Một tấm thảm xanh thẫm tương phản màu tường xanh nhạt, những chiếc ghế mềm bọc vải tuýt màu xanh và màu vàng xếp thành từng dãy vít chặt xuống sàn. Một vài người tay cầm sổ, tay cầm sẵn bút chì, mắt dán vào những con số trên thị trường chứng khoán, những người khác có vẻ ít chú ý hơn. Một người Á Đông còn trẻ đang xem mấy bản nhạc; một vài người đang đọc báo, còn một số khác đang ngủ gà ngủ gật.
Bên cạnh phòng là một dãy máy tính điện tử và mấy máy điện thoại có ghi dòng chữ: Dùng cho việc mua bán chứng khoán. Một vài máy đang có người gọi; mặc dù họ nói nhỏ, song vẫn nghe được những câu như: “Ông mua hai ngàn à? Đồng ý” … “Ông có thể mua năm trăm với giá mười tám không? Mua đi” … “Được rồi, bán ra mười tám phảy hai lăm” …
Từ góc phòng đằng kia, cô thư ký nhìn thấy hai anh nhà báo đi vào; mỉm cười tỏ ý nhận ra Kettering, cô nhấc ống nghe. Phía sau cô là một loạt cửa, có cái đang mở, dẫn vào các văn phòng phía trong.
“Hãy nhìn kỹ xung quanh”, Kettering bảo Mony. “Những chỗ buôn bán chứng khoán kiểu này chẳng lâu nữa sẽ tìm không ra. Đây là cái cuối cùng. Phần lớn những chỗ khác đã biến mất chẳng khác gì những cửa hàng bán rượu lậu sau khi lệnh cấm kết thúc”.
“Nhưng buôn bán chứng khoán đã kết thúc đâu”.
“Đúng thế. Nhưng các tay buôn bán chứng khoán xem sổ tính toán và thấy những chỗ như thế này chẳng có lãi. Có quá nhiều người tới đây nghỉ ngơi, hoặc chỉ vì tò mò. Rồi những kẻ vô gia cư cũng bắt đầu mò tới – vào mùa đông, còn nơi nào thoải mái, ấm áp hơn nơi này? Điều không may là những kẻ vô gia cư ấy chẳng mang lại cho họ một xu tiền hoa hồng nào”.
“Có lẽ anh nên viết một bài”, Mony nói. “Nó sẽ mang tính chất hồi tưởng, như anh vừa nói, trước khi chỗ cuối cùng này biến mất”.
“Ý kiến hay đấy, anh bạn trẻ”, Kettering chăm chú nhìn cậu ta và nói. “Sao tôi không nghĩ tới điều đó nhỉ? Tuần tới tôi sẽ bàn với Rita biên tập về việc này”.
Cánh cửa phía sau cô thư ký mở cửa ra, và một người béo tốt, lông mày rậm tiến đến bắt tay chào Kettering một cách nồng nhiệt. “Don, vui mừng gặp anh. Lâu nay không thấy anh đến, nhưng chúng tôi thì vẫn theo dõi đều các buổi phát tin của anh. Chúng tôi có thể giúp anh được

gì?".
"Cám ơn, Kevin". Rồi Kettering chỉ Mony: "Anh bạn đồng nghiệp trẻ Jonathan này muốn biết tên của loại cổ phần mua hôm nay, ngày mai giá trị tăng lên bốn lần. Ngoài cái đó ra, anh có chiếc bàn và máy điện thoại nào tôi có thể dùng trong khoảng nửa giờ không?".
"Bàn và điện thoại thì không có vấn đề gì. Anh đi vào trong và dùng máy trên bàn tôi, ở đó kín đáo hơn. Còn về việc kia, xin lỗi Jonathan nhé, quả cầu pha lê có phép màu của chúng tôi mang đi sửa mất rồi. Nếu họ mang về khi anh còn ở đây, tôi sẽ báo anh nhé".
Hai người được dẫn vào một căn phòng nhỏ đủ tiện nghi gồm một chếc bàn gỗ mun, hai ghế da, một chiếc máy tính rõ ràng là không thể thiếu và máy điện thoại. Trên cửa sổ có đề tên: Kevin Fane.
"Các anh cứ tự nhiên nhé, tôi sẽ cho mang cà phê và săng uých tới".
Khi còn hai người, Kettering bảo Mony. "Hồi tôi và Kevin còn đang học đại học, vào dịp hè chúng tôi xin làm chân chạy giấy ở sở chứng khoán New York. Từ đó chúng tôi giữ liên hệ với nhau. Cậu mốn lời khuyên nghề nghiệp không?".
"Tất nhiên là muốn", Mony gật đầu trả lời.
"Phàm đã là phóng viên, mà cậu xem ra có vẻ làm được đấy, thì luôn phải có nhiều mối quan hệ, không chỉ với những nhân vật cấp cao, mà cả với cấp thấp nữa, và thỉnh thoảng phải tới thăm để giữ mối liên hệ thường xuyên, kiểu như ta đang làm bây giờ. Đó là cách để thu thập thông tin, ngay cả khi cho là ít hy vọng nhất. Cũng cần nhớ là mọi người đều thích giúp đỡ phóng viên truyền hình; ngay cả chỉ cho ta dùng máy điện thoại thôi cũng làm họ cảm thấy gần gũi ta hơn, và thật lạ là cảm thấy biết ơn ta nữa chứ".
Vừa nói, Kettering vừa lôi từ túi áo trong ra mấy tờ một trăm đô mượn của Alberto Godoy, và bày chúng trên bàn. Anh ta mở ngăn kéo, tìm được tờ giấy để chuẩn bị ghi chép.
"Trước hết ta thử vận may ở mấy tờ bạc có ghi tên người này. Rồi sau nếu cần, ta mới rờ đến mấy tờ có ghi số tài khoản ở trên". Nhặt một tờ, anh ta đọc to: James W. Mortell, rồi nói thêm: "Tờ một trăm này chắc có lúc đã qua tay ông ta. Jonathan, cậu thử tìm xem có thấy tên ông ta trong danh bạ điện thoại Manhattan không?".
Một lát sau, Mony bảo: "Đây rồi". Cậu ta đọc to số điện thoại. Kettering quay số trên máy. Sau hai lần đổ chuông có tiếng đàn bà dịu dàng trong máy: "Mortell, thợ sửa ống nước đây".
"Chào bà. Ông Mortell có nhà không ạ?".
"Nhà tôi có việc bận ra ngoài. Tôi là vợ anh ấy. Tôi có thể giúp ông gì không?". Không chỉ dịu dàng, mà còn trẻ và duyên dáng, Kettering nghĩ bụng.
"Cám ơn bà Mortell. Tôi là Don Kettering, phóng viên thương mại của hãng CBA".
Ngừng một lát, rồi nghe giọng ngập ngừng hỏi lại: "Ông không đùa đấy chứ?".
"Không đâu, thưa bà". Kettering tỏ ra thoải mái, dễ thương. Ở hãng CBA, chúng tôi có mấy điều cần hỏi và nghĩ ông Mortell nhà có thể giúp chúng tôi. Tuy không có ông ở nhà, nhưng chắc bà có thể giúp chúng tôi được".
"Ông đúng là Don Kettering. Tôi nhận ra giọng ông. Chúng tôi giúp ông bằng cách nào chứ?". Thoáng nghe tiếng cười: "Trừ khi ống nước hãng ông dò rỉ".
"Cho đến giờ thì chưa, nhưng nếu có, tôi sẽ nhớ lời bà. Thực ra là việc tờ một trăm đô trên có ghi tên ông nhà".
"Hy vọng chúng tôi không làm gì sai chứ ạ?".
"Hoàn toàn không, bà Mortell ạ. Chỉ có điều tờ bạc này xem ra đã qua tay ông nhà, và tôi thử

tỉm xem ông nhà trả cho ai thôi ạ".
Bà ta trả lời, vẻ đăm chiêu: "Dạ, cũng có một vài khách hàng trả bằng tiền mặt, trong đó có tờ trăm đôla. Nhưng chúng tôi chẳng hỏi bao giờ".
"Cũng chẳng cần hỏi làm gì".
"Rồi sau đó, khi chúng tôi gửi vào nhà băng những tờ bạc trăm ấy, đôi khi thủ quỹ ghi tên chúng tôi vào tờ bạc. Tôi nghĩ, lẽ ra họ không được làm thế, nhưng có vài người vẫn làm như vậy". Bà ta ngừng một lát, rồi tiếp: "Có lần tôi hỏi họ tại sao, họ bảo phải phòng xa như vậy thì hiện nay có quá nhiều tiền giả".
"Thế đấy, chính tôi cũng nghĩ như vậy, và vì vậy tờ giấy bạc tôi đang có đây mới có tên ông nhà". Vừa nói, Kettering vừa giơ ngón cái làm hiệu với Mony. "Thưa bà Mortell, cảm phiền bà cho tôi biết tên nhà băng bà gửi tiền được không ạ?".
"Tôi nghĩ có gì đâu mà không được. Đó là Citibank". Bà đọc tên chi nhanh ngân hàng khu đó.
"Cám ơn bà. Đó là những thông tin tôi cần".
"Ông Kettering, xin ông thư cho một lát. Tôi muốn hỏi ông một câu, được không?".
"Tất nhiên, mời bà".
"Chuyện này liệu có được lên tin không ông? Nếu vậy, làm sao tôi biết để khỏi lỡ bản tin?".
"Cái đó dễ thôi. Bà Mortell, vì bà đã nhiệt tình giúp đỡ, nên tôi hứa là khi nào đưa tin, đích thân tôi sẽ gọi điện báo cho bà trước".
Kettering vừa đặt máy xuống thì Mony nói: "Tôi cứ nghĩ mình sẽ học được điều gì đó. Quả đúng như vậy".
"Điều gì?".
"Cách kết bạn thế nào".
Kettering mỉm cười. Anh đã quyết định vì bà vợ ông Mortell nghe có vẻ hấp dẫn, giọng nói của bà ta như có ý mời chào, nên anh sẽ không gọi điện thoại, mà sẽ đến tận nơi thăm bà. Anh ghi lại địa chỉ. Các khu ấy cách đây cũng không xa. Cũng có thể anh sẽ thất vọng; giọng nói cũng dễ làm ta tưởng lầm; biết đâu bà ta lại chẳng già hơn khi nghe trong máy và béo như con vịt bàu, mặc dù bản năng mách anh điều khác hẳn. Rồi sẽ có lúc Jonathan hiểu rằng cái bổng lộc của phát thanh viên truyền hình là luôn có cơ hội cho những cuộc hẹn hò lãng mạn mà nếu muốn, có thể dẫn tới sự chung đụng xác thịt đầy lý thú.
Anh ta lại chọn một tờ bạc một trăm đô khác. "Nào, thử cái này xem sao", anh bảo Mony, tay chỉ vào cuốn danh bạ điện thoại. "Tên ghi ở đây là Nicolini Brothers".
Hoá ra lại là hiệu làm bánh ở Đại lộ số Ba. Người đàn ông trả lời điện thoại lúc đầu tỏ vẻ nghi ngại, và sau một hai câu hỏi định dập máy. Nhưng Kettering nói năng rất lịch sự, thuyết phục được ông ta. Cuối cùng ông ta cho biết tên nhà băng nơi ông thường gửi hoặc lĩnh tiền, trong đó có cả loại tiền to. Đó là ngân hàng Mỹ - Amazonas ở quảng trường nhỏ Dag Hammarskjold.
Tên ghi trên hai tờ giấy bạc mà Kettering chọn ra sau đó không có trong danh bạ điện thoại khu Manhattan. Trên tờ giấy bạc tiếp đó là tên của ông chủ hiệu quần áo đàn ông sẵn lòng giúp đỡ. Ông tiết lộ, cửa hàng ông mở tài khoản ở ngân hàng Lenmi, có chi nhánh ở góc phố Sáu mươi bảy cắt Đại lộ số Ba.
Tên một người ở tờ giấy bạc khác không thể tìm được. Tiếp theo là một phụ nữ không chịu tin ai, mồm loa mép dải nên Kettering đành chịu chẳng hỏi được gì.
Theo tên ghi ở tờ bạc thứ năm, anh nói chuyện được với một ông già tám mươi sáu tuổi đang sống trong căn phòng ở Đại lộ khu phía Đông. Ông già yếu quá không trả lời được, mặc dù rõ

ràng đầu óc ông vẫn minh mẫn, nên người phục vụ phải trả lời thay. Anh nghe thấy ông vui vẻ thì thầm nói là con trai ông là chủ mấy hộp đêm thỉnh thoảng vẫn đến thăm và cho bố vài trăm đô; số tiền này sau đó ông chuyển vào tài khoản gửi ở nhà băng, ông chặc lưỡi tuyên bố, đề phòng lúc tuổi già! À, mà phải rồi, tài khoản mở ở nhà băng Mỹ Amazonas, quảng trường nhỏ Dag Hammarskjold.
Sau đó là tiệm ăn hải sản gần Grand Central; Kettering nói chuyện khá lâu với mấy người , nhưng chẳng ai chịu nói cho anh biết điều gì quan trọng. Cuối cùng, ông chủ tiệm đến và sốt ruột trả lời: "Làm gì nhặng lên thế. Tất nhiên anh có thể biết tên nhà băng nới chúng tôi có tài khoản, đổi lại, tôi hy vọng trong buổi tin anh sẽ nhắc đến nhà hàng chúng tôi. Được rồi, nhà băng ấy ở trên cái quảng trường khốn kiếp tôi chưa bao giờ đánh vần được là Dag Hammarskjold, và có tên là Mỹ - Amazonas".
Đập máy xong, Kettering vơ gom những tờ giấy bạc lại và bảo Mony "Chúng ta trúng độc đắc rồi. Không cần gọi điện thoại nữa. Chúng ta đã có câu trả lời".
Thấy vẻ ngơ ngác của cậu ta, anh nói thêm: "Này nhé: ba trong số năm người cùng nói tên một nhà băng thì không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Như vậy là những tên ghi trên giấy bạc của nhà băng Citibank và Leumi chắc phải được ghi từ trước, sau đó có lẽ lưu hành trên thị trường cũng qua nhà băng Mỹ - Amazonas".
"Có nghĩa là Novack – Rodriguez lãnh tiền ở nhà băng đó, rồi trả tiền áo quan cho Godoy".
"Đúng thế!", Kettering nói, giọng đanh lại. "Tôi dám cuộc là chính nhà băng này là nơi bọn bắt cóc khốn nạn lấy rút tiền và có lẽ vẫn còn tài khoản ở đó".

Mony nhắc: "Bước tiếp theo là tới quảng trường Dag Hammarskjold".
Kettering xô ghế đứng dậy "Chứ còn đi đâu nữa? Nào, ta đi".

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 10

Người ta nhận ra Don Kettering ngay khi anh bước vào nhà băng Mỹ - Amazonas; trước đó anh đã linh cảm rằng sự có mặt của anh chẳng làm mấy ai ở đó ngạc nhiên lắm.

Khi anh yêu cầu được gặp giám đốc, bà thư ký dáng bệ vệ nói với anh: "Thưa ông Kettering, giám đốc hiện đang có khách, nhưng tôi sẽ báo là ông đang ở đây". Bà ta liếc nhìn Jonathan Mony. "Tôi chắc các ông sẽ không phải đợi lâu".

Trong lúc chờ đợi, Kettering quan sát nhà băng. Nó ở trên tầng chính của toà nhà gạch cũ gần phía cực bắc của quảng trường, và khi nhìn từ bên ngoài, mặt trước lát đá xám không có gì đặc biệt. Thế nhưng bên trong, tuy nhỏ so với tiêu chuẩn của một nhà băng ở New York, song trang trí nhiều màu sắc hấp dẫn. Sàn nhà không lát gạch hoa như nhiều nơi khác; toàn bộ khu làm việc trải thảm hoa văn cách điệu dệt xen các màu anh đào, đỏ và da cam rất dịu mắt. Một chiếc mác nhỏ chữ vàng ghi thảm được dệt ở Ammazonas thuộc Brazil.

Cách sắp xếp văn phòng giống như nơi khác, một dãy bàn thủ quỹ, phía bên kia là bàn của ba phụ trách, nhưng bàn ghế toàn loại chất lượng cao nhất. Chiếm gần hết bức tường nơi khách có thể thấy là bức tranh hoành tráng vẽ cảnh binh lính cưỡi trên lưng những con ngựa chiến đang tung vó, bờm dựng ngược đầy tính cách mạng.
Kettering còn đang mải ngắm bức tranh thì nghe bà thư ký nói: "Ông Armando tiếp khách đã xong; xin mời ông vào".

Khi họ bước vào căn phòng có lắp cửa kính qua đó có thể thấy các hoạt động ở phòng ngoài, ông giám đốc nhà băng dang rộng hai tay bước đến. Trên bàn là tấm biển ghi tên ông Emiliano W. Armando Jr.
"Ông Kettering, rất vui mừng được gặp ông. Tôi vẫn theo dõi chương trình của ông và luôn ngưỡng mộ những điều ông nói. Nhưng tôi chắc ông nghe mãi thế rồi".
"Dù có thế, tôi vẫn cám ơn ông". Anh giới thiệu Mony. Armando làm hiệu mời, và cả ba ngồi vào ghế; hai vị khách ngồi đối diện bức thảm treo màu xanh nhạt xen vàng, lối trang trí quen thuộc của nhà băng này.

Kettering ngắm ông giám đốc vóc dáng nhỏ bé mặt đầy nếp nhăn – dấu hiệu của sự mệt mỏi, mái tóc mỏng bạc phơ với đôi lông mày rậm. Armando điệu bộ nhanh nhẹn đầy vẻ sợ sệt, mặt lo âu, làm Kettering nghĩ đến một con chó săn đã già lo lắng trước thế giới đang thay đổi quanh

nó. Tuy nhiên, anh cảm thấy mến ông ta, khác hẳn với lần gặp Alberto Godoy vừa rồi.

Ngả người trên chiếc ghế xoay, ông giám đốc thở dài: "Tôi đã đoán sớm muộn thế nào những người như ông cũng sẽ tới. Tôi chắc ông cũng hiểu chúng tôi đang gặp kỳ khốn khó, phức tạp". Kettering nhoài người về phía trước. Ông giám đốc cho rằng anh biết chuyện gì đó mà ông không biết. Anh thận trọng xác nhận: "Vâng, chuyện đó thường xảy ra". "Tôi xin hỏi bằng cách nào anh biết chuyện đó?".

Anh chàng phóng viên cố không buột miệng hỏi "Biết chuyện gì?", chỉ cười và trả lời: "Trong giới TV chúng tôi có nhiều nguồn thông tin, nhưng đôi khi chúng tôi không công bố". Anh để ý thấy Mony chăm chú theo dõi câu chuyện trong khi giữ vẻ mặt dửng dưng. Chà, anh chàng đầy tham vọng này hôm nay được bài học ra trò về nghề làm báo đây.
"Tôi nghĩ không biết có phải là bài trong tờ Post không". Armando dò hỏi: "Bài báo còn nhiều câu chưa trả lời được".

Kettering nhíu mày, vẻ suy nghĩ: "Có lẽ tôi đã đọc bài đó. Mà ông có bài đó ở đây không?". "Có đây". Ông Armando mở ngăn kéo, lấy ra tờ báo ông cắt ra và bọc trong giấy bóng. Đầu đề bài báo là:

MỘT NHÀ NGOẠI GIAO TẠI LIÊN HỢP QUỐC GIẾT CHẾT NGƯỜI TÌNH, RỒI TỰ SÁT VÌ GHEN TUÔNG.

Kettering đọc lướt, thấy bài báo đăng từ chủ nhật trước, tức là cách đây mười ngày. Khi thấy tên hai người chết, Helga Efferen làm tại nhà băng Mỹ - Amazonas và Jose Antonio Salavery, thành viên phái đoàn đại diện của Peru tại Liên hiệp quốc, anh hiểu ngay nỗi sầu muộn của ông giám đốc. Chỉ có điều chưa rõ là vụ giết người ấy có liên quan gì tới vấn đề mà vì nó người của Ban tin CBA phải tới đây không.

Kettering đưa bài báo cho Mony, rồi quay lại ông Armando và hỏi khéo: "Tôi nghe ông nói còn nhiều vấn đề chưa được làm sáng tỏ?".
Ông giám đốc gật đầu. "Những điều tờ báo mô tả cũng giống như lời cảnh sát kết luận. Riêng tôi không tin như vậy".
"Xin ông cho biết tại sao lại thế, được không?". Kettering hỏi, vì vẫn đang dò tìm xem có mối liên hệ nào không.
"Sự việc quá phức tạp, mà cách giải thích lại quá đơn giản".
"Rõ ràng là ông biết rõ người phụ nữ làm việc ở đây. Ông biết cả Salavery chứ?".
"Rất tiếc tôi lại biết, vì có chuyện đó".
"Ông giải thích rõ được không?".

Armando lưỡng lự trước khi trả lời. "Tôi muốn thành thật với ông, ông Kettering ạ, chủ yếu vì tôi nghĩ dù sao đi nữa, những gì ở nhà băng này chúng tôi biết được trong mười ngày qua thì rồi người ta cũng biết, và cũng vì tôi biết ông là người công bằng trong khi đưa tin. Tuy nhiên, tôi còn có bổn phận đối với nhà băng. Nhà băng chúng tôi là một cơ sở lớn, được kính trọng ở

Mỹ Latinh, có chi nhánh ở đây và nhiều nơi khác tại Mỹ. Ông có thể thư cho một hai ngày, để tôi có thời gian tham khảo ý kiến của Ban lãnh đạo ở nước ngoài không?".
Thế tức là có liên quan, linh tính mách Kettering điều đó. Vì vậy anh lắc đầu cả quyết: "Không thể đợi được. Đây là tình huống đe doạ sự an toàn và tính mạng nhiều người". Anh tự nhủ đã đến lúc anh tiết lộ đôi chút. "Ông Armando, chúng tôi ở hãng CBA có lý do để tin rằng nhà băng của ông dính líu đến vụ bắt cóc bà Crawford Sloane cùng hai người khác trong gia đình ấy cách đây hai tuần. Chắc là ông đã nghe chuyện đó. Vấn đề bây giờ là: cái chết của Efferen và Salavery có liên quan đến vụ bắt cóc không?".
Nếu Armando trước đã gặp điều rắc rối, thì lời tuyên bố của Kettering là cú sét đánh bồi thêm. Ông chống hai khuỷu tay xuống bàn, ôm đầu, rõ ràng là gục hẳn. Một lúc sau, ông ngước mắt nhìn và nói nhỏ: "Đúng, có thể liên quan. Lúc này tôi đã thấy, nó không chỉ có thể, mà có khả năng là như vậy". Ông lo lắng nói tiếp:: "Tôi biết thế này cũng hơi ích kỹ, nhưng chỉ còn vài tháng nữa là tôi nghỉ hưu, nên lúc này tôi cứ nghĩ tại sao không để sau khi tôi nghỉ rồi hãy xảy ra chuyện này cơ chứ?".
"Tôi hiểu suy nghĩ của ông", Kettering nói, cố kìm sự sốt ruột. "Nhưng thực tế là, cả ông và tôi hãy còn đây và chúng ta đều dính dáng đến chuyện ấy. Rõ ràng mỗi chúng ta đều có những thông tin khác nhau, và cũng rõ ràng là nếu chúng ta trao đổi thông tin với nhau, chúng ta sẽ biết hơn nhiều người khác".
"Tôi đồng ý với anh", Armando thừa nhận. "Chúng ta bắt đầu từ đâu bây giờ".
"Tôi xin bắt đầu trước. Chúng tôi biết một khoản tiền mặt rát lớn, khoảng mười ngàn đô, và có lẽ còn hơn thế đã được chuyển qua nhà băng của ông cho bọn bắt cóc".
Ông giám đốc gật đầu, vẻ mặt nghiêm trang. "Theo thông tin của anh và cả của tôi, số tiền chắc chắn là còn nhiều hơn". Ông ta ngừng lại. "Nếu tôi cung cấp thêm mộ t số chi tiết, anh có nhất thiết phải dẫn lời tôi nói không?".
Kettering suy nghĩ một lát. "Có lẽ không. Chúng tôi có một quy định gọi là "để nghiên cứu, không phổ biến". Nếu ông muốn, chúng ta sẽ nói chuyện trên cơ sở đó".
"Tôi muốn như vậy" Armando ngừng nói, cố nhớ lại: "Ở nhà băng này, chúng tôi có một số tài khoản dành cho các phái đoàn đại diện tại Liên hiệp quốc. Tôi không đi sâu vào chi tiết, mà chỉ muốn nói rằng chúng tôi có quan hệ với một số nước, chính vì thế, chi nhánh này được đặt ngay cạnh LHQ cho tiện giao dịch. Rất nhiều người trong các phái đoàn đại diện tại LHQ có quyền sử dụng các tài khoản này; ông Salavery là một trong những người như vậy".
"Phái đoàn đại diện của Peru có mở tài khoản ở đây?".
"Vâng, tại khoản này có liên quan đến phái đoàn Peru. Song tôi không biết chắc những ai biết tài khoản đó, ngoài ông Salavery là người có quyền ký và sử dụng nó. Anh nên hiểu là phái đoàn nào ở LHQ cũng có một số tài khoản, trong đó có các tài khoản dùng cho các mục đích đặc biệt".
"Tôi hiểu rồi, nhưng ta nên tập trung vào chi tiết quan trọng".
"Vâng, trong mấy tháng qua, người ta đã chuyển qua tài khoản đó một khoản tiền rất lớn – tất cả đều hợp lệ, nhà băng không làm điều gì trái lệ thường chỉ trừ có một điều kỳ lạ".
"Là gì?".
"Cô Efferen, người có trách nhiệm khá lớn là trợ lý giám đốc, đã làm sai quy định, tự mình giải quyết các việc liên quan đến tài khoản đó, đồng thời giấu không cho tôi biết rõ là có tài khoản đó và việc rút gửi như thế nào".

“Có nghĩa là tiền từ đâu gửi vào tài khoản, ai là người rút tiền ra được giữ kín”.
“Đúng là như thế”, Armando gật đầu xác nhận.
“Và số tiền đó được trả cho ai?”.
“Trong tất cả các trường hợp đều là ông Jose Antonio Salavery ký nhận tiền. Tài khoản không có chữ ký của ai khác, và lần nào cũng trả bằng tiền mặt”.
“Ta hãy trở lại một chút”, Kettering yêu cầu: “Ông nói ông không đồng ý với kết luận của cảnh sát về cái chết của Efferen và Salavery. Tại sao?”.
“Tuần rồi, khi tôi phát hiện ra tất cả những chuyện này, tôi nghĩ ông Salavery chỉ là người đứng trung gian, còn người chuyển tiền qua tài khoản này chính là kẻ giết hai người nhưng bố trí như một vụ tự sát. Từ lúc nghe ông nói có dính líu tới bọn bắt cóc gia đình Sloane, tôi nghĩ có thể chính là bọn này”.
Kettering nghĩ: mặc dù đầu óc căng thẳng và sắp đến tuổi về hưu, nhưng khả năng lý giải vấn đề của ông giám đốc nhỏ nhắn, lực cùng sức kiệt này xem ra vẫn còn tốt. Anh nhận thấy Mony ngọ nguậy trên gế, liền bảo: Jonathan, cậu muốn hỏi gì thì hỏi luôn đi”.
Mony đặt tờ giấy đang ghi chép qua bên, nhao người về phía trước và hỏi: “Thưa ông Armando, nếu những điều ông nói là đúng, ông thử đoán xem tại sao hai người này lại bị giết?”.
Ông giám đốc nhún vai: “Theo tôi, có lẽ họ đã biết quá nhiều”.
“Chẳng hạn, như biết tên của bọn bắt cóc”.
“À, theo lời ông Kettering nói với tôi, đó cũng là một khả năng”.
“Còn nguồn tiền mà ông Salavery đứng tên ở nhà băng thì sao? Ông có biết tiền ấy ở đâu ra không?”.
Đây là lần đầu tiên ông giám đốc ngập ngừng. “Hôm thứ hai, tôi đã trao đổi với các thành viên của phái đoàn Peru tại LHQ; họ cũng đang tiến hành điều tra. Những gì cho đến nay họ tìm ra và chúng tôi đã trao đổi với nhau là điều bí mật…”.
Kettering nói xen vào “Chúng tôi sẽ không trích nguyên lời ông; chúng ta đã thoả thuận về việc đó. Nào, ông nói đi! Tiền ấy ở đâu ra?”.
Armando thở dài: “ông Kettering, tôi xin hỏi ông một câu. Ông đã bao giờ nghe nói đến một tở chức có tên là Sendero Luminoso, tức là…”.
“Con đường sáng”, Mony tiếp hết câu.
Mặt Kettering đanh lại khi anh trả lời: “Có, tôi có nghe”.
Ông giám đốc nói tiếp: “Chúng tôi không dám nói chắc, nhưng đó có thể là người chuyển tiền vào tài khoản đó”.
Sau khi qua cẩu Queensboro và chia tay với Kettering và Mony, Partridge cùng Minh Văn Cảnh đến ăn trưa hơi sớm một chút ở nhà hàng Wolf tại góc phố Năm mươi bảy cắt Đại lộ sáu. Sau khi hai người cùng chọn món bánh mỳ kẹp thịt bò rán nóng, Partridge để ý thấy hôm nay Minh có vẻ đăm chiêu tư lự, bận tâm khác thường, mặc dù điều đó không hề ảnh hưởng tới việc anh ta làm ở nhà đòn Godoy. Ở phía bên kia bàn, Minh ngồi nhai bánh phết đầy mù tạc, khuôn mặt vuông cữ điều rỗ hoa nhìn anh mà đầu óc như đang ở đâu đâu.
“Nghĩ gì thế, anh bạn”, Partridge hỏi.
“À, mấy chuyện vặt ấy mà”, cách trả lời rất thường nghe ở Minh Cảnh, và Partridge hiểu rằng tốt nhất là không nên hỏi thêm. Rồi sẽ có lúc Minh nói rõ chuyện theo cách riêng của anh ta.
Trong khi đó, Partridge cho Minh biết ý định của anh sẽ đi Colombia, có lẽ vào ngày hôm sau. Anh nói thêm không biết có nên lấy ai đi cùng với anh không và anh sẽ thảo luận với Rita về

việc đó. Nhưng nếu cần phải có người quay cùng ddi, dù mai hay sau này, anh muốn Minh cùng đi với anh. Minh Văn Cảnh ngẫm nghĩ trước khi quyết định: "Thôi được, tôi sẽ làm việc đó vì anh và vì Crawf. Nhưng đó sẽ là lần cuối, lần phiêu lưu cuối cùng của tôi".
Partridge giật mình hỏi: "Anh định bỏ nghề sao?".
"Hai vợ chồng tôi đã nói chuyện với nhau đêm qua và tôi hứa với bà ấy. Nhà tôi muốn tôi có mặt ở nhà nhiều hơn. Bọn trẻ, cũng như công việc ở nhà cần tôi. Vì vậy, sau khi trở về, tôi sẽ thôi việc".
"Nhưng việc này quá đột ngột!".
Minh Văn Cảnh cười, một điều rất hiếm khi gặp ở anh. "Cũng đột ngột như khi được lệnh đi Sri Lanca hoặc Gdansk vào lúc ba giờ sáng chứ?".
"Tôi hiểu ý anh, nhưng tôi sẽ nhớ anh lắm đấy. Anh mà nghỉ, công việc đâu còn giữ được phong độ cũ nữa". Partridge lắc đầu buồn bã, mặc dù quyết định của Minh không làm anh ngạc nhiên. Là một người Việt Nam làm cho hãng CBA, Minh đã nếm đủ mùi nguy hiểm trong cuộc chiến tranh Việt Nam; khi cuộc chiến sắp kết thúc, anh đã đưa được vợ con ra máy bay rời đất nước trước khi Sài Gòn thất thủ, và trên đường chạy vẫn ghi lại được những cảnh mang tính lịch sử tuyệt vời.
Những năm sau đó, gia đình anh phải nhập vào lối sống Mỹ. Con cái anh học hành chăm chỉ, đạt điểm cao ở trường và nay đã vào đại học. Partridge quen thân với gia đình; anh khâm phục, đôi lúc ghen tỵ trước sự êm ấm của gia đình này. Họ chi tiêu dè xẻn; Minh dành phần lớn số tiền lương kiếm được ở CBA đầu tư vào việc làm ăn. Tính tằn tiện của anh ở hãng ai cũng biết, nên có dư luận anh là một triệu phú. Rất có thể như vậy, bởi vì Partridge biết trong năm năm qua, Minh đã tậu một số cửa hàng nhỏ bán máy ảnh, máy quay phim ở các vùng ngoại ô New York, tổ chức thành một mạng lưới và mở rộng đáng kể việc làm ăn với sự hỗ trợ của vợ anh là Thanh. Ở vào tuổi này, Minh quyết định nghỉ vì đã đi quá nhiều, vắng nhà quá lâu, trải qua quá nhiều hiểm nguy, trong đó có nhiều lần cùng Harry Partridge thực hiện các công vụ nguy hiểm, thì kể cũng có lý.
"Chuyện làm ăn của anh độ này ra sao?", Partridge hỏi.
"Cũng khá", Minh lại cười, nói thêm: "Những kỳ tôi vắng nhà, một mình Thanh làm không xuể".
"Tôi mừng cho anh, hơn ai hết, anh đáng được như vậy", Partridge nói: "Tôi hy vọng thỉnh thoảng chúng mình vẫn gặp được nhau".
"Nhất định rồi, Harry. Anh sẽ là người đứng đầu danh sách khách quý của gia đình tôi".
Chia tay Minh Văn Cảnh sau bữa băn trưa, Partridge vào một cửa hàng bán đồ thể thao mua mấy đôi tất dầy, môt đôi giày cao cổ và chiếc đèn pin to. Anh nghĩ có thể sắp phải cần đến mấy thứ này. Giữa trưa, anh về tới CBA.
Trong pòng họp của Nhóm đặc nhiệm, Rita Abrams vẫy gọi anh: "Có người muốn nói chuyện với anh. Sáng nay anh ta gọi điện cho anh ba lần. Anh ta không chịu nói tên, nhưng bảo có việc quan trọng cần nói với anh hôm nay. Tôi bảo anh ta sớm muộn gì anh cũng sẽ trở lại đây".
"Cám ơn. Tôi có chuyện muốn bàn với chị. Tôi đã quyết định phải đi Bogota".
Partridge ngừng lại khi cả hai người nghe tiếng bước chân vội vã đến gần phòng phọp. Một lát sau, Don Kettering bước vào, Mony theo sát ngay sau.
"Chào Harry! Chào Rita!", Kettering vừa nói, vừa thở hổn hển vì vội. "Tôi nghĩ chúng ta đã khui đúng mạch rồi".
Rita nhìn quanh, biết rằng còn nhiều người khác ở đó.

“Vào trong này đã”, chị nói rồi dẫn mấy người vào phòng làm việc của mình.
Trong hai mươi phút, Kettering kể lại. Mony bổ sung đôi chỗ, những điều họ thu lượm được. Kettering lấy ra bản chụp bài báo của tờ Bưu điện New York mà ông giám đóc nhà băng Mỹ - Amazonas đưa cho anh trước khi về, nói đến chái chết của Efferen và Salavery mà người ta cho là vụ tự sát. Hai anh phóng viên và Rita biết rằng sau cuộc họp này, Ban tin CBA cũng sẽ có đầy đủ các tư liệu về chủ đề này.
Đọc xong bài báo, Rita hỏi Kettering “Anh nghĩ ta có nên bắt đầu công việc điều tra về cái chết của hai người này không?”.
“Nên, nhưng ít thôi, vì đấy chỉ là điểm phụ. Cái chính là chuyện liên quan đến Peru”.
“Tôi tán thành”, Partridge nói. “Lúc trước tôi cũng đã nghe nói đến Peru”. Anh nhớ lại câu chuyện với chủ bút kiêm chủ báo Escena ở Lima, ông Manuel Leon Seminario, cách đó hai ngày. Tuy không có gì cụ thể, nhưng Seminario đã nói với anh: “Ở Peru, hiện nay bắt cóc gần như trở thành một lối sống”.
“Cho dù ta biết Peru có dính líu đến chuyện này”, Rita chỉ rõ, “cũng chớ nên quên rằng chúng ta không biết chắc liệu những người bị bắt có đã được đưa ra khỏi Mỹ chưa?”.
“Tôi đâu có quên”, Partridge trả lời. “Don, anh còn gì nữa không?”.
Kettering gật đầu “Có. Trước khi rời nhà băng, tôi đã thuyết phục ông giám đốc đồng ý cho ta phỏng vấn ghi hình, có lẽ cuối ngày hôm nay. Ông ta biết thế nào cũng sẽ bị mấy ông chủ nhà băng này cứa cổ, nhưng ông già là người rất tốt, có ý thức trách nhiệm và ông bảo cũng đành liều vậy. Harry này, nếu anh muốn, tôi sẽ thực hiện việc đó”.
“Tôi đồng ý. Dẫu sao cũng là công của anh mà”. Partridge quay sang Rita. “Hoãn việc tôi đi Bogota, chuyển sang Lima. Tôi muốn sáng mai có mặt ở đấy”.
“Khi nào ta đưa tin, và đưa đến mức độ nào?”.
“Đưa ngay tất cả nữhng gì ta biết. Còn chính xác là lúc nào xin bàn thêm với Les và Chuck. Nếu có thể được, tôi muốn sau khi tôi đến Peru một ngày hãy phát tin, để tránh cả một đội phóng viên các hãng kéo đến đó trước; nghe được tin của ta, thế nào họ cũng mò đến đó ngay”. Rồi anh nói tiếp: “Bắt đầu từ giờ phút này, chúng ta sẽ làm suốt đêm để khớp các sự kiện lại. Mời tất cả các thành viên của Nhóm đặc nhiệm tới họp”, Partridge nhìn đồng hồ: ba giờ mười lăm phút chiều, “vào lúc năm giờ”.
“Xin tuân lệnh”, Rita cười, thích chí vì có việc làm.
Đúng lúc đó, điện thoại trên bàn làm việc đổ chuông. Sau khi nhấc máy nghe chị lấy tay che ống nói và bảo Partridge: “Chính là người cố nói chuyện với anh hôm nay đấy”.
Anh cầm máy: “Harry Partridge nghe đây”.
“Đừng nói tên tôi trong khi ta nói chuyện nhé. Rõ chưa?”. Giọng người gọi nghe khang khác, có lẽ là cố ý, nhưng Partridge nhận ra giọng của ông luật sư bào chữa cho bọn tội phạm có tổ chức mà anh quen biết.
“Vâng, tôi hiểu”.
“Anh biết tôi là ai rồi chứ?”.
“Tôi biết”.
“Tôi gọi từ điện thoại công cộng để tránh bị theo dõi. Còn cái này nữa. Nếu anh mà nói tôi là người cung cấp những điều tôi sắp báo với anh, tôi sẽ thề là anh nói dối và bác bỏ điều đó. Thế đấy nhé?”.
“Vâng”.

“Tôi phải liều mạng mới có được những thông tin này đấy. Họ mà biết câu chuyện giữa chúng ta là tôi mất mạng. Vì thế, sau cuộc nói chuyện này, coi như tôi đã trả nợ anh đầy đủ. Hiểu chưa?”.
“Hoàn toàn hiểu”.
Ba người có mặt trong phòng im lặng, mắt dán vào Partridge, trong khi đầu dây bên kia tiếp tục nói chỉ đủ mình anh nghe.
“Một số khách hàng của tôi có quan hệ với các tổ chức khác ở Mỹ Latinh”. Quan hệ với các tổ chức buôn lậu ma tuý, Partridge nghĩ vậy nhưng không nói gì.
“Như tôi đã nói với anh, họ không có dính vào chuyện mà anh đang tìm kiếm, nhưng họ có nghe được những chuyện khác”.
“Tôi hiểu điều đó”, Partridge trả lời.
“Thôi được rồi, tôi nói anh biết. Tôi đảm bảo tin này là chính xác. Những người anh đang tìm đã được đưa khỏi Mỹ thứ bảy tuần trước và hiện đang bị giam giữ ở Peru. Anh nghe rõ chứ?”.
“Tôi nghe rõ”, Partridge trả lời. “Tôi xin hỏi một câu?”.
“Không được”.
“Tôi cần biết tên”, Partridge nài nỉ. “Ai làm chuyện đó? Ai đang giam giữ họ?”.
“Chào anh”.
“Xin ông hãy khoan một chút. Được rồi, tôi sẽ không hỏi tên nữa, mà chỉ làm thế này thôi vậy, tôi sẽ nói tên, nếu sai ông chỉ cần làm tín hiệu có ý không đúng; nếu đúng, ông không cần nói gì hết. Thế được chứ?”.

Ông ta ngập ngừng, rồi bảo: “Nào, nhanh lên”.
Partridge hít một hơi dài trước khi nói nhỏ: “Sendero Luminoso”.
Đầy dây bên kia im lặng. Sau đó gác máy nghe cạch một tiếng.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 11

Hầu như ngay từ khi tỉnh lại trong chiếc lán tối tăm ở Sion, và sau đó phát hiện ra rằng nàng, Nicky và Angus đang bị giam giữ ở Peru, Jessica chấp nhận vai trò là người cầm chịch, giữ vững tinh thần cho cả ba trong lúc hiểm nghèo. Cả hai thứ đó đều cần thiết cho sự sống còn của họ trong khi chờ đợi và hy vọng được giải thoát. Bằng không, họ sẽ lâm vào tình trạng tuyệt vọng, dẫn tới sa sút tinh thần, có thể đưa họ tới chỗ chết.

Angus tuy can đảm, nhưng quá già yếu chẳng giúp được gì nhiều, mà có lẽ rồi cũng phải dựa vào Jessica. Còn Nicky bao giờ cũng là một quan tâm trước hết của Jessica.

Cứ cho là họ sẽ qua ơn ác mộng này một cách an toàn (Jessica không chịu tin kết cục có thể khác), nó vẫn có thể để lại thương tổn tinh thần cho Nicky. Jessica có ý định làm sao không để điều đó xảy ra, cho dù tới đây, họ có bị khốn quẫn thế nào đi nữa. Nàng sẽ dạy Nicky, và nếu cần, cả Angus, rằng dẫu thế nào cũng phải giữ lòng tự trọng và phẩm giá của mình. Nàng biết cách làm việc đó. Nàng đã theo một khoá huấn luyện, mà một vài bạn bè cho là chuyện viễn vông. Lẽ ra Crawford phải theo lớp đó, nhưng không có thời gian. Nghĩ rằng trong gia đình nên có người theo học, Jessica liền đi thay.

Ôi, cám ơn và cầu Chúa phù hộ cho tướng Wade! Khi nghe ông giảng, cũng như thực hành các bài luyện, chẳng bao giờ tôi lại nghĩ có lúc nào đó tôi cần dùng đến những gì ông đã dạy tôi!

Thiếu tướng Cedric Wade, huân chương chữ thập, huân chương chiến công, vốn là trung sĩ quân đội Anh trong chiến tranh Triều Tiên, sau này là sĩ quan trong tình báo quân đội nổi tiếng của Anh. Sau khi giải ngũ, ông sống ở New York và thường tổ chức các khoá huấn luyện chống khủng bố quy mô nhỏ. Ông nổi tiếng đến mức quân đội Mỹ đôi khi cũng cử người theo các khoá huấn luyện của ông.

Năm 1951 ở Triều Tiên, ông đã bị các lực lượng Bắc Triều Tiên bắt làm tù binh, bị biệt giam trong một hố rộng khoảng mười bộ vuông nằm sâu dưới đất. Miệng hố có nắp sắt khoá chặt tha hồ nắng rọi, mưa xối. Trong suốt thời gian bị giam cầm, ông không hề được ra khỏi cái hố đó, không được nói chuyện với gác ngục, không có gì để xem ngoài mảnh trời qua khung sắt.

Trong một bài giảng, ông có nhắc đến việc này, mà cho đến bây giờ Jessica vẫn còn nhớ gần như từng chữ: “Ngay từ đầu tôi đã biết chúng muốn đánh gục ý chí của tôi. Tôi quyết không

bao giờ để chúng làm được điều đó, rằng bất luận thế nào, dù tôi có chết trong cái hố ấy, tôi cũng không bao giờ để mất lòng tự trọng của mình".

Thiếu tướng Wade nói với các học viên rằng ông giữ bằng cách giữ nếp sinh hoạt bình thường dù mỏng manh đến mấy. Ông bắt đầu phân cho mỗi góc của hố giam nhỏ bé một chức năng riêng. Trước hết phải tính đến việc không hay hớm gì. Ông không có cách nào khác là tiểu tiện và đại tiện ngay trên nền hầm. Một góc dành riêng cho việc đó. Ông cố gắng không để dây ra các góc khác. "Lúc đầu mùi hôi thối không thể chịu nổi; lâu dần rồi cũng quen, vì tôi biết mình phải như vậy".

Góc đối diện, là nơi cách góc kia xa nhất, được dùng làm nơi ăn những thức ăn tồi tệ mà họ thả xuống hầm cho ông . Góc thứ ba được dùng làm nơi ngủ, còn góc thứ tư là chỗ ngồi dùng làm nơi tập thể dục, ba lần trong một ngày, kể cả việc tập chạy tại chỗ. "Tôi tự nhủ, giữ cho người khoẻ mạnh cũng là một cách làm cho mình, còn là con người và giữ gìn nhân phẩm".

Mỗi ngày ông được phát một ít nước uống, nhưng không cho nước rửa ráy. Ông phải dành ra một ít từ nước uống để lau người. "Chuyện đó không phải dễ, đôi lúc tôi muốn uống hết luôn nhưng rồi lại thôi. Vì thế, người tôi luôn sạch sẽ - đó cũng là cách quan trọng để tự giữ mình".

Vào cuối tháng bị giam thứ chín, lợi dụng lúc gác ngục sơ ý, trung sĩ Wade trốn khỏi hầm. Ba ngày sau, ông bị bắt lại, bị tống vào hầm, nhưng hai tuần sau các lực lượng hoa Kỳ đánh chiếm đồn này và giải phóng ông. Ông đã kết thân với họ, điều này về sau đã giúp ông ở lại sinh sống tại Mỹ.

Tướng Wade còn dạy Jessica và các học viên khác CQB, tức là cận chiến, một hình thức trong đó người bé nhỏ, nhẹ cân dù tay không nhưng biết đúng miếng và thế đánh có thể tước vũ khí của kẻ tấn công mình, làm hắn hoặc gãy tay, mù mắt, gãy chân hoặc gãy cổ. Jessica tỏ ra là cô học viên sáng dạ và dẻo dai.

Từ khi bị giam giữ ở Peru, cũng đã có nhiều dịp có thể áp dụng những điều đã được luyện về cận chiến, nhưng lần nào Jessica cũng tự kiềm chế, vì biết rằng làm thế chỉ chuốc lấy thất bại mà thôi. Vì vậy nàng giấu kín khả năng ấy, chờ giây phút quyết định mới đem ra thi thố. Nhưng ở Nueva Esperanza, giây phút đó chưa tới; khả năng xuất hiện giây phút đó cũng không.

Trong những phút đầu tiên khi ba người bị ném vào ba cũi riêng biệt, Jessica đã khóc khi nghe tiếng Nicky thổn thức. Đó là giai đoạn rối loạn tinh thần và đau khổ vô phương cứu chữa. Jessica, cũng giống như mọi người, đã trải qua giai đoạn đó, nhưng không lâu. Khoảng mười phút sau, Jessica dịu dàng hỏi con: "Nicky, con nghe thấy mẹ nói chứ?".
Một phút im lặng, rồi một giọng yếu ớt trả lời: "Con nghe, mẹ ạ". Rồi nghe thấy tiếng Nicky bước lại gần tấm vách ngăn hai cũi. Tuy không thò được tay sang, nhưng hai mẹ con đã nhìn thấy nhau vì mắt đã quen dần với bóng tối lờ mờ.
"Con không sao chứ?", Jessica hỏi.
"Con nghĩ thế", rồi nàng nghe giọng con run run: "Con không thích ở đây".

“Ôi, mẹ cũng thế, con ạ. Nhưng nếu chưa thể làm được việc khác, thì chúng ta cứ đành phải ở đây. Con hãy luôn nhủ mình rằng cha và những người khác đang tìm kiếm chúng ta”. Jessica khuyên nhủ con, hy vọng giọng nói của nàng làm con yên tâm.

“Bố nghe thấy con, Jessica ạ. Ông nghe cả tiếng Nicky nữa”, Angus từ cũi phía bên kia nói, nhưng giọng nghe có vẻ rất yếu. “Hãy tin rằng chúng ta sẽ thoát khỏi đây. Nhất định thế”.
“Ba ơi, cố nghỉ đi ba à”. Jessica nhớ tới cảnh ông bố chồng bị Miguel đánh ở trong lán khi họ hồi tỉnh, cảnh họ rã rời lê bước qua rừng rậm và Angus gục ngã, chặng đường dài trên thuyền và cảnh ông giằng co ở đó.

Đang nói, nàng nghe thấy tiếng chân người bước, và từ bóng tối ngoài cũi một bóng người xuất hiện. Đó chính là tên mang súng áp giải họ trên đường, cái thằng để ria và về sau họ biết tên là Ramon. Hắn giương khẩu súng trường Kalashnikov nhằm vào Jessica và ra lệnh: “Yên lặng”.
Vừa định lên tiếng phản đối, Jessica nghe thấy Angus nhẹ nhàng khuyên: “Jessica, đừng con!”. Nàng kịp kìm mình và họ im lặng. Một lát sau, Ramon hạ súng xuống, trở lại chiếc ghế hắn ngồi lúc trước.
Cuộc va chạm cho họ thấy quanh họ luôn có lính gác mang súng, một tên luôn có mặt trong lán và chúng đổi ca gác bốn giờ một lần.
Họ nhanh chóng phát hiện ra rằng bọn gác tính khí có khác nhau. Kẻ dễ dãi nhất là Vincente, người đã giúp Nicky khi ở trên xe, và sau này theo lệnh của Miguel đã cắt dây trói tay họ. Vincente để họ tha hồ nói chuyện với nhau, chỉ làm hiệu cho họ là nói nhỏ thôi. Ramon là tên khắt khe nhất, tuyệt đối không cho nói chuyện, trong khi những đứa khác cũng không đến nỗi.

Trong khhi nói chuyện, Jessica truyền lại cho Nicky và Angus những điều nàng đã học trong khoá huấn luyện chống khủng bố, đặc biệt là những gì tướng Wade đã trải qua và cách thức ứng xử của ông. Nicky có vẻ hứng thú nghe câu chuyện tướng Wade, có lẽ vì đó cũng là điều giúp cho nó quên cảnh giam cầm và đơn điệu. Với một đứa trẻ mười một tuổi, rất thông minh, hiếu động như Nicky, thì đây thực là sự trói buộc tàn ác; ngày nào cậu bé cũng hỏi tới mấy lần: “Mẹ ơi, mẹ nghĩ hiện nay bố đang làm gì để cứu chúng ta ra khỏi đây?”.
Jessica luôn luôn phải tưởng tượng ra những câu trả lời. Có lần nàng bảo: “Bố con biết rất nhiều người nên không có ai là bố con lại không nhờ giúp. Mẹ nghĩ chắc bố đã nói với tổng thống; ông chắc sẽ huy động nhiều người ra công tìm cứu chúng ta”.
Giá có thế thật, thì đó cũng là điều hợm hĩnh mà lúc thường chắc Jessica sẽ không bao giờ nói ra. Nhưng để làm Nicky thêm hy vọng, thì nói thế cũng chẳng sao.
Jessica khuyên hai ông cháu theo đúng gương của tướng Wade. Về chuyện vệ sinh, họ tôn trọng nhau bằng cách nghoảnh mặt đi chỗ khác khi người kia yêu cầu và không nói gì đến chuyện mùi hôi thối xông lên. Bắt đầu từ ngày thứ hai, Jessica đi đầu trong việc tập thể dục, hai người kia làm theo.
Qua mấy ngày đầu, họ đã quen với cuộc sống thiếu thốn mọi bề. Mỗi ngày ba lần, họ được khẩu phần ăn nhạt nhẽo, đầy mùi dầu mỡ, nấu từ sắn, gạo và mỳ sợi. Ngày đầu, Nicky không nuốt nổi món ăn nấu dầu có vị chua, còn Jessica suýt nữa thì nôn mửa. Dù lợm giọng, nhưng cuối cùng vì đói, họ phải nhắm mắt nuốt cho trôi. Khoảng hai ngày một lần, một người phụ nữ da đỏ lại tới mang bô vệ sinh đi đổ. Thảng hoặc có được rửa, thì cũng chỉ sạch bên ngoài, chứ bô vẫn

nặng mùi như cũ. Nước uống được đưa tới tận cũi trong những vỏ đồ uống cũ; thỉnh thoảng được đựng vào bát và thêm một ít nước để lau mình. Bọn gác dùng tay ra hiệu cho họ không được uống thứ nước đục ngầu dùng để rửa ráy ấy.
Điều quan trọng nhất đối với Jessica là tinh thần của Nicky, tuy không vui vẻ nhưng xem ra cũng ổn định. Cậu bé tỏ ra dẻo dai chịu đựng khi cú sốc đầu tiên đã qua.
Hồi còn ở New York, Jessica có tham gia các hoạt động xã hội giúp đỡ các gia đình nghèo khổ. Nàng có nhận xét rằng trong những tình huống bi đát, trẻ con thường vượt được qua dễ hơn người lớn. Nàng nghĩ có thể vì trẻ em suy nghĩ chân thật và ít phức tạp hơn, hoặc có lẽ khi gặp cảnh khó khăn, chúng suy nghĩ như người lớn. Trong trường hợp Nicky, không hiểu sao, cậu bé xem ra rõ ràng là vượt qua được.
Cậu bé bắt đầu tìm cách bắt chuyện với bọn gác. Tiếng Tây Ban Nha của cậu còn lõm bõm, nhưng cậu cũng đã trao đổi qua lại và biết được một vài thông tin, vì trong đám gác có người tốt tính và kiên nhẫn. Vicente là người dễ nói chuyện nhất.
Qua Vicente, họ biết tay "bác sĩ" sắp sửa ra đi, rõ ràng đó là tên mà Jessica gọi là thằng mặt bị rạch, và Vicente thì tin là hắn "săp về nhà ở Lima". Tuy nhiên "mụ hộ lý" vẫn sẽ ở lại, tức là con mụ mặt quàu quạu mà họ phát hiện ra tên là Socorro.
Họ trao đổi với nhau tại sao Vicente lại tử tế hơn, khác hẳn với những tên gác khác. Chính Jessica lại phải dè chừng Nicky và Angus: "Hắn cũng chẳng khác bọn kia đâu. Hắn cũng là tên cùng hội áp giải và giam giữ chúng ta ở đây; hai ông cháu chớ quên điều đó. Nhưng hắn không đến nỗi vô lương tâm và keo bẩn như lũ kia, vì vậy có vẻ tử tế đó thôi".
Còn một vài khía cạnh trong chuyện này mà nàng muốn nói, nhưng quyết định để dành cho những dịp sau. Cần phải có những chủ đề mới cho những câu chuyện giữa họ với nhau trong những ngày mà nàng thấy trước là vô cùng buồn chán. Vì vậy, nàng nói thêm: "Vì hắn ta là người như vậy, ta hãy cố mà tận dụng".
Theo gợi ý của Jessica, Nicky hỏi Vicente liệu tù nhân có được phép ra khỏi phòng giam không. Vicente lắc đầu, nhưng không rõ câu trả lời là không, hay vì anh ta không hiểu câu hỏi. Jessica cứ nhất định yêu cầu anh ta chuyển lời của nàng tới Socorro là họ muốn gặp ả ta. Nicky cố hết sức dịch lại, nhưng câu trả lời vẫn chỉ là lắc đầu, nên họ không biết là lời yêu cầu có được chuyển tới ả hay không.
Việc Nicky tương đối thành công trong việc dùng tiếng Tây ban Nha làm Jessica ngạc nhiên, bởi vì cậu bé mới bắt đầu học tiếng ở trường được vài tháng. Khi nàng hỏi, Nicky cho biết cậu có hai người bạn là dân Cu Ba nhập cư và chúng thường nói chuyện với nhau khi ở sân chơi bằng tiếng Tây Ban Nha. "Bọn con cứ nghe, rồi hiểu dần dần…". Cậu ngừng lại, vẻ mặt vui vẻ. "Con kể điều này chắc mẹ không thích đâu, nhưng bọn nó biết đủ các từ tục tĩu. Bọn nó dạy chúng con cả những ừ đó".
Angus lắng nghe, rồi hỏi: "Cháu có học được từ tục để lăng mạ nào không?".
"Ông ơi, có chứ".
"Cháu dạy ông mấy từ nhé. Để khi cần ông dùng chửi cho bọn này một trận".
"Không biết mẹ cháu có đồng ý thế không…".
"Không sao, con cứ bày cho ông cũng được", Jessica nảo. Nghe Nicky cười, nàng mới sung sướng làm sao!
"Nào, ông. Nếu ông muốn chửi rủa ai, ông có thể nói…". Nicky đi qua phía cũi bên kia, nói thầm với ông qua vách ngăn.

Jessica chợt hiểu là họ đã có thêm được một cách nữa để giết thời gian.
Cuối ngày hôm đó, Socorro tới theo như nàng đã yêu cầu.
Ả đứng phía ngoài cửa – cái bóng thanh mảnh, nhanh nhẹn của ả không lẫn vào đâu được. Ả đưa mắt quan sát ba chiếc cũi, nhăn mũi vì mùi hôi nồng nặc.
Jessica nói ngay: "Socorro, chúng tôi biết chị là hộ lý. Chính vì thế chị mới biết và yêu cầu cắt dây trói cho chúng tôi, và cho chúng tôi sôcôla".
Socorro nói, giọng cáu kỉnh: "Không phải là hộ lý, mà là giúp vào việc đó thôi". Ả đến gần cũi, môi mím chặt.
"Dẫu sao ở đây thì cũng thế cả. Bây giờ ông bác sĩ sắp đi, chị là người duy nhất biết về ngành y".
"Bà cố phỉnh phờ tôi, nhưng không ăn thua gì đâu. Tại sao bà muốn gặp tôi?".
"Bởi vì chị cho thấy là chị muốn chúng tôi sống và khoẻ mạnh. Nhưng nếu chúng tôi không được ra ngoài hít thở khí trời một chút, thì chúng tôi sẽ ốm to".
"Bọn bà bắt buộc phải ở trong này. Họ không muốn người khác thấy bọn bà".
"Tại sao không? Mà "họ" ở đây là ai?".
"Cái đó không phải việc của bà, và bà không có quyền hỏi".
Jessica đáp lại: "Tôi có quyền của một bà mẹ lo cho con mình, còn ông bố chồng tôi già yếu và còn bị đối xử tàn bạo nữa".
"Lão ấy đáng bị như thế. Lão nói quá nhiều. Bà cũng vậy".
Linh tính cho nằng biết rằng Socorro cố tạo thái độ thù địch ấy mà thôi. Nàng lựa lời khen ả: "Chị nói tiếng Anh giỏi quá. Chắc chị đã ở Mỹ lâu".
"Đó không phải việc…", Socorro ngừng nói, nhún vai. "Ba năm. Tôi ghét nó, một đất nước xấu xa, bẩn thỉu".
Jessica nhẹ nhàng: "Tôi không nghĩ chị thực sự tin như thế. Tôi nghĩ người ta đã đối xử tốt với chị, nên chị cũng thấy khó khi phải căm ghét chúng tôi".
"Tôi sẽ nghĩ về điều bà muốn", Socorro nói cộc lốc, rồi đi. Ra đến cửa, ả quay lại bảo: "Tôi sẽ cố làm cho phòng này thông thoáng hơn". Môi ả dúm dó trông như đang cười. "Như vậy lợi cho sức khoẻ bọn gác hơn".
Hôm sau có hai người đến mang theo dụng cụ. Chúng đục mấy lỗ trên tường đối diện với cũi, làm thành cửa sổ thông thoáng. Lập tức phòng giam mờ tối sáng hẳn lên, nên ba người bị giam nhìn rõ nhau và bọn gác. Không khí bên ngoài ùa vào, đôi lúc có cả gió mát, mùi xú khí tuy không hết nhưng đỡ hẳn.

Với Jessica, đó là một thắng lợi; nàng nghĩ nó còn cho thấy Socorro không đến nỗi hận thù như ả cố tạo ra trên nét mặt, một điểm yếu mà về sau nàng có thể khai thác được nhiều hơn.

Nhưng chuyện ánh sáng và khí trời ấy chỉ là một thắng lợi nhỏ, chứ nàng vẫn còn phải qua những nỗi dằn vặt lớn hơn. Jessica hoàn toàn không biết một việc như thế đang hình thành.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 12

Sáu ngày sau khi ba người tù và bọn áp tải đến Nueva Esperanza, Miguel nhận được một loạt mệnh lệnh từ Ayacucho của Sendero Luminoso. Những lệnh này được một tay liên lạc lái xe tải suốt hai ngày đêm, vượt đoạn đường khổ ải dài năm trăm dặm qua những con đèo chênh vênh trên núi và những đoạn đường rừng lầy lội mang đến. Một vài đồ chuyên dụng cũng được chuyển tới.

Mệnh lệnh quan trọng nhất là phải quay băng ghi hình người đàn bà bị bắt. Kịch bản đã được viết sẵn, và không được phép thay đổi câu chữ trong đó. Công việc này sẽ do Miguel đích thân giám sát.

Một lệnh khác khẳng định Baudelio đã hết nhiệm vụ. Hắn sẽ đi cùng xe với người liên lạc trở lại Ayacucho, rồi từ đó đáp máy bay đi Lima. Mấy ngày sau, xe sẽ quay lại Nueva Esperanza mang thêm đồ tiếp tế và lấy cuộn băng ghi hình.

Mặc dù đã biết trước, Miguel vẫn không bằng lòng khi nghe tin Baudelio sẽ trở lại Lima. Bởi một lẽ, cái tay vốn là bác sĩ này đã biết quá nhiều. Thêm nữa, chắc chắn hắn sẽ lại vào con đường rượu chè, mà tửu nhập ngôn xuất là điều không tránh khỏi. Vì thế, một Baudelio được thả lỏng không chỉ là đe doạ an ninh của cả bọn, mà quan trọng hơn, theo Miguel nghĩ, đe doạ sự an toàn của chính hắn.

Giá như vào dịp khác, chắc hắn đã ép Baudelio cùng đi với hắn vào rừng và sau đó chỉ có mình hắn trở về. Thế nhưng dù luôn tàn bạo, Sendero Luminoso chắc sẽ không để yên việc một kẻ ngoài đạo giết hại một người của nó, cho dù với lý do gì.

Vì thế, Miguel gửi qua gã liên lạc một mật thư lời lẽ gay gắt, chỉ rõ mối nguy hiểm nếu để Baudelio hoà nhập đời thường. Miguel biết rõ điều gì sẽ xảy ra.

Có một việc làm hắn hài lòng. Trong những chỉ thị mà hắn nhận được, có một cái ghi rõ: "Bảo vệ sức khoẻ cho ba con tin cho tới khi có lệnh mới". Mấy chữ "ba con tin", hắn là tay chỉ huy cao nhất của Sendero đã nghe được qua tin tức, cho thấy họ tán thành quyết định của Miguel bắt cóc luôn cả ông già, một điều không có trong kế hoạch lúc đầu.

Hắn chú ý tới các thiết bị đặc biệt dùng cho việc quay hình, ghi tiếng mang từ Ayacucho đến,

gồm máy quay hiệu Sony, máy cái băng, chiếc giá đỡ máy, dàn đèn chiếu sáng và một máy phát điện một trăm mười vôn chạy xăng. Miguel chẳng lạ gì những thứ này, vì hắn đã từng nhiều lần quay băng ghi hình các nạn nhân bị bắt cóc. Nhưng hắn thấy cần phải có thêm người giúp sức và phải có các biện pháp cứng rắn đảm bảo người phụ nữ mà hắn đồ chừng là rất cứng đầu kia phải nghe lời. Hắn chọn Gustavo và Ramon, mà qua quan sát theo dõi, hắn thấy rất khắc nghiệt với đám tù nhân và nếu buộc phải thẳng tay trừng trị họ, chúng cũng sẽ không chùn tay.

Miguel quyết định sáng hôm sau sẽ tiến hành việc quay băng ghi hình.
Jessica bắt tay vào việc ngay khi nhìn rõ xung quanh.

Ngay sau khi họ tỉnh lại ở Peru, cả ba người phát hiện các vật họ đựng ttrong túi, kể cả tiền, đã bị lấy đi không biết từ lúc nào. Cái xắc Jessica mang theo ở Larchmont đương nhiên cũng biến mất. Chỉ còn lại vài thứ lặt vặt như mấy mẩu giấy, chiếc lược của Jessica và cuốn sổ nhỏ Angus đút trong túi quần sau mà rõ ràng chúng bỏ sót. Ngoài ra còn cây bút bi mà Nicky gài trong áo khoác, lọt qua lỗ thủng trong túi nên bọn chúng không thấy.

Theo lời khuyên của Jessica, họ cất kỹ cuốn sổ và cây bút, và chỉ đem ra dùng vào phiên người gác nào dễ tính chứ không khắc nghiệt như bọn thằng Ramon.

Hôm trước Jessica mượn Angus cuốn sổ và cây bút của Nicky. Mặc dù họ không thể chuyển cho nhau thứ gì qua vách ngăn giữa các cũi, nhưng trong phiên gác của mình, Vicente sẵn lòng nhận và chuyển các thứ giúp họ.

Jessica định bụng sẽ vẻ lại khuôn mặt những người đã gặp trong khi nàng vẫn còn nhớ được rõ. Tuy không phải hoạ sĩ chuyên nghiệp, nhưng nàng cũng là loại nghiệp dư rất có khả năng, nàng tin rằng qua các khuôn mặt mà nàng phác hoạ có thể nhận ra được người, nếu như cuối cùng nàng có thể dùng để nhận diện những kẻ tham gia vụ bắt cóc và những kẻ sau đó.

Bức đầu tiền, bắt đầu vẽ từ ngày hôm trước và đến hôm sau vẫn vẽ tiếp, nàng ghi lại tên cao lớn, đầu hói và ra dáng chỉ huy mà nàng thấy ngay khi vừa tỉnh lại trong chiếc lán tối tăm ấy. Tuy lúc đó chưa tỉnh hẳn, nhưng nàng nhớ đã nài nỉ khẩn cầu: “Làm ơn giúp tôi… nói giùm ai…”. Cảm tưởng tiếp theo, vẫn còn sắc nét, là phản ứng của người đó lúc ấy có vẻ sững người, nhưng bây giờ nàng thấy rõ là hắn ta chẳng làm gì giúp nàng. Hắn là ai? Tại sao hắn lại ở đấy? Chắc hắn cũng tham gia bắt cóc nàng nên mới có ở đấy chứ. Jessica tin rằng hắn là người Mỹ. Dù hắn có phải người Mỹ hay không, nàng hy vọng hình nàng vẽ lại sẽ giúp vào việc truy tìm hắn sau này. Sau khi xong, bức hoạ của nàng trông cũng có thể nhận ra đó là tay phi công chính lái chiếc Learjet, Denis Underhill.

Nghe tiếng chân bước ở ngoài, nàng vội vã cuộn bức vẽ và giấu nó trong áo lót là chỗ nàng nghĩ đến trước tiên. Cuốn sổ và chiếc bút nàng nhét dưới lần nệm mỏng trải giường.

Cùng lúc đó, Miguel, Gustavo và Ramon xuất hiện. Ba thằng mang vác dụng cụ và thấy Jessica đã nhận ra ngay. “Không có chuyện đó đâu!”, nàng hét bảo Miguel. “Các ông đừng phí thời gian

dàn dựng chuyện đó. Chúng tôi không để các ông quay hình đâu".

Miguel làm ngơ. Hắn từ từ gắn chiếc máy quay lên chân đỡ và tìm chỗ để đèn cắm vào sợi dây nối dài, vòng qua cửa tới chỗ máy phát điện đang chạy. Một lát sau, khu vực trước ba chiếc cũi rực sáng, ánh sáng chụm chiếu vào chiếc ghế trống đối diện với máy quay.

Vẫn không vội vàng, Miguel đi tới cũi nhốt Jessica. Giọng hắn nghe đanh lạnh: "Khi tao ra lệnh, mày phải làm đúng như thế, nghe chưa đồ chó!". Hắn chìa ra ba tờ giấy viết sẵn. "Mày sẽ đọc những gì ghi trong này, không được thêm bớt, không được thay dù chỉ một chữ".

Jessica cầm mấy tờ giấy, đọc lượt qua, xé vụn và ném chúng qua thành cũi làm bằng tre. "Tôi đã bảo không làm là không làm".

Miguel không có phản ứng gì, chỉ liếc mắt nhìn Gustavo đang đứng chờ gần đó. Miguel gật đầu bảo "Hãy lôi thằng bé ra đây".

Lúc trước kiên quyết là thế, mà lúc này Jessica rùng mình kinh hãi.
Nàng nhìn Gustavo mở khoá cũi giam Nicky. Hắn bước vào, túm vai và tay Nicky, sau đó hắn vặn tay, lôi cậu bé ra trước cũi nhốt Jessica. Mặc dù đau đớn sợ hãi, Nicky không hề kêu.

Toát mồ hôi vì kinh hoảng, Jessica hỏi bọn chúng: "Các ông định làm gì thằng bé?".

Không đứa nào trả lời. Ramon qua phía buồng giam đem chiếc ghế mà bọn gác vẫn ngồi lại. Gustavo ấn cậu bé xuống ghế, rồi hai đứa dùng dây trói cậu lại. Trước khi trói tay cậu bé, Gustavo cởi khuy áo cậu, để lộ ra bộ ngực bé nhỏ. Trong khi đó, Ramon châm thuốc.

Hiểu rõ điều gì sắp xảy ra, Jessica gọi với Miguel: "Hợm đã! Có lẽ tôi hơi vội vàng. Xin ông thư thả, chúng ta có thể nói chuyện với nhau".
Miguel không trả lời. Cúi người xuống, hắn nhặt những mảnh giấy trước đó Jessica vứt ra nền. "Tất cả có ba tờ. Rất may là tao nghĩ mày có thể làm điều ngu ngốc, nên mới chỉ đưa một bản sao. Chính mày đã cho tao con số ba đó".

Hắn giơ ba ngón tay ra hiệu cho Ramon: "Quémllo bien… tres veces" (1). Ramon ngậm thuốc, rít cho đến khi đầu điếu thuốc đỏ lừ. Rồi bằng một động tác rất nhanh, hắn rút thuốc khỏi mồm và gí đầu đang cháy vào ngực Nicky. Vì quá đột ngột, cậu bé ngạc nhiên đến nỗi không kêu được một tiếng. Sau đó cậu khóc ầm lên vì bỏng rát.

Jessica cũng khóc thét lên, vật vã, đầm đìa nước mắt, nài nỉ xin chúng dừng tay, hứa sẽ làm bất cứ việc gì Miguel yêu cầu: "Bất cứ việc gì! Bất cứ việc gì! Tôi không quản ngại. Hãy bảo tôi phải làm gì, nhưng xin dừng tay! Ôi, xin dừng tay".

Từ trong cũi, Angus lấy tay đập ầm ầm vào vách ngăn và hò hét rất to. Những lời ông nói lẫn trong tiếng kêu khóc ở cũi bên, nhưng vẫn nghe được: "Đồ con hoang bẩn thỉu! Đồ hèn hát.

Chúng mày là thú vật, chứ không phải giống người".

Ramon đứng nhìn và nghe, cười nửa miệng. Rồi hắn đưa thuốc lên môi, rít một vài hơi thật mạnh cho đỏ lại khi đầu điếu thuốc đã cháy đỏ, hắn lại gí vào chỗ nữa trên ngực Nicky. Nicky kêu khóc càng to, trong khi Ramon lại rít thuốc và gí vào ngực cậu lần nữa. Lúc này, cùng với tiếng khóc thảm thiết của cậu bé, mùi thịt cháy bốc lên khét lẹt.

Miguel vẫn lạnh như tiền, tỏ ra dửng dưng với việc đang diễn ra. Sau lần thứ ba, hắn đợi cho tiếng kêu khóc dịu đi rồi mới bảo Jessica: "Mày hãy ngồi vào ghế trước ống kính và bắt đầu nói khi tao ra hiệu. Tao đã viết ra những điều mày phải nói. Mày có thể cầm giấy mà đọc cũng được. Mày phải đọc đúng những gì đã viết. Hiểu chưa?".
"Vâng, tôi hiểu", Jessica rền rĩ trả lời.
Nghe nàng có vẻ khan giọng, Miguel bảo Gustavo: "Lấy cho nó ít nước".
Jessica phản đối" "Không phải cho tôi, mà Nicky mới cần được chăm sóc – phải có gì để chữa những vết bỏng ấy, Socorro sẽ hiểu…".
"Câm mồm!", Miguel gầm lên: "Mày mà còn lôi thôi, thì thằng bé lại sẽ bị nữa. Để mặc xác nó đấy. Mày hãy làm chuyện của mày đi!". Hắn trừng mắt nhìn Nicky lúc ấy còn đang kếu khóc: "Cả mày nữa, câm mồm!". Hắn quay sang bảo Ramon: "Ramon rít cho đỏ đầu điếu thuốc".
Ramon gật đầu: "Si, Jefe" (2), hắn lại rít cho đến khi đầu điếu thuốc đỏ rực.

Jessica nhắm nghiền mắt. Nàng nghĩ chính sự bướng bỉnh của nàng đã làm họ lâm vào cảnh này. Một ngày nào đó, có thể Nicky sẽ tha thứ cho nàng. Để bảo vệ nó, nàng cần suy nghĩ về những điều phải làm và làm không sai sót. Nhưng lúc đó, một ý nghĩ chợt loé lên trong đầu nàng.

Buổi tối trước hôm xảy ra vụ bắt cóc, khi Jessica và Crawf ngồi nói chuyện ở nhà khu Larchmont, Crawf đã mô tả những tín hiệu mà người con tin có thể lén chuyển trong băng ghi hình. Mấu chốt vấn đề là người ở nhà hiểu và nhận ra những tín hiệu ấy. Crawf linh cảm một ngày nào đó anh có thể bị bắt cóc và sẽ phải ghi hình vào băng như thế. Thế nhưng, người bị bắt cóc lại là Jessica, điều cả hai người không hề tính tới, vì vậy, nàng cố nhớ lại các tín hiệu đó, biết rằng thế nào Crawf cũng xem băng hình này. Nhưng tín hiệu ấy thế nào nhỉ?

Nàng dần nhớ lại câu chuyện giữa hai vợ chồng ở Larchmont – trí nhớ của nàng bao giờ cũng tốt. Crawf đã nói: *"Nếu anh dùng lưỡi liếm môi, thì có nghĩa là "anh buộc phải làm điều này. Đừng tin những gì anh sắp nói…". Nếu anh gãi hoặc sờ tai phải, có nghĩa là: "bọn bắt cóc anh có tổ chức chặt chẽ và trang bị mạnh"; sờ tai trái có nghĩa là "việc canh phòng ở đây đôi khi lỏng lẻo. Nếu tấn công từ ngoài vào có thể thành công"*…. Crawf nói còn nhiều kiểu ám hiệu khác, nhưng anh đã không mô tả. Vì vậy nàng sẽ làm hai, chứ không phải ba loại ám hiệu và ám hiệu bằng cách sờ tai thì chỉ dùng được một trong hai thứ.

Gustavo mở cũi và làm hiệu cho nàng bước ra ngoài. Ý nghĩ đầu tiền khi ra khỏi cũi là chạy lại Nicky, nhưng thấy mặt Miguel hầm hầm, còn Ramon đã đốt điếu thuốc khác và đang đứng nhìn, nên nàng dừng lại. Mắt nàng gặp ánh mắt của Nicky, và nàng biết là nó hiểu. Gustavo dẫn

nàng đến ngồi vào ghế đối diện với cụm đèn sáng rực và máy quay hình. Nàng ngoan ngoãn uống chỗ nước hắn đưa cho nàng.

Những điều nàng phải nói đã được ghi bằng chữ rất to lên hai tấm bìa, mà lúc này Gustavo đang giơ trước mặt nàng. Miguel đã ở bên máy quay và đang nheo mắt nhìn qua ống kính. Hắn ra lệnh: "Khi tao vẫy tay thì bắt đầu".

Hắn hạ tay xuống, và Jessica bắt đầu nói, cố giữ cho giọng đều đều.
"Chúng thôi đã được đối xử tử tế. Họ đã giải thích lý do chúng tôi bị bắt, nên chúng tôi hiểu việc đó là cần thiết. Họ cũng nói, nếu các bạn bè người Mỹ của chúng tôi muốn chúng tôi bình yên trở về thì cũng rất dễ. Nếu muốn họ thả chúng tôi…".
"Dừng lại!", Miguel quát, mặt đỏ rừ, tay hắn vung vẩy một cách tức tối. "Đồ chó! Mày cứ làm như đang đọc danh sách các đồ cần giặt ấy, chẳng có diễn cảm gì hết. Mày cũng khôn ngoan đấy, để người ta thấy là không thật, là mày bị cưỡng bức…".
"Thì đúng là tôi bị buộc phải làm!". Đó là sự bột phát, mà chỉ một lúc sau Jessica lấy làm hối hận.
Miguel ra hiệu cho Ramon gí đầu thuốc đang cháy vào ngực Nicky, làm nó lại khóc thét lên.

Quên tất mọi chuyện, Jessica đứng vụt dậy, cầu khẩn: "Thôi, xin các ông đừng làm thế. Tôi sẽ cố làm tốt hơn, như các ông muốn!... Tôi xin hứa!".
Nàng nhẹ người khi thấy chúng không đốt nữa. Miguel thay cuộn băng mới vào máy, vẫy tay ra hiệu Jessica ngồi lại vào ghế. Gustavo lại đưa cho nàng ít nước. Một lát sau, nàng lại bắt đầu.

Nén lòng mình, nàng cố hết sức nói câu đầu tiên một cách tự nhiên, rồi tiếp: *"Nếu muốn họ thả chúng tôi, các bạn nhất thiết phải nhanh chóng theo đúng những lời chỉ dẫn mà họ sẽ gửi kèm theo cùng băng hình này…"*.

Ngay sau chữ "băng hình này", Jessica liếm môi. Nàng biết làm thế là rất nguy hiểm cho nàng và Nicky; nhưng nàng tin hành động có vẻ tự nhiên và chúng không để ý. Nàng đã tính đúng, vì không thấy chúng có phản ứng gì, và thế là bây giờ nàng đã báo cho Crawf và những người khác biết những gì nàng nói không phải là lời của nàng. Gác lại tất cả những gì đã xảy ra, nàng thấy lâng lâng thoả mãn khi tiếp tục đọc những điều ghi trong tờ bìa của Gustavo giơ lên.

… *"Nhưng chắc chắn là nếu các bạn không theo đúng những chỉ dẫn ấy, các bạn sẽ không bao giờ còn gặp lại chúng tôi nữa. Chúng tôi cầu xin các bạn đừng để điều đó xảy ra…"*.

Những chỉ dẫn đó là gì? Có phải là cái giá bọn bắt cóc đòi để thả họ không? Nàng chỉ tự hỏi thế thôi vì tới lúc này nàng hiểu tốt hơn là đừng hỏi gì cả. Trong khi đó, còn rất ít thời gian, ám hiệu thứ hai thì sao đây? Cần phải lựa chọn: tai nào? Tai phải hay tai trái? Đúng là bọn này có súng và có lẽ được tổ chức chặt chẽ, nhưng việc canh phòng đôi lúc cũng lỏng lẻo, ban đêm bọn gác thường ngủ, có đứa còn ngáy ầm ầm… Quyết định xong, Jessica giơ tay và làm như vô tình gãi tai trái. Hay quá, không đứa nào để ý. Nàng tiếp tục nói đoạn kết:
"Chúng tôi chờ đợi, tin vào các bạn, vô cùng hy vọng là các bạn sẽ quyết định đúng và…".

Một lát sau, mọi việc kết thúc. Trong khi Jessica nhắm mắt, thở phào nhẹ nhõm, Miguel tắt đèn lùi lại, mắt thoáng nụ cười mãn nguyện.

Một giờ sau Socorro mới đến. Đó là một giờ Nicky vật vã vì đau đớn, Jessica và Angus khắc khoải lo âu nghe tiếng Nicky rên nhè nhẹ trên gường mà không sang đó được. Jessica, sử dụng cả lời nói và làm hiệu cầu xin thằng gác cho nàng sang chỗ Nicky; rõ ràng thằng gác không nói được tiếng Anh nhưng hắn hiểu nàng yêu cầu cái gì. Song nó vẫn lắc đầu và một mực trả lời: "No se permile!" (3).
Cảm giác có lỗi chế ngự Jessica. Nàng nói với Nicky qua vách ngăn: "Ôi, con yêu của mẹ, mẹ thật có lỗi với con. Nếu mẹ biết chúng sẽ làm như vậy, thì mẹ đã chịu để chúng ghi hình ngay từ đầu. Mẹ không thể nghĩ…".
"Đừng lo, mẹ à". Mặc dù đau đớn, Nicky cố an ủi mẹ: "Đâu phải lỗi tại mẹ".
"Không ai có thể tin những gì bọn dã man này đã làm, Jessica ạ!". Từ trong cũi, Angus nói với qua. "Vẫn đau lắm hả cháu?".
"Khá đau, ông ạ", Nicky đáp, giọng run run.
Jessica lại gọi thằng gác: "Hãy kiếm Socorro, hộ lý ấy! Ông hiểu không? Socorro!".
Lần này thằng gác lờ đi. Hắn ngồi đọc cuốn sách tranh biếm hoạ và không ngẩng lên.
Cuối cùng Socorro đến: rõ ràng là ả tự ý đến.
"Xin chị hãy giúp Nicky", Jessica cầu khẩn. "Bọn bạn chị đã đốt nó đấy!".
"Nó đáng bị thế", Socorro nói, rồi ra hiệu cho thằng gác mở cũi Nicky và bước vào trong. Nhìn bốn vết cháy bỏng, ả chặc lưỡi, quay đi và bước ra ngoài. Thằng gác liền khoá cữa cũi lại.
"Chị sẽ trở lại chứ?", Jessica gọi.
Có vẻ như Socorro định nói một câu hằn học gì đó, nhưng rồi ả lại khẽ gật đầu và đi. Mấy phút sau, ả trở lại, mang theo một cái bát, một bình nước và một gói có lẽ là bông băng và gạc.
Qua kẽ liếp, Jessica thấy Socorro nhẹ nhàng dùng nước rửa vết thương, Nicky oằn người nhưng không hề kêu rên. Socorro dùng vải thấm khô vết bỏng, đặt miếng gạc lên các vết thương và dùng băng đính lại.
Jessica dè dặt nói: "Cám ơn chị. Chị làm rất thạo. Tôi xin hỏi…".
"Các vết bỏng này nhẹ và sẽ lành. Vài ngày nữa, tôi sẽ bỏ bông băng ra".
"Chị có cách gì làm đỡ đau không?".
"Đây không phải là bệnh viện. Nó phải chịu đựng vậy".
Quay sang phía Nicky, Socorro nói như ra lệnh, miệng không hề cười: "Hôm nay phải nằm im đấy, cậu bé. Ngày mai sẽ đỡ đau hơn".
Jessica quyết định nài thêm: "Xin chị cho tôi qua với cháu được không? Cháu nó mới có mười một, mà tôi lại là mẹ cháu. Chả lẽ mẹ con chúng tôi lại không thể gần nhau, dù chỉ là vài tiếng được ư?".
"Tôi đã hỏi Miguel. Ông ta bảo không được". Một lát sau Socorro đi.
Phòng giam im lặng, rồi nghe tiếng Angus nói dịu dàng: "Giá ông có thể làm được gì giúp cháu, Nicky. Cuộc đời thật bất công. Cháu đâu đáng phải chịu cảnh này".
Im lặng, rồi nghe tiếng Nicky: "Ông ơi".
"Gì vậy, cháu?".
"Ông giúp được đấy".

“Ông giúp được ư? Nào, nói đi cháu”.
“Ông hãy nói về những bài hát cũ. Nếu được, ông hát cho cháu nghe một bài”.
Mắt Angus rướm lệ: yêu cầu của cháu ông chẳng cần giải thích.
Bất cứ điều gì về ca nhạc đều làm Nicky thích thú; thỉnh thoảng vào những đêm hè, trong ngôi nhà nghỉ ở ven hồ của gia đình Sloane ở phía bắc bang New York, hai ông cháu thường nói và nghe những bài hát từ hồi chiến tranh thế giới lần thứ hai; những bài hát này đã làm ấm lòng những người thuộc hai thế hệ trước, như Angus và rất nhiều người khác. Nicky nghe mãi những chuyện này mà không bao giờ chán; bây giờ Angus đang cố nhớ lại những lời và những đoạn mà ông vẫn nói khi trước.
“Nicky ạ, có những người lái máy bay trong không lực Hoa Kỳ như bọn ông rất quý bộ sưu tập các đĩa hát nhỏ loại bảy mươi tám vòng phút ấy mà… Từ lâu không ai làm loại đĩa bảy tám vòng phút này nữa… ông đánh cuộc là cháu chưa từng bao giờ thấy…”.
“Cháu có thấy một lần. Bố của bạn cháu có một số đĩa loại đó”.
Angus mỉm cười. Cả Nicky cũng biết là mới mấy tháng trước, hai ông cháu cũng đã nói với nhau đúng như thế.
“Cháu biết không, bọn ông mang những đĩa này theo người từ sân bay này sang sân bay khác; vì đĩa rất dễ vỡ, nên chẳng ai dám giao cho người khác mang hộ. Thế là BOQ, tức là nơi ở của sĩ quan độc thân, vang lên điệu nhạc của các ban nhạc nổi tiếng như Benny Goodman, Tommy Dorsey, Glenn Miller. Các danh ca gồm Frank Sinatra lúc còn trẻ, Ray Eberle và Dick Haynes. Bọn ông nghe và hát vang theo họ trong khi tắm”.
“Ông hát một bài, đi ông!”.
“Lạy chúa, không biết có hát nổi không. Giờ ông già rồi còn gì!”.
“Cứ hát đi, ba”, Jessica giục. “Nếu con biết, con sẽ hát theo”.
Ông lần mò nhớ lại. Những lần trước đây, Nicky thích bài nào nhỉ? À, ông nhớ ra rồi. Ông lấy hơi rồi bắt đầu hát, liếc nhìn thằng gác xem chừng hắn có bắt ông tuân thủ quy định giữ im lặng không. Nhưng thằng gác hình như chẳng bận tâm việc họ nói chuyện với nhau, hắn xem hết trang này đến trang khác trong cuốn tranh biếm hoạ.
Có thời Angus hát giọng rất hay; bây giờ, cũng như con người ông, nó cũng yếu đi và khàn khàn. Ông thuộc lòng lời hát và nhớ lại rất rõ:

Anh như đang thấy em
Ở những nơi quen thuộc
Trái tim anh ôm ấp đêm ngày…

Jessica hoà theo; lời thơ nàng nhớ như đã gặp ở đâu. Một lát sau lại thêm giọng nam trung non nớt của Nicky.

Trong quán cà phê nhỏ
Nơi công viên ngang đường
Nơi đu quay của trẻ
Hàng cây dẻ,
Chiếc giếng ước nguyền!
Anh như thấy em

Trong ngày hè thân thương
Trong những gì nhẹ nhàng, vui quấy
Anh luôn nghĩ về em như vậy
Anh thấy em trong mặt trời vừa đây
Và khi đêm buông
Anh ngắm chị Hằng
Thì lại thấy hình em

Angus như thấy mình trẻ lại. Jessica phấn chấn tinh thần. Còn với Nicky, vết bỏng bỗng như không đau đớn nữa.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 13

Ngay chiều thứ tư, khi Harry Partridge thông báo sẽ đi Peru vào sớm hôm sau, nhóm đặc nhiệm thuộc Ban tin của CBA hoạt động hết sức khẩn trương.

Một quyết định khác của Partridge – ba mươi sáu giờ sau khi anh đi sẽ phát các tin họ có – làm mọi người phải họp bàn, trao đổi, lên và duyệt chương trình ưu tiên trong ba ngày tới.

Ngay bây giờ, cần phải viết và thu băng một phần ngay đêm nay thông báo do Partridge đọc sẽ được phát gần như suốt bản tin chiều thứ sáu. Nó sẽ gồm toàn bộ những chi tiết mà họ biết được về vụ bắt cóc gia đình Sloane, trong đó có cả tin mới nhất về Peru và Sendero Luminoso, sự dính líu của tên khủng bố Ulises Rodriguez, còn gọi là Miguel trong vụ này; băng ghi ông chủ nhà đòn Alberto Godoy, về nhà băng Amazonas Mỹ và cái gọi là vụ tự tử của Jose Antonio Salavery và Helga Efferen mà hiện đang nghi là bị giết hại.

Nhưng trước khi bắt đầu các việc chuẩn bị, Harry Partridge tới thăm Crawford Sloane trong văn phòng của anh trên tầng bốn. Partridge vẫn cảm thấy Sloane phải là người đầu tiên được thông báo về các tiến triển hoặc kế hoạch sắp tới.

Từ khi xảy ra vụ bắt cóc mười ba ngày trước đây, Crawford Sloane vẫn tiếp tục làm việc, mặc dù có lúc xem ra anh chỉ đi làm cho đỡ trống trải và anh chẳng còn tâm trí nào mà làm việc nữa. Hôm nay trông anh càng xanh xao, hai mắt mệt mỏi và những nếp nhăn trên mắt hằn sâu hơn. Anh đang trao đổi với một nữ biên tập và một người phụ trách chương trình. Anh ngước nhìn khi Partridge xuất hiện: “Harry, anh cần gặp tôi phải không?”.

Khi Partridge gật đầu, anh nói với hai người kia: “Các bạn ra ngoài được không? Lát nữa ta làm nốt nhé”.
Sloane ra hiệu mời Partridge ngồi: “Trông mặt anh có vẻ nghiêm trọng thế! Có tin xấu sao?”.
“Tôi e rằng như vậy. Chúng tôi có cơ sở để kết luận là người nhà anh đã bị đưa ra khỏi Mỹ. Họ đang bị cầm giữ tại Peru”.
Sloane gục người về phía trước, chống khuỷu tay lên bàn. Anh lấy tay vuốt mặt trước khi trả lời: “Tôi cũng đã nghĩ, mà có lẽ đúng hơn là sợ sẽ xảy ra điều đó. Anh có biết bọn nào bắt họ không?”.
“Chúng tôi tin là Sendero Luminoso làm việc đó”.
“Ôi, lạy Chúa! Cái bọn cuồng tín ấy ư?”.

“Sáng mai tôi sẽ đi Lima, Crawf ạ”.
“Tôi sẽ đi cùng anh”.

Partridge lắc đầu: “Cả hai ta đều biết anh không thể đi được, vì cũng chẳng giải quyết được gì. Vả lại, hãng không khi nào chịu để anh đi”.
Sloane thở dài, nhưng không tranh luận gì, mà chỉ hỏi: “Chúng ta có biết bọn đâm thuê chém mướn Sendero này muốn gì không?”.
“Chưa. Nhưng tôi chắc thế nào ta cũng sẽ nghe biết”. Hai người im lặng, rồi Partridge nói: “Tôi đã triệu tập nhóm đặc nhiệm vào năm giờ. Tôi nghĩ chắc anh cũng muốn có mặt ở đó. Sau đó, hầu hết bọn tôi sẽ phải làm thâu đêm”.

Rồi anh tiếp tục nói kỹ về những việc xảy ra trong ngày và dự định sẽ công bố tất cả tin tức mà họ biết vào chiều thứ sáu.
“Tôi sẽ đến họp”, Sloane khẳng định. “Cám ơn anh”. Và khi Partridge đứng dậy ra về, anh hỏi: “Anh có cần phải đi ngay bây giờ không?”.
Partridge do dự. Thời gian còn ít, mà anh còn bao nhiêu việc phải làm, nhưng anh cảm thấy bạn anh muốn dốc bầu tâm sự. Vì vậy anh nhún vai nói: “Tôi nghĩ một vài phút cũng chẳng sao”.

Sloane im lặng một lát rồi ngượng ngùng nói: “Tôi không biết nên nói thế nào, và có nên nói hay không. Nhưng vào lúc như thế này, người ta thường nghĩ đến đủ chuyện”. Partridge tò mò lắng nghe, và Sloane nói tiếp: “Thế này, Harry ạ. Tôi cứ nghĩ không biết tình cảm của anh đối với Jessica hiện nay thế nào. Dầu sao những năm trước đây hai người cũng khá thân nhau”.

À ra vậy; lần này thì ý nghĩ thầm kín đã bật ra thành lời, Partridge trả lời, chọn câu chữ rất thận trọng, vì anh biết giây phút này rất quan trọng: “Có, tôi rất quan tâm đến Jessica, một phần vì chúng tôi trước rất thân nhau như anh vừa nói. Song tôi quan tâm chủ yếu vì chị ấy là vợ anh, mà anh lại là bạn tôi. Còn những gì đã có giữa Jessica và tôi đều đã chấm dứt vào cái ngày chị ấy lấy anh”.
“Tôi nghĩ nói điều ấy lúc này vì những việc xảy ra mấy hôm nay, nhưng trước đây nhiều lúc tôi cứ băn khoăn về chuyện đó”.
“Tôi biết, Crawf ạ. Cũng có nhiều lúc tôi đã muốn nói với anh những điều tôi vừa nói, cũng như nói rằng tôi không bao giờ ghen tỵ về việc anh lấy được Jessica hoặc thành đạt trong vai phát thanh viên. Tôi chẳng có lý do gì mà ghen tức. Nhưng tôi luôn cảm thấy nếu tôi có nói ra điều đó, chắc anh cũng không tin”.
“Anh nói có lẽ đúng”. Sloane im lặng suy nghĩ. “Nhưng nếu anh muốn biết, Harry ạ, bây giờ thì tôi tin lời anh”.

Partridge gật đầu. Hai người nói với nhau như thế là đủ và anh cần phải đi. Ra tới cửa, anh quay lại nói: “Tôi sẽ làm hết cách khi tới Lima, Crawf ạ. Nhất định là thế”.
Khi đến phòng của Sloane, Partridge nhận thấy vắng Otis Havelock, nhân viên FBI, là người suốt cả tuần sau khi vụ bắt cóc xảy ra luôn có mặt ở đó. Dừng lại ở Vành móng ngựa, anh báo cho Chuck Insen biết cuộc họp của nhóm đặc nhiệm và hỏi về việc không thấy nhân viên FBI.

“Anh ta vẫn quanh quẩn ở đây luôn; nhưng tôi nghĩ anh ta đang dò theo hướng khác”, ông giám đốc điều hành ban tin chiều trả lời.
“Anh có biết liệu hôm nay anh ta có trở lại đây không?”.
“Tôi chịu”.
Partridge mong tay nhân viên FBI cứ làm cái việc anh ta đang làm cho hết cả ngày. Vì như thế sẽ dễ giữ kín các công việc họ làm tối nay và việc hôm sau anh đi mà chỉ mấy người ở CBA biết. Tất nhiên tới thứ sáu, khi nghe tin CBA sẽ tiết lộ những tin mới trong bản tin chiều, có lẽ FBI sẽ đòi phải cho biết chuyện gì đang diễn ra, và sẽ phải làm sao nấn ná không trả lời trước giờ phát tin. Nhưng đến lúc đó, Partridge đã ở Peru, và một người khác sẽ phải làm việc đó thay anh. Vì thế, anh quyết định, đối phó với FBI cũng là một việc phải tính trong kế hoạch hai ngày tới.

Mọi người trong nhóm đặc nhiệm đều có mặt tại phòng họp vào năm giờ. Leslie Chippingham và Crawford Sloane cũng đến. Chuck Insen dự khoảng mười lăm phút rồi đi, vì mục đầu trong bản tin chiều đã sắp tới giờ phát; một người khác trong phòng phát tin đến thay ông. Partridge ngồi ở đầu chiếc bàn họp dài. Rita Abrams ngồi bên cạnh. Iris Everly, người viết đoạn tin về vụ bắt cóc cho bản tin chiều, nhưng chưa đả động gì đến những dữ kiện mới, tới muộn vài phút. Teddy Cooper cũng có mặt; cả ngày hôm đó anh cùng với những người tạm tuyển đi khắp văn phòng các báo đọc các mục quảng cáo nhưng chẳng thu được kết quả gì. Minh Văn Cảnh, các chủ nhiệm Norman Jaeger, Karl Owens đều đến. Chỉ có Don Kettering là mới. Jonathan Mony cũng ngồi lại và được giới thiệu với mọi người. Các nhân viên giúp việc khác cũng đã đợi sẵn. Partridge bắt đầu nói tóm tắt những gì xảy ra trong ngày, về ý định của anh đi Peru sáng hôm sau và quyết định công bố tất cả những gì họ biết trong bản tin chiều thứ sáu.

Leslie Chippingham cắt ngang: “Tôi đồng ý với những điều anh vừa nói, Harry ạ, nhưng tôi nghĩ chúng ta cần phải làm hẳn một buổi tin đặc biệt trong một tiếng liền vào chiều thứ sáu, trong đó nói từ đầu vụ bắt cóc xảy ra với cả những số liệu mới”.

Ông chủ tịch ban tin nói tiếp, trong khi mọi người thì thầm tán thành. “Các anh nhớ là chúng ta có buổi tin lúc chín giờ mà chúng ta có thể kéo dài thêm. Nghe các anh nói, có vẻ như số liệu đủ để làm luôn cả tiếng”. “Nhiều, nhiều lắm”, Rita Abrams nói chắc. Trước đó chị đã xem băng thẩm vấn không lộ diện Alberto Godoy, nghe lại cuộc nói chuyện của Don Kettering với ông giám đốc nhà băng Amazonas – Mỹ mà Emiliano Armando vừa mới đưa tới. Cả hai làm chị phấn chấn.

Sau khi coi lại băng ghi hình, Rita, Partridge và Kettering bàn với nhau xem có cần giữ kín nhân thân của ông chủ hiệu quan tài hay không, vì khi ông nổi xung lên vào cuối buổi quay, tự ông đã phơi mặt ra ánh đèn sáng và ghi vào trong băng. Họ rất muốn cứ để ông ta lộ diện trên màn hình, vì giấu kín nhân thân của ông ta sẽ làm hãng gặp rắc rối. Nhưng vì đã thoả thuận với ông ta từ đầu, nên đây là vấn đề đạo lý cần phải giữ. Cuối cùng họ quyết định, vì Godoy không biết kỹ thuật nên mới hành động thế, nên thoả thuận lúc đầu cần được tôn trọng. Để cho chắc, Partridge đã xoá đoạn băng lúc ông Godoy lộ diện trên cuộn gốc để khi phát tin sau này không còn hình đó nữa. Xoá lúc này thì chưa phải là phạm pháp, nhưng nếu người ta bắt đầu chính thức điều tra mà xoá thì phạm pháp.

Mọi người trong phòng họp thấy quyết định phải xây dựng bản tin đặc biệt một tiếng đồng hồ tương đối để thực hiện, bởi vì chương trình một tiếng ấy thuộc phạm vi quản lý của ban tin tức. Do đó chẳng cần phải xin ý kiến lãnh đạo của hãng. Chương trình này phát lúc chín giờ ngày thứ sáu, dưới cái tên là "Đằng sau những tít lớn"; đó là mục điểm tin, thường do Norman Jaeger phụ trách, và khi công việc hiện nay kết thúc, đương nhiên ông ta sẽ trở lại chương trình của mình. Chippingham tự bảo, chẳng cần báo ngay cho Margot Lloyd- Mason làm gì, nhưng một lúc nào đó vào thứ sáu, ông sẽ cho bà ta biết về việc phát tin tối hôm đó.

Sau đó họ đi tới nhiều quyết định khác.

Partridge thông báo Minh Văn Cảnh và Ken O' Hara, chuyên viên âm thanh, là người có mặt tại vụ tai nạn máy bay hai tuần trước ở Dallas-Fort Worth, sẽ cùng đi với anh qua Peru.

Liếc nhìn Chippingham đang ngồi ở cuối bàn, Rita nói thêm: "Les này, tổ công tác đã thuê cho Harry và hai người khác chiếc Learjet, dự định rời Teterboro vào sáu giờ sáng mai. Tôi cần anh đồng ý".
"Chị có chắc…", nghĩ tới khoản chi phí, Chippingham định nói tiếp: "Là không có chuyến bay thường lệ không?", thì chợt thấy đôi mắt sắc lạnh Crawford Sloane như dán vào ông. Ông chủ tịch Ban tin đổi ý, đáp ngắn gọn: "Tôi đồng ý".

Mọi người quyết định Rita sẽ ở lại New York để theo dõi chung cả bản tin chiều thứ sáu và chương trình đặc biệt một tiếng đồng hồ. Iris sẽ phụ trách phần nội dung bản tin chiều, Norman Jaeger va Karl Owens phụ trách chương trình đặc biệt. Sau đó vào tối thứ sáu, Rita sẽ bay qua Lima cùng Partridge và hai người kia, và Jaeger sẽ đảm nhận vai trò chủ nhiệm chính chương trình ở New York.

Vì đã bàn trước với Chippingham, Partridge tiết lộ rằng sau khi anh rời New York, Don Kettering sẽ thay anh lãnh đạo nhóm đặc nhiệm. Việc theo dõi đưa tin hoạt động của giới kinh doanh tạm thời sẽ do phụ tá của Kettering đảm nhận.

Partridge nói rõ là mặc dù anh sẽ là người đọc tin trong Bản tin chiều thứ sáu và chương trình đặc biệt, nhưng cả hai chương trình không nên để người ta nghĩ là anh đã đi Peru. Thực ra, nếu có cách nào đó làm người xem nghĩ chương trình đang được truyền trực tiếp thì lại càng hay, nhưng không được sử dụng tiểu xảo đánh lừa người xem. Các thủ thuật này khó mà lừa được các hãng truyền hình và các báo khác, nhưng nếu làm nhẹ bớt được việc tại sao hãng lại phải cấp tốc phái ngay một tổ công tác sang Peru sẽ có lợi thế. Ngoài chuyện cạnh tranh nhau, nhìn từ góc độ thực tế, Partridge sẽ có cơ hội tốt hơn, tức là có thể điều tra một mình, chứ không phải giữa đám phóng viên bu đặc xung quanh.

Vậy thì phải tính đến vấn đề giữ bí mật.
Leslie Chippingham tuyên bố: tất cả những việc tối nay và hai ngày tiếp theo sẽ không được mang ra bàn ngay cả với những người không có liên quan trong Ban tin tức, và những người

ngoài cuộc, kể cả gia đình mình. Phương châm chung là "Ai cần hãy biết". "Đây không phải là yêu cầu, mà là mệnh lệnh".

Vừa nói, ông chủ tích Ban tin tức vừa nhìn từng người quanh bàn: "Chúng ta đừng làm hoặc nói gì để lộ tin quá sớm, và cướp mất của Harry lợi thế hai mươi bốn giờ mà rõ ràng là anh ấy rất cần. Nhưng trước hết, chúng ta phải nhớ rằng tính mạng của nhiều người đang bị đe doạ!". Liếc nhìn Crawford Sloane, ông thêm:"Tính mạng của những người đặc biệt gần gũi và quan trọng đối với tất cả chúng ta".

Các biện pháp an ninh khác cũng được sắp xếp. Ngày mai và ngày kia, khi sử dụng phòng ghi chương trình cho Chương trình đặc biệt, bên ngoài sẽ bố trí người gác và chỉ những người có tên trong danh sách do Rita ghi mới được phép vào phòng. Hệ thống nối ra ngoài sẽ bị ngắt, để không ai ở ngoài phòng ghi chương trình có thể theo dõi qua màn hình ở ngoài những gì đang được tiến hành ở trong phòng.
Tuy nhiên, mọi người đồng ý là sáng thứ sáu có thể nới lỏng việc giữ bí mật một chút, ở mức loan báo trước các tin sẽ phát trong ngày. Việc này cho người xem biết những tin tức quan trọng mới về vụ bắt cóc người nhà Sloane sẽ được công bố trong bản tin chiều hôm đó và trong chương trình đặc biệt. Cũng trong này hôm đó, để giữ phép xã giao trong nghề với nhau, các hãng truyền hình, đài phát thanh và báo chí cũng được thông báo, nhưng không nói rõ chi tiết.
Cối cùng Partridge hỏi: "Còn gì nữa không? Chúng ta bắt đầu vào việc được chưa?".
"Còn một việc nữa", Rita nói, giọng láu lỉnh. "Les này, tôi cần anh cho phép thuê bao một chiếc Learjet nữa vào tối thứ sáu để tôi qua Lima. Tôi sẽ mang theo biên tập viên Bob Watson, cùng máy biên tập và tiền mặt".
Những người ngồi quanh bàn cười khúc khích; ngay cả Crawford Sloane cũng mỉm cười. Rita đã khôn khéo để được đi bằng máy bay riêng; trước tiên là việc mang theo một biên tập viên và máy biên tập gồm những thiết bị cồng kềnh không có cách mang nào khác. Hai là mọi người sẽ cho là không khôn ngoan nếu đi trên máy bay thường mà lại mang theo một số lượng lớn đôla Mỹ, tuy Rita không nói cụ thể là bao nhiêu, nhưng số tiền có thể tới năm mươi ngàn đôla. Mà ngoại tệ mạnh thì lại rất cần ở một nước như Peru, nơi tiền địa phương gần như vô giá trị, còn đôla lại có thể mua được mọi thứ, kể cả những đặc quyền mà chắc chắn là chị rất cần.
Chippingham nén tiếng thở dài. Thật khinh xuất, ông tự bảo, và mặc dù công việc đang tiến triển tốt, Rita đã đặt ông vào thế khó xử.
"Thôi được", ông bảo, "chị cứ thuê đi".

Mấy phút sau khi cuộc họp kết thúc Partridge đã ở phòng máy tính chuẩn bị cho phần mở đầu của anh trong bản tin chiều thứ sáu.
Anh viết: *"Về vụ bắt cóc vợ, con và cha của người dẫn chương trình tin CBA Crawford Sloane cách đây mười lăm ngày, hiện nay đã có thêm một số sự kiện mới làm chúng ta giật mình. Việc điều tra do CBA tiến hành đã cho chúng tôi cơ sở để tin rằng ba nạn nhân bị bắt cóc đã được đưa qua Peru; họ đang bị bọn Sendero Luminoso, tức là "Con đường sáng" giam cầm. Đây cũng là bọn từ nhiều năm nay gây bao nỗi kinh hoàng trên hầu khắp đất nước Peru.*
Động cơ bắt cóc đến nay vẫn chưa được biết. Cái người ta đã biết là một nhà ngoại giao tại Liên

hiệp quốc sử dụng tài khoản trong một nhà băng New York để chuyển tiền cho bọn bắt cóc, tạo điều kiện cho bọn này thực hiện vụ bắt cóc trên, cũng như các hành động khủng bố khác.
Việc đưa tin rộng khắp của chúng tôi, cũng như nhiều tội ác khác đều bắt đầu từ chuyện tiền.
Phóng viên phụ trách phân tin tức thương mại Don Kettering giải thích như vậy".
Khi xem lại những điều anh viết, Partridge nghĩ đó sẽ là một trong nhiều lời dẫn chương trình tương tự mà anh sẽ phải làm và ghi băng trước khi rời Manhattan đi sân bay Teterboro vào lúc năm giờ sáng.

Chú thích:
(1) Hãy đốt chúng ba lần cho sạch.
(2) Vâng, thưa sếp.
(3) Không được phép.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Phần IV - Chương 1

Còn mấy phút nữa mới tới sáu giờ sáng (theo giờ miền Đông nước Mỹ). Trời vẫn còn đang mưa khi chiếc Learjet 36A rời sân bay Teterboro ở New Jersey qua Bogota, Colombia. Trên máy bay có Harry Partridge, Minh Văn Cảnh và Ken O'Hara.

Chiếc 36A không đủ sức bay thẳng một mạch tới Lima; họ sẽ phải đỗ xuống Bogota để tiếp dầu và hy vọng sẽ đến thủ đô Peru vào một giờ ba mươi chiều, theo giờ chuẩn miền Đông và giờ của Peru.

Partridge và hai người kia đi thẳng từ trụ sở hãng CBA tới Teterboro bằng xe hơi của hãng. Tuy cả đêm bận rộn, Partridge vẫn cố giành được nữa giờ trở lại khách sạn Intercontinental chuẩn bị đồ đạc. Anh đã không mất thời gian vào các thủ tục ra máy bay; người của hãng sẽ lo liệu việc đó vào buổi sáng.

Anh đề nghị tổ công vụ của ban tin CBA dàn xếp chỗ ngủ trên chiếc Learjet, và rất vui mừng khi thấy việc đó đã xong. Ở phía phải khoang hành khách, hai số ghế đối diện đã được hạ thấp làm giường, có đệm, trải ga và chăn mền thật đầy đủ. Phía bên kia khoang hành khách cũng có thể tạo thành một giường nữa, nhưng Minh Văn Cảnh và O'Hara sẽ phải dàn xếp với nhau về chuyện đó. Nhưng dù thế nào đi nữa, anh không cho rằng họ sẽ phải qua một đêm vất vả như anh.

Tới khi máy bay cất cánh và vào hành lang bay, Partridge đã ngủ. Anh ngủ rất ngon suốt ba tiếng liền, tỉnh dậy trrong ánh sáng mờ mờ của cabin; ai đó đã có nhã ý hạ rèm cửa sổ, mặc dù ánh mặt trời vẫn sáng rõ quanh riềm cửa sổ. Phía bên kia, Minh Văn Cảnh co người trên ghế và đang ngủ, O'Hara cũng đang ngủ trên chiếc ghế phía sau.
Partridge nhìn đồng hồ: chín giờ sáng, giờ New York, nhưng ở Lima mới là tám giờ. Giờ lịch trình bay mà người phụ lái mang tới trước khi cất cánh, anh tính thấy còn hai tiếng nữa máy bay mới hạ cánh ở Bogota để lấy thêm dầu. Tiếng động cơ phản lực đều đều nhưng không ầm, và máy bay không hề chao đảo. Partridge chợt nghĩ tới câu "chuyến đi êm như lụa". Lòng đầy khoan khoái, anh lại ngã người và nhắm mắt.
Nhưng lần này anh không ngủ được. Có lẽ giấc ngủ ba tiếng vừa rồi đã đủ. Có lẽ quá nhiều việc đã xảy ra trong một khoảng thời gian quá ngắn, làm anh không thể nghỉ được lâu. Vào những dịp khác trước đây, anh cũng đã thấy anh không cần đến giấc ngủ trong những lúc căng thẳng và phải hành động. Bây giờ đây, hoặc cũng không lâu nữa, chính là lúc như vậy. Đúng, anh sắp

sửa phải hành động, có lẽ theo nghĩa đen là sắp vào trận, và anh cảm thấy các giác quan của anh đang bắt đầu hoạt động.
Anh cho rằng cảm giác đó luôn yên ngủ trong anh, nhưng cuộc chiến Việt Nam đánh thức nó, và sau đó, các cuộc chiến tranh ở những nơi khác đã thoả mãn nhu cầu của anh. Chính cái đó đã biến anh thành một phóng viên "pằng, pằng" theo tiếng lóng của giới làm tin truyền hình, cái tên thường làm anh khó chịu, nhưng nay đã quen tai.
Mà gọi thế cũng được chứ sao? Có những lúc cần phải có những tay "pằng pằng" như anh, giống như Balaklava cần loại lính làm các công việc của họ trong khi:
Đạn pháo bên trái,

Đạn pháo bên phải

Đạn pháo trước mắt

Nổ như sấm sét
Anh mỉm cười, thích thú trước chất lãng mạn của Tennyson và cả của anh.
Với anh, không phải lúc nào cũng thế. Có lúc, khi còn Gemma, anh tự biết phải tránh xa chiến tranh và nguy hiểm; vì cuộc đời ngọt ngào và quá ư hạnh phúc, tội gì phải chuốc lấy cái chết đột ngột. Vào lúc đó, anh biết trong hãng mọi người nói với nhau, đại thể là: hãy giao cho Harry những công vụ an toàn. Hãy để các phóng viên mới theo tiếng súng trận một thời gian đi.
Tất nhiên, sau đó mọi chuyện thay đổi. Khi Gemma không còn nữa, người ta cũng thôi không bảo vệ anh, và lại phái anh đi đưa tin các cuộc chiến, một phần vì anh rất giỏi trong việc đó, một phần vì anh nói với họ anh chẳng quan tâm đến chuyện nguy hiểm hay không. Anh tự nghĩ chính điểm sau là một lý do tại sao anh đang ở đây vào lúc này.
Thật kỳ lạ là từ khi công chuyện này bắt đầu, đầu óc anh luôn nhớ lại những ngày sống với Gemma. Chính trong lần bay từ Toronto ngay sau vụ bắt cóc, anh đã nhớ lại chuyến bay với Giáo hoàng trên chiếc DC-10 của hãng Alitalia và gặp gỡ Gemma… câu chuyện của anh với Đức Giáo hoàng, về cụm từ dễ lẫn "nô lệ - Slaves" mà anh đã làm rõ… rồi Gemma mang đến cho anh khay đồ ăn sáng cùng một bông hồng.
Một ngày sau đó (hay là hai ngày nhỉ) đêm nằm trong khách sạn anh lại càng nhớ tới chuyện đã nặng lòng yêu Gemma, và ngay trong chuyến công du ấy của Đức Giáo hoàng, anh đã đề nghị cưới Gemma… Trong một lần máy bay đỗ lại, họ thuê tắc xi tới khu phố cổ ở Panama, và Gemma đứng cạnh anh trong khi cha xứ tuyên bố họ thành vợ chồng trong căn phòng trang

hoàng lộng lẫy của ông.
Rồi mới chỉ tuần trước, sau khi tới thăm Crawford Sloane ở Larchmont trở lại Manhattan, trong bóng tối của chiếc xe hơi, anh lại nhớ đến những tháng ngày tình tứ, tươi vui mà anh sống với Gemma ở Roma, nơi mà tình yêu của họ ngày càng nồng thắm; tài thiên phú mang đến tiếng cười và niềm vui cho mọi người của Gemma; nhớ cuốn séc mà nàng không bao giờ có thể cân bằng thu chi, chiếc xe mà nàng lái chạy như điên làm anh sợ hết hồn… cho đến ngày nàng giao lại chìa khoá xe khi mang thai. Rồi sau đó là tin họ thuyên chuyển từ Roma qua London.
Lúc này ở đây, trên chuyến bay này, với những giây phút yên lặng hơn, anh lại nghĩ tới Gemma. Lần này, khác với những lần trước, anh không kìm giữ mà để mặc cho ký ức tuôn tràn.
Cuộc sống của họ ở London tốt đẹp đến mức khó tin. Họ thuê lại căn phòng xinh xắn có sẵn đồ đạc ở St. John's Wood mà người tiền nhiệm của anh vừa rời đi. Gemma nhanh chóng thêm những nét điểm xuyết theo màu sắc và phong cách của nàng. Các phòng bao giờ cũng đầy hoa. Nàng treo các tranh hoạ mà họ mang theo từ Roma, mua sắm đồ sứ và khăn trải bàn ở Kensington, và mua thêm bức tượng đồng bóng loáng của một hoạ sĩ trẻ mới vào nghề có phòng trưng bày ở phố Cork.
Ở văn phòng London của Ban tin CBA, công việc của Partridge đều trôi chảy. Một số bài anh viết về nước Anh, còn các bài khác về các nước lục địa như Pháp, Hà Lan, Đan Mạch và Thuỵ Điển, nhưng chẳng mấy khi anh vắng nhà lâu. Khi không phải làm việc, anh cùng Gemma thăm cảnh London, thích thú khi cùng phát hiện lịch sử, vẻ lộng lẫy, những điều lạ lùng và kỳ dị, thường là ở những phố hẹp đầy bí ẩn mà một vài phố vẫn còn hệt như Dickens đã miêu tả, hoặc ở quanh các góc phố vòng vèo.
Phố xá ngoằn ngoèo như ma trận làm Gemma rối trí, và nàng thường bi lạc. Khi Partridge bảo rằng các khu của Roma cũng phức tạp không kém, nàng lắc đầu không chịu: "Không phải vô tình mà người ta gọi nó là "thành phố bất diệt" đâu, Harry thân yêu. Ở Roma, anh cứ việc đi tới, có cái gì đó anh có thể cảm nhận được. Còn London thì cứ như chơi trò mèo vờn chuột với ta, làm ta xoay như chong chóng, không biết đâu mà lần. Nhưng em lại thích, vì nó giống như trò chơi ấy".
Giao thông trong thành phố cũng làm Gemma bối rối. Đứng cùng Partridge trên tam cấp của Bảo tàng Quốc gia, nhìn dòng xe hơi, tắc xi, xe buýt hai tầng phóng nhanh vòng quanh quảng trường Trafalgar, nàng bảo anh: "Trông nguy hiểm quá, anh ạ. Tất cả đều đi trái đường". Rất may là, vì rằng không làm sao quen được việc lái xe chạy phía trái, nên nàng không hề muốn sử dụng xe hơi của họ, và khi Partridge không có nhà, nàng đành chịu đi bộ xa hoặc đi xe điện ngầm hay tắc xi.
Bảo tàng Quốc gia chỉ là một trong nhiều bảo tàng mà họ tới thăm; nhiều cảnh khác, thông thường hay kỳ lạ, đều làm họ thích thú, từ việc đổi gác ở Cung điện Buckingham, đến việc ngắm những cửa sổ bịt gạch trên những ngôi nhà cổ, dấu vết của thời đầu thế kỷ XVIII, khi mở cửa sổ cũng bị đánh thuế để lấy tiền cung cấp cho các cuộc thiến tranh với Napoleon.
Người hướng dẫn họ thuê trong ngày giới thiệu với họ tượng Nữ hoàng Anne đã lưu ý họ rằng Nữ hoàng đã mang thai mười chín lần, và được chôn trong chiếc quan tài có bốn foot và tám inch vuông. Và ở biệt thự New Zealand, trước là khách sạn Carlton, anh ta bảo họ rằng Hồ Chí Minh dã từng làm chân phụ bếp ở đây – toàn những chuyện Gemma rất ưa thích, và nàng hý hoáy ghi đặc dần trong cuốn sổ nhỏ.
Chủ nhật, họ thích tới thăm Góc Diễn giả gần Marble Arch, là nơi như Partridge giải thích: "Các nhà tiên tri, những kẻ to mồm và những thằng điên được quyền nói ngang nhau".

"Chuyện đó có sao đâu, Harry?", có lần sau khi nghe anh nói, nàng hỏi lại. "Một số bài diễn văn mà anh đưa tin một cách nghiêm chỉnh trên vô tuyến đâu có hơn gì? Anh nên viết một bài về Góc Diễn giả này trên bản tin truyền hình".
Ngay sau đấy, anh gợi ý đó với New York và Vành móng ngựa trả lời đồng ý. Anh liền viết một bài và nó trở thành "tin cuối cùng" vui vui kết thúc bản tin tối thứ sáu được mọi người rất khen.
Một chỗ khác họ thích đến thăm và ăn chiều ở đó là khách sạn Brown, do ông quản gia của Huân tước Byran sáng lập; có cái gì đó rất Ăng lê trong cung cách phục vụ không chê vào đâu được, bánh mỳ xăng đuých tuyệt ngon, bánh kiều mạch, mứt dâu và kem xốp Devonshire. Thật cứ như nghi lễ tế thần ấy, anh yêu ạ", Gemma bảo. "Giống như lễ ban bánh thánh, nhưng ngon hơn".
Tóm lại những gì họ cùng nhau làm đều trở thành những giờ phút vui tươi. Trong khi đó, cái thai lớn dần, họ lại có thêm những hạnh phúc đầy hứa hẹn.
Lúc Gemma mang thai tháng thứ bảy thì Partridge phải qua Paris một ngày. Vì thiếu người, Văn phòng Ban tin CBA ở đó cần có người để đưa tin về những lời buộc tội một bộ phim của Mỹ mà người ta cho là đã mô tả có ý phê phán và không chính xác Phong trào kháng chiến Pháp hồi thế chiến hai. Partridge đã viết bài về việc đó, gửi bằng vệ tinh qua London, về New York, nhưng tự anh không chắc nó có đủ tầm quan trọng để được đưa vào bản tin chiều hay không. Rốt cuộc là không.
Rồi khi chuẩn bị rời văn phòng Paris ra máy bay về nhà, người ta đưa ống nghe cho anh và bảo: "Lodon muốn nói chuyện với anh. Zeke đang ở đầu dây bên kia".
Zeke tức là Ezekiel Thomson, trưởng phân xã London, người to lớn, thô, khó tính và đen; những người làm việc với ông đều cho rằng ông chẳng có tình cảm gì hết. Nghe ông nói, cảm giác đầu tiên của Partridge là giọng ông nghẹn ngào, đứt đoạn: "Harry, tôi chưa bao giờ làm việc này... Tôi không biết nên thế nào... nhưng tôi phải nói với anh...", ông cố gắng nói. Nhưng rồi ông cũng nói nốt được. Gemma đã chết. Nàng bắt đầu qua phố ở ngã tư đường đầy xe cộ qua lại. Những người chứng kiến nói rằng nàng không nhìn bên phải mà lại xem chừng bên trái... Ôi, Gemma; Gemma thân yêu, Gemma tuyệt vời, Gemma đãng trí! Em đã tin mọi người ở Anh đều đi trái đường; em vẫn chưa biết nhìn hướng nào khi đi bộ qua phố giữa dòng xe cộ... Một xe tải từ bên phải lao tới, đâm ngang người nàng. Những người thấy tai nạn nói lại người lái xe tải không có lỗi, anh ta không thể nào tránh được...
Về sau, Partridge được biết thằng con sắp sinh của họ cũng chết.

Partridge trở về London. Sau khi lo liệu xong những việc phải làm, anh đã khóc khi còn lại một mình trong căn phòng hai người đã sống. Suốt mấy ngày anh ở trong nhà, từ chối tiếp bất cứ ai, để mặc cho nước mắt tuôn rơi, không chỉ vì Gemma, mà vì suốt những năm qua, anh chưa bao giờ khóc. Cuối cùng thì anh cũng đã khóc cho trẻ nhỏ xứ Galles đã chết ở Aberf mà chính mắt anh đã thấy những thi thể thảm thương của chúng được lôi lên từ trong vũng bùn nhầy nhụa. Anh khóc cho những người đang đói lả ở châu Phi; nhiều người đã chết ngay trước ống kính máy quay, còn anh, mắt ráo hoảnh, ghi chép những điều đã thấy vào sổ tay. Anh khóc cho tất cả những người ở nhiều vùng đất đau thương mà anh đã tới; anh đứng giữa những người đã chịu nhiều mất mát, nghe họ than vãn, kể lể niềm đau, còn anh chỉ là một phóng viên đang lượm tin, thế thôi.

Đâu đó, anh nhớ lại những lời mà một nữ bác sỹ tâm thần có lần đã nói với anh: "Anh đang tích

nó lại, nén chặt tình cảm đâu đó trong anh. Rồi tới một ngày nào đó, nó sẽ phá vỡ và trào ra, và anh sẽ khóc. Ôi, anh sẽ khóc mới nhiều làm sao!".

Sau đó, anh cố nhớ lại, anh đã gượng lại được. Ban tin CBA cũng đã giúp anh bằng cách làm anh luôn bận rộn, không còn lúc nào rảnh mà hồi tưởng suy tư; khi công vụ khó khăn này vừa xong, họ liền giao cho anh việc khác. Hễ có cuộc xung đột hoặc nơi nguy hiểm nào trên thế giới là Harry Partridge được phái tới ngay. Anh lao vào nguy hiểm, nhưng đều vượt qua được, cho tới lúc mọi người và ngay cả anh cũng thấy hình như anh được thần linh che chở. Cứ thế, năm tháng trôi qua lúc nào không biết.

Đến bây giờ, có nhiều lúc tuy không thể nào quên Gemma, anh có thể chí ít là không nghĩ tới nàng trong thời gian khá lâu. Nhưng lại có những khi, như hai tuần sau vụ bắt cóc người nhà Sloane, đầu óc anh lại luôn nghĩ về nàng.

Dẫu sao thì từ sau những ngày tuyệt vọng sau cái chết của Gemma ấy, anh không còn khóc nữa.

Cuối cùng giấc ngủ cũng đã trở lại với anh trên chiếc máy bay Learjet lúc này còn cách Bogota khoảng một giờ bay. Và trong tâm tư Harry Partridge, quá khứ, và hiện tại hoà trộn với nhau… Gemma – Jessica thành một… Gemma – Jessica… Gemma – Jessica… Cho dù khả năng có mong manh thế nào đi nữa, anh cũng sẽ tìm thấy và đưa nàng về… Dù thế nào, anh cũng sẽ cứu được nàng. Anh ngủ thiếp đi.
Anh tỉnh lại khi chiếc Learjet đã gần tới Bogota.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 2

Partridge nghĩ sự tương phản của Lima cũng rõ ràng, trần trụi như những cuộc khủng hoảng và xung đột chính trị và kinh tế vốn đang chia năm xẻ bảy đất nước Peru.

Thủ đô rộng lớn, trải dài tứ phía và buồn tẻ này chia thành những khu vực khác nhau, mỗi khu đều tương phản giữa sự phồn hoa cực thịnh và sự nghèo khổ cùng cực mà hận thù như mũi tên tẩm thuốc độc xuyên giữa hai thái cực đó. Không giống những thành phố khác mà anh biết, thành phố không có khu vực trung gian giữa hai cực. Những khu nhà đồ sộ với khu vườn tỉa xén gọn gàng trên vùng đất đẹp nhất của Lima liền kề với những barriadas, tức những khu ổ chuột tồi tàn chen chúc nhau.

Những cư dân khu ổ chuột, nhiều người chui rúc trong những túp lều lợp các-tông bẩn thỉu, trông thật đáng thương, ánh mắt đầy vẻ căm giận, đến nỗi trong những lần trước đây Partridge đến, anh có cảm giác một cuộc cách mạng sắp bùng nổ. Lúc này, vào ngày đầu ở đây, anh được biết hình như sắp có cuộc nổi dậy nào đó.

Partridge, Minh Văn Cảnh và Ken O'Hara hạ cánh xuống sân bay Jorge Chavez ở Lima lúc một giờ bốn mươi phút chiều. Người đón họ là Fernandez Pabur, phóng viên địa phương thường viết tin cho CBA về Peru, và khi được yêu cầu, như bây giờ chẳng hạn, sẽ là người thu xếp các công việc của hãng.

Anh ta dẫn ba người qua các khâu xuất nhập cảnh và hải quan trong khi mọi người còn đang phải xếp hàng chờ - xem ra anh ta đã giúi tiền cho các nhân viên từ trước – rồi đưa họ ra chiếc xe Ford to, người lái đang đợi sẵn.

Fernandez chạc ba mươi lăm tuổi, người to béo, da nâu sẫm, hoạt bát, môi cong và răng trắng bóng mà chốc chốc anh ta lại phô ra trong cái rõ ràng anh hy vọng là nụ cười tươi. Thế nhưng, thực ra đâu có được như thế, nhưng Partridge cũng chẳng để ý. Anh đã nhiều dịp cần đến Fernandez và cái mà anh thích ở anh ta là, với tư cách người thu xếp công việc, anh ta biết ngay cần làm gì và được việc.

Kết quả đầu tiên là thuê được cho Partridge một phòng nhiều buồng, và hai buồng kha khá cho hai người kia trong khách sạn Cesar năm sao loại sang ở Miraflores.

Tại khách sạn, trong khi Partridge tắm rửa và thay sơ mi, theo yêu cầu của anh, Fernandez gọi điện xin gặp người quen cũ là ông Sergio Hurtado, phát thanh viên, đồng thời là trưởng ban biên tập tin của Đài phát thanh Andes.

Một tiếng sau, Partridge đã được gặp ông trong phòng phát thanh được dùng luôn là văn phòng.

"Anh bạn Harry thân mến, tôi chỉ có thể cung cấp cho anh những tin tức đáng buồn", Sergio nói khi trả lời một câu hỏi của anh. "Ở nước tôi, việc quản lý bằng pháp luật đã biến mất rồi. Ngay

cả cái vỏ ngoài dân chủ cũng không còn. Dân chủ không tồn tại nữa. Chúng tôi đã sụp đổ hoàn toàn. Giết người vì động cơ chính trị là chuyện cơm bữa. Chính đảng của Tổng thống có những đội chuyên đi giết người riêng. Mọi người tự nhiên mất tích. Tôi xin nói với anh, chúng tôi gần đến một cuộc tắm máu hơn bất cứ lúc nào trong lịch sử Peru. Tôi cứ ao ước giá như những chuyện này không phải là thực. Nhưng lạy Chúa, đó lại là thực".

Mặc dù thân thể đã phát phì, cái giọng trầm ấm ngọt ngào của ông ta vẫn mạnh mẽ và có sức thuyết phục như ngày nào, Partridge nghĩ. Chỉ không hiểu sao Sergio lại có thể điều khiển được số người nmghe lớn nhất Peru, vì đài phát thanh vẫn là phương tiện đưa tin chủ yếu, quan trọng và có ảnh hưởng lớn hơn truyền hình. Khán giả truyền hình chủ yếu chỉ tập trung ở các thành phố lớn hơn.

Chiếc ghế cọt kẹt liên hồi dưới khối thịt nặng như trái núi mỗi khi Sergio cựa mình. Hai má chảy xệ trông như hai tảng xúc xích quá to. Đôi mắt nhỏ dần cùng năm tháng, trong khi mặt ông to dần, nay ti hí như mắt lợn. Tuy nhiên, đầu óc cũng như trình độ học vấn đã qua đại học Harvard ở Mỹ của ông không hề bị ảnh hưởng. Sergio rất thích thú việc rất nhiều phóng viên Mỹ tới thăm ông để được nghe những ý kiến rất nhiều thông tin của ông.

Sau khi thoả thuận rằng cuộc nói chuyện này không được dùng đưa tin trước tối hôm sau, Partridge nói lại toàn bộ sự việc của vụ bắt cóc người nhà Sloane, rồi anh hỏi: "Anh khuyên tôi nên thế nào, Sergio? Anh có nghe được gì may ra giúp ích được tôi chăng?".

Ông phát thanh viên lắc đầu "Tôi chẳng nghe biết gì, mà điều đó cũng chẳng có gì phải ngạc nhiên. Sendero tài giữ kín chuyện lắm,. Chủ yếu vì họ giết ngay người nào nói năng không thận trọng: muốn sống thì đừng có nói lung tung. Nhưng tôi sẽ giúp anh nếu có thể được, bằng cách dò hỏi xem sao. Tôi có nguồn thông tin ở nhiều nơi lắm".

"Cám ơn anh".

"Về bản tin anh phát tối mai, tôi sẽ kiếm băng thu qua vệ tinh và sửa cho thích hợp loại tin đài phát thanh của tôi. Trong khi đó, chúng tôi cũng chẳng thiếu gì tin về tai hoạ. Đất nước này đang lụn bại cả về chính trị, kinh tế và tất cả các mặt khác".

"Chúng tôi nghe nhiều tin khác nhau về Sendero Luminoso, có thực là chúng ngày càng lớn mạnh không?".

"Câu trả lời là có; không những ngày càng lớn mạnh, mà ngày càng kiểm soát đất nước này nhiều hơn. Chính vì vậy cái việc anh tự đặt cho anh ấy sẽ là rất khó, có người còn cho là không thể thực hiện được. Cứ cho là những người bị bắt cóc đang ở đây đi nữa, thì có cả ngàn chỗ khuất nẻo mà họ có thể bị giam kín ở đó. Song tôi rất mừng anh chọn tôi là người đầu tiên để hỏi, vì tôi sẽ khuyên anh được đôi điều".

"Anh khuyên tôi thế nào?".

"Đừng trông mong chính quyền giúp đỡ; tôi muốn nói tới quân đội và cảnh sát ấy. Thực ra, đừng coi họ là đồng minh bởi vì họ không còn đáng tin cậy nữa, nếu như trước đây có lúc nào họ đã từng đáng tin cậy. Nói về chuyện chém giết, họ chẳng hơn gì Sendero và chắc chán cũng tàn bạo không kém".

"Anh có những dẫn chứng mới đấy không?".

"Vô khối. Nếu anh muốn, tôi xin dẫn chứng một vài vụ".

Partridge bắt đầu nghĩ đến những tin tức anh sẽ gửi về cho Bản tin chiều. Trước khi đi, anh đã bàn là thứ bảy sau khi Rita Abrams và biên tập viên Bob Watson tới họ sẽ cùng soạn một bài cho buổi phát tin hôm thứ hai. Partridge hy vọng sẽ có được nhiều thông tin xác thực của

Sergio Hurtado và những người khác cho bài viết đó.
Lúc này anh hỏi: "Anh nói dân chủ không tồn tại. Đó là lối nói hoa mỹ hay thực sự là thế?".
"Không chỉ thực, mà đối với đa số người ở đây, nên dân chủ có tồn tại hay không cũng chẳng giúp họ đổi đời được".
"Anh nói hơi quá, Sergio ạ".
"Chẳng qua là vì cách quan niệm chật hẹp của anh thôi. Người Mỹ cho dân chủ là phương thuốc chữa bách bệnh, ngày uống ba lần theo đơn như uống thuốc. Nó có tác dụng đối với họ thì cũng phải có tác dụng với các nước khác chứ! Nhưng nước Mỹ ngây thơ quên rằng để nền dân chủ có thể phát huy được, thì đa số dân chúng cũng cần có chút của ăn của để đáng công giữ gìn chứ? Nói chung, phần lớn người dân Mỹ La tinh chẳng có gì. Tất nhiên câu hỏi tiếp là "tại sao?".
"Thôi được, anh cứ nói đi. Tại sao nào?".
"Ở những khu vực có nhiều vấn đề rắc rối nhất trên thế giới, trong đó có khu vự chúng tôi, có hai nhóm ngươi chính: một nhóm là những người có học thức và giàu có; còn nhóm kia gồm những người dốt nát, nghèo khổ đến cùng cực và đa số là không có việc làm. Nhóm đầu sinh sôi cũng vừa phải, chứ nhóm sau đẻ như ruồi, ngày càng phình to hơn, như một trái bom giờ sẵn sàng nổ phá tan nhóm kia". Sergio chỉ tay ra sau: "Anh cứ ra ngoài sẽ thấy ngay".
"Vậy các anh có giải pháp nào không?".
"Nước Mỹ giúp đỡ. Không phải bằng cách cung cấp súng đạn và tiền bạc, mà bằng cách phái đi khắp thế giới các đội dạy cách hạn chế sinh đẻ, như kiểu các đội hoà bình thời Kennedy ấy. À, cũng phải mất tới vài thế hệ mới ổn, nhưng hạn chế được sự tăng dân số có thể cứu được nhân loại".
"Anh quên một điều rồi sao?", Partridge hỏi.
"Anh định nói Nhà thờ Thiên chúa giáo chứ gì? Tôi xin nói với anh, chính tôi cũng là một tín đồ Thiên chúa giáo. Tôi cũng có nhiều bạn bè công giáo, những người có địa vị xã hội, có học thức và giàu có. Có điều lạ là phần lớn họ rất ít con. Tôi thường tự hỏi: chả lẽ họ là những kẻ tiết dục hay sao? Tôi chắc là không, vì tôi quen biết cả vợ và chồng. Nhiều người nói thẳng ra là họ không tuân theo giáo lý nhà thờ, một thứ giáo lý do con người đặt ra, về việc hạn chế sinh đẻ". Rồi ông nói thêm: "Với việc người Mỹ khởi xướng vấn đề này, sẽ ngày càng có nhiều người lên tiếng chống đối giáo lý đó".
"Thành thực hỏi nhé", Partridge nói, "anh có sẵn lòng nhắc lại những điều anh nói trước ống kính máy thu hình không?".
Sergio nhún vai, dang rộng cánh tay: "Harry thân mến! Tại sao lại không chứ? Có lẽ cái lớn nhất mà nước Mỹ làm nảy nở trong tôi là lòng khát khao tự do phát ngôn. Trên đài phát thanh, tôi nói năng thoải mái, nhưng lắm lúc cũng tự hỏi, họ còn để tôi làm vậy bao lâu nữa? Cả chính phủ lẫn Sendero không ưa những điều tôi nói, mà cả hai đều sẵn súng đạn. Song ở đời, ai người sống mãi được. Vì thế, Harry ạ, tôi sẽ vì anh mà làm việc đó".
Đằng sau lớp mỡ dày cộm kia là một con người sống có nguyên tắc và dũng khí, Partridge nghĩ thầm.

* * *

Trước khi tới Peru, Partridge nghĩ chỉ có một cách duy nhất để dò tìm tung tích các nạn nhân của vụ bắt cóc: anh sẽ phải tiến hành công việc bình thường của một phóng viên tin vô tuyến

truyền hình, tức là gặpc các mối tin cũ, tìm thêm nguồn tin mới, săn tin, đi đó đi đây dò hỏi, hy vọng thu lượm được tin nào đó có thể là manh mối giúp tìm ra nơi các nạn nhân bị giam giữ. Tất nhiên, vấn đề lớn hơn là sau đó làm thế nào cứu được họ? Nhưng đến lúc đó rồi sẽ tính. Partridge hiểu rằng, trừ phi bất chợt gặp may, còn không, tìm ra họ là cả một quá trình lao tâm khổ tứ, tốn nhiều thời gian.

Tiếp tục công việc thường nhật của một phóng viên truyền hình, anh tới thăm Entel Peru, công ty viễn thông quốc gia có trụ sở ở trung tâm Lima. Entel là nơi CBA dùng liên lạc với New York, kể cả liên lạc qua vệ tinh. Thường thì một hoặc hai ngày sau khi tới Lima, phóng viên thuộc các hãng truyền hình Mỹ đều sử dụng các phương tiện liên lạc của Entel.

Victor Velaso, chủ nhiệm Ban quốc tế mà Fenandez Pabur đã gọi điện hẹn trước, là một người lúc nào cũng vội vã, bận rộn. Ông trạc ngoài bốn mươi, tóc đã nhuốm bạc và mặt luôn đầy vẻ lo âu. Velaso rõ ràng còn đang bận tâm về nhiều vấn đề khác khi ông bảo Partridge: "Cũng khó tìm chỗ đấy, song chúng tôi có thể dành cho biên tập viên cùng trang thiết bị của anh ấy một phòng nhỏ có mắc hai máy điện thoại. Các anh cần phải làm thẻ ra vào…".

Partridge hiểu rằng ở đất nước như Peru này, nơi chính khách và các nhà lãnh đạo quân sự chỉ có việc khoe mẽ và làm giàu, thì chính những ít vai vế như Velaso, những con người cần mẫn, làm việc quá sức với đồng lương quá thấp lại là người thực sự làm cho đất nước luôn hoạt động. Khi còn ở khách sạn, Partridge đã đút một ngàn đôla vào một phong bì, lúc này anh lấy ra và đưa cho Velaso.

"Ông Velaso, xin gửi ông món quà nhỏ để tỏ lòng biết ơn ông đã giúp đỡ nhiều. Chúng tôi sẽ tới thăm ông trước khi đi…".

Velaso có vẻ bối rối một lát, làm Partridge chỉ sợ ông ta không nhận. Rồi khi nhìn vào phong bì và thấy tiền Mỹ trong đó, ông ta gật đầu và nhét vào túi.

"Cám ơn anh. Nếu cần gì, các anh cứ…".

"Sẽ cần đấy", Partridge nói: "Chỉ có mỗi điều đó là tôi dám nói chắc"

* * *

"Anh làm gì mà lâu thế, Harry?", Manuel Leon Seminario hỏi khi Partridge vừa từ Entel Peru trở về khách sạn quãng sau năm giờ chiều và gọi điện cho ông ta. "Từ bữa anh gọi điện cho tôi, tôi cứ đợi anh hoài". "Tôi có mấy việc phải giải quyết ở New York!", Partridge nhớ lại cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa anh và ông chủ bút kiêm chủ tạp chí Escena cách đây mươi ngày, vào lúc đó, việc Peru dính dáng vào vụ bát cóc người nhà Sloane mới chỉ là khả năng, chứ chưa phải là điều chắc chắn như bây giờ. Anh hỏi: "Manuel, không biết anh đã hẹn ăn tối với ai chưa?". "Có đấy! Tôi sẽ dùng bữa ăn tối vào lúc tám giờ tại nhà hàng La Pizzria và khách của tôi là Harry Partridge".

Lúc này là tám giờ mười lăm; hai người đang ngồi nhấm nháp Pisco, một loại rượu pha, khá mạnh và ngon của Peru mà mọi người rất chuộng. La Pizzria là nơi vừa bán đồ uống, vừa bán đồ ăn truyền thống, và cũng là nơi những kẻ có máu mặt của Lima thường xuyên lui tới. Ông chủ tạp chí, vóc dáng gọn gàng, chải chuốt, bộ râu kiểu Vandyke tỉa gọn, cặp kính Cartier rất mốt và mặc comple Brioni. Ông mang theo chiếc cặp da mỏng màu đỏ sẫm.

Partridge đã nói rõ lý do anh có mặt tại Peru. Sau đó anh them: "Tôi nghe nói tình hình ở đây tương đối xấu".

Seminario thở dài: "Đúng đấy, tình hình rất xấu. Song cuộc đời bao giờ chả có lúc nọ, lúc kia. Minton nói thế nào nhỉ? *"Chúng ta có thể biến địa ngục thành thiền đường, hoặc thiên đường thành địa ngục"*. Nhưng anh limenos chúng tôi vẫn cứ sống sót; tôi cố gắng thể hiện điều đó trên bìa tạp chí Escena". Ông với tay lấy chiếc cặp và mở ra. "Anh xem thử hai số này: một số tuần này và số này sắp ra vào tuần sau. Tôi tin cả hai số sẽ thể hiện được một điều nào đó".
Partridge xem số báo đã in trước. Ngoài bìa là bức ảnh màu chụp cảnh mái bằng của một ngôi nhà cao tầng ở trung tâm thành phố. Mái nhà đầy mảnh vụn ngổn ngang, rõ ràng do một vụ nổ gây ra. Giữa ảnh là một phụ nữ nằm ngửa đã chết. Chị ta trông còn trẻ. Khuôn mặt chưa bị huỷ hoại xem ra rất đẹp, cả vùng bụng đã bị thuốc nổ phá nát, máu me bê bết. Mặc dù đã quen với cảnh chiến tranh, Partridge vẫn thấy rùng mình.
"Anh khỏi cần đọc câu chuyện in trong số báo, Harry ạ. Giới kinh doanh có cuộc họp ở bên kia phố. Sendero Luminoso quyết định câu đạn vào nơi họp. Người phụ nữ này được giao làm việc đó. Cuộc họp gặp may, nhưng người phụ nữ thì không, vì trái đạn tự tạo đó đã nổ tung trước khi chị ta kịp phóng nó đi".
Partridge nhìn tấm ảnh, rồi lại nhìn đi. "Tôi tin là Sendero ngày càng hoạt động mạnh ở Lima".
"Còn hơn thế nữa. Người của chúng đi lại tự do trong thành phố, còn vụ đánh bom không thành này chỉ là ngoại lệ. Các vụ khác hầu hết là thành công. Nhưng thôi, anh xem tiếp số tuần tới đi". Ông chủ bút đưa cho anh tờ bìa mẫu.
Toàn những vú với đùi, chẳng khác ảnh khiêu dâm là mấy. Trong ảnh là một cô gái mảnh mai, có lẽ khoảng mười chín tuổi, mặc độc một bộ đồ bơi bé xíu đang tựa lưng trên chiếc gối mềm, đầu ngả về phía sau, mái tóc buông xoã, môi hé mở, mắt nhắm, đôi chân khép hờ.
"Cuộc sống vẫn tiếp tục, và bao giờ cũng có hai mặt, ngay cả ở Peru cũng vậy", ông chủ tạp chí nói. "Nói đến cuộc sống ta hãy gọi bữa tối đã; rồi sau, Harry ạ, tôi sẽ nói anh cách để đảm bảo cuộc sống của anh cũng vẫn tiếp tục".
Món ăn nấu theo kiểu Italia cực ngon, còn phục vụ thì không chê vào đâu được. Gần cuối bữa, Seminario ngả người trên ghế.
"Anh cần phải thấy một điều là có thể Sendero Luminoso đã biết anh có mặt ở đây, chỗ nào cũng có gián điệp của họ. Mà dù họ chưa biết, thì tới đây họ cũng sẽ biết, có lẽ là sau bản tin ngày mai của CBA, vì nó sẽ được rất nhiều đài khác phát lại. Vì vậy, ngay lập tức, anh phải kiếm một vệ sĩ cùng đi bảo vệ anh, nhất là khi anh ra ngoài ban đêm".
Partridge mỉm cười: "Hình như có rồi, anh bạn". Fenandez Pabur dứt khoát đòi đón Partridge ở khách sạn rồi đưa đến đây. Cùng ngồi trên chiếc xe Ford là một người ít nói, vạm vỡ như một võ sĩ quyền anh hạng nặng. Anh ta có mang súng vì áo phồng cộm lên. Lúc đến nơi, người mới này xuống trước, còn Fenandez và Partridge vẫn ngồi trong xe cho tới lúc anh ta ra hiệu bảo ra. Partridge không hỏi, nhưng Fenandez bảo anh: "Chúng tôi sẽ đợi ở ngoài trong khi ông dùng bữa tối". Có thể hai người vẫn đang còn đợi bên ngoài.
"Thế thì tốt", Seminario gật đầu bảo. "Người của anh biết phải làm gì. Anh có mang súng theo không?".
Partridge lắc đầu.
"Anh cần phải mang theo. Nhiều người bọn tôi phái làm như vậy. Như trong quảng cáo cho American Express đã nói: "Đừng ra khỏi nhà mà không mang nó theo". Một điều nữa cần nhớ là đừng tới Ayacucho, dinh luỹ của Sendero. Nếu Sendero biết anh tới đó, thì coi như anh đi đứt".

“Có lúc nào đấy tôi sẽ phải tới đó”.
“Ý anh nói nếu tôi và những người đang tìm cách giúp anh tìm ra nơi các bạn anh bị giam giữ chứ gì? Trong trường hợp đó, anh phải giữ được yếu tố bất ngờ bằng cách tới bằng lối nào, cũng phải ra bằng lối ấy, và phải thật nhanh. Không có cách nào khác là phải thuê máy bay cả chuyến. Một vài người lái máy bay ở đây sẽ làm việc đó nếu anh trả họ nhiều tiền, đáng để họ liều mạng”.
Khi họ kết thúc câu chuyện, tiệm ăn đã vắng khách và chuẩn bị đóng cửa. Fenandez và người vệ sĩ đang đợi ở ngoài.
Trên đường trở về khách sạn Cesar, Partridge hỏi Fenandez: “Anh kiếm cho tôi khẩu súng được không?”.
“Tất nhiên là được. Anh thích loại nào?”.
Partridge cân nhắc. Công việc anh làm đã buộc anh phải biết về chuyện súng ống và anh đã học cách sử dụng.
“Tôi muốn một khẩu Browning chín li cùng ống giảm thanh”.
“Ngày mai anh sẽ có nó. À, còn ngày mai, tôi có thể biết anh có kế hoạch gì không?”.
“Tôi sẽ gặp thêm một số người, giống như hôm nay”. Và anh thầm nghĩ: những ngày sau cũng vậy, ta sẽ gặp nhiều người nữa, cho tới khi lần ra được manh mối.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 3

Tại trụ sở hãng CBA ở New York, thứ sáu là ngày có rất nhiều hoạt động, trong đó một số đã có kế hoạch từ trước, nhưng phần nhiều là mới nảy sinh.

Như thường lệ, vào lúc sáu giờ sáng , một ngày mới bắt đầu bằng chương trình "Nhật báo buổi sáng". Trong chương trình này, cũng như trong các chương trình khác của ngày hôm đó, việc báo trước các tin sẽ phát trong ngày được đưa cùng các mục quảng cáo thương mại. Mục này đã được ghi hình từ trước, do Harry Partridge phụ trách:
Hôm nay, trong bản tin chiều toàn quốc của CBA, sẽ có tin đặc biệt về những diễn biến mới nhất về vụ bắt cóc người nhà Crawford Sloane.
Và vào lúc chín giờ tối (giờ miền Đông), tức là bảy giờ tối (giờ miền Trung) sẽ có Bản tin đặc biệt một tiếng với tựa đề "Hãng truyền hình bị đe doạ: Vụ bắt cóc gia đình Sloane".

Các bạn đừng bỏ lỡ Bản tin chiều và chương trình tin đặc biệt dài một tiếng tối nay.

Việc chọn Partridge là thích hợp, bởi vì anh thường xuyên phụ trách đưa tin các vụ bắt cóc trong bản tin tối. Vả lại cũng tiện, vì sự hiện diện của anh ngụ ý là anh vẫn đang ở Mỹ, mặc dù lúc sáu giờ, anh đã ở Peru được mười tám tiếng đồng hồ.

Les Chippingham theo dõi mục báo trước các tin sẽ phát trong ngày khi đang dùng bữa sáng tự nấu lấy vội vàng trong căn phòng của anh ở phố Tám mươi hai. Ông chủ tịch Ban tin đang vội, vì biết rằng hôm nay sẽ có rất nhiều việc. Qua cửa sổ nhà bếp, ông thấy chiếc Limousine sang trọng và người tài xế đang đợi bên ngoài. Chiếc xe làm ông nghĩ tới mệnh lệnh của Margot Lloyd Mason khi họ gặp nhau lần đầu là ông phải đi làm bằng tắc xi; ông phớt lờ lệnh của bà ta. Tuy nhiên, ông không được quên báo cho bà ta biết tin và ngay khi đến nhiệm sở ông phải gọi điện cho bà, vì có lẽ bà ta cũng đã theo dõi chương trình sáng nay.

Quyết định của ông xem ra không cần thiết. Ông vừa ngồi xe, người lái xe đã trao cho ông ống nghe và lập tức ông nghe Margot gắt um trong máy.
"Những diễn biến mới này là thế nào? Tại sao tôi không được báo gì cả?".
"Sự việc xảy ra quá đột ngột. Tôi định sẽ gọi điện cho bà ngay khi tôi đến trụ sở".
"Dân chúng đã biết, còn tôi tại sao lại phải đợi?".
"Margot, họ đã biết gì đâu; tối nay cơ. Còn bà, tôi sẽ báo ngay khi tôi đến nhiệm sở, chứ không dám dùng điện thoại này, vì chúng ta không biết được còn ai nghe nữa đâu".

Đầu dây bên kia im lặng và ông nghe tiếng thở mạnh. “Gọi ngay cho tôi khi anh đến nơi”.
“Nhất định rồi”.
Mười lăm phút sau, Chippingham gọi điện cho chủ tịch hãng CBA, đồng thời là uỷ viên hội đồng chấp hành của Tổ hợp. Ông mở đầu: “Có rất nhiều chuyện cần nói”.
“Anh nói ngay đi!”.
“Trước hết, theo cách nhìn nhận của bà thì triển vọng là cực kỳ tốt đẹp. Những phóng viên giỏi nhất của chúng ta đã thu lượm được những tin tức đặc biệt. Bản tin chiều nay của CBA sẽ thu hút số người xem đông nhất trong lịch sử của hãng, đồng thời cũng đưa hãng lên thứ bậc cao. Song cũng đáng buồn là tin về vụ bắt cóc người nhà Sloane chẳng hay hớm gì đối với Crawf”.
“Họ đang ở đâu?”.
“Ở Peru. Sendero Luminoso giam giữ họ”.
“Peru ư? Anh có chắc không?”.
“Như tôi vừa nói, một số phóng viên giỏi nhất của chúng ta, đặc biệt là Harry Partridge, đang theo dõi vụ này. Những điều họ phát hiện được rất đáng tin cậy. Tôi không có gì phải nghi ngờ và tôi chắc là bà cũng vậy”. Thế nhưng, việc Margot có vẻ giật mình khi nhắc đến Peru làm Chippingham ngạc nhiên, không biết có chuyện gì.
“Tôi muốn nói chuyện với Partridge”, Margot xẵng giọng. “Tôi e rằng không thể được. Anh ta đang ở Peru từ ngày hôm qua. Chúng tôi đang chờ tin mới nhất của anh ta cho buổi phát tin thứ hai”.
“Tại sao các anh hành động nhanh thế?”.
“Làm tin là thế đấy, Margot ạ. Chúng tôi luôn phải làm như vậy”. Câu hỏi của bà ta làm ông ngạc nhiên. Giọng Margot nghe có vẻ bối rối và lo lắng, nên ông hỏi: “Bà có vẻ quan tâm đến Peru. Xin cho tôi biết lý do, được không?”.

Margot im lặng, rõ ràng là lưỡng lự trước khi trả lời: “Lúc này tổ hợp Globanic đang dàn xếp một chuyện làm ăn lớn ở đó. Chúng ta bỏ vào đó rất nhiều tiền, vì vậy giữ quan hệ tốt với chính phủ Peru là điều quan trọng”. “Tôi xin được nói rõ CBA không hề có mối quan hệ nào, dù xấu hay tốt với chính phủ Peru hoặc với bất cứ chính phủ nào khác”.
Margot nói giọng bực bội: “CBA thuộc Globanic. Globanic đang liên minh với Peru, thì CBA cũng phải làm như vậy. Đến bao giờ anh mới hiểu một việc đơn giản như vậy?”.

Chippingham muốn trả lời “Không bao giờ”. Song ông biết là không thể nói như vậy. Vì thế ông đáp: “Chúng ta trước hết là một hãng đưa tin, và phải đưa sự việc đúng như nó xảy ra. Tôi cũng xin nói rõ thêm, chúng ta không nói Peru dính líu vào vụ này. Chính Sendero Luminoso đã bắt cóc người nhà Sloane. Dù sao chăng nữa, sau khi chúng ta công bố tin tối nay, tất cả các hãng tuyền hình báo chí đủ loại sẽ nhảy bổ vào câu chuyện về Peru này”.

Chippingham bất giác tự hỏi: cuộc nói chuyện này là thực ư? Ta nên cười hay nên khóc đây?
“Có gì báo tôi ngay”, Margot nói. “Nếu có gì thay đổi, đặc biệt là liên quan đến Peru, tôi muốn biết ngay lập tức, chứ không phải đợi đến hôm sau”.

Chipp nghe thiếng dập máy “cạch” một cái, rồi im.
Trong văn phòng sang trọng của bà ở Stonehenge, Margot Lloyd Mason đang ngồi suy tính.

Khác với mọi ngày, lần này bà không biết mình nên làm gì. Có nên báo cho chủ tích Globanic, Theo Elliott biết không? Bà ta nhớ lại lời đe của ông ta trong cuộc họp tại Câu lạc bộ Fordly Cay: *"Tôi không muốn xảy ra chuyện gì có thể phá hoại mối quan hệ còn đang rất tế nhị... và do đó tổn hại cái có thể trở thành hợp đồng của thế kỷ*". Cuối cùng, bà quyết định phải báo cho ông ta biết. Như thế hay hơn là để ông ta biết qua tin tức.

Khi nghe báo tin, Elliott tỏ ra bình thản đến mức không ngờ. "À, nếu đúng là bọn Con đường sáng chuyên khích động quần chúng ấy tiến hành vụ bắt cóc, tôi nghĩ không thể không đưa tin được. Nhưng đừng quên là chính phủ Peru không có liên quan, vì họ và Con đường sáng là hai kẻ tử thù. Người của bà phải nhớ nói rõ điều đó".
"Tôi sẽ lo liệu việc ấy", Margot trả lời.
"Họ còn có thể làm hơn thế nữa", Elliott nói tiếp. "Sự kiện này cho ta một cơ hội tạo cho chính phủ Peru bộ mặt tốt hơn, và CBA nên tận dụng cơ hội ấy".
Những lời của ông ta làm Margot lúng túng. "Tận dụng bằng cách nào?".
"À, chính phủ Peru chắc sẽ làm hết sức mình, sử dụng quân đội và cảnh sát để tìm kiếm và giải thoát những người Mỹ bị bắt cóc. Vì vậy, chúng ta cần cho mọi người biết những việc họ làm, bằng cách đưa nhiều hình ảnh sống động trong bản tin truyền hình. Rồi tôi sẽ gọi điện cho Tổng thống Castaneda mà với tôi là chỗ thân quen và nói: "Này ông! Chúng tôi đang làm mọi người biết đến ông và đất nước ông đấy nhé". Việc này sẽ có lợi cho chúng ta khi Tổ hợp Globanic và chính phủ Peru xem xét các văn bản cuối cùng của hợp đồng "Chuyển nợ thành giảm thuế kinh doanh".
Đến như Margot mà cũng còn do dự. "Tôi cũng chưa nghĩ xa đến thế, Theo ạ".
"Thì bây giờ nghĩ đi! Tôi biết bà đang nghĩ là chúng ta thao túng tin tức. Đối với việc quan trọng như thế này, thì cũng đành phải thế thôi!". Ông chủ tịch Globanic cao giọng: "Lạy Chúa! Cái hãng truyền hình khốn kiếp ấy thuộc sử hữu của chúng ta, đúng không? Vì vậy đôi lúc cũng phải tận dụng quyền sở hữu ấy chứ? Đồng thời cũng cạnh tranh, chạy theo lợi nhuận; vì thế nó mới trả lương một bộ phận của ngành kinh doanh ấy. Nếu họ không thích, thì chỉ có cách duy nhất là cuốn xéo".
"Theo, tôi hiểu ý ông", Margot nói. Vừa nghe, ghi chép, Margot quyết định về một tạm ước gồm ba giai đoạn: một là, bà ta sẽ gọi điện cho Chippingham chỉ thị dứt khoát rằng Ban tin CBA phải nói rõ chính phủ Peru vô can trong vụ này, đúng như Theo yêu cầu. Hai là, với tư cách là chủ tịch CBA, bà ta sẽ liên hệ với bộ ngoại giao Mỹ yêu cầu gây sức ép ngay với Peru để họ tìm mọi cách, kể cả sử dụng quân đội và cảnh sát, giải thoát cho ba người nhà Sloane. Ba là, việc chính phủ Peru hợp tác, sẽ được CBA đưa tin rộng khắp. Đồng thời, Ban tin CBA đưa theo hướng tích cực những tin về các nỗ lực thực sự của họ.
Chắc chắn sẽ có khó khăn và tranh cãi, nhưng Margot biết chắc một điều: mối quan hệ với Theo Elliott và lòng trung thành của bà ta đối với Globanic quan trọng hơn tất cả những vấn đề khác.

Les Chippingham dần dần quen với phong cách không lường trước được của Margot. Vì vậy, tuy vừa mới gọi xong, bà ta đã lại gọi ngay lần nữa cũng chẳng làm ông ngạc nhiên. Tuy nhiên, chủ đề câu chuyện lần này làm ông khó chịu, vì nó là sự can thiệp trực tiếp của công ty vào nội dung đưa tin. Việc này đôi lúc có xảy ra ở các hãng, nhưng với các tin tức quan trọng thi hầu

như chưa bao giờ có chuyện ấy. Rất may là trong trường hợp này, ông cũng có thể thấy an tâm.
"Bọn tôi đều biết chính phủ Peru không dính dáng đến vụ bắt cóc", ông trưởng ban tin nói. "Tôi chắc rằng bản tin tối nay sẽ bao hàm ý đồ một cách rõ ràng".
"Không chỉ là hàm ý! Tôi muốn nói phải rõ hẳn ra".

Chippingham lưỡng lự. Ông biết mình cần phải bảo vệ tính độc lập của Bản tin, nhưng cũng biết vị trí bấp bênh của ông tuỳ thuộc vào Margot. "Tôi cần phải xem bài viết đã", ông trả lời – "Mười lăm phút sau tôi sẽ gọi lại bà".
"Không được để lâu hơn đấy".
Mười phút sau, Chippingham gọi lại. "Tôi nghĩ điều này chắc sẽ làm bà vừa lòng. Đây là những điều Harry Partridge viết trước khi đến Peru và sẽ được phát trong bản tin tối nay:
Từ nhiều năm nay, chính phủ Peru và Sendero Luminoso là kẻ thù của nhau, bên này gắng sức tiêu diệt bên kia. Tổng thống Peru Castaneda đã từng tuyên bố "Sự tồn tại của Sendero là hiểm hoạ của Peru. Bọn tội phạm này là con dao thọc vào sườn tôi". Lời tuyên bố này sẽ được đưa cùng hình ảnh và tiếng của Castaneda".
Giọng Chippingham nghe vừa có vẻ nhẹ nhõm vừa giễu cợt. "Tôi nghĩ Harry đọc được suy nghĩ của bà, Margot ạ. Hy vọng nó làm bà hài lòng".
"Đúng vậy. Anh đọc lại đi, tôi muốn ghi đoạn đó".
Nói chuyện xong, Margot gọi thư ký và đọc cho cô ta ghi gửi Theo Elliott:
Kính gửi ông Theo,
Sau cuộc nói chuyện của chúng ta, kết quả là bản tin chiều nay sẽ có đoạn sau: *Từ nhiều năm nay, chính phủ Peru và Sendero Luminoso là kẻ thù của nhau, bên này gắng sức tiêu diệt bbeen kia. Tổng thống Peru Castaneda đã từng tuyên bố "Sự tồn tại của Sendero là hiểm hoạ của Peru. Bọn tội phạm này là con dao thọc vào sườn tôi".*
Lời tuyên bố này được thu âm và phát cùng hình ảnh của Castadena.
Cám ơn ông đã gợi ý và giúp đỡ.

Margot Lloyd Mason
Bức thư này sẽ do người liên lạc đặc biệt trao tận tay ông chủ tịch tại trụ sở của Tổ hợp công nghiệp Globanic.
Sau đó, Margot gọi điện cho ông Bộ trưởng Bộ ngoại giao ở Washington.

Ở CBA, từ sáng cho tới tận lúc phát tin chiều vào lúc sáu giờ rưỡi ngày thứ sáu, các biện pháp an ninh được tăng cường, vì người ngoài tìm mọi cách khai thác, cố moi được tin đặc biệt mà CBA suốt ngày hôm ấy đã kích thích trí tò mò của người xem cũng như các hãng cạnh tranh. Nhân viên ban tin của các hãng truyền hình, đài phát thanh và truyền thanh và báo chí liên tiếp gọi điện cho bạn bè và người quen ở CBA, đôi khi hỏi thẳng, nhưng phần nhiều là kiếm cớ gì đó mà họ nghĩ ra để cố biết nội dung tin sắp đưa cụ thể là gì. Nhưng tại trụ sở CBA, bằng cách hạn chế đến mức thấp nhất số người biết tin và tạm thời tách các máy tính điện tử chính khỏi mạng lưới chung, nên các máy điện thoại đều bị kiểm soát chặn lại và giữ được bí mật.

Vì vậy, khi tin được phát đi, nó lập tức được ghi lại và truyền tiếp khắp thế giới, có ghi chú thích tin của CBA. Ở các hãng truyền hình khác, người ta sẽ mau chóng điều tra xem: "Tại sao

chúng ta bỏ lỡ tin này? Lẽ ra ta phải làm gì mà lại không làm? Tại sao các anh không kiểm tra tin này, hoặc tiếp tục theo dõi tin đó? Không ai nghĩ đến chuyện tới đó sao? Chúng ta cần phải làm gì để không xảy ra chuyện thế này nữa?".
Trong khi đó, các hãng truyền hình vội vã thay đổi nội dung buổi phát tin thứ hai, sử dụng các băng video vừa mới có, in dòng chữ "Hãng CBA cung cấp", còn các báo phải sắp đặt lại trang đầu của số báo hôm sau. Đồng thời, tất cả các hãng thông tấn lớn đều báo động các mối tin thường xuyên của họ ở Peru và vội vã phái phóng viên, kỹ thuật viên âm thanh và ghi hình của mình đáp máy bay qua ngay Peru.
Trong lúc đó, sự việc lại có diễn biến mới:
Don Kettering, lúc này lãnh đạo nhóm đặc nhiệm của CBA, nghe được tin đó trước khoảng mười giờ đêm, tức là lúc sắp kết thúc chương trình một tiếng đặc biệt. Trên màn ảnh của người xem truyền hình, Kettering rõ ràng vẫn đang ngồi ở bàn phát thanh viên cùng Harry Partridge, nhưng thực ra đó chỉ là băng ghi hình Partridge.

Norman Jaeger, tranh thủ lúc ngừng phát tin để quảng cáo thương mại, đã gọi điện báo tin cho phát thanh viên. Từ khi Rita Abrams ra sân bay Teterboro và đáp máy bay qua Peru cách đây một giờ Jaeger thay cô làm chủ nhiệm chính.
"Don, sau khi hết chương trình, chúng ta phải họp ngay nhóm đặc nhiệm".
"Có tin mới phải không, Norm? Nóng hổi chứ?".
"Nóng như hoả nghục! Les – vừa bảo tôi. Ở Stonehenge họ vừa nhận được đòi hỏi của bọn bắt cóc, cùng với băng video ghi hình Jessica Sloane".

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 4

Trước hết, họ xem băng ghi hình của Jessica. Lúc này là mười một giờ rưỡi tối thứ sáu. Trong một phòng xem riêng của Ban tin CBA, thường dùng cho các uỷ viên chính của Ban, hiện có mặt mười người: Leslie Chippingham và Crawford Sloane, nhóm đặc nhiệm có Don Kettering, Norman Jaeger, Karl Owens và Iris Everly. Từ trụ sở của công ty ở Stonhenge tới, có Margot Lloyd- Mason, phó chủ tịch chấp hành Tom Nortandra và chủ tịch của Nhóm truyền hình CBA Irwin Bracebridge, Otis Havelock, nhân viên đặc biệt của FBI cũng có mặt.

Đây là cuộc họp đột xuất của nhóm đặc nhiệm. Trước đó, vào lúc bảy giờ rưỡi tối, người liên lạc mang đến phòng thường trực ở Stonehenge một gói nhỏ trông không có gì đặc biệt, trên đề: Gửi chủ tịch hãng truyền hình CBA. Sau các thủ tục an ninh thường lệ, cái gói được chuyển lên tầng có văn phòng của Margot và thường là nằm nguyên ở đó cho đến sáng thứ hai. Thế nhưng, ông Nortandra làm việc cạnh văn phòng Margot, cùng hai cô thư ký hôm đó có việc về muộn. Một cô nhận cái gói và mở ra. Nhận thấy việc quan trọng, cô ta liền báo Nortandra và ông này gọi điện thoại ngay cho Margot lúc đó đang dự tiệc chiêu đãi Tổng thống Pháp ở khách sạn Waldorf.

Margot bỏ dở chiêu đãi, vội vã trở về Stonehenge. Bà ta cho gọi Nortandra và Bracebride đến cùng xem băng hình và đọc tài liệu gửi kèm theo. Lập tức họ thấy cần báo cho Ban tin và chuẩn bị cuộc họp tại trụ sở CBA.

Mấy phút trước cuộc họp, Bracebridge, vốn trước đây cũng là chủ tịch Ban tin tức, kéo Crawford Sloane ra ngoài và bảo: “Tôi biết việc này làm anh khổ tâm, Crawf ạ, và tôi phải nói trước cho anh biết là trong băng có đoạn tôi không muốn nghe lắm. Vì thế, nếu anh muốn xem trước một mình thì xin mời anh, chúng tôi hiểu và sẽ đợi ở ngoài”.

Crawford Sloane từ Larchmont đến cùng xe với nhân viên FBI Havelock, là người cũng có mặt ở đó khi anh nhận được tin có băng ghi hình Jessica. Lúc này Sloane lắc đầu trả lời: “Cám ơn anh, Irwin. Tôi sẽ cùng xem với các anh”.

Chủ trì cuộc họp là Don Kettering. Anh gọi người phụ trách máy ở phía sau mọi người: “Được rồi đấy! Chiếu đi”.

Đèn trong phòng mờ dần… Lập tức màn hình rộng treo phía trước mặt nhằng nhằng những vệt

đen trắng vì đoạn đầu băng chưa có hình. Nhưng tiếng lại có, và mọi người đột nhiên nghe thấy tiếng kêu thét. Cả nhóm ngồi lặng đi, còn Crawford Sloane đứng vụt dậy, giọng nghẹn ngào: "Ôi, lạy chúa! Đó là tiếng Nicky".

Sau đó, tiếng kêu cũng đột ngột biến mất như khi nó bắt đầu. Một lát sau xuất hiện hình Jessica, quay từ vai trở lên, trên nền toàn màu nâu, mà rõ ràng là bức tường. Nàng ngồi cứng đờ, vẻ mặt nghiêm trang. Đối với người xem, mà phần lớn đều biết rằng, nàng có vẻ không tự nhiên và căng thẳng. Nhưng giọng của nàng nghe vẫn cứng cỏi, mặc dù ai cũng cảm thấy nàng đã phải dùng ý chí chế ngự mình để có thể nói năng được bình thường.

Nàng bắt đầu nói: "Chúng tôi đều được đối xử tử tế. Bây giờ khi họ giải thích rõ lý do chúng tôi bị bắt, chúng tôi hiểu tại sao cần phải làm như vậy. Họ cũng nói, nếu các bạn Mỹ của chúng tôi muốn chúng tôi bình yên trở về cũng rất dễ. Để chúng tôi được thả, các bạn phải nhanh chóng theo đúng những điều kèm theo cuốn băng này, nhưng phải nhớ rằng…".

Tới đây, mọi người nghe thấy tiếng thở rất mạnh và tiếng kêu tắc nghẹn của Crawford Sloane. Băng hình vẫn tiếp tục quay.
"… Nếu các bạn không theo đúng những chỉ dẫn này, các bạn sẽ không bao giờ còn thấy chúng tôi nữa. Chúng tôi cầu xin các bạn đừng để điều đó xảy ra…".
Đột nhiên lại nghe tiếng kêu khẽ của Crawford Sloane: "Đấy!".
"Chúng tôi chờ đợi, trông đợi ở các bạn, rất hy vọng các bạn sẽ có quyết định đúng, để chúng tôi được bình an trở về".

Không còn tiếng trong băng; trên màn hình chỉ còn khuôn mặt vô cảm nhìn thẳng và ánh mắt xa xăm của Jessica. Sau đó hình cũng hết. Đèn trong phòng bật sáng. "Chúng tôi đã cho chạy từ đầu đến cuối băng". Irwin Bracebridge nói: "Không có gì thêm. Còn tiếng kêu ở đầu cuốn băng, chúng tôi cho là được thu từ một băng khác sang. Khi cho băng chạy tốc độ chậm, nhìn kỹ sẽ thấy đoạn hai băng ghép vào nhau".
"Chúng làm thế để làm gì?", có ai đó hỏi.

Bracebridge nhún vai: "Có thể là để làm chúng ta tỉnh ngủ, để doạ chúng ta. Nếu vậy, chúng đạt mục đích, đúng không?".
Mọi người xì xào đồng ý.
Leslie Chippingham nhẹ nhàng hỏi: "Anh có chắc là tiếng Nicky không, Crawf?",
"Chắc chắn", Sloane rầu rĩ trả lời, rồi nói thêm: "Jessica có chuyển hai tín hiệu".
"Tín hiệu gì thế?", Chippingham không hiểu hỏi lại.
"Tín hiệu đầu là liếm môi, có nghĩa là "Tôi bị bắt buộc làm việc này. Đừng tin những điều tôi nói".
"Thật thông minh", Braebridge nói: "Jessica khá lắm".
"Rất can đảm", một người thêm. Những người khác gật đầu tán thành.
Sloane nói tiếp: "Buổi tối trước ngày xảy ra vụ bắt cóc, chúng tôi có nói chuyện với nhau về cách chuyển tín hiệu. Tôi cứ nghĩ sẽ có một ngày nào đó tôi cần đến chúng. Thật trớ trêu. Tôi nghĩ Jessica nhớ những tín hiệu đó".

“Chị ấy còn báo cho anh điều gì nữa?”, Chippingham hỏi.
“Xin ngài chớ nói”, Havelock, nhân viên FBI cắt ngang câu chuyện. Ông Sloane, nếu ông biết thêm gì nữa lúc này xin ông chớ nói ra. Càng ít người biết càng tốt. Lát nữa, chúng ta sẽ nói chuyện với nhau”.
“Tôi cũng muốn cùng được nghe”, Norm Jaeger nói: “Cho đến lúc này, nhóm đặc nhiệm vẫn tỏ ra giữ được bí mật”. Rồi anh nói móc thêm “Và tìm ra bí mật nữa chứ?”.

Tay nhân viên FBI, mặt giận dữ, nói: “Theo chỗ tôi hiểu, giám đốc của chúng tôi sẽ nói chuyện với các ông về việc đó, về việc tại sao chúng tôi không được thông báo”.

Iris Everly sốt ruột nói: “Thôi đừng phí thời gian nữa. Bà Sloane nói trong băng về những lời chỉ dẫn. Cái đó có chưa?”. Mặc dù là người trẻ nhất trong nhóm, Iris chẳng kiêng nể gì sự có mặt của các nhân vật chóp bu của hãng. Cô đã cố gắng hết sức trong chương trình một giờ Tin đặc biệt ngày hôm đó, nên người mệt nhoài, nhưng đầu óc cô vẫn sắc sảo như thường.
Margot vẫn mặc bộ váy dài màu huyết dụ Oscar de la Renta khi đón tổng thống Pháp, trả lời: “Chúng tôi có đây”. Rồi bà gật đầu nói với Nortandra: “Anh đọc to lên thì tốt hơn”.

Ông phó chủ tịch chấp hành nhận sáu tờ giấy Margot đưa, kẹp cặp kính đọc không gọng hình bán nguyệt lên mũi và xích lại gần đèn; ánh đèn càng soi rõ mái tóc bạc trắng và khuôn mặt thâm trầm. Nortandra đã từng là luật sư của tổ hợp trước khi trở thành uỷ viên chấp hành của hãng CBA; giọng ông đầy vẻ tự tin của kẻ có quyền, kết quả của những năm tháng xông pha trong phòng xử án.

“Tài liệu này, mà có lẽ tôi có thể gọi là lời cáo trạng phi thường này, có tên là “Thời tươi sáng đã đến”. Bây giờ tôi xin đọc, mọi người cùng nghe, không thêm không bớt, nó thế nào tôi đọc nguyên xi như thế”.
“Trong lịch sử cách mạng thời văn minh, đã có lúc những người lãnh đạo và cổ vũ cách mạng chọn con đường im lặng, chịu đựng và đôi khi chết trong bần hàn, nhưng bao giờ họ cũng hy vọng và định liệu bước đi. Nhưng cũng có những lúc, những giây phút huy hoàng và thắng lợi, khi cái đa số bị chà đạp và bóc lột vùng lên, lật đổ đế quốc, bạo tàn, tiêu diệt giai cấp tư sản – tư bản giàu có đáng bị tiêu diệt.
“Đối với Sendero Luminoso, cái thời câm lặng, nhẫn nhục chịu đựng ấy đã qua rồi. Thời tươi sáng trên con đường sáng đã tới. Chúng tôi sẵn sàng đi tới.
“Trên thế giới nói chung, những nước tự xưng là cường quốc, trong khi lừa miếng nhau và làm ra vẻ tìm kiếm hoà bình, trong thực tế lại đang chuẩn bị cho một cuộc đụng đầu tàn khốc giữa các lực lượng đế quốc và đế quốc xã hội vốn đều tìm cách làm bá chủ thế giới. Trong bối cảnh đó, cái đa số bị ngược đãi, sống kiếp nô lệ sẽ chịu đựng khổ đau. Nếu để chúng tự do tiếp tục bóc lột thế giới, những kẻ lắm tiền ham quyền lực sẽ kiểm soát nhân loại vì lợi ích riêng của chúng.
“Song, giống như ngọn núi lửa sắp phun, cách mạng đang sôi sục ở mọi nơi. Chính đảng Sendero Luminoso sẽ lãnh đạo cuộc cách mạng ấy. Đảng có kiến thức và kinh nghiệm. ảnh hưởng của đảng ngày càng lan rộng khắp trên thế giới.
“Đã tới lúc cần làm cho mọi người biêt đến và hiểu chúng tôi hơn.

“Trong những năm qua, các phương tiện thông tin dối trá của đế quốc – tư bản chỉ đăng tải những gì các ông chủ hám tiền của chúng muốn, mà phớt lờ, hoặc đưa tin sai lệch về cuộc đấu tranh anh hùng của nhữnng người Sendero Luminoso.
“Lúc này đây, cái đó sẽ thay dổi. Chính vì vậy, bọn tư bản đã bị bắt cóc làm con tin.
“Hãng truyền hình Mỹ CBA được lệnh làm theo những điều sau đây:
“Một: Bắt đầu từ thứ hai tuần thứ hai sau khi nhận được đòi hỏi này, chương trình Bản tin tối toàn quốc (cả hai buổi), sẽ phải ngừng trong năm ngày làm việc (tức là đúng một tuần).
“Hai: Thay vào chương trình đó, sẽ là chương trình khác gồm năm bảng sẽ được chuyển cho CBA. Chương trình này có tên là: “cách mạng thế giới: Sendero Luminoso chỉ đường”.
“Ba: Trong khi phát chương trình của Sendero Luminoso, không được phép quảng cáo thương mại.
“Bốn: CBA hoặc bất cứ hãng nào khác không được dò tìm xuất xứ của băng mà nó nhận được; cuốn băng đầu sẽ chuyển tới CBA vào thứ năm tuần tới. Sau đó những cuốn khác sẽ được chuyển tiếp, mỗi ngày một cuốn. Mỗi cố gắng lần tìm xuất xứ của băng lập tức sẽ dẫn đến việc hành quyết một con tin hiện đang bị giam giữ tại Peru. Những cố gắng ngu ngốc như vậy sẽ đưa lại kết quả tương tự.
“Năm: Những mệnh lệnh này không thay đổi, và phải được thi hành đầy đủ.
“Nếu CBA và các hãng khác theo đúng những mệnh lệnh ghi trong tài liệu này, bốn ngày sau khi phát cuốn băng thứ năm của Sendero Luminoso, ba con tin sẽ được thả. Nhưng nếu không tuân theo dùng những mệnh lệnh này, các con tin sẽ không bao giờ còn gặp lại, và xác họ cũng không bao giờ tìm thấy”.
“Và còn thêm một điểm nữa ghi trên một mảnh giấy riêng”, Norm Jaeger nói.
“Bản sao “Thời tươi sáng đã tới” và băng ghi hình nữ tù nhân đã được gửi tới các hãng truyền hình và báo chí.
“Tất cả là vậy”, Norm Jaeger kết thúc. “Cả hai bản đều không có chữ ký, nhưng tôi nghĩ việc nó được gửi cùng với cuốn băng ghi hình chứng tỏ chúng là thực”.
Cả phòng im lặng. Hình như không ai muốn nói trước. Vài người liếc nhìn Crawford Sloane lúc này ngồi thụt sâu trong ghế, mặt mày thiểu não. Những người khác cũng có cùng cảm giác tuyệt vọng như anh.
Cuối cùng lại là Leslie Chippingham nói: “Bây giờ chúng ta đều rõ cả rồi. Trước giờ, chúng ta cứ tự hỏi không biết bọn này muốn gì. Chúng ta nghĩ chúng muốn tiền chuộc. Thế nhưng đòi hỏi của chúng hoá ra lại nhiều hơn thế”.
“Nhiều, nhiều lắm” Bracebridge nói thêm: “Tất nhiên tính về tiền, thì không thể tính nổi, nhưng rõ ràng đó không phải là vấn đề cần bàn ở đây”.
“Như tôi đã nói lúc đầu”, Norm Jaeger nhận xét “tất cả chuyện này, nhất là ba cái thứ chữ nghĩa kiểu ấy chẳng có nghĩa gì”.
Norm Jaeger nói to: “Các nhà cách mạng hiếm khi làm gì mà người khác hiểu được có lẽ chỉ có họ mới hiểu họ thôi. Song đó không phải lý do để không xem xét họ một cách nghiêm túc. Chúng ta đã học được điều đó ở Iran. Anh liếc nhìn đồng hồ treo trên tường: mười giờ năm mươi lăm. Anh ta nói với Chippingham: “Les, chúng ta có đưa cái này vào bản tin toàn quốc không? Nếu khẩn trương, có thể kịp cho bản tin mười một giờ, và có thể sử dụng một số đoạn ghi hình bà Sloane. Nếu những điều ta nghe về việc chúng gửi băng cho các hãng khác là thực, thì họ có thể cho phát bất cứ lúc nào”.

“Thì cứ để họ làm”, ông chủ tịch Ban tin nói với vẻ cương quyết. “Đây là một nhân tố mới mà chúng ta đang còn phải theo dõi, vì vậy không nên vội vàng. Chúng ta sẽ có bản tin vào nửa đêm; việc này sẽ cho ta một giờ để suy xét xem nên đưa tin này như thế nào, và quan trọng hơn là nếu ta đáp ứng, thì đáp ứng đó là gì?”.
“Không làm gì có chuyện đáp ứng đâu”, Margot Lloyd- Mason tuyên bố. “Rõ ràng ta không thể chấp nhận những đòi hỏi phi lý ấy. Chắc chắn chúng ta không thể ngừng phát tin buổi tối suốt một tuần được”.
“Tuy nhiên, chúng ta chưa cần nói như vậy, ít ra là ngay từ đầu”. Norm Jaeger nói: “chúng ta có thể nói, đại loại là những đòi hỏi này đang được xem xét cẩn thận và sẽ được thông báo sau”.
“Tôi xin mạn phép nói rằng”, Jaeger nói với ông ta “tôi không tin cách đó có thể đánh lừa được ai, nhất l à Sendero Luminoso. Tôi đã dành nhiều thời gian nghiên cứu về chúng; chúng có thể là gì đi nữa, nhưng chúng không phải là lũ ngốc ngếch – trái lại chúng rất ranh ma. Vả lại, rõ ràng chúng rất hiểu công việc của chúng ta. Thí dụ, chúng ta có hai buổi phát chương trình này. Vì vậy chúng đã nói rõ chúng không muốn phát vào hai ngày này”.
“Vậy anh có gợi ý gì?”.
“Hãy để ban tin xử lý các việc liên quan đến đáp ứng của chúng ta. Việc này đòi hỏi phải khôn khéo, chứ không phải cái lối cứ gạt phăng đi vì cho là “những đòi hỏi phi lý” mà được đâu. Chúng tôi ở Ban tin CBA được trrang bị đầy đủ hơn, quen với việc này hơn, và xử sự có lý có tình hơn…”. Thấy Chippingham ra hiệu, Jaeger ngừng lại.
“Về cơ bản tôi đồng ý với Norm Jaeger, chủ tịch Ban tin nói. Nhưng vì trách nhiệm, tôi thấy cần phải nói rằng đúng là Ban tin cần phải giải quyết các việc liên quan tới đáp ứng của chúng ta, bởi vì chúng tôi được thông tin đầy đủ hơn, nắm được vấn đề, có các nguồn cung cấp tin chắc chắn và một trong những phóng viên giỏi nhất của chúng tôi là Harry Partridge hiện đã ở Peru. Cần phải xem anh ta có ý kiến gì”. “Cứ đi mà tham khảo, mà khôn khéo”, Margot nói cộc lốc. Bà ta đỏ mặt khi nghe Norm nhắc đến “những đòi hỏi phi lý” mà bà đã nói. Song cái liên quan ở đây lại là một vấn đề của tổ hợp, đòi hỏi phải có quyết định của hội đồng chấp hành.
“Không! Mẹ kiếp! Không được”, ai đó hét to. Mọi người quay lại nhìn. Người vừa hét là Crawford Sloane lúc này không ngồi ủ rũ mà đang đứng, mặt đỏ phừng phừng, mắt long xòng xọc. Giọng anh run run, đôi lúc nghẹn ngào. “Đừng để tổ hợp dính vào chuyện này. Norm nói đúng về cái lối gạt phăng đi ấy. Chúng ta vừa mới chứng kiến điều đó; đó là vì các nhà lãnh đạo tổ hợp không có kiến thức và kinh nghiệm trong việc đánh giá tin tức. Vả lại, chúng ta cũng vừa nghe quyết định của tổ hợp: không thể chấp nhận những đòi hỏi này. Không thể ngưng tin trong suốt một tuần. Chúng tôi đâu cần bà bảo mới biết? Chẳng phải tất cả chúng ta, nhưng người làm tin, kể cả tôi đều hiểu điều đó sao? Bà Margot, bà muốn biết ư? Thì đây: tôi hiểu chúng ta không thể đóng cửa Ban tin và giao nó cho Sendero cả một tuần. Cầu Chúa phù họ cho con. Tôi chấp nhận điều đó. Những người xung quanh làm chứng cho tôi”.
Sloane ngừng lời, nuốt nước bọt rồi tiếp: “Điều mà chúng ta ở đây có thể làm khi đưa tin là dùng tài khéo léo của chúng ta, những hiểu biết của chúng ta để kéo dài thời gian. Lúc này thòi gian là cái chúng ta cần nhất. Có được cái đó, và có Harry Partridge là niềm hy vọng lớn nhất mà chúng ta có, tôi rất hy vọng sẽ đưa được người thân của tôi về nhà”.
Sloane vẫn đứng, nhưng im lặng.
Chưa ai kịp có phản ứng gì, Bracebridge, trước đây đã lâu là người Ban tin, bây giờ là nhân vật quant trọng của tổ hợp, cất giọng hoà giải: “Những lúc thế này ai cũng căng thẳng. Rất dễ xúc

động, căng thẳng đầu óc và bực bội trong lòng. Những gì ta nới với nhau tối nay đáng ra có thể nói một cách lịch sự hơn, và lẽ ra là phải như vậy". Ông quay sang phía chủ tịch Ban tin: "Nhưng, Margot ạ, tôi tin là những điều đưa ra vừa rồi cũng là một cách đề cập vấn đề đáng được xem xét; dĩ nhiên cần nhớ, như Crawf đã nói rõ, rằng mọi người đều hiểu và chấp nhận quyết định cuối cùng của bà. Chắc không ai thắc mắc gì về chuyện đó".
Được dịp gỡ thể diện, Margot lưỡng lự rồi đồng ý "Thế cũng được". Bà ta nói với Chippingham: "Trên cơ sở đã bàn, anh có thể quyết định cách đáp ứng tạm thời lừa bọn chúng".
"Cảm ơn bà", ông chủ tịch ban tin đáp. "Chúng ta có thể làm rõ thêm một điểm được không?".
"Điểm gì?".
"Quyết định cuối cùng mà chúng ta vừa thoả thuận lúc này vẫn cần giữ bí mật".
"Tôi cũng nghĩ thế. Nhưng tốt hơn là những người khác cũng đảm bảo điều đó. Dầu thế nào, cũng báo cho tôi biết".
Mọi người đang chăm chú lắng nghe, Chippingham quay lại hỏi: "Các vị đảm bảo với tôi như vậy chứ?".
Trong khi từng người một hứa sẽ giữ bí mật việc đó, Margot ra về.
Khi Chippingham về đến văn phòng, đồng hồ chỉ mười một giờ hai mươi lăm phút. Lúc mười một giờ rưỡi, anh nhận được bản tin Roitơ phát từ Lima, Peru có nói tới đòi hỏi của Sendero Luminoso đối với CBA. Lát sau, tin của AP phát đi từ Washington có bài chi tiết, trong đó đưa toàn văn tài liệu "Thời tươi sáng đã tới".
Trong vòng mười lăm phút sau đó, lần lượt ABC, NBC và CBS phát chương trình tin có trích đoạn băng ghi hình Jessica. Các hãng đều hứa sẽ đưa chi tiết hơn, và nếu cần sẽ có thêm hương trình vào ngày hôm sau. CNN, trong khi đang phát tin, chỉ việc đưa luôn tin đó vào, do đó là hãng đưa sớm hơn các hãng khác. Chippingham vẫn giữ quyết định lúc đầu là không tạm dừng chương trình buổi đang phát, mà sẽ có một bản tin chuẩnn bị kỹ lưỡng (lúc này đang chuẩn bị) vào lúc nửa đêm.
Lúc mười một giờ bốn mươi lăm, ông từ văn phòng tới Vành móng ngựa lúc này đang chuẩn bị cho buổi phát tin. Norm Jaeger đang ngồi ở ghế chủ nhiệm điều hành chương trình. Trong phòng biên tập, Iris Everly đang xem lại cuốn băng ghi hình Jessica cùng các băng khác dùng minh hoạ cho phần tin. Phát thanh viên chương trình tin đặc biệt nửa đêm là Don Kettering, đang vừa trang điểm vừa đọc lại và bổ sung phần việt tin.
"Chúng ta sẽ đưa toàn bộ sự việc mà không nói gì về phản ứng của CBA", Jaeger bảo Chippingham. "Sau này còn khối thời gian làm việc đó, anh muốn làm gì thì làm. À này, nhiều nơi trong đó có thời báo New York và Bưu điện Washington gọi điện hỏi chúng ta phản ứng thế nào. Chúng tôi nói với họ hiện ta chưa có phản ứng gì và vấn đề này đang được xem xét".
Chippingham gật đầu tán thành: "Đúng đấy".
Jaeger chỉ tay về phía Karl Owens đang ngồi ở bên kia phòng Vành móng ngựa: "Tuy nhiên, anh ấy có ý rất hay về việc ta sẽ phản ứng thế nào".
"Tôi muốn nghe thử xem sao".
Owens là một chủ nhiệm rất tham công tiếc việc. Anh ta đã có rất nhiều ý hay và chính việc thăm dò kiên trì của anh đã xác định được tên khủng bố là Ulises Rodriguez. Anh ta vừa nói, vừa nhìn tấm phiếu máy tính khổ bốn sáu là phiếu tiêu chuẩn của ngân hàng dữ liệu.
"Qua tài liệu của Sendero Luminoso, chúng ta được biết năm băng sẽ được chuyển tới CBA để thay cho chương trình Bản tin tối toàn quốc. Băng đầu tiên vào thứ năm tuần tới, còn bốn băng

khác mỗi ngày một băng. Khác với băng ghi hình bà Sloane mà ta vừa xem tối nay, những băng này rõ ràng sẽ chỉ chuyển tới CBA thôi".
"Cái đó thì tôi biết", Chippingham nói.
Jaeger mỉm cười khi Owens vẫn nói tiếp như không có chuyện gì xảy ra. "Tôi muốn gợi ý là chúng ta tiếp tục trì hoãn không tiết lộ phản ứng của CBA cho tới tận thứ ba. Chỉ trừ một việc là vào thứ hai, để mọi người thêm chú ý, anh có thể nói rằng sẽ có thông báo vào ngày hôm sau. Rồi hôm thứ ba, ta sẽ thông báo là không có bình luận gì thêm trước khi ta nhận được băng vào thứ năm như họ đã hứa. Và sau đó, chúng ta sẽ công bộ quyết định của mình".
"Làm thế để làm gì?".
"Để có được sáu ngày, từ nay tới thứ năm. Lúc đó, cứ cho là băng của Sendero được chuyển tới".
"Được, cứ coi là có băng đi. Rồi sao nữa?".
"Chúng ta cho vào tủ sắt khoá lại, chả còn sợ ai thấy. Sau đó chúng ta xen vào giữa chương tình đang phát, làm ra vẻ to chuyện, nói rằng chúng ta đã nhận được cuốn băng nhưng bị hỏng, có lẽ bị hư trên đường đi, rằng phần lớn nội dung đã bị xoá. Chúng ta đã thử xem, cố gắng phục hồi nội dung nhưng không được. Cùng với việc nói như vậy trên truyền hình, chúng ta cũng thông báo cho báo chí và đài phát thanh, làm sao để tin đó đến được Peru, tức là đến tai Sendero Luminoso".
"Tôi nghĩ đã đoán được ý anh", Chippingham nói: "Nhưng thôi, anh cứ tiếp đi".
"Bọn Sendero sẽ không biết là ta nói dối hay không. Cái mà chúng biết, cũng giống như ta đã biết, là việc như vậy có thể xảy ra. Vì vậy chúng có thể bán tin bán nghi và sẽ gửi cho ta cuốn băng khác; việc đó cũng phải mất vài ngày…".
Chippingham nói nốt câu hộ anh ta: "Và có nghĩa là chúng ta không thể bắt đầu phát vào ngày mà chúng ấn định".
"Đúng như vậy".
Jaeger nói thêm: "Tôi đoán thế nào Karl cũng tính được chuyện này. Song anh ấy nói là chúng ta có thêm được mấy ngày rảnh tay, nếu cách đó có kết quả và tôi nghĩ là có thể có. Anh thấy thế nào?".
Chippingham đáp: "Tôi nghĩ ý kiến ấy thật tuyệt vời. Nó làm tôi vui mừng là tin tức của chúng ta lại lấy lại được phong độ khôn ngoan và dũng khí của nó".
Suốt cả tuần, tin tức liên tục đưa về đòi hỏi của Sendero Luminoso và băng ghi hình Jessica cả thế giới đều quan tâm theo dõi. Điện thoại tới tấp gọi về CBA yêu cầu hãng cho ý kiến bình luận, tốt nhất là dưới hình thức tuyên bố chính thức. Do có dàn xếp trước, tất cả các cú điện thoại loại đó đều chuyển cả về Ban tin tức CBA. Các uỷ viên hội đồng chấp hành và chủ nhiệm khác của CBA được yêu cầu không trả lời các câu hỏi về vấn đề này, cho dù là chuyện ngoài lề đi nữa.
Bản tin CBA được tăng cường thêm ba cô thư ký cho công việc đặc biệt cuối tuần trả lời tất cả các cú điện thoại. Với mọi trường hợp, câu trả lời của họ đều giống nhau: CBA không có bình luận gì, và không, không thể nói trước được khi nào sẽ có bình luận.
Việc CBA không có phản ứng gì dầu sao cũng không ngăn được các hãng khác bày tỏ ý kiến của họ. Đa số hình như cho rằng "Cứ tiếp tục gọi đi! Đừng vội bỏ cuộc!".
Tuy nhiên đáng ngạc nhiên là một số khá nhiều người cho rằng đáp ứng đòi hỏi của bọn bắt cóc để các con tin được thả cũng chẳng phương hại gì làm Norm Jaeger phải bình luận với

giọng khinh bỉ: “Chả lẽ cái bọn đầu óc bã đậu này không thấy những nguyên tắc trong vấn đề này sao? Chả lẽ họ không hiểu rằng tạo ra một tiền lệ thì có khác nào là mời bọn điên khùng trên thế giới tiếp tục bắt cóc những người làm tin truyền hình ư?”.
Trong các chương trình đối thoại truyền hình chủ nhật như “Trả lời khán giả truyền hình”, “Gặp gỡ báo chí” và “Tuần này với David Brinkley”, vấn đề được đem ra trao đổi và đọc các đoạn trích từ cuốn sách “Ống kính truyền hình và sự thật” của Crawford Sloane đặc biệt là:
Có những khi cũng cần phải hy sinh các con tin.
Cách đối phó duy nhất với bọn khủng bố là… không có mặc cả hoặc trả tiền chuộc, cho dù trực tiếp hay gián tiếp đi nữa.

Trong hãng CBA, những người đã hứa với Leslie Chippingham sẽ giữ bí mật quyết định cuối cùng là không chấp nhận đòi hỏi của Sendero Luminoso xem ra đã giữ đúng lời hứa. Thực ra người duy nhất không giữ đúng lời hứa lại là Margot Lloyd- Mason hôm chủ nhật, bà đã báo cho Theodore Elliott qua điện thoại về tất cả những điều họ đã bàn tối hôm trước.

Dĩ nhiên Margot sẽ lập luận là bà đã hành động đúng khi cho ông chủ tịch Globanic biết tin. Đáng tiếc là, đúng hay sai thì chưa biết, việc làm của bà mở đường cho việc dò rỉ tin tức tai hại.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 5

Trụ sở chính của tổ hợp công nghiệp Globanic nằm trong một toà nhà trong một khuôn viên riêng ở Pleasantville New York, cách Manhattan khoảng ba mươi dặm. Người ta chọn địa điểm này với ý định tránh cho các nhà hoạch định chính sách và vạch đường đi nước bước khỏi cái không khí căng thẳng hàng ngày của các chi nhánh Globanic trong các lĩnh vực công nghiệp và tài chính. Thí dụ chi nhánh tài chính Globanic là người đang giải quyết hợp đồng nợ thành giảm thuế bất động sản ở Peru chiếm hẳn ba tầng của một trong hai ngôi nhà chọc trời trung tâm thương mại thế giới ở khu phố.

Thế nhưng thực tế thì nhiều vấn đề nhỏ ảnh hưởng tới các chi nhánh ở xa của Globanic đều được chuyển về trụ sở Pleasantville. Chính vì vậy, vào lúc mười giờ sáng thứ hai, Glen Dawson, một phóng viên mới vào nghề của tờ Ngôi sao Bantimore đang chờ phỏng vấn vị kiểm sát viên chính của Globanic về vấn đề palladium. Người ta hiện đang đưa nhiều tin vè loại kim loại quý này, mà một công ty thuộc tổ hợp Globanic lại làm chủ sở hữu nhiều mỏ sản xuất palladium và bạch kim ở Minas Gerair Brazil, là nơi các cuộc nổi loạn của cánh thợ mỏ đang đe doạ nguồn cung cấp kim loại ấy.

Dawson ngồi đợi bên ngoài văn phòng kiểm soát viên trong một phòng chờ hình tròn lịch sự nối với hai văn phòng lớn của hai quan chức cao cấp Globanic mà một trong hai vị là, chủ tịch và uỷ viên chấp hành của tổ hợp.

Ngồi khuất trong một góc, tay phóng viên vẫn đang đợi thì cửa văn phòng nọ mở và hai người từ trong bước ra. Một người là Theodore Elliott mà Dawson nhận ra ngay vì đã thấy ông ta trong ảnh từ trước. Người kia trông mặt rất quen, nhưng Dawson không nhớ là đã thấy ở đâu. Hai người tiếp tục câu chuyện đang nói dở; người thứ hai nói:
"… Có nghe về hãng CBA của ông. Những lời đe doạ của bọn phiến loạn Peru đặt cọc ông vào tình thế khó xử".

Ông chủ tịch Globanic gật đầu. "À, kể cũng có. Mời ông cùng đi với tôi ra tới thanh máy… Chúng tôi đã quyết định, nhưng chưa công bố. Điều chúng tôi không làm là để cho một nhóm cộng sản điên rồ ép chúng tôi làm theo ý chúng".
"Có nghĩa là CBA sẽ không bỏ các chương trình tin tối?".
Đến đó thì không nghe rõ nữa.
Dùng ngay tờ tạp chí mà anh ta giả đọc để che mắt, Dawson vội vàng ghi lại chính xác những

lời vừa nghe. Tim anh ta đập thình thịch. Anh ta biết mình vừa có được một tin độc nhất vô nhị mà suốt từ tối thứ bảy, biết bao phóng viên ra công tìm kiếm mà không được.
"Ông Dawson", cô thư ký gọi. "Ông Licata sẽ tiếp ông bây giờ".
Khi qua bàn cô thư ký, anh ta dừng lại, mỉm cười và nói: "Người cùng đi với ông Elliott ấy, tôi chắc là đã gặp nhưng không nhớ là ai".
Cô thư ký có vẻ do dự; anh ta cảm thấy cô ta không muốn nói, nên lại nhoẻn miệng cười. Thế mà có tác dụng.
"Đó là ông Alden Rhodes, thứ trưởng ngoại giao".
"Đúng rồi! Thế mà sao tôi lại quên mất nhỉ?".

Dawson trước đây đã thấy ông thứ trưởng ngoại giao phụ trách vấn đề kinh tế một lần trên vô tuyến khi ông ra trước một uỷ ban của Hạ Viện. Song điều quan trọng lúc này là anh ta đã biết được tên.

Mặc dù đã cố làm cho thật nhanh mà Dawson vẫn cảm thấy cuộc phỏng vấn ông kiểm soát viên chính của Globanic dài như vô tận. Dù sao chủ đề palladium cũng không làm anh ta quan tâm lắm. Là một thanh niên đầy tham vọng, anh ta muốn viết về các vấn đề được đông đảo người quan tâm. Cái tin mà anh ta vửa vớ được quả sẽ là thứ lễ ra mắt đúng lúc, hứa hẹn một tương lai hứng thú hơn nhiều. Thế nhưng ông kiểm soát viên xem ra chẳng vội vàng gì trong việc miêu tả lịch sử và tương lai của palladium. Ông cho việc thợ mỏ làm reo ở Brazil chỉ là chuyện thảng hoặc và không thể ảnh hưởng tới việc cung cấp palladium. Dawson tới đây cũng chính là để tìm hiểu việc đó. Lần lữa mãi, cuối cùng tay phóng viên cũng cắt được câu chuyện và tẩu thoát.

Xem đồng hồ, anh ta cho là còn đủ thời gian lái xe về văn phòng của tờ Ngôi sao Bantimore Manhattan viết xong cả hai tin mà vẫn kịp cho đăng vào số báo buổi chiều. Anh ta cho xe chạy về hướng nam, dọc theo đường bờ sông Saw Mill, rồi qua đường bên ban 87; vừa phóng như bay, các câu chữ cứ hình thành dần trong đầu anh suốt cả chặng đường.

Ngồi trước máy tính tại văn phòng nhỏ nhắn của phân xã ở Rockfeller Plaza, Glen Dawson viết vội tin về palladium trước. Đó là việc anh ta được giao làm và lúc này trách nhiệm đó được anh ta hoàn thành đầy đủ.

Sau đó anh ta bắt tay vào tin thứ hai hào hứng hơn nhiều. Tin đầu anh đã chuyển tới phân ban phụ trách các vấn đề tài chính; và vì anh là người thuộc phân ban này, nên tin thứ hai anh cũng sẽ chuyển qua đó. Nhưng anh tin chắc nó sẽ không nằm ở đó lâu.

Những ngón tay anh như múa trên phím chữ, tìm câu mở đầu. Vừa làm, anh ta vừa nghĩ tới một vấn đề đạo đức mà anh biết là sẽ cần đặt ra và trả lời: Liệu việc công bố tin mà anh đang viết đây có đặt các nạn nhân của vụ bắt cóc hiện đang ở Peru vào tình thế nguy hiểm hơn nữa hay không?

Cụ thể hơn là: Liệu các con tin là người nhà Sloane có bị hại vì việc tiết lộ quyết định của CBA

bác bỏ đòi hỏi của Sendero Luminoso, một quyết định mà vào thời đểm này người ta chưa có ý định tiết lộ?

Rồi, ở khía cạnh khác nữa, liệu công chúng có quyền được biết tất cả những gì mà một phóng viên xông xáo như anh tìm ra, cho dù bằng cách gì đi nữa?

Mặc dù có những vấn đề như vậy, nhưng Dawson biêt thực tế đơn giản là chúng không phải là việc hoặc là điều anh quan tâm. Nguyên tắc nghề nghiệp là chính xác và tất cả các bên liên quan đều hiểu điều đó.
Trách hiệm của người làm tin là viết những chuyện đáng viết mà anh ta thu lượm được. Một khi đã tìm được tin, việc của anh ta không phải là ỉm đi hoặc thêm thắt vào bằng bất cứ cách nào, mà là viết đầy đủ và chính xác, rồi chuyển cho hãng đã trả lương cho anh ta. Tới lúc đó, những gì anh ta viết sẽ được giao lại cho biên tập viên. Biên tập viên, hoặc các biên tập viên mới là người cân nhắc vấn đề đạo đức.

Dawson nghĩ: ở Bantimore lúc này đây tin anh viết cũng đang được in ra trên một máy tính khác. Khi viết xong anh ấn nút máy định lấy cho mình một bản, nhưng một bàn tay khác đã cầm lấy bản đó trước anh. Đó là ông trưởng phân xã Sandy Sefton lúc ấy vừa bước vào. Là một phóng viên kỳ cựu làm đủ các loại tin, chỉ còn vài năm nữa là đến tuổi về hưu, Sandy và Dawson chơi thân với nhau. Vừa đọc bản tin, ông phân xã trưởng vừa huýt sáo nhè nhẹ, rồi ngước lên bảo:
“Cậu vớ được một tin giật gân thật đấy. Những lời Elliott nói, cậu có ghi ngay lại khi nghe thấy không?”.
“Ghi ngay lập tức”, Dawson vừa đáp, vừa cho ông ta coi những điều anh ta có ghi lại.
“Tốt lắm. Cậu có nói chuyện với tay Alden Rhodes kia không?”.
Dawson lắc đầu.
“Thế nào Bantimore cũng muốn nói chuyện với cậu”. Đúng lúc ấy chuông điện thoại reo.
“Bantimore đấy, cậu có dám đánh cuộc không?”.
Đúng là điện thoại từ Bantimore. Sefton cầm máy, nghe một lát rồi nói: “Tin tức của cậu phóng viên của tôi đăng trên trang nhất số báo tối nay, đúng không?”. Ông ta vừa đưa ống nghe cho Dawsong, vừa cười rạng rỡ: “Frazer gọi đấy”. J. Allardyce Frazer là biên tập viên chính của tờ báo. Ông ta hỏi ngay, giọng hách dịch: “Cậu chưa nói chuyện trực tiếp với Theodore Elliott, đúng không?”.
“Thưa ông Frazer đúng vậy ạ”.
“Vậy làm đi. Hãy nói lại với ông ta những gì cậu đã biết và yêu cầu ông ta bình luận. Nếu ông ta chối không nói những lời đó, cậu hãy đưa vào tin luôn. Nếu ông ta chối, hãy thử tìm cách khẳng định qua Alden Rhodes. Cậu biết cách hỏi thế nào rồi chứ?”.
“Dạ có biết ạ”.
“Cho tôi nói chuyện với Sandy”.
Ông phân xã trưởng cầm máy. Vừa nghe, ông vừa nháy mắt với Dawson, rồi nói: “Tôi đã xem những điều Glen ghi lại. Cậu ta ghi lời Elliott ngay tại chỗ. Câu chữ rõ ràng, không thể có chuyện nghe nhầm được”.

Đặt máy xuống, Sefton bảo Dawson: “Cậu chưa xong việc đâu, họ đang bàn cãi chuyện đạo đức. Cậu hãy tìm gặp Elliott, tớ sẽ tìm xem Rhodes ở đâu; chắc chắn ông ta chưa về Washington đâu”. Sefton sang dùng máy điện thoại phía bên kia phòng.

Dawson gọi số Globanic. Sau khi qua tổng đài, một giọng phụ nữ trả lời. Tay phóng viên tự giới thiệu họ tên và yêu cầu nói chuyện với “ông Theodore Elliott”.
“Ông Elliott hiện không có ở văn phòng”, vẫn giọng dịu dàng ấy trả lời. “Tôi là Kessler. Tôi có thể giúp gì được ông không?”.
“Có lẽ có”. Dawson thận trọng giải thích lý do anh ta gọi điện thoại xin gặp.

Giọng bà ta trở nên lạnh lùng: “Xin ông chờ một chút”.
Mấy phút trôi qua, Dawson đang định dập máy gọi lại thì nghe thấy tiếng ở đầu dây bên kia. Làn này, giọng bà ta khô khan: “Ông Elliott nhắn lại là những gì ông nghĩ là ông nghe thấy là chuyện riêng và không nên đem ra sử dụng”.
“Tôi là phóng viên”, Dawson trả lời. “Nếu tôi nghe, hoặc biết được chuyện gì, và người ta không nói riêng với tôi, thì tôi có quyền sử dụng tin đó”.
“Ông Dawson, tôi không thấy lý do gì để tiếp tục cuộc nói chuyện này”.
“Xin bà thư cho một lát. Ông Elliott có chối đã không nói những lời tôi đọc lại cho bà không?”.
Cả lần này lẫn lần gọi trước, Dawson ghi ngay lại các câu hỏi và trả lời.
“Bà Kessler, bà vui lòng cho biết tên đầu của bà được chứ?”.
“Có gì mà không được… tôi là Diana”.
Dawson mỉm cười, đoán chắc Kessler cho rằng nếu tên bà ta được đưa lên báo, thì tốt nhất là nên đưa đầy đủ cả họ tên. Vừa định nói lời cảm ơn, Dawson nhận ra đường dây đã bị ngắt.
Anh vừa đặt máy xuống, ông phân xã trưởng đưa cho anh mẩu giấy. “Rhodes đang trên đường ra sân bay La Guardia bằng xe của Bộ Ngoại giao. Đây là số máy điện thoại đặt trong xe”.
Dawson lại nhấc máy.
Lần này, sau hồi chuông đổ là giọng đàn ông trả lời. Khi Dawson xin nói chuyện với “ông Alden Rhodes”, ông ta trả lời: “tôi nghe đây”.
Anh chàng phóng viên lại giới thiệu tên họ, biết rằng Sefton đang nghe qua một máy khác.
“Ông Rhodes…, tờ báo của chúng tôi muốn biết ông có bình luận gì về tuyên bố của ông Theodore Elliott là hãng CBA bác bỏ đòi hỏi mới đây của Sendero Luminoso, và theo lời ông Elliott, “chúng tôi sẽ không để cho một nhóm điên khùng ép chúng tôi làm theo ý chúng”.
“Theo Elliott nói với anh vậy à?”.
“Chính tôi nghe ông ta nói như vậy, thưa ông Rhodes”.
“Tôi nghĩ ông ta muốn giữ kín việc đó”. Ngừng một lát, ông ta nói tiếp. “À, xem nào! Có phải anh là người ngồi ở phòng chờ lúc chúng tôi đi qua không?”.
“Vâng, đúng thế”.
“Dawson, anh đã lừa tôi. Tôi yêu cầu toàn bộ cuộc nói chuyện này không được dùng đăng báo”.
“Thưa ông Rhodes, trước khi chúng ta nói chuyện, tôi đã tự xưng danh và ông cũng đã không nói gì tới chuyện không được trích dẫn đăng tin”.
“Dawson, tiên sư anh!”.
“Thưa ngài, câu này sẽ không trích đăng. Bởi vì trước đó ngài đã yêu cầu”.
Ông trưởng phân xã giơ ngón tay cái làm hiệu, miệng cười toe toét.

Cuộc thảo luận về vấn đề đạo đức người làm tin ở Bantimore kéo dài không lâu.
Trong bất cứ cơ sở đưa tin nào, bao giờ người ta cũng thiên về việc đưa tất cả các tin tức. Tuy nhiên với một số tin, mà tin họ đang có thuộc loại đó, người ta cần đặt ra và trả lời một số câu hỏi. Biên tập viên chính và biên tập tin trong nước là những người đọc trước những tin này sẽ cùng nhau đặt câu hỏi và trả lời:
Hỏi: Việc công bố quyết định của CBA có nguy hại đến tính mạng con tin không?
Trả lời: Tính mạng các con tin hiện đã bị đe doạ. Khó mà biết được việc công bố có làm họ gặp nguy hiểm hơn không?
Hỏi: Liệu họ có bị sát hại sau khi công bố quyết định này không?
Trả lời: Khó có khả năng đó, vì con tin bị giết sẽ không còn giá trị gì nữa.
Hỏi: Vì CBA sẽ phải công bố quyết định của họ trong một hai ngày tới, việc tiết lộ sớm hơn một chút có sao không?
Trả lời: Nếu có cũng không sao.
Hỏi: Vị chủ tích Globanic là Theodore Elliott vô tình để lộ quyết định của CBA và những người khác hẳn cũng sẽ biết, quyết định có còn có thể giữ kín được nữa không?
Trả lời: Chắc chắn không.
Cuối cùng biên tập viên chính đưa ra kết luận của cả hai người: "Không có vấn đề gì phạm đạo đức người làm tin. Chúng ta cho đăng!".
Số báo buổi chiều của tờ Ngôi sao Bantimore đăng tin trên với hàng tít lớn:
CBA BÁC BỎ YÊU CẦU CỦA BỌN BẮT CÓC NGƯỜI NHÀ SLOANE
Bài viết của Glen Dawson bắt đầu như sau:
CBA sẽ dứt khoát không đáp ứng đòi hỏi của bọn bắt cóc gia đình Sloane là hãng phải dừng chương trình tin buổi tối trong một tuần, thay bằng việc phát các băng ghi hình tuyên truyền do nhóm phiến loạn Maois Peru là Sendero Luminoso cung cấp.
Sendero Luminoso, tức "Con đường sáng" thừa nhận đang giam giữ các con tin tại một địa điểm bí mật thuộc Peru.
Theodore Elliott, chủ tịch và uỷ viên chấp hành chính của tổ hợp công nghiệp Globanic là công ty mẹ của CBA hôm nay đã tuyên bố: "Điều chúng tôi sẽ không làm là để cho một nhóm điên khùng ép chúng tôi làm theo ý chúng".
Trong khi nói chuyện tại trụ sở Globanic ở Pleasantville ông thêm: "Còn việc cho phát các băng hình của "Con đường sáng", thì đừng có hòng".
Một phóng viên của tờ Ngôi sao Bantimore có mặt khi Elliott tuyên bố như vậy.
Alden Rhodes, thứ trưởng ngoại giao phụ trách các vấn đề kinh tế là người đi cùng ông Elliott khi ông này tuyên bố như trên đã từ chối không bình luận gì thêm khi phóng viên bản báo hỏi, nhưng ông có nói: "Tôi nghĩ ông ta muốn giữ kín chuyện đó".
Cuối buổi sáng nay, một cố gắng tiếp xúc với ông Elliott để hỏi rõ thêm đã không có kết quả. Phóng viên bản báo được bà Diana Kessler, trợ lý chủ tịch Globanic cho biết: "Ông Elliott không có mặt tại văn phòng". Sau khi được hỏi thêm, bà Kessler chỉ trả lời "Ông Elliott không bình luận gì thêm".
Bài báo còn thêm, chủ yếu là về bối cảnh và diễn biến trên của vụ bắt cóc.

Ngay cả trước khi các số báo Ngôi sao Bantimore được đưa tới các quầy phát hành, các đài truyền hình đã đưa tin, có nói là trích từ nguồn tin tờ Ngôi sao. Tối hôm đó, tin của tờ Ngôi sao

được trích đưa trong tất cả các bản tin của các hãng, kể cả CBA là nơi mọi người rụng rời chân tay khi nhận được tin đưa quá sớm này.

Sáng hôm sau, ở Peru là nơi tin về vụ bắt cóc liên tục được đưa, tất cả các báo, đài phát thanh và vô tuyến truyền hình tập trung đưa lại tin trên, đặc biết nhấn mạnh là "nhóm cộng sản điên khùng", trong tiếng Tây Ban Nha là "grupo de comunistas locos".

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 6

"Con thích Vicente", Nicky nói. "Chú ấy là bạn của chúng ta".
"Ông cũng nghĩ thế", Angus từ trong cũi giam nói vọng ra. Ông già đang nằm trên một đệm mỏng bẩn thỉu trên chiếc giường tạm bợ, giết thời gian bằng cách quan sát hai con bọ dừa to đậu trên tường.
"Vậy thì cả hai ông cháu đừng nghĩ thế nữa", Jessica quát. "Thích ai trong bọn này là điều ngây thơ và ngốc ngếch".
Nàng dừng lại, cắn môi hối tiếc đã nói những lời ấy. Đâu cần phải quát nạt như vậy.
"Con xin lỗi", nàng nói. "Con không định nói với giọng như thế".
Khổ nỗi là, sau mười lăm ngày tù túng trong ác cũi giam bé tý xíu, cả ba đều lộ vẻ căng thẳng, bải hoải tinh thần. Jessica đã phải cố sức giữ tinh thần, nếu không được vững, thì chí ít cũng không đến nỗi tuyệt vọng. Nàng cũng cố gắng đảm bảo mọi người đều vận động thân thể hàng ngày, một việc nàng luôn là người cầm chịch. Nhưng rõ ràng là dù có ý định tốt ấy, sự tù túng về thể xác, cái đơn điệu và nỗi cô đơn đã tác động rõ rệt tới họ.

Thêm vào đó, thứ đồ ăn nhờn nhờn, nhạt nhẽo cũng là một gánh nặng nữa làm sức lực họ hao mòn cạn kiệt. Cùng với những nỗi khổ trên, mặc dù đã cố gắng để lau rửa, nhưng người họ lúc nào cũng nhớp nháp, hôi hám, thường xuyên ướt đẫm mồ hôi, quần áo bẩn thỉu như dán vào da thịt.

Jessica nghĩ cũng là điều hay khi luôn tự nhắc mình là ông thầy dạy khoá chống khủng bố, tướng Wade đã phải chịu đựng nhiều hơn và lâu hơn nàng trong chiếc hầm nhỏ ở Triều Tiên. Nhưng dẫu sao Cedric Wade cũng là con người phi thường, toàn tâm phụng sự tổ quốc trong thời buổi chiến tranh. Còn ở đây thì đâu có chiến tranh để chế ngự tinh thần và thể xác? Họ chỉ là những người dân thường bị bắt cóc… mà bắt làm gì chứ? Jessica vẫn không hiểu nổi tại sao.

Thế nhưng ý nghĩ về tướng Wade, nhận xét của Nicky thích Vicente, cùng lời tán thành của Angus đã làm nàng nhớ tới điều này đã học được từ Wade. Đem vận dụng vào hoàn cảnh hiện nay chắc là thích hợp.

Vừa lo lắng nhìn tên lính gác, nàng hỏi nhỏ: "Angus và Nicky này! Hai ông cháu đã nghe nói về Hội chứng Stockholm chưa?".
"Hình như là ba có nghe, nhưng không nhớ chắc lắm". Angus trả lời.
"Còn con, Nicky?".

“Chưa mẹ ạ. Đó là gì hả mẹ?”.
Thằng gác là đứa thỉnh thoảng vẫn mang theo cuốn truyện tranh cười, lúc này đang chúi mũi vào đọc, không để ý gì đến việc họ nói chuyện với nhau. Jessica cũng biết là hắn không nói được tiếng Anh.
“Mẹ sẽ nói cho con biết”, Jessica đáp.

Trong tai nàng như còn vang lời tướng Wade nói với nhóm nghiên cứu nhỏ, trong đó có nàng: “Trong hầu hết các vụ không tặc hoặc bắt cóc, bao giờ cũng có điều chắc chắn là sau một thời gian, ít nhất cũng có người trong số con tin sẽ thấy mến bọn khủng bố. Đôi lúc những con tin còn cho bọn chúng là bạn, trong khi lại coi cảnh sát và quân đội, những người đang tìm cách cứu họ là kẻ thù. Cái đó gọi là hội chứng “Stockholm”.

Về sau Jessica đọc thêm tài liệu lại càng thấy đúng là có việc như vậy. Nàng – còn tò mò - tìm đọc để biết tại sao nó lại có cái tên gọi hư vậy.
Bây giờ cố nhớ lại và diễn đạt theo ngôn từ của nàng, nàng tả lại câu chuyện lạ lùng ấy, trong khi Nicky và Angus lắng nghe:

Chuyện xảy ra ở Stockholm, Thuỵ Điển vào ngày hai mươi ba tháng Tám năm 1973. Sáng hôm đó, tại Normastrong, một quảng trường ở trung tâm thành phố, một tù trốn trại là Jan Erik Olsson, ba mươi hai tuổi vào một trong những nhà băng lớn nhất Stockholm là Sveriges Kredibanken. Olsson rút khẩu liên thanh giấu trong áo khoác cầm ở tay, nổ súng bắn lên trần, làm mọi người la hoảng chạy tán loạn trong đám kính vỡ và bê tông rơi xuống như mưa.

Thử thách tiếp theo kéo dài sáu ngày. Trong suốt những ngày đó, không ai trong số con tin lại nghĩ rằng những năm sau đó, và có lẽ cả những thế kỷ sau nữa, dư vị của cái mà họ đã trải qua lại nổi tiếng đến mức được mang cái tên hội chứng Stockholm, một thuật ngữ y học và khoa học mà đối với các sinh viên và bác sỹ hành nghề khắp thế giới cũng trở nên quen thuộc như các thuật ngữ “mổ lấy thai nhi”, “chứng ăn không ngon miệng”, “chứng cuồng dâm” hoặc “chứng lão hoá” vậy.
Ba phụ nữ và một đàn ông, đều là nhân viên nhà băng. Đã bị Olsson và đồng bọn của hắn, Clark Olofsson, hai mươi sáu tuổi, bắt làm con tin. Đó là Birgitta Lundbald, cô gái tóc hung xinh xắn ba mươi mốt tuổi, Kristin Ehnmark, cô gái tóc đen, hồn nhiền hai mươi ba tuổi, Elisabeth Oldgren, hai mươi mốt tuổi, người nhỏ nhắn, dịu dàng và tóc vàng nhạt; và Sven Sapstrom, hai mươi lăm tuổi, người cao dong dỏng và chưa vợ. Hầu như suốt sáu ngày ấy, bộ sáu này giam mình trong một hầm chứa két bạc và từ đó bọn tội phạm gọi điện toại đòi nộp cho chúng ba triệu curon tiền mặt (tương đương 710.000 đôla), hai súng lục và một chiếc xe để chúng tẩu thoát.

Các con tin bị đầy đoạ trong thời gian bị giam giữ. Họ buộc phải đứng thẳng người, dây thít chặt quanh cổ, nên nếu ngã là bị ngạt thở ngay. Nhiều lúc họ nghĩ sắp bị giết chiết khi họng súng liên thanh gí sát vào sườn. Họ không có gì vào bụng suốt năm mươi giờ liền. Họ phải đi ngoài vào các túi ni lông đựng rác. Họ sống với nỗi khiếp sợ và khắc khoải nơi hầm kín.

Thế nhưng giữa các con tin và hai tên bắt cóc họ lại nảy sinh sự gần gũi kỳ lại. Birgitta có lúc đã có thể đi thoát, song cô ta lại không đi. Kristin tìm cách báo tin cho cảnh sát, rồi lại thừa nhận: "Tôi cảm thấy mình giống như một kẻ phản bội". Anh chàng Sven cho bọn bắt cóc là "tử tế" và Elisabeth cũng đồng ý như vậy.

Cảnh sát Stockholm tiến hành một cuộc chiến tranh tiêu hao để giải thoát con tin thì lại gặp phải sự thù địch của họ. Kristin nói qua điện thoại rằng cô ta tin cậy bọn cướp nhà băng, sau đó còn thêm: "Tôi muốn các ông để chúng tôi cùng đi luôn với họ… Họ rất tốt". Nói đến Olsson, cô ta tuyên bố: "Anh ta bảo vệ chúng tôi khỏi rơi vào tay cảnh sát". Khi được bảo: "Cảnh sát sẽ không đụng chạm đến cô", Kristin trả lời: "Tôi không tin điều đó".

Về sau còn được biết Kristin còn khoác tay với tên tội phạm trẻ hơn là Olsson. Cô ta nói với một thẩm tra viên: "Clark cho tôi cảm giác dịu dàng". Và sau khi các con tin được giải thoát, Kristin nằm trên cáng ra xe cứu thương mà vẫn còn gọi với theo Olsson: "Clark em sẽ gặp lại anh!".

Các chuyên viên phòng thí nghiệm trong khi kiểm tra căn hầm đã tìm thấy dấu vết tinh dịch. Sau một tuần thẩm vấn, một trong ba cô, tuy chối là không có các hành động tình dục, nhưng nói là một đêm khi mọi người đã ngủ say, cô ta đã giúp Olsson thủ dâm. Mặc dù vẫn còn hoài nghi những điều cô ta nói, các thẩm sát viên cũng thôi không đả động đến chuyện đó nữa.

Khi được các bác sỹ hỏi, các con tin được trả tự do gọi cảnh sát là "kẻ thù" và tin rằng họ còn sống được là nhờ bọn tội phạm. Elisabeth còn buộc tội một bác sỹ là mưu đồ "tẩy sạch" lòng yêu mến của cô ta đối với Olsson và Olofsson.

Năm 1974, tức là gần một năm sau bi kịch ở nhà băng, Birgitt đã tới nhà tù thăm Olofsson và nói chuyện với hắn nửa tiếng đồng hồ.
Các bác sỹ tham gia nghiên cứu vấn đề trên cuối cùng tuyên bố hành động này của các con tin là hành động tiêu biểu của những người gặp "hoàn cảnh sinh tử". Họ dẫn lời Anna Freud mô tả những phản ứng này là "đồng tình với kẻ sinh sự". Nhưng tấn bi kịch ở nhà băng Thuỵ Điển đã tạo ra một cái tên mãi mãi đáng nhớ là Hội chứng Stockholm. "Mẹ ơi, hay quá", Nicky từ trong cũi nói ra.
"Jessica, ba không biết chi tiết đến vậy", Angus thêm.
Nicky hỏi: "Còn chuyện hay nào nữa không hả mẹ?".
Jessica rất hài lòng, trả lời: "Ít thôi".

Một lần nữa, nàng lại cố nhớ lại lời của ông tướng người Anh là Wade: "Tôi khuyên các anh, các chị hai điều", có lần ông nói với lớp huấn luyện chống khủng bố. "Một là, nếu bị bắt làm con tin, hãy nhớ Hội chứng Stockholm. Hai là, trong khi giao thiệp với bọn khủng bố, luôn nghĩ rằng "Yêu kẻ thù của mình" là điều nhàm tiếu và vô nghĩa. Cũng cần tránh một thái cực khác là đừng có mất thời gian và hao tổn tâm lực căm ghét bọn chúng làm gì, vì lòng căm giận là thứ tình cảm hao tâm tổn trí và mất thời gian. Chỉ có điều, đừng bao giờ tin chúng, thích chúng, cho dù trong giây lát, và đừng bao giờ quên chúng là kẻ thù".

Jessica nhắc lại lời khuyên của tướng Wade cho Nicky và Angus nghe. Nàng còn kể thêm về những vụ không tặc, trong đó những người bị bắt và bị đánh đập lại cảm thấy thân thiện với bọn không tặc. Đó là chuyện có thực xảy ra năm 1985 trong chuyến bay ô nhục 847 của hãng TWA, khi một số hành khách tỏ ý đồng tình với bọn không tặc Shiite và truyền đạt quan điểm tuyên truyền của chúng.

Gần đây hơn, Jessica giải thích, một con tin được giải thoát ở Trung Đông, một người dễ xúc động mà rõ ràng là nạn nhân của Hội chứng Stockholm đã chuyển cả thông điệp của bọn đã giam giữ ông ta tới Đức Giáo hàong và Tổng thống Mỹ, được các hãng đưa tin rất nhiều. Người ta không tiết lộ nội dung thông điệp ấy, nhưng "theo các nguồn tin không chính thức, nó được coi là vô vị và chẳng được điểm nào ra hồn.

Mối quan tâm còn lớn hơn của những người am hiểu hội chứng Stockholm là trường hợp Patricia Hurst, nạn nhân của một vụ bắt cóc. Không may cho Hurst là khi bị bắt năm 1975 và ra toà vào năm sau vì người ta cho là cô đã phạm tội, các sự kiện ở Stockholm chưa được hiểu một cách đầy đủ, để cô có thể được thông cảm và giảm nhẹ tội. Trong một bài giảng ở khoá chống khủng bố của tướng Wade, một luật sư Mỹ đã tuyên bố: "Xét về giá trị pháp lý và tri thức, vụ xử Patricia Hurst có thể sánh với các vụ xét xử thuật phù thuỷ Salem năm 1692". Ông ta nói thêm: "Biết những gì ta nay đang làm và nhớ rằng tổng thống Catơ đã nhận thấy việc xét tội sai, nên đã giảm án tù cho cô ta, nếu không nó sẽ là một ngày đen tối vì ô nhục cho đất nước này, nếu Patricia Hurst chết đi mà không được mọi người tha thứ".

"Jessica", Angus nói, "Ba hiểu ý con muốn là đừng có bị mắc lừa vì cái vẻ dễ dãi của Vicente, hắn vẫn là kẻ thù của chúng ta".
"Nếu hắn không là kẻ thù", Jessica vạch rõ, "chúng ta có thể đàng hoàng ra khỏi nơi đây trong phiên hắn gác". "Mà chúng ta đều biết là không có chuyện đó", Angus hướng về cũi giam ở giữa và nói "Nicky, cháu hiểu điều đó chứ? Mẹ cháu nói đúng, còn ông cháu ta sai đấy".
Nicky không đáp, chỉ buồn bã gật đầu. Một trong những cái đáng buồn của cảnh giam cầm này, Jessica nghĩ, là Nicky đã phải chịu đựng thực tế phũ phàng của người đời tàn ác sớm hơn bình thường.

* * *

Ở Peru lúc nào cũng vậy, tin tức mối liên quan đến vụ bắt cóc gia đình Sloane được đài phát thanh truyền đi rất xa, tới cả những vùng hẻo lánh nhất của nước này.

Tin tức đầu tiên về việc Peru và Sendero Luminoso dính líu đến vụ bắt cóc được đưa hôm thứ bảy, tức là một ngày sau bản tin chiều qoàn quốc của CBA, trong đó tiết lộ các dữ liệu độc nhất mà Nhóm đặc nhiệm của hãng này thu thập được. Trước đó, các phương tiện thông tin Peru chỉ đưa qua về vụ bắt cóc, nhưng khi có tin nước này có dính líu, thì lập tức nó trở thành một tin quan trọng. Trong trường hợp này, đài phát thanh vẫn là phương tiện đưa tin rộng rãi nhất.

Cũng tương tự như trên, vào hôm thứ ba, tức là sau tiết lộ của tờ Ngôi sao Bantimore hôm thứ hai, ở thị trấn Ayacucho trong vùng núi Andes và ở làng Nueva Esperanza ở Selva cũng bắt được tin đầu tiên trên đài về việc Theodore Elliott bác bỏ đòi hỏi của bọn bắt cóc và những lời miệt thị của ông đối với Sendero Luminoso.

Các nhà lãnh đạo của sendero ở Ayachucho và tên khủng bố Ulises Rodriguez, tức Miguel ở Nueva Esperanza nghe được tin đó qua đài. Ngay sau đó đã có cuộc nói chuyện bằng điện thoại giữa Miguel và một lãnh đạo của Sendero ở Ayacucho, nhưng cả hai không ai xưng tên trong khi nói chuyện. Chúng đều hiểu, so với tiêu chuẩn hiện đại, đường dây liên lạc này quá tồi, lại qua nhiều điểm dân cứ là nơi bất kể ai, kể cả cảnh sát và quân đội đều có thể nghe trộm được. Vì thế, chúng nói những chuyện chung chung, úp úp mở mở, điều mà ở Peru nhiều người thường làm, song cả hai đứa đều hiểu được ý của nhau.
Đó là: Cần phải làm ngay một việc gì đấy để chứng tỏ cho hãng truyền hình Mỹ CBA biết rằng họ đang "chơi"với những người không phải ngu ngốc hay yếu đuối. Có thể giết một con tin rồi để xác tìm thấy ở Lima chẳng hạn. Miguel, trong khi đồng ý rằng đó cũng là một cách có hiệu quả, gợi ý lúc này nên để cả ba con tin sống sót, giữ họ như giữ tiền vậy. Thay vì giết họ, hắn khuyên nên có một hành động kiểu khác mà, nhớ lại điều hắn đã học khi còn ở Hackensack, hắn tin là sẽ tác động ghê gớm đến tâm lý của những kẻ ở dãy kia của phương trình ở New York.

Cách này được đồng ý ngay, và vì cần phải có phương tiện vận chuyển, một ô tô hoặc xe tải cũng được rời ngay Ayacucho tới Nueva Esperanza.

Ở Nueva Esperanza, Miguel bắt đầu công việc chuẩn bị bằng cách cho gọi Socorro tới.

Jessica, Nicky và Angus ngước nhìn khi thấy một toán người kéo đến ngay gần cũi giam họ. Toán này gồm Miguel, Socorro, Gustavo, Ramon và một tên khác đứng gác. Nhìn vẻ mặt chúng, rõ ràng sắp có chuyện gì xảy ra, nên Jessica và hai người kia lo lắng chờ xem có chyện gì.
Có một điều mà Jessica cầm chắc là dù chúng đòi nàng phải làm gì, nàng cũng sẽ hợp tác. Tính đến hôm nay đã được sáu ngày kể từ cái lần chúng quay băng ghi hình nàng, mà chỉ vì sự chống đối lúc đầu của nàng nên Nicky phải mang trên người nhiều vết bỏng đau rát. Sau đó, Socorro hàng ngày có đến xem xét vết thương mà đến nay đã kín miệng, nên Nicky không còn cảm thấy đau đớn nữa. Jessica vẫn cảm thấy có lỗi trong chuyện ấy, nên quyết định sẽ không để con mình bị hại lần nữa.

Vì thế khi bọn khủng bố mở cũi và kéo vào chỗ Nicky, bỏ qua Jessica và Angus thì nàng sợ hét lên: "Các ông làm gì vậy? Tôi xin các ông đừng hại cháu. Nó đau đớn thế là đủ rồi. Nếu các ông muốn làm gì thì hãy làm tôi đây này".

Chính Socorro quay ngoắt lại nhìn Jessica và quát qua tấm liếp ngăn hai cũi giam: "Câm mồm! Những gì sắp xảy ra mày không có cách gì ngăn lại được đâu".
Jessica cuống cuồng kêu khóc: "Chuyện gì?". Nàng thấy Miguel mang một chiếc bàn gỗ nhỏ vào

cũi giam Nicky, trong khi Gustavo và tên thứ tư túm lấy Nicky, chặt đến nỗi cậu bé không cựa quậy được. Jessica lại kêu: "Ôi, đừng làm thế. Các ông hãy vì Chúa mà tha cho nó".
Không thèm trả lời Jessica, Socorro bảo Nicky: "Mày sắp sửa bị cắt hai ngón tay".

Nghe thấy tiếng "ngón tay", Nicky lúc đó đang quá kinh hãi liền khóc ầm lên và cố giằng người ra nhưng không được.
Socorro nói tiếp: "Mấy người này sẽ làm việc đó, mày không cưỡng lại được đâu. Mày càng cố kéo thì càng đau đớn, cho nên tốt nhất là đứng yên".
Như không nghe thấy những lời báo trước đó, Nicky mồm lắp bắp, mắt như điên dại, lại càng vùng vẫy, quyết liệt hơn để mong thoát ra, hoặc ít ra cũng rút được tay lại, nhưng không ăn thua gì.
Jessica rên rỉ: "Ôi, đừng! Đừng chặt ngón tay nó. Các ông không hiểu sao? Cháu chơi Piano; đó là cả niềm vui suốt đời của cháu".
"Tao biết", lần này là Miguel nói. Hắn quay lại, mặt nở nụ cười. "Tao nghe chồng mày nói điều đó trên truyền hình, khi nó trả lời câu hỏi của ai đó. Khi nhận được những ngón tay này, nó sẽ tiếc là đã nói điều ấy".
Angus đang đập ầm ầm vào vách ngăn giáp cũi Nicky và cũng kêu gào ầm ĩ. Ông già giơ tay mình ra: "Tay tao đây, hãy chặt cũng được chứ sao? Nỡ nào làm hại cả cuộc đời còn dài của thằng bé?".
Mặt mày giận dữ, Miguel trừng mắt quát: "Hai ngón tay của một thằng lỏi con tư sản thì có thấm vào đâu, khi mỗi năm có tới sáu mươi ngàn trẻ em Peru chết trước năm tuổi".
"Chúng tao là người Mỹ", Angus trả miếng. "chúng tao không có lỗi về việc đó".
"Chính là lỗi ở chúng mày! Chế độ tư bản của chúng mày là chế độ thối nát, phá hoại, bóc lột nhân dân. Chính là lỗi của nó…".
Số liệu trẻ em tử vong do Miguel đưa ra là trích của Abimael Guzman, người sáng lập Sendero Luminoso. Miguel cũng biết Guzman phóng đại số liệu ấy nhưng rõ ràng số trẻ em chết vì suy dinh dưỡng ở Peru là cao nhất thế gới.
Trong khi hai bên lời qua tiếng lại, các công việc khác diễn ra rất nhanh.
Chiếc bàn gỗ nhỏ Gustavo mang vào đặt trước mặt Nicky. Trong khi cậu bé tiếp tục quằn quại, vặn vẹo người, kêu xin rất tội nghiệp. Gustavo dằn riêng ngón trỏ tay phải cậu bé lên mặt bằn, còn các ngón khác ngoài mép bàn. Ramon rút ra con dao khỏi vỏ bao. Lúc này, hắn nhăn nhở cười, dùng ngón tay cái thử lưỡi dao sáng loáng, sắc như dao cạo.
Với vẻ hài lòng, Ramon bước tới đặt lưỡi dao vào đốt thứ hai của ngón trỏ Nicky, rồi với động tác rất nhanh, hắn dùng bàn tay trăi dập mạnh lên sống dao. Chỉ nghe "xựt" một cái, máu tuôn ra, Nicky hét lên đau đớn, và ngón tay đã bị đứt nhưng chưa rời hẳn ra. Ramono nhắc dao cắt nốt phần da thịt còn dính cho đứt hẳn. Tiếng kêu tuyệt vọng vì đau đớn của Nicky nghe thật nát lòng.
Máu loang trên mặt bàn và dính cả vào tay của hai thằng đang giữ chặt Nicky. Chúng vẫn tỉnh khô, kéo ngón út bàn tay phải của Nicky từ mép bàn lên. Động tác và kết quả lần này nhanh hơn. Ramon chỉ chặt một nhát, ngoán tay út đã đứt lìa khỏi bàn tay, trong khi máu chảy túa ra.
Socorro, trước đó nhặt ngón tay trỏ bị cắt cho vào một cái túi ni lông, bây giờ đút thêm ngón út vào đó và đưa cái túi cho Miguel. Mặt Socorro tái đi, môi mím chặt. Ả liếc vội Jessica, lúc này lấy tay che mặt, người rung lên trong tiếng khóc nức nở.

Nicky mặt trắng bệch, gần như không còn biết gì nữa, ngã vật trên chiếc giường nhỏ hẹp, tiếng kêu khóc chỉ còn là tiếng rên, quằn quại vì đau. Lúc Miguel, Ramon và tên thứ tư từ trong cũi giam bước ra, mang theo chiếc bàn vấy máu, Socorro ra hiệu cho Gustavo nán lại: "Agarra Elliott Chico, Sientalo!" (1).
Theo lệnh Socorro, Gustavo đỡ Nicky ngồi dậy trong khi Socorro ra ngoài, rồi trở vào mang theo bát nước ấm hoà xà phòng mà ả đem theo lúc mới đến. Cầm bàn tay phải của Nicky và giữ nó ở thế thẳng đứng. Socorro cẩn thận rửa sạch hai ngón tay cụt đề phòng nhiễm trùng. Bát nước trở nên đỏ lòm. Rồi sau khi đặt gạc lên vết thương, ả dùng băng cuốn chặt cả bàn tay lại. Tuy vậy, máu vẫn thấm qua gạc và băng, nhưng hình như có ít hơn.
Trong lúc ả làm việc đó, Nicky rõ ràng là đau, người run bần bật, nhưng không hề tỏ thái độ chấp nhận hay cản trở gì.
Miguel vẫn còn quanh quẩn bên ngoài cũi giam, nên Jessica tiến lại cửa cũi của mình và gọi hắn, giọng đầy nước mắt: "Tôi van ông, tôi xin ông cho tôi sang với con tôi!".
Miguel lắc đầu. Hắn khinh bỉ nói: "Cái đồ chó đẻ ấy không cần có mẹ chăm nom. Hãy để Mocoso cố gắng nên đấng nam nhi".
"Nó còn đáng mặt nam nhi hơn cái thứ mày", Angus nói, giọng đầy căm giận. Ông già cũng lần ra cửa cũi giam, nhìn thẳng mặt Miguel. Ông cố nhớ những câu chữ bằng tiếng Tây Ban Nha mà Nicky dạy ông tuần trước: "Mày…; Maldito hijo de puta!".
Câu đó Angus nhớ có nghĩa là: Tiên sư mày, mẹ mày đồ con đĩ! Nicky đã nhắc lại cho ông nghe lời bạn bè gốc Cu Ba bảo nó ở sân chơi; đối với dân nói tiếng Tây Ban Nha, đem mẹ ai ra mà chửi là sự xúc phạm nặng nhất.
Miguel từ từ quay mặt lại. Hắn nhìn thẳng vào mặt Angus với ánh mắt lạnh như băng, đầy ác ý và thù hằn. Rồi lại nghiêm mặt như không có chuyện gì xảy ra, hắn bỏ đi.
Từ cũi giam Nicky bước ra đúng lúc ấy, Gustavo kịp nghe câu chửi và quan sát phản ứng của Miguel. Hắn lắc đầu, nói với Angus bằng thứ tiếng Anh giả cầy: "Ông già! Ông đã phạm sai lầm lớn. Ông ta không quên đâu".

* * *

Mấy tiếng sau, Jessica càng thêm lo lắng về tình trạng tinh thần của Nicky. Nàng tìm cách nói chuyện với con, cố dùng lời để an ủi nó nhưng không ăn thua; thậm chí nó còn không trả lời. Có nhiều lúc Nicky nằm im, đôi khi rên rỉ. Rồi đột nhiên người nó co giật mấy cái liền, miệng gào lên lanh lảnh, sau đó người run bần bật. Jessica cho rằng các dây thần kinh bị đứt gây cơn co giật kèm theo đau đớn. Theo chỗ nàng thấy, hầu như mắt Nicky lúc nào cũng mở trừng trừng, nhưng mặt luôn thờ thẫn.
Jessica thậm chí nài nó trả lời: "Nicky, con yêu của mẹ! Hãy nói với mẹ một tiếng đi con! Nói đi, nói gì cũng được!". Nhưng vẫn không có tiếng trả lời. Jessica nghĩ mình sắp phát điên lên mất. Nàng ao ước được ôm ấp, vỗ về con nàng, nhưng đành bó tay bất lực. Có lúc gần như điên dại, Jessica cố gạt bỏ mọi suy nghĩ trong đầu, nằm xuống giường và cay đắng khóc thầm.
Rồi thầm trách mình: "Gượng dậy nào! Can đảm lên! Đừng có thối chí!", nàng lại tiếp tục cố nói chuyện với Nicky.
Angus cũng nhập cuộc, nhưng vẫn như trước, không có kết quả gì.
Đồ ăn được đưa vào trong cũi giam. Không có gì là lạ khi Nicky chẳng ngó ngàng tới. Biết mình

cần giữ sức, Jessica cố ăn, nhưng cảm thấy nuốt không nổi, nên gạt nó qua bên. Nàng không biết Angus có ăn được hay không.
Màn đêm buông xuống. Bọn chúng thay gác vào buổi tối. Đến phiên gác của Vicente. Khi bên ngoài im ắng dần, chỉ còn nghe tiếng kêu đều đều của lũ côn trùng, thì Socorro tới. Ả mang theo bát nước vẫn dùng khi trước, mấy miếng gạc mới, một cuộn băng cùng chiếc đèn dầu và bước vào cũi giam Nicky. Ả nhẹ nhàng dựng Nicky ngồi thẳng dậy và bắt đầu thay băng gạc ở tay nó.
Xem chừng Nicky thấy dễ chịu và đỡ đau hơn, người ít co giật hơn.
Một lát sau, Jessica gọi với qua giọng dịu dàng "Socorro, chị làm ơn…".
Socorro quay ngoắt lại. Đặt ngón tay lên môi, ả ra hiệu cho Jessica im lặng. Không biết gì, nỗi căng thẳng và mòn mỏi làm nàng mất hết phương hướng, Jessica đành nghe theo.
Sau khi băng bó xong, Socorro đi ra nhưng không khoá cửa cũi Nicky, mà tới bên cũi giam Jessica rồi dùng chìa mở khoá cửa cũi. Ả lại ra hiệu giữ im lặng. Sau đó, Socorro vẫy gọi Jessica ra và chỉ tay vào cửa cũi để ngỏ của Nicky.
Tim Jessica đập rộn lên.
"Chị phải trở lại cũi trước khi trời sáng", Socorro nói nhỏ. Ả hất hàm về phía Vicente. "Anh ta sẽ nhắc chị".
Vừa định đi về phía Nicky, Jessica dừng và quay lại. Bị thôi thúc một cách vô thức, nàng đến bên Socorro và hôn lên má người đàn bà ấy.
Lát sau, Jessica ôm chặt Nicky vào lòng, cẩn thận không chạm vào bàn tay quấn băng của nó.
"Ôi, mẹ", nó nói.

Hai mẹ con chỉ còn biết ôm chặt lấy nhau. Ngay sau đó, Nicky ngủ thiếp đi.

Chú thích: 1 Hãy lôi thằng nhóc ra. Cho nó ngồi xuống.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 7

Ở ban tin CBA, người ta sắp dừng cuộc tìm kiếm một cách có hệ thống các mục quảng cáo đăng trên các báo địa phương trong vòng ba tháng qua.

Khi bắt đầu việc tìm kiếm trước đó khoảng hơn hai tuần, điều quan trọng là xác định xem hang ổ của bọn bắt cóc ở đâu trên đất Mỹ. Lúc ấy, người ta hy vọng là cho dù không tìm thấy các nạn nhân, chí ít cũng có được những chứng cứ cho thấy họ bị đưa đi đâu. Song bây giờ, khi đã biết người nhà Sloane bị bắt cóc hiện ở Peru, mặc dù chỉ có Sendero Luminoso biết chính xác chỗ họ đang bị giam giữ, việc tìm kiếm cơ sở của chúng ở Mỹ xem ra không còn quan trọng nữa.

Tuy vậy, từ góc độ giới làm tin truyền hình, việc phát hiện và chụp ảnh hiện trường vẫn được quan tâm; song liệu điều đó có giúp ích gì lớn không, xem ra cũng giảm dần cùng ngày tháng.

Dẫu sao, cố gắng trên cũng không phải là vô ích. Do đọc báo địa phương, Jonathan Mony đã phát hiện ra tờ tuần báo tiếng Tây Ban Nha Semana, mà tin tức trong đó đã giúp họ lần tới được Alberto Godoy. Việc vặn hỏi Godoy cho họ biết ông ta đã bán quan tài cho ai và xác định đúng được nhân thân tên khủng bố Ulises Rodriguez. Sau đó do sức ép mà Godoy phải cung cấp những chứng cứ giúp họ tìm tới nhà băng American – Amazonas, tới cái chết rõ ràng là do bị sát hại của nhà ngoại giao tại Liên hợp quốc Jose Antonia Salavery cùng cô bồ của anh ta là Helga Efferen va mối liên hệ của họ ở Peru.

Nói chung, mọi người đều cho rằng chỉ riêng những việc ấy cũng đủ thấy việc tìm qua các mục quảng cáo là việc bõ công làm.

Nhưng tiếp tục nữa liệu có thấy thêm được gì không? Don Kettering, hiện phụ trách nhóm đặc nhiệm của Ban tin CBA không nghĩ như vậy. Chủ nhiệm chính, thành viên của nhóm đặc nhiệm Norman Jaeger cũng vậy. Ngay cả Teddy Cooper, người đề xuất và giám sát chặt chẽ việc tìm kiếm ngay từ đầu cũng thấy không có lý do gì để tiếp tục công việc ấy nữa.

Vấn đề được đưa ra bàn trong cuộc họp của Nhóm đặc nhiệm vào sáng thứ ba.

Kể từ hôm thứ sau, khi CBA công bố tất cả các tin tức liên quan đến vụ bắt cóc, thủ phạm và việc các nạn nhân hiện đang ở Peru, cùng với bản tin cuối cùng tối thứ sáu phát băng ghi hình Jessica và đòi hỏi của Sendero Luminoso, đến nay đã được bốn ngày. Trong thời gian đó, xảy

ra việc Theodore Elliott sơ ý để lộ tin ra ngoài, dẫn đến kết quả tai hại là cả thế giới đều biết quyết định mà CBA định giữ kín ít nhất cũng cho tới thứ năm tuần sau. Đáng chú ý là không ai trong Ban tin CBA chê trách tờ Ngôi sao Bantimore vì họ hiểu rằng phóng viên và biên tập của tờ báo này đã làm một việc mà bất cứ hãng tin nào khác, kể cả CBA cũng sẽ làm trong hoàn cảnh đó.

Theodore Elliott không giải thích, cũng chẳng lấy làm tiếc về việc xảy ra.

Hôm thứ bảy, ở Peru, nhóm của Harry Partridge, Minh Văn Cảnh và chuyên viên âm thanh Ken O'Hara được tăng cường thêm Rita Abrams và biên tập viên băng hình Bob Watson. Bản tin tổng hợp đầu tiên của họ được truyền từ Lima hôm thứ hai qua vệ tinh, và được đưa lên đầu bản tin chiều toàn quốc của CBA tối hôm ấy.

Chủ đề chính do Partridge chấp bút là tình hình đang xấu đi một cách nghiêm trọng ở Peru, cả về kinh tế, pháp luật và trật tự xã hội. Bản tin trích lời của ông Serge Hurstade phụ trách đài phát thanh Peru, ông chủ bút kiêm chủ báo Esena là Manuel Leon Seminario để minh hoạ cho những điểm trên, cùng với ảnh một đám đông tức giận từ khu ổ chuột đang cướp phá một cửa tiệm bán đồ ăn và chống trả cảnh sát.

Theo lời Hurstade, "Đây là một đất nước dân chủ đầy hứa hẹn, nhưng bây giờ chúng tôi đang lao trên con đường đau khổ tự huỷ diệt, giống như ở Nicaragua, En Xanvado, Venezuela, Colombia và Achentina".

Còn Seminario thì nêu ra một câu hỏi không thể trả lời được: "Ở xứ Mỹ la tinh này, cái gì đã làm chúng tôi không bao giờ có được một chính quyền ổn định?". Rồi ông tiếp tục: "Chúng tôi tương phản một cách đáng buồn với các nước láng giềng khôn ngoan ở phía bắc. Trong khi Canada và Mỹ đã đạt thoả thuận rất văn minh về tự do mậu dịch, làm cho đất nước họ giàu mạnh và ổn định trong nhiều thế hệ tới, thì chúng tôi ở phương nam lại đang phân cực và giết hại lẫn nhau".
Nhằm giữ mức cân đối của bản tin, theo gợi ý của Partridge, Rita đã cố xin phỏng vấn ghi âm tổng thống Castanheda, nhưng họ từ chối. Thay vào đó, họ đưa một vị bộ trưởng thuộc tuyến hai trong chính phủ là Edonard Loayda ra trả lời phỏng vấn, nói toàn những lời có tính chất trấn an tinh thần. Qua người phiên dịch, ông ta tuyên bố các vấn đề hiện nay ở Peru chỉ là tạm thời. Nền kinh tế đang bị phá sản của nước này sẽ gượng dậy được. Sức mạnh của Sendero Luminoso đang giảm đi, chứ không phải là tăng lên. Và những người Mỹ hiện bị Sendero Luminoso giam giữ sẽ được quân đội, cảnh sát Peru tìm ra và giải thoát.

Những lời nhận xét trên của Loayda được đưa vào bản tin tối thứ hai, song con người và giọng điệu của ông ta, như Rita diễn tả "thối không ngửi được".

Nhóm phóng viên CBA tại Lima và trụ sở CBA ở New York thường xuyên liên lạc với nhau; Partridge và Rita được thông báo về những diễn biến mới trong nước như việc nhận được băng ghi hình Jessica, những đòi hỏi của Sendero và sự hỗn loạn do Theodore Elliott gây ra.

Điểm này làm Partridge ngỡ ngàng và tức giận, vì biện pháp mà anh đang âm thầm thự hiện có khả năng bị phá sản hoàn toàn. Tuy nhiên anh vẫn quyết tâm tiếp tục chiến thuật lúc đầu ấy của anh.

Có lẽ vì mũi nhọn công việc ở CBA đã chuyển từ New York sang Lima, nên trong cuộc họp hôm thứ ba của Nhóm đặc nhiệm, mọi người chú ý nhiều đến vấn đề tương đối nhỏ là việc có tiếp tục tìm qua các mục quảng cáo trên báo nữa không.

Norman Jaeger nói với Leslie Chippingham lúc ấy đến muộn một chút: "Tôi nêu vấn đề này ra vì anh có ý lo về chuyện chi phí xem chừng hơi lớn; song ta có thể dừng lại bất cứ lúc nào".
"Thôi được rồi!". Chippingham công nhận. "Song các anh nói đúng, vì vậy ta hãy quyết định xem nên thế nào". Cái anh không nói ra là bản tin chiều hiện đang được xếp hạng thứ rất cao, nên việc chi phí nhiều hơn số được cấp không làm anh lo lắng nữa. Nếu Margot Lloyd- Mason có la lối, anh chỉ việc vạch cho bà ta thấy một thực tế là dưới thời các chũ tịch hãng trước đây, chưa bao giờ số khán giả xem truyền hình của hãng lại nhiều như bây giờ.
Chippingham hỏi Teddy Cooper: "Teddy, anh thấy thế nào về việc dừng tìm kiếm qua các mục quảng cáo?".
Ngồi phía bên bàn họp, anh chàng nghiên cứu người Anh cười tươi và nói: "Nghĩ ra việc đó cũng hay đây chứ?".
"Hay! Chính thế nên tôi mới hỏi ý kiến anh".
"Kể ra cũng vẫn có thể tìm được thêm nhiều điều khác tựa như khi lật các lá bài, mong vớ được con át, thì tìm được ngay một chú. Tuy nhiên không hoàn toàn dễ như vậy. Nếu ta bỏ, tôi sẽ phải nghĩ ra một kế hay khác".
"Mà anh ta chắc là sẽ nghĩ ra", Norm Jaeger bình luận, quay ngoắt một trăm tám mươi độ so với nhận xét lúc đầu của anh ta về anh chàng Teddy Cooper hiếu thắng này.

Cuối cùng mọi người quyết định từ ngày hôm sau sẽ chấm dứt việc tìm kiếm qua quảng cáo.

Thế rồi, sau đó ba tiếng, cứ như trời đất run rủi, cuộc tìm kiếm trên báo đã lần ra được một manh mối quan trọng, mà ngay từ khi bắt đầu mọi người đều hy vọng tìm được nó.

* * *

Vào lúc hai giờ chiều, tại phòng họp của Nhóm đặc nhiệm, Teddy Cooper nhận được điện thoại của Jonathan Mony.

Lúc này Mony đảm nhận vai trò giám sát việc tìm kiếm, và trong mười ngày qua, phụ trách tất cả những người mới tham gia việc này. Có nhiều dư luận cho rằng khi công chuyện này kết thúc, Mony sẽ được chính thức tuyển dụng vào làm tại Ban tin tức. Nghe trong điện thoại, cậu ta có vẻ phấn khích, nói không kịp thở.
"Tôi nghĩ đã tìm thấy nó. Anh hoặc ông Kettering có thể tới đây được không?".
"Tìm thấy gì?"

“Tìm thấy chỗ bọn bắt cóc đã ở, tôi hầu như cầm chắc là thế. Hiện tôi đang ở Hackensack, bang New Jersey. Trên tờ Record là tờ báo ở đây có một mục quảng cáo, chúng tôi theo đó và lần ra được”.
“Chờ một lát”, Cooper bảo. Don Kettering và Norm Jaeger lúc ấy vừa vào. Cooper bỏ ống nghe khỏi tai, tay vung vẩy. “Jonathan gọi. Cậu ta nghĩ là đã tìm ra chỗ bọn bắt cóc”.
Trên bàn cạnh đó có máy điện thoại gắn loa phát. Jaeger ấn nút và loa bắt dầu hoạt động.
“Được rồi, Jonathan”, Kettering bảo. “Nói xem cậu tìm thấy gì”.
Tiếng Mony nghe qua loa rất rõ: “Có một quảng cáo trên tờ Record. Có lẽ khớp với cái ta đang tìm. Tôi đọc anh nghe nhé”.
“Ừ, đọc đi!”.

Ba người nghe tiếng giấy xột xoạt, rồi tiếng Mony tiếp tục báo cáo.
Họ được biết mục quảng cáo này được đăng vào ngày mùng mười tháng tám, tức là một tháng bốn ngày trước khi xảy ra vụ bắt cóc, và cũng trùng với khoảng thời gian bọn chúng theo dõi Sloane trước vụ bắt cóc.

TRANG TRẠI HANKENSACK – BÁN HOẶC CHO THUÊ

Nhà rộng kiểu cổ trên diện tích ba mẫu Anh, có sáu buồng, khu người làm riêng, thích hợp gia đình đông người, hoặc có thể dùng làm bệnh xá. Có lò sưởi củi, sưởi dầu, điều hoà nhiệt độ. Các khu nhà phụ rất rộng dùng để xe, làm xưởng hoặc chứa gia súc. Địa điểm kín đáo, vắng vẻ. Bán giá phải chăng hoặc cho thuê, có tính đến việc cần sửa chữa đôi chút.

Prandus và Paige
Hãng buôn bán bất động sản và xây dựng

Một cô gái trong nhóm phát hiện ra mẩu quảng cáo đó lẫn trong bao nhiêu quảng cáo khác, vì tờ Record có mục quảng cáo bất động sản lớn nhất so với các tờ báo khác ở vùng này. Đọc xong, cô tìm ngay Jonathan Mony lúc ấy dang ở gần đó, có mang theo máy điện đàm loại bỏ túi. Cậu đến gặp cô ta ở văn phòng làm việc của tờ báo, và gọi điện thoại cho hãng buôn bán bất động sản Prandus và Paige.

Lúc đầu, cậu ta cũng không mấy lạc quan. Suốt hai tuần trước đó, đã có nhiều phen mừng hụt kiểu này. Sau những giây phút khấp khởi và lần tìm thêm, kể cả việc đến tận nơi “có khả năng là nó” thì hoá ra lại không phải. Khả năng lần này liệu có khác hơn không, xem ra không lớn.

Cũng như trong các trường hợp khác, lần này khi biết CBA muốn tìm hiểu xem thế nào, hãng bất động sản tỏ thái độ hợp tác và cho họ địa chỉ. Có điều khác hơn là họ cung cấp thêm một vài thông tin: một là, gần như ngay sau khi đăng quảng cáo, có người đến thuê ngay với thời hạn một năm và trả tiền trước luôn một lần. Hai là, gần đây tới kiểm tra, họ thấy ngôi nhà chính và các dãy nhà phụ trống không, người thuê nhà rõ ràng đã bỏ đi.

Một nhân viên trong hãng nói với Mony: “Những người thuê nhà ở đó khoảng một tháng. Sau đó không thấy họ đâu cả, nên chúng tôi không biết họ còn quay lại nữa hay thôi. Lúc này, chúng tôi không biết phải làm gì; nếu các anh có gặp họ, làm ơn báo cho chúng tôi biết”.

Sự chú ý của Mony càng tăng. Cậu hứa sẽ báo cho hãng bất động sản này viết thư. Sau đó, cậu cùng cô gái tới thăm khu nhà nói trên.
“Tôi biết lẽ ra chúng tôi không được tới thẳng chỗ đó”. Cậu nói với Cooper và hai người kia trong điện thoại. “Nhưng đó là quy định trước khi chúng ta biết bọn bắt cóc hiện đang ở Peru. Dù sao chúng tôi cũng tìm thấy một vài cái mà chúng tôi cho là quan trọng, và vì thế tôi quyết định gọi điện báo cáo với anh”.
Cậu ta bảo đang gọi điện từ một tiệm cà phê, cách ngôi nhà hoang khoảng một dặm.
“Trước hết hãy chỉ đường cho bọn tôi”, Kettering bảo. “Rồi quay lại ngôi nhà đó và đợi. Chúng tôi sẽ đến ngay lập tức”.

* * *

Một tiếng sau, chiếc xe chuyển tải của CBA chở Don Kettering, Norm Jaeger, Teddy Cooper cùng đội quay gồm hai người chạy vào sân nhà ở Hackensack.

Từ trong xe bước ra, Kettering quan sát các dãy nhà cũ mục nát, rồi bình luận: “Tôi hiểu tại sao quảng cáo lại nói “cần sửa chữa đôi chút”.
Cooper gấp tấm bản đồ anh đã nghiên cứu lại. “Chỗ này cách Larchmont hai mươi lăm dặm. Đúng như ta dự đoán”.
“Đúng như dự đoán của anh”, Jaeger bảo.

Mony giới thiệu cô bạn cùng nhóm, cokie Vale, cô gái tóc hung nhỏ nhắn. Cooper nhận ra cô ta ngay. Trong lần gặp gỡ đầu tiên với nhóm tình nguyện, chính cô ta là người đã hỏi liệu có đội quay hình khi họ đạt được kết quả như lúc này không.
“Tôi vẫn nhớ câu hỏi của cô”, anh bảo cô và chỉ tay về phía đội quay đang chuẩn bị đồ nghề. “Cô thấy đấy, câu trả lời là “có”.
Cô ta nhìn anh, cười rạng rỡ.
“Cái đầu tiên anh nên xem là ở tầng hai của ngôi nhà chính”. Mony nói.
Theo chân cậu ta, những người khác đi vào ngôi nhà chính trông có vẻ hoang tàn đổ nát, rồi leo chiếc cầu thang rộng, ngoằn ngoèo. Tới gần đầu cầu thang, cô ta mở cửa, đứng lại nhường cho mọi người vào trước.

Căn phòng họ vào hoàn toàn khác hẳn với những gì họ thấy ở xung quanh nhà. Nó sạch sẽ, tường sơn trắng như trong bệnh viện, sàn nhà lát bằng nhựa màu xanh nhạt. Mony bật công tắc đèn nê ông trên trần mà rõ ràng là vừa mới lắp thêm. Mọi người nhìn thấy hai giường bệnh xá, cả hai đều có dây khoá để cột chân tay bệnh nhân. Một giường sắt hẹp, méo mó han gỉ trông khác hẳn hai giường kia. Giường này, cũng có dây khoá như hai giường nọ.

Chỉ chiếc giường sắt, Kettering nói: "Cái này hình như mới thêm vào sau. Căn phòng trông giống như một trạm cứu thương".

Jaeger gật đầu. "Có thể nó mới được sắp đặt để giam giữ ba người đã bị đánh thuốc mê, trong đó một người chúng không tính trước".
Mony mở cánh tủ. "Những người ở đây cũng chẳng thèm vứt những thứ trong tủ trước khi bỏ đi".

Trước mặt họ là mấy loại đồ nghề y tế: kim tiêm, băng, mấy cuộn bông gòn, gạc và hai hộp đựng thuốc còn nguyên chưa mở.
Jaeger nhặt một hộp và đọc to: "Điprivan…. Propofol đó là tên gốc la tinh". Anh ta đọc hàng chữ ghi rõ trên nhãn thuốc: "Nó ghi: "Thuốc gây mê tiêm mạch". Rồi nhìn Kettering, anh ta nói: "Không còn chệch vào đâu được: đúng như dự đoán".
"Tôi dẫn các anh xuống dưới nhà nhé?", Mony nhắc.
"Ừ, đi đi", Kettering bảo cậu ta. "Anh là người đã có thời gian xem xét xung quanh".

Khi vào một nhà phụ, Mony chỉ tay vào chiếc lò sắt đầy tro: "Họ đốt khối thứ ở đây, nhưng nhiều cái vẫn chưa cháy hết". Cậu ta nhặt một mảnh giấy cháy dở, vẫn còn nhìn rõ tên tờ tạp chí "Caretas". "Đó là tạp chí của Peru", Jaeger nói: "Tôi biết rõ tờ đó".
Họ qua một căn nhà rộng hơn. Nhìn từ bên trong, rõ ràng đó là xưởng sơn xì. Bọn chúng hầu như cũng không cố dọn sạch căn nhà này. Những hộp sơn, có hộp đang dùng dở, có hộp chưa mở vẫn còn để đấy. Hầu hết các hộp đều mang nhãn "Sơn bóng ô tô".
Teddy Cooper nhìn các màu sơn: "Các anh có nhớ ta nói chuyện với những người đã thấy bọn theo dõi Sloane chứ? Một số nói thấy chiếc xe màu xanh, nhưng loại xe mà họ nói không có chiếc nào khi ra xưởng lại có màu ấy. Đây này, màu xanh men sứ và cả màu vàng nữa".
"Đúng chỗ này rồi", Jaeger nói. "Nhất định thế".
Kettering gật đầu: "Toi cũng nghĩ vậy. Vậy ta bắt tay vào làm thôi. Chúng ta sẽ đưa chuyện này vào bản tin tối nay".
"Còn một việc nữa", Mony bảo. "Cokie phát hiện ra nó ở ngoài kia".
Lần này đến lượt cô gái tóc hung xinh đẹp dẫn đường. Cô đưa họ tới một bụi cây cách xa ngôi nhà chính và căn nhà phụ, và giải thích: "Cách đây không lâu, có người đã đào bới chỗ này. Sau đó họ cố lấp đất cho phẳng nhưng không được. Cỏ vẫn còn chưa kịp mọc lại".
Cooper bảo: "Hình như họ hất đất lên và chôn vật gì đó, cho nên không san phẳng được".
Mọi ngươi đưa mắt nhìn nhau, Cooper có vẻ bồn chồn còn Jaeger ngoảnh nhìn chỗ khác. Nếu chôn, thì chôn cái gì? Xác một người hay nhiều người? Mọi người có mặt đều nghĩ rất có khả năng xảy ra chuyện đó.
Jaeger nói, vẻ do dự: "Chúng ta phải báo cho FBI chuyện này. Có thể chúng ta nên chờ và để họ…".
Sở dĩ anh nói như vậy, vì sau Bản tin chiều thứ sáu, giám đốc FBI ở Washington đã gọi điện cho Margot Lloyd Mason, cực lực phản đối việc CBA không báo cho FBI biết ngay các sự kiện mới. Một số người ở CBA coi việc đó là nghiêm trọng, có lẽ do tin rằng tổ chức của bà có thể chống chọi được bất cứ sức ép nào của chính quyền và không có chuyện phải ra hầu toà. Bà chỉ báo cho Les Chippingham biết là có chuyện như vậy. Đến lượt ông chủ tịch Ban tin cảnh tỉnh Nhóm

đặc nhiệm là cần cho giới chức giữ gìn luật pháp biết tin, trừ phi có lý do bắt buộc để không làm như vậy.
Rõ ràng, vì có những bằng chứng hiển nhiên ở Hackensack liên quan đến vụ bắt cóc, FBI cần được thông báo về phát hiện này, chắc chắn phải trước buổi phát tin tối nay. "Nhất định phải báo FBI rồi", Kettering nói. "Nhưng trước tiên tôi muốn xem liệu có gì chôn dưới này không".
"Có mấy chiếc xẻng chỗ lò sưởi". Mony nói.
"Cậu lấy lại đây", Kettering bảo cậu ta. "Chúng ta đều khoẻ chân mạnh tay cả. Hãy đào lên xem sao".
Một lát sau, mọi người thấy chỗ họ đào không phải là mồ chôn người, mà là chỗ chứa các thứ những người thuê nhà vừa rồi vứt đi và có lẽ muốn giấu kín. Có vài thứ vô thưởng vô phạt như đồ ăn, quần áo, các thứ dùng trong nhà tắm và báo chí. Các thứ khác có ý nghĩa hơn như thuốc men mới đưa tới, bản đồ, một vài cuốn sách bìa mỏng bằng tiếng Tây Ban Nha, và các đồ sửa xe.
"Chúng ta biết bọn chúng có cả một đội xe tải và xe con", Jaeger nói. "Có thể FBI sẽ tìm ra chúng dùng những thứ này vào việc gì, nếu lúc này điều đó còn có ích". "Tôi thấy những thứ này không có thể giúp ích gì vào lúc này" Kettering phán. "Thôi, ta đi đi".
Trong khi họ đào bới, đội quay bắt đầu làm việc, trước tiên họ thu tiếng Cokie Vale tả lại việc cô tìm kiếm các mục quảng cáo thế nào, và tại sao họ lại tìm đến được ngôi nhà ở Hackensack. Trước ống kính máy quay, cô hành động rất tự nhiên, diễn đạt mạch lạc và tiết kiệm lời. Sau đó cô thú nhận đó là lần đầu tiên cô xuất hiện trên truyền hình. Song những người quan sát cô thì cảm thấy đó sẽ không phải là lần cuối cùng.
Mọi người thấy Jonathan Mony cũng đang được thu hình và đã mô tả lại căn phòng trên tầng hai là nơi chắc chắn bọn bắt cóc đã giam giữ ba nạn nhân. Cậu cũng gây được ấn tượng mạnh mẽ.
"Nếu cố gắng này của chúng ta chẳng thu được gì thêm", Jonathan nói với Don Kettering, "ít ra nó cũng giúp ta phát hiện được những khả năng mới".
Sau khi từ trong nhà ra, Mony lại leo xuống hố đào tiếp thì Kettering quyết định thôi. Lúc sắp sửa trèo lên, Mony cảm thấy giẫm lên vật gì đó cưng cứng, liền lấy xẻng đào thử. Một lúc sau, cậu lôi ra được một vật, liền gọi: "Các anh nhìn này!".
Đó là chiếc máy điện thoại di động bọc trong vải.
Đưa chiếc điện thoại cho Cooper, Mony bảo: "Tôi nghĩ dưới ấy còn nữa".
Không phải chỉ một, cậu còn tìm thêm được bốn cái. Họ đặt tất cả sáu chiếc cạnh nhau.
"Bọn thuê chỗ này không phải là thiếu tiền", Cokie nhận xét. "Có thể là tiền do buôn bán ma tuý; dẫu sao chúng cũng có nhiều đấy". Don Kettering nói với cô ta. Anh nhìn mấy cái máy với vẻ suy nghĩ. "Nhưng có thể, chỉ là có thể thôi nhé, là chúng ta sẽ lần ra được".
Jaeger hỏi: "Họ có hồ sơ lưu về tất cả các máy điện thoại di động không?".
"Có chứ", Kettering, vốn là phóng viên phụ trách mảng tin kinh doanh, mới đây vừa viết một bài dài về thị trường điện thoại không dây di động đang phát đạt, trả lời chắc như đinh đóng cột. "Họ còn vô khối hồ sơ lưu, kể cả tên người đặt điện thại loại thông thường, cùng địa chỉ gữi hoá đơn thanh toán. Dùng máy loại này, nhất định bọn chúng phải có kẻ đồng loã ở địa phương". Anh quay sang nói với Cooper "Teddy, trên mỗi máy sẽ có ghi số hiệu của vùng, sau đó là số máy thường dùng như máy ở nhà hoặc ở văn phòng vậy".
"Tôi hiểu rồi", Cooper trả lời. "Anh có muốn tôi ghi lại các số ấy không?".

“Vâng”.
Trong khi Cooper thử quay số, họ tiếp tục quay ngôi nhà chính và các nhà phụ. Phóng viên đưa tin tại chỗ là Kettering. Anh đứng trước ống kính và nói:
Có thể có người cho rằng việc tìm ra chỗ ẩn náu ở Mỹ mà bọn bắt cóc đã bỏ, vào lúc này là quá ít và quá muộn. Có thể là như vậy. Nhưng rồi đây FBI và những người khác sẽ sàng lọc những bằng chứng tìm được ở đây, trong khi cả thế giới sẽ nóng lòng theo dõi và tiếp tục hy vọng.
Don Kettering hãng CBA, Hackensack, New Jersey.
Trước khi ra về, họ ghé vào trụ sở cảnh sát địa phương, yêu cầu họ báo tin cho FBI.

* * *

Ngay cả trước khi Bản tin chiều toàn quốc được phát, Kettering vẫn còn gọi điện cho một người bạn có vai vế trong NYNEX, là công ty quản lý toàn bộ hệ thống điện thoại ở New York và New Jersey. Cầm bản danh sách các số máy mà Teddy Cooper ghi lại, Kettering giải thích rõ điều anh muốn biết là tên và địa chỉ của (những) người thuê bao những máy này, cùng với danh sách những lần gọi đi hoặc gọi tới những số máy ấy trong hai tháng vừa qua.
Bạn anh, phó chủ tịch điều hành của công ty nói với anh: “Tất nhiên anh thừa biết, cho anh những thông tin đó không những là vi phạm quyền riêng tư của mỗi người, mà còn là hành động phạm pháp và tôi có thể mất việc. Nếu như anh là một nhân viên điều tra và có giấy tống đạt của toà thì lại là chuyện khác”.
“Cái đó thì tôi không có và không thể có đâu”, Kettering trả lời. “Nhưng tôi dám đánh cuộc là ngày mai thế nào FBI cũng sẽ yêu cầu cung cấp những thông tin đó, và chắc chắn họ sẽ có. Tôi muốn biết câu trả lời trước họ”.
“Ôi, lạy Chúa! Tại sao tôi lại giao du với một nhân vật như anh cơ chứ?”.
“Tại anh hỏi tôi mới nhớ là anh cũng đã nhờ CBA giúp đỡ một đôi lần và tôi đã giúp anh. Thôi nào! Chúng ta tin nhau từ hồi ở trường thương mại đến giờ và có bao giờ phải hối tiếc vì chuyện đó đâu”.
Có tiếng thở dài ở đầu dây bên kia. “Cho tôi những số máy chết tiệt ấy!”.
Sau khi Kettering đọc số máy, bạn anh nói tiếp: “Anh nói ngày mai FBI sẽ hỏi. Tức là anh muốn biết câu trả lời ngay tối nay?”.
“Đúng vậy, nhưng tốt nhất là trước mười hai giờ. Anh có thể gọi số máy ở nhà tôi. Anh có đấy chứ?”.
“Thật không may, tôi lại có”.
Bạn anh gọi lại lúc mười hai giờ kém mười lăm. Don Kettering ở lại làm việc rất muộn ở CBA, vừa mời về tới nhà ở phố Bảy mươi bảy khu Đông, Aimee vợ anh, nghe máy, rồi đưa ống nghe cho anh.
“Tôi theo dõi mục tin tối nay của anh”, anh bạn ở NYNEX bảo anh. “Tôi chợt nghĩ những số của máy mà anh đưa tôi là số máy bọn bắt cóc sử dụng”.
“Có vẻ là vậy”. Kettering thừa nhận.
“Nếu đúng thế, ước gì tôi giúp anh được nhiều hơn. Song lúc này không nhiều lắm đâu. Trước hết, các số máy trên đều đứng tên một người là Helga Efferen. Tôi có cả địa chỉ”.
“Chắc không phải địa chỉ mới – Cô gái đó chết rồi. Bị giết. Tôi hy vọng cô ta không còn nợ nần gì anh chứ?”.

“Lạy Chúa! Bọn phóng viên các anh máu lạnh thật đấy”. Ngừng một lát, anh ta nói tiếp: “Về chuyện tiền nong, thực ra lại ngược lại. Sau khi thuê bao các số này, người nào đó đã trả trước vào tài khoản mỗi máy năm trăm đôla, tổng cộng sáu mày là ba ngàn đôla. Chúng tôi không đòi hỏi, nhưng trong tài khoản ghi là tiền đặt cọc”.
Kettering bảo: “Tôi đoán những người sử dụng máy không muốn công ty gửi hoá đơn đòi thanh toán, hoặc hỏi han lôi thôi trước khi họ an toàn rời khỏi nước này”.
“Lý do gì đi nữa, phần lớn số tiền vẫn còn ở đó. Họ mới dùng chưa hết một phần ba, bởi vì chỉ có sáu máy đó gọi cho nhau, chứ không gọi máy nào khác, trừ một lần duy nhất. Các máy trong khu vực gọi cho nhau đều phải trả tiền, nhưng không nhiều như lần gọi ấy”.
“Tất cả cho thấy bọn bắt cóc có tổ chức và kỷ luật”, Kettering xác nhận. “Nhưng anh bảo trừ có một lần?”. “Đúng thế, vào hôm mười ba tháng mười, gọi điện quốc tế trực tiếp qua Peru”.
“Đó là ngày trước hôm xảy ra vụ bắt cóc. Anh có số máy đó không?”.
“Tất nhiên có. Đó là 001, tức là số xin đăng ký gọi quốc tế; 51 là số ký hiệu Peru, rồi 14-28-9427. Các nhân viên nói với tôi số 14 là Lima. Còn chính xác là ở đâu thì anh phải tự tìm lấy”.
“Nhất định rồi. Cám ơn anh!”.
“Hy vọng thông tin của tôi giúp ích anh phần nào. Chúc anh may mắn”.
Mấy phút sau, xem trong sổ tay, Kettering gọi điện thoại theo số 011-51-14-44-1212.

Vừa nghe đầu kia trả lời: “Buenas tardes, khách sạn Cesar”, Kettering bảo: “Cho tôi nói chuyện với ông Harry Partridge”.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 8

Đối với Partridge, hôm đó thật là một ngày buồn chán. Anh cảm thấy mệt mỏi, và khi trở lại phòng ở khách sạn, anh đi nằm ngay trước mười giờ. Song đầu óc anh vẫn quay cuồng với bao ý nghĩ, anh suy ngẫm về trường hợp Peru.

Đất nước này là một nghịch lý, một sự pha trộn không ăn nhập giữa chế độ độc tài quân sự và nền dân chủ tự do. Ở hầu hết những vùng xa xôi của nước cộng hoà này, giới quân sự và cái gọi là cảnh sát chống khủng bố cai trị với bàn tay sắt, và thường bất chấp luật pháp. Như các cuộc điều tra độc lập thường cho thấy, chúng giết người vô tội vạ, sau đó gán cho các nạn nhân cái tên "phiến quân" mặc dù họ không phải như vậy.

Một tổ chức nhân quyền của Mỹ là American Watch đã làm một việc Partridge cho là rất đáng ca ngợi là tìm ghi lại "một loạt những vụ hành quyết không cần xét xử, bắt bớ tuỳ tiện và tra tấn", điều là "đặc trưng" của chiến dịch chống bạo loạn của chính phủ.

Mặt khác, tổ chức American Watch cũng không tha bọn phiến loạn. Theo một số báo cáo mới công bố gần đây, đang để ngay cạnh chỗ anh nằm, Sendero Luminoso đã "giết hại một cách có hệ thống những dân thường vô phương tự vệ, đánh bom, gây nguy hại đến tính mạng của khách qua đường vô tội, và tấn công các mục tiêu quân sự mà không hạn chế đến mức tối thiểu mối nguy hiểm đối với dân thường, tức là "vi phạm hầu hết các nguyên tắc cơ bản của luật nhân đạo quốc tế".

Nói đến nước này, nhìn chung mọi người cho rằng "Peru hiện có một ưu thế đáng buồn là được kể là một trong những nơi bạo loạn và nguy hiểm nhất ở Mỹ La tinh".

Kết luận không tránh khỏi, được các nguồn khác xác nhận, là khi nói về việc giết người vô tội vạ và các hành động man rợ khác, bọn phiến loạn và quân chính phủ cũng chẳng khác nhau mấy".

Nhưng đồng thời, các yếu tố dân chủ mạnh mẽ vẫn tồn tại ở Peru, tồn tại thực sự chứ không phải chỉ bề ngoài như đôi khi các nhà phê phán nước này vẫn nói. Thí dụ như tự do báo chí, một truyền thống hình như đã ăn sâu bám rễ từ lâu. Chính nhờ thứ tự do này mà Partridge và các phóng viên nước ngoài khác có thể đi lại, gặp gỡ hỏi chuyện, điều tra thăm dò, rồi đưa bất cứ tin tức nào họ muốn, mà không sợ bị trục xuất hoặc trả thù. Thực tế, cũng có một vài trường

hợp ngoại lệ, nhưng cho đến nay xem ra cũng rất hiếm và chỉ là những trường hợp cá biệt.

Hôm nay, trong cuộc phỏng vấn tướng Raul Ortiz tư lệnh cảnh sát chống khủng bố, Partridge đã gần như đề cập tới chủ đề này. "Ngài không lấy làm lo ngại", anh hỏi viên tướng mặc thường phục, ngồi thẳng lưng và không bao giờ mỉm cười này, "trước rất nhiều tin tức có trách nhiệm về các nhân viên của ngài có những hành động tàn ác và giết người bất hợp pháp sao?".
"Tôi sẽ lo lắng hơn" Ortiz đáp với giọng khinh khỉnh, "nếu những người của tôi bị giết hại, mà chắc chắn sẽ như vậy, nếu họ không tự bảo vệ mình trước bọn khủng bố, mà ông cũng như những người khác tỏ ra rất quan tâm. Còn về những tin tức sai lệch trên, nếu chính phủ chúng tôi cấm không cho lưu hành, những người như ông hẳn sẽ làm toáng lên và rêu rao mãi. Vì vậy tốt hơn là nên đưa tin vặt trong ngày, mà hai mươi bốn giờ sau người ta quên luôn".

Partridge yêu cầu phỏng vấn Ortiz, dù không tin là sẽ khai thác được gì nhiều, song có thể giúp anh một số thông tin nào đó. Thông qua Bộ Nội vụ, người ta sắp xếp ngay cuộc gặp, nhưng từ chối việc phỏng vấn thu hình. Trước khi được phép vào văn phòng ông tướng cảnh sát, họ khám người Partridge, bắt để lại chiếc ghi âm nhỏ anh mang theo trrong túi và định xin phép được dùng. Tuy nhiên, họ không nhắc gì đến việc đây là cuộc nói chuyện không chính thức và viên tướng không phản đối việc anh ghi chép nội dung trao đổi.

Văn phòng tường lát gỗ, trông rất khiêm tốn của tướng Ortiz cũng giống như vô vàn văn phòng khác trong toà nhà cổ, tường trát xi mặng đồ sộ ở trung tâm Lima. Một nửa toà nhà trước đây được dùng làm nhà giam, có tường bao bọc xung quanh. Trước khi vào được bên trong, phải qua cuộc khám xét của nhiều tốp lính gác đầy vẻ nghi kỵ. Trên chiếc sân bên trong khu tường, Partridge đi ngang qua những chiếc xe bọc sắt và những chiếc xe tải có trang bị vòi rồng chống bạo loạn. Trong khi nói chuyện với Ortiz, Partridge biết rằng ở dưới hầm toà nhà họ đang ngồi có nhiều khu buồng giam, là nơi tù nhân thường bị giam giữ hai tuần không được tiếp xúc gì với bên ngoài, và thường bị hỏi cung và tra tấn.

Ngay từ đầu cuộc phỏng vấn tướng Ortiz, Partridge đã hỏi ngay vấn đề anh quan tâm hàng đầu là cảnh sát chống khủng bố có biết người nhà Sloane bị bắt cóc hiện đang ở đâu không.

"Thế mà tôi lại nghĩ ông tới đây để cho tôi biết điều đó, vì từ khi đến nước này, ông đã gặp gỡ rất nhiều người", viên tướng cảnh sát trả lời. Partridge nghĩ: đó vừa là lời thú nhận, vừa là lời cảnh cáo không cần tế nhị lắm, cho thấy mọi hoạt động của anh đều bị theo dõi. Anh cũng đoán rằng, dù là có tự do báo chí đi nữa, chính quyền Peru chắc sẽ theo dõi và ghi lại các tin của CBA và các hãng truyền qua vệ tinh về New York.

Khi Partridge tuyên bố mặc dù cố gắng tìm kiếm, anh vẫn không có được tin tức gì về nơi giam giữ các con tin Mỹ, Ortriz nói: "Như vậy hẳn là ông biết Sendero Luminoso kẻ thù của đất nước này, ranh ma kín tiếng đến mức nào rồi chứ? Và chắc ông cũng hiểu đất nước chúng tôi khác xa đất nước các ông, với nhiều vùng rộng đủ sức giấu kín nhiều đạo quân. Nhưng có, chúng tôi có biết nơi các bạn ông có thể bị giam giữ, và lực lượng cảnh sát đang truy tìm ở những nơi đó".
"Ông có thể cho biết vùng nào không?", Partridge hỏi.

“Tôi không nghĩ làm thế là khôn ngoan. Dù sao đi nữa ông cũng không thể tới đó một mình được. Hoặc giả ông cũng có kế hoạch như vậy chăng?”.

Mặc dù anh có dự tính thế thực, anh vẫn trả lời là không.

Phần còn lại của buổi phỏng vấn vẫn diễn ra theo lối như vậy; cả hai bên đều không tin gì nhau và chơi trò mèo vờn chuột, cố khai thác tin tức của người kia mà không lộ hết tin tức mình có. Tuy cả hai người cuối cùng chẳng ai thắng ai cả, song trong phần viết cho Bản tin chiều toàn quốc, Partridge có trích dẫn lời của tướng Ortoz về những “vùng rộng đủ sức giấu kín nhiều đạo quân” ở Peru và nhận xét trâng tráo của ông ta về cái gọi là những vi phạm nhân quyền chỉ là “tin vặt trong ngày, mà hai mươi bốn giờ sau người ta sẽ quên luôn”.

Vì không có ghi âm lời, New York phát ảnh tướng Ortiz, bên dưới hiện hàng chữ trích dẫn lời của ông ta. Tuy nhiên, Partridge không coi cuộc phỏng vấn ấy của anh là thành công. Cuộc phỏng vấn Cesar Acevedo, một bạn cũ của Partridge và là một người đứng đầu nhà thờ Thiên chúa giáo không có chân trong giáo hội cuối ngày hôm đó làm anh hài lòng hơn. Họ nói chuyện trong văn phòng riêng ở phía sau lâu đài của Tổng giám mục ở Plaza Armas, trung tâm chính của thành phố.

Acevedo là người nhỏ nhắn, nói nhanh và sôi nổi, trạc năm mươi tuổi. Ông có lòng tín ngưỡng sâu sắc và là một học giả về thần học. Ông dành cả thời gian tham gia quản lý nhà thờ, có khá nhiều quyền lực, nhưng chưa bao giờ có ý định trở thành cha cố. Bạn bè ông thường bảo, nếu muốn, ông ít nhất cũng có thể được phong chức giám mục và có thể cả chức giáo chủ.
Cesar Avevedo chưa từng lấy ai, nhưng luôn là nhân vật nổi tiếng trong các giới ở Lima.
Partridge mến Acevedo vì ông không làm vẻ khác người, khiêm tốn và hết sức chân thật. Trước đây, có lần Partridge hỏi tại sao ông không làm cha cố, ông trả lời: “Mặc dù hết lòng kính Chúa Jesus tôi không khi nào muốn từ bỏ quyền vận dụng tri thức để trở thành người theo chủ nghĩa hoài nghi, nếu thực phải thế, song tôi cầu Chúa cho điều đó đừng xảy ra. Nếu trở thành linh mục, tôi sẽ phải từ bỏ quyền đó. Từ khi còn trẻ, và bây giờ cũng vẫn vậy, tôi không bao giờ đủ can dảm làm điều đó”.
Acevedo là thư ký thường trực của Uỷ ban Hành động xã hội của Nhà thờ thiên chúa, tham gia vào các chương trình lớn giúp đỡ về mặt y tế cho các vùng xa xôi hẻo lánh, là nơi thường không có mặt các bác sĩ và y tá.
Vào đầu câu chuyện, Partridge đã hỏi ngay: “Tôi tin là đã nhiều lần ông phải giao thiệp với Sendero Luminoso?”.
“Anh dùng từ “phải giao thiệp” là đúng, ông mỉm cười đáp. “Tất nhiên, nhà thờ không tán thành mục đích và phương pháp của Sendero. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn tồn tại một quan hệ, nhưng là một quan hệ kỳ quặc”.
“Vì những lý do riêng”, ông giải thích, “Sendero Luminoso không muốn gây thù kết oán với nhà thờ và không mấy khi công kích nó. Nhưng nhóm phiến loạn này không tin các quan chức nhà thờ; vì vậy khi họ chuẩn bị các hoạt động chống chính quyền hoặc chuẩn bị nổi dậy ở đâu, họ muốn các linh mục và nhân viên khác của nhà thờ rời khỏi khu vực đó, để họ không thấy được các hoạt động ấy”.

Họ chỉ nói với vị linh mục hay nhân viên nhà thờ đơn giản là: “Các ông đi khỏi đây ngay! Chúng tôi không muốn các ông có mặt ở đấy! Chúng tôi sẽ báo khi nào các ông có thể trở lại”. “Và các vị linh mục đã làm theo lệnh ấy?”.
Acevedo thở dài. “Nghe có vẻ chẳng hay ho gì, đúng không? Nhưng thường là như vậy, vì không còn cách nào khác. Nếu không tuân lệnh, Sendero sẽ giết chết ngay. Một linh mục còn sống thì còn có thể trở lại giáo phận được, chứ linh mục chết thì không”.
Partridge chợt nảy ra một ý, liền hỏi: “Ngay lúc này, có nơi nào mà người của ông được lệnh đi nơi khác, hoặc Sendero Luminoso không muốn người ngoài chú ý không?”.
“Có một nơi như vậy, và nó là cả một vấn đề chúng tôi phải giải quyết. Anh lại đây! Tôi sẽ chỉ trên bản đồ cho anh”. Họ tới trước một bức tường, ở đó, đằng sau tấm bảng nhựa có vẽ các đường chì, là tấm bản đồ Peru rất lớn.
“Toàn bộ khu vực này” Acevedo chỉ một khu có khoanh chì đỏ thuộc tỉnh San Martin. “Trước đây khoảng ba tuần chúng tôi có một đội y tế thực hiện chương trình cứu trợ hàng năm của chúng tôi ở đây. Công việc chủ yếu của họ là tổ chức tiêm chủng cho trẻ em. Điều này rất quan trọng, vì vùng này là một bộ phận của Selva là nơi các chứng bệnh ở rừng hoành hành và có thể gây chết người. Thế rồi cách đây ba tuần, Sendero Luminoso là người kiểm soát vùng này yêu cầu người của chúng tôi phải đi ngay. Họ phản đối, nhưng vẫn phải đi. Bây giờ chúng tôi muốn đưa đội y tế trở lại, nhưng Sendero không cho”.
Partridge nghiên cứu khu vực khoanh đỏ. Anh cứ hy vọng vùng này nhỏ; thế nhưng nó lại rất rộng. Anh đọc các địa danh, nơi nọ cách nơi kia rất xa: Tocache Uchiza Sion, Nueva Esperanza, Pachiza. Anh ghi lại tên những nơi này, nhưng cũng chẳng hy vọng gì nhiều. Giả sử các con tin đang bị giam giữ ở một trong những nơi này, thì có vào mà không biết chắc ở đâu cũng chẳng ích gì. Tiến hành giải thoát con tin ở một vùng như thế này là việc khó khăn, có lẽ không thể thực hiện được. Cơ hội duy nhất, mà cũng rất mỏng manh, là phải hết sức bất ngờ.
“Tôi ngờ rằng tôi biết anh đang nghĩ gì”, Acevedo nói “Anh đang tự hỏi không biết các bạn anh bị bắt cóc hiện đang ở đâu trong vòng tròn đỏ ấy”.
Partridge gật đầu không nói gì.
“Tôi không tin là họ ở đấy. Nếu có, tôi cho rằng thể nào cũng có tin đồn. Mà tôi chưa nghe thấy ai đồn đại. Nhưng nhà thờ chúng tôi cũng có một hệ thống đầu mối. Tôi sẽ thử dò hỏi, và sẽ báo lại anh nếu tôi biết được gì”.
Partridge biết đó là cách có hy vọng nhất. Song anh biết thời gian không còn nhiều nữa, mà anh vẫn không biết gì hơn khi anh mới tới, về nơi ba người nhà Sloane đang bị giam giữ.
Khi còn ở lâu đài của Tổng giám mục, anh cứ bứt rứt mãi với ý nghĩ ấy. Bây giờ trong khác sạn, nhớ lại câu chuyện ấy và các sự kiện khác trong ngày, anh cảm thấy chán chường và thúc thủ vì công việc không tiến triển được.
Bỗng điện thoại cạnh giường đổ chuông.
“Harry đấy à?”, Partridge nhận ra tiếng Don Kettering.
Sau khi chào nhau, Kettering bảo: “Một số việc vừa xảy ra và tôi nghĩ là anh cần phải biết”.
Rita, cùng ở khách sạn Cesar, nhấc máy sau hồi chuông thứ hai.
“New York vừa gọi điện cho tôi”, Partridge nói. Anh nhắc lại những gì Don vừa nói với anh về việc phát hiện ngôi nhà ở Hankensack cùng các máy điện thoại di động và nói thêm: “Don cho tôi số máy mà chúng đã gọi ở Lima. Tôi muốn tìm xem số máy đó của ai và ở đâu”. “Đưa tôi số điện thoại đó”, Rita bảo.

Partridge đọc: 28-9427.
“Tôi sẽ gọi cho tay Victo Velasco ở Entel và nhờ ông ta tìm giúp. Có tin gì, tôi sẽ gọi lại”.
Mười lăm phút sau, cô ta gọi lại. “Tôi đã điện thoại đến nhà Velasco. Ông ta nói bộ phận của ông không quản lý việc đó, nên tìm chắc cũng hơi khó. Tuy nhiên, ông ta cho là từ giờ đến sáng mai có thể tìm ra được”.
“Cảm ơn chị” Partridge nói và ngay sau đó ngủ thiếp đi.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 9

Mãi tới tận chiều thứ tư mới xác định được số điện thoại ở Lima mà Don Kettering cung cấp. Ông giám đốc bộ phận quốc tế của Entel Peru cứ phân trần mãi về việc chậm trễ ấy. "Tất nhiên đây là những dữ kiện không được phép phổ biến", ông ta giải thích với Partridge và Rita trong phòng biên tập của CBA ở Entel, sau khi hai người đã làm việc với biên tập viên Bob Watson về một bản tin khác gửi New York.
"Tôi phải thuyết phục mãi một đồng nghiệp của tôi mới chịu cho biết thông tin này đấy", Velasco tiếp tục giải thích.
"Bằng tiền chứ gì?", Rita hỏi, và khi ông ta gật đầu, cô ta nói: "Chúng tôi sẽ hoàn lại ông".
Thông tin đó được ghi trên một mảnh giấy xé từ sổ ghi: Canderon G-547, phố Huancavelia, 10F. "Chúng tôi cần gặp Fernandez", Partridge nói.
"Anh ta đang trên đường tới đây", Rita thông báo, và chỉ ít phút sau, anh chàng da ngăm đen, cao to lừng lững đã xuất hiện. Anh ta vẫn làm việc với Partridge và Minh Văn Cảnh từ khi hai người đến sân bay Lima, và hiện giờ đang phụ giúp Rita rất nhiều việc.

Fernandez Pabur gật đầu lia lịa khi nghe địa chỉ ở phố Huancavelia và hiểu tại sao việc đó lại quan trọng. "Tôi biết chỗ ấy. Đó là một ngôi nhà cũ nhiều phòng ở gần ngã tư Avenida Tacna, và chắc các ông không thể coi là…". Anh ta cố tìm từ tiếng Anh, "giống như lâu đài được".
"Nó thế nào cũng được", Partridge bảo anh ta. "Bây giờ tôi muốn tới đó". Anh quay sang Rita, "Tôi muốn chị, Minh và Ken cùng đi, nhưng lúc đầu hãy để mình tôi vào xem thế nào…".
"Một mình không được", Fernandez phản đối. "Ông có thể bị trấn lột, có thể còn tệ hại hơn nữa. Tôi và Tomas sẽ cùng vào với ông". Lúc này họ mới biết anh chàng vệ sĩ lầm lỳ, vạm vỡ ấy tên là Tomas.
Chiếc xe hòm Fernandez thuê, hiện họ rất hay phải dùng đến nó, đang đậu ở bên ngoài toà nhà của hãng Entel. Xe hơi chật, vì có tới bảy người kể cả lái xe, song đoạn dường xe chạy mất có mười phút. "Nó kia", Fernandez nói, chỉ tay qua cửa sổ.

Avenida tacna là một dường lớn, xe cộ qua lại nhiều; phố Huancavelia nằm vuông góc với nó. Tuy không đến nỗi như khu ổ chuột, khu này rõ ràng hoang tàn đổ nát. Số 547 phố Huancavelia là một toà nhà rộng, xám xịt, tường xiêu vách lở. Một đám đàn ông, kẻ ngồi ở rìa tam cấp, người đứng thơ thẩn nhìn khi Partridge, Fernandez và Tomas từ trong xe bước ra; Rita, Minh Văn Cảnh và kỹ thuật viên âm thanh Ken O'Hara ngồi lại cùng người lái.

Bắt gặp những ánh mắt dò xét, thiếu thiện cảm của đám người, Partridge mừng là Fernandez

đã nhất định không để anh vào đó một mình.

Vào bên trong, mùi nước tiểu và mùi thối xộc lên mũi họ. Rác rưởi được vứt ngay trên sàn. Biết trước là thang máy không hoạt động, họ không còn cách nào khác là cuốc bộ chín cầu thang xi măng cáu bẩn.

Phòng F nằm ở cuối hành lang không trải thảm tối mò. Partridge gõ vào cánh cửa sơ sài. Anh nghe thấy tiếng động trong nhà, nhưng không có ai ra mở cửa nên lại gõ tiếp. Lần này, cánh cửa chỉ mở hé rồi dừng lại vì sợi xích móc phía trong. Ngay lúc đó, giọng phụ nữ la hét om xòm bằng tiếng Tây Ban Nha; bà ta nói quá nhanh, Partridge chỉ nghe được mấy chữ "animales!... Asesinos! Diablos!". (1)

Anh cảm thấy ai đó nắm tay anh và thấy dáng to bè của Fernandez bước lên trước. Ghé mồm sát khe cửa, Fernandez cũng nói nhanh không kém, nhưng với giọng dịu dàng, có vẻ biết điều. Nghe anh nói, giọng người kia ngập ngừng rồi im bặt; bà ta tháo xích và mở rộng cửa.
Người đàn bà đang đứng trước mặt họ có lẽ vào khoảng sáu mươi. Thuở xa xưa, chắc bà cũng đẹp, song thời gian và cuộc sống gian khổ đã làm bà tiều tuỵ và thô lỗ, da xù xì, tóc bù xù và nhuộm đủ màu. Dưới cặp lông mày mảnh kẻ chỉ là đôi mắt đỏ, sưng mọng vì khóc lóc, than vãn, và khuôn mặt bự phấn. Fernandez bước qua trước mặt bà ta, những người khác theo sau. Một lát sau, bà ta đóng cửa, rõ ràng là cảm thấy an tâm.

Partridge liếc nhanh quanh phòng. Họ đang ở trong căn phòng nhỏ, đồ đạc sơ sài gồm mấy cái ghế gỗ, một chiếc xôpha đã rách, chiếc bàn bừa bộn và cái giá sách bằng gạch lát ván không theo kiểu cách nào cả. Điều ngạc nhiên là trên giá lại đầy những tập sách dày.

Fernandez quay sang nói với Partridge "hình như mới cách đây khoảng mấy giờ, người đàn ông cùng ở với bà ta đã bị sát hại. Lúc ấy bà ta ra ngoài, và khi về phòng thì thấy ông ta đã chết. Cảnh sát đã mang xác ông ta đi. Bà ta tưởng chúng ta là bọn đã giết ông ta, bây giờ quay lại giết nốt bà. Tôi đã làm bà tin chúng ta là bạn của bà". Anh nói lại với người đàn bà ấy, và bà ta nhìn sang Partridge.

Partridge an ủi bà: "Chúng tôi thực sự đau lòng nghe tin bạn bà đã chết. Bà có nghĩ ai đã giết ông ta không?".
Người đàn bà lắc đầu, lầm bầm điều gì đó, Fernandez nói: "Bà ta biết rất ít tiếng Anh", và dịch cho bà ta; "Lo sentimos cucho la muerte de su amigo, Sabe Ud, quien lo mato?".
Người đàn bà gật đầu rất mạnh, mồm tuôn ra một tràng mà cuối cùng là chữ "Sendero Luminoso".

Câu trả lời xác nhận điều Partridge trước đây đã lo kẻ họ hy vọng sẽ gặp, dù là hạng người nào, chắc chắn có quan hệ với Sendero. Nhưng bây giờ thì đành chịu. Vấn đề là: người đàn bà này có biết gì về những người bị bắt cóc không? Xem ra khó có khả năng đó.

Bà ta lại nói, lần này đỡ nhanh hơn, nên Partridge hiểu được. Anh nói với Fernandez: "Có,

chúng tôi muốn được ngồi, và hãy bảo bà ta là chúng ta sẽ rất biết ơn nếu bà có thể trả lời một số câu hỏi".
Fernandez nhắc lại yêu cầu của anh; bà ta trả lời và anh dịch lại: "Bà ta nói là được, nếu bà biết. Tôi nói cho bà ta biết ông là ai, nhân thể nói luôn, tên bà ta là Dolores. Bà cũng hỏi ông muốn uống chút gì không?" "No! Gracias" (2) Partridge trả lời. Bà ta gật đầu, bước tới bên giá, rõ ràng định lấy rượu cho mình. Nhưng khi nhấc chai rượu "gin", bà thấy là chai không. Bà có vẻ sắp khóc, rồi lẩm bẩm điều gì đó và ngồi xuống.

Fernandez nói lại: "Bà ta bảo không biết sẽ sống thế nào. Bà ta không có tiền".
Partridge nói trực tiếp với Dolores: "Le dare dinero si Ud, tiene information que estoy huscando" (3).

Nghe nói đến tiền, Dolores trao đổi rất nhanh với Fernandez và anh này dịch lại: "Bà nói ông hãy hỏi đi".
Partridge quyết định không dùng cái vốn tiếng Tây Ban Nha ít ỏi của mình, mà tiếp tục để Fernandez dịch. Anh hỏi và bà ta trả lời.
"Ông bạn bị giết của bà làm nghề gì?".
"Ông ấy là bác sĩ. Bác sĩ đặc biệt".
"Bà muốn nói là chuyên gia?".
"Ông ấy làm người khác ngủ"
"Bác sĩ gây mê phải không?".

Dolores lắc đầu, không hiểu. Sau đó bà ta đến chỗ tủ, thò tay vào bên trong và lôi ra một chiếc valy nhỏ đã sờn. Mở nắp vali, bà lôi ra một tập giấy và lần giở các trang văn bằng y khoa. Tờ thứ nhất ghi Hartley Harold Gossage, tốt nghiệp khoa bác sĩ trường đại học Boston được phép hành nghề thuốc. Văn bằng thứ hai chứng nhận Hartley Harold Gossage là một "chuyên gia gây mê đủ tiêu chuẩn".
Partridge làm hiệu hỏi anh có thể xem các giấy tờ khác được không? Dolores gật đầu đồng ý.

Một vài tài liệu có vẻ chỉ liên quan đến các vấn đề chuyên môn thuần tuý, không có gì đáng chú ý. Tờ thứ ba là thư viết trên giấy có tiêu đề "Hội đồng đăng ký giấy phép hành nghề thuốc ở Massachusetts gửi ông "H.H. Gossage bác sĩ y khoa", trong đó viết: "Chúng tôi báo để ông biết ông bị cấm suốt đời không được hành nghề bác sĩ…".

Partridge đặt lá thư xuống. Anh hình dung sự việc rõ ràng hơn. Người đàn ông sống ở đây, có tin đã bị giết chết, có thể chính là Gossage bác sĩ gây mê người Mỹ ô danh, đã bị cấm hành nghề, kẻ có quan hệ với Sendero Luminoso. Về mối quan hệ này, Partridge cho rằng các nạn nhân của vụ bắt cóc đã được đưa khỏi Mỹ trong trạng thái bất tỉnh, có thể do thuốc mê hoặc thuốc ngủ. Thực ra, khi anh nghĩ đến điều này, những phát hiện ở ngôi nhà Hackensack mà Don Kettering cho anh biết ngày hôm qua đã xác nhận điều anh nghĩ. Vì vậy, có khả năng là Gossage vốn là bác sĩ, đã tiến hành việc gây mê. Nghĩ đến đó, mặt anh đanh lại. Anh thầm ước giá anh có thể mặt đối mặt với kẻ ấy khi hắn còn sống.

Những người khác đang theo dõi nét mặt của anh. Với sự giúp đỡ của Fernandez anh tiếp tục hỏi Dolores.
"Bà nói Sendero Luminoso giết ông bạn bác sĩ của bà. Tại sao bà lại nghĩ như vậy?".
"Vì ông ấy làm việc cho bọn con hoang này". Bà ngập ngừng, rồi nhớ lại. "Sendero đặt cho ông ấy cái tên mới là Baudelio".
"Làm sao bà biết điều đó?".
"Ông ấy nói với tôi".
"Ông ấy có kể cho bà nghe về những việc ông ta làm cho Sendero không?".
"Cũng có, nhưng ít thôi". Nụ cười yếu ớt vụt tắt. "Vào những khi chúng tôi cùng uống rượu với nhau đến say mềm".
"Bà có nghe nói về vụ bắt cóc không? Các báo đều đưa tin cả".
Dolores lắc đầu: "Tôi không đọc báo. Những gì họ đưa toàn là chuyện dối trá".
"Gần đây Baudelio có đi đâu khỏi Lima không?".
Bà ta gật liên tục. "Đi lâu lắm. Tôi rất nhớ ông ấy". Bà ngập ngừng, rồi tiếp "ông ấy gọi điện thoại cho tôi từ Mỹ".
"Chúng tôi biết". Mọi việc đều ăn khớp với nhau, Partridge nghĩ. Baudelio chắc phải có mặt tại nơi xảy ra vụ bắt cóc. Anh hỏi qua Fernandez "Ông ta trở về đây khi nào?".
Dolores ngẫm nghĩ trước khi trả lời: "Cách đây một tuần. Về đến nhà, ông ấy rất mừng. Ông ấy cũng sợ bị giết chết".
"Ông ta có nói tại sao không?".
Dolores ngẫm nghĩ. "Tôi nghĩ ông ấy nghe lỏm được điều gì đó, về việc ông ấy đã biết quá nhiều…". Bà ta bắt đầu sụt sịt. "Chúng tôi cùng sống với nhau rất lâu. Tôi sẽ sống sao đây?".
Còn một vấn đề quan trọng nữa. Partridge cố tình chưa hỏi, và hầu như sợ phải hỏi: "Giữa khoảng thời gian ở Mỹ rồi trở lại đây, có lúc nào ông ta ở Peru không?".
Dolores gật đầu.
"Ông ta có nói với bà là ở đâu không?".
"Có. Ở Nueva Esperanza".
Partridge không dám tin: điều anh không hề hy vọng thì đột nhiên lại tìm ra. Tay anh run run khi lật các trang sổ tay tìm lại chỗ ghi cuộc phỏng vấn Cesar Acevedo và tên những nơi Sendero Luminoso đã ra lệnh đuổi các đội y tế thuộc nhà thờ Thiên chúa giáo. Anh thấy ngay cái tên Nueva Esperanza.
Anh đã tìm ra. Cuối cùng anh đã biết Jessica, Nicky và Angus bị giam giữ ở đâu.

* * *

Trước hết và trên hết anh vẫn là phóng viên đưa tin truyền hình; anh tự nhắc mình như vậy khi cùng Rita, Minh và O'Hara bàn những cảnh cần quay, gồm Dolores, căn phòng và mặt ngoài ngôi nhà. Tomas được phái xuống đưa ba người lên; lúc này tất cả đang ở trên tầng thứ mười của ngôi nhà.

Partridge muốn quay cận cảnh cả hai văn bằng y khoa và lá thư từ Massachusetts kết thúc cuộc đời bác sĩ của Gossage còn gọi là Baudelio. Tay cựu bác sĩ người Mỹ đã xuống mồ, song

Partridge muốn tội ác của hắn đối với gia đình Sloane được ghi lại vĩnh viễn.

Tuy nhiên, dù vai trò rõ ràng của Baudelio rất quan trọng đối với toàn bộ đoạn tin, Partridge hiểu rằng tiết lộ điều đó vào lúc này có thể là một sai lầm, dễ làm cho người khác nghĩ nhóm làm tin của CBA có được những thông tin chỉ riêng họ biết. Song anh muốn đoạn băng về Baudelio quay sẵn, để khi thuận tiện, có thể đem sử dụng được ngay.
Dolores được quay cận cảnh; những lời bà nói bằng tiếng Tây Ban Nha sau sẽ được xoá đi, thay bằng phần dịch tiếng Anh. Sau khi quay hình, ghi tiếng xong, Fernandez bảo Partridge: "Bà ta nhắc là anh hứa sẽ cho bà ta tiền".

Partridge trao đổi với Rita; cô liền lấy ra một ngàn đôla Mỹ, gồm toàn tờ năm mươi đô. Trong những trường hợp như thế này, trả như vậy là quá hào phóng, song Dolores đã cung cấp những thông tin quan trọng, giúp anh khai thông bế tắc. Vả lại, Rita và Partridge cũng thấy tội nghiệp cho bà, và họ tin lời bà nói không biết gì về vụ bắt cóc, mặc dù bà gắn bó với Baudelio.

Rita bảo Fernandez: "Anh hãy giải thích rõ CBA không có lệ trả tiền cho người xuất hiện trong tin; vì thế, đây là tiền trả cho việc quay căn phòng và những thông tin mà bà ta cung cấp cho chúng tôi". Đó chỉ là cách phân biệt có tính chất ngữ nghĩa mà các hãng thường sử dụng để làm chính những điều họ nói họ không được làm, song New York yêu cầu các chủ nhiệm phải làm động tác đó.

Nhìn vẻ biết ơn của Dolores cũng thấy bà ta chẳng hiểu, mà cũng chẳng quan tâm đến lời giải thích ấy. Partridge tin là ngay khi họ rời khỏi nơi này, cái chai rượu "gin" không kia sẽ nhanh chóng được thay bằng một chai khác.

Bây giờ anh được tự do suy nghĩ về những điều chính yếu, là vạch kế hoạch cho chuyến đi của anh tới Nueva Esperanza để giải thoát con tin càng nhanh càng tốt. Nghĩ đến đó, anh thấy người phấn chấn; niềm say mê làm chuyện nguy hiểm nơi tên rơi đạn nổ ngoài chiến trường đang khuấy động trong anh.

Chú thích: 1 "Đồ súc vật! Quân giết người! Quân ma quỷ!"
2 Không! Cám ơn bà.
3 Tôi sẽ cho bà tiền nếu bà có tin tức mà tôi đang dò tìm

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 10

Trong suốt những ngày chờ đợi, ngày nào Crawford Sloane cũng bị thôi thúc bởi ý muốn gọi điện cho Harry Partridge ở Peru và hỏi: "Có tin gì mới không?". Song anh cố kìm lại, vì biết rằng, nếu có tin gì mới, anh cũng sẽ được thông báo ngay. Vả lại, anh cũng thấy điều quan trọng là để Partridge không bị phân tán tư tưởng và tự do làm theo cách của mình. Sloane vẫn tin ở Partridge hơn bất cứ ai khác, nếu người đó được phái sang Peru làm chuyện này.

Anh kìm mình không gọi cũng còn một lý do khác: Partridge là một người chu đáo; nhiều lúc đêm khuya hoặc sớm tinh mơ, anh ta đã ghé thăm Sloane ở Larchmont để thông báo cho anh về sự tiến triển của tình hình.

Nhưng đã mấy ngày không có điện từ Peru gọi về, và mặc dù thất vọng, Crawford Sloane nghĩ chắc không có tin gì mới để chuyển về. Song anh đã lầm.

Điều anh không biết, và không thể biết được là Partridge đã đi đến kết luận rằng, việc liên lạc giữa Lima và New York dù qua điện thoại, vệ tinh viễn thông hay bằng thư từ đều không còn bảo đảm an toàn nữa. Sau cuộc phỏng vấn tướng Ortiz trong đó ông tư lệnh cảnh sát chống khủng bố nói toạc ra rằng mọi hành động của Partridge đều bị theo dõi, anh cho rằng có thể chúng nghe trộm điện thoại và kiểm tra các thư từ của anh. Các buổi truyền qua vệ tinh ai cũng có thể ghi lại được, miễn là có thiết bị thích hợp, và dù có sử dụng đường điện thoại riêng cũng không đảm bảo bí mật.

Một lý do khác làm anh phải thận trọng là hiện giờ ở Lima, các phóng viên kéo đến rất đông, trong đó có cả các nhóm truyền hình từ các hãng khác, thi nhau đưa tin về vụ bắt cóc người nhà Sloane và săn tìm chứng cứ mới. Cho tới giờ, Partridge vẫn tránh không chạm trán với cánh báo chí, song vì CBA đã rất thành công trong các tin đưa, nên anh biết mọi người đang quan tâm đến việc anh đi đâu, và gặp gỡ những ai.

Vì những lý do trên, anh quyết định không thảo luận, nhất là qua điện thoại, việc anh tới căn phòng ở phố Huancavelia và những điều anh đã thu thập được. Anh ra lệnh cho các thành viên khác trong nhóm tuân thủ nguyên tắc ấy, đồng thời cũng báo trước là chuyến đi mà họ đang chuẩn bị tới Nueva Esperanza cần phải giữ tuyệt đối bí mật. Ngay cả CBA ở New York cũng phải đợi, họ sẽ báo sau.

Vì thế, vào buổi sáng thứ năm, ở New York, Crawford Sloane tới trụ sở CBA lúc mười một giờ kém năm, chậm hơn thường lệ một chút, vì biết rằng ngày hôm trước chưa có tin gì mới từ Lima.

Một nhân viên FBI còn trẻ tên là Ivan Ungar ngủ ở ngôi nhà Larchmont từ tối hôm trước, cfung đi với anh. FBI vẫn tiếp tục canh gác đề phòng âm mưu bắt cóc Sloane và có tin đồn các thành viên ở các hãng truyền hình khác cũng được bảo vệ như vậy. Tuy nhiên, vì biết bọn bắt cóc đã từng theo dõi cá cuộc nói chuyện điện thoại ở nhà Sloane liên tục hai mươi tư trên hai mươi tư tiếng, nên các máy điện thoại ở văn phòng làm việc đều bị cắt.

Nhân viên đặc biệt của FBI, Ortis Havelock, vẫn theo dõi vụ này, và sau khi phát hiện ra nơi ở cũ của bọn bắt cóc ở Hackensack hôm thứ ba, anh ta phụ trách cuộc tìm kiếm ở đây. Sloane được biết, một nơi khác được FBI chú ý là sân bay Teterboro, vì nó gần khu vực Hackensack. Hồ sơ về các chuyến bay xuất phát từ đây trong khoảng thời gian từ ngay sau vụ bắt cóc đến ngày được biết các nạn nhân đã ở Peru đang được rà soát. Nhưng công việc tiến triển chậm vì có quá nhiều chuyến bay như vậy trong mười ba ngày ấy.

Khi anh vào hành lang trầng chính của trụ sở Ban tin CBA, một lính gác mặc đồng phục chào anh cho có lệ, nhưng anh không thấy bóng dáng nhân viên cảnh sát thành phồ New York như vẫn thấy suốt hơn một tuần sau khi xảy ra vụ bắt cóc. Hôm nay, người ra vào vẫn như mọi ngày, và mặc dù những người vào phải trình qua bàn thường trực, Sloane tự hỏi không biết có phải việc canh gác ở CBA lại trở lại lơi lỏng như trước không.

Từ hành lang, vẫn có nhân viên FBI Ungar đi kèm, anh vào thang máy lên tầng tư, rồi đi về phòng làm việc của mình ngay cạnh Vành móng ngựa; mấy người đang làm việc ở đó ngước lên chào anh. Sloane để ngỏ cửa phòng. Ungar ngồi trên chiếc ghế phía bên ngoài.

Trong khi cởi áo khoác mắc lên giá, anh nhìn thấy trên bàn có một hộp bọc ni lông mỏng, loại vẫn dùng trong các cửa hàng bán đồ ăn mang đi. Ở khu vực này có vài cửa hàng ăn loại đó, hàng bán khá chạy ở CBA. Chỉ cần gọi điện thoại là họ mang đồ ăn, thức uống đến ngay. Trước nay, anh chưa bao giờ đặt hàng, mà thường ăn trưa ở tiệm cà phê, nên anh nghĩ chắc họ đưa lầm.

Nhưng anh ngạc nhiên khi thấy chữ "C. Sloane" ghi bên ngoài hộp, có buộc dây trằng rất gọn. Anh hờ hững lấy kéo trong ngăn bàn, cắt dây và mở gói ra. Anh phải giở mấy lượt giấy trắng mới thấy những cái ở bên trong.

Sau mấy giây sững người, không tin vào mắt mình, Crawford Sloane kêu thất thanh; tiếng kêu thảm thiết, nghe nhức nhối trong tai. Những người đang làm việc đều ngẩng lên nhìn. Ungar nhân viên FBI bật khỏi ghế, chạy vội vào, vừa chạy vừa rút súng ra. Nhưng trong phòng chỉ có một mình Sloane miệng vẫn la hét, hai mắt mở to, nhìn cái gói với vẻ ngây dại, mặt tái nhợt.

Những ngời khác cũng vội chạy về phía phòng Sloane, vài người vào trong, hơn chục người khác đứng kín cả cửa ra vào. Một nữ chủ nhiệm vươn người nhìn vào cái gói để trên bàn

Sloane. “Ôi, lạy Chúa”, chị ta kêu rồi chạy ra ngoài vì lợm giọng.

Nhân viên Ungar kiểm tra gói giấy và nhìn thấy hai ngón tay người dây đầy máu đã khô. Cố nén cảm gíac kinh tởm, anh nhanh chóng làm chủ tình hình. Anh ta hét bảo những người đang đứng trong phòng và cửa ra vào: “Mọi người ra ngoài hết!”. Ngay trong lúc đó, anh đã nhấc máy, ấn nút xin tổng đài và yêu cầu: “Số máy Bảo vệ! Nhanh lên”. Khi có tiếng trả lời, anh ta nói cộc lốc: “Tôi là Ungar, nhân viên FBI. Anh hãy nhận lệnh của tôi. Báo cho người gác, từ giờ phút này, không ai được phép rời khỏi nhà này. Không trừ một ai, và nếu họ kháng cự, hãy sử dụng vũ lực. Sau khi thông báo lại lệnh đó, anh hãy gọi ngay cảnh sát thành phố tới giúp sức. Tôi sẽ ra hành lang chính. Tôi muốn một vài nhân viên bảo vệ đợi tôi ở đó!”.

Trong lúc Ungar đang nói điện thoại, Sloane ngã gục trên ghế. Sau này có người bảo: “Lúc ấy anh ta trông như xác chết”.
Chủ nhiệm chính Chuck Insen len qua đám người ngày càng đông ở ngoài vào và hỏi: “Có chuyện gì thế này?”.

Nhận ra ông, Ungar chỉ tay về phía chiếc hộp giấy trắng, rồi nói như ra lệnh: “Không được sờ vào những thứ trong hộp. Tôi đề nghi ông hãy đưa ông Sloane ra chỗ khác và khoá cửa phòng cho đến khi tôi quay lại”.
Insen gật đầu. Tới lúc đó, ông đã nhìn thấy cái đựng trong hộp và cũng như mọi người, ông nhận ra hai ngón tay thon, nhỏ, rõ ràng là ngón tay trẻ con. Ông quay lại nhìn Sloane ánh mắt nói rõ điều cần hỏi. Sloane cố gật đầu và thều thào đáp: “Vâng”, “Ôi, lạy chúa”, Insen lẩm bẩm.

Sloane có vẻ sắp ngã gục, Insen vòng tay đỡ anh phát thanh viên và dìu ra khỏi phòng. Những người đứng ngoài cửa tránh ra, nhường lối.
Insen và Sloane về văn phòng của chủ nhiệm chính. Vừa đi, Insen vừa ra lệnh. Ông bảo cô thư ký: “Khoá cửa phòng ông Sloane không để ai vào trừ nhân viên FBI. Rồi gọi người trực tổng đài, gọi điện mời bác sĩ tới đây. Nói ông Sloane bị choáng nặng và có thể cần thuốc an thần”. Rồi gọi một chủ nhiệm: “Báo Don Kettering việc vừa xảy ra và mời anh ta lên đây; chúng ta cần đưa tin ngay tối nay”. Ông quay sang những người khác: “còn mọi người hãy về làm việc”.

Văn phòng của Insen có một cửa sổ rộng bằng kính nhìn ra Vành móng ngựa, phía trong treo mành xếp có thể che kín khi cần. Sau khi giúp Sloane ngồi vào ghế, ông hạ mành xuống.

Sloane dần dần bình phục, nhưng vẫn gục người, hai tay ôm đầu. Anh rên rỉ, nửa như nói với mình, nửa như với Insen “Bọn chúng biết Nicky chơi đàn piano. Bằng cách nào? Tôi đã cho chúng biết! Chính là tôi, trong cuộc họp báo sau vụ bắt cóc”.
“Tôi nhớ chuyện đó, Crawf ạ”. Insen nhẹ nhàng nói: “Người ta hỏi, anh trả lời, chứ anh không tự nêu ra điều đó. Dẫu sao! Ai mà thấy trước được…”. Ông ngừng lại, biết rằng lý giải vào lúc này chẳng có ích gì.
Sau này Insen thường nói với mọi người: “Tôi phải giao nó cho Crawf. Anh ấy can đảm thật. Sau chuyện đó, nhiều người muốn đáp ứng tất cả các đòi hỏi của bọn bắt cóc. Nhưng ngay từ đầu, Crawf hiểu chúng ta không nên, và không thể làm thế, và anh không hề dao động”.

Tiếng gõ cửa nhè nhẹ và cô thư ký bước vào. “Bác sĩ đang trên đường tới đây”, cô nói.

* * *

Lệnh tạm thời cấm mọi người rời khỏi toà nhà được bãi bỏ khi những người ở trong hoặc chuẩn bị ra ngoài được nhận diện và biết rõ lý do họ có mặt tại đó. Có khả năng là chiếc hộp giấy đựng hai ngón tay được đưa tới đó từ trước, và vì người của khách sạn thường ra vào luôn, nên không ai thấy có gì khác lạ.

FBI bắt đầu mở cuộc điều tra ở các khách sạn gần đó, cố tìm xem ai là người mang hộp giấy đó vào, nhưng không có kết quả. Lẽ ra đội bảo vệ CBA phải kiểm tra nhận dạng những người đưa đồ ăn của khách sạn vào trụ sở , nhưng mọi người biết là họ làm việc đó thất thường, có khi còn chiếu lệ.

Một vài ý kiến nghi ngờ có phải đó là ngón tay của Nicky không đã nhanh chóng bị bác bỏ. FBI đã kiểm tra phòng ngủ của Nicky trong ngôi nhà của gia đình Sloane ở Larchmont. Nhiều dấu tay tìm thấy trong phòng khớp với các dấu tay ở hai ngón tay đựng trong chiếc hộp giấy trên bàn làm việc của Sloane.

Trong lúc mọi người ở Ban tin CBA còn đang bận tâm lo lắng, một gói khác được gửi tới Stonehenge. Đầu giờ chiều thứ năm, có người đã chuyển một gói nhỏ tới văn phòng của Margot Lloyd- Mason. Bên trong là một băng ghi hình của Sendero Luminoso.

Vì đã biết trước – trong tài liệu “Thời tươi sáng đã đến” của Sendero nhận được cách đó sáu ngày đã nói sẽ gửi tới vào thứ năm, nên Margot và Leslie Chippingham đã bố trí người liên lạc chuyển ngay băng đó cho ông chủ tịch Ban tin. Ngay khi nhận được, Chippingham mời Don Kettering và Norman Jaeger tới và chỉ có ba người được xem băng hình trong văn phòng của Chippingham.

Cả ba nhận thấy ngay cuốn băng có chất lượng cao, cả về mặt kỹ thuật lẫn cách dàn dựng, trình bày. Hàng chữ lớn mở đầu: “Cách mạng thế giới: Sendero Luminoso dẫn đường” nổi rõ trên nền với những cảnh kỳ thú nhất của Peru: vẻ hùng vĩ đến ngợp người của những đỉnh cao và băng hà trên dãy Andes, vẻ huy hoàng làm ta sửng sốt của Machu Picchu, rừng xanh biếc trải dài như vô tận, dải sa mạc khô cằn ven biển và Thái Bình Dương cuộn sóng. Jaeger là người nhận ra nhạc nền tôn nghiêm chính là bản giao hưởng số ba “Eroica” của Beethoven.
“Chúng có những người làm phim rất giỏi tay nghề”, Kettering lẩm bẩm. “Tôi cứ tưởng nó tồi hơn cơ”. “Cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên”. Chippingham nói. “Peru đâu phải chốn ao tù, nước đọng. Họ có khối nhân tài và trang thiết bị tốt nhất”.
“Mà Sendero thì có thừa tiền để mua những thứ đó”. Jaeger nói thêm. “Chưa kể chúng ranh ma luồn lách khắp mọi nơi”.

Ngay cả đoạn quá khích ở sau cũng chủ yếu là những cảnh dễ gây xúc động như cảnh bạo loạn

ở Lima, những cuộc đình công của công nhân, đụng độ giữa cảnh sát và người biểu tình, cảnh thê lương sau những cuộc tấn công của quân chính phủ và các làng ở vùng núi Andes. "Chúng ta là cả thế giới", tiếng người thuyết minh ngân vang, "và thế giới đã sẵn sàng bùng nổ cách mạng".

Nội dung chính của cuốn băng là cái họ giới thiệu là cuộc phỏng vấn Abimael Guzman, người sáng lập và lãnh đạo của Sendero Luminoso. Cũng khó phân biệt, vì người đó ngồi quay lưng lại phía ống kính máy quay. Người thuyết minh giải thích: "Lãnh tụ của chúng ta có nhiều kẻ thù luôn tìm cách giết hại Người. Để Người lộ diện sẽ là giúp cho những mục đích ác độc ấy của chúng".

Một giọng Tây Ban Nha được giới thiệu là giọng Guzman bắt đầu: "Companeros revolucionarios, nuestro trabajo y objetivo es unir los cẻoyentes en la filosofia de Marx, Lenin, y Mao…" (1). Tiếng nói nhỏ dần và một giọng khác tiếp tục: "Các đồng chí, chúng ta phải đập tan trật tự xã hội không còn thích hợp nữa trên toàn thế giới".
"Guzman không biết tiếng Anh phải không?', Kettering thắc mắc hỏi.
Jaeger đáp: "Rất lạ là ông ta là một trong số rất ít người Peru có học thức lại không biết tiếng Anh".

Những điều này sau đó có thể biết trước được, vì Guzman trước đó đã nói nhiều lần. "Cần phải tiến hành cách mạng vì chủ nghĩa đế quốc bóc lột tất cả những người nghèo khổ trên toàn thế giới"… "Những tin tức xuyên tạc đổ tội cho Sendero Luminoso là vô nhân đạo. Sendero còn nhân đạo hơn bọn siêu cường là kẻ sẵn sàng huỷ diệt nhân loại bằng kho vũ khí hạt nhân, điều mà cách mạng vô sản vĩnh viễn loại trừ…"… "Phong trào công nhân ở Mỹ, thực chất là một tầng lớp tư sản được ưu đãi, đã lừa gạt và bán rẻ giai cấp công nhân Mỹ"… "Những người cộng sản ở Liên xô chẳng hơn gì bọn đế quốc. Liên xô đã phản bội cách mạng của Lê-nin"… "Castro của Cuba là thằng hề, tay sai đế quốc".
Các bài của Guzman bao giờ cũng chung chung. Nhiều người cố tìm trong các bài viết và bài nói chuyện của ông ta xem có đề cập tới vấn đề gì cụ thể không, nhưng chẳng bao giờ thấy.
"Nếu mang của này phát thay Bản tin chiều", Chippingham bình luận, "chắc bây giờ người xem đã bỏ chúng ta và hãng chúng ta chắc bị xếp cuối sổ".

Chương trình nửa tiếng kết thúc trong tiếng nhạc Beethoven, với nhiều cảnh đẹp của đất nước và tiếng người thuyết minh hô lớn: "Chủ nhĩa Mac Lê-nin, Mao, học thuyết dẫn dắt chúng ta, muôn năm!".
"Thôi được rồi", cuối cùng Chippingham nói. "Như đã thoả thuận, tôi sẽ cho cuốn băng này vào tủ khoá lại. Chỉ có ba chúng ta đã xem. Tôi đề nghị không trao đổi với ai về nội dung ta đã xem".

Jaeger hỏi: "Anh vẫn theo gợi ý của Karl Owens về việc cuốn băng bị hỏng trên đường đi phải không?". "Lạy Chúa! Ta còn cách nào khác sao? Nhất định không thể phát cuốn băng này thay chương trình tin thứ hai được". "Tôi nghĩ ta chẳng còn cách nào khác", Jaeger thừa nhận.
"Chừng nào chúng ta hiểu rằng khả năng chúng tin lời ta nói không còn nhiều, nhất là sau vụ

Theo Elliott lộ chuyện với tờ Ngôi sao Bantimore", Kettering nói.
"Mẹ kiếp, tôi biết chứ!". Giọng ông chủ tích Ban tin phả ánh sự căng thẳng trong những ngày qua. Ông nhìn đồng hồ; ba giờ năm mươi ba phút. "Don này, đúng bốn giờ cho phát bản tin trên toàn quốc. Nói chúng ta đã nhận được một băng của bọn bắt cóc, song nó bị hỏng và vẫn chưa sửa được. Gửi băng khác thay thế hay không là tuỳ Sendero Luminoso".
"Được".
"Trong khi đó", Chippingham nói thêm, "tôi sẽ gọi cho các báo và ra tuyên bố trên đài truyền thanh, yêu cầu họ đưa tin tiếp qua Pêru. Nào, ta làm ngay đi".

* * *

Cái tin giả của CBA đã nhanh chóng được phát đi các nơi. Vì giờ Peru chậm hơn giờ New York một tiếng - ở Mỹ còn đang theo giờ mùa hè, ở Peru thì không, nên tuyên bố của CBA tới Lima còn kịp đưa vào chương trình tối của đài phát thanh và vô tuyến truyền hình và đăng báo vào ngày hôm sau.

Trong tin tức ngày hôm đó, được phát trước đấy, có tin về việc Crawford Sloane gần như phát điên khi nhận ra ngón tay của con mình.
Ở Ayacucho, những người lãnh đạo Sendero Luminoso nhận được cả hai tin trên. Đối với tin thứ hai, về việc cuốn băng bị hỏng, họ không tin. Điều cần phải làm ngay lập tức, họ lập luận, là có hành động gây sức ép mạnh hơn là hai ngón tay bị chặt của cậu bé.

Chú thích:1 Hỡi các đồng chí cách mạng, nhiệm vụ là phải đoàn kết những người tin theo học thuyết triết học của Margot, Lê-nin, và Mao.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 11

Jessica nhớ lại, ngay khi tỉnh dậy trong ánh sáng mờ mờ lúc rạng đông hôm ấy, nàng linh cảm thấy sắp xảy ra điều gì đó. Hầu như một đêm nàng không ngủ, đau đớn vì ý nghĩ không tin mình có thể được cứu thoát. Ba ngày qua, lòng tin khi trước của nàng vào việc cuối cùng sẽ được tự do giảm dần, nhưng nàng cố giấu không cho Angus và Nicky biết mình đang mất dần hy vọng. Song nàng tự hỏi, liệu có khả năng ở cái xó tối tăm của đất nước xa lạ này có những bạn bè nào đó sẽ tìm thấy và tìm cách đưa họ về nhà không? Mỗi ngày trôi qua, khả năng đó xem ra càng ít.

Việc chúng chặt ngón tay của Nicky một cách dã man càng làm tinh thần Jessica sa sút. Cho dù họ có ra khỏi được đây, cuộc đời Nicky không còn như trước nữa. Ước mơ đẹp nhất của nó từ khi còn nhỏ là trở thành nghệ sĩ đàn piano bỗng dưng chấm dứt một cách vô cớ, và thật sự không cần thiết. Rồi còn hiểm hoạ nào nữa, có thể bị chết, đang chờ họ trong những ngày sắp tới?

Hai ngón tay Nicky bị chặt hôm thứ ba. Hôm nay là thứ sáu. Hôm qua, Nicky đã đỡ đau hơn, nhờ Socorro thay bông băng hàng ngày, song nó vẫn yên lặng và buồn rầu, mặc dù Jessica cố sức vực nó khỏi cơn tuyệt vọng của nó. Rồi còn vách tre buộc dây thép luôn ngăn cách hai mẹ con. Sau lần Socorro cho phép nàng sang với Nicky đến giờ, nàng không được sang nữa, mặc dù nàng đã nài nỉ, van xin.

Vì thế, hôm nay tương lai càng có vẻ mờ mịt, hy vọng thì ít mà lo lắng lại nhiều. Khi đã tỉnh hẳn, Jessica hiểu dược bài thơ của Thomas Hood mà nàng học từ khi còn nhỏ, nhưng chưa bao giờ hiểu. Bài thơ kết thúc bằng câu:

Nhưng giờ tôi lại ước ao.
Giá như hơi thở bay vào bóng đêm!

Song nàng biết nếu đem áp dụng vào hoàn cảnh của nàng lúc này, ước mong đó đầy vẻ ích kỷ và cam chịu thất bại. Bất luận thế nào, nàng cũng phải gắng gượng làm chỗ dựa cho Angus và Nicky.

Sau những suy nghĩ ấy, và khi trời sáng hẳn, Jessica nghe thấy tiếng động ở bên ngoài và tiếng bước chân lại gần nơi họ bị giam. Tên đầu tiên bước vào là Gustave, cầm đầu bọn gác. Hắn đi

thẳng tới cũi nhốt Angus và mở khoá.

Ngay sau hắn là Miguel. Mặt hầm hầm, hắn cũng đi về phía giam Angus, tay mang khẩu súng trường tự động trước nay Jessica chưa từng thấy hắn mang theo.

Jessica hiểu ngay điều đáng sợ sắp xảy ra. Nhìn cây súng xấu xí đầy sức mạnh ấy, tim nàng đập mạnh và hơi thở đứt đoạn. "Ôi, không! Angus! Không thể thế được!".

Gustave vào trong, lôi xốc ông già dậy. Lúc này hắn đang trói quặt tay Angus ra sau lưng.

Jessica hét to: "Nghe tôi nói. Các ông định làm gì? Tại sao?".
Angus quay lại phía nàng: "Jessica con, đừng buồn. Con chẳng làm gì được đâu. Bọn này là đồ mọi rợ! Chúng không biết thế nào là danh dự và lịch sự đâu con..".
Jessica thấy Miguel bóp chặt báng súng cho đến khi tay hắn trắng bợt ra. Hắn sốt ruột ra lệnh cho Gustave: "Dese prisa! No pierdas tiempo!" (1).

Nicky cũng đứng dậy. Nhìn thấy khẩu súng trường tự động, cậu bé cũng hiểu ra và hỏi: "Mẹ ơi, họ định làm gì ông thế?".
"Mẹ không biết", Jessica trả lời, không tin điều nàng nói.
Angus, lúc này tay bị trói chặt, vươn thẳng người, ưỡn ngực nhìn về phía hai người và nói: "Chúng ta không còn nhiều thời gian. Hai mẹ con hãy dũng cảm và tiếp tục vững lòng tin. Hãy nhớ là, ở ngoài kia, Crawf đang làm hết sức mình. Sẽ có người đến cứu!".

Nước mắt chảy dài trên khuôn mặt Jessica. Nàng cố gọi, giọng nghẹn ngào: "Angus! Angus thân yêu! Con yêu cha vô cùng!".
"Cha cũng thương con lắm, Jessica… Nicky!". Gustave đẩy mạnh Angus khỏi cũi giam. Họ hiểu rằng ông đang trên đường đi vào cõi chết.
Ông vấp ngã, rồi lại nói: "Nicky, ông cháu ta hát một bài chứ? Nào, bắt đầu nhé". Rồi Angus cất giọng hát:
"Anh sẽ gặp lại em
Ở tất cả những nơi thân thuộc"

Jessica thấy Nicky há miệng, nhưng cũng nghẹn ngào đầy nước mắt, cả hai mẹ con nàng không hát nổi.
Angus đã ở ngoài, họ không nhìn thấy ông nữa. Song họ vẫn nghe tiếng ông hát, nỏ dần, xa dần:
"Rằng trái tim anh ấp ủ đêm ngày
Trong quán cà phê nhỏ…"

Tiếng ông tắt hẳn. Họ chờ đợi trong yên lặng. Mới chỉ mấy giây trôi qua mà họ tưởng như lâu hơn thế. Rồi tiếng súng vang lên, bốn phát, nghe rất gần. Lại im lặng, rồi một tràng dài rất nhanh, họ không đếm nổi.

* * *

Miguel đứng nhìn xác Angus Sloane ở ven rừng.

Hắn bắn bốn phát làm ông già chết ngay. Rồi, nhớ tới ông chửi hắn hôm thứ ba "Maldito hijo de puta" và mới chỉ trước đó mấy phút, ông khinh bỉ gọi chúng là "đồ mọi rợ", Miguel tức điên lên, xả hết cả băng đạn của khẩu AK-47 do Liên xô chế tạo vào cái xác đang nằm trước mặt hắn.

Hắn đã thực hiện đúng chỉ thị mà hắn nhận được từ Ayacucho cuối đêm qua. Gustave cũng được báo về một công việc đáng ghê tởm mà họ ra lệnh cho hắn phải làm, và làm ngay với sự giúp đỡ của người khác.

Một máy bay nhỏ, chuyên phục vụ Sendero Luminoso, đang trên đường tới chỗ đỗ máy bay trong khu rừng gần đó mà từ Nueva Esperanza có thể đến được bằng thuyền. Một chiếc thuyền sẽ được phái ngay tới nơi máy bay đậu; sau đó máy bay sẽ chở cái Gustave đã làm về Lima.

* * *

Gần trưa hôm đó, một chiếc ô tô vội vã dừng lại bên ngoài sứ quán Mỹ trên đại lộ Garcilaso de la Vega. Một gã đàn ông ôm một hộp các tông to nhảy ra khỏi xe. Hắn để cái hộp ngay gần cổng, ngoài hàng rào sắt, rồi chạy về xe phóng đi.

Một lính gác mặc thường phục nhìn thấy việc đó, liền nổi hiệu báo động và tất cả các lối ra vào sứ quán được xây dựng giống như pháo đài, đều tạm thời đóng lại. Trong lúc đó, một đội quân tháo bom của quân đội Peru được gởi tới giúp.

Kiểm tra không có thuốc nổ, người ta cẩn thận mở hộp và thấy một chiếc đầu của một ông già có lẽ trạc độ bảy mươi bị cắt còn bê bết máu để trong đó. Bên cạnh là chiếc ví có một thẻ bảo hiểm xã hội của Mỹ, một bằng lái xe bang Florida có dán ảnh và các tài liệu khác xác định đó là đầu của ông Angus Mc Mullen Sloane.

Vào lúc xảy ra sự kiện này ở Lima, một phóng viên của tờ Diễn đàn Chicago tình cờ đang ở trong sứ quán. Anh ta theo dõi sát các sự việc tiếp theo, và là người đầu tiên đưa tin này, có ghi rõ họ tên nạn nhân. Đài phát thanh, vô tuyến truyền hình và các báo khác nhanh chóng đưa lại tin trên của tờ Diễn đàn trên toàn nước Mỹ, và sau đó truyền đi khắp thế giới.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 12

Kế hoạch giải thoát con tin ở Nueva Espranza đã hoàn tất. Các chi tiết cuối cùng đã xong, các trang bị cần thiết đã có đủ vào chiều thứ sau. Mờ sáng thứ bảy, Partridge cùng đồng đội sẽ bay từ Lima tới khu rừng rậm thuộc tỉnh San Martin, gần sông Hualaga.

Từ cuối thứ tư, sau khi biết được nơi các tù nhân đang bị giam giữ, Partridge bồn chồn không yên. Ý nghĩ đầu tiên của anh là phải đi ngay, nhưng những lời Fenandez Pabur nói, cùng với kinh nghiệm riêng của anh đã làm anh phải tính để chậm lại.

"Rừng rậm có thể là bạn, mà cũng có thể là kẻ thù", Fenandez chỉ rõ. "Ta không thể mò vào đó theo kiểu như đến thăm một thành phố. Ít nhất – cũng phải ở lại trong rừng một, có khi là hai đêm, nên chúng ta phải đem theo một số thứ cần thiết để có thể ở đó. Tôi còn phải lựa chọn thật cẩn thận người lái máy bay mà ta có thể tin cậy được. Đưa chúng ta tới, rồi trở lại đón chúng ta ra đòi hỏi phải hành động đồng bộ và ken giờ chính xác. Chúng ta cần hai ngày để chuẩn bị, hai ngày cũng chỉ là vừa kịp chuẩn bị thôi".

Chữ "chúng ta", "của chúng ta" anh dùng ngay từ đầu cho thấy rõ ràng anh chàng vốn là thợ đặt dầm nhà tháo vát ấy nhất định đòi tham gia trong chuyến đi. "Ông sẽ cần đến tôi" anh ta nói thẳng. "Tôi đã tới vùng rừng rậm này nhiều lần. Tôi biết đường đi lối lại". Khi Partridge buộc phải nói rõ tính chất nguy hiểm của chuyến đi, anh ta nhún vài bảo: "bản thân cuộc sống đã là nguy hiểm. Hiện giờ ở đất nước tôi, thức dậy vào buổi sáng đã là một sự nguy hiểm rồi".

Phương tiện chuyên chở bằng máy bay là cái họ lo nhất. Sau khi mất hút gần hết sáng thứ năm, Fenandez quay về đón Partridge và Rita, đưa họ tới căn nhà một tầng bằng gạch cách sân bay Lima không xa. Căn nhà gồm một số văn phòng nhỏ. Họ tới một văn phòng ngoài cửa có đề: "Alsa, Aerolibertad. S. A". Fenandez vào trước, giới thiệu mấy người cùng đi với ông chủ hãng cho thuê bao máy bay, đồng thời là phi công lái, ông Oswaldo Zileri.

Zileri, trạc ba mươi lăm đến bốn mươi tuổi, mặt mũi dễ coi, người thon lẳn. Ông có vẻ dè chừng; nhưng vào việc ngay. Ông ta bảo Partridge "Theo tôi hiểu, các ông định bất ngờ tới thăm Nueva Esperanza. Tôi chỉ cần và muốn biết như thế là đủ".
"Thế thì tốt quá", Partridge nói: "Có điều chúng tôi hy vọng là thêm ba hành khách nữa cũng về với chúng tôi".
"Máy bay các ông thuê là loại Cheyenne II. Có hai người tổ lái và đủ chỗ cho bấy nhiêu hành

khách. Bảy chỗ đó cho những ai là việc của các ông. Nào, ta nói chuyện tiền nong dược chưa?".
"Việc đó để tôi", Rita đáp. "Ông đòi bao nhiêu?".
"Chỉ trả bằng đôla Mỹ?" Zileri hỏi lại.
Rita gật đầu.
"Vậy thì giá thuê bao cả đi cả về là một ngàn bốn trăm đôla. Nếu đến nơi phải bay thêm giờ, như lượn tìm chỗ, thì sẽ tính thêm. Mỗi lần hạ cánh trong khu vực Nueva Esperanza, là vùng buôn bán ma tuý do Sendero Luminoso kiểm soát, sẽ phải trả thêm năm trăm đô lệ phí nguy hiểm đặc biệt. Trước khi chúng ta lên đường hôm thứ bảy, tôi muốn chi trả sáu nghìn đôla tiền mặt là tiền đặt cọc".
"Ông sẽ có số tiền đó", rita đáp. "Xin ông ghi lại tất cả làm hai bản, tôi sẽ ký và giữ một bản".
"Việc đó sẽ xong trước khi khởi hành. Các vị có muốn biết thêm một số chi tiết về hãng của tôi không?".
"Tôi nghĩ là nên" Partridge từ tốn đáp.

Với vẻ hãnh diện, ông Zileri nói trơn tru một hồi, rõ ràng là ông đã thuộc lòng: "Máy bay Cheyenne Ii, chúng tôi có ba chiếc, là loại hai động cơ cánh quạt. Đây là loại máy bay có độ an toàn cao, có thể hạ cánh trên đường băng ngắn; điều này rất quan trọng khi hạ cánh ở vùng rừng núi. Tất cả phi công, kể cả tôi, đều được đào tạo tại Mỹ. Chúng tôi biết rõ gần hết các vùng thuộc Peru, cũng như các nhân viên theo dõi các chuyến bay, dân sự cũng như quân sự, ở địa phương. Nhân đây xin nói với các vị, tôi sẽ lái chuyến máy bay này".
"Thế thì hay quá", Partridge nói. "Ngoài ra chúng tôi cũng cần một số lời khuyên của ông".
"Fenandez có nói với tôi". Zileri tới bên chiếc bàn đánh dấu đường bay, trên có tấm bản đồ tỷ lệ lớn phần phía nam của tỉnh San Martin đã mở sẵn. Mọi người theo ông lại đứng quanh bàn.
"Tôi nghĩ các vị muốn đỗ cách Nueva Esperanza tương đối xa để không ai thấy các vị".
"Đúng như vậy", Partridge gật đầu, trả lời.
"Vậy thì, khi từ Lima tới, tôi đề nghị hạ cánh ở chỗ này". Jessica dùng bút chì chỉ một điểm trên bản đồ.
"Chỗ ấy là đường quốc lộ cơ mà?".
"Đúng, đó là đường ô tô qua rừng, nhưng có rất ít, mà thường là không có xe qua lại. Nhưng nhiều chỗ kiểu này đã được những tay buôn ma tuý mở rộng và trải nhựa lại cho máy bay hạ cánh . Trước đây tôi đã hạ cánh ở đó".

Để làm gì, Partridge tự hỏi? Chở ma tuý, hay những kẻ buôn ma tuý? Anh đã nghe nói hiếm người lái máy bay ở Peru mà lại không dính dáng đến việc buôn bán ma tuý, cho dù là gián tiếp đi nữa.

"Trước khi chuẩn bị hạ cánh", Zileri nói tiếp, "chúng ta phải biết chắc không có xe trên đường và không có ai ở gần đó. Từ điểm hạ cánh, có một con đường nhỏ rất xấu chạy về Nueva Esperanza".
Fenandez chen vào: "Tôi có tấm bản đồ đánh dấu rất rõ con đường đó".
"Bây giờ đến chuyện thêm người khi quay về", Zileri nói. "Tôi và Fenandez đã bàn chuyện này và tạm vạch ra một kế hoạch".
"Xin ông cứ nói", Partridge bảo ông ta.

Họ tiếp tục bàn bạc, quyết định và phải tính đến một số chi tiết mới.
Có thể có ba điểm đón khách khi trở về. Một là đoạn đường mà họ dự định hạ cánh từ Lima tới. Hai là đường băng ngắn ở Sion mà từ Nueva Esperanza có thể tới được bằng đường sông và một đoạn đường bộ dài ba dặm. Ba là dải đất hạ cánh rất hẹp mà bọn buôn lậu ma tuý vẫn dùng và rất ít người biết, ở vào khoảng giữa hai điểm trên, điểm đón này cũng chỉ có thể tới được bằng đường sông.
Lý do phải chọn, như Fenandez giải thích là: chúng ta không biết chuyện gì sẽ xảy ra ở Nueva Esperanza, hay nên rời bằng đường nào thì tốt nhất.

Máy bay đón khách có thể dễ dàng bay qua cả ba điểm hẹn và đỗ xuống khi nhận được tín hiệu từ mặt đất. Nhóm của Partridge sẽ mang theo súng hiệu bắn đạn màu xanh và đỏ. Pháo hiệu màu xanh có nghĩa là "dưới đất bình thường, không có trở ngại". Còn pháo hiệu màu đó tức là: "Hạ cánh ngay chúng tôi đang gặp nguy hiểm".
Mọi người thoả thuận nếu gặp lưới lửa súng máy hoặc súng trường bắn gần, máy bay sẽ không hạ cánh, mà trở về Lima.
Vì không biết chắc khi nào máy bay cần quay lại đón, nên một máy bay sẽ bay tới khu vực đó, chuyến đầu lúc 8 giờ sáng chủ nhật, và nếu máy bay không liên hệ được với mặt đất, chuyến thứ hai sẽ được thực hiện cũng vào giờ ấy sáng thứ hai. Sau đó làm gì sẽ do Rita định liệu. Cô không tham gia chuyến đi, mà ở lại Lima và giữ liên lạc với New York, điều Partridge coi là thiết yếu.
Sau khi thoả thuận xong kế hoạch hành động, một hợp đồng đã được ký giữa một bên là Rita, thay mặt Ban tin CBA và bên kia là Oswaldo Zileri. Sau đó Zileri trân trọng bắt tay ba người của CBA. Nhìn thẳng vào Partridge, viên phi công nói: "Về phía minh, chúng tôi sẽ làm và làm tốt nhất công việc chúng tôi đã thoả thuận".
Partridge cảm thấy ông ta sẽ giữ đúng lời.

* * *

Sau khi dàn xếp xong chuyến bay, và trở lại phòng mình ở khách sạn Cesar, Partridge có cuộc họp với tất cả các thành viên của nhóm CBA để quyết dịnh ai sẽ đi Nueva Esperanza. Ba người chắc chắn sẽ đi là Partridge, Minh Văn Cảnh (vì việc ghi hình là rất quan trọng), và Fenandez Pabur. Vì phải dành chỗ cho ba người nữa khi trở về, nên chỉ còn đủ chỗ cho người thứ tư. Cần phải chọn, hoặc Bob Watson, biên tập viên băng hình, kỹ thuật viên âm thanh Ken O'Hara hoặc Tomas, tay vệ sĩ ít nói nhất.
Fenandez muốn chọn Tomas; trước đó anh ta đã lập luận: "Anh ấy khoẻ và biết đánh đấm".
Bob Watson vừa hút xì gà khét lẹt, vừa thúc: "Harry, để tôi đi. Khi cần choảng nhau, tôi có thể lo liệu được. Anh đã thấy điều đó trong kỳ bạo loạn ở Miami". O'Hara chỉ bảo: "Tôi rất muốn được đi".
Cuối cùng, Partridge chọn O'Hara, bởi vì anh là người quen biết, đã tỏ ra tỉnh táo trong những tình huống căng thẳng và tháo vát. Vả lại, vì họ không mang theo thiết bị âm thanh – Minh dùng máy Betacam có bộ phận ghi tiếng, Ken O'Hara biết rõ các vấn đề về máy móc, nên có thể sẽ rất có ích cho họ.
Partridge giao cho Fenandez lo liệu trang bị và dưới sự điều khiển của anh ta, các loại trang bị

cần thiết được đưa về khách sạn; võng loại nhẹ, màn và thuốc chống muỗi, thức ăn khô đủ dùng trong hai ngày, các chai nước đầy ắp, các viên thuốc khử trùng trong nước, dao găm, địa bàn nhỏ, ống nhòm và một số vải nhưa. Vì mỗi người phải tự mang trang bị của mình trong một ba lô, nên cần phải chọn những thứ thật cần thiết và nhẹ.
Fenandez cũng khuyên mọi người mang theo súng và Partridge đồng ý. Thực tế là, các phóng viên và đội quay phim vô tuyến truyền hình, khi ở nước ngoài đôi khi có mang theo súng, nhưng thường cất kín. Các hãng chẳng khuyến khích hoặc can ngăn việc làm đó, để cho người trong cuộc tự quyết định lấy. Trong trường hợp này, mang theo súng là hết sức cần thiết: mà tất cả bốn người sắp đi, vào lúc này hay lúc khác trong đời họ, lại đều có kinh nghiệm sử dụng súng đạn.
Partridge quyết định vẫn dùng khẩu Browning chín ly có ống giảm thanh. Anh còn mang theo con dao "tấn công" kiểu Fairburn của lính commando mà một thiếu tá người Anh đã tặng anh. Minh, người sẽ mang máy quay cùng thiết bị như một loại vũ khí, muốn có loại nào thật mạnh nhưng phải nhẹ. Fenandez thông báo anh ta sẽ kiếm một khẩu tiểu liên UZI của Israel. O'Hara nói anh dùng loại nào cũng được, hoá ra đó lại là khẩu sung trường tự động M.16 của Mỹ. Hiển nhiên là bất cứ loại vũ khí nào cũng có thể mua được ở Lima, còn người có tiền mua không bị hỏi gì hết.

* * *

Từ sau bữa thứ tư, khi biết Nueva Esperanza là mục tiêu anh sẽ phải đến, Partridge luôn tự hỏi: Có nên báo cho nhà chức trách Peru, đặc biệt là cảnh sát chống khủng bố biết không? Thậm chí hôm thứ năm, anh còn trở lại hỏi dò ý kiến Sergio Hurtado, ông giám đốc đài phát thanh, là người đã cảnh cáo anh đừng tìm kiếm sự giúp đỡ của quân đội và cảnh sát. Lần gặp nhau khi Partridge vừa đến Peru, ông ta đã bảo: "Đừng coi họ là đồng minh vì họ không còn đáng tin cậy nữa, nếu như có lúc nào họ đáng tin cậy. Nói về chuyện giết người và các hành động dã man khác, họ chẳng hơn gì Sendero và chắc chắn cũng tàn bạo không kém".
Vì tin tưởng nhau, Partridge cho Dergio biết những việc gần đây nhất và hỏi ông còn giữ lời khuyên cũ không.
"Chẳng những còn, mà lại mạnh hơn", Sergio trả lời: "Trong tình huống đúng như anh vừa hình dung, các lực lượng chính phủ khét tiếng là kẻ sử dụng hoả lực tối đa. Họ cứ phải tính chuyện ăn chắc. Họ diệt tất, cả người có tội lẫn người vô tội, rồi hỏi sau. Rồi khi bi buộc tội là giết nhầm, họ sẽ bảo: "Làm sao chúng tôi phân biệt được? Vấn đề là giết hay bị giết".
Partridge nhớ lại tướng Raul Ortiz cũng đã nói gần giống như vậy.
Sergio nói thêm: "Đồng thời, tới đó như cách anh vừa nói có nghĩa là anh cầm mạng sống của anh trong tay".
"Tôi biết" Partridge thừa nhận. "Nhưng tôi không thấy cách nào khác".
Lúc ấy mới đầu giờ chiều. Mấy phút vừa rồi, Sergio cứ giơ đi giơ lại tờ báo trên bàn. Lúc này ông hỏi: "Harry, trước khi tới đây, anh có nhận được tin nào xấu không? Tôi muốn nói là hôm nay ấy".
Partridge nhún vai.
"Thế thì tôi xin lỗi phải cung cấp cho anh một vài tin như thế". Sergio nhặt tờ báo rồi đưa cho anh. "Tin này vừa đến trước khi anh tới".

“Tin này” là tin của hãng Reuters tả lại việc New York nhận được ngón tay của Nicky và nỗi đau xé lòng của người cha cậu bé.
“Ôi, lạy Chúa”, Partridge bỗng cảm thấy dằn vặt, tự quở trách mình. Tại sao, anh đau xót nghĩ, kế hoạch hành động của anh không được thực hiện sớm hơn?”. “Tôi hiểu anh đang nghĩ gì” Sergio nói. “Song anh không có cách gì ngăn được việc ấy. Thời gian gấp mà thông tin ít như vậy!”.
Đúng như vậy, Partridge thầm xác nhận. Nhưng anh biết các câu hỏi về tiến độ công việc anh làm sẽ ám ảnh anh trong một thời gian dài.
“Nhân tiện anh ở đây, còn có việc này nữa”, Sergio nói: “Hãng CBA của anh thuộc tổ hợp công nghiệp Globanic phải không?”.
“Vâng”.
Ông giám đốc đài phát thanh mở ngăn kéo, rút ra mấy tờ giấy đính với nhau. “Tôi có tin từ rất nhiều nguồn, và chắc anh sẽ ngạc nhiên khi biết một nguồn là Sendero Luminoso. Chúng ghét tôi, nhưng lại phải sử dụng tôi, Sendero có người cảm tình và chỉ điểm ở nhiều nơi, một trong những người đó mới gửi cho tôi tin này, hy vọng tôi sẽ phát trên đài”.
Partridge nhận mấy tờ giấy và bắt đầu đọc.
“Như anh có thể thấy”, Sergioi bảo, “tin nói về một thoả thuận giữa Công ty tài chính Globanic, chi nhánh của tổ hợp công nghiệp Globanic, và chính phủ Peru. Nói theo lối nói của giới tài chính, thoả thuận này là hợp đồng chuyển nợ thành bất động sản”.
“Tôi e rằng tôi không thạo vấn đề này”, Partridge lắc đầu đáp.
“Nhưng vấn đề có phức tạp gì đâu. Theo thoả thuận, Globanic sẽ nhận được những vùng đất rất rộng, bao gồm hai khu nghỉ mát lớn, với cái giá phải gọi là vừa bán vừa cho. Đổi lại, một số khoản nợ quốc tế của Peru mà Globanic đã “xem kỹ” sẽ được rút bớt”. “Tất cả đều sòng phẳng và hợp pháp chứ?”.
Sergio nhún vai. “Hãy cho là gần như thế, nhưng có lẽ là hợp pháp. Điều quan trọng hơn, - đó là một hợp đồng vô cùng béo bở đối với Globanic, nhưng lại rất xương xẩu đối với dân Peru”.
“Nếu đã nghĩ thế, sao anh không cho phát đi?”, Partridge hỏi.
“Chưa phát vì hai lý do. Tôi không bao giờ chấp nhận những gì Sendero cung cấp theo giá trị bên ngoài của nó và tôi muốn kiểm tra tin đó chính xác đến đâu. Tôi đã làm tin đó chính xác. Lý do thứ hai là: để có được hợp đồng ngon lành như vậy, Globanic chắc đã hoặc sẽ hối lộ những khoản tiền rất lớn cho ai đó trong chính quyền. Tôi đang điều tra về việc này, và định phát vào tuần tới”.
Partridge vỗ vỗ mấy tờ giấy anh đang cầm: “Tôi xin một bản được không?”.
“Anh lấy đi. Tôi còn bản nữa”.

* * *

Ngày hôm sau, thứ sáu, Partridge quyết định cần kiểm tra thêm một việc khác nữa trước khi khởi hành vào thứ bảy. Còn ai nhận được số điện thoại, mà theo đó nhóm làm tin CBA đã tìm đến căn phòng ở phố Huancavelia. Trước đây do tay cựu bác sĩ có tên là Baudelio và hiện nay Dolores ở không? Nếu vậy, có nghĩa là còn có ai đó có thể biết tầm quan trọng của Nueva Esperanza.
Như Don Kettering giải thích qua điện thoại cho anh hôm thứ tư, FBI có được số điện thoại di

động ngay sau khi CBA phát hiện ra chúng. Vì vậy, có khả năng FBI sẽ liểm tra các lần gọi trên những máy này và biết được số điện thoại ở Lima mà Kettering đã báo cho Partridge. Suy từ đó, có thể FBI cung cấp tin này cho CIA, tuy nhiên, cũng không chắc có khả năng đó, vì ai cũng biết hai tổ chức này rất kình nhau. FBI có thể dùng cách khác là yêu cầu một vụ nào đó trong chính phủ kiểm tra số điện thoại đó.
Theo yêu cầu của Partridge, Fenandez tới thăm Dolores lần thứ hai vào chiều thứ sáu. Anh ta thấy bà đang say, nhưng vẫn đủ tỉnh táo đảm bảo với anh là không có ai khác tìm đến phòng hỏi bà cả. Thế là, không hiểu tại sao, không ai ngoài CBA lần theo số điện thoại đó.
Cuối cùng, vào chiều hôm đó qua đài phát thanh Peru, họ nhận được tin đau buồn về cái chết của Angus Sloane và việc phát hiện ra đầu của ông ở sứ quán Mỹ tại Lima.
Vừa nghe được tin ấy, Partridge cùng Minh Văn Cảnh tới ngay hiện trường và gửi bài viết qua vệ tinh cho bản tin chiều hôm đó. Cũng vào lúc đó, các đội làm tin truyền hình và phóng viên báo chí kéo đến, nhưng Partridge tìm cách để khỏi phải nói chuyện với họ.
Thực sự là, cái chết thê thảm của cha Crawf, cũng như hai ngón tay bị chặt của Nicky khiến lương tâm anh nhức nhối. Bởi vì, Partridge tự bảo, anh tới Peru, hy vọng cứu được cả ba người, nhưng anh đã không làm được.
Sau khi làm xong các việc cần làm, trở lại khách sạn Cesar, anh đi nằm nhưng không ngủ được, lòng buồn rầu và thất vọng.
Sáng hôm sau, anh thức dậy trước rạng đông một tiếng, với ý định làm xong hai việc. Một việc là làm ngay một chúc thư viết tay đơn giản, còn việc kia là thảo sẵn một bức điện. Ngay sau đó, trong chiếc xe họ thuê ra sân bay, anh đã nhờ Rita thị chứng chúc thư của anh, rồi giao nó cho cô ta. Anh cũng nhờ cô gửi giúp bức điện tới địa chỉ ở Oakland bang California. Họ còn trao đổi về thoả thuận chuyển nợ thành bất động sản giữa Globanic và Peru mà anh được biết qua Sergio Hurtado. Anh bảo Rita: “Khi chị đọc xong, tôi nghĩ chúng ta nên đưa Les Chippingham xem bản này. Tuy nhiên, nó chẳng liên quan gì đến việc tại sao ta đến đây, và tôi không định sử dụng tin này, nhưng tuần sau Sergio sẽ cho phát”. Anh mỉm cười. “Tôi nghĩ đó là cái ít ra ta cũng có thể làm cho Globanic, vì họ đã có công nuôi sống chúng ta”.

* * *

Chiếc Cheyenne II yên ổn rời Lima trong không khí yên tĩnh trước lúc rạng đông. Bảy mươi phút sau, máy bay đã tới đoạn đường qua rừng nơi Partridge, Minh, O’Hara và Fenandez sẽ xuống.
Lúc này trời đã sáng, có thể nhìn thấy mặt đất bên dưới. Con đường vắng ngắt; tịnh không thấy ô tô, xe tải hoặc hoạt động nào khác của con người. Hai bên đường, rừng rậm trải dài như tấm màn xanh mênh mông phủ trên mặc đất. Oswaldo Zileri ngồi ở ghế lái, rời mắt khỏi bảng điều khiển, quay vội lại gọi mấy hành khách trên máy bay:”Chúng ta sắp hạ cánh. Chuẩn bị xuống thật nhanh. Tôi không muốn đỗ lại thêm phút nào nếu không cần thiết”.

Rồi bằng động tác nhào xuống rất nhanh, ông ta cho máy bay bay dọc con đường, tiếp đất ở đoạn đường rộng hơn và dừng ngay lại sau khi lăn bánh một đoạn rất ngắn. Bốn hành khách nhanh chóng ra khỏi máy bay, mang theo ba lô cùng trang bị, và chỉ một lát sau, chiếc Cheyenne II lăn bánh lấy đà và cất cánh.

“Lẩn vào rừng ngay”, Partridge giục mấy người kia, và họ đi về phía con đường nhỏ xuyên qua rừng.

Chú thích:
1 Nhanh lên! Chớ để mất thời giờ!

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 13

Trong cái ngày thứ sáu bận rộn ấy, Partridge không hề biết cuộc khủng hoảng ở New York liên quan đến anh.

Sáng thứ hai, khi đang ăn sáng tại nhà, Margot Lloyd Mason nhận được điện thoại báo là Theodore Elliott muốn gặp bà "ngay lập tức" tại trụ sở tổ hợp Globanic ở Pleasantville. Sau khi hỏi lại, "ngay lập tức" được ấn định vào lúc mười giờ sáng. Cô thư ký ở Pleasantville thông báo đây là cuộc gặp đầu tiên trong ngày của ông chủ tịch Globanic.

Sau đó, Margot gọi một trong hai cô thư ký ở nhà, chỉ thị cho cô huỷ bỏ hoặc chuyển lại giờ các cuộc gặp gỡ của bà sáng hôm ấy. Bà không biết theo Elliott muốn gì.

Tại trụ sở Globanic, Margot phải ngồi đợi mấy phút tại phòng khách sang trọng của các uỷ viên hộ đồng chấp hành cao cấp, không biết rằng bà đang ngồi đúng chiếc ghế mà trước đó bốn ngày, phóng viên Glen Dawson của tờ Ngôi sao Bantimore đã ngồi.

Khi Margot bước vào phòng chủ tịch, Elliott không phí thời gian chào hỏi xã giao, mà hỏi ngay: "Tại sao bà không kiểm soát chặt chẽ lũ phóng viên khốn kiếp của bà ở Peru?".

Margot giật mình hỏi: "Kiểm soát cái gì? Mọi người đều khen các bài viết từ đó gửi về. Và xếp thứ hạng…". "Tôi đang nói về những tin thất thiệt; toàn một màu đen cơ". Elliott đập mạnh tay xuống bàn. "Tối qua, tôi nhận được điện thoại trực tiếp của tổng thống Castaneda từ Lima. Ông ta cho rằng tất cả tin tức mà CBA đưa về Peru đều tiêu cực và mang tính phá hoại. Ông ta tức điên lên vì cái hãng tin của bà. Tôi cũng vậy!".

Margot đáp, giọng phải chăng: "Các hãng khác và tờ Thời Báo New York cũng đưa những tin gần đúng như vậy, Theo ạ".

"Đừng nói với tôi về các hãng khác! Tôi đang nói về chúng ta kìa. Ngoài ra, có vẻ như tổng thống Castadena nghĩ tình trạng hiện nay là CBA bắt nhịp những hãng khác đi theo. Ông ta nói với tôi như vậy đấy".

Cả hai vẫn còn đang đứng. Elliott, mặt đỏ bừng vì tức giận, không mời Margot ngồi. Margot hỏi: "Có chuyện gì cụ thể không?".

"Bà nói đúng, có đấy!". Ông chủ tịch Globanic chỉ tay vào khoảng năm sáu chiếc băng video trên bàn. "Sau khi tổng thống gọi cho tôi tối qua, tôi cho người đến lấy những băng ghi chương trình tin phát trong tuần này. Sau khi xem tất cả các băng, tôi hiểu Castaneda muốn nói gì. Các chương trình toàn những tin tức tồi tệ , về việc tình hình càng ngày càng xấu đi ở Peru. Chẳng có tin nào tích cực cả! Không tin nào nói Peru có tương lai xán lạn trước mắt hay đó là nơi đi nghỉ tuyệt diệu, hoặc cái bọn phiến loạn "Con đường sáng" điên khùng chẳng bao lâu sẽ bị đánh bại". "Theo, mọi người đều nhất trí cho là chúng sẽ không bị đánh bại đâu".

Elliott giận dữ nói tiếp như thể không nghe thấy lời bà: "Tôi có thể hiểu tại sao tổng thống

Casteneda điên tiết, một điều Globanic lẽ ra không được để xảy ra, và bà thừa hiểu tại sao. Tôi đã báo trước cho bà việc đó, nhưng rõ ràng, bà đã không chịu nghe. Còn việc này nữa, Fossie Xenos cũng tức điên người. Thậm chí anh ta còn nghĩ bà có ý phá hoại hợp đồng lớn chuyển nợ thành bất động sản của anh ta".
"Chuyện tầm bậy, và tôi chắc là ông biết điều đó. Song có lẽ ta có thể làm việc gì đó để cứu vãn tình thế". Margot đang nghĩ rất nhanh, nhận thấy tình hình có vẻ nghiêm trọng hơn lúc đầu bà tưởng. Bà cũng nhận ra rằng tương lai của chính bà ở Globanic có thể dễ dàng bị ảnh hưởng.
"Tôi sẽ nói chính xác việc bà phải làm", giọng Elliott trở nên nghiêm khắc: "Tôi muốn cái tay phóng viên phá thối Partridge ấy bị lôi về trong chuyến máy bay tới và đuổi hắn ngay khỏi hãng".
"Chắc chắn tôi có thể triệu hồi anh ta, nhưng không chắc về việc thải hồi anh ta".
"Tôi nói là "đuổi ngay"! Sáng nay bà có vẻ nặng tai hay sao, Margot. Tôi muốn đuổi thằng con hoang ấy khỏi CBA, để thứ hai tới, việc đầu tiên là tôi gọi điện cho tổng thống Peru và nói: "Này ông! Tôi đã tống khứ cái thằng gây rối ấy đi rồi. Chúng tôi lấy làm tiếc đã cử hắn sang nước ông. Đó là một sai lầm tệ hại, song từ nay về sau sẽ không còn chuyện như thế nữa".
Lường trước những khó khăn bà sẽ gặp tại CBA, Margot đáp: "Theo, tôi cần phải nói rõ rằng Partridge đã làm việc cho hãng từ lâu. Có lẽ phải tới gần hai mươi lăm năm và có nhiều đóng góp tốt".
Elliott mỉm cười tinh quái: "Vậy hãy tặng thằng chó đẻ ấy chiếc đồng hồ vàng. Tôi không cần biết, miễn là tống cổ hắn đi, để thứ hai tới tôi có thể gọi điện như tôi đã nói. Và tôi còn phải báo trước cho bà một việc nữa, Margot ạ!".
"Việc gì thế, Theo?".
Elliott tới ngồi sau bàn làm việc của ông ta. Vẫy tay mời Margot ngồi, ông ta nói: "Tôi muốn nói, nghĩ rằng bọn nhà văn hay nhà báo là những người đặc biệt là rất nguy hiểm. Bọn chúng chẳng có gì đặc biệt, nhưng đôi khi chúng tin là thế, và đánh giá quá cao về vai trò quan trọng của chúng. Thực ra thì thiếu giống gì cái bọn viết lách ấy. Cắt đi một, hai thằng khác lại mọc lên, như cỏ dại ấy mà".
Thích chí vì chủ đề của mình, Elliott nói tiếp: "Những người như tôi và bà mới đáng được kể đến trên đời này, Margot ạ. Chúng ta là những người hành động, những người làm cho sự vật tiến triển hàng ngày. Vì vậy, chúng ta có thể mua được bọn ấy khi nào chúng ta muốn, và đừng bao giờ quên điều này! Với cái giá một xu hai thằng như người Anh nói. Vì thế, khi đã tống cổ cái thằng viết thuê hết hơi như Partridge bà hãy kiếm một thằng mới, một thằng nhãi ranh mới ở trường ra, như kiểu ta mua bắp cải ấy".
Margot mỉm cười, rõ ràng là cấp trên của bà đã qua cơn giận dữ nhất. "Đó là một quan niệm hay!".
"Bà áp dụng đi. Và còn một việc nữa".
"Tôi vẫn đang nghe ông nói".
"Đừng nghĩ rằng những người thuộc Globanic, trong đó có tôi, không biết rằng bà, Leon Ironwood và Fossie Xenos đang lừa miếng nhau, người nào cũng hy vọng sẽ có ngày ngồi vào vị trí của tôi hiện nay. Mà tôi phải nói với bà, Margot ạ, là giữa bà và Fossie, sáng nay Fossie tỏ ra trội hơn bà đấy".
Ông chủ tịch vẫy tay ra ý kết thúc câu chuyện. "Tất cả là vậy. Gọi điện cho tôi hôm nay khi cái vụ Peru ấy xong xuôi".

* * *

Cuối buổi sáng hôm đó, từ văn phòng của bà ở Stonehenge Margot gửi giấy báo cho Les Chippingham, ông chủ tịch Ban tin phải đến gặp bà "ngay lập tức".
Bà không thích việc sáng nay bị triệu đi; bà thích triệu người khác đến gặp bà. Bà cảm thấy hài lòng về tình huống ngược lúc này.
Margot, cũng không thích cái lối Elliott nói về việc Fossie "trội hơn bà". Nếu cái thế tương đối ấy là thực, bà nghĩ, thì bà sẽ nhanh chóng lật ngược thế cờ. Margot không định để những toan tính về sự nghiệp của mình bị đảo lộn bởi cái bà chỉ coi là vấn đề nhỏ về tổ chức, có thể nhanh chóng giải quyết dứt điểm.
Vì thế, khi Les Chippingham vừa tới vào khoảng giữa trưa, bà đi ngay vào vấn đề như Theo Elliott đã làm với bà.
"Tôi không muốn bàn cãi gì hết", bà tuyên bố. "Đây là tôi ra lệnh cho anh". Rồi bà nói tiếp: "Chấm dứt ngay việc sử dụng Harry Partridge. Tôi muốn anh ta rời khỏi CBA vào ngày mai. Tôi biết anh ta có hợp đồng làm việc, nhưng bằng cách nào đó anh phải huỷ bỏ nó ngay. Anh ta còn phải rời khỏi Peru, tốt nhất là vào ngày mai, nhưng không chậm quá chủ nhật. Nếu phải thuê bao cả chuyến máy bay, anh cứ việc làm".
Chippingham há hốc mồm, dán mắt nhìn bà ta với vẻ không tin. Được một lúc, không biết trả lời sao, ông ta nói: "Bà nói đùa!".
Margot đáp, giọng kiên quyết: "Tôi nói nghiêm tuc và tôi đã bảo không bàn cãi".
"Dẹp cái đó đi", ông cao giọng vì xúc động. "Tôi sẽ không đứng yên nhìn một trong những phóng viên giỏi nhất, đã phục vụ tốt hãng này hơn hai mươi năm, bị đẩy ra mà không có lý do gì".
"Lý do gì không phải việc của anh".
"Tôi là chủ tịch Ban tin, đúng không? Margot, mong bà xem xét lại. Mà lạy Chúa, Harry đã làm gì cơ chứ? Một việc tồi tệ à? Nếu vậy, tôi muốn biết việc đó".
"Nếu quả thực anh muốn biết, thì đó là vấn đề tin mà anh ta đưa".
"Chắc chắn đó là những tin khá nhất. Trung thực, hiểu biết, không thiên vị. Bà cứ hỏi mọi người xem".
"Tôi không cần phải làm điều ấy. Dù sao, không phải ai cũng đồng ý với anh".
Chippingham nhìn bà ta, vẻ ngờ vực. "Đây là tác phẩm của Globanic phải không?". Ông đoán bằng trực giác: "Của ông bạn của bà, lão bạo chúa tàn ác Theo Elliott ấy!". "Anh nói năng cẩn thận", bà ta cảnh cáo và quyết định cuộc nói chuyện như thế là đủ.
"Tôi không định giải thích gì thêm", Margot lạnh lùng nói, "song tôi phải nói với anh điều này: Nếu lệnh của tôi không được thi hành vào cuối giờ làm việc ngày hôm nay, anh cũng sẽ mất việc và đến mai tôi sẽ cử người khác làm quyền chủ tịch Ban tin và họ sẽ phải thi hành lệnh đó".
"Bà thực sẽ làm điều đó?", ông ta nhìn bà với vẻ ngạc nhiên và căm ghét.
"Đừng lầm tưởng, đúng, tôi sẽ làm điều đó. Và nếu anh còn muốn ở lại làm việc, hãy báo cáo tôi vào buổi chiều nay là điều tôi muốn đã được thực hiện. Bây giờ mời anh ra khỏi đây".
Chippingham đi rồi, Margot hài lòng nhận thấy khi cần thiết, bà cũng có thể cứng rắn được như Theo Elliott.

* * *

Trở lại trụ sở Ban tin CBA, vì không muốn quyết định ngay, Les Chippingham giải quyết luôn một vài công việc vặt tới gần ba giờ chiều mới chỉ thị cho cô thư ký là sẽ không tiếp ai và không trả lời điện thoại cho tới khi có lệnh mới. Ông cần có thời gian để suy nghĩ.
Đóng chặt cửa phòng, ông ngồi xuống dãy bàn họp cách xa bàn làm việc của ông, đối diện với một trong những bức hoạ mà ông ưa thích – một vùng đất cô quạnh của Andrew Wyeth. Song hôm nay, Chippingham như không thấy bức ảnh; tâm trí ông tập trung vào cái quyết định quan trọng mà ông sắp phải có.
Ông biết ông đã tới điểm khủng hoảng trong cuộc đời.
Nếu làm như Margot ra lệnh là buộc Harry Partridge thôi việc mà không có lý do rõ ràng, ông sẽ tự hạ thấp lòng tự trọng của mình; ông sẽ làm một việc đáng hổ thẹn và không công bằng đối với một người bạn, một người đồng nghiệp, một con người đứng đắn tay nghề giỏi và được kính trọng, chỉ để thoả mãn ý muốn ngông cuồng của người khác. Ông không biết người khác đó là ai, ý muốn ngông cuồng đó là gì, nhưng ông tin cuối cùng ông và mọi người cũng sẽ tìm ra. Còn lúc này, ông nghĩ thế nào Theodore Elliott cũng có dính dáng, và xem xét qua phản ứng của Margot ông tin là mình đoán đúng.
Liệu Les Chippingham có chấp nhận làm điều đó không? Đối chiếu với những tiêu chuẩn mà ông theo suốt cả cuộc đời, ông không thể làm như vậy được.
Song mặt khác, và quả là còn một mặt khác, là nếu ông, Les Chippingham không làm, sẽ có người khác làm việc ấy. Margot đã nói rất rõ. Và bà ta sẽ chẳng khó khăn gì không tìm được người khác. Chắc chắn là như vậy, vì những kẻ tham vọng chẳng thiếu gì, kể cả trong Ban tin CBA.
Như vậy, dẫu sao chăng nữa sự nghiệp của Partridge cũng tiêu tan, ít ra là ở CBA, điều quan trọng là ở điểm đó.
Khi có tin, mà hẳn là sẽ rất nhanh, là Harry Partridge đi khỏi CBA và chưa làm cho ai, anh sẽ không bị thất nghiệp tới mười lăm phút. Các hãng khác sẽ đổ xô nhau mời anh làm cho họ. Harry là một "ngôi sao", một "tay anh chị" có tiếng là tử tế, nên với anh có đi khỏi CBA cũng chẳng hại gì. Không gì có thể đánh quỵ được Harry Partridge. Thực tế, với một hợp đồng mới ở một hãng mới, có lẽ lại là tốt cho anh hơn.
Nhưng còn một ông chủ tịch Ban tin bị mất việc thì sao? Đó lại là chuyện hoàn toàn khác, và Chippingham biết rõ hoàn cảnh của mình nếu Margot làm như bà ta nói mà ông tin là bà ta sẽ làm, nếu ông không theo ý muốn của bà ta.
Là chủ tịch Ban tin, ông cũng có một hợp đồng làm việc, và sẽ được nhận khoảng một triệu đôla nếu hợp đồng bị huỷ sớm. Một triệu nghe có vẻ to, nhưng thực ra lại không phải như thế. Một khoản khá lớn sẽ phải dùng để trả thuế. Và rồi các chủ nợ cũng sẽ cấu xé phần còn lại, vì ông nợ rất nhiều. Còn được chút nào, các luật sư giải quyết đơn li dị của Stasia sẽ thèm thuồng nhòm ngó. Cuối cùng là, ông sẽ rất ngạc nhiên nếu còn lại được số tiền đủ cho hai người ăn tối ở hiệu Bốn Mùa!
Rồi lại còn vấn đề kiếm đâu ra việc làm. Không như Partridge, các hãng khác sẽ không chạy theo ông. Một lý do là mỗi hãng chỉ có một chủ tịch Ban tin, mà ông thì không nghe có hãng nào khuyết chân ấy. Ngoài ra, các hãng muốn những ông chủ tịch tin thành đạt, chứ đâu phải người

bị mất việc trong những hoàn cảnh rất đáng ngờ. Các vị cựu chủ tịch ban tin chưa có việc vẫn còn sờ sờ ra đó!
Tựu trung là ông sẽ phải bằng lòng với một công việc thấp hơn, và hầu như chắc chắn là với số tiền ít hơn nhiều; thế mà Stasia vẫn sẽ muốn chấm mút vào đó nữa.
Viễn cảnh chẳng hay ho gì. Trừ phi - trừ phi ông làm điều Margot muốn.
Nói theo ngôn ngữ kịch, ông nghĩ, những việc ông làm sắp làm lột đi từng lớp của tâm hồn, nhìn sâu vào trong và không thích những gì mình thấy.
Song kết luận không tránh khỏi là: trong cuộc đời, có những lúc phải nghĩ đến việc tự bảo tồn trước hết. Harry, tôi ghét phải làm việc này, ông thầm nhủ, nhưng tôi không còn cách nào khác nữa.

* * *

Mười lăm phút sau, Chippingham đọc lại bức thư ông tự đánh lấy trên chiếc máy chữ thường cũ rích hiệu Underwood mà ông vẫn giữ trên bàn làm việc như một kỷ niệm thuở xưa.
Bức thư viết:
Harry thân mến,
Tôi rất lấy làm tiêc phải báo với anh là hợp đồng làm việc vói CBA của anh bị huỷ bỏ và có hiệu lực ngay lập tức.
Theo điều khoản hợp đồng với CBA…
Vì gần đây đã có dịp xem lại, ông biết hợp đồng của Partridge có điều khoản "cho nghỉ có lương", tức là nếu hãng huỷ bỏ hợp đồng, nó buộc phải trả số tiền từ lúc đó cho đến khi hết hợp đồng. Trong trường hợp Partridge, thời gian đó là một năm.
Cũng trong hợp đồng, có điều khoản "không gây tranh chấp" quy định rằng khi chấp nhận "nghỉ có lương", Partridge đồng ý không làm cho một hãng khác ít nhất là trong vòng sáu tháng.
Trong thư, Chippingham lờ điều khoản "không gây tranh chấp" đi, để Harry Partridge vẫn được lãnh đủ số tiền hãng trả, nhưng tự do nhận việc làm ngay ở một hãng khác. Chippingham tin rằng, trong những hoàn cảnh như thế này, đó là điều ít ra ông cũng giúp được Harry.
Ông định gởi thư qua Lima bằng máy fax. Ở phòng ngoài có máy và ông sẽ tự mình gửi đi. Theo phản xạ tự nhiên, ông lật úp lá thư xuống.
Crawford Sloane bước vào. Anh đang cầm trên tay tờ tin điện. Anh nói, giọng nghẹn ngào, nước mắt chảy dài trên má. "Leslie", Sloane nói. "Tôi cần gặp anh. Tin này vừa mới đến".
Anh đưa tờ tin điện. Chippingham cầm đọc. Nó đưa lại tin của tờ diễn đàn Chicago từ Lima nói về việc tìm thấy đầu của Angus Sloane.
"Ôi, lạy Chúa! Crwaf, tôi…", không thể nói hết câu, Chippingham lắc đầu, rồi dang rộng hai tay, và hai người bất giác ôm chặt nhau.
Buông tay ra, Sloane nói: "Đừng nói gì thêm. Tôi không dám chắc là tôi có thể làm nổi. Tôi không thể xuất hiện trong bản tin tối nay. Tôi đã nói mọi người gọi Teresao Toy"
"Đừng nghĩ đến việc ấy, Crawf!" Chippingham bảo. "Chúng tôi sẽ lo liệu".
"Không!", Sloane lắc đầu. "Còn việc nữa, tôi phải làm. Tôi muốn thuê một chếc Learjet đi Lima. Tôi phải tới đó, khi vẫn còn khả năng cứu Jessica và Nicky".
Sloane ngừng lại, cố trấn tỉnh, rồi nói thêm: "Trước hết tôi trở lại Larchmont, rồi ra sân bay

Teterboro”.
Chippingham hỏi, giọng lưỡng lự: “Anh chắc vậy sao, Crawf? Làm vậy có phải là khôn ngoan không?”.
“Tôi sẽ đi, Leslie ạ”, Sloane trả lời. “Đừng có ngăn cản tôi. Nếu CBA không chi, tôi sẽ trả tiền thuê máy bay”. “Không cần phải thế. Tôi sẽ ra lệnh thuê máy bay”. Chippingham đáp.
Sau đó, ông lệnh thuê máy bay. May bay sẽ rời Teterboro tối hôm đó và sẽ tới Peru vào sáng hôm sau.
Vì cái tin đau đột ngột về cái chết của Angus Sloane, mãi tới gần hết buổi chiều Chippingham mới ký và gửi bức thư bằng đường fax qua Lima. Sau khi cô thư ký đã ra về, Chippingham gọi số fax ở Entel Peru, ở đó người ta sẽ chuyển về phòng dành cho CBA trong cùng nhà. Ông cũng đánh thêm mấy chữ, yêu cầu cho bức thư vào phong bì và đề địa chỉ “Ông Harry Partridge” cùng chữ “thư riêng”.
Chippingham đã tính báo cho Crawford Sloane về chuyện bức thư, nhưng sau ông nghĩ cả tuần Crawf bị choáng như thế đã đủ lắm rồi. Ông biết Crawf cũng như Partridge sẽ rất tức giận, và nghĩ thế nào họ cũng công phẫn gọi điện đòi giải thích lý do. Nhưng đó là chuyện ngày mai, và Chippingham sẽ phải lựa cách mà trả lời cho êm.
Cuối cùng Chippingham gọi điện cho Margot Lloyd- Mason, lúc ấy là sáu giờ mười lăm phút, song bà ta vẫn còn ở văn phòng. Trước tiên ông thông báo: “Tôi đã làm việc bà yêu cầu”, sau đó báo tin về cái chết của ông bố Crawford Sloane.
“Tôi có nghe”, bà ta trả lời, “và rất lấy làm tiếc. Về việc kia, anh cũng kịp làm vào phút chót và tôi đã bắt đầu nghĩ anh sẽ không gọi. Dù sao cũng cảm ơn anh”.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 14

Vào cách xa con đường nơi chiếc Cheyenne II đã đậu, còn đường xuyên rừng trở nên khó đi, làm Partridge và mọi người đi chậm lại.

Con đường mòn, nếu có thể gọi như vậy, cỏ mọc um tùm, che kín không thấy lối đi. Để qua được những đám dây rừng rậm rì treo trước mặt, họ phải dùng dao mở lối, hy vọng sẽ thấy khoảng trống ở phía sau. Tàn lá cây cao phủ kín trên đầu, bầu trời âm u báo hiệu cơn mưa sắp tới. Nhiều thân cây rất to lồi lõm, xù xì và lá mượt. Partridge nhớ đã đọc ở đâu là có tới tám ngàn loài cây khác nhau ở Peru. Ở tầng thấp hơn, các loại tre nứa, dương xỉ, dây leo và tầm gửi đan chằng chịt khắp nơi, tạo thành cái mà trong tài liệu anh đọc mô tả là "địa ngục màu xanh". Từ "địa ngục" thật thích hợp với hôm nay, vì cả bốn người đang phải chịu đựng cái nóng hầm hập như trong nồi hầm. Mồ hôi tuôn ra khắp người, và tệ hại hơn nữa là đám côn trùng, sâu bọ. Lúc đầu họ xoa thuốc chống muỗi khắp người, vừa đi lại vừa bôi thêm nhưng như O'Hara mô tả: "Lũ quỷ nhỏ này hình như thích thứ thuốc này hay sao ấy".

Rất may là khi họ lại tìm thấy đường mòn, ở nhiều nơi tán lá ken dầy trên đầu làm cho cây cỏ đỡ rậm rạp, và vì thế họ đi cũng dễ dàng hơn. Rõ ràng không có con đường mòn này thì không thể đi được.
"Lối này chẳng mấy ai đi", Fernandez nói. "chính thế mà lại hoá hay".

Mục tiêu của họ là Nueva Esperanza, nhưng họ sẽ ở xa phía ngoài, tìm một vị trí cao hơn để từ đó, náu kín trong rừng, họ sẽ quan sát làng đó chủ yếu là vào ban ngày. Rồi tuỳ tình hình cụ thể họ sẽ tính toán kế hoạch hành động.

Toàn bộ khu vực rộng khoảng hơn một trăm dặm vuông, từ chỗ con sông Huallaga chảy qua, là rừng rậm xen lẫn vùng đồng bằng mấp mô. Song trên tấm bản đồ, đường mức tỷ lệ lớn Fernandez mang theo cho thấy gần mục tiêu của họ có mấy ngọn đồi, một ngọn có thể dùng làm đài quan sát. Từ chỗ họ đến Nueva Esperanza khoảng chín dặm, một khoảng cách có thể vượt qua trong điều kiện như thế này.
Một điều Partridge còn nhớ là thông báo thứ hai của Jessica trong cuốn băng ghi hình. Như Crawford Sloane viết trong thư dán kín mà Rita cầm tay sang Peru cho anh, Jessica đã gãi tai trái, có nghĩa là: việc canh phòng ở đây đôi khi lỏng lẻo. Từ ngoài tấn công vào có thể thành công. Không lâu nữa, sẽ biết thông tin đó chính xác hay không.
Còn lúc này, họ vẫn đang vật lộn với rừng rậm.

Mãi xế chiều hôm ấy, khi mọi người đã gần kiệt sức, Fernandez mới báo là có thể đã gần đến Nueva Esperanza. “Tôi nghĩ chúng ta đã đi được khoảng bảy dặm”, anh ta nói, rồi dè chừng trước: “Không được để ai thấy chúng ta. Nếu nghe có người tới, chúng ta lập tức phải tản vào rừng”.
Nhìn đám cây rậm đầy gai góc hai bên lối mòn, Minh Văn Cảnh nói: “Anh nói chí phải, nhưng hy vọng chúng ta không phải làm thế”.
Ngay sau lúc Fernandez nói, đường trở nên dễ đi hơn và có nhiều lối mòn khác cắt ngang lối họ. Fernandez giải thích rằng toàn bộ vùng đồi dốc này là vùng trồng côca, mà vào lúc khác trong năm, hoạt động nhộn nhịp. Trong mùa trồng côca, khoảng từ bốn đến sáu tháng, cây côca ít cần phải chăm nom; vì thế, người trồng phần lớn sống ở nơi khác, đến vụ thu hoạch mới đến trở lại và ở trong nữhng lán tren đồi.
Dùng bản đồ và địa bàn, Fernandez tiếp tục dẫn đường cho ba người kia, đồng thời họ biết là đang leo ngược đường đồi vì bước đi phải mất nhiều sức hơn. Một tiếng sau, họ tới một khoảng đồi trống và nhìn thấy một chiếc lán trong đám cây rừng.
Tới lúc này Partridge thấy rõ Fernandez biết vùng này rõ hơn anh ta thừa nhận trước đây. Khi được hỏi, anh ta thú nhận: “Trước đây tôi đã đến đây nhiều lần”.
Partridge nén tiếng thở dài. Có phải Fernandez cũng là một người trong đám người có vẻ đàng hoàng song lại kiếm lời một cách ranh ma, vụng trộm trong nghề buôn bán ma tuý ở đâu cũng gặp này không? Mỹ Latinh, đặc biệt là Caribe đầy những kẻ vờ vĩnh loại này; rất nhiều người trong số đó ở những chức vụ cao.
Như đoán được điều anh đang nghĩ, Fernandez nói thêm. “Một lần tôi tới đây dự cuộc “đi săn” mà chính phủ nước tôi tiến hành theo yêu cầu của Bộ Ngoại giao nước ông. Có một vị khách, tôi nghĩ là ông Bộ trưởng Bộ tư pháp và các phương tiện thông tin báo chí cũng được đưa đến. Tôi là một người trong số đó”.
Mặc dù có ý nghĩ lúc trước, Partridge bất giác mỉm cười trước cái từ “đi săn” mà anh ta dùng. Các phóng viên dùng từ đó với ý miệt thị khi chính phủ một nước dàn dựng cảnh chống ma tuý để gây ấn tượng với phái đoàn Mỹ đang ở thăm nước đó. Partridge có thể hình dung ra cảnh đó ở đây; quân đội do máy bay trực thăng chở tới “đột nhập” khu vực này, nhổ và đốt một vài mẫu cây côca, và dùng thốc nổ phá huỷ một hai xưởng chế biến. Các vị khách sẽ ca ngợi cố gắng chống ma tuý của của chính nước chủ nhà, vì không biết hoặc giả bộ không biết việc hàng ngàn mẫu côca và hàng chục xưởng chế biến gần đó vẫn không hề bị đụng đến.
Ngày hôm sau, ảnh các vị khách xuất hiện trên báo chí, cùng những lời tuyên bố của họ; sau đó đến lượt truyền hình lặp lại. Các phóng viên, tuy biết mình đang dự một trò đánh đố, nhưng không bỏ qua được vì những người khác cũng đang ghi ghi chép chép, nên đành vuốt bụng mà nuốt cho trôi.
Chuyện đó đã xảy ra ở Peru, một nước chẳng phải độc tài hay cộng sản, nhưng Partridge nghĩ không lâu nữa nó sẽ là một trong hai loại ấy.
Fernandez kiểm tra khoảng trống họ vừa tới, kể cả chiếc làn, hài lòng thấy không có ai ở đó. Sau đó anh ta lại dẫn mọi người theo hướng nam vào rừng. Mới đi được một đoạn, Fernandez ra hiệu cho mọi người dừng lại. Lát sau, anh rẽ đám dương xỉ và vẫy mọi người lại nhìn. Từng người một tới coi, thấy một số ngôi nhà xiêu vẹo cách chỗ họ đứng chừng nửa dặm và thấp hơn khoảng hai trăm phít. Có khoảng hơn hai chục túp lều trên bờ sông. Một con đường lầy lội chạy từ các ngôi nhà ra bến sông bằng gỗ xù xì neo mấy chiếc thuyền đủ loại chắp vá.

Partridge nói nhỏ: “Mọi người giỏi thật”. Rồi anh nói thêm, giọng vui vẻ: “Tôi nghĩ chúng ta đã tìm thấy Nueva Esperanza”.

* * *

Trên đường đi, Partridge trao cho Fernandez quyền dẫn đường, nhưng tới lúc này anh trở lại nắm quyền chỉ huy.

“Chả mấy lúc nữa là trời tối”, anh nói với mọi người. Mặt trời đã xuống gần đường chân trời; chuyến đi kéo dài hơn họ tưởng rất nhiều. “Tôi muốn quan sát được càng nhiều càng tốt trước khi trời tối. Minh, hãy mang ống nhòm tới đây với tôi. Fernandez và Ken đứng cảnh giới, một anh canh chừng, đề phòng có người phía sau tới. Tuỳ hai anh phân công nhau, nếu có người báo tôi ngay”.

Gần tới vạt rừng mà từ phía dưới không nhìn thấy họ, Partridge nằm xuống, bò, mang theo chiếc ống nhòm, Minh cũng làm theo, đang bò cạnh anh. Họ dừng lại khi đã nhìn rõ phía dưới, người khuất sau lùm cây.

Partridge từ từ giương ống nhòm quan sát khu bên dưới.

Không thấy động tĩnh gì. Ngoài bến sông, hai người đàn ông đang tháo động cơ gắn ở sau thuyền. Một phụ nữ đem đổ một chậu rác ở sau túp nhà rồi lại trở vào. Một người từ trong rừng đi về phía một nhà khác và mở của vào. Hai con chó gầy giơ xương đang bới tìm ăn trong đống rác. Rác rưởi quăng lung tung khắp nơi. Nhìn chung Nueva Esperanza có vẻ là một khu ổ chuột trong vùng rừng rậm.

Partridge chiếu ống nhòm quan sát từng nhà một, mỗi nhà mấy phút. Có thể các con tin đang bị giam giữ trong những ngôi nhà đó, nhưng không biết rõ là ở nhà nào. Anh nghĩ rõ ràng cần phải quan sát hẳn một ngày, nên không thể ngay đêm nay vào cứu mấy người và đưa đi bằng máy bay vào sáng ngày mai. Anh nằm im, chờ đợi và quan sát trong khi trời tối hẳn.

Ở xứ nhiệt đới bao giờ cũng vậy, trời sập tối ngay khi mặt trời lặn. Ánh đèn leo lét xuất hiện trong các nhà, xoá đi dấu vết còn lại của một ngày. Bỏ ống nhòm xuống, Partridge giụi mắt đang mỏi căng sau hơn một giờ tập trung quan sát phía dưới. Anh tin là hôm nay họ không thể thấy gì thêm.

Đúng lúc đó, Minh kéo tay anh, chỉ về phía những túp nhà bên dưới. Partridge lại đưa ông nhòm lên quian sát. Lập tức anh trông thấy trong ánh sáng lờ mờ, bóng một người đàn ông đi về phía cuối đường giữa hai dãy nhà, có vẻ đi làm một việc gì đó có định trước. Có cái gì đó khang khác, Partridge căng mắt nhìn và đã nhận ra. Người kia đang đeo trên vai khẩu súng trường. Cả Partridge và Minh tiếp tục dùng ống nhòm theo dõi.

Cách xa các ngôi nhà khác là một túp nhà nhỏ trơ trọi. Trước đó, Partridge cũng đã thấy nó nhưng không chú ý vì chẳng có gì đặc biệt. Lúc này, gã đàn ông đã tới và vào trong ngôi nhà. Tường trước ngôi nhà có một chỗ hổng, hắt ra ánh đèn mờ mờ.

Họ vẫn tiếp tục quan sát đến mấy phút nhưng không thấy gì. Rồi từ trong nhà đó, bóng một người khác bước ra. Ngay cả trong ánh đèn mờ, họ cũng thấy rõ hai điều: đây là một gã đàn ông khác, và gã này cũng mang súng.

Partridge hồi hộp tự hỏi có phải họ vừa chứng kiến việc đổi gác tù hay không? Cần phải xác minh thêm, nên họ sẽ phải tiếp tục theo dõi. Song rất có thể là túp nhà đứng trơ trọi kia chính là nơi Jessica và Nicky đang bị giam giữ.

Anh cố không nghĩ tới khả năng là cho tới một hai hôm trước, Angus Sloane cũng bị giam ở đấy.

* * *

Mấy giờ trôi qua.

Partridge bảo mọi người: "Chúng ta cần phải biết các hoạt động ban đêm ở Nueva Esperanza thế nào, trong bao lâu và khi nào các nhà tắt đèn đi ngủ. Tôi muốn ghi lại tất cả những cái đó". Theo yêu cầu của Partridge, một mình Minh tiếp tục ở lại chờ quan sát một giờ nữa, sau đó Ken O'Hara sẽ đến thay anh ta.

"Mọi người cố mà nghỉ ngơi", Partridge ra lệnh. "Nhưng phải luôn có người ở vị trí quan sát và cảnh giới, tức là chỉ có hai người có thể ngủ một lượt". Sau khi trao đổi, họ quyết định sẽ đổi gác cho nhau hai tiếng một lần.

Trước đó, Fernandez đã buộc võng, mắc màn trong túp lều họ tìm thấy khi mới đến. Nằm võng cũng chẳng thoải mái gì, song sau một ngày mệt rã rời, chẳng ai để ý và đều lăn ra ngủ. Đêm ấy, khi trời đổ mưa to, mái lều dột, mọi người càng thấy việc mang theo ni lông là đúng. Fernandez khéo léo phủ kín võng, nên những người đang ngủ không bị ướt. Những người ở ngoài co ro trong tấm ni lông; hơn nửa tiếng sau cơn mưa mới tạnh.

Ăn uống cũng không thành vấn đề. Mỗi người tự lo đồ ăn thức uống, nhưng tất cả đều biết rằng phải dè xẻn đồ ăn khô. Số nước mang theo từ Lima hôm trước đã uống hết, nên mấy tiếng trước đó, Fernandez đã lấy nước suối vào đầy các chai và cho thuốc khử trùng vào. Anh đã báo trước là hầu như nước ở đây đều bị ô nhiễm vì hoá chất mà các nhà chế biến ma tuý sử dụng. Nước trong chai có vị rất kinh, nên mọi người chỉ uống rất ít.

Rạng sáng hôm sau, Partridge đã có câu trả lời cho những vấn đề có liên quan đến các hoạt động về đêm ở Nueva Esperanza; không có gì nhiều ngoài tiếng ghi ta trong cơn say từ nhà vọng ra. Tất cả chỉ diễn ra trong khoảng ba tiếng rưỡi từ khi trời tối. Đến một rưỡi sáng, cả làng im lìm và tối đen.

Cứ cho giả thiết của Partridge về tụi gác và nơi giam con tin là đúng, họ vẫn vần biết bao lâu chúng đổi gác một lần, và vào lúc nào. Cho tới sáng, họ vẫn chưa biết được điều đó. Có thể, chúng thay gác lúc nào đó trong đêm, song họ đã không nhận thấy.

Việc theo dõi tiếp tục cả ngày hôm sau.

Việc cảnh giới và cử người theo dõi vẫn được duy trì; ngay cả ban ngày, võng vẫn được mắc cho người không phải làm nhiệm vụ. Mọi người đều tranh thủ nằm nghỉ trên võng, hiểu rằng họ cần phải giữ sức cho những việc về sau.

Buổi chiều, đến lượt nằm nghỉ trên võng, Partridge trầm ngâm suy nghĩ về những gì anh và mọi người đang làm, mơ màng tự hỏi: Tất cả chuyện này là thực ư? Một lực lượng nhỏ, không chuyên như thế này mà định tiến hành cứu con tin sao? Chỉ vài giờ nữa chứ không hơn, họ sẽ phải lao vào chém giết hoặc bị giết. Như thế có phải là điên rồ không? Giống như câu trong Macbeth: "…cơn sốt thất thường của cuộc đời…".

Anh là một phóng viên chuyên nghiệp, đúng không? Một phóng viên truyền hình, người theo dõi đưa tin chiến tranh và xung đột, chứ không phải là kẻ trong cuộc. Thế mà bỗng nhiên, tự anh quyết định trở thành một kẻ phiêu lưu, một lính đánh thuê, một kẻ đóng vai người lính. Liệu việc đổi vai như vậy có phải lẽ không?

Dù câu trả lời là thế nào, vẫn có một câu hỏi khác. Nếu anh, Harry Partridge không làm được những gì cần làm ở đây, vào lúc này, thì ai sẽ làm được?

Rồi nữa: một phóng viên đưa tin chiến tranh, nhất là phóng viên truyền hình luôn gần kề với bạo lực, chấn thương, trọng thương và chết đột ngột. Anh ta, hoặc chị ta luôn sống trong nguy

hiểm, chia sẻ, nhiều khi chịu đựng nguy hiểm, để rồi đêm đêm đưa chúng đến các phòng ở gọn gàng, sạch sẽ của các gia đình trong các thành phố của nước Mỹ, nơi chúng chỉ còn là những hình ảnh trên màn hình, và vì vậy, không còn nguy hiểm đối với người xem.
Thế nhưng, những hình ảnh ấy ngày càng trở nên nguy hiểm, ngày càng gần hơn, cả về thời gian lẫn không gian, và chẳng bao lâu sẽ không chỉ là những hình ảnh trên tuyền hình, mà trở thành một thực tế phũ phàng trong các thành phố và đường phố Mỹ, nơi tội ác đã mò tới. Giờ đây, bạo lực và khủng bố trong cái nửa thế giới bị thiệt thòi, bị chia rẽ và bị chiến tranh tàn phá ấy đã đến gần, ngày càng gần nước Mỹ hơn.
Đó là điều không tranh khỏi, là điều các học giả quốc tế đã tiên liệu từ lâu.
Học thuyết Monroe, đã từng được coi là lá bù hộ mệnh của Mỹ không còn thiêng nữa; bây giờ ít người còn nói tới học thuyết ấy. Việc bọn tay chân của nước ngoài bắt cóc người nhà Sloane ngay tại nước Mỹ cho thấy khủng bố quốc tế đã lan tới nơi này. Rồi sẽ còn nhiều, rất nhiều vụ đánh bom khủng bố, bắt cóc con tin, bắn giết trên đường phố. Bi kịch là ở chỗ không có cách nào tránh được điều ấy. Và bi kịch không kém, dù thích hay không cũng vậy, là rất nhiều người không phải trong cuộc chẳng bao lâu cũng phải dính vào.
Vì vậy vào lúc này, Partridge nghĩ, việc anh và ba người kia tham gia vào vụ này không phải là không thực. Anh ngờ rằng nhất là Minh sẽ không thấy gì mâu thuẫn trong tình huống này. Minh, người đã trải qua và sống sót trong cuộc chiến tranh chia rẽ khủng khiếp ngay trên đất nước của anh ta, sẽ chấp nhận việc họ hiện đang làm dễ dàng hơn những người khác.
Trùm lên tất cả những suy nghĩ ấy của anh, và theo một cách rất riêng tư, là hình ảnh Jessica. Jessica có lẽ đang gần kề bên anh, đâu đó trong túp nhà kia. Trong tâm trí của anh, những kỷ niệm và tính cách của Jessica-Gemma hoà trộn với nhau.
Sau đó… anh thấy thoàn thân trã rời… và ngủ thiếp đi.
Tỉnh dậy trước khi đến lượt ra nơi quan sát khoảng mười lăm phút, anh nhảy khỏi võng và ra ngoài kiểm tra tình hình chung.
Vẫn như lúc trước, người cảnh giới không thấy có gì cần phải báo động. Tuy nhiên, nơi quan sát đã có được những thông tin và nhận định cụ thể:
Một người mang súng trường đến thay cho người kia ở đúng nơi mà họ thấy tối hôm trước. Như vậy có thể là mấy người đang bị giam giữ trong ngôi nhà đứng tách biệt những nhà khác ấy. Có lẽ cứ bốn giờ đổi gác một lần, nhưng vào lúc nào thì chưa biết chính xác. Việc thay gác có khi chậm đến hai mươi phút, và Partridge tin rằng điều đó cho thấy bọn gác cũng làm cho qua chuyện, xác minh điều Jessica bảo: việc canh gác ở đây đôi khi lỏng lẻo.
Buổi sáng có một phụ nữ đến chỗ mà họ cho là nơi giam giữ các con tin hai lần, mang theo những thứ có lẽ trong đựng đồ ăn. Cũng chính người đem đồ ăn tới này lại ra khỏi nhà hai lần, mang bô đổ vào rừng.
Trong làng, chỉ có căn nhà nói trên là có gác hoặc trạm gác.
Tuy bọn gác được trang bị súng trường tự động, song trông chúng không có vẻ là lính, hoặc đã được huấn luyện quy củ.
Ban ngày, việc ra vào Nueva Esperanza đều bằng thuyền. Không thấy đường ô tô. Các động cơ gắn ở thuyền hình như không có khoá; vì vậy, nếu thoát ra bằng đường sông, có thể dễ dàng lấy trộm được thuyền. Mặt khác, còn rất nhiều thuyền mà chúng có thể dùng để đuổi theo chiếc bị mất. Rất thạo thuyền, Ken O'Hara xác định được ngay những thuyền tốt nhất.
Những người quan sát đều có cảm giác, mới chỉ là cảm giác, bọn đang bị họ theo dõi có vẻ ung

dung, chứng tỏ chúng không nghĩ người ngoài có thể đột nhập vào được. “Nếu không”, Fernandez vạch rõ, “chúng đã tổ chức tuần tra khu vực xung quanh, kể cả ở đây, để tìm những người như chúng ta”.
Chập tối, Partridge gọi ba người kia lại và bảo: “Chúng ta quan sát như vậy là đủ. Tôi nay chúng ta sẽ vào làng”.
Anh bảo Fernandez: “Anh sẽ dẫn đường. Tôi muốn đến được căn nhà đó vào lúc hai giờ sáng. Dọc đường mọi người phải giữ im lặng. Nếu muốn báo cho nhau cái gì phải nói thầm”.
Minh hỏi: “Anh có phân nhiệm vụ chiến đấu không, Harry?”.
“Có”, Partridge trả lời. “Tôi sẽ vào gần xem xét, rồi lọt vào nhà trước. Tôi muốn anh Minh theo sát bảo vệ phía sau cho tôi. Fernandez ở ngoài theo dõi các nhà xem có ai ra không, rồi nhập bọn chúng tôi khi cần”.
Fernandez gật đầu.
Quay sang phía O’Hara, Partridge bảo: “Ken, anh ra thẳng bến sông. Tôi đã quyết định chúng ta thoát ra bằng thuyền. Tôi không biết tình trạnh sức khoẻ của Jessica và Nicky hiện giờ ra sao, song có thể họ không đủ sức cho chuyến đi như lúc ta tới”.
“Hiểu rồi”, O’Hara bảo. “Tôi nghĩ anh muốn tôi kiếm một hiếc thuyền”.
“Đúng, và nếu có thể được, anh hãy phá hỏnng những chiếc khác. Nhưng nhớ là đừng gây tiếng động”.
“Nhưng khi nổ máy sẽ có tiếng ồn…”. “Không”, Partridge nói. “chúng ta sẽ phải bơi thuyền ra giữa sông, rồi để thuyền trôi xuôi. Rất may sông chảy đúng theo hướng ta đi. Khi thuyền đã cách xa làng mới nổ máy”.
Ngay cả trong lúc đang nói, Partridge cũng biết đó là trong trường hợp mọi chuyện đều trôi chảy. Nếu không, họ sẽ phải tìm mọi cách xử lý các tình huống ngay tại chỗ, kể cả sử dụng vũ khí.
Nhớ đến việc hẹn hãng Aerolibertad cho máy bay tới đón vào lúc tám giờ sáng, Fernandez hỏi: “Anh đã quyết định máy bay sẽ tới đón ở đâu chưa, ở Sion hay chỗ khác?”.
“Khi đi thuyền tôi sẽ chọn, tuỳ thuộc vào kết quả ta làm và có bao nhiêu thời gian”.
Việc cần làm lúc này, Partridge kết luận, là kiểm tra vũ khí, bỏ bớt các trang bị không cần thiết cho gọn nhẹ và có thể đi được nhanh.
Mọi người đều cảm thấy xen lẫn nỗi lo âu.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 15

Sáng thứ bảy, sau khi thấy chiếc Cheyenne II của Aerolibertad cất cánh, Rita Abrams trở lại Lima và hoàn toàn bất ngời vì hai lẽ.

Một là, cô không hề nghĩ Crawford Sloane sẽ có mặt ở đây. Bức điện để trong phòng dành cho CBA ở Entel Peru báo sáng sớm hôm sau Sloane sẽ tới Lima; như vậy thực ra là đã đến đây rồi. Cô vội vàng gọi điện tới khách sạn Cesar và nói Sloane sẽ thuê buồng ở. Vẫn chưa thấy Crawford tới nhận phòng, nên cô để lại mấy chữ báo cho anh biết cô đang ở đâu, và đề nghị anh gọi điện cho cô.

Hai là, và cái này còn bất ngờ hơn, là bức thư của Leslie Chippingham gửi bằng fax cho Harry Partridge. Đề nghị kèm theo là cho thư vào phong bì đề ngoài "thư riêng" rõ ràng không được người điều khiển máy để ý, nó được để nguyên như vậy cùng các thứ khác, nên ai cũng có thể đọc được. Rita đọc và không tin vào mắt mình.

Harry đã bị CBA cho thôi, bị đuổi việc! "Có hiệu lực ngay lập tức" như trong thư viết, và anh sẽ phải rời Peru "tốt nhất" là vào thứ bảy, tức là hôm nay, "dứt khoát" không được chậm quá chủ nhật! Nếu không có chuyến bay hàng ngày đến Mỹ, anh được phép thuê máy bay riêng. Gớm chưa!

Càng nghĩ, Rita càng thấy chuyện đó thật lố bịch và vô nhân đạo, nhất là vào lúc này. Cô tự hỏi, liệu việc Crawford đến Lima có liên quan gì tới chuyện đó không? Cô tin là có, và nóng lòng chờ điện thoại của Sloane trong khi càng thêm tức giận trước cách đối xử tàn tệ với Harry.

Còn bây giờ, cô không có cách nào báo cho Partridge biết nội dung thư, vì anh đã ở trong vùng rừng rậm, đang trên đường tới Nueva Esperanza.

* * *

Sloane không gọi điện thoại. Sau khi đến khách sạn và thấy giấy nhắn của Rita, anh lập tức đi tắc xi đến Entel. Trước đây anh đã từng có việc tới Lima, nên anh biết đường đi lối lại.

Câu đầu tiên anh hỏi Rita là: "Harry đâu?". "Trong rừng rậm, liều mình để cứu vợ con anh", cô trả lời. Rồi cô lôi ngay bức thư gửi fax ra và hỏi: "Thế này là thế nào?".
"Chị bảo sao?" Crawford Sloane cầm bức thư đọc, trong khi Rita đứng nhìn. Anh đọc bức thư

hai lần, rồi lắc đầu: "Chắc là nhầm. Nhất định là thế".
Rita hỏi, vẫn với giọng cay nghiệt: "Không lẽ anh định bảo tôi anh không biết gì về việc này sao?". "Tất nhiên tôi không biết", Sloane bực dọc lắc đầu. "Harry là bạn của tôi. Ngay lúc này, tôi cần anh ấy hơn bất cứ người nào khác trên đời. Xin chị cho tôi biết anh ấy đang làm gì trong từng rậm – có phải chị vừa nói vậy không?". Rõ ràng Sloane coi bức thư kia là vô lý, không cần để ý đến nó cho tốn thời gian.

Rita cố nuốt nước bọt, nước mắt đầm đìa. Cô giận mình đã hiểu sai và không công bằng. "Ôi, lạy Chúa, Crawford! Tôi xin lỗi!". Đến lúc này cô mới nhận thấy những nếp nhăn vì căng thẳng trên khuôn mặt người phát thanh viên, cũng như nỗi đau khắc khoải trong ánh mắt anh. Trông anh tiều tuỵ đi nhiều so với lần cuối cô thấy anh cách đây tám ngày. "Tôi cứ nghĩ chắc thế nào anh cũng… Thôi, không nói chuyện đó nữa".

Bình tĩnh lại, Rita nói: "Đây là những gì Harry và mấy người khác đang cố gắng làm". Cô nói lại chuyến đi tới Nueva Esperanza và những việc Harry hy vọng làm được. Cô cũng nói kỹ về những việc trước đó, giải thích lo lắng của Partridge là nói chuyện qua điện thoại không bảo đảm và đó là lý do tại sao anh không báo New York biết kế hoạch của anh.

Cuối cùng, Sloane bảo: "Tôi muốn nói chuyện với người lái máy bay hôm ấy xem sự thể thế nào khi anh ta chia tay Harry và mấy người kia. Tên anh là gì?". "Zileri", Rita trả lời, rồi nhìn đồng hồ. "Có lẽ anh ta chưa về đến nơi, song tôi sẽ gọi điện thoại rồi chúng ta cùng đi. Anh ăn sáng chưa?".
Sloane lắc đầu.
"Trong nhà này có quầy cà phê. Ta xuống đó đi".
Vừa ăn bánh mỳ, uống cà phê, Rita vừa nói, giọng nhỏ nhẹ: "Crawford ạ, chúng tôi nhất là Harry đều bàng hoàng và đau buồn khi nghe tin về cái chết của cha anh. Tôi biết anh ấy tự trách mình đã không hành động nhanh hơn, thực tình chúng tôi không có được thông tin…".
Sloane ra hiệu ngăn lại: "Tôi không bao giờ trách Harry về bất cứ chuyện gì xảy ra, ngay cả lúc này. Không ai có thể làm hơn những gì anh ấy đã làm".
"Tôi cũng thấy thế" Rita đáp. "Chính vì vậy bức thư này là điều không thể tin được". Cô lại lôi ra bức thư Leslie Chippingham ký và gửi qua fax. "Không phải nhầm đâu, Crawford ạ. Có chủ đích đấy. Không ai nhầm kiểu này đâu".
Anh lại đọc bức thư lần nữa. "Khi trở lên, tôi sẽ gọi cho Leslie ở New York".
"Trước khi làm việc ấy, ta hãy xem xét điều này. Có cái gì đó ở sau việc này, mà cả tôi và anh đều không biết. Ở New York hôm qua có chuyện gì khác thường không?".
"Chị định nói là ở CBA ư?".
"Vâng".
Sloane ngẫm nghĩ. "Tôi không nghĩ vậy…à, tôi có nghe Leslie Chippingham được Margot Lloyd Mason gọi lên gặp một cách rõ ràng là rất khẩn cấp. Anh ta qua bên Stonehenge, nhưng tôi không biết là về chuyện gì".
Rita chợt nghĩ ra. "Có thể chuyện liên quan đến Globanic chăng? Có lẽ vì cái này". Cô mở túi xách, lấy ra mấy tờ giấy Harry mới đưa sáng nay.
Sloane cầm mấy tờ giấy và đọc. "Thú vị thật! Một cuộc đổi chác lớn chuyển nợ thành bất động

sản. Cả đống tiền đấy. Chị kiếm đâu ra cái này thế?".
"Harry đưa cho tôi". Rồi cô kể lại những gì Partridge đã nói với cô trên đường ra sân bay – làm thế nào anh lại có được tài liệu này từ tay ông Sergio Hurtado, bình luận viên của đài phát thanh Peru, người định công bố tin này trên đài vào tuần tới. Rita nói thêm: "Harry bảo tôi anh ấy không có ý định sử dụng tin này. Anh ấy bảo, đó là cái ít ra chúng ta có thể làm cho Globanic, vì họ đã nuôi sống chúng ta".
"Có thể có liên quan giữa cái này với bức thư thôi việc", Sloane, có vẻ trầm ngâm. "Tôi thấy có khả năng. Bây giờ ta lên gọi điện cho Leslie".
"Khi lên đó có một việc tôi muốn làm trước đã", Rita nói.
"Việc đó" là mời Victor Velasco đến.
Mấy phút sau, khi ông giám đốc ban quốc tế của Entel xuất hiện, Rita bảo ông: "Tôi muốn dùng tuyến điện thoại chắc chắn không có ai nghe trộm để nói chuyện với New York".
Velasco có vẻ bối rối. "Chị có lý do để cho rằng…".
"Tôi có".
"Mời chị tới văn phòng của tôi. Chị có thể dùng điện thoại ở đó".
Rita và Crawford Sloane theo ông giám đôc tới một văn phòng trải thảm, trông đẹp mắt ở ngay cùng tầng. "Xin cứ dùng bàn tôi", ông nói và chỉ chiếc điện thoại màu đỏ. "Đường dây đó rất an tàon. Tôi đảm bảo điều đó. Đó là máy gọi thẳng".
"Cám ơn ông". Vì Partridge đang trên đường tới Nueva Esperanza, Rita không muốn khi nói điện thoại để việc của anh ở đó đến tai nhà chức trách Peru.
Velasco gật đầu chào rất nhã nhặn, rồi ra khỏi phòng và khép kín cửa lại.
Ngồi bên bàn, Sloane trước tiên gọi số máy của Leslie Chippingham ở ban tin CBA. Không ai trả lời máy; vào sáng thứ bảy, điều ấy cũng không có gì lạ. Cái lạ là ở chỗ ông Chủ tịch Ban tin không để lại tổng đài số máy có thể gọi tiếp cho ông. Xem trong sổ tay, Sloane thử gọi số máy thứ ba, là máy ở nhà Chippingham phía ngoài Manhattan. Cũng không ai trả lời máy. Còn một số máy nữa ở Scarsdale, nơi Chippingham đôi khi tới nghỉ vào cuối tuần. Ông ta cũng không có ở đó.
"Hình như sáng nay anh ta cố tình lánh mặt", Sloane nói. Anh ngồi bên bàn, vẻ trầm ngâm như đang cân nhắc trước khi quyết định.
"Anh nghĩ gì vậy?", Rita hỏi.
"Gọi cho Margot Lloyd Mason". Anh nhấc chiếc điện thoại màu đỏ và bảo "Tôi sẽ gọi".
Sloane quay số quốc tế gọi về Mỹ, rồi số điện thoại ở Stonehenge. Người trực tổng đài nói với anh: "Bà Lloyd Mason hôm nay không đến văn phòng".
"Tôi là Crawford Sloane. Xin chị cho tôi số máy của bà ở nhà".
"Thưa ông Sloane số đó không ghi trong danh bạ. Tôi không được phép cho ai số máy ấy".
"Nhưng chị biết số máy đó?".
Người trực tổng đài ngập ngừgng nói: "Thưa ông, tôi biết".
"Tên chị là gì?".
"Noreen".
"Một cái tên rất đẹp. Tôi bao giờ cũng thích cái tên ấy. Bây giờ xin chị hãy nghe cho kỹ, Noreen. Chị nhận được giọng tôi chứ?".
"Ồ, có chứ, thưa ông. Đêm nào tôi cũng theo dõi bản tin. Nhưng gần đây tôi thấy lo…".
"Cám ơn chị, Noreen. Tôi cũng vậy. Này, tôi đang ở Lima, Peru gọi về và tôi nhất định phải nói

chuyện với bà Lloyd Mason. Nếu chị cho tôi biết, tôi hứa sẽ không bao giờ hé răng về chuyện lấy đâu ra số máy đó, chỉ trừ lần sau đến Stonehenge, tôi sẽ đích thân đến tổng đài cám ơn chị".
"Ôi, ông sẽ làm thế thật ư, ông Sloane? Chúng tôi sẽ rất vui mừng gặp ông".
"Tôi bao giờ cũng giữ đúng lời hứa. Số máy thế nào, Noreen".
Chị ta nói số máy và anh ghi lại.
Lần này, khi chuông đổ lần thứ hai, một giọng đàn ông có vẻ là người quản gia trả lời điện thoại. Sloane nói tên mình và xin nói chuyện với bà Lloyd Mason.
Anh đợi mấy phút, rồi nghe giọng không lẫn vào đâu được của Margot "Chuyện gì vậy?".
"Tôi là Crawf, gọi từ Lima về".
"Ông Sloane thì ra là thế. Tôi chưa hiểu ại sao ông gọi cho tôi, mà lại gọi số máy ở nhà riêng. Nhưng trước tiên, tôi xin chia buồn về cái chết của cụ nhà".
"Cám ơn bà".
Rất lạ là đối với một người tầm cỡ như anh, anh và bà chủ tịch hãng CBA chưa bao giờ gọi nhau bằng tên riêng, và rõ ràng bà ta có ý định giữ nguyên như thế. Nghe giọng lãnh đạm của bà ta, anh cho rằng nếu hỏi thẳng, anh sẽ chẳng biết được điều gì. Vì thế, anh quyết định sử dụng mánh khoé cũ rích của cánh nhà báo; mánh khoé này thường có kết quả, ngay cả khi gặp những người rất thạo đời.
"Bà Lloyd Mason. Hôm qua, khi bà quyết định đuổi Harry Partridge khỏi CBA, tôi cứ tự hỏi không hiểu bà có biết anh ấy làm được bao nhiêu là việc trong toàn bộ cái cố gắng tìm cứu vợ con và cha tôi không?".
Bà ta trả lời, giọng rít lên. "Ai nói với anh đó là quyết định của tôi?".
Anh rất muốn bảo: "Chính bà vừa nói", nhưng kìm lại được và nói: "Giới làm tin luôn phải phối hợp với nhau chặt chẽ, nên hầu như không cái gì có thể giữ bí mật được. Chính vì thế tôi mới gọi cho bà".
Margot độp ngay: "Lúc này tôi không muốn bàn về chuyện gì".
"Thật đáng tiếc", Sloane nói rất nhanh trước khi bà ta kịp dập máy, "bởi vì cứ nghĩ bà có thể muốn nói về mối liên hệ giữa việc đuổi Harry và hợp đồng lớn chuyển nợ thành bất động sản mà Globanic đang dàn xếp với Peru. Có phải những tin trung thực của Harry đã làm phật ý người có quyền lợi trong hợp đồng ấy không?".
Đầu dây bên kia im lặng rất lâu; anh nghe tiếng thở của Margot trong máy. Sau đó, bà ta dịu giọng hỏi: "Anh nghe tin đó ở đâu?".
Thì ra là có liên quan!
"A", Sloane nói. "Thực tế là Harry Partridge biết việc dàn xếp chuyển nợ ấy. Anh ấy là một phóng viên hạng nhất, một trong những tay giỏi nhất của giới làm tin và ngay lúc này đây, anh ấy đang liều mình vì CBA. Thế nhưng Harry quyết định không đưa tin đó. Theo chỗ tôi biết, anh ấy bảo: "Đó là cái ít ra tôi có thể làm cho Globanic, người nuôi sống chúng ta".
Lại im lặng. Rồi Margot hỏi: "Như vậy là tin đó sẽ không được công bố?".
"Ấy ấy, đó lại là chuyện khác". Giá như gặp lúc khác, Sloane nghĩ, chắc anh sẽ rất thích chí, song vào lúc này, anh cảm thấy chán nản vô cùng. "Một phóng viên đài phát thanh ở Lima, người moi tin này, có cả bản sao thoả thuận ấy, và định đưa tin và tuần tới. Tôi nghĩ tin đó sẽ được đưa lại ở ngoài Peru. Bà cũng nghĩ vậy chứ?".
Margot không trả lời. Không biết bà ta đã dập máy hay không, anh hỏi: "Bà vẫn nghe chứ?".
"Vâng".

“Xin hỏi có phải bà đang nghĩ giá bà đừng làm cái việc bà đã làm với Harry Partridge không?”.
“Không”. Câu trả lời có vẻ lửng lơ, tựa như đầu óc bà đang ở tận đâu đâu. “Không”, bà ta nhắc lại. “Tôi đang nghĩ đến chuyện khác”.
“Bà Lloyd Mason”, Crawford nói với giọng cay độc mà đôi lúc anh vẫn dùng khi dọc những tin đáng ghê tởm trong các thương trình tin. “Gần đây có ai nói cho bà biết rằng bà là đồ chó cái lòng băng dạ đá hay không?”.
Nói xong, anh cúp máy.
* * *
Nghe tiếng cúp máy, Margot cũng dập máy luôn. Một ngày gần đây, bà ta quyết định, bà sẽ tìm cách riêng của bà để xử lý cái tay Crawford Sloane lên mặt quan trọng này. Song bây giờ chưa phải lúc. Ngay lúc này còn nhiều việc khác quan trọng hơn.
Cái tin về Globanic và Peru mà bà vừa nghe làm bà điếng người. Trước đây bà cũng đã từng bị choáng váng, nhưng bà đâu có chịu bó tay. Margot đã leo cao, leo nhanh trong giới kinh doanh không phải là không gặp những thất bại nghiêm trọng, song hầu như bao giờ bà cũng cố biến được chúng thành lợi thế của bà. Bằng cách này hay cách khác, bà phải làm việc đó ngay. Bà ngẫm nghĩ, cân nhắc xem nên bắt đầu thế nào.
Đương nhiên bà phải điện cho Theo Elliott ngay hôm nay. Về những vấn đề làm ăn quan trọng, ông ta không bao giờ bực mình khi bị gọi vào bất cứ lúc nào, thậm chí cả cuối tuần.
Bà sẽ nói với ông rằng bà biết tin ở Peru người ta đã biết về hợp đồng của Globanic, rằng không biết bằng cách nào, một phóng viên Peru đã có được bản sao và định công bố dự thảo hợp đồng ấy. CBA, cũng như các hãng truyền hình và báo chí Mỹ không “dính dáng gì tới chuyện đó. Đó là do phía Peru để lộ chuyện, nhưng rất tai hại”.
Bà sẽ nói rằng việc này thật đáng tiếc, và bà không muốn suy luận, nhưng không khỏi băn khoăn liệu Fossie Xenos có sơ ý nói với ai đó, đặc biệt là ở Peru, về chuyện đó không? Dựa trên những điều bà nghe được, rất có thể chính lòng hăng hái nổi tiếng của Fossie đã làm anh ta thiếu thận trọng.
Bà cũng sẽ nói với Theo rằng, vì những hoạt động trên của báo chí Peru, nên Ban tin CBA đã biết được chuyện ấy. Song Margot đã dứt khoát ra lệnh CBA không được đưa tin đó.
Nếu may mắn, bà nghĩ, độ đầu tuần sau, những nhận xét bất lợi sẽ không còn nhằm vào bà nữa, mà sẽ đổ hết lên đầu Fossie.
Hay! Cách đó rất hay.
Trong lúc suy nghẫm, bà có chợt nghĩ tới Harry Partridge. Liệu có nên để anh ta trở lại hãng không? Rồi bà quyết định là không nên. Làm như thế chỉ thêm rách chuyện, và Partridge cũng không phải nhân vật quan trọng, vì vậy nên giữ nguyên quyết định cũ. Vả lại, Theo vẫn cứ muốn thứ hai tới sẽ gọi điện cho tổng thống Peru Castaneda để nói rằng cái thằng phá thối ấy, như từ ông dùng, đã bị đuổi việc và tống khỏi Peru.
Tin vào chiến lược của bà sẽ có kết quả, bà mỉm cười cầm máy và quay số điện thoại nhà riêng của Theo Elliott không ghi trong danh bạ.
* * *
Oswaldo Zileri, phi công kiêm chủ hãng Aerolibertad đã biết tiếng Crawford Sloane, nên tỏ ra rất kính tọng.
“Thưa ông Sloane khi các bạn ông thuê máy bay, tôi nói tôi không muốn biết họ thuê làm gì. Từ lúc gặp ông ở đây, tôi đã có thể đoán ra, và tôi xin chúc ông và các bạn ông vạn sự tốt lành”.

“Cảm ơn ông”, Sloane nói. Anh và Rita đang ở trong văn phòng nhỏ của Zileri gần sân bay Lima. “Sáng nay, khi ông chia tay Partridge và mấy người kia, ông thấy mọi việc thế nào?”.
Zileri nhún vai. “Rừng thì lúc nào chẳng như lúc nào. Xanh biếc, dày đặc, vô tận. Không thấy gì ngoài mấy người bạn của ông”.
Rita bảo Zileri. “Khi nói là có thêm hành khách khi trở về, chúng tôi hy vọng là có ba người. Nhưng bây giờ chỉ còn hai”.
“Tôi có nghe tin buồn về cái chết của cụ thân sinh ông Sloane”. Người phi công lắc đầu. “Chúng ta đang sống trong thời đại dã man”.
Sloane lại nói: “Tôi đang tự hỏi liệu bây giờ…” Zileri nói nốt câu giùm anh: “Có chỗ cho ông cô Abrams trong một, hai chuyến hoặc hơn, để đón mọi người về không”.
“Vâng, đúng thế”.
“Được thôi. Vì một khách thêm là trẻ em, lại không có đồ đạc gì, nên trọng lượng không thành vấn đề. Ngày mai trước khi trời sáng, và ngày kia, các vị đến đây rồi chúng ta đi”.
“Chúng tôi sẽ tới”. Rita trả lời. Cô quay sang nói với Sloane. “Harry không lạc quan về chuyện có thể đón được ngay ngày đầu sau khi đến. Chuyến bay tới chỉ là dự phòng, trong trường hợp họ cần đến nó. Ngay từ đầu, anh ấy đã nghĩ có nhiều khả năng là ngày thứ hai”.
* * *
Có một việc nữa Ria cảm thấy phải làm. Không cho Crawford biết, cô thảo một bức điện gửi bằng fax cho Leslie Chippingham để sáng thứ hai đã có sẵn cho ông ta đọc. Cô cố ý không gửi về máy fax ở văn phòng chủ tịch ban tin, mà về máy ở phòng Vành móng ngựa. Ở đó, nó sẽ không còn là điện riêng, và ai cũng có thể đọc được, hệt như cách thư của Chippingham buộc Harry Partridge thôi việc được gửi tới Entel Peru.
Rita ghi địa chỉ gửi:
L.W. Chippingham
Chủ tịch Ban tin CBA.
Sao chụp dán các bảng thông báo.
Cô đâu có ảo tưởng những gì cô viết sẽ được dán lên bảng. Không có chuyện đó. Nhưng đó là một tín hiệu mà các chủ nhiệm khác ở Vành móng ngựa sẽ hiểu là cô muốn nhiều người biết nội dung. Ai đó sẽ sao lại một hoặc nhiều bản, chuyền cho nhau đọc và có lẽ sẽ sao thành nhiều bản nữa.
Bức điện viết:
“Đồ chó đẻ đê tiện, ích kỷ, hèn nhát!
Đuổi việc Harry theo lối anh làm – không có lý do, không hề báo trước và thậm chí không một lời giải thích – chỉ để thoả mãn bạn chí thân của anh, con mụ Lloyd Mason lạnh như băng ấy – là phản bội tất cả những gì là công bằng và đúng đắn vốn có ở CBA. Harry sẽ qua khỏi chuyện này, thơm nức như nước hoa Chanel 5. Còn anh đã hôi thối như loại chuột cống rồi.
Làm sao tôi lại có thể thường xuyên ngủ với anh là điều tôi không hiểu nổi. Nhưng không bao giờ có chuyện ấy nữa. Dù anh là người duy nhất mà c… còn cứng trên đời này đi chăng nữa, tôi cũng không muốn có nó bên cạnh.
Tiếp tục làm việc dưới quyền anh ư? Không đâu, tởm lắm!
Thật đáng buồn khi so con người anh ngày trước, với cái kẻ là anh bây giờ.
Bạn cũ, người ngưỡng mộ cũ, người tình cũ, chủ nghiệm cũ của anh.
Rita Abrams”.

Rõ ràng, Rita nghĩ, sau khi New York… nhận được và đọc điện này, Harry sẽ không phải là người duy nhát phải tìm nơi làm mới. Song cô không sợ. Nhìn máy fax ở Entel chuyển bức điện đi, cô cảm thấy thanh thản hơn nhiều, biết rằng chỉ một phút sau nó đã ở New York.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 16

Lúc này là hai giờ mười phút sáng ở Nueva Esperanza.
Suốt mấy giờ, Jessica nằm thao thức, giấc ngủ chập chờn, đôi lúc nằm mơ, những giấc mơ trở thành cơn ác mộng hoà trộn với thực tế.
Mấy phút trước, lúc còn tỉnh ngủ, Jessica nhìn qua chỗ đục làm cửa sổ đối diện cũi giam của nàng. Trong ánh đèn lờ mờ từ trong lọt ra, nàng cảm thấy như nhìn thấy khuôn mặt Harry Partridge. Rồi khuôn mặt ấy biến mất đột ngột như khi nó xuất hiện. Nàng ngủ hay thức? Hay nàng lại đang mơ? Có thể là ảo giác chăng?

Nàng lúc lắc đầu cho tỉnh táo, thì lại thấy khuôn mặt ấy xuất hiện, từ từ nhô lên trên mép lưới cửa sổ, rồi dừng lại. Một bàn tay ra hiệu gì đó mà nàng không hiểu, nhưng nàng nhìn kỹ khuôn mặt ấy. Chả lẽ là đúng? Tim đập mạnh khi nàng cả quyết: Đúng rồi, chắc chắn là Harry Partridge.

Mồm anh mấp máy không thành tiếng, môi uốn theo từng từ, cố làm nàng hiểu. Nàng tập trung tư tưởng, cố xem anh nói gì, và nhận ra được hai tiếng "thằng gác". À, đúng rồi: "Thằng gác đâu?".

Thằng gác lúc này là Vicente. Hắn đến thay gác cách đây một tiếng, rõ ràng là rất muộn, nên hắn và Ramon là tay gác phiên trước cãi nhau kịch liệt. Ramon quát tháo giận dữ. Vicente vặc lại, nghe có vẻ say vì hắn nói hơi líu lưỡi. Jessica không để ý chuyện chúng cãi nhau, bao giờ nàng cũng mừng khi hết phiên gác của Ramon. Thằng này tính tình độc ác, hành động không lường trước được và luôn bắt tù nhân phải tuân thủ lệnh cấm nói chuyện, điều mà đến lúc này những tên khác đều bỏ qua.

Ngoảnh lại, Jessica có thể nhìn thấy Vicente. Hắn đang ngồi trên chiếc ghế bọn gác vẫn ngồi, cách xa chỗ giam và khuất góc cửa sổ. Nàng không rõ hắn đang ngủ hay thức, song mắt hắn hình như đang nhắm, khẩu súng trường dựa vào tường ngay cạnh người. Gần đó là ngọn đèn dầu treo trên xà, và chính nhờ ánh sáng của nó hắt ra, nên nàng nhìn thấy khuôn mặt ở bên ngoài.

Cẩn thận đề phòng Vicente đột nhiên nhìn thấy, Jessica trả lời câu hỏi thầm ấy, bằng cách hất hàm về phía hắn ngồi.

Lập tức ngoài cửa sổ - Jessica vẫn không dám chắc đó là Harry Partridge, lại bắt đầu nói. Nàng lại phải căng óc ra đoán. Đến lần thứ ba thì nàng hiểu câu đó là: "Gọi hắn!".

Jessica khẽ gật đầu, ra ý đã hiểu. Tim nàng đập rộn lên khi thấy Harry. Như vậy là việc được giải thoát mà họ hằng mong đợi cuối cùng đã tới. Đồng thời nàng cũng hiểu hoàn thành những gì vừa bắt đầu không phải là việc dễ dàng.
"Vicente!". Nàng nghĩ không cần phải gọi to lắm, nhưng nó không đủ để hắn nghe thấy vì đang ngủ. Nàng lại gọi to hơn: "Vicente!".
Lần này hắn cựa mình, mở mắt nhìn nàng. Thấy vậy, Jessica vẫy hắn lại.

Vicente vặn người trên ghế, rồi đứng dậy. Nhìn hắn, nàng có cảm tưởng hắn đang định thần, cố cho tỉnh cơn say. Hắn đứng một lát, bắt đầu đi về phía nàng, sau đó lại vội vàng quay lại lấy khẩu súng. Nàng nhận thấy hắn cầm súng trong tư thế sẵn sàng nếu cần.

Cần phải có lý do tại sao gọi hắn, nàng nghĩ, và quyết định sẽ ra hiệu hỏi xem có thể sang chỗ Nicky được không. Tất nhiên hắn sẽ từ chối yêu cầu đó, song lúc này điều đó không quan trọng. Nàng không biết Harry định làm gì. Mặc dù lo lắng và căng thẳng, nàng cũng biết đây là giây phút mà nàng mơ ước, nhưng đã lo sợ sẽ không bao giờ tới.

* * *
Nép người dưới cửa sổ, Partridge nắm chặt khẩu Browning chín li, nòng lắp ống giảm thanh. Tối nay, cho đến lúc này, mọi việc đều theo đúng kế hoạch, song anh biết sắp tới mới là phần việc khó khăn và quan trọng nhất.

Chỉ trong một vài giây, không thể có nhiều cách lựa chọn và chọn cái nào anh phải quyết định trong khoảnh khắc. Trong tình huống này, anh có thể dùng súng khống chế tên gác, sau đó trói lại, nhét giẻ vào mồm trước khi rút đi, hoặc mang hắn theo làm con tin. Song cực chẳng đã mới phải chọn cách thứ hai. Cách thứ ba giết hắn, nhưng đó là điều anh mong sẽ không phải làm.

Anh cũng gặp thuận lợi: Jessica là người tháo vát, nghĩ nhanh và hiểu nhanh, đúng như điều anh còn nhớ về nàng.
Anh nghe nàng gọi hai lần, rồi nghe những tiếng động nhẹ ở góc xa và tiếng chân thằng gác đang tới gần. Partridge nín thở, sẵn sàng nhoài người xuống đất nếu như hắn nhìn về phía hướng cửa sổ. Nhưng không, hắn nhìn về phía Jessica, lưng quay ra chỗ Partridge. Vì thế anh có thêm được một giây ước lượng tình hình.

Điều anh thấy trước tiên là thằng gác cầm khẩu súng trường tự động Kalashnikov, loại vũ khí anh biết rất rõ, và trông cách cầm súng, có thể thấy hắn biết cách sử dụng. So với khẩu Kalashnikov, khẩu Browning của anh chỉ là thứ đồ chơi của trẻ con.

Không thể còn cách khác; Partridge phải giết tên gác và phải bất ngờ nổ súng trước. Nhưng cái khó là còn Jessica. Lúc này nàng đứng ở vị trí tạo thành đường thẳng với tên gác. Bắn hắn, đạn có thể xuyên qua Jessica.

Partridge đành phải liều. Không còn cơ hội nào nữa và cũng không còn cách lựa chọn nào khác. Đành phải tin vào khả năng suy đoán nhanh và hành động tức thì của nàng vậy.
Hít một hơi dài, Partridge gọi to và rõ ràng: "Jessica nhào xuống đất ngay!".

Tên gác quay ngoắt lại, nòng súng ghếch lên, chốt an toàn đã mở. Nhưng Partridge đã nâng súng bắn. Một giây trước đó, anh nhớ lại lời khuyên của huấn luyện viên bắn súng, người đã dạy anh cách sử dụng vũ khí: "Nếu anh muốn bắn chết, đừng có ngắm vào đầu. Dù anh siết cò nhẹ mấy đi nữa, vẫn có khả năng là mũi súng hếch lên, viên đạn sẽ đi cao phía trên đầu. Vì vậy, nếu nhắm thẳng vào tim, hoặc thấp hơn một chút. Như vậy, dù viên đạn ghim vào phía trên trái tim đi nữa, khả năng sát thương vẫn rất lớn, có lẽ giết chết kẻ địch; và nếu hắn chưa chết, anh còn có thời gian bắn phát thứ hai".

Partridge siết cò; chỉ nghe khẩu Browning kêu "phựt" một tiếng rất nhỏ. Mặc dù đã từng sử dụng súng có giảm thanh, tiếng nổ rất nhỏ ấy bao giờ cũng làm anh ngạc nhiên. Anh nhìn mục tiêu trước mắt, sẵn sàng bắn phát thứ hai, nhưng thấy không cần thiết. Viên đạn găm đúng vào tim và máu bắt đầu chảy ra. Hắn thoáng vẻ ngạc nhiên, sau đó ngã gục, khẩu súng rơi xuống tạo nên tiếng động.

Ngay khi siết cò, Partridge đã thấy Jessica tức khắc làm theo lệnh của anh, nhào người xuống đất. Anh thở phào nhẹ nhỏm, thầm cám ơn nàng. Lúc này nàng đang lồm cồm bò dậy.

Anh vừa quay về phía cửa ra vào, thì một bóng người đã vụt chạy vào. Đó là Minh Văn Cảnh. Anh đã ở đúng vị trí phía sau Partridge như được lệnh, song bây giờ đảo vị trí, Minh nhanh chóng tới gần tên gác, khẩu UZI sẵn sàng nhả đạn, rồi gật đầu với Partridge lúc ấy vừa vào, xác nhận là hắn đã chết. Sau đó Minh tới bên cũi giam Jessica, xem xét chiếc khoá của cũi rồi hỏi: "Chìa khoá đâu?".

Jessica bảo anh: "Ở phia trên chỗ thằng gác ngồi. Cả chìa khoá cũi Nicky nữa!".
Ở cũi bên cạnh, Nicky cũng vừa tỉnh. Nó vội vàng ngồi dậy hỏi: "Chuyện gì thế mẹ?".
Jessica nói cho nó an lòng: "Chuyện tốt cả, con ạ".
Nicky nhìn người mới đến: Partridge lại gần, tay cầm khẩu Kalashnikov anh vừa nhặt lên, còn Minh đang lấy chùm chìa khoá móc trên chiếc đinh. "Họ là ai thế, hả mẹ?".
"Những người bạn con ạ. Những người bạn rất tốt".
Tuy còn ngái ngũ, mặt Nicky sáng lên. Sau đó nó nhìn cái xác bất động nằm trong vũng máu trên nền nhà, và mếu máo nói: "Đó là Vicente! Họ bắn chết Vicente? Tại sao?".
"Im nào, Nicky", Jessica đe.
Partridge trả lời, giọng rất nhỏ: "Chú không muốn làm việc ấy, Nicholas ạ. Nhưng hắn định bắn chú. Nếu hắn bắn, chú sẽ không thể đưa mẹ và chú ra khỏi đây được. Mà các chú đến đây là vì việc ấy".
Nicky vừa chợt nhận ra, hỏi: "Chú là Partridge phải không?".
"Đúng thế".
Jessica nói, giọng cảm động: "Ôi, Chúa phù hộ cho anh, Harry, Harry thân yêu!".

Vẫn với giọng rất nhỏ, Partridge bảo: "Chúng ta vẫn chưa thoát khỏi chỗ này, còn nhiều việc phải làm. Mọi người phải nhanh lên".
Minh Văn Cảnh cầm chùm chìa khoá, tra từng chiếc vào ổ khoá cũi giam Jessica. Khoá đột nhiên mở ra. Lát sau, cửa cũi giam mở toang và Jessica bước ra ngoài. Minh đến bên cũi Nicky, thử từng chìa một. Vài giây sau, Nicky cũng bước ra. Hai mẹ con ôm chầm lấy nhau ngay chỗ giữa cũi giam và cửa ra vào.

"Giúp tôi một tay", Partridge bảo Minh. Anh đang kéo xác tên gác về phía cũi Nicky và hai người nhấc đặt lên chiếc giường gỗ thấp. Làm vậy cũng không giấu được việc tù nhân trốn, anh nghĩ, nhưng nó sẽ làm việc phát hiện chậm lại một chút. Cũng vì thế; anh vặn ngọn đèn dầu cho đến khi nó chỉ còn là một chấm sáng nhỏ; buồng giam lập tức tối om.

Nicky buông Jessica và đến bên Partridge. Bằng giọng đều đều, nó nói với vẻ nghiêm trang: "Chú giết Vicente cũng không sao đâu, chú Partridge ạ. Thỉnh thoảng hắn cũng giúp đỡ mẹ con cháu, nhưng hắn vẫn là một tên trong bọn chúng. Chúng đã giết ông cháu, chặt đứt hai ngón tay cháu, vì vậy cháu không còn chơi piano được nữa". Vừa nói, nó vừa giơ bàn tay còn đang băng.

"Gọi chú là Harry", Partridge bảo. "Có, chú có biết chuyện chúng giết ông và chặt ngón tay cháu. Và chú hết sức đau lòng".

Cậu bé nói, đặc giọng người lớn: "Chú có biết Hội chứng Stockholm không, chú Harry? Mẹ cháu biết đấy. Nếu chú thích, mẹ cháu sẽ kể chú nghe".

Partridge không trả lời, trố mắt nhìn Nicky. Trước đây, anh đã từng gặp những người trong cơn choáng váng vì phải trải qua những nguy hiểm và tai ương quá sức chịu đựng của họ; giọng nói và cách chọn từ của cậu bé trong mấy phút vừa rồi biểu hiện triệu chứng bị choáng. Nó cần phải được giúp đỡ sớm. Còn lúc này, anh chỉ có thể vươn người, dang tay ôm ngang vai cậu bé. Anh cảm thấy cậu bé đáp lại cử chỉ đó bằng cách nép sát vào anh.

Partridge thấy Jessica đang nhìn, nét mặt đầy vẻ lo lắng như anh. Nàng cũng ước giá thằng gác là đứa khác, chứ không phải Vicente. Nếu đó là Ramon, nàng đã chẳng hề bận tâm. Thế nhưng nàng cũng ngạc nhiên trước cử chỉ và lời nói của Nicky.
Partridge lắc đầu, cố làm Jessica an lòng, đồng thời ra lệnh: "Chúng ta đi thôi".
Anh cầm khẩu Kalashnikov, đây là loại vũ khí tấn công tốt nhất và có thể phải dùng đến nó. Anh cũng đút túi hai băng đạn mà anh lục được trên người thằng gác bị giết.
Minh ở phía trước, gần cửa ra vào. Anh đã lấy máy ra, lúc này đang ghi lại cảnh họ rút, đằng sau là những chiếc cũi giam. Partridge thấy Minh đang dùng loại ống kính quay đêm đặc biệt – ống kính hồng ngoại không dùng được cho băng video và vì vậy, dù ánh sáng rất yếu như bây giờ, anh vẫn có được những bức ảnh rõ.
Từ hôm qua, Minh vẫn quay hình, nhưng ít và có chọn lọc, vì số băng anh mang theo cũng tương đối hạn chế.
Đúng lúc đó, Fernandez được phân công theo dõi các nhà khác chạy bổ vào. Anh hổn hển nói

với Partridge. “Một phụ nữ đang đến. Đi một mình. Tôi nghĩ nó có súng”. Anh vừa nói xong đã nghe tiếng bước chân đang tới gần.
Không còn thời gian để phân công hoặc bố trí chỗ nấp nữa. Mọi người đứng sững người. Jessica ở gần cửa, nhưng lệch quá sang một bên. Minh đứng ngay giữa cửa, những người khác ở sâu phía trong, khuất trong bóng tối. Partridge nâng khẩu Kalasknikov lên. Mặc dù biết tiếng súng sẽ đánh thức cả làng dậy, song nếu muốn dùng khẩu Browning có ống giảm thanh anh sẽ phải để khẩu súng trường xuống mới lấy được. Không còn thời gian làm điều đó.
Soccorro vội vã bước vào. Ả mặc váy ngủ, tay cầm khẩu úng lục Smith và Washe đã lên đạn. Jessica từng thấy Soccorro mang súng nhưng để trong bao, chứ chưa bao giờ cầm ở tay.
Tuy cầm súng, Soccorro có vẻ không nghĩ tới chuyện gì khác thường xảy ra, và lúc đầu, vì trong nhà tối đen, ả tưởng lầm Minh đang đứng gần ả nhất là thằng gác. Ả bảo: “Pense que oscuche…” (1) rồi ả nhận ra đó không phải là tên gác và quay sang trái ả thấy Jessica. Giật mình, ả hét: “Que haces…”(2) rồi câm bặt.
Sự việc tiếp theo diễn biến quá nhanh, đến nỗi sau này không ai có thể tả được đầy đủ. Soccorro giương súng, ngón tay đặt sẵn trên cò, bước rất nhanh lại gần Jessica. Sau đó, hình như ả định bắt Jessica làm con tin bằng cách gí họng súng vào đầu nàng.
Jessica thấy được điều đó, và cũng nhanh không kém, nhớ lại thuật cận chiến mà nàng đã học nhưng chưa có dịp sử dụng từ khi bị bắt đến giờ. Mặc dù đã nhiều lúc nàng bị thôi thúc áp dụng nó, nhưng biết rằng về lâu dài cũng chẳng giải quyết được gì. Nên quyết định để dành cho đến lúc thật sự cần thiết.
“Khi đối thủ tiến lại gần”, tướng Wade nhấn mạnh trong các bài giảng và bài thị phạm, “phản xạ tự nhiên của ta là lùi lại. Đối thủ cũng chỉ chờ có vậy. Đừng làm như thế, mà hãy làm hắn bất ngờ bằng cách bước lên, vào thật gần”.
Nhanh như chớp, Jessica nhảy bổ vào Soccorro tay trái giơ cao, lên gân rất chắc và chém mạnh vào tay phải của ả. Hai tay chạm nhau, tay Soccorro bất giác bật lên, ả cố gắng ghìm tay xuống và theo phản xạ, ngón tay rời ra, khẩu súng rơi xuống đất. Toàn bộ sự việc diễn ra không đầy một giây. Soccorro hầu như không kịp biết chuyện gì cảy ra.
Jessica không dừng lại, mà dùng hai ngón tay móc mạnh vào họng Soccorro, bóp chặt khí quản không cho ả thở. Đồng thời Jessica áp sát chân phải vào sau Soccorro xô ả ngã ngửa về phía sau. Sau đó, nàng lật úp ả xuống, vòng tay khoá chặt cổ làm ả không thể cựa quậy được. Nếu là trong chiến tranh, theo đúng bài bản của cận chiến, bước tiếp theo sẽ là bẻ gãy cổ, giết chết Soccorro.
Jessica do dự, vì nàng chưa giết ai bao giờ, và cũng chẳng muốn giết người. Nàng cảm thấy Soccorro có vẻ muốn nói điều gì, nên nới bớt hai ngón tay đang bóp họng ả.
Soccorro thở dốc, cầu xin: “Tha cho tôi… Tôi sẽ giúp bà… cùng trốn với các ông, các bà… tôi biết đường”.
Partridge đã lại gần nên nghe rõ. Anh hỏi: “Có thể tin ả được không?”.
Jessica lại lưỡng lự. Nàng thoáng thấy thương hại. Soccorro không phải hoàn toàn xấu. Ngay từ đầu, nàng có cảm giác thời gian làm hộ lý ở Mỹ đã làm con người ả tốt lên. Ả đã săn sóc Nicky sau khi nó bị đốt bỏng và sau này khi ngón tay nó bi chặt. Rồi còn việc Soccorro ném vào trong thuyền thanh sôcôla lúc cả ba người đang đói. Soccorro đã làm nơi họ bị giam khá hơn, khi cho đục cửa sổ trên tường… bất chấp lệnh của Miguel, ả đã cho nàng sang với Nicky…
Nhưng Soccorro cũng chính là đứa đã tham gia vào vụ bắt cóc ngay từ đầu, và cũng chính ả, khi

Nicky sắp bị chặt ngón tay, đã nhẫn tâm quát: “Câm mồm! Mày không thể ngăn được điều sắp xảy ra đâu!”.
Và rồi Jessica còn như nghe thấy lời Nicky nói mới cách đây vài phút: “chú giết Vicente cũng không sao đâu, chú Harry ạ… Đôi khi hắn cũng giúp đỡ mẹ con cháu, nhưng hắn là một tên trong bọn chúng… chú có biết Hội chứng Stockholm không? … Mẹ cháu biết đấy…”. Hãy cẩn thận với Hội chứng Stockholm.
Jessica trả lời câu hỏi của Harry. Nàng lắc đầu, nói với anh “Không”.
Mắt họ gặp nhau. Harry vẫn còn kinh ngạc trước tài nghệ đánh nhau bằng tay không của Jessica. Anh tự hỏi nàng học cái đó ở đâu, và để làm gì. Nhưng vào lúc này, điều đó không quan trọng. Cái quan trọng là nàng đã đạt tới điểm quyết định và mắt nàng như hỏi ý kiến anh. Anh khẽ gật đầu. Rồi vì không muốn chứng kiến việc sắp xảy ra, anh quay mặt đi.
Người run vầm cập, Jessica siết chặt tay bẻ cổ Soccorro rồi vặn mạnh đầu ả cho gãy lìa xương sống. Chỉ nghe một tiếng khô khốc rất nhỏ rồi toàn thân ả mềm nhũn. Nàng buông xác ả xuống đất.
* * *
Partridge đi đầu, Jessica, Nicky, Minh và Fernandez lặng lẽ theo sau, cả nhóm vượt qua làng đang chìm trong bóng tối, không gặp một ai.
Tới bên sông, Ken O’Hara bảo: “Tôi cứ nghĩ các anh sẽ không bao giờ ra được đến đây”.
“Chúng tôi gặp sự cố”, Partridge bảo anh. “Ta đi nhanh lên. Thuyền nào đấy?”.
“Thuyền này”. Đó là một chiếc xuồng gỗ không mui dài khoảng ba mươi phít, có hai động cơ gắn phía sau. Hai dây neo chặt nó vào bờ. “Tôi lấy thêm dầu ở các thuyền khác”. O’Hara nói, chỉ vào mấy can nhựa để gần đằng đuôi.
“Tất cả lên xuồng”, Partridge hạ lệnh.
Trước đó, mặt trăng gần tròn khuất trong mây, nhưng trong mấy phút vừa qua, mây đã trôi đi. Lúc này, mọi người đều trông rõ hơn, nhất là trên mặt nước.
Fernandez giúp Jessica và Nicky trèo vào xuồng. Jessica cảm thấy buồn nôn, người run bần bật, hậu quả của việc giết Soccorro mấy phút trước đó. Minh đứng trên bến quay hình, là người cuối cùng nhảy vào xuồng, trong khi O’Hara tháo dây và dùng chèo đẩy thuyền ra xa bờ.
Fernandez cầm mái chèo thứ hai, cùng O’Hara bơi xuồng ra giữa sông.
Nhìn xung quanh, Partridge nhận thấy O’Hara đã sử dụng thời gian chờ đợi một cách có hiệu quả. Một số thuyền bị dìm xuống nước ở gần bờ, những chiếc khác trôi giạt mỗi chiếc một nơi.
“Tôi đã tháo bugi”, O’Hara chỉ mấy chiếc thuyền ở gần. “Chúng có thể vớt thuyền lên, nhưng cũng mất thời gian. Tôi còn quăng mấy mô tơ xuống sông”. “Khá lắm, Ken ạ!”. Quyết định để O’Hara đi cùng, Partridge nghĩ, đã nhiều lần cho thấy là đúng.
Chiếc xuồng họ đang đi không có ghế ngồi, giống như thuyền mà Jessica, Nicky và Angus đã đi lúc trước, “hành khách” ngồi trên những tám ván bắc ngang lòng xuồng. Hai người chèo xuống ngồi ở phía đối diện, cố hết sức đưa xuồng ra giữa sông. Khi Nueva Esperanza mờ dần trong ánh trăng, dòng nước siết đã đưa xuồng trôi xuôi.
Lúc xuồng rời bến, Partridge nhìn đồng hồ: hai giờ ba mươi lăm phút sáng. Đến hai giờ năm mươi phút, khi xuồng trôi dọc sông theo hướng tây bắc, anh bảo Ken O’Hara nổ máy.
O’Hara mở van thông gió ở bình xăng phía bên trái xuồng, điều chỉnh dây le, bơm hơi đầy bình cao su hình tròn, và giật mạnh dây kéo bánh đà. Máy nổ ngay lập tức. Anh đưa máy về không tải, sau đó tiếp tục cho nổ máy thứ hai. Anh gài số cả hai máy và chiếc xuồng vọt đi.

Trời trong xanh. Ánh trăng sáng phản chiếu trên mặt nước, nên việc lái xuồng trên dòng sông khúc khuỷu tương đối dễ dàng. Fernandez hỏi: "Anh đã quyết định tới chỗ máy bay đỗ chưa?". Partridge cân nhắc, hình dung ra tấm bản đồ tỷ lệ lớn của Fernandez mà cho tới lúc này, anh hầu như đã thuộc lầu.
Trước hết, việc chọn rút theo đường sông không cho phép anh tới được điểm đỗ trên đường khi trước. Chỉ còn lại điểm đỗ mà bọn buôn ma tuý thường dùng, ở vào quãng giữa, đi mất khoảng một giờ rưỡi, hoặc dải đất Sion ở xa hơn, đi mất ba giờ bằng đường sông, cộng với đoạn cuốc bộ qua rừng dài chừng ba dặm, một công việc họ đã biết là rất khó khăn.
Để tới được Sion vào lúc tám giờ sáng, là lúc chiếc Cheyenne của hãng Aerolibertad đến nơi, họ chỉ có thể đến được sát giờ. Mặt khác, nếu đi đến chỗ đậu ở quãng giữa, họ có thể sớm được vài giờ, song nếu bọn chúng đuổi kịp, họ sẽ phải nổ súng, mà với số người và súng đạn ít hơn, chắc chắn họ sẽ thua.
Vì vậy con đường tốt nhất và khôn ngoan nhất có vể vẫn là vượt quãng đường xa nhất từ Nueva Esperanza đến chỗ máy bay đậu.
"Chúng ta tới Sion", Partridge bảo những người trên xuồng. "Sau khi rời xuồng lên bờ, chúng ta sẽ phải gắng vượt rừng thật nhanh; vì vậy mọi người hãy tranh thủ nghỉ ngơi".
Thời gian trôi qua, Jessica trở lại bình tĩnh hơn, người nàng không còn run bắn lên nữa; mồm không còn buồn nôn. Nhưng nàng không tin có thể tĩnh trí được sau những việc nàng đã làm. Chắc chắn lời cầu xin thầm thì, tuyệt vọng của Soccorro sẽ còn ám ảnh nàng mãi về sau.
Nhưng Nicky được an toàn, ít nhất cũng trong lúc này, và đó là điều quan trọng nhất.
Nàng đã quan sát Nicky, thấy rằng từ khi họ rời lán giam, nó luôn quấn quít bên cạnh Harry Partridge và chỉ cao ngang gối anh. Cứ như Harry là cục nam châm mà Nicky tìm cách dính chặt vào. Ngay cả bây giờ ở trên xuồng, nó cũng ngồi cạnh Harry rõ ràng muốn nép sát vào anh và Harry có vẻ cũng muốn như vậy. Thực ra trước đó, Harry đã quàng tay qua vai Nicky và lúc này hai người như hoà làm một.
Jessica thấy thích điều đó. Rõ ràng, trong suy nghĩ của Nicky, nàng nghĩ, Harry với vẻ như bây giờ, chính là người khác hẳn bọn xấu đã gây nên những nỗi kinh hoàng mà họ phải trải qua – Miguel, Baudelio, Gustave, Ramon… những đứa đã biết và chưa biết… đúng, cả Vicente và Soccorro nữa.
Nhưng còn hơn thế nữa. Nó chứng tỏ bản năng nhìn nhận con người của Nicky bao giờ cũng chính xác. Nàng đã từng yêu Harry, bây giờ cũng vẫn thế, nhất là khi lòng biết ơn và tình yêu quyện chặt vào nhau. Vì vậy, không có gì lạ khi con nàng theo bản năng cũng có chung tình cảm ấy.
Nicky hình như đang ngủ. Gỡ nhẹ tay ra, Partridge đến ngồi cạnh nàng. Thấy thế, Fernandez đổi chỗ ngồi qua phía bên kia để giữ cho xuồng thăng bằng.
Partridge cũng đang nhớ lại thời xua, cái thuở anh và Jessica đã sống vì nhau. Và ngay cả trong phút giây ngắn ngủi này, anh có thể thấy nàng cơ bản vẫn không thay đổi. Những gì anh hằng ngưỡng mộ ở nàng, suy nghĩ nhanh, cứng rắn, nồng hậu và tháo vát một cách thông minh, vẫn còn nguyên đó. Partridge biết, nếu anh ở lâu bên cạnh nàng, tình yêu ngày xưa của anh sẽ sống lại. Một suy nghĩ táo tợn; có điều nó sẽ không xảy ra.
Nàng quay lại nhìn, có lẽ đang đọc những suy nghĩ của anh. Anh nhớ lại những ngày xưa ấy, nàng vẫn thường làm được điều đó.
Anh hỏi: "Ở trong ấy, có bao giờ em mất hy vọng không?".

“Cũng nhiều lúc gần như vậy, nhưng không bao giờ hoàn toàn”. Jessica trả lời. Nàng cười, nói: “Tất nhiên, nếu em biết anh phụ trách việc giải thoát cho mẹ con em, thì sự thể lại khác chứ”.
“Bọn anh gồm nhiều người”, anh bảo nàng. “Crawf cũng ở trong nhóm. Anh ấy phải chịu biết bao đau đớn, mà hai mẹ con em cũng thế. Khi về đến nơi, hai vợ chồng em đều cần đến nhau”.
Anh cảm thấy nàng hiểu ý anh muốn nói: “Mặc dù anh trở lại đời nàng trong chốc lát, nhưng rồi sẽ lại biến mất ngay”.
“Anh suy nghĩ thật tử tế, Harry ạ. Tới đây anh sẽ làm gì”.
Anh nhún vai: “Tiếp tục đưa tin. Đâu đó lại sẽ có một cuộc chiến tranh. Bao giờ chả thế!”.
“Thế còn giữa hai cuộc chiến tranh?”.
Có những câu hỏi không có câu trả lời. Anh đổi chủ đề câu chuyện: “Thằng Nicky của em tính rất hay, đúng như đứa con mà anh muốn có”.
Lẽ ra đã là như vậy, Jessica nghĩ. Giữa hai đứa mình, những năm về trước.
Không muốn nhớ lại chuyện ấy, Partridge để mình nghĩ đến Gemma và đứa con trai chưa kịp ra đời.
Anh nghe Jessica thở dài bên anh: “Ôi Harry!”.
Họ im lặng, lắng nghe tiếng máy rung nhè nhẹ và tiếng nước rào rào. Sau đó nàng đặt tay lên tay anh.
“Cám ơn anh, Harry”, nàng nói. “Cám ơn anh vì tất cả những gì anh đã làm, đang làm… anh, người yêu thương nhất của em”.
Chú thích:1 Tôi nghĩ rằng mình đã nghe…
2 Mày làm gì…?

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 17

Miguel bắn ba phát súng lên trời, phá tan bầu im lặng. Hắn biết đó là cách báo động nhanh nhất.

Mới chỉ cách đây một phút, hắn phát hiện ra xác của Vincete và Socorro và nhận ra bọn tù đã đi mất.

Lúc này là ba giờ mười lăm phút sáng, tức là đúng bốn mươi phút kể từ lúc chiếc xuồng chở Fernandez, Jessica, Nicky, Minh, O'Hara và Partridge rời bến; song Miguel không biết điều ấy.

Miguel lập tức nổi giận điên cuồng và lồng lên. Trong lán giam tù, hắn vớ chiếc ghế của bọn gác và quật mạnh vào tường, chiếc ghế vỡ tan. Lúc này hắn muốn quật túi bụi, chặt chân những đứa đã để tù xổng mất.

Thật không may, hai đứa đã chết rồi. Và Miguel đau đớn nhận thấy hắn cũng chịu một phần trách nhiệm.

Rõ ràng hắn đã lơ là trong việc giữ nghiêm kỷ luật. Bây giờ đã quá muộn, hắn thấy rõ điều đó. Từ khi đến đây, đúng ra phải rất chú ý canh phòng thì đôi khi hắn lại nghỉ xả hơi. Ban đêm, lẽ ra hắn phải đích thân đốc thúc việc canh phòng thì hắn lại giao cho những đứa khác.
Lý do vì hắn mềm yếu, hắn phải lòng Socorro. Hắn đã muốn ngủ với ả từ khi còn ở ngôi nhà ở Hackensack, cả trước và sau vụ bắt cóc. Ngay bây giờ, hắn vẫn còn nhớ cái thú dục tính rắng trợn của ả lúc chúng rời nhà Hackensack. Với nụ cười nhạo báng, ả nói với hắn về việc đút những ống nhỏ vào trong người tù trên đường đi. "Đó là những ống trong dương vật đàn ông và âm hộ đàn bà, Entiendes?".

Có, hắn hiểu. Hắn cũng hiểu là ả đang chài hắn, giống như ả đã chài những thằng khác ở Hackensack như cái đêm ả đột nhiên cặp đôi với Carlos, cười nói ầm ĩ, làm Rafael là đứa bị cự tuyệt điên người vì ghen.
Nhưng lúc đó Miguel còn nhiều việc khác phải lo, những trách nhiệm đòi hỏi hắn phải bận tâm suy nghĩ, nên hắn đã tự nghiêm khắc với mình trước lòng thèm khát của hắn đối với Socorro. Ở Nueva Esperanza không giống như vậy.

Hắn căm ghét rừng rậm, hắn nhớ lại cảm giác của hắn hôm đầu tiên tới đây. Thêm vào đó,

chẳng có việc gì làm. Ví dụ, hắn đã không coi trọng khả năng có người đến cứu con tin. Nueva Esperanza, nằm sâu trong lãnh địa của Sendero, có vẻ hẻo lánh và an toàn. Vì vậy, ngày cũng như đêm chậm chạp trôi qua, cho đến một hôm, đáp lời năn nỉ của hắn, Socorro mở cửa cho hắn vào cái nơi mà hắn nhanh chóng phát hiện ra là cõi cực lạc.

Từ đó, đêm nào cũng như đêm nào, đôi khi cả ban ngày, chúng làm tình với nhau và ả tỏ ra là một người tình có nhiều ngón nghề làm hắn thoả mãn nhất từ trước đến nay. Cuối cùng, hắn sẵn lòng phục dịch ả và giống như kẻ nghiện đang đợi thuốc, hắn bỏ bê tất cả các việc khác.

Bây giờ hắn đang phải trả giá cho thứ nghiện đó.

Đầu giờ tối nay, sau một cuộc truy hoan vô cùng mãn nguyện, hắn ngủ rất say. Rồi cách đấy khoảng hai mươi phút, hắn tỉnh dậy, lại thèm muốn làm tình lần nữa, nên rất bực mình khi thấy Socorro đi đâu mất. Hắn nằm đợi ả một lúc khi không thấy ả quay lại, hắn dậy đi tìm, xách theo khẩu súng lục Marakov mà hắn bao giờ cũng mang theo bên người.

Những gì hắn vừa tìm thấy, giống như một cú đấm mạnh và hiểm, đưa hắn trở về với thực tế phũ phàng. Miguel cay đắng nghĩ: Hắn có thể sẽ phải trả gía cho việc này, có khả năng bằng sinh mạng của hắn. Nếu Sendero Luminoso biết chuyện, nhất là nếu không tìm được đám con tin. Vì vậy, trước hết phải bắt lại bọn chúng bằng bất cứ giá nào!
Nghe súng nổ, những tên khác từ các nhà chạy về phía hắn. Gustavo dẫn đầu. Miguel chửi rủa bọn chúng tới tấp: “Maldito escoria, imbeciles inservibles! Por su estubidez… Nuca vigilar! Solo dormir y tomar! Sin cuida!... Los presos de mỉeda se écaparon!”. (1)

Chỉ mặt Gustavo, hắn rít lên: “Mày là đồ ăn hại dái nát! Chỉ huy gì cái đồ mày, một con chó ghẻ còn khá hơn! Bọn người lạ đã tới đây trong khi mày nằm ngủ! Mày lờ cho chúng qua, mày tiếp tay cho chúng! Hãy tìm ngay xem bọn chúng từ đâu tới và chạy trốn bằng cách nào. Nhất định phải có dấu vết!”.

Mấy giây sau, Gustavo quay lại, thông báo: “Bọn chúng đi bằng đường sông. Một số thuyền trôi đâu mất, những chiếc khác bị đánh chìm”.
Miguel như phát khùng, vội vã ra ngay bến sông. Cảnh tàn phá mà hắn thấy, dây neo thuyền bị cắt, thuyền máy không thấy đâu, mấy chiếc khác bị chìm chỗ nước nông, cũng đủ làm hắn tức sùi bọt mép. Song hắn hiểu rằng, nếu hắn không bình tĩnh lại và kiềm chế, sẽ không thể nào cứu vãn được tình thế. Kìm mình lại, hắn bắt đầu suy nghĩ môt cách khách quan.

Vẫn dùng tiếng Tây Ban Nha, hắn bảo Gustavo: “Hãy chọn cho tao hai chiếc thuyền tốt nhất trong số còn lại, mỗi thuyền đủ hai máy. Không phải trong mười phút, mà phải ngay bây giờ. Mọi người đều phải làm, mà làm nhanh, nhanh, thật nhanh! Sau đó, tất cả tập trung tại bến, mang đủ súng đạn và sẵn sàng xuất phát!”.

Cân nhắc các khả năng, hắn tin rằng những người vào cứu tù chắc hẳn phải đi máy bay đến vùng này; đó là phương tiện chuyên chở nhanh nhất, thực tế nhất. Vì vậy, họ cũng sẽ phải thoát

ra bằng máy bay, nhưng cho đến lúc này không có khả năng máy bay đã đi rồi.

Ramon đã báo cáo Vincente đến thay gác cho hắn ngay sau một giờ sáng, lúc đó mọi chuyện vẫn yên ổn, tù nhân vẫn bị khoá chặt trong cũi giam. Vì thế, cho dù ngay sau đó chúng thoát ra đi nữa, thì nhiều nhất cũng chỉ mới đi được hai tiếng. Việc xác của Socorro và Vicente khi chúng tìm thấy vẫn còn ấm càng xác nhận thêm suy đoán của Miguel là bọn đột nhập mới đi chưa được hai giờ.

Hắn tiếp tục lập luận: từ Nueva Esperanza nếu đi bằng đường sông tới nơi hẹn máy bay, bọn kia sẽ phải chọn một trong hai đường băng máy bay ở trong rừng. Chỗ gần hơn không có tên, chỉ có các máy bay chở ma tuý mới sử dụng đến. Đường băng kia là Sion, xa gấp đôi, là nơi ba tuần trước đó chiếc Learjet chở Miguel cùng những tên khác và đám con tin đã đậu.
Sử dụng cái nào cũng đều có lý cả. Chính vì thế Miguel quyết định cử một thuyền đầy người mang súng tới nơi gần hơn, còn chiếc thứ hai đến Sion. Miguel quyết định cùng đi với thuyền tới Sion.

Trong lúc hắn đang còn suy nghĩ, ngoài bến mọi người đã khẩn trương hoạt động. Hai thuyền nước ngập phân nửa được kéo vào gần bờ và tát nước ra. Những người trong làng cũng tới giúp bọn thuộc Sendero. Họ đều hiểu rằng, nếu bọn cầm đầu Sendero Luminoso nổi giận với Nueva Esperanza, tổ chức này có thể giết sạch cả làng mà không hề ân hận. Trước đây cũng đã có nhiều trường hợp như vậy.

Dù đã làm gấp, nhưng đến khi khởi hành được cũng mất nhiều thời gian hơn là Miguel mong muốn. Cuối cùng, lúc bốn giờ kém mấy phút, cả hai thuyền đã khởi hành xuôi theo hướng tây bắc, cả hai máy mở hết tốc lực. Thuyền của Miguel đi Sion chạy nhanh hơn nhiều, vượt xa thuyền kia ngay khi vừa rời bến. Gustavo điều khiển bánh lái.

Ngồi ôm khẩu tiểu liên Bereta dùng tăng cường cho khẩu Marakov, Miguel lại thấy cơn giận trào lên. Hắn vẫn không hiểu ai là người đã giải thoát hai tù nhân. Nhưng khi hắn đuổi kịp và bắt lại được, mà hắn định phải bắt sống, chúng sẽ phải chịu đựng những hình thức tra tấn từ từ, khủng khiếp.

Chú thích:mất dạy, đồ ăn hại! Vì sự đần độn của mày… Không bao giờ chịu canh gác! Chỉ ngủ và uống thôi… Không trông nom gì hết… bọn tù nhân cứt đái đã trốn hết rồi…

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 18

Khi chiếc Cheynne II của hãng Aerolibertad cất cánh từ sân bay Lima trong ánh rạng đông, Crawford Sloane bỗng nhớ đến mấy câu thơ trước đây anh đã đọc:
Nếu tôi bay trên đôi cánh bình minh

Và đậu xuống nơi đại dương xa nhất.

Hôm qua, chủ nhật, họ đã bay trên đôi cánh bình minh thật, nhưng không phải tới đại dương, mà vào sâu trong lục địa, song không thu được kết quả gì. Hôm nay, họ lại một lần nữa bay về phía rừng rậm.

Rita ngồi ở hàng ghế thứ hai, bên cạnh Sloane. Trước mặt họ là phi công chính Oswaldo Zileri và người phụ lái còn trẻ tên là Felipe Guerra.

Trong suốt chuyến bay ngày hôm trước kéo dài ba tiếng, máy bay của họ đã qua cả ba điểm hẹn. Mặc dù trước khi đến điểm nào anh đều được báo trước, Sloane vẫn khó phân biệt được đâu là đâu, vì nhìn từ máy bay, rừng rậm ken dày như vô tận. “Giống như ở Việt Nam, nhưng rậm rạp hơn”, anh bảo Rita.

Mỗi khi máy bay lượn trên điểm hẹn, cả bốn người đều nhìn kỹ bên dưới xem có tín hiệu hoặc dấu hiệu hoạt động nào không, song không thấy gì. Sloane rất hy vọng hôm nay sẽ khác.

Lúc trời sáng rõ, chiếc Cheyenne II bay trên đỉnh cao Andes trong dãy Cordillera. Sau đó qua tới bên kia, họ hạ dần độ cao về hướng rừng rậm và thung lũng thượng nguồn của sông Hualaga.

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 19

Partridge biết anh đã tính toán sai. Họ đã bi chậm rất nhiều.

Cái anh không tính tới khi chọn Sion thay vì chọn điểm hẹn gần hơn là xuồng gặp sự cố. Việc đó xảy ra khoảng hai tiếng sau khi rời Nueva Esperanza, tức là còn một tiếng nữa mới đến chỗ họ bỏ thuyền lên bờ và bắt đầu đi bộ tới điểm đỗ máy bay.

Cả hai máy vẫn đang hoạt động bình thường tuy kêu hơi to, thì bỗng chuông trong máy bên trái xuồng réo ầm lên, Ken O'Hara lập tức giảm ga, về số không, và tắt máy. Chuông và máy đều im lặng.

Chiếc máy ở mạn phải vẫn tiếp tục hoạt động, nhưng lúc này xuồng chạy chậm hẳn lại.

Partridge bước về phía cuối xuồng và hỏi O'Hara: "Sao thế? Liệu có sửa được không?".
"Tôi e rằng không", O'Hara trả lời. Anh đã tháo nắp máy và đang xem xét bên trong. "Máy nóng quá, vì thế chuông báo. Nước làm mát máy rất trong, chứng tỏ bơm đã hỏng. Cho dù tôi đủ dụng cụ tháo rời máy ra, có thể vẫn cần phụ tùng thay thế. Mà chúng ta không có cả hai thứ…".
Anh bỏ lửng không nói hết câu.
"Tức là chắc chắn không thể chữa được nữa?".
O'Hara lắc đầu: "Rất tiếc là vậy, Harry ạ".
"Nếu cứ cho chạy tiếp thì sao?".
"Máy sẽ hoạt động một thời gian ngắn, rồi lại bị nóng. Sau đó máy quá nóng, pittong và xilanh chảy dính với nhau. Rồi chỉ còn mỗi một việc là quẳng ra bãi rác".
"Cho chạy đi", Partridge bảo. "Nếu không còn cách nào khác, cứ chạy được chừng nào hay chừng ấy". "Được thôi, anh là thuyền trưởng mà", O'Hara trả lời, mặc dù anh rất ghét làm hỏng chiếc máy, mà giá ở hoàn cảnh khác vẫn chữa chạy được.

Đúng như O'Hara nói, máy hoạt động được vài phút, rồi chuông réo ầm ĩ và có mùi khét lẹt. Sau đó nó ngừng và không sao khởi động lại được nữa. Xuồng lại chậm lại và Partridge lo lắng nhìn đồng hồ.
Anh có thể thấy tốc độ xuồng chỉ còn bằng nửa khi trước. Như vậy quãng sông còn lại họ sẽ phải đi hết hai tiếng chứ không phải một tiếng.

Thực tế phải mất tới hai giờ mười lăm phút, và lúc này đã là sáu giờ năm mươi phút sáng; họ

đã thấy chỗ bỏ xuống lên bờ. Partridge và Fernandez nhận ra nó trên tấm bản đồ tỷ lệ lớn, đồng thời căn cứ vào dấu hiệu người trước để lại – ống bơ nước ngọt và mảnh chai vỡ vứt đầy trên bờ. Bây giờ họ sẽ phải lết hết đoạn đường rừng khó khăn tới đường băng Sion trong vòng một tiếng, ngắn hơn thời gian dự tính rất nhiều. Liệu họ có làm nổi không?
"Chúng ta phải đến kịp", Partridge nói, rồi giải thích cho Jessica và Nicky biết. "Có thể sẽ rất mệt, nhưng không còn thời gian nghỉ nữa, và nếu cần, chúng ta sẽ phải giúp nhau mà đi. Fernandez sẽ đi trước, tôi đi sau cùng".

Mấy phút sau, mũi xuồng sát trên cát và họ lội vào bờ. Ngay trước mặt là một khoảng trống trong vùng rừng rậm dày đặc.
Giá có nhiều thời gian, Partridge có lẽ đã tìm cách giấu xuồng đi, hoặc đẩy nó ra giữa sông cho trôi xuôi. Còn bây giờ, nó đang nằm ngay gần bờ.

Sau đó, sắp sửa vào rừng, Fernandez bỗng dừng lại, ra hiệu mọi người im lặng. Anh nghiêng đầu, đứng nghe trong bầu không khí ban mai yên tĩnh. Anh quen thuộc rừng hơn những người kia, anh nghe rõ các loại âm thanh khác nhau. Anh hỏi nhỏ Partridge "Anh nghe thấy không?".
Lắng tai nge Partridge nghĩ anh nghe thấy tiếng ì ầm đằng xa, phía họ vừa đến, nhưng không biết là gì. Anh hỏi: "Tiếng gì thế nhỉ?".
"Một thuyền khác đang chạy", Fernandez trả lời: "Cũng còn cách khá xa, nhưng chạy rất nhanh".
Không trù trừ, mọi người đi vào rừng.

* * *
Lối mòn này không đến nỗi khó đi như con đường rừng từ điểm đậu máy bay trên đường ô tô tới Nueva Esperanza mà Partridge và các thành viên của nhóm đã đi trước đó ba ngày. Rõ ràng lối này có nhiều người qua lại hơn, vì cỏ chỉ hơi rậm một chút và không có chỗ nào mất dấu như đường kia.

Thế nhưng qua được cũng không phải dễ. Mặt đất gồ ghề rễ trồi lên, và ở những chỗ mềm mềm có thể bị thụt xuống bùn hoặc vũng nước, rất khó nhấc chân.

"Nhìn cẩn thận rồi hãy bước", Fernandez nhắc mọi người. Anh ta đang đi phía trước, chân bước phăng phăng.
Partridge hoạ theo, cố làm bộ vui vẻ, phấn chấn: "Chúng tôi không muốn phải cõng ai đâu nhé. Tôi đang toát hết cả mồ hôi!".
Ai cũng đều thế cả. Cũng như lần họ tới đây, trong rừng nóng ngột ngạt như nồi hầm và càng về trưa càng nóng hơn. Các loài sâu bọ cũng hoạt động mạnh hơn.

Đầu óc Partridge luôn bận rộn với câu hỏi: Jessica và Nicky sẽ chịu đựng chuyến đi vất vả này được bao lâu? Suy nghĩ một lát, anh cho rằng Jessica có thể trụ được; nàng có quyết tâm và rõ ràng là dẻo dai. Song Nicky có vẻ mệt lắm rồi.
Lúc đầu Nicky đi gần cuối, rõ ràng muốn ở gần Partridge như lúc trước. Song anh cương quyết bảo nó và Jessica phải đi gần đầu hàng, ngay sau Fernandez. "Để sau, Nicky ạ", anh bảo. "Còn

bây giờ chú muốn cháu đi gần mẹ". Nicky nghe lời, với vẻ miễn cưỡng.
Nếu đúng là chiếc thuyền họ vừa nghe tiếng máy kia chở bọn đuổi theo, Partridge hiểu rằng cuộc tấn công sẽ đến từ phía sau. Nếu điều đó xảy ra, anh sẽ cố hết sức đẩy lui cuộc tiến công, trong khi những người khác tiếp tục đi. Anh đã kiểm tra khẩu Kalashnikov đang đeo trên vai, để hai băng đạn dự trữ chỗ túi anh có thể dễ dàng lấy ra.
Partridge lại nhìn đồng hồ; bẩy giờ ba mươi lăm phút. Họ đã đi được gần bốn mươi phút. Nhớ đến cái mốc tám giờ tại điểm hẹn với Aerolibertad, anh hy vọng đã đi được ba phần tư quãng đường.
Mấy phút sau họ buộc phải dừng lại.
Nghĩ lại cũng buồn cười, Fernandez là người nhắc mọi người phải cẩn thận trước khi bước, nhưng chính anh ta lại trượt ngã chỏng gọng, chân kẹp trong đám rễ cây đầy bùn. Khi Partridge vội vã chạy đến, Minh đã nâng Fernandez dậy, còn O'Hara đang cố kéo chân anh ta ra; lúc đó Fernandez nhăn mặt vì đau đớn.
"Có vẻ tôi đã làm hỏng việc", anh ta nói với Partridge. "Tôi xin lỗi vì đã phụ lòng tin của ông". Khi đã rút được chân ra, Fernandez thấy đau buốt tận óc khi bước đi. Rõ ràng chân anh bị gãy hoặc trật khớp rất nặng.
"Nói thế không đúng; anh chưa bao giờ phụ lòng chúng tôi", Partridge nói. "Anh là người dẫn đường, người bạn đường tốt, và chúng tôi sẽ dìu anh đi. Chúng tôi sẽ vứt bớt các thứ đi".
Fernandez lắc đầu: "Dù có làm thế đi nữa, cũng không còn thời gian. Tôi chưa nói với ông, Harry ạ, nhưng tôi đã nghe thấy tiếng động cơ ở phía sau. Chúng đang đuổi theo và cách chúng ta không xa nữa đâu. Hãy để tôi lại, các ông đi tiếp đi".
Jessica cũng đến. Nàng bảo Partridge: "Chúng ta không thể để anh ấy lại được".
"Một người sẽ cõng anh", O'Hara nói. "Tôi sẽ cố làm việc đó".
"Trong cái nóng như thế này ư? " Fernandez sốt ruột nói. "Anh sẽ không đi nổi qua một trăm mét, và tất cả sẽ bị chậm lại".
Vừa định phản đối, Partridge chợt hiểu làm như O'Hara nói là vô ích. Fernandez đã nói đúng: không còn cách nào khác hơn là phải bỏ anh lại. Song anh nói thêm: "Nếu có thêm người và có thể được, chúng tôi sẽ quay lại đón anh".
"Đừng phí thời gian nữa, Harry. Tôi phải nói ngay mấy việc". Fernandez đang ngồi cạnh lối mòn, tựa lưng vào gốc cây. Cây cối rậm quá, không thể đưa anh vào sâu thêm. Partridge và Jessica quỳ xuống cạnh anh ta.
"Tôi còn một vợ và bốn đứa con", Fernandez nói. "Tôi mong sẽ có người trông nom vợ con tôi".
"Anh làm cho CBA", Partridge đáp "thì CBA sẽ chịu trách nhiệm việc đó. Tôi đảm bảo với anh, chính thức hứa sẽ làm như vậy. Việc ăn học của lũ trẻ, tất cả".
Fernandez gật đầu, rồi anh chỉ khẩu M16 anh mang theo, hiện đang để bên cạnh "Anh nên cầm nó theo. Ngoài khẩu anh có, anh có thể phải dùng đến nó. Nhưng tôi không định để chúng bắt sống. Đưa tôi khẩu súng lục".
Partridge đưa cho anh ta khẩu Browning chín li của anh, sau khi tháo bỏ ống giảm thanh.
"Ôi, Fernandez!" Jessica nghẹn ngào, mắt đẫm lệ. "Nicky và tôi chịu ơn anh nhiều". Nàng cúi người hôn lên trán anh ta.
"Vậy thì đi đi" Fernandez giục nàng "Đừng mất thời gian nữa, kẻo sẽ mất những gì đã làm được cho đến lúc này".

Khi Jessica đứng dậy, Partridge nhoài người, ôm chặt Fernandez và hôn lên hai má anh ta. Phía sau anh, Minh và O'Hara đang đợi để hôn vĩnh biệt Fernandez.
Partridge đứng dậy, bước đi không ngoảnh lại.
* * *
Ngay khi thấy chiếc xuồng bỏ lại trên bãi gần cửa rừng, và nhận ra nó từ Nueva Esperanza tới, Miguel rất mừng, hắn đã quyết định đi trên chiếc thuyền tới Sion.
Hắn càng mừng hơn, khi vừa từ trên thuyền nhảy xuống bờ, Ramon chạy đến bên chiếc xuồng và thông báo: "Underhill mortor esta cliente, Elliott ottro frio-fundido" (1).
Một máy còn nóng tức là những người chúng đang đuổi theo mới vào rừng chưa lâu. Còn chiếc máy bị cháy, đã nguội ngắt cho biết chiếc xuồng đã bị chậm lại và những người trên xuồng đến đây khá muộn.
Cũng như Miguel, bảy tên thuộc nhóm Sendero đều mang vũ khí đầy đủ. Hắn bảo chúng bằng tiếng Tây Ban Nha: "Bọn sâu mọt tư sản ấy chưa chạy xa được. Chúng ta sẽ đuổi kịp và trừng trị chúng. Hãy hành đông với lòng căm hận của Guzman".
Chúng lao nhanh vào rừng, reo hò ầm ĩ.
"Chúng ta đến sớm mấy phút", Rita nói với Oswaldo Zileri, phi công chiếc Cheynne II khi máy bay tới gần Sion, điểm hẹn đầu tiên. Cô vừa mới xem đồng hồ, bảy giờ năm mươi lăm.
"Chúng ta sẽ lượn và quan sát", ông ta nói: "Dù thế nào đây cũng là nơi ít có khả năng các bạn chị sẽ tới nhất".
Cũng như hôm qua, cả bốn người trên máy bay – Rita, Crawford Sloane, Zileri và anh chàng lái phụ Felipe nhìn như dán mắt vào tấm màn xanh phía dưới. Họ tìm kiếm dấu hiệu có người, nhất là khu vực đường băng ngắn, hai bên toàn cây, mà cho đến tận khi bay ngay trên nó mới nhìn thấy. Và giống như hôm qua, tuyệt nhiên không có động tĩnh gì.
Trên lối mòn, Nicky càng thấy khó theo kịp nhịp đi như tra tấn này, Jessica và Minh đang diu nó, mỗi người túm một bên tay vừa lôi, vừa nhấc nó qua những chỗ khó trên đường đi. Cuối cùng có thể sẽ phải khiêng nó, nhưng lúc này mọi người còn phải giữ sức lực còn lại.
Từ lúc họ chia tay Fernandez đến giờ đã được khoảng mười phút, Partridge đã trở lại vị trí cuối hàng; từ vị trí đó thỉnh thoảng anh nhìn lại phía sau. Cho đến lúc này, vẫn chưa thấy bóng dáng bọn kia đâu.
Phía trên, vòm lá mỏng dần; ánh sáng lọt qua kẽ lá nhiều hơn. Lối đi rộng hơn, Partridge hy vọng đó là dấu hiệu cho thấy đã tới gần đường băng. Có lúc anh nghĩ nghe thấy tiếng máy bay ở phía xa, nhưng không dám chắc. Anh lại nhìn đồng hồ: bảy giờ năm mươi lăm phút.
Đúng lúc đó, từ phía sau vọng lại một tiếng ngắn, đanh gọn, rõ ràng là tiếng súng. Chắc là Fernandez, Partridge nghĩ. Vậy là ngay cả khi dùng khẩu Browning mà Partridge đã cố ý tháo ống giảm thanh, anh thợ dựng kèo nhà đầy nhiệt tình ấy vẫn giúp họ lần cuối – báo cho họ biết bọn đuổi phía sau đã đến gần. Nhưng để xác nhận việc ấy, họ nghe mấy phát súng nổ.
Có lẽ bọn đang duổi theo họ thấy Fernandez đã chết, nhưng nghĩ là chúng thấy những người khác phía trước nên bắn hú hoạ. Sau đó không hiểu sao tiếng súng im bặt.
Bản thân Partridge cũng đã gần kiệt sức. Lúc này anh thấy khó tập trung tư tưởng.
Vào lúc đầu óc đang miên man, anh quyết định, điều mong muốn nhất là thôi không phải làm gì nữa. Khi cuộc phiêu lưu này kết thúc, anh sẽ tiếp tục kỳ nghỉ mà anh vừa mới bắt đầu, rồi đơn giản là biến mất, không gặp gỡ bất cứ ai… Jessica và Gemma là chuyện dĩ vãng. Vivien có thể là tương lai. Cho đến nay, có lẽ anh đối xử với nàng không công bằng; cuối cùng đã đến lúc phải

tính chuyện cưới nàng… Hãy còn chưa muộn… Anh biết Vivien sẽ rất thích điều đó…
Rồi anh cố gắng trở về với thực tại.
Bỗng nhiên họ thấy mình đã ra khỏi rừng rậm. Đã thấy đường băng trước mặt! Một chiếc máy bay, chiếc Cheyenne đang lượn trên đầu. O'Hara, đáng tin cậy cho đến phút chót, Partridge nghĩ, anh đang lắp viên pháo hiệu màu xanh vào khẩu súng lệnh mà anh mang theo suốt cả chặng đường. Màu xanh nghĩa là: "Hạ cánh bình thường. Không có trở ngại gì".
Và cũng đột nhiên từ phía sau vang lên hai tiếng súng, lần này nghe gần hơn.
"Bắn pháo hiệu đỏ, không phải pháo hiệu xanh!" Partridge hét gọi O'Hara. "Hãy làm thật nhanh!". Pháo hiệu đỏ tức là "Hạ cánh càng sớm càng tốt. Chúng tôi đang gặp nguy hiểm!".
* * *
Đã quá tám giờ. Trên chiếc Cheyenne II đang bay phía trên đường băng, Zileri quay lại nói với Rita và Sloane "Không thấy gì cả. Chúng ta qua hai điểm hẹn kia thôi".
Máy bay đổi hướng. Đúng lúc đó, Crawford gọi: "Khoan đã! Tôi nghĩ tôi nhìn thấy cái gì đó".
Zileri cho máy bay vòng lại. Ông ta hỏi: "Ở đâu?".
"Ở dưới kia kìa", Sloane lấy tay chỉ. "Tôi không biết chắc ở chỗ nào. Nó diễn ra trong chốc lát… tôi nghĩ…". Giọng anh nghe cũng có vẻ không cả quyết lắm.
Zileri cho máy bay lượn tròn. Họ lại căng mắt quan sát mặt đất. Lượn được một vòng, người lái máy bay nói: "Tôi chẳng thấy gì cả. Tôi nghĩ chúng ta nên bay tiếp".
Đúng lúc đó, pháo hiệu đỏ từ mặt đất bay lên.
* * *
O'Hara bắn phát pháo hiệu đỏ thứ hai.
"Thế đủ rồi. Họ đã nhìn thấy chúng ta", Partridge nói. Chiếc máy bay đã đổi hướng bay về phía họ. Điều anh cần biết lúc này là máy bay sẽ hạ cánh theo hướng nào, để anh chọn đúng vị trí ở lại chống trả bọn chúng, trong khi những người khác leo vào máy bay.
Anh nhanh chóng thấy rõ câu trả lời. Chiếc Cheyenne II lượn một vòng rất hẹp, giảm độ cao rất nhanh và sẽ bay trên đầu họ. Sáu đó nó sẽ hạ cánh từ hướng lối mòn xuyên rừng nơi họ vừa nghe súng nổ.
Mặc dù nghe tiếng súng, nhưng nhìn lại, Partridge vẫn chưa thấy bóng đứa nào cả. Anh chỉ đoán tại sao chúng lại nổ súng. Có lẽ trong khi đi, đứa nào đó trong bọn chúng bắn hú hoạ, hy vọng may ra thì trúng.
Anh bảo O'Hara: "Đưa Jessica và Nicky ra chỗ đường băng thật nhanh và ở lại đấy với họ. Khi máy bay tới đầu đường phía xa, nó sẽ quay đầu chạy lại, chạy lại gần máy bay rồi tất cả trèo vào. Anh nghe rõ chứ, Minh?".
"Tôi nghe rõ", Minh trả lời, mắt vẫn dán vào ống kính, điềm nhiền ghi nhìn như anh đã mấy lần làm trong suốt chuyến đi. Partridge quyết định không cần phải lo cho Minh nữa. Anh ta biết cách tự giữ mình.
Jessica lo lắng hỏi: "Còn anh thì sao, Harry".
Anh nói với nàng: "Anh sẽ bọc hậu bằng cách bắn chặn lối mòn. Khi mọi người đã lên hết máy bay, anh sẽ nhập bọn. Bây giờ đi đi!".
O'Hara vòng tay dìu Jessica lúc này đang nắm bàn tay còn lành của Nicky và họ vội vã chạy về phía máy bay.
Ngay lúc họ vừa đi xong, Partridge ngoảnh lại phía rừng thì thấy bóng một vài đứa đang tiến về phía đường băng, tay giương súng.

Partridge nhoài người nấp sau mô đất gần đó. Anh nằm xấp, khẩu Kalashnikov để trước mặt, đưa những bóng di động vào thước ngắm. Anh siết cò, và trong tiếng súng nổ thấy một đứa gục xuống, những đứa khác lao tìm chỗ nấp. Cũng lúc đó, anh nghe tiếng máy bay lướt thấp trên đầu không cần ngoảnh lại, anh biết hiện giờ nó đang hạ cánh.
"Họ kia rồi", Crawford Sloane hét lên vì quá hồi hộp. "Tôi nhìn thấy Jessica và Nicky!". Máy bay vẫn đang còn chạy trên đường băng, bánh lướt nhanh trên mặt đường gồ ghề.
Điểm cuối đường băng vụt gần lại và Zileri hãm phanh rất gấp. Khi máy bay hết đà chạy, viên phi công vẫn phanh hãm và để một động cơ hoạt động, kèm đầu máy bay quay ngược hướng vừa hạ cánh. Sau đó, dùng cả hai động cơ để tăng tốc, ông ta cho máy bay chạy nhanh dọc đường băng về phía đối diện.
Chiếc Cheyenne II dừng lại đúng nơi Jessica, Nicky và O'Hara đang đợi. Felipe, người lái phụ đã rời chỗ ngồi và chạy về cuối máy bay. Từ bên trong thân máy bay, anh ta mở cửa và hạ thang xuống.
Nicky, rồi Jessica và O'Hara trèo lên thanh; mấy cánh tay giơ ra, trong đó có tay Sloane kéo giúp họ vào hẳn bên trong. Minh xuất hiện đằng sau mọi người và lom khom trèo vào.
Trong khi Sloane, Jessica và Nicky đang xúc động ôm ghì lấy nhau, O'Hara gọi to, giọng hổn hển: "Harry đang ở phía trước. Chúng ta phải đón anh ấy. Anh ấy đang bắn chặn bọn khủng bố".
"Tôi thấy rồi", Zileri bảo. "ngồi cho vững nào". Ông ta lại tăng ga và máy bay chạy vụt về phía trước.
Đến cuối đường băng, ông ta lại cho máy bay lộn đầu lại. Lúc này máy bay nằm đúng chiều vừa xuống, sẵn sàng cất cánh, nhưng cửa lên vẫn còn để mở. Qua cửa máy bay để ngỏ, có thể nghe thấy súng nổ. "Bạn của các vị sẽ phải chạy thật nhanh tới máy bay", giọng Zileri nghe khẩn thiết: "Tôi muốn chuồn khỏi đây ngay".
"Anh ấy sẽ làm như vậy", Minh nói. "Anh ấy đã thấy chúng ta và thế nào cũng tới".
* * *
Partridge đã nghe và nhìn thấy máy bay. Liếc vội về phía sau, anh biết nó đã cố đến thật gần chỗ anh. Khoảng cách giữa anh và máy bay độ một trăm mét. Anh có thể chạy khom người thật nhanh tới máy bay. Song trước hết anh phải vẩy đạng vào phía đường mòn trong rừng để chặn lực lượng Sendero có thể phóng đến. Mấy phút vừa rồi, anh thấy bóng mấy thằng nữa, anh nổ súng và thấy một tên ngã nhào. Bọn còn lại đang nấp sau những thân cây. Một loạt đạn sẽ ghìm chúng ở đó, và đủ thời gian để anh chạy đến được máy bay.
Anh vừa tra băng đạn mới vào khẩu Kalashnikov, siết mạnh tay cò, anh bắn xối xả dọc hai bên đường mòn. Từ lúc nổ súng, lòng say mê chiến trận vốn có trong anh trỗi dậy… làm anh ngây ngất… nó làm chất adernalin chảy trong huyết quản, nước dịch trào…một thứ nghiện ngập đến điên rồi, phi lô gich trước âm thanh và cảnh sắc chiến tranh…
Bắn hết băng đạn, anh vứt súng, nhỏm dậy chạy, cúi gập người thật thấp. Chiếc máy bay đang ở trước mắt. Anh biết anh sẽ thoát!
Partridge chạy được một phần ba đoạn đường thì bị đạn vào chân. Anh khuỵu ngay lập tức. Mọi việc diễn biến quá nhanh, anh phải mất mấy phút mới hiểu được chuyện gì xảy ra.
Viên đạn xuyên qua khoeo chân phải, làm vỡ đầu gối. Anh không thể bước được nữa. Cái đau khủng khiếp, hơn cả cái đau nhất mà anh tin là có thể có, lan toả khắp cơ thể. Vào lúc ấy, anh biết không bao giờ anh còn có thể đến được chỗ máy bay đang đợi. Anh cũng hiểu không còn thời gian nữa. Máy bay sẽ phải cất cánh. Còn anh sẽ phải làm cái việc mà trước đó nửa giờ

Fernandez đã làm.
Thu hết sức lực còn lại, anh nhỏm người ra hiệu cho chiếc Cheyenne cất cánh. Điều quan trọng lúc này là mọi người hiểu được ý anh.
* * *
Minh đứng ghi hình ở cửa máy bay. Anh đang quay cận cảnh Partridge và ghi được giây phút khi anh trúng đạn. Felipe, người lái phụ đứng cạnh Minh.
Felipe gọi với vào trong. "Anh ấy trúng đạn rồi! Tôi nghĩ bị nặng đấy. Anh ấy đang vẫy bảo chúng ta đi!".
Từ trong máy bay, Sloane nhoài người ra cửa. "Chúng ta phải đón anh ấy vào!".
Jessica kêu to: "Đúng, ôi, đúng đấy!".
Nicky hoà theo: "Chú Harry chưa vào thì đừng bay vội!".
Chính Minh, người am hiểu thực tế của chiến tranh nói: "Không được đâu! Không có đủ thời gian".
Qua ống kính, Minh đã thấy lực lượng Sendero đang tới gần. Vài thằng đã đến được mép ngoài đường băng, đang vừa chạy vừa nổ súng. Đúng lúc ấy, mấy viên trúng vào máy bay.
"Tôi bay đây", Zileri nói. Ông ta đã hạ thấp phần cánh nắp phía sau chuẩn bị cất cánh, bây gờ ông đẩy tay ga về phía trước. Minh mang máy quay ngã giúi vào trong. Felipe cũng thụt vào và đóng cửa lại.
Khi máy bay đã đủ tốc độ, Zileri kéo nhẹ cần điều khiển. Chiếc Cheyenne II rời đường băng bay lên.
Jessica và Nicky đang ôm nhau khóc. Sloane ngồi mắt lim dim, lắc đầu như thể không tin vào những điều anh vừa thấy.
Minh tỳ máy vào cửa sổ, ghi những hình ảnh cuối cùng dưới đất.
* * *
Nằm trên mặt đất. Partridge nhìn chiếc Cheyenne II cất cánh bay đi.
Và anh còn thấy một cảnh khác nữa. Trong cơn đau đớn đến mờ mắt, anh như thấy bóng người mặt bộ đồng phục của hàng không Alitalia đang đứng ở cửa máy bay, mỉm cười vẫy anh.
Nước mắt bấy lâu nén lại trong anh bắt đàu trào ra. Sau đó, anh bị trúng thêm nhiều vết đạn và chết.
* * *
Nhìn xuống xác Harry Partridge, Miguel thề sẽ không bao giờ để diễn lại thất bại như hôm nay. Ở giai đoạn đầu của vụ bắt cóc, tuy rất phức tạp và công phu, hắn đã thành công đến mức khó tin. Thế mà vào giai đoạn hai, dễ dàng và không phức tạp bằng, thì hắn lại thất bại thảm hại.
Bài học rõ ràng là: không có gì dễ dàng và không phức tạp cả. Đáng ra hắn phải học bài học đó từ lâu. Nhưng từ giờ phút này trở đi, hắn sẽ ghi nhớ.
Sau đây làm gì?
Trước hết hắn phải rời Peru. Hắn có thể mất mạng nếu ở lại đây; Sendero Luminoso sẽ không để yên việc này.
Hắn cũng không thể trở lại Nueva Esperanza. Cũng may, hắn chẳng phải quay lại đó làm gì.
Trước khi rời Nueva Esperanza, lường trước những chuyện có thể xảy ra, hắn đã nhét toàn bộ số tiền hắn có, trong đó có gần năm chục ngàn đôla nhận của Antonio Salavery vào lần cuối cùng hắn tới Liên hợp quốc, vào chiếc bao đựng tiền mà hắn đang đeo. Hắn cảm thấy cồm cộm, phải cái hơi khó chịu, nhưng làm hắn yên tâm.

Với số tiền này, hắn thừa sức rời khỏi Peru và trở về Colombia.
Bây giờ hắn định luồn vào rừng. Cách đây hai lăm cây số có một chỗ đỗ máy bay – không phải hai nơi hôm nay chúng đến – là nơi các máy bay chở ma tuý do phi công Colombia lái thường lên xuống. Hắn biết có thể dúi tiền để họ chở hắn về Colombia, và một khi đã ở đó, hắn sẽ được an toàn.
Nếu có đứa nào trong đám từ Nueva Esperanza kia dám ngăn cản, hắn sẽ giết chết nó ngay. Nhưng hắn không tin là có đứa nào sẽ làm như vậy. Trong số bảy thằng cùng đi với hắn đến đây, chỉ có bốn còn sống sót. Ramon cùng hai hằng nữa đã bị bắn chết bởi tay cái thằng nước ngoài chó chết đang nằm dưới chân hắn đây. Không biết nó là thằng nào, nhưng rõ ràng là một tay súng giỏi.
Ngay cả ở Colombia, thất bại ở Nueva Esperanza cũng sẽ ảnh hưởng đôi chút đến tiếng tăm của hắn, song cũng không lâu. Và không như Sendero Luminoso, các cácten ma tuý Colombia không đến nỗi cuồng tín. Táo bạo thì có đấy, song bình thường họ thực dụng và lo làm ăn. Miguel là tên khủng bố vô chính phủ rõ ràng đáng bỏ tiền ra thuê. Các cácten có nhu cầu sử dụng đến hắn.
Gần đây, hắn được biết họ đang thực hiện một chương trình dài hạn biến một số nước nhỏ và trung bình thành nơi ngự trị của cácten ma tuý như ở Colombia. Hắn tin chắc dự án này sẽ cho hắn dịp thi thố tài năng đặc biệt của hắn.

Colombia không còn là một thể chế dân chủ nữa. Bề ngoài có vẻ vẫn còn đấy, song ngay cả những cái đó cũng đang biến mất dần khi các vụ giết chóc theo lệnh của những ông chủ cácten tỷ phú hùng mạnh đã loại dần cái thiểu số tin vào những con đường cũ.

Để biến những nước khác thành những Colombia mới, cần phải hối lộ các nhân vật chóp bu hoặc gần chóp bu trong chính phủ của những nước này; hối lộ sẽ tạo điều kiện cho các cácten ma tuý có thể mò vào hoạt động ở đó. Tiếp theo, bằng những bước đi âm thầm, xảo quyệt, các cácten sẽ dần dần mạnh hơn cả chính phủ sở tại. Sau đó, như ở Colombia không gì có thể đảo ngược được nữa.
Hiện nay người ta nói đến bốn nước có khả năng sẽ được "Colombia hoá". Đó là Bolivia, Elliott Salvador, Guatemala và Jamaica. Rồi sau sẽ có thêm những nước khác được đưa vào danh sách.

Với khả năng và kinh nghiệm sống sót độc đáo, Miguel nghĩ, có thể hắn sẽ bận rộn suốt trong thời gian tới.

Chú thích:
1 Một máy nóng, còn chiếc kia lạnh

Arthur Hailey

Bản Tin Chiều

Dịch giả: Nguyễn Thành Châu & Phan Thanh Thảo

Chương 20

Trên chiếc Cheyenne II, phải mấy phút sau mọi người mới cảm thấy có thể nói chuyện được. Crawford Sloane đang ôm chặt Jessica và Nicky, như chỉ có ba người với nhau. Cuối cùng Sloane ngẩng đầu hỏi Minh Văn Cảnh: "Về Harry… anh có thấy thêm gì nữa không?".
Minh buồn rầu gật đầu: "Tôi tập trung ghi hình anh ấy. Lại trúng đạn mấy lần. Không còn nghi ngờ gì nữa".
Sloane thở dài, nói: "Anh ấy là người giỏi nhất…".
Minh sửa lại, giọng bỗng rất to: "Một phóng viên tài ba nhất, một người tốt nhất. Tôi đã gặp nhiều, nhưng không một ai trong số tôi biết có thể sánh được với Harry trong tất cả những năm vừa qua". Câu này được nói như một lời thách thức. Minh biết Sloane và Partridge cùng một thời gian.

Nếu đó là lời thách thức, thì Sloane cũng không có ý định tranh cãi. Anh chỉ nói: "Tôi cũng thấy thế".
Jessica và Nicky đứng nghe, cả hai đang bận rộn với suy nghĩ riêng của mình.

Chính Rita, một người làm tin chuyên nghiệp và có trách nhiệm phải làm, lên tiếng hỏi Minh: "Tôi có thể xem những hình anh ghi được không?". Cô biết mặc dù Harry đã chết, cô vẫn phải làm để kịp chuyển tin ở Lima, tiếc là chỉ còn không đầy một giờ nữa.

Cô cũng biết họ đang có một tin độc nhất vô nhị trên thế giới.
Minh tua lại băng, rồi chuyên chiếc máy quay Betacam cho Rita. Nheo mắt nhìn qua ống kính, cô ta xem những đoạn ghi trong băng: Minh bao giờ cũng ghi được cái cốt yếu của vụ việc. Những hình ảnh tuyệt vời. Những hình ảnh cuối cùng – lúc Harry bị thương, rồi ngã gục trong làn đạn hiểm – được quay trọn vẹn và cảm động. Khi đưa lại máy cho Minh, Rita rơm rớm nước mắt, nhưng cô lấy mu bàn tay lau vội, biết rằng không có thời gian để thương tiếc Harry hay khóc lóc. Hai cái đó để sau, có lẽ là tối nay khi còn lại còn một mình.

Sloane hỏi: "Harry có ai – có bạn gái không? Tôi biết sau khi Gemma mất, anh ấy không lấy ai nữa". "À, cũng có đấy", Rita trả lời. "Tên chị ấy là Vivien. Chị ấy là y tá, hiện sống ở một nơi gọi là Port Credit, ngoại ô Toronto".
"Chúng ta cần gọi điện báo cho chị ấy. Nếu chị muốn, tôi sẽ nói chuyện với chị ấy".
"Vâng, tôi muốn vậy", Rita đáp. "Khi nói chuyện, anh nhớ cho chị ấy biết trước khi đi, Harry có để lại có để lại di chúc, hiện tôi đang giữ. Anh ấy để lại tất cả mọi thứ cho chị ấy. Vivien không

biết hiện giờ chị ấy đã trở thành một triệu phú. Có vẻ Harry gửi tiền ở những nơi không bị thuế khắp trên thế giới. Kèm theo di chúc, anh ấy liệt kê những nơi anh ấy gửi tiền".

Trong khi mọi người mải nói chuyện không chú ý, Minh đang quay Jessica và Nicky. Lúc này Rita thấy anh ta chĩa ống kính vào bàn tay quấn băng của Nicky. Nó làm cô nhớ đến cái cô mang theo từ Lima; thò tay vào túi đeo, cô rút ra bức điện telex nhận qua Entel Peru.
"Trước khi đi", Rita nói với mọi người, "anh ấy nhờ tôi gửi điện cho một người bạn hiện là bác sĩ phẩu thuật ở Orleans, California. Harry giải thích bạn anh ấy là một trong những chuyên gia có hạng về chữa tay bị thương trên thế giới. Trong điện, anh ấy hỏi một số vấn đề về trường hợp của Nicholas. Đây là điện trả lời".

Cô đưa bức điện chữ in cho Sloane và anh đọc to:
"Phúc điện cho anh. Đã đọc tin anh cung cấp, đồng thời biết chi tiết qua báo chí về bàn tay của anh bạn trẻ. Không nên nối ngón tay giả. Chúng không cử động được và giúp cậu bé chơi piano, thậm chí còn vướng thêm. Trái lại, cần và có thể học cách đổi ngón tay sao cho ngón trỏ và ngón út chạm tới phím đàn. Dẫu sao cũng còn may, vì nếu mất ngón khác sẽ không làm thế được. Chỉ áp dụng được cho hai ngón vừa nói.

Tập đổi ngón tay đòi hỏi kiên rì, nhẫn nại, song nếu hăng say thì có thể làm được. Còn trẻ nên cũng dễ. Chỗ tôi có bà cũng mất hai ngón, bây giờ vẫn chơi được piano. Rất vui lòng để hai người gặp nhau nếu anh muốn.
Giữ mình cẩn thận, Harry, chào thân ái nhất.
Bác sĩ Jack Tupper.

Mọi người im lặng, rồi Nicky nói: "Con xem được không bố?". Sloane đưa cho nó bức điện.
"Đừng đánh mất nhé", Jessica dặn Nicky. "Nó sẽ là kỷ niêm của con về chú Harry. Nàng nghĩ sự gắn bó tự nhiên giữa Harry và Nicky tuy ngắn ngủi nhưng đẹp biết bao!
Nàng nhớ lại những lời xót xa mà lúc trước Nicky đã nói với Harry ở Nueva Esperanza: "Chúng giết ông chặt đứt hai ngón tay của cháu; thế là cháu không còn chơi piano được nữa". Rõ ràng Nicky không bao giờ có thể chơi trong dàn nhạc, điều nó hằng mơ ước. Nhưng nó sẽ chơi đàn bằng cách khác và thoả mãn được lòng say mê âm nhạc của nó.

Nicky dùng tay trái cầm bức điện và đọc, nụ cười nở trên môi. Bàn tay quấn bưng đang đảo qua đảo lại. Crawf bảo: "Tôi nghĩ sẽ không bao giờ trong những việc ta làm, ta lại không có lý do để cảm ơn Harry".
"Cả Fernandez nữa", Jessica nhắc anh. Họ đã kể về gương hy sinh cầm chắc cái chết của anh thợ dựng kèo nhà. Bây giờ nàng kể cho Crawf và Rita nghe lời Harry hứa trước khi để Fernandez lại bên cạnh đường mòn.

Fernandez nói đến vợ và bốn đứa con, hỏi liệu có ai sẽ chăm nom họ không và Harry đã trả lời: "Anh làm cho CBA nên CBA sẽ chịu trách nhiệm việc đó. Tôi đảm bảo với anh, chính thức hứa sẽ làm như vậy. Việc ăn học của lũ trẻ, tất cả".
"Nếu Harry đã nói như vậy", Sloane bảo, "anh ấy đã thay mặt CBA và nó có tính ràng buộc như

một văn bản pháp lý. Khi về New York tôi sẽ lo thực hiện việc ấy".
"Cũng hơi khó đấy", Rita trả lời: "Việc đó xảy ra sau khi Harry bị đuổi việc, mặc dù anh ấy không hề biết".
Nghe được câu đó, Minh có vẻ giật mình sửng sốt, điều đó cho thấy chỉ rất ít người biết có bức thư cho thôi việc của Chippingham.
"Không có vấn đề gì", Sloane nói: "Lời hứa của Harry sẽ được thực hiện".
"Nảy sinh vấn đề ta phải quyết định ngay", Rita chỉ rõ: "Chúng ta sẽ nói đến việc đuổi Harry trong phần đưa tin hôm nay chứ?".
"Không", Sloane dằn giọng: "Đó là chuyện nội bộ xấu xa, chúng ta không vạch áo cho người xem lưng".
"Nhưng rồi cũng sẽ lộ ra", Rita nghĩ bụng. "cuối cùng mọi người đều biết, luôn luôn là như vậy".
Crawf vẫn chưa biết là có bức điện "đồ chó đẻ" mà cô đã gửi qua fax về Vành móng ngựa cho Leslie Chippingham. Có lẽ chỉ một tuần sau nó sẽ được đăng trên tờ thời báo New York hoặc Bưu điện Washington. Nếu không thì cũng là trên tờ Tạp chí báo chí Colombia, hoặc Tạp chí báo chí Washing ton. Mặc kệ, không sao!

Rita cũng nhớ là vì bức điện đó, cô có thể mất việc. Ngoài những điều đã viết, cô còn ký "cựu chủ nhiệm". Thôi muốn ra sao cũng được, còn bây giờ cô phải hoàn thành công việc này đã.
Jessica lên tiếng: "Có một việc tôi cứ nghĩ mãi. Đó là về cái đường băng chúng ta ở đó lúc nãy, cái cuối cùng ấy", "Sion", Rita nhắc.
Jessica gật đầu. "Trên đường mòn, và khi ở đường băng tôi có cảm giác đã thấy nó từ trước. Tôi nghĩ đó là nơi lúc đầu chúng tôi bị đưa đến và rồi dần tỉnh lại. Song lúc ấy tôi không biết đó là đường băng máy bay. Và còn việc này nữa".

"Chị cứ nói tiếp đi", Rita bảo. Cô đã có trong tay cuốn sổ và đang ghi chép.
"Có một gã trong chiếc lán chúng tôi bị giam. Tôi không biết hắn là ai nhưng biết chắc hắn là người Mỹ. Tôi cầu cứu hắn, nhưng gã không giúp gì cả. Song tôi có được cái này".
Hôm trước Jessica đã lấy bức hoạ mà nàng vẽ từ dưới nệm giường ra. Nàng gấp lại, và từ đó mang theo, giấu trong áo lót. Nàng đưa cho Rita.
Đó là hình tay phi công lái chiếc Learjet, Denis Underhill.
"Tối nay chúng ta sẽ phát bức hình này trong bản tin chiều toàn quốc và yêu cầu mọi người nhận diện", Rita nói: "Trong số hai mươi triệu người xem, thế nào cũng có người nhận ra hắn".
Chiếc Cheyenne kêu vù vù, vẫn đang ngóc lên lấy độ cao chuẩn bị vượt những đỉnh cao Andes thuộc dãy Cordillera, sau đó sẽ xuống dần và trở lại Lima. Rita thấy lúc này là chín giờ sáng. Còn khoảng bốn mươi phút nữa mới tới Lima.
Cô thấy rằng ngay bây giờ cần cùng với Crawf vạch rõ kế hoạch cho thời gian còn lại trong ngày. Cô đã làm trước một số việc, trong đó đưa lại phần lớn, chứ chưa phải tất cả, những gì đã xảy ra.
Vào lúc này, câu chuyện ky kỳ về cuộc giải thoát con tin chỉ riêng CBA có. Vì thế, cho đến năm giờ rưỡi tối ở Peru, tức là thời gian phát bản tin đầu tiên ở New York, cần đưa Jessica và Nicky đến một nơi nào đó, để cánh báo chí và truyền hình khác không thấy và không gặp được họ. Cô tin là Crawf cũng thấy cần làm như vậy. Điều đó có nghĩa là chưa thể đưa Jessica và Nicky về khách sạn Cesar hoặc Entel Peru, vì cả hai nơi đều đầy phóng viên và nhóm làm tin truyền

hình. Các khách sạn khác ở trung tâm Lima cũng vậy.

Vì thế Rita dàn xếp cho họ tới nhà giám đốc kiêm phi công hãng Aerolibertad, ông Oswaldo Zileri ở vùng ngoại ô Maraflores. Họ sẽ ở đó cho đến năm rưỡi chiều, sau đó có gặp phóng viên báo chí và truyền hình cũng không sao. Đó quả là một thử thách mà cuối cùng họ đành chấp nhận

Trong thời gian đó, cùng với biên tập viên video Bob Watson, Rita sẽ sắp xếp tin cho chương trình tin chiều hôm đó. Đó sẽ là một tin dài, dùng phần lớn số hình Minh ghi được, cảnh cứu con tin, cái chết của Harry Partridge và giây phút đau buồn khi Fernandez ngồi lại bên đường mòn.

Cô thậm chí không cần hỏi New York xem độ dài cụ thể của tin là bao nhiêu. Cô biết đây là một dịp cô muốn sử dụng bao nhiêu thời gian cũng được.

Cô cũng tin hãng sẽ muốn có bản tin đặc biệt trong một giờ vào giữa buổi tối. Được thôi, cô đã có đủ tư liệu cho nó, bao gồm cả băng hình Dolores, bạn rượu của cựu bác sĩ người Mỹ Hartley Gossage, còn gọi Baudelio, kẻ đã táng tận lương tâm dùng tay nghề của hắn vào việc đưa ba nạn nhân của vụ bắt cóc qua Peru. Harry đã chuẩn bị trước, với lời bình luận của anh và có thể dùng được ngay.

Còn những thứ khác cho chương trình tin tối và các chương trình sau, Crawf sẽ viết lời và thu hình tại chỗ. Việc đó cũng khó cho anh. Anh sẽ phải nói đến cái chết của cha mình, của Harry Partridge và Fernandez, đến việc chặt ngón tay Nicky. Đôi lúc Crawf cũng hay xúc động và có thể nghẹn lời. Nhưng không sao, Rita nghĩ. Nó càng làm cho câu chuyện có sức thuyết phục hơn, và Crawf sẽ qua được và nói tiếp. Anh ta là người làm tin chuyên nghiệp, giống như Rita và những người khác.

Rita nhận thấy một đoạn tin không thể và không nên để cho đến hết ngày. Đó là việc giải thoát con tin đã được tiến hành, Jessica và Nicky đã được cứu thoát. Chắc chắn sẽ phải phát tin. Khi Ban tin CBA ở New York nhận được, họ sẽ ngừng ngay chương trình đang phát để đưa. Một lần nữa, CBA lại nhanh chân hơn các hãng khác đang cạnh tranh với nó.

Rita lại nhìn đồng hồ: chín giờ hai mươi ba phút. Còn bay khoảng hai mươi phút nữa. Trừ thời gian đi từ sân bay về Lima, có thể đưa ngay tin vào lúc mười giờ rưỡi sáng. Họ sẽ chỉ gửi một vài hình ảnh, "Truyền ngay và truyền thô" như lối họ đã làm ở sân bay Dallas Ford khi đưa tin về vụ tai nạn máy bay mà cô, Harry, Minh và Ken O'Hara phối hợp làm cách đây chưa đầy một tháng.

Chả lẽ mới vừa đây sao? Thế mà như có vẻ lâu hơn, lâu lắm rồi.
Cô cần đăng ký thời gian phát qua vệ tinh cho bản tin mười giờ rưỡi sáng. Rita nhoài về phía trước, vỗ vào vai Zileri. Khi ông quay lại, cô chỉ chiếc đài liên lạc trên máy bay. "Ông có thể gọi về được không? Tôi muốn nói chuyện với New York".

Cô ghị vội số điện đưa ông ta. Chỉ một lát sau, thật không ngờ, trên loa vang lên giọng nói: "Tin đối ngoại CBA".
Người lái phụ, Filipe, đưa cho cô chiếc micro và bảo: "Chị nói đi".
Cô bấm nút và nói: "Rita Abrams đây. Đăng ký cho tôi phát tin từ Lima vào lúc mười rưỡi sáng, giờ Lima. Hãy báo Vành móng ngựa biết".
Tiếng trả lời ngắn gọn: "Được, chúng tôi sẽ làm". "Cám ơn, chào anh". Cô đưa trả micro.

Cần có bài làm cho bản tin này, cũng như cho các chương trình sau. Rita ngoáy mấy dòng, sau đó quyết định để Crawf làm nốt và tìm đúng câu chữ. Anh ta bao giờ cũng làm được việc đó. Có thể anh ta còn phải nói vơ một số đoạn và làm việc ấy cũng rất giỏi.
Trong chặng bay còn lại, cô và Crawf phải cùng nhau làm. Đáng tiếc điều đó có nghĩa là phải kéo anh ta ra khỏi vòng tay của Jessica và Nicky. Song anh ấy, cũng như hai mẹ con Jessica sẽ hiểu cần phải làm như thế. Như mọi người khác trong nghề, họ đều hiểu tin tức là trước hết.

"Crawf", Rita nhẹ nhàng nói: "Anh và tôi còn có việc phải làm. Đã tới lúc chúng ta bắt đầu".

HẾT

Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách :
Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google : http://bit.ly/downloadsach